

**PHONG TRÀO
ĐỒNG KHỞI?**

50 *năm*
NHÌN LẠI

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

TỔ CHỨC BẢN THẢO

TS. NGUYỄN DUY HÙNG
PGS. TS. LÊ VĂN YÊN
PGS, TS. VŨ QUANG HIẾN
ThS. VŨ THỊ THẨM
VŨ VĂN BÉ
LÊ QUANG LẠNG
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
NGÔ QUỐC DÔNG

LỜI GIỚI THIỆU

Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử đã buộc Chính phủ Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, kết thúc chiến tranh, rút quân viễn chinh về nước, lập lại hòa bình ở Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, mở ra một thời kỳ phát triển mới của dân tộc ta. Song, do đã tằm đen tối của các thế lực phản động quốc tế cũng như tương quan lực lượng và tình hình chính trị thế giới phức tạp lúc bấy giờ, nước ta tạm thời bị chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng miền Nam còn tạm thời dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Vĩ tuyến 17 bị biến thành ranh giới chia cắt hai miền Nam - Bắc.

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, lực lượng vũ trang hai bên tiến hành tập kết chuyển quân. Quân đội Pháp tập kết vào Nam, bộ đội ta tập kết ra Bắc, làm cho tương quan lực lượng ở miền Nam thay đổi lớn. Ta tuy có ưu thế về chính trị và lực lượng quân chúng nhân dân đông đảo đã được giác ngộ, rèn luyện trong kháng chiến, nhưng không còn lực lượng vũ trang, không còn chính quyền. Trong khi đó, kẻ thù có sức mạnh về kinh tế và bộ máy bạo lực đồ sộ. Thành quả chín năm kháng chiến của nhân dân miền Nam đứng trước nguy cơ mất còn.

Lợi dụng thất bại và những khó khăn của Pháp, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam, thay chân Pháp, dựng lên chính quyền tay

sai, ngang nhiên xé bỏ Hiệp định Giơnevơ hùng chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam thành một thuộc địa kiểu mới, tạo phòng tuyến ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng tràn xuống Đông Nam Á, thiết lập căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện âm mưu đó, chúng tăng cường viện trợ cho chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, xây dựng lực lượng quân đội Sài Gòn gồm hàng chục vạn tên cùng hàng vạn cảnh sát, mật vụ được trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ, đưa "lối sống Mỹ" tràn vào miền Nam để đầu độc nhân dân ta, nhất là tầng lớp thanh, thiếu niên, lũng đoạn nền kinh tế miền Nam, làm cho kinh tế miền Nam phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Mỹ.

Dưới sự chỉ đạo, hỗ trợ của đế quốc Mỹ, Ngô Đình Diệm tiến hành thanh trừng các đảng phái đối lập, cự tuyệt tổng tuyển cử thống nhất đất nước, chà đạp lên nguyện vọng thiêng liêng của nhân dân hai miền Nam - Bắc, liên tiếp mở các cuộc hành quân can quét để bình định miền Nam, ráo riết lập "khu trừ mật", "khu dinh điền" nhằm cô lập, triệt phá lực lượng cách mạng, cướp đoạt ruộng đất mà cách mạng đã chia cho nông dân trong kháng chiến, biến nông dân đã có ruộng thành tá điền cho địa chủ.

Sau khi thiết lập được quyền kiểm soát trên toàn miền Nam, chúng đẩy mạnh "tố cộng", lập ra "Phủ đặc ủy công dân vụ" và "Hội đồng chỉ đạo tố cộng" để theo dõi, đúc kết kinh nghiệm "tố cộng". Với chính sách "thà giết nhầm còn hơn bỏ sót", loại cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, Mỹ và chính quyền Sài Gòn thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu ở Mô Cày, Bình Đại (Bến Tre) Chợ Đước, Vĩnh Trinh, Đại Lộc (Quảng Nam), Ngân Sơn, Chí Thạnh (Phú Yên)... Từ năm 1958, trước sự phản kháng quyết liệt của quần chúng, kẻ thù càng đẩy mạnh khủng bố dã man, tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh, liên tiếp mở các cuộc hành quân can quét, dồn dân quy mô lớn vào các trại tập trung, biến miền Nam thành một

nhà tù khổng lồ. Tháng 5-1959, chúng ra Luật 10/59, lê máy chém đi khắp miền Nam tàn sát những người yêu nước. Tòa án quân sự đặc biệt của chúng đưa thẳng người bị bắt ra xét xử và tử hình tại chỗ. Không khí khủng bố, chết chóc bao trùm khắp nông thôn, thành thị miền Nam. Cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước bị địch săn lùng ráo riết. Bọn phản động hoành hành ở khắp nơi, dồn ép quần chúng đến nghẹt thở. Cả miền Nam chìm trong máu lửa bạo tàn. Hàng chục vạn cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước đã bị kẻ thù giết hại. Cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề. Trong vòng bốn năm (1955-1958), 9/10 số cán bộ, đảng viên đã bị tổn thất. Riêng Nam Bộ chỉ còn 5.000 đảng viên so với 60.000 đảng viên trước đó. Ở đồng bằng Liên khu V, có khoảng 40% tỉnh ủy viên, 60% huyện ủy viên, 70% chi ủy viên bị địch giết hại, 12 huyện không còn cơ sở đảng.

Bằng những thủ đoạn dã man, tàn bạo, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn hy vọng có thể khuất phục được nhân dân miền Nam, từ đó thực hiện mưu đồ "lấp sông Bến Hải", "Bắc tiến", xâm lược toàn bộ nước ta, đặt nước ta vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Song, trái lại, sự đàn áp, khủng bố tàn khốc của kẻ thù càng làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chúng trở nên gay gắt, tình thế cách mạng ngày càng chín muồi, nhiều cuộc phản kháng quyết liệt của quần chúng đã nổ ra ở các địa phương trên toàn miền Nam. Trước hành động khủng bố tàn bạo của địch, yêu cầu vũ trang chống khủng bố ngày càng trở nên bức bách. Nhiều nơi quần chúng đã lấy vũ khí chôn giấu từ hồi tập kết, cướp súng địch, dùng vũ khí tự tạo để tự vệ, chống khủng bố, tiêu diệt những tên phản động, ác ôn, chỉ điểm. Tháng 10-1957, tại Chiến khu Đ, Đại đội 25 - đơn vị vũ trang đầu tiên đã được thành lập. Đến cuối năm 1957, tại Nam Bộ đã có 37 đại đội vũ trang, ở Liên khu V nhiều đại đội vũ trang được thành lập. Mặc dù quân số ít, trang bị thô sơ nhưng do biết dựa vào dân và các vùng căn cứ kháng chiến cũ, các đơn vị vũ trang tuy mới ra đời nhưng đã có thể đứng vững chắc. Một số

trận đánh tiêu diệt quân nguy đã diễn ra ở Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Sóc Trăng, Vĩnh Long... gây ảnh hưởng lớn. Những hoạt động vũ trang tự vệ đã hạn chế sự lung lặn và tác động chiến tranh tâm lý của địch. Cán bộ, đảng viên trong thế đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ ít bị tổn thất và hiệu quả cao hơn. Quân chúng ngày càng có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh với địch để tự bảo vệ mình. Hoạt động đấu tranh vũ trang đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh chính trị, thu hút hàng triệu người tham gia: năm 1957, đã có 2 triệu lượt người tham gia đấu tranh chính trị, năm 1958 tăng lên 3.7 triệu lượt người, năm 1959 lên tới 5 triệu lượt người, làm lung lay chế độ độc tài, tay sai Ngô Đình Diệm.

Tình thế cách mạng miền Nam đặt ra cho Đảng ta một yêu cầu bức thiết là phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế thời đại để đưa cách mạng tiếp tục tiến lên, hoàn thành thống nhất, độc lập. Tuy nhiên, do tình hình trong nước và quốc tế phức tạp lúc bấy giờ, việc hoạch định đường lối cách mạng miền Nam gặp rất nhiều khó khăn. Đó là tâm lý hòa bình chủ nghĩa, sợ chiến tranh, sợ đụng đầu với Mỹ, sợ "dóm lửa cháy rừng", chủ trương "thi đua hòa bình", "trường kỳ mai phục" của các nước lớn trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, những khó khăn to lớn của miền Bắc sau ngày giải phóng, đòi hỏi Đảng ta phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc xác lập đường lối và chỉ đạo, điều hành cách mạng miền Nam.

Từ tháng 6-1956, Bộ Chính trị đã nêu rõ: Chế độ miền Nam là chế độ độc tài phát xít của tư sản mại bản và phong kiến thân Mỹ phản động nhất. Cần phải dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định. Tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, đã dự thảo *Đường lối cách mạng miền Nam*¹, xác

1. Sau khi Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra đời, thì tài liệu này được gọi là *Đề cương cách mạng miền Nam*.

định nhân dân miền Nam không có con đường nào khác là đứng lên làm cách mạng để cứu nước, cứu mình, "phải dùng bạo lực giải phóng miền Nam", đánh đổ ách thống trị của đế quốc và bè lũ tay sai, thống nhất nước nhà. Bản dự thảo đã được đưa ra thảo luận tại Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ họp tháng 12-1956 và là một trong những cơ sở quan trọng hình thành đường lối cách mạng miền Nam của Đảng. Tuy nhiên, do sự phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế, chúng ta vẫn chưa tìm ra được một biện pháp đấu tranh thích hợp để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

Xuất phát từ đặc điểm cơ bản của tình hình đất nước sau Hiệp định Giơnevơ và thực tiễn cách mạng miền Nam, tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15, với sự tham dự của nhiều đồng chí ở miền Nam. Hội nghị đã đi sâu phân tích đặc điểm tình hình mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của xã hội miền Nam, vạch ra đường lối đấu tranh đúng đắn, đưa cách mạng miền Nam tiếp tục đi lên. Trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình quốc tế và trong nước, tương quan lực lượng địch - ta, Hội nghị chỉ rõ: Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam. Hội nghị dự đoán, do bản chất hiếu chiến của đế quốc Mỹ, "cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển sang cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ", song "thắng lợi cuối cùng nhất định về ta". Hội nghị xác định, cần tăng cường công tác mặt trận, củng cố, xây dựng Đảng bộ miền Nam vững mạnh về

chính trị, tư tưởng và tổ chức đủ sức lãnh đạo trực tiếp cách mạng miền Nam.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đáp ứng được nhu cầu bức thiết của lịch sử, làm xoay chuyển tình thế, đưa cách mạng thoát khỏi thế hiểm nghèo, đáp ứng nguyện vọng nóng bỏng của nhân dân miền Nam, thổi bùng ngọn lửa Đồng khởi, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, thể hiện bản lĩnh cách mạng độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong bối cảnh cực kỳ khó khăn của cách mạng. Ngay sau Hội nghị, việc chi viện cho cách mạng miền Nam đã được xúc tiến. Đoàn vận tải quân sự Trường Sơn (Đoàn 559) ra đời nhằm tăng cường chi viện cho chiến trường miền Nam.

Dưới ánh sáng Nghị quyết 15, phong trào khởi nghĩa từng phần nổ ra mạnh mẽ. Điều đặc biệt là ngay từ khi Nghị quyết chưa được truyền đạt vào miền Nam, song nắm vững tinh thần của Trung ương, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, ở nhiều nơi nhân dân đã vùng dậy khởi nghĩa, giành quyền làm chủ. Khởi nghĩa vũ trang và đấu tranh vũ trang bùng nổ và ngày càng lan rộng.

Ở Liên khu V, từ tháng 2 đến tháng 4-1959, nhân dân huyện Vĩnh Thạnh (Bình Định) nổi dậy, dời làng vào rừng sâu, thành lập các làng chiến đấu, giành quyền làm chủ. Tháng 2-1959, nhân dân vùng đông và tây Bắc Ái (Ninh Thuận) nổi dậy phá tế, trừ gian. Tháng 4-1959, nhân dân làng Tà Boóc (Đắc Lây - Kon Tum) nổi dậy diệt ác đời làng vào rừng sâu chống Mỹ - nguy... Trong tất cả các cuộc nổi dậy ở rừng núi Liên khu V, tiêu biểu nhất là cuộc nổi dậy ở Trà Bồng, một trong bốn huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi (8-1959). Ở đây, ngay từ đầu, lãnh đạo địa phương đã xác định, con đường đấu tranh để giải phóng là con đường bạo lực cách mạng. Quán triệt tinh thần của lãnh đạo huyện, nhân dân Trà Bồng đã xúc tiến xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang và các tổ chức quần chúng, tích trữ lương thực sẵn sàng nổi

dậy. Phát huy khí thế cách mạng của những ngày tiền khởi nghĩa, ngày 28-8-1959, lực lượng thanh niên vũ trang ở nhiều xã trong huyện, như Trà Phong, Trà Lành, Trà Quân, Trà Sơn, Trà Nham, Trà Khê đã nhất loạt nổi chiêng, trống, tiến công tiêu diệt bọn cảnh sát, bảo an, giành chính quyền. Thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng đã gây ảnh hưởng lớn đến nhiều địa phương trong tỉnh. Từ Trà Bồng, làn sóng khởi nghĩa đã nhanh chóng lan sang các huyện lân cận. 40 xã thuộc các huyện miền Tây được giải phóng, tạo thế đứng chân vững chắc của cách mạng trên vùng rừng núi hiểm trở, nối liền với các căn cứ cách mạng ở Tây Nguyên.

Ở Nam Bộ, cuộc đấu tranh của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ phát triển mạnh, hoạt động vũ trang của ta rộng khắp, tiêu biểu nhất là tỉnh Bến Tre. Ngày 17-1-1960, tại Mỏ Cày, Bến Tre đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa lớn, bắt đầu từ ba xã "điểm" là Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp sau đó lan ra toàn huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Thạch Phú, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại. Sau khi giành được quyền làm chủ, Bến Tre đã tổ chức chống càn thẳng lợi, buộc một vạn tên địch phải rút lui, bỏ dở cuộc càn. Đồng khởi đợt 1 ở Bến Tre thắng lợi đã mở ra một cục diện mới cho phong trào cách mạng toàn tỉnh Bến Tre. Hệ thống kim kẹp của địch ở phần lớn thôn, xã bị phá vỡ, khí thế của quần chúng lên cao, kẻ thù hoang mang lo sợ, tạo điều kiện cho Đồng khởi đợt 2 thắng lợi. Phương pháp cách mạng với ba mũi giáp công được thực hiện thành công, tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân. Từ Đồng khởi ở Bến Tre đã xuất hiện "đội quân tóc dài" - một đội quân đặc biệt, chưa từng có trong lịch sử chiến tranh thế giới, "một đội quân kỳ lạ không súng ống, có mặt ở khắp nơi, ở thành thị cũng như nông thôn, một đội quân mà tin tức của các hãng thông tấn hầu như không bao giờ nói đến, song lại đóng một vai trò lớn lao trong cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam Việt Nam chống lại kẻ xâm lược ngay cả trước khi những người du kích đầu tiên cầm lấy vũ khí". Cùng với Bến Tre,

phong trào cách mạng ở các tỉnh đồng bằng Nam Bộ cũng chuyển lên thế tiến công và tạo ra phong trào Đồng khởi rộng khắp. Trong các tỉnh Bến Tre, Tây Ninh, Mỹ Tho, Tân An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Cần Thơ, Kiến Phong, Kiến Tường và vùng rừng núi miền Trung Nam Bộ, nhân dân 2/3 thôn, xóm đã giành được quyền làm chủ. Hầu hết chính quyền của địch ở cơ sở và các tổ chức chính trị phản động đều bị tan rã hoặc tê liệt. Các khu trù mật, trại đinh điền, trại tập trung bị phá tan. Phần lớn ruộng đất bị địa chủ cướp đoạt trước đây đã được trả lại cho nông dân.

Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi đã làm tan rã hệ thống chính quyền địch ở nhiều vùng nông thôn ở miền Nam, có 1.383/2.627 xã nhân dân lập chính quyền tự quản. Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V. Lực lượng vũ trang nhân dân phát triển mạnh. Hình thái lực lượng vũ trang ba thứ quân xuất hiện. Trong các vùng giải phóng chính quyền tự quản của quần chúng được thiết lập, quyền làm chủ hoàn toàn thuộc về nhân dân.

Thắng lợi của Đồng khởi ở nông thôn đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh ở đô thị và các đồn điền, nhà máy, tạo ra dư luận rộng rãi chống đối chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Trong năm 1960 đã có hơn 10 triệu lượt người tham gia đấu tranh chính trị. Lực lượng chống Mỹ và chính quyền tay sai tăng lên nhanh chóng. Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã được thành lập. Cách mạng miền Nam có một tổ chức chính trị để tập hợp quảng đại quần chúng nhân dân đoàn kết đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai nhằm xây dựng một miền Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước. Sự ra đời của Mặt trận là một thắng lợi lớn, đánh dấu cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giải quyết thành công bước mở đầu chiến tranh, giáng một đòn bất ngờ và làm phá sản một hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, đẩy chính quyền tay sai lâm vào sự khủng hoảng trầm trọng, làm bộc lộ mặt yếu cơ bản của chúng về chính trị, báo hiệu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chính quyền Sài Gòn.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi thể hiện đường lối cách mạng độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng cũng như sự chủ động, sáng tạo của Đảng bộ và quần dân miền Nam, đánh dấu bước trưởng thành về phương pháp và nghệ thuật chỉ đạo đấu tranh cách mạng của các cấp bộ đảng miền Nam.

Với thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã tạo ra bước phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng miền Nam, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Từ thế đấu tranh chính trị là chủ yếu, ta chuyển sang kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, phá vỡ từng mảng lớn chính quyền địch ở nông thôn, giành quyền làm chủ.

Năm mươi năm đã trôi qua, song phong trào Đồng khởi vẫn là một sự kiện lịch sử nóng hổi, thu hút sự quan tâm chú ý của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Thời gian càng lùi xa càng sáng tỏ tầm vóc, ý nghĩa to lớn của phong trào Đồng khởi đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm phong trào Đồng khởi, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách *Phong trào Đồng khởi - 50 năm nhìn lại*. Cuốn sách bao gồm một số bài viết của các nhà khoa học trên cả nước và lãnh đạo một số địa phương diễn ra phong trào Đồng khởi. Các bài viết được sắp xếp theo diễn trình lịch sử kết hợp với chủ đề nghiên cứu. Kết cấu cuốn sách gồm hai phần:

Phần thứ nhất: *Đồng khởi - Bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam.*

Phần thứ hai: *Một số vấn đề lịch sử.*

Nội dung cuốn sách phản ánh một cách khái quát, có hệ thống phong trào Đồng khởi, trên cơ sở đó rút ra một số bài học quý báu về khởi nghĩa và đấu tranh vũ trang giành quyền làm chủ của cách mạng miền Nam trong những năm cuối thập kỷ 50 đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 8 năm 2009

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PHẦN THỨ NHẤT

DỒNG KHỞI - BƯỚC PHÁT TRIỂN NHẢY VỌT CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM

ĐIỀU KIỆN BÙNG NỔ CỦA PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở MIỀN NAM VIỆT NAM 1959-1960

PGS, TS. VŨ QUANG HIỂN*

Sự bùng nổ và thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam 1959-1960 là bước phát triển tất yếu của cách mạng miền Nam, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn ở miền Nam trước những hành động của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, trong điều kiện xu thế hòa hoãn đang tác động mạnh mẽ trên thế giới. Việt Nam chưa có sự ủng hộ từ các nước đồng minh trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh quốc tế có những trắc ẩn và yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam ở miền Nam, Đảng Lao động Việt Nam với trách nhiệm lịch sử lớn lao đối với dân tộc và thời đại, đã phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa chiến tranh và hòa bình, giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của cách mạng thế giới, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử, quyết định đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Những chính sách khủng bố tàn bạo của kẻ thù làm cho mâu thuẫn giữa mọi tầng lớp nhân dân miền Nam với đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ngày càng sâu sắc và tất yếu dẫn tới phong trào đấu tranh của quần chúng

Với việc ký kết và thi hành Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi không có lợi cho cách mạng Việt Nam. Mỹ vào thay chân Pháp, thi hành chính sách thực dân mới, nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt thân Mỹ, nằm trong "thế giới tự do", đối lập với "phe cộng sản".

Từ chỗ là kẻ thù tiềm tàng, Mỹ trở thành đối tượng trực tiếp của cách mạng Việt Nam. Đó là một đế quốc đầu sỏ, có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất thế giới, có chiến lược toàn cầu phản cách mạng, mà trọng tâm của chiến lược đó từ năm 1954 đã chuyển dịch về Việt Nam¹. Mục tiêu trực tiếp của Mỹ trong hành động can thiệp vào Việt Nam và tiến hành cuộc chiến tranh dài ngày nhất trong lịch sử nước Mỹ là xóa bỏ một chế độ chính trị trong hệ thống thế giới mới đang hình thành. Mặc dù sau khi cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) kết thúc, Mỹ kết luận là phải tránh một cuộc chiến tranh trên lục địa châu Á, nhưng rồi Mỹ đã chuyển dần từ vai trò viện trợ cho Pháp với mức độ ngày càng tăng, đến vai trò người chủ trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Thực hiện ý đồ của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã khước từ hiệp thương tổng tuyển cử với miền Bắc để thống nhất

1. Mỹ ngoan cố theo đuổi chính sách thực dân mới ở miền Nam suốt 20 năm, qua 5 đời tổng thống, sử dụng hầu hết các chiến lược chiến tranh (trừ chiến tranh tổng lực), hầu hết các loại vũ khí hiện đại (trừ vũ khí hạt nhân), chi phí trực tiếp gần 700 tỷ USD, kể cả chi phí gián tiếp lên tới hơn 900 tỷ USD.

đất nước, tổ chức "trưng cầu dân ý" để phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống, tổ chức bầu cử riêng rẽ ở miền Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Bộ máy chính quyền và quân đội Sài Gòn trở thành công cụ tay sai đắc lực của chủ nghĩa thực dân mới. Các sách giáo khoa lịch sử bậc học phổ thông ở miền Nam trước mùa Xuân năm 1975, mặc dù chỉ có thể nói lên phần nào sự thật, cũng viết: "Chế độ Ngô Đình Diệm bị nhiều người lên án là chế độ gia đình trị và độc tài"¹.

Dưới sự chỉ huy của các cố vấn Mỹ, chính quyền họ Ngô tập trung và phối hợp các lực lượng quân sự, cảnh sát, gián điệp và hành chính từ trung ương đến địa phương, vừa dụ dỗ, lừa bịp, vừa đàn áp, khủng bố cách mạng bằng nhiều thủ đoạn thâm độc. Chúng ráo riết thi hành chính sách "tố cộng", "diệt cộng", lập "khu trừ mật", "khu dinh điền" nhằm đánh vào cơ sở của Đảng Cộng sản, trá thù những người yêu nước, nhất là những người kháng chiến cũ và những gia đình có người thân đi tập kết ở miền Bắc; thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của các tầng lớp nhân dân. Ngay trong năm 1954, chúng đã gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu ở Mỏ Cây, Bình Đại (Bến Tre), Chợ Đước, Vĩnh Trinh (Quảng Nam), Ngán Sơn, Chí Thạnh (Phước Yên), Hương Điền (Quảng Trị)... Trong vòng 10 tháng (7-1955 - 5-1956) chúng đã bắt và giết hàng trăm nghìn người.

Từ năm 1958, kẻ thù càng tăng cường khủng bố, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, dồn dân quy mô lớn vào các trại tập trung, giết hại hàng ngàn cán bộ cách mạng và đồng bào yêu nước ở Trại giam Phước Lợi - Thủ Dầu Một (1-12-1958). Ngô Đình Diệm tuyên bố "đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh" (3-1959), ban hành Luật 10/59 (6-5-1959), lê máy đi

1. Lê Kim Ngân: *Việt - Sử lớp 12*, Sài Gòn, 1970, tr.122.

chém khắp miền Nam. Tòa án quân sự đặc biệt của chúng đưa thẳng người bị bắt ra xét xử và bắn tại chỗ.

Những chính sách khủng bố tàn bạo của Mỹ và chính quyền Sài Gòn chứng tỏ sự thất bại của "Chiến lược Aixenhao", thất bại của chính sách thực dân mới điển hình của Mỹ thực thi ở miền Nam. Những chính sách khủng bố ấy làm cho mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân miền Nam Việt Nam với đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai thêm gay gắt, và tất yếu dẫn đến những hành động quyết liệt của quần chúng.

Trước khi có Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và trong thời gian nghị quyết này chưa được truyền đạt tới chiến trường, một số cuộc nổi dậy của quần chúng có kết hợp với hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang đã nổ ra ở nhiều nơi như Tà Lố, Tà Lét (Bình Định), Vĩnh Thanh (Tây Ninh), Bác Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi), Gò Quản Cung, Gò Măng Đa (Đồng Tháp)...

Từ hình thức đấu tranh chính trị đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, phong trào cách mạng miền Nam đã phát triển thành đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ; có nơi, có lúc rất quyết liệt, "phản ánh mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa Mỹ - chính quyền Sài Gòn và các tầng lớp nhân dân miền Nam". Một mặt, "đó là yêu cầu chính trị của quần chúng đang rất khao khát độc lập, tự do và thống nhất nước nhà, và đó cũng là yêu cầu tiếp tục nhiệm vụ cách mạng của quần chúng đang làm trong kháng chiến". Mặt khác, "đó là phản ứng tất yếu của nhân dân để bảo vệ quyền sống hàng ngày đang bị chà đạp dưới chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm"¹.

Các phong trào đấu tranh ngày càng quyết liệt chứng tỏ rằng chính sách tàn bạo của kẻ thù không dập tắt được phong

trào quần chúng, không thể làm nhụt ý chí đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân miền Nam; đồng thời cũng thể hiện nhân dân miền Nam không thể chịu đựng được ách thống trị của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn nữa, và đến lúc phải đưa cách mạng miền Nam tiến lên hình thức đấu tranh cao hơn.

2. Lực lượng cách mạng ở miền Nam được bảo tồn qua thực tiễn đấu tranh cực kỳ gian khổ trong những năm 1954-1959 là điều kiện để tiếp tục đưa cách mạng miền Nam tiến lên

Do việc tập kết, chuyển quân ra miền Bắc theo Hiệp định Giơnevơ, tương quan lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam có sự thay đổi lớn, không có lợi cho phong trào cách mạng. Ta tuy có ưu thế về chính trị và lực lượng quần chúng nhân dân đông đảo nhưng không còn lực lượng vũ trang, không còn chính quyền. Trong khi đó, kẻ thù có đủ sức mạnh về kinh tế và quân sự, nắm trong tay cả bộ máy chính quyền và quân đội đồ sộ. Chúng thẳng tay đàn áp, tiêu diệt phong trào cách mạng, gây cho ta nhiều tổn thất nặng nề.

Trong tương quan lực lượng đó, ta phải thay đổi phương thức đấu tranh ở miền Nam: từ đấu tranh quân sự trong kháng chiến chống Pháp sang đấu tranh chính trị. Hàng trăm tổ chức quần chúng công khai, trong đó có các ủy ban đấu tranh đòi hòa bình được thành lập. Ở khắp nơi diễn ra những cuộc đấu tranh về ruộng đất, về tự do dân chủ, làm áp lực đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống âm mưu chia cắt đất nước, chống trưng cầu dân ý, chống bầu cử quốc hội riêng rẽ. Những phong trào đó đã huy động hàng triệu người từ Quảng Trị tới Cà Mau, lôi kéo cả đồng bào Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo..., phối hợp giữa thành thị với nông thôn, đấu tranh với nhiều hình thức từ hợp pháp đến bất hợp pháp như mít tinh, biểu tình tuần hành, bãi công, bãi thị, kiến nghị, rải truyền đơn, treo băng, cờ, biểu ngữ, thảo luận mạn đàm, v.v..

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.20, tr.43.

"Nhưng khuyết điểm chính của ta trong lúc ấy là thiếu chuẩn bị đầy đủ tư tưởng trong cán bộ và quần chúng cho một cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ và lâu dài làm cho quần chúng và cán bộ ỷ lại vào cái mốc thời gian đã quy định trong Hiệp định Giơnevơ. Nhiều nơi lãnh đạo đấu tranh với tất cả khí thế của kẻ chiến thắng, không chuẩn bị thế thủ thích hợp với tương quan lực lượng mới, đã để phong trào kéo dài, không biết kết thúc đúng lúc làm cho quần chúng đấu tranh găng với địch, cơ sở ta bị bộc lộ. Do đó, như ở trung châu Liên khu V, khi địch tấn công lại ta, chúng đánh trúng cơ sở của ta, cán bộ và quần chúng hoang mang, phong trào sa sút"¹.

Từ giữa năm 1956, phong trào đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam ngày càng quyết liệt. Cuộc đấu tranh gay go, ác liệt nhất là chống "tố cộng". Để giữ gìn lực lượng và duy trì hoạt động trong điều kiện quân thù khủng bố dã man, các đảng bộ ở miền Nam đã sắp xếp lại tổ chức và rút vào hoạt động bí mật. Nhiều địa phương đã chủ trương "diều" (cán bộ đã bị lộ đi hoạt động ở địa phương khác) và "láng" (cán bộ tạm thời rút vào hoạt động bí mật), kiên trì bám dân, bám đất, lãnh đạo phong trào. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có những cán bộ quân sự, chiến sĩ du kích ở các tỉnh đồng bằng Nam Bộ đã đến các căn cứ U Minh, Đồng Tháp Mười, Chiến khu D tham gia các đội vũ trang. Cán bộ và nhân dân miền Nam đã phấn đấu kiên cường và hy sinh vô cùng anh dũng. Sôi nổi, mạnh mẽ và rộng rãi nhất là phong trào chống quân địch, chống bắt lính. Nhiều nơi quần chúng tranh thủ được sự đồng tình của binh lính tại ngũ. Có nơi quần chúng kéo hàng ngàn người lên huyện, tỉnh đấu tranh. Giằng co, gay go, quyết liệt là phong trào đấu tranh chống địch đuổi làng, chiếm đất, dồn dân để lập căn cứ quân sự.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.43-44.

làm đường chiến lược, hoặc phá căn cứ cũ của ta. Phổ biến, bền bỉ và liên tục là phong trào đấu tranh cho những quyền lợi dân sinh, dân chủ hàng ngày. Ở thành thị, quần chúng đấu tranh chống khủng bố nghiệp đoàn, chống sa thải; đòi tăng lương, cải thiện chế độ làm việc; đòi hạn chế ngoại hóa, bảo vệ nội hóa, đòi thực hiện chương trình học bằng tiếng mẹ đẻ, chống văn hóa nô dịch. Ở thôn quê có những cuộc đấu tranh chống cướp đất, tăng tô thuế, luật lệ hà khắc...

Phương châm hoạt động vũ trang tuyên truyền trong thời kỳ đấu tranh chính trị là một sáng tạo mới trong hoàn cảnh đặc biệt. Do những hành động tàn bạo của địch, yêu cầu vũ trang chống khủng bố ngày càng trở nên cấp thiết. Nhiều nơi quần chúng lấy vũ khí chôn giấu từ năm 1954, cướp súng địch, dùng vũ khí tự tạo để tự vệ, tiêu diệt những phần tử ác ôn. Đến cuối năm 1955, hầu hết các cơ quan lãnh đạo khu và tỉnh đều tổ chức các đơn vị bảo vệ. Ở những vùng căn cứ kháng chiến cũ, những vùng rừng núi, một số cán bộ, bộ đội lánh địch truy lùng đã tự tổ chức nhau lại, vừa sản xuất tự túc, vừa chống địch. Tại các địa bàn đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, việc xây dựng cơ sở, tuyên truyền giáo dục chính trị cho quần chúng được đẩy mạnh, kết hợp với tăng gia sản xuất để đảm bảo đời sống. Các căn cứ địa chống Mỹ từng bước hình thành ở những căn cứ chống Pháp trước đây, như Chiến khu Đ, Chiến khu Đồng Tháp Mười, căn cứ U Minh, Tây Nguyên và miền tây Khu V. Tại Chiến khu Đ, Đại đội 250 - đơn vị chủ lực đầu tiên ở Nam Bộ được thành lập (10-1957). Đến cuối năm 1957, ở Nam Bộ có 37 đại đội vũ trang, ở Liên khu V nhiều đội vũ trang ra đời, riêng ở miền tây Quảng Ngãi có ba đơn vị vũ trang. Một số trận đánh đã diễn ra ở Thủ Dầu Một và Biên Hòa, cổ vũ mạnh mẽ các hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Tháng 3-1958, Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập Ban Quân sự và Đảng ủy lực

lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ. Lực lượng vũ trang các tỉnh miền Đông được tổ chức thành tiểu đoàn trực thuộc Ban Quân sự miền, gồm ba đại đội bộ binh và một đại đội đặc công. Xứ ủy cũng quyết định thành lập hai căn cứ cách mạng ở miền Đông Nam Bộ: căn cứ Tây Bắc (Tây Ninh) và căn cứ Đông Bắc (ở vùng Thủ Dầu Một, Biên Hòa).

Qua thực tiễn đấu tranh, cùng với lực lượng chính trị được bảo tồn, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng được xây dựng lại ở nhiều nơi. Đó là điều kiện tối cần thiết để có thể tiếp tục đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

3. Tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp, đòi hỏi tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo của Đảng trong việc quyết định những vấn đề của cách mạng miền Nam và cuộc đấu tranh thống nhất đất nước

Trong khi tình hình miền Nam đòi hỏi phải có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng tiến lên, thì bối cảnh quốc tế những năm 1954-1959 hết sức phức tạp, không thuận lợi cho ta. Một số Đảng Cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa có những quan điểm khác với Đảng ta về con đường cách mạng Việt Nam.

Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), thực chất là một cuộc đọ sức giữa hai hệ thống - xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa kết thúc, nhưng không phân thắng bại. Các nước lớn đều cho rằng tương quan lực lượng quốc tế đang ở thế cân bằng. Xu thế hòa hoãn xuất hiện. Họ muốn giữ nguyên trạng bản đồ chính trị quốc tế như sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên và Đông Dương (1945-1954) chấm dứt, làm cho những điểm nóng ở châu Á có liên quan tới các nước lớn và hai hệ thống tạm thời được giải quyết, nhưng trên thế giới chiến tranh lạnh và chạy đua vũ trang vẫn diễn ra gay gắt. Ở châu Âu, khối Vác-sava được thành lập (1955) đối lập với khối NATO.

Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957), tạo ra "cuộc khủng hoảng Sputnik".

Liên Xô giúp Việt Nam thực hiện các kế hoạch ba năm 1955-1957 và 1958-1960 ở miền Bắc, nhưng không ủng hộ đấu tranh vũ trang ở miền Nam. Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô (1956) nhận định: 1- Tất cả các cuộc xung đột trên thế giới đều có thể giải quyết bằng cách thương lượng hòa bình, 2- Phong trào cách mạng trong nhiều nước có thể tiến triển hòa bình được. Đại hội đề ra đường lối "tam hòa" ("cùng tồn tại hòa bình", "quá độ hòa bình", "thi đua hòa bình") và chương trình đuổi kịp và vượt Mỹ trong thời gian ngắn nhất về sản xuất sản phẩm tính theo đầu người.

Trọng tâm chiến lược của Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là châu Âu, tập trung củng cố Đông Âu: thành lập khối SEV (1949), tổ chức Hiệp ước Vác-sava (1955). Trong suốt những năm 1954-1959, Liên Xô không cử một đoàn cấp cao nào sang thăm Việt Nam. Vì lợi ích của mình, Liên Xô coi nhiệm vụ chiến lược hàng đầu là thực hiện hòa hoãn Đông - Tây, tránh đối đầu với Mỹ, giữ nguyên trạng châu Âu và nguyên trạng thế giới, tranh thủ vốn và kỹ thuật của Mỹ và các nước phương Tây, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Liên Xô lo ngại sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc sẽ như "dóm lửa cháy rừng", cản trở hòa hoãn, ảnh hưởng đến mục tiêu chiến lược của Liên Xô.

Mặc dù ủng hộ việc khôi phục kinh tế và xây dựng miền Bắc Việt Nam, nhưng trong những năm 1954-1959, trong quan hệ với Việt Nam, Liên Xô có phần dè dặt, thận trọng hơn so với quan hệ với các nước khác. Tháng 3-1950, Hội Hữu nghị Việt - Xô được thành lập, nhưng mãi đến tháng 7-1958, Hội Hữu nghị Xô - Việt mới ra đời. Tổng Bí thư Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô Khrústốp đến thăm Ấn Độ, Mianma và Ápganixtan (12-1955) và hai lần tới thăm Trung Quốc (8-1958 và 10-1959), nhưng không tới thăm Việt Nam. Tháng 5-1957,

Đoàn đại biểu Xôviết tối cao Liên Xô do Chủ tịch Vôrôsilốp dẫn đầu đi thăm Indônêxia trước khi thăm Việt Nam. Tháng 2-1957, Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô đi thăm Mianma và Ấn Độ, nhưng không tới Việt Nam. Điều đáng quan tâm là các phương tiện thông tin đại chúng của Liên Xô không trực tiếp lên án những hành động của chính quyền Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam. Chủ trương của Liên Xô là giữ nguyên trạng Việt Nam; tập trung xây dựng miền Bắc vững mạnh để động viên đấu tranh chính trị, giải quyết vấn đề miền Nam thông qua con đường thương lượng hòa bình.

Trung Quốc đang phải tập trung thực hiện kế hoạch 5 năm và giải quyết những công việc nội bộ, e ngại việc Mỹ có thể tiếp tục can thiệp vào khu vực, làm cho tình hình căng thẳng và đe dọa an ninh của Trung Quốc. Theo quan điểm của các nhà lãnh đạo Trung Quốc, việc thống nhất nước Việt Nam không phải là một việc làm trong một thời gian ngắn, mà phải là một việc trường kỳ, không thể dùng phương pháp vũ trang được, vì vấn đề trong hệ thống xã hội chủ nghĩa là phải giữ đường biên giới hiện có. Trung Quốc tích cực giúp đỡ công cuộc xây dựng miền Bắc, nhưng chưa thể ủng hộ đấu tranh vũ trang ở miền Nam, vì nếu như chiến tranh nổ ra, Mỹ sẽ can thiệp bằng quân sự. Hạm đội 7 của Mỹ ở Thái Bình Dương có thể liều lĩnh tấn công, và do đó, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc sẽ bị đe dọa. Hiệp định Giơnevơ đã tạo ra tiền đề chính trị tốt hơn cho Việt Nam so với tình hình Đức và Triều Tiên, và Việt Nam đã giành được thế chủ động. Miền Bắc có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội và kinh qua đấu tranh lâu dài để ảnh hưởng và tranh thủ miền Nam.

Như vậy, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, cả Trung Quốc và Liên Xô đều chưa ủng hộ Việt Nam dùng đấu tranh cách mạng, đặc biệt là đấu tranh vũ trang, để thống nhất đất nước. Hai đồng minh lớn này đều thuyết phục Việt Nam chấp nhận sự chia cắt đất nước trong một thời gian dài.

Quan hệ Trung - Xô cho đến giữa những năm 50 của thế kỷ XX đã xuất hiện những yếu tố bất đồng, nhưng mới chỉ diễn ra ngầm ngấm, và dường như lợi ích cách mạng của hai nước còn có sự thống nhất. Khi lãnh đạo Liên Xô điều chỉnh đường lối, phê phán Xtalin (1956), mâu thuẫn Xô - Trung bộc lộ ngày càng rõ. Đảng Cộng sản Trung Quốc cho rằng, mặc dù Xtalin có những sai lầm nghiêm trọng, nhưng vẫn cần được kính trọng như một người mácxít. Từ đây Liên Xô và Trung Quốc thường xuyên phê phán đường lối của nhau. Khorútsốp chủ trương "thi đua hòa bình", hòa hoãn với Mỹ, đồng thời muốn áp đặt ý tưởng đó với các nước xã hội chủ nghĩa, trong lúc Mỹ đang nhảy vào thay chân Pháp ở miền Nam Việt Nam, cùng thời điểm xảy ra những vụ bạo động ở Ba Lan và Hunggari (1956). Điều đó không thể không làm cho Trung Quốc phải quan tâm. Tháng 8-1959, sự bất hòa Trung - Xô bộc lộ công khai khi xung đột biên giới diễn ra giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Chuyến thăm Trung Quốc của Khorútsốp vào tháng 10-1959 biến thành một cuộc tranh cãi xung quanh quan hệ giữa hai bên.

Ngay trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã xuất hiện sự bất hòa giữa hai người đứng đầu hai nhà nước Liên Xô (Xtalin) và Nam Tư (Titô) xung quanh vấn đề Liên Xô viện trợ cho Nam Tư tiến hành cuộc chiến tranh chống phát xít. Năm 1948, Đảng Cộng sản Nam Tư bị khai trừ ra khỏi Cục Thông tin quốc tế, bị coi là "phản bội chủ nghĩa Mác - Lênin, phản bội chủ nghĩa quốc tế". Năm 1953, Xtalin qua đời, nhưng sau đó, quan hệ giữa hai quốc gia vẫn rất căng thẳng và kéo dài, thường xuyên phê phán đường lối của nhau. Titô cho rằng, một nhà nước cộng sản chủ nghĩa lý tưởng thì trong một tương lai có thể thấy được "sẽ không tồn tại ở bất cứ nơi nào, nhất là nó không tồn tại ở Liên Xô"¹.

1. 10 nhân vật nổi tiếng thế giới thế kỷ XX, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006, tr.228.

Kèm theo mâu thuẫn Trung - Xô, từ cuối những năm 50, Anbani đứng về phía Trung Quốc, đã kích Liên Xô. Đến năm 1961, do bất đồng lớn với Liên Xô và các nước Đông Âu, Anbani rút khỏi khối SEV và khối Hiệp ước phòng thủ Vácsava, cắt đứt quan hệ với Liên Xô.

Sự mất đoàn kết trong nội bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là mâu thuẫn Trung - Xô được Mỹ lợi dụng triệt để nhằm phá hoại phong trào cách mạng thế giới, chia rẽ, gây mất ổn định chính trị và làm suy yếu lực lượng chủ nghĩa xã hội, đồng thời hạn chế sự giúp đỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô và Trung Quốc đối với Việt Nam, nơi đang diễn ra cuộc đấu tranh chống sự xâm lược của Mỹ.

Trước tình hình Liên Xô thực hiện chủ trương "tam hòa", ngày 24-4-1956, trong Lời bế mạc Hội nghị mở rộng lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định sự lớn mạnh của Liên Xô là thành trì của cách mạng và hòa bình thế giới, đồng thời cũng cảnh báo về nguy cơ ảo tưởng, tuyệt đối hóa khả năng giành thắng lợi của cách mạng bằng phương pháp hòa bình. Người nói: "chúng ta cần phải luôn luôn nắm vững ngọn cờ hòa bình, nhưng đồng thời phải *luôn luôn nâng cao để phòng và cảnh giác*"¹.

Về sự đoàn kết hệ thống xã hội chủ nghĩa, tại khóa họp Xôviết tối cao Liên Xô (10-1957) nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, Hồ Chí Minh nói: "Trong hoàn cảnh quốc tế hiện nay, khi bọn đế quốc đang âm mưu phá hoại sự nhất trí của các nước xã hội chủ nghĩa, âm mưu gây một cuộc chiến tranh mới, thì sự nhất trí của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa... có một ý nghĩa đặc biệt to lớn"².

Trong tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp, Việt Nam chưa thể hy vọng vào sự đồng thuận Trung - Xô như một

sự hợp sức giữa hai đồng minh lớn nhất, và cũng chưa thể hình thành sự thống nhất hành động trong hệ thống xã hội chủ nghĩa để giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Vấn đề chỉ còn là tranh thủ sự giúp đỡ của từng nước.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyện vọng lớn của nhân dân thế giới là hòa bình. Ngoài Việt Nam, trên thế giới còn có nhiều quốc gia bị chia cắt (Đức, Trung Quốc, Triều Tiên), nhưng do quan niệm cân bằng quyền lực, không ở đâu có chủ trương tiến hành đấu tranh cách mạng để thống nhất đất nước. Mặc dù trong hệ thống xã hội chủ nghĩa có những bất đồng, nhưng vẫn còn giữ được sự thống nhất, đặc biệt là vấn đề bảo vệ hòa bình, vì càng tranh thủ giữ vững hòa bình được lâu dài thì càng có điều kiện thuận lợi để tăng cường mau chóng lực lượng. Tháng 11-1957, Hội nghị 64 Đảng Cộng sản họp tại Mátxcova, tổng kết các quy luật của chủ nghĩa xã hội, ra tuyên bố kêu gọi nhân dân thế giới đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh.

Trong khi hệ thống xã hội chủ nghĩa được củng cố, phong trào đấu tranh cho hòa bình dân chủ và tiến bộ trên thế giới cũng ngày càng phát triển. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ngày càng lên cao, đẩy tới sự tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

Vấn đề đặt ra là phải giải quyết được mối quan hệ giữa đất nước và thời đại, giữa Việt Nam và thế giới, giữa lợi ích của dân tộc Việt Nam với lợi ích của hệ thống xã hội chủ nghĩa; đưa cách mạng Việt Nam tiến lên, nhưng vẫn đáp ứng nguyện vọng hòa bình của nhân dân thế giới. Phải tìm được phương pháp đấu tranh thích hợp để vừa đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam, hạn chế tổn thất, vừa bảo vệ được miền Bắc, bảo vệ hệ thống xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình thế giới. Tình hình đó đòi hỏi Đảng Lao động Việt Nam phải phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo để xác định đường lối và

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.156, 577.

phương pháp cách mạng Việt Nam nói chung và đường lối cách mạng miền Nam nói riêng.

4. Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) - một quyết định lịch sử

Những khó khăn và tổn thất của ta ở miền Nam kéo dài trong bốn năm, nhất là hai năm 1957 và 1958 "chủ yếu là do về mặt chỉ đạo đấu tranh cách mạng. Đảng ta chưa tìm ra được phương pháp và hình thức thích hợp để quần chúng chống trả địch một cách có hiệu quả"¹. Mặc dù Nghị quyết của Bộ Chính trị (6-1956) đã xác định đấu tranh chính trị "không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định..."² và *Đường lối cách mạng miền Nam* (8-1956) của Bí thư Xứ ủy Nam Bộ Lê Duẩn, có dự kiến phải nâng cao hình thức đấu tranh, nhưng do điều kiện thực tế, cũng chưa đề ra được những biện pháp cụ thể, thích đáng để đối phó có hiệu quả với địch, giảm bớt tổn thất của quần chúng.

Tháng 10-1956, Bộ Chính trị nhận thấy: "Trong sự chỉ đạo phong trào miền Nam, Trung ương đã không nắm vững phương châm giữ gìn lực lượng từ lúc đầu, cho nên trong việc chấn chỉnh tổ chức của Đảng sau khi rút quân, cũng như trong sự chỉ đạo qua một thời kỳ khá dài, lực lượng ta đã bị bộc lộ ở một số địa phương, do đó đã bị tổn thất". "Vi nhận định không sâu sắc bản chất cách mạng của nhiệm vụ thống nhất nước nhà, nên sự lãnh đạo của Trung ương đã nặng về đấu tranh pháp lý, đấu tranh để thi hành Hiệp định Giơnevơ. Cuộc đấu tranh về pháp lý, về ngoại giao là rất quan trọng... nhưng nếu không nhận rõ

1. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.43.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd. t.17, tr.225.

nó chỉ là một mặt của toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng thì dễ sinh ra lệch lạc, khi thì chủ quan, khi thì bi quan"³.

Hình thức đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ đã tỏ ra không đủ mạnh để đối phó có hiệu lực với địch và tạo chuyển biến cơ bản tình hình miền Nam. Trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm thực tiễn của đồng bào, chiến sĩ miền Nam trong hơn bốn năm đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ và nghiên cứu những kiến nghị khẩn thiết của một số cấp ủy đảng và nhiều cán bộ, đảng viên, Bộ Chính trị đã dành nhiều công sức, trí tuệ chuẩn bị một giải pháp cơ bản cho cách mạng miền Nam để trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Cùng trong thời gian đồng chí Lê Duẩn viết *Đường lối cách mạng miền Nam*, Bộ Chính trị đã cử một tổ công tác chuẩn bị văn kiện cho Hội nghị 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị 15 do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì, xác định nhiệm vụ chiến lược chung của cách mạng cả nước, con đường tiến lên của cách mạng miền Nam, mối quan hệ giữa hai chiến lược cách mạng ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới, nhằm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng quốc tế, bảo vệ hòa bình thế giới.

Về đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam, Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd. t.17, tr.424.

lượng vũ trang nhân dân để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹.

Hội nghị vạch rõ, tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền là một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng thì mới có thể có điều kiện nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng. Nghị quyết dự báo thêm rằng, đế quốc Mỹ là tên đế quốc hiếu chiến nhất, chúng có thể tăng cường lực lượng quân sự vào miền Nam. "Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta"².

Khi cả miền Nam tràn ngập trong nước sôi, lửa bỏng kéo dài suốt những năm 1955-1958, "Đảng đã chậm tìm ra phương pháp đấu tranh chuyển thế, để địch thắng tay không bố, tàn sát, gây tổn thất không kể xiết cho nhân dân miền Nam, đưa cách mạng miền Nam vào tình trạng rất hiểm nghèo". Tuy nhiên, "trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp, trong hoàn cảnh cách mạng miền Nam đang chuyển giai đoạn đấu tranh, ta lại chưa nắm vững hết tình hình âm mưu địch cũng như so sánh lực lượng giữa ta và địch, thì việc xác định đường lối cách mạng và phương pháp đấu tranh không phải là điều giản đơn, có thể giải quyết trong một sớm một chiều"³. Nghị quyết 15 ra đời có phần chậm so với yêu cầu thực tế, nhưng là một quyết sách hết sức quan trọng và có tác dụng chỉ đạo vô cùng to lớn đối với phong trào cách mạng miền Nam.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.82, 85.

3. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Sđd, tr.48.

Tình thế cách mạng cho cuộc khởi nghĩa từng phần đã chín muồi. Với trận địa và lực lượng cách mạng được bảo tồn, dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, cuộc khởi nghĩa từng phần ở miền Nam có đà phát triển ngày càng rộng lớn cuối năm 1959 và năm 1960.

Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi đã làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn. Chính quyền tự quản của nhân dân được thành lập ở 1.383 trong tổng số 2.627 xã. Vùng giải phóng hình thành và ngày càng mở rộng, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở nông thôn đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh ở đô thị và các đồn điền, nhà máy. Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập (20-12-1960). Cách mạng miền Nam đã có một tổ chức chính trị để tập hợp rộng rãi quần chúng nhân dân, đoàn kết đấu tranh thực hiện chương trình hành động 10 điểm mà nội dung cơ bản là đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, xây dựng một miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã làm lung lay tận gốc rễ bộ máy chính quyền của chủ nghĩa thực dân mới, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần tiến lên làm chiến tranh cách mạng. Đó là mốc đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về chất của phong trào cách mạng miền Nam.

BẢN LĨNH CÁCH MẠNG, KHOA HỌC CỦA ĐẢNG QUA NGHỊ QUYẾT 15

PGS, TS. NGUYỄN ĐÌNH LÊ*

Sau tháng 7-1954, nhân dân ta tiếp tục sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Tin tưởng vào Hiệp định Giơnevơ, đồng bào, đồng chí miền Nam đã tiến hành cuộc đấu tranh đòi hòa bình, hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Tuy nhiên, phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam bị kẻ thù khủng bố quyết liệt và lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề.

Sau mấy năm kiểm chế, nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã vùng lên. Phong trào Đồng khởi 1959-1960 của nhân dân miền Nam đã tạo bước ngoặt căn bản cho công cuộc chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đồng khởi 1959-1960 đã chấm dứt thời kỳ khó khăn, đen tối của cách mạng miền Nam. Sự kiện này đã đáp ứng câu hỏi bức xúc của toàn Đảng, toàn dân lúc ấy: với kẻ thù mới thì nhân dân miền Nam phải *đứng lên chống Mỹ, cứu nước bằng con đường nào, bằng cách thức nào.*

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chính Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng đã chỉ ra con đường mang tính quy luật cho công cuộc chiến đấu của nhân dân ta ở miền Nam và phong trào Đồng khởi 1959-1960 của nhân dân miền Nam chính là kết quả sinh động của sự vận dụng Nghị quyết 15 của Đảng. Vì vị thế chiến lược của nó, Nghị quyết 15 đã được các nhà nghiên cứu trình bày trong nhiều công trình đã công bố. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ phân tích một số vấn đề liên quan đến nội dung bối cảnh lịch sử và nội dung của nó để từ đó thấy rõ hơn tính cách mạng, khoa học của Nghị quyết về cách mạng miền Nam.

1. Bối cảnh lịch sử của Nghị quyết

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cục diện chính trị quốc tế đã phân thành hai cực với hai siêu cường dẫn đầu. Đặc điểm này chi phối toàn bộ nền bang giao thế giới cũng như tác động sâu sắc tới nền chính trị của từng quốc gia.

Là một thành viên trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nên trong công cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, nhân dân miền Bắc được sự ủng hộ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa. Đó là một thuận lợi chưa từng có trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Vào những năm của thập niên 60, 70 thế kỷ XX, Liên Xô đã trở thành siêu cường, thành trì của hệ thống xã hội chủ nghĩa và bên cạnh đó, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa với dân số đông nhất thế giới đang củng cố vị thế của mình. Sự lớn mạnh của Liên Xô, Trung Quốc ở thời kỳ lịch sử này đồng nghĩa với sự tăng cường tiềm lực của hệ thống xã hội chủ nghĩa và điều đó cũng có nghĩa là sự suy giảm sức mạnh của phương Tây do Hoa Kỳ cầm đầu. Đặc điểm này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Tuy nhiên, công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của nhân dân ta gặp không ít khó khăn. Vào những năm cuối thập niên 50 thế kỷ XX, khi nhân dân miền Nam buộc phải đứng lên tiến hành cuộc chiến đấu chính nghĩa của mình, thì đúng thời

điểm đó, chủ nghĩa xét lại đang có ảnh hưởng rất lớn. Với lý thuyết "chung sống hòa bình", những người lãnh đạo Liên Xô lúc đó không tán thành Việt Nam sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Sài Gòn. Họ lo ngại rằng sử dụng bạo lực chống Hoa Kỳ có thể dẫn đến xung đột khu vực và quốc tế. Quan niệm này của bạn đã gây không ít khó khăn cho cách mạng Việt Nam trong khoảng 10 năm đầu nhân dân miền Nam tiến hành chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam (1954-1964).

Trong khi Đảng Cộng sản Liên Xô chưa chia sẻ với Việt Nam về con đường chống Mỹ, cứu nước, thì ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc góp ý với ta hãy "trường kỳ mai phục, sức tích lực lượng, chờ đợi thời cơ", chưa nên tiến hành đấu tranh vũ trang giải phóng miền Nam.

Như vậy, dù có thể có ý đồ khác nhau khi góp ý với ta về con đường đấu tranh thống nhất nước nhà, nhưng tựu trung lại các nước lớn trong hệ thống xã hội chủ nghĩa lúc đó đều không muốn nhân dân Việt Nam sử dụng bạo lực để giải phóng miền Nam. Bởi theo họ, thời cơ giải quyết vấn đề miền Nam chưa chín muồi, không nên manh động làm tổn thương đến phong trào cộng sản và công nhân quốc tế¹.

Quan điểm như trên của các Đảng Cộng sản lãnh đạo hai quốc gia lớn nhất trong hệ thống xã hội chủ nghĩa lúc đó về giải pháp thống nhất đất nước đã tác động không nhỏ đến quá trình hoạch định đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta. Bởi nếu không có sự ủng hộ to lớn của nhân dân thế giới, trước hết của nhân dân Liên Xô và Trung Quốc thì nhân dân Việt Nam không thể tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc thắng lợi.

1. Ngay cả thời gian sau này, khi Hoa Kỳ đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, khi nhân dân Việt Nam và Lào tiến hành tiến công lực lượng phản động ở Thà Khẹt năm 1962, Liên Xô còn e ngại cho rằng *đóm lửa Thà Khẹt* sẽ lôi cuốn Đông Dương và cả khu vực vào cuộc chiến tranh có quy mô lớn.

Những điều không thuận trên càng trở nên khó khăn hơn khi nhân dân Việt Nam phải đối mặt với *đối tượng đấu tranh mới* là chủ nghĩa thực dân mới của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ là một siêu cường, vào những năm 50, 60, mức GDP của Hoa Kỳ đã bằng tổng GDP của các nước châu Âu và tiềm lực quốc phòng của Hoa Kỳ xấp xỉ bằng 1/2 sức mạnh quân sự của các cường quốc khác cộng lại.

Trong lịch sử của mình, Hoa Kỳ chưa thất bại trong cuộc chiến tranh nào. Cuộc chiến của quân đội Hoa Kỳ gần nhất trước khi cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân miền Nam nổ ra, là cuộc chiến của Hoa Kỳ tiến hành ngay tại châu Á. Kết cục cuộc chiến ở bán đảo Triều Tiên trong những năm đầu thập niên 50 thế kỷ XX, Hoa Kỳ cho rằng họ đã thắng vì mục tiêu bảo vệ Đại Hàn của họ đã thành công.

Như vậy, về tiềm lực quốc phòng, Hoa Kỳ vượt trội nhiều lần so với Pháp. Thực dân Pháp là cường quốc nhưng không thể so sánh với Hoa Kỳ và thực tế là cuộc chiến tranh ở Đông Dương, người Pháp đã trở thành "linh danh thuê" cho Hoa Kỳ - như dư luận phương Tây lúc ấy từng nói, ở ngay tại thuộc địa mà Pháp từng cai trị ngọt một thế kỷ.

Chính sách của Hoa Kỳ ở miền Nam cũng khác so với thời Pháp. Hoa Kỳ đã áp đặt chủ nghĩa thực dân mới tại miền Nam. Chế độ này không giống như chủ nghĩa thực dân cũ mà Pháp từng cai trị ở Đông Dương. Nếu như viên Toàn quyền Đông Dương là quan cai trị tối cao quyết định mọi việc và đội quân xâm lược viễn chinh là sức mạnh quân sự của Pháp ở Đông Dương, thì ở miền Nam sau tháng 7-1954, Hoa Kỳ đã dựng một thể chế chính trị mới - một quốc gia gọi là Việt Nam Cộng hòa về hình thức chính trị, đứng đầu quốc gia là Tổng thống người Việt Nam và Sài Gòn có quân đội gọi là quân lực Việt Nam Cộng hòa. Bản thân chế độ Sài Gòn lúc đó do Ngô Đình Diệm đứng đầu, tuyên bố rằng đó là chế độ dân chủ, và đó là nhà nước độc lập, hợp hiến...

Hoa Kỳ và chế độ Sài Gòn cho rằng họ là hiện thân của chủ nghĩa quốc gia và phái bên kia là cộng sản. Dù những luận điệu trên hoàn toàn giả dối, ngụy biện, nhưng dù sao chế độ Sài Gòn cũng không giống như nền chính trị của Pháp trước kia. Cũng cần nói thêm rằng, chế độ ở Sài Gòn được xây dựng sau năm 1954, vì sức ép của Hoa Kỳ nên nó được nhiều quốc gia trên thế giới công nhận và trên thực tế cũng không ít người cho rằng chế độ Sài Gòn là "quốc gia", "dân tộc".

Vậy khi thực chất của chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Hoa Kỳ được che chắn bởi lá cờ mang màu "độc lập" và "dân tộc" như đã nêu ở trên thì những người cộng sản phải giữ ngọn cờ độc lập dân tộc chân chính như thế nào để vừa thể hiện được bản chất cách mạng của mình đồng thời tranh thủ được sự ủng hộ của dư luận trong và ngoài nước?

Những yếu tố khách quan trên ảnh hưởng trực tiếp đến con đường giải phóng miền Nam của nhân dân Việt Nam.

Trong bối cảnh khách quan như vậy thì tình hình chủ quan của cách mạng miền Nam nói chung cũng đã khác trước.

Sau tháng 7-1954, nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương. Thực hiện Hiệp định, khoảng trên 10 vạn cán bộ thuộc khối *quân, dân, chính, đảng* - lực lượng tiên phong trong cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam ở miền Nam đã tập kết ra Bắc. Trong vòng 300 ngày tập kết, hầu như toàn bộ lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã rời chiến trường phía nam.

Do đặc điểm chiến trường nên bộ đội miền Nam trong kháng chiến chống Pháp không tổ chức nhiều đại đoàn chủ lực như ở chiến trường chính. Tuy nhiên, mấy vạn bộ đội trên các mặt trận phía nam vẫn là kết quả của cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp và lực lượng này đã làm nòng cốt cho toàn thể nhân dân miền Nam đánh giặc.

Song song với quá trình trên, ta đã bàn giao vùng giải phóng miền Nam rộng lớn cho đối phương kiểm soát. Vào giai

đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân miền Nam đã làm chủ hầu hết vùng Khu V, Khu VI và ở Nam Bộ, một nửa lãnh thổ đã do chính quyền cách mạng kiểm soát. Trên vùng giải phóng rộng lớn đó, chính quyền cách mạng các cấp đã điều hành công cuộc kháng chiến, xây dựng cuộc sống mới. Khi giao vùng giải phóng rộng lớn lại cho chính quyền miền Nam kiểm soát, đồng thời ta cũng giải thể chính quyền kháng chiến. Như vậy, nếu nhìn tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch trong phạm vi miền Nam, thì cách mạng đã chuyển từ mạnh sang yếu, từ có lực lượng vũ trang, có chính quyền, có vùng kiểm soát, đã gần như trở lại điểm xuất phát...

Như vậy, sau tháng 7-1954, đồng bào, đồng chí ở lại miền Nam là lực lượng chính trị, phải đối mặt với kẻ thù mới, nhưng mặt khác họ không còn giữ được những ưu thế mà họ từng có trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến quyết sách của Đảng khi phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Dù có khó khăn, nhưng nhân dân miền Nam vẫn tin ở sự lãnh đạo của Đảng và tin sẽ thống nhất nước nhà như Hiệp định Giơnevơ đã quy định. Những cuộc đấu tranh rộng khắp mọi địa bàn của nhân dân ta ở miền Nam trong những năm 1954-1956, nhất là ở vùng đô thị, đã phản ánh quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta là kiên trì thi hành và đòi đối phương phải thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Tuy nhiên, ngay từ đầu Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn đã không muốn tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Bởi họ biết chắc chắn rằng, nếu tổng tuyển cử, nhân dân cả nước và nhân dân miền Nam sẽ ủng hộ chính phủ của Hồ Chí Minh.

Từ giữa năm 1956 trở đi, Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách "tố cộng", "diệt cộng" ngày càng thêm ác liệt. Hàng chục vạn cán bộ, đảng viên, đồng bào yêu nước ở miền Nam bị thủ tiêu, tù đầy. Nhiều cơ sở đảng từ chi bộ đến tỉnh ủy bị địch

dánh phá. *Vùng trắng* ở miền Nam ngày càng nhiều. Đỉnh cao của chính sách "diệt cộng" của Ngô Đình Diệm là ban hành Luật phát xít 10/59. Với chính sách này, lực lượng cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề. Bàn về thực trạng này, đồng chí Lê Duẩn từng nhận xét: Đến năm 1959, có nguy cơ toàn bộ lực lượng cách mạng miền Nam bị địch diệt hết.

Khi địch khủng bố ngày càng ác liệt thì cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam cũng ngày càng quyết liệt. Trên nhiều địa bàn, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam ngày càng mạnh mẽ. Một số địa phương ở Nam Bộ đã tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng địa phương để chống địch khủng bố, bảo vệ cơ sở cách mạng.

Như vậy, bức tranh chung của cách mạng miền Nam trước ngày Đông khởi 1959-1960 là một mặt kẻ thù đang tiêu diệt đồng bào, đồng chí yêu nước ở miền Nam ngày một tàn khốc, mặt khác môi trường quốc tế ở thời điểm đó chưa thuận lợi cho các lực lượng cách mạng tiến hành đấu tranh cách mạng bằng con đường bạo lực.

Một yêu cầu bức xúc đặt ra cho Bộ Tham mưu cách mạng lúc đó là phải chọn được giải pháp tốt để thúc đẩy cách mạng miền Nam tiến lên và bảo đảm được xu hướng hòa bình trong khu vực và quốc tế.

Đây là những cơ sở, những tiền đề cho quyết sách của Đảng trong chỉ đạo cách mạng miền Nam. Đây là những nhân tố quyết định nội dung, hình thức, nhịp điệu đấu tranh của nhân dân miền Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Quyết định lịch sử

Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương (mở rộng) tập trung bàn về giải pháp tổng thể của cách mạng miền Nam nên có nhiều nội dung được đề cập. Đó là một loạt những vấn đề chiến lược của cách mạng miền Nam, như mâu thuẫn xã hội,

đôi tượng cách mạng, mục tiêu, tính chất của cuộc cách mạng, lực lượng cách mạng, quan hệ giữa đấu tranh cách mạng với giữ vững hòa bình, giữa chống chính quyền Mỹ - Diệm ở miền Nam với cuộc đấu tranh thống nhất Tổ quốc...

Tuy nhiên, tinh thần cơ bản của Nghị quyết 15 trong chỉ đạo cách mạng miền Nam gồm mấy điểm sau:

Một là, muốn thực hiện mục tiêu cách mạng là đánh đổ Mỹ - Diệm tiến lên thống nhất nước nhà thì phải sử dụng bạo lực cách mạng. Nội dung cơ bản, quan trọng nhất trong Nghị quyết 15 là sử dụng bạo lực cách mạng, là con đường duy nhất của cách mạng miền Nam. Bởi dù Hiệp định có quy định sẽ hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, nhưng vì đối phương nhất quyết chia cắt đất nước nên ngoài con đường sử dụng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác. Quan điểm này của Đảng là điều cốt lõi, quan trọng nhất trong Nghị quyết 15.

Thứ hai, hướng căn bản sử dụng bạo lực là khởi nghĩa lật đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Phương hướng (hay là giải pháp đấu tranh như phương Tây thường gọi) này của Đảng ta đối với cách mạng miền Nam có ý nghĩa vô cùng hệ trọng. Bởi bạo lực cách mạng có nhiều hình thức sử dụng khác nhau. Ví dụ như có sử dụng bạo lực bằng hình thức chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng hoặc có thể bằng khởi nghĩa của quần chúng có lực lượng vũ trang hỗ trợ. Nghị quyết 15 nhấn mạnh rằng "con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân"¹.

Chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân có nghĩa là sử dụng lực lượng chính trị tại chỗ để đánh đổ Mỹ - Diệm, nghĩa là nhân dân miền Nam trực tiếp vùng lên sống mái

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.82.

với kẻ thù, đập tan chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân. Con đường giải phóng miền Nam của nhân dân ta khác với chủ trương của một quốc gia khác là dùng bộ đội chủ lực phía bắc vượt sông tiến hành chiến tranh để giải phóng nhân dân vùng phía nam trong cuộc chiến tranh ở Triều Tiên đầu thập kỷ 50. Tại miền Nam, khi địch đang khống chế, o ép, đàn áp làm tổn thất lực lượng cách mạng nặng nề, thì chủ trương của Đảng trong nghị quyết lịch sử trên là: dựa vào lực lượng chính trị tại chỗ là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang ra đời trên cơ sở lực lượng chính trị đó, tiến hành đánh đổ đế quốc, phong kiến¹.

Thứ ba, sau khi chỉ đạo hướng vận động cơ bản của cách mạng miền Nam là "phát động quần chúng khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm"², nhưng bởi "đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ"³.

Tất cả những nội dung kể trên của Nghị quyết đã thể hiện bản lĩnh chính trị của những người cộng sản Việt Nam: tin vào sức mạnh chính trị của nhân dân, sức mạnh duy nhất để chiến thắng kẻ thù hung bạo.

Được sự chỉ đạo của Nghị quyết 15, nhân dân miền Nam đã đứng lên sống mái với kẻ thù. Phong trào Đồng khởi 1959-1960 ở miền Nam đã mở đầu thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam.

*
* * *

Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc do Đảng ta lãnh đạo tiến hành trong khoảng nửa thế kỷ (1930-1975) đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ phát triển của sự nghiệp giải phóng dân tộc đều gắn liền với sự chỉ đạo của Đảng.

Trong sự nghiệp đó, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng trưởng thành và tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý giá trong lãnh đạo toàn dân tiến hành giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Bởi cuộc đấu tranh một mất một còn với đối phương, nên nếu sự chỉ đạo chính xác, khoa học thì cách mạng tiến lên và lực lượng đỡ tổn thất; nếu ngược lại thì phải trả giá ngay lập tức bằng sinh mệnh của đồng bào, đồng chí... Điều này càng đặc biệt đúng trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ở miền Nam. Với đối phương có tiềm lực kinh tế, quân sự khổng lồ, có ý đồ chiến lược khi áp đặt chủ nghĩa thực dân mới của họ ở miền Nam, thì mỗi sơ suất của cách mạng đều được đối phương khai thác tối đa để gây tổn thất cho lực lượng bên kia chiến tuyến. Thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới đã có những dẫn chứng về điều này.

Tuy nhiên, nhìn khái quát, sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam do Đảng lãnh đạo là một tiến trình lịch sử, nghĩa là phát triển liên tục từ thấp lên cao, từ bước khởi đầu rồi trải qua những chặng đường phát triển để cuối cùng giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong cuộc đấu tranh sống mái với kẻ thù, Bộ Tham mưu của cách mạng Việt Nam đã đưa ra những quyết sách đúng đắn, kịp thời động thúc đẩy sự nghiệp giải phóng dân tộc tiến lên. Các chủ trương, quyết sách của Đảng đã được quần chúng nhân dân ủng hộ. Nghị quyết 15 là một trong những chủ trương của Đảng được quần chúng cách mạng hưởng ứng nhiệt liệt nhất vì nó phản ánh đúng xu thế phát triển khách quan của lịch sử và đáp ứng được yêu cầu nóng bỏng của quần chúng

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.20, tr.82, 83, 85.

cách mạng. Phong trào Đồng khởi 1959-1960 của nhân dân miền Nam là biểu hiện sinh động của việc vận dụng Nghị quyết 15 của Đảng vào cuộc sống.

Đồng khởi 1959-1960 đã tạo bước ngoặt cho cách mạng miền Nam. Cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công tiêu diệt kẻ thù và thế tiến công chiến lược này mở ra từ Nghị quyết 15 và nó được duy trì, phát triển liên tục cho đến tận ngày giải phóng miền Nam.

Từ Đồng khởi, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời. Mặt trận có chức năng như chính quyền tự quản của nhân dân. Từ Đồng khởi, vùng giải phóng miền Nam bao gồm nhiều vùng nông thôn khắp miền Nam ra đời và phát triển liên hoàn. Đồng khởi đã tạo tiền đề tất yếu để lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam ra đời và phát triển...

Như vậy, Nghị quyết 15 đã mở đường cho cách mạng miền Nam đi tới, tạo đà nhảy vọt cho cách mạng miền Nam và có thể nói cách mạng miền Nam đã đi từ không đến có. Một lần nữa những quy luật cơ bản của cuộc đấu tranh cách mạng lại tái diễn ở miền Nam trong điều kiện mới.

NGHỊ QUYẾT 15 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA II) - ÁNH SÁNG SOI ĐƯỜNG CHO PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI

PGS, TS. VŨ QUANG VINH*

Cuộc Đồng khởi kỳ diệu đã nổ ra ở miền Nam cách đây 50 năm. Trong 50 năm qua, dư âm của cuộc Đồng khởi vẫn âm vang trong lòng dân tộc, thôi thúc những người Việt Nam yêu nước tranh trở, nghĩ suy tiếp tục "Đồng khởi", phấn đấu để xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Lịch sử giữ nước của Việt Nam một lần nữa lại tiếp tục chứng minh với việc tổng kết thực tiễn, để ra đường lối kịp thời cho cách mạng miền Nam, Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) trở thành ánh sáng soi đường cho cách mạng miền Nam, trong đó có cuộc Đồng khởi.

Sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, chuyển sang giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta chủ trương "chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện hòa bình: học tập nhiệm vụ, phương châm, chính sách mới của Trung ương, sắp xếp cán bộ, bố trí lực lượng, vừa lợi dụng được những

* Phó Tổng biên tập Tạp chí Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

khả năng thuận lợi mới mà hoạt động để thực hiện chủ trương, chính sách và khẩu hiệu mới của Đảng¹. Như vậy, để phù hợp với tình hình và mục tiêu cách mạng trước mắt, Đảng ta chủ trương đấu tranh hòa bình, nhưng không có nghĩa là không chuẩn bị lực lượng đấu tranh vũ trang. Bằng phương pháp hòa bình mà giành được mục tiêu chiến lược, không phải hy sinh nhiều xương máu là biện pháp tốt nhất. Song, nếu kẻ thù dùng bạo lực phản cách mạng thì chúng ta phải vũ trang đấu tranh. Vì vậy, trong khi chuyển quân tập kết ra Bắc, các tỉnh ở miền Nam đều bố trí cán bộ ở lại, chôn giấu vũ khí để tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân.

Trước tình hình phát triển của phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam, sự ngoan cố phá hoại Hiệp định Giơnevơ và mưu đồ tiêu diệt cách mạng miền Nam của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, tháng 8-1956, Xứ ủy Nam Bộ đã nghiên cứu và thảo luận *Đường lối cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy soạn thảo. Khi phân tích về "Yêu cầu của nhân dân và mâu thuẫn giữa nhân dân và chính quyền Mỹ - Diệm", Xứ ủy đã khẳng định: Nhất định nhân dân miền Nam phải đứng lên tranh đấu đập tan chính sách chia rẽ, gây chiến của Mỹ - Diệm để thực hiện nguyện vọng của mình về hòa bình, độc lập, thống nhất là yêu cầu bức thiết của nhân dân, nó là kết quả của biết bao gian nan, biết bao xương máu trong chín năm chiến đấu anh dũng của nhân dân, vì đó là cái lẽ sinh tồn tất nhiên của một dân tộc, không thể khác được. Trong những năm 1957-1959, Mỹ và chính quyền Sài Gòn mở chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", tăng cường khủng bố, ra sắc lệnh đặt những người cộng sản ngoài vòng pháp luật (7-1957), ra Luật 10/59, lê máy chém khắp miền Nam, thực hiện chính sách "giết nhầm hơn bỏ sót", dìm nhân dân miền Nam vào trong biển máu.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr.274.

Năm 1959, phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam càng trở nên sôi sục, Mỹ và chính quyền Sài Gòn ngang nhiên thách thức nhân dân. Thi hành Luật 10/59, chính quyền Ngô Đình Diệm lập toà án quân sự đặc biệt, lê máy chém khắp nơi, tiến hành các cuộc hành quân lớn đánh phá căn cứ, đẩy mạnh "tố cộng", tăng cường kim kẹp, khống chế nhân dân. Ninh Thuận, Quảng Ngãi là những vùng trọng điểm đánh phá của Mỹ - ngụy. Cuộc khởi nghĩa Bắc Ái (1958) thể hiện sự bức xúc, nguyện vọng của nhân dân miền Nam đứng lên cầm vũ khí đánh trả kẻ thù.

Các cuộc khởi nghĩa báo hiệu một tình hình mới. Sự chịu đựng của đồng bào miền Nam bị dồn nén trong cuộc đấu tranh hòa bình, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, tiến hành hiệp thương, tổ chức tổng tuyển cử thống nhất Tổ quốc đã bùng nổ. Đồng bào miền Nam không thể sống mãi dưới ách thống trị phát xít và cam chịu cảnh đất nước bị chia cắt.

Tổng kết thực tiễn của nhân dân miền Nam trong hơn bốn năm đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ và xem xét thận trọng những kiến nghị khẩn thiết của nhiều cán bộ, đảng viên và một số cấp ủy, Bộ Chính trị đã dành nhiều thời gian và công sức, chuẩn bị giải pháp cơ bản cho cách mạng miền Nam. Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hội nghị kiểm điểm tình hình trong nước từ sau Hiệp định Giơnevơ, đề ra nhiệm vụ đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Phân tích sâu sắc đặc điểm, tình hình nước ta từ sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, Hội nghị chỉ ra mâu thuẫn cơ bản mà cách mạng Việt Nam phải giải quyết là mâu thuẫn giữa đế quốc xâm lược, giai cấp địa chủ phong kiến, tư sản mại bản ở miền Nam với nhân dân Việt Nam và mâu thuẫn giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc. Hội nghị cho rằng: "Cách mạng Việt Nam do Đảng ta

lãnh đạo bao gồm hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam¹. "Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu cơ với nhau, song song tiến hành, ảnh hưởng sâu sắc lẫn nhau, trợ lực mạnh mẽ cho nhau, nhằm phương hướng chung là giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện thuận lợi để đưa cả nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội"².

Hội nghị đề ra nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là: "Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh để giữ vững hòa bình; thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới"³.

Hội nghị xác định: "Miền Nam đã trở thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ... Chính quyền Ngô Đình Diệm là chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ, chế độ thực dân và nửa phong kiến ở miền Nam là một chế độ phản động, tàn bạo và đen tối"⁴. Vì vậy, nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Trước mắt, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là đoàn kết toàn dân, đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải

thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Hội nghị chỉ ra con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là "khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"⁵. Phương pháp cách mạng và phương thức đấu tranh là dùng bạo lực cách mạng, từ đấu tranh chính trị tiến đến kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Hội nghị nhấn mạnh: "Vì chế độ thống trị của Mỹ - Diệm dựa vào vũ lực để tồn tại, mà chúng ta thì phải dựa vào lực lượng quần chúng, lấy lực lượng quần chúng đánh đổ chúng, cho nên muốn đạt được mục tiêu đó, cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ"⁶. Trong quá trình đó, "hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu. Song do quân thù quyết đim cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu của phong trào cách mạng ở miền Nam, cho nên trong một chừng mực nhất định và ở những địa bàn nhất định, đã xuất hiện những lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để trợ lực cho đấu tranh chính trị. Đó là một điều cần thiết"⁶.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhân dân miền Nam đã từ các hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang vùng lên khởi nghĩa, mở đầu bằng những cuộc khởi nghĩa tiến tới Đồng khởi trên phạm vi rộng lớn.

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.20, tr.62, 63, 71.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.20, tr.82, 84.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi nổ ra ngày 28-8-1959. Đây là một trong những cuộc khởi nghĩa đầu tiên ở miền Nam chống Mỹ. Đây không phải là những cuộc đấu tranh bột phát, không có tổ chức và lãnh đạo mà diễn ra theo đường lối chung của Đảng, hệ quả tất yếu sự thống trị của chính quyền Mỹ - Diệm, thể hiện truyền thống anh dũng, bất khuất của nhân dân Việt Nam. Quá trình đấu tranh chống Mỹ - Diệm của nhân dân Quảng Ngãi những năm 1954-1958 đã góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc ra đời Nghị quyết 15 của Đảng. Trong những năm này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi trên cơ sở phong trào cách mạng của quần chúng đã nhận thức rõ: "phải dùng bạo lực cách mạng của quần chúng, phải có vũ trang ở chừng mực thì đấu tranh chính trị của quần chúng mới mạnh được, mới hạn chế sự đánh phá của địch, mới duy trì được phong trào và chuẩn bị điều kiện giành thắng lợi sau này". Chính vì vậy, lãnh đạo tỉnh đã tiến hành lập căn cứ của tỉnh ở các xã phía nam Trà Bồng, nơi người Cơsor sinh sống: hướng dẫn cán bộ đào hầm, lấy vũ khí đã cất giữ. Ở Ba Tư lấy được 42 khẩu súng trường, tiểu liên, 3 trung liên và 1 khẩu súng ngắn. Số vũ khí trên được trang bị cho lực lượng vũ trang của tỉnh khi thành lập.

Nghị quyết 15 nhanh chóng được quần chúng nhân dân đón nhận, biến thành phong trào cách mạng mạnh mẽ. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (28-8-1959), cuộc chặn đánh, tiêu diệt một tiểu đoàn ngự ở Gò Quán Cung, tỉnh Kiến Phong (Đồng Tháp) ngày 19-9-1959 và nhiều cuộc nổi dậy ở Nam Bộ là những sự kiện quan trọng dẫn tới phong trào Đồng khởi.

Đêm 2-1-1960, tại xã Tân Trung, Ban lãnh đạo tỉnh Bến Tre họp bàn về chủ trương Đồng khởi. Hội nghị nhất trí: phát động một tuần lễ toàn dân Đồng khởi, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giải phóng nông thôn, làm chủ ruộng vườn và quyết định khởi nghĩa thống nhất từ ngày 17-1-1960 đến ngày 25-1-1960,

lấy cù lao Minh, cụ thể gồm ba huyện Minh Tân, Mỏ Cày, Thạnh Phú làm điểm đột phá mà điểm chính là Mỏ Cày. Hội nghị đề ra một số biện pháp tiến hành phải đánh tới tấp; phát triển phải phát triển hết khả năng không hạn chế; khi sóng gió nổi lên thuyền phải mạnh dạn căng buồm lướt sóng.

Đúng 8 giờ sáng ngày 17-1-1960, tại xã Định Thủy (cách huyện lỵ Mỏ Cày 3km), các đồng chí lãnh đạo đã chớp thời cơ nổ súng. Thạnh Phú, Minh Tân, Mỏ Cày, Đồng khởi nhất loạt đêm 17-1-1960. Qua một đêm Đồng khởi, bộ máy kìm kẹp của địch ở một số xã bị tan rã hẳn. Sau hai ngày địch mất bớt Định Thủy, Bình Khánh, Phước Hiệp. Ta giải phóng hoàn toàn ba xã: Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh. Trung đội giải phóng đầu tiên của Bến Tre sinh ra trong phong trào Đồng khởi đã làm lễ ra mắt tại một vườn dừa xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày. Từ thắng lợi này, chỉ trong một tuần (từ ngày 17 đến ngày 24-1-1960), 47 xã thuộc các huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, Bình Đại, nhân dân nhất tề nổi dậy. 22 xã diệt ác, lấy đồn, giải phóng hoàn toàn xã. 25 xã khác giải phóng nhiều ấp.

Trước thắng lợi của cách mạng, địch điên cuồng phản kích lại. Ngày 22-2-1960, chúng cho một đại đội từ Mỏ Cày vào Phước Hiệp. Ngày 24-2-1960, địch huy động 3.000 quân đánh vào Phước Hiệp, Bình Khánh, Định Thủy hòng tiêu diệt cách mạng, nhưng bị thất bại. Cuộc Đồng khởi của nhân dân Bến Tre kết thúc thắng lợi. Từ đây làn sóng Đồng khởi như nước vỡ bờ lan ra khắp các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ.

Cuộc Đồng khởi Bến Tre đã qua nửa thế kỷ. Với bộ máy ngự quyền, với một đội quân, một mạng lưới mật vụ hùng hậu đàn áp vô cùng dã man, tàn bạo và thâm độc, lại được Mỹ điều khiển, nhưng chỉ có 162 đảng viên cộng sản lãnh đạo toàn dân tỉnh Bến Tre nổi dậy từ tay không Đồng khởi diệt ác, phá

kim, giành quyền làm chủ, đánh bại cuộc phản kích của 10.000 quân chủ lực nguy, bảo toàn lực lượng, giải phóng phần lớn nông thôn.

Cùng với cuộc Đồng khởi ở Bến Tre, nhân dân các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Cần Thơ và hầu hết các tỉnh Nam Bộ đồng loạt nổi dậy vây đồn, diệt ác, phá bộ máy kìm kẹp của địch, làm chủ 2/3 xã, ấp.

Đồng khởi phát triển mạnh mẽ và lan rộng trong những vùng thuộc đồng bằng Nam Bộ và rừng núi miền Trung đã làm hầu hết các ban tế, ấp, xã tan rã, tê liệt. Trong tổng số 1.193 xã toàn Nam Bộ có 865 xã không còn nguy quyền; 3.200 trong tổng số 5.721 thôn ở miền núi Khu V không còn bộ máy chính quyền địch. Các tổ chức chính trị phản động cũng tan rã theo. Hàng nghìn binh lính, hạ sĩ quan và một số sĩ quan đầu hàng. Hàng loạt khu dinh điền, khu trừ mật, khu tập trung của địch bị phá tan. Hầu hết ruộng đất của nông dân bị địa chủ cướp sau Hiệp định Giơnevơ đã trở về tay nông dân. Lực lượng vũ trang nhân dân phát triển mạnh. Từ trong cao trào Đồng khởi hình thái ba thứ quân xuất hiện. Ở miền Đông Nam Bộ đã xây dựng được 40 trung đội tập trung và 60 đội tự vệ vũ trang; miền Trung Nam Bộ có 36 trung đội và 68 đội tự vệ xã; miền Tây Nam Bộ xây dựng được 37 trung đội và 150 đội tự vệ xã. Lực lượng vũ trang của ta liên tục tiến công địch, tính đến cuối tháng 4-1960 đã tiêu diệt ba đại đội chủ lực của địch, 10 đội biệt kích và 1 đại đội bảo an, tiêu diệt và làm bị thương hơn 2.000 tên địch¹.

Công tác phát triển đảng viên, cơ sở đảng ở Nam Bộ đạt nhiều kết quả. Đảng bộ miền Tây đã khôi phục và phát triển được 417 chi bộ và 1.600 đảng viên. Đảng bộ miền Trung có 417

chi bộ và 3.417 đảng viên, 2.685 đoàn viên. Đảng bộ miền Đông có 1.539 đảng viên và 791 đoàn viên.

Trên đà thắng lợi của Đồng khởi đợt đầu, Xứ ủy Nam Bộ quyết định phát động Đồng khởi đợt 2 nhằm bảo vệ và phát triển thành quả đã giành được. Từ tháng 9 đến cuối năm 1960, ở miền Nam diễn ra sự phối hợp giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, giữa mặt trận quân sự, chính trị và binh vận, đập tan nguy quyền cơ sở, giành quyền làm chủ cho nhân dân.

Tính đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi của quần, dân miền Nam đã căn bản làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở của địch ở nông thôn. Trong 2.627 xã toàn miền Nam, nhân dân đã lập chính quyền tự quản ở 1.383 xã; những nơi chính quyền địch ở cấp xã còn tồn tại, phần lớn chỉ là hình thức, quyền lực bị thu hẹp, không còn tác dụng như trước. Kế hoạch lập khu trừ mật của địch bị phá sản. Chính sách "cải cách điền địa" bị thất bại nặng, 2/3 ruộng đất của Mỹ - Diệm trở về tay nông dân.

Trong phong trào Đồng khởi, lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển. Các đội tự vệ, du kích xã có khoảng 10.000 người. Lực lượng vũ trang ở tỉnh, huyện có 12.500 người. Các đơn vị bộ đội tập trung khu được thành lập.

Cơ sở đảng được khôi phục nhanh chóng, từ 7.641 đảng viên cuối năm 1959, đến cuối năm 1960 đã tăng lên 12.946 (chưa kể khu Sài Gòn - Gia Định). Đoàn viên thanh niên tăng từ 6.000 (1959) lên 13.000 (1960)¹.

Nghị quyết Hội nghị 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, làm xoay chuyển tình thế, dẫn đến phong trào Đồng khởi cuối năm 1959 đầu năm 1960, đưa cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công, đập tan hình thức xâm lược, thống trị điển hình

1. Trong cuốn sách này số liệu ở các bài viết tiếp cận từ nhiều nguồn khác nhau. Chúng tôi tôn trọng sự lựa chọn của tác giả (BT).

1. *Tình hình Nam Bộ từ sau hòa bình lập lại đến nay (10-1961)*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

của chủ nghĩa thực dân mới mà đế quốc Mỹ tạo dựng ở miền Nam Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 đã đáp ứng được yêu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam, đáp ứng nguyện vọng tha thiết nóng bỏng của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ miền Nam.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 chứng tỏ quan điểm độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng trong việc vận dụng học thuyết Mác - Lênin và kinh nghiệm của các nước anh em, kinh nghiệm Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống Pháp vào điều kiện cụ thể nước ta sau Hiệp định Giơnevơ.

HỒ CHÍ MINH VÀ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VỚI NGHỊ QUYẾT LẦN THỨ 15 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (MỞ RỘNG) VỀ CÁCH MẠNG MIỀN NAM

TS. VĂN THỊ THANH MAI*

Chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử đã buộc thực dân Pháp và đế quốc Mỹ phải chấp nhận thất bại. Hiệp định Giơnevơ về đình chỉ chiến sự ở Đông Dương được ký kết, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Theo tinh thần của Hiệp định, tháng 7-1956, "một cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước phải được tổ chức để thống nhất nước ta"¹, nhưng đế quốc Mỹ đã coi "giải pháp" Giơnevơ là một thảm họa. Ngoại trưởng Đalét (Dulles) đã phát biểu rằng: "Sự cần thiết phải ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam là điều không thể thoái thác được"², và đó là "một khu vực phải nắm lấy bằng bất kỳ giá nào", nên Mỹ nhanh chóng nhảy vào miền Nam Việt Nam.

1. Với dã tâm chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành bàn đạp tấn công miền Bắc và các nước xã hội chủ nghĩa,

* Báo tăng Hồ Chí Minh.

1. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.2, tr.40.

2. Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, Hà Nội, 1971, t.1, tr.27.

đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai do Ngô Đình Diệm đứng đầu đã dùng quân đội, bộ máy công an, mật vụ thẳng tay đàn áp những người yêu nước; khủng bố, bắt giam và mở các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" để chống lại nhân dân miền Nam, chống lại cách mạng, chống lại nguyện vọng hòa bình, thống nhất nước nhà của nhân dân hai miền Nam - Bắc.

Đứng trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng chủ trương ổn định, củng cố miền Bắc, xây dựng miền Bắc theo con đường xã hội chủ nghĩa; tiến hành đấu tranh chính trị đòi thực hiện Hiệp định Giơnevơ, tìm phương pháp đấu tranh thích hợp để vừa duy trì, đẩy mạnh cách mạng miền Nam, hạn chế tổn thất, vừa bảo vệ được miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình khu vực và hòa bình thế giới.

Ngay từ tháng 7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Đế quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương" và chúng "đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương". Trên cơ sở phân tích tình hình cách mạng trong nước và quốc tế, Người khẳng định: "Mục tiêu bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt"¹.

Từ khát vọng độc lập, tự do và thống nhất nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta, đại đoàn kết là một lực lượng tất thắng". Người chỉ rõ: Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ, nên muốn "giành lấy thắng lợi, toàn thể nhân dân, quân đội và cán bộ ta từ Bắc đến Nam cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng

1. Biên bản Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, khoá II, ĐVBQ 29, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, tr.8.

phải thống nhất, hành động phải nhất trí"². Khi hòa bình ở Việt Nam đang bị đe dọa nghiêm trọng vì Hiệp định Giơnevơ bị chính quyền Ngô Đình Diệm vi phạm, nhân dân Việt Nam "sẽ dùng mọi biện pháp đấu tranh bằng đường lối hòa bình để Hiệp định Giơnevơ được thực hiện triệt để"³.

Tiếp đó, trước yêu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam, trong văn kiện *Đường lối cách mạng miền Nam* (8-1956), đồng chí Lê Duẩn đã khẳng định: Nhân dân miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng, là "quá trình xây dựng lực lượng chính trị từ ít đến nhiều, củng cố và phát triển phong trào đấu tranh của quần chúng từ thấp đến cao, từ những bước tuần tự đến những bước nhảy vọt để làm lay chuyển bộ máy cai trị của Mỹ - Diệm"⁴.

Dù tương quan lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam đã có sự thay đổi lớn sau khi ta thực hiện nghiêm chỉnh việc chuyển quân tập kết ra miền Bắc, dù không còn lực lượng vũ trang, nhưng với ưu thế về chính trị, với lực lượng quần chúng nhân dân đông đảo, các tầng lớp đồng bào miền Nam vẫn bền bỉ, kiên cường đấu tranh chống lại ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm theo tư tưởng chỉ đạo của Người và Trung ương Đảng.

Thực hiện đường lối, phương pháp của Đảng, hình thức đấu tranh chính trị đã được sử dụng, thay thế cho hình thức đấu tranh quân sự. Các tổ chức quần chúng công khai được thành lập, các phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, đấu tranh chống âm mưu chia cắt đất nước, chống quân địch, v.v. đã lan rộng, thu hút sự tham gia của đông đảo quần chúng. Phong trào

1. Dẫn theo Hoàng Trung: *Đỉnh cao của tư tưởng Hồ Chí Minh trong 30 năm chiến tranh giải phóng*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, 5-2005, tr.19.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.159.

3. Lê Duẩn: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.1, tr.115-116.

đấu tranh ngày càng phát triển, đặc biệt là cuộc đấu tranh chống "tố cộng", "diệt cộng", song trong bầu không khí ngột ngạt, cách mạng miền Nam vẫn đứng trước những khó khăn chưa từng thấy.

Trước tình hình đó, tháng 10-1956, Bộ Chính trị đã nhận thấy, trong những năm 1954-1956, những tổn thất của phong trào cách mạng miền Nam, một phần là do trong quá trình chỉ đạo, "Trung ương đã không nắm vững phương châm giữ gìn lực lượng từ lúc đầu, cho nên trong việc chấn chỉnh tổ chức của Đảng sau khi rút quân, cũng như trong sự chỉ đạo qua một thời kỳ khá dài, lực lượng của ta đã bị bộc lộ", phần khác là vì chưa nhận thức sâu sắc bản chất cách mạng của nhiệm vụ thống nhất nước nhà, nên "sự lãnh đạo của Trung ương đã nặng về đấu tranh pháp lý, đấu tranh để thi hành Hiệp định Giơnevơ"¹.

Tiếp đó, với "quyết tâm thực hiện vai trò tiên phong của mình", để "phong trào cách mạng vẫn giữ vững và tiến lên" và giữ gìn lực lượng, tiếp tục hoạt động trong tình thế khắc nghiệt, các tổ chức cơ sở đảng ở miền Nam đã kịp thời tổ chức lại và rút vào hoạt động bí mật.

Trên tinh thần quán triệt sâu sắc, đấu tranh chính trị cũng không có nghĩa là "tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định", từ thực tiễn đấu tranh cách mạng, từ những tổn thất do những hành động ngày càng tàn bạo của địch và trước những hình thức đấu tranh, khả năng phát triển của phong trào cách mạng miền Nam, "yêu cầu vũ trang chống khủng bố ngày càng trở nên cấp thiết". Ở nhiều địa phương, nhân dân bí mật lấy vũ khí đã chôn giấu, dùng vũ khí tự tạo và cướp súng của địch để tiêu diệt ác ôn, tự bảo vệ mình. Một số đơn vị vũ trang được thành lập ở Chiến khu Đ. ở Nam

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr.424.

Bộ và ở Liên khu V. đã có những trận đánh diễn ra ở Thủ Dầu Một, Biên Hoà, v.v.. Như vậy, trong khi địch ngày càng tăng cường khủng bố, những người yêu nước và các chiến sĩ cách mạng, mở các cuộc hành quân càn quét, dồn dân vào các trại tập trung, thì ở khắp các địa bàn, lực lượng vũ trang và các căn cứ địa cách mạng đã được xây dựng lại.

Từ đấu tranh chính trị là chính, phong trào cách mạng miền Nam đã phát triển thành đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ, và đi liền cùng đó là lực lượng chính trị của quần chúng được bảo tồn. Phong trào đấu tranh ngày càng quyết liệt¹. Tuy nhiên, mặc dù sau đó đã có dự kiến mức độ bạo lực phải được nâng cao trong đấu tranh cách mạng, song trên thực tế, đấu tranh chính trị có kết hợp vũ trang tự vệ ở miền Nam cũng chưa phải là phương pháp và hình thức đấu tranh hiệu quả, nhằm chống trả sự chống phá của địch, giảm bớt tổn thất của quần chúng.

Tháng 12-1957, xác định về nhiệm vụ cách mạng của hai miền, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 13, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định việc đồng thời phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược ở cả hai miền Nam - Bắc. Theo Người, cả hai nhiệm vụ đều quan trọng. Coi nhẹ một nhiệm vụ nào cũng là sai lầm. Nhiệm vụ củng cố miền Bắc, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội có tính chất quyết định cho toàn bộ những thắng lợi của cách mạng nước nhà trong giai đoạn mới, và *lực lượng cách mạng ở miền Nam được duy trì và phát triển thì đó là nhân tố trực tiếp quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam*.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị, nhân dân miền Bắc đã vượt qua nhiều thử thách, đạt được nhiều thành tích trong xây dựng và phát triển, trở thành hậu thuẫn vững chắc cho cách mạng cả

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.43.

nước. Còn ở miền Nam, trong những năm 1957, 1958, phong trào đấu tranh chính trị có kết hợp vũ trang tự vệ của quần chúng mặc dù đã được nâng cao, song không tránh khỏi những khó khăn và tổn thất, lý do là vì ta chưa tìm ra được phương pháp và hình thức đấu tranh thích hợp để quần chúng chủ động "chống trả" sự đàn áp tàn bạo của kẻ thù. Hình thức đấu tranh chính trị có sử dụng bạo lực chính trị đã tỏ ra không đủ mạnh để đối phó có hiệu lực với địch và tạo chuyển biến cơ bản cục diện chiến trường và tình hình miền Nam.

Trong khi Mỹ - Diệm ngày càng trắng trợn, đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng miền Nam, trong khi thực tiễn đòi hỏi phải được tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời và yêu cầu phải có một hình thức đấu tranh cách mạng cao hơn, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân miền Nam và đưa phong trào cách mạng miền Nam phát triển đã trở nên bức thiết, thì những thay đổi lớn trong quan hệ quốc tế cũng có những tác động không nhỏ đến sự phát triển của cách mạng Việt Nam nói chung và cách mạng miền Nam nói riêng.

Trên thế giới, lúc này chủ nghĩa xét lại hiện đại, chủ nghĩa cơ hội đang lung lay đoạn phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Mỹ, tiềm lực kinh tế và sức mạnh quân sự của chúng đã gây tâm lý "sợ Mỹ", "ngại Mỹ" trong một số Đảng Cộng sản. Mặt khác, các nước xã hội chủ nghĩa đã trở thành một hệ thống, song những mâu thuẫn, bất đồng và những rạn nứt trong hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa; giữa Liên Xô và Trung Quốc đã gây khó khăn cho phong trào cách mạng thế giới, trong đó có Việt Nam. Đặc biệt, dù đã từng ủng hộ, viện trợ cho Việt Nam trong khôi phục, cải tạo kinh tế, phát triển văn hoá, giáo dục, v.v. nhưng cả Trung Quốc và Liên Xô đều không ủng hộ cuộc đấu tranh vũ trang ở miền Nam.

Thực hiện đường lối hòa hoãn Xô - Mỹ, chủ trương của Liên Xô là: giữ nguyên hiện trạng hai miền của Việt Nam, không

ủng hộ đấu tranh vũ trang ở miền Nam Việt Nam với lý do tế nhị: "Đóm lửa cháy rừng"! Còn Trung Quốc, sau chiến tranh Triều Tiên, có ý định duy trì tình trạng hai miền của Việt Nam, tránh việc trực tiếp phải tham gia chiến tranh, nên thuyết phục Việt Nam "phải trường kỳ mai phục", không nên đấu tranh vũ trang ở miền Nam, vì rằng: "Dùng lực lượng vũ trang để thống nhất nước nhà sẽ có hai khả năng: một là thắng và một khả năng nữa là mất cả miền Bắc"¹.

2. Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo và bằng bản lĩnh, trí tuệ của mình, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập trung trí lực, từng bước xác định chủ trương, đường lối và biện pháp cách mạng đúng đắn đưa cách mạng hai miền phát triển. Một trong những văn kiện quan trọng, tạo bước phát triển nhảy vọt về chất của phong trào cách mạng miền Nam là Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trên cơ sở phân tích điều kiện cách mạng cả nước và điều kiện cụ thể của hai miền Nam - Bắc, tình hình thế giới, xu thế phát triển của cách mạng thế giới, tương quan so sánh lực lượng ta và địch, v.v. Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước và con đường phát triển cách mạng của mỗi miền. Phân tích đặc điểm tình hình miền Nam (tình chất xã hội miền Nam, thái độ các giai cấp ở miền Nam), Nghị quyết nêu rõ:

"1. Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh."

2. Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập

1. Bộ Ngoại giao: *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*, Hà Nội, 1979, tr.24.

*đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm... thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, v.v."*¹.

Về phương hướng phát triển của cách mạng miền Nam, Nghị quyết chỉ rõ, để tự giải phóng mình khỏi xiềng xích nô lệ, "ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác" và cách mạng miền Nam không thể đi ra ngoài quy luật chung của cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, đó là "khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân". Đó chính là "lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"².

Nghị quyết chỉ rõ, vì chế độ Mỹ - Diệm dựa vào vũ lực để tồn tại, và chúng ta dựa vào lực lượng quần chúng, dùng lực lượng quần chúng đánh đổ chúng, nên "cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, thì mới có thể có điều kiện nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng"³. Nghị quyết nêu rõ, cách mạng miền Nam vẫn có khả năng phát triển hòa bình, tuy nhiên vì bản chất phản động và hiếu chiến của Mỹ - Diệm, cho nên phương hướng cơ bản vẫn là khởi nghĩa giành chính quyền, và "trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ".

3. Từ nội dung của Nghị quyết, có thể thấy rằng, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã khẳng định dứt khoát: con đường cách mạng miền Nam là con đường khởi nghĩa giành chính quyền. Điều đặc biệt là chủ trương khởi nghĩa giành chính

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.81-82, 82, 82-83.

quyền về tay nhân dân (khởi nghĩa bằng lực lượng chính trị của quần chúng, có sự hỗ trợ của đấu tranh vũ trang) đã được quyết định trong bối cảnh lực lượng cách mạng ở miền Nam đang bị tổn thất lớn. Điều đó cho thấy tầm nhìn, sự sáng suốt của Người và Đảng ta trong thời khắc khó khăn của lịch sử, đồng thời khẳng định niềm tin của Người và Trung ương Đảng vào sức mạnh nội lực, tinh thần đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam.

Nghị quyết 15 ra đời khi tình thế cách mạng và những điều kiện cho cuộc khởi nghĩa từng phần tại các địa phương đã chín muồi, đúng như Ngô Đình Nhu từng nhận định: Chế độ miền Nam đang ngồi trên ngọn núi lửa sắp phun. Ánh sáng của Nghị quyết đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh cách mạng của đồng bào miền Nam, đưa phong trào cách mạng phát triển lên một nấc thang mới. Cho nên, có những nơi chưa nhận được văn bản chính thức, chỉ lĩnh hội tinh thần của Nghị quyết "cho phép tiến hành đấu tranh vũ trang", đã nhanh chóng phát động khởi nghĩa. Hình thức đấu tranh "mang tính bạo lực" của quần chúng ở nhiều nơi đã có sự tham gia của lực lượng vũ trang, nửa vũ trang ở những mức độ khác nhau.

Bằng nhiều phương thức đấu tranh sáng tạo, phong phú, những cuộc khởi nghĩa ở miền núi Liên khu V, ở cực Nam Trung Bộ, đặc biệt là các cuộc khởi nghĩa của đồng bào các tỉnh miền Trung Nam Bộ, miền Đông Nam Bộ có đà phát triển và ngày càng lan rộng từ giữa năm 1959 đến cuối năm 1960. Phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam đã làm tan rã từng mảng bộ máy kìm kẹp của ngụy quyền cơ sở ở nông thôn, làm lung lay tận gốc bộ máy chính quyền thực dân kiểu mới, đẩy địch vào thế bị động. Quán triệt sâu sắc tinh thần của Nghị quyết, trên cơ sở xác định đúng phương châm chỉ đạo Đồng khởi, để ra chủ trương và giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương, tạo yếu tố bất ngờ, đảm bảo

chắc thắng cho Đồng khởi, từ trong Đồng khởi, quyền làm chủ của nhân dân được xác lập ở "1.383 trong tổng số 2.627 xã"; lực lượng vũ trang, bán vũ trang được xây dựng và từng bước trưởng thành.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã khôi phục lại các căn cứ địa cách mạng, tạo điều kiện cho vùng giải phóng được mở rộng, thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng ở các đồn điền, nhà máy, ở các trung tâm đô thị phát triển mạnh. Thắng lợi đó đã làm phá sản chiến lược chiến tranh đầu tiên của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam, góp phần đưa đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20-12-1960.

Với Đồng khởi, cách mạng miền Nam đã có bước nhảy vọt, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công cách mạng. Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam mở đầu bằng phong trào Đồng khởi đã làm phong phú thêm nghệ thuật quân sự của cha ông ta trong lịch sử. Khởi sự bằng Đồng khởi, quân dân miền Nam đã chứng minh nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng: "Thế lực của đế quốc Mỹ ngày nay trên thế giới ngày càng sa sút, thế lực của chúng ở miền Nam căn bản không phải mạnh. Tình hình ngày càng biến chuyển bất lợi cho chúng, có lợi cho ta"¹ là hoàn toàn đúng đắn.

Nghị quyết 15 cho thấy quyết định của Người và Đảng ta thực sự "đã tạo ra một phương thức mới, tạo đột biến cho tình hình, đưa cách mạng chuyển sang bước nhảy vọt thần kỳ", khẳng định tầm vóc trí tuệ, bản lĩnh và tư duy của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về cách thức mở đầu cuộc chiến tranh nhân dân chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Quyết định của Người và Trung ương Đảng về đường lối, nhiệm vụ, phương pháp của cách mạng miền Nam thể hiện

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*. Sdd, t.20, tr.28.

trong Nghị quyết cũng cho thấy quyết tâm tiến hành chiến tranh cách mạng của cả dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh lịch sử với đế quốc Mỹ để giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp, trong hoàn cảnh cách mạng đang chuyển giai đoạn đấu tranh, nội dung của Nghị quyết 15 về cách mạng miền Nam đã phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, khẳng định quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng. Quyết tâm đó thể hiện tư tưởng độc lập, tự chủ của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bối cảnh đầy khó khăn, thử thách, dù không được sự ủng hộ của một số đảng anh em.

Hơn 15 năm sau khi Nghị quyết về cách mạng miền Nam ra đời, với đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được cụ thể hoá trong Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960) và nhiều nghị quyết Trung ương khác, mùa Xuân năm 1975, với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Miền Nam được giải phóng, hai miền Nam - Bắc sum họp một nhà.

PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI - BƯỚC MỞ ĐẦU CHO NHỮNG THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM

PGS, TS. TRẦN THỊ THU HƯƠNG*

Nhận định về tầm vóc và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã ghi rõ: Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc¹.

Với thắng lợi "đã diễn ra với tốc độ một ngày bằng hai mươi năm" của mùa xuân 1975 "là bước phát triển ở giai đoạn chín muồi trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là kết quả hợp thành của tất cả những lực lượng, những yếu tố làm nên sức mạnh tái thắng của nhân dân ta trong cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại"². Đó là thắng lợi của một quá trình khơi dậy tinh thần bất khuất kiên cường, ý chí quyết tâm và trí tuệ của

* Phó Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.37, tr. 978-1053, 482.

cả dân tộc đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, được biểu hiện một cách sinh động bởi một chuỗi sự kiện lịch sử vĩ đại từ Đồng khởi năm 1960 đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu thân năm 1968 và Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Năm mươi năm đã trôi qua, kể từ khi phong trào Đồng khởi bùng nổ khắp miền Nam, thời gian đủ độ lùi để chúng ta nhìn nhận một cách khách quan bước phát triển của cách mạng Việt Nam qua những mốc lịch sử trọng đại dẫn đến toàn thắng trong cuộc chiến tranh giữ nước, thấm thấu hơn những giá trị đích thực mà toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta nỗ lực, hy sinh phấn đấu cho nền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

1. Bước phát triển về đường lối cách mạng Việt Nam trước những thách thức mới: Sau năm 1954, trước sự khủng bố, đàn áp khốc liệt của kẻ thù nhằm triệt phá lực lượng cách mạng miền Nam, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, cách mạng miền Nam đứng trước những khó khăn tưởng chừng không vượt qua. Từ trong khói lửa chiến tranh ấy, Đảng đã được rèn luyện bản lĩnh cách mạng, từng bước lãnh đạo cách mạng miền Nam trong thế giữ gìn lực lượng (1954-1959), với Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) năm 1959 - nghị quyết được hình thành từ yêu cầu của thực tiễn trên chiến trường miền Nam bất gặp tư duy lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc trong điều kiện, hoàn cảnh mới - đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh của nhân dân miền Nam. Nghị quyết xác định phương pháp tiến hành chiến tranh cách mạng miền Nam là bạo lực cách mạng của quần chúng. Nghị quyết 15 mở ra phương hướng phát triển cho cách mạng miền Nam và đáp ứng yêu cầu cấp bách của nhân dân là đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thống nhất đất nước. Từ khởi nghĩa từng phần, nhân dân miền Nam đã làm nên một cao trào Đồng khởi, làm thất bại

hình thức thống trị điển hình của chủ nghĩa thực dân mới, buộc Mỹ phải bị động chuyển chiến lược chiến tranh.

Thắng lợi của Đồng khởi là sự minh chứng sinh động về Nghị quyết 15 của Đảng thực sự đi vào thực tiễn cách mạng. Thắng lợi Đồng khởi là một minh chứng thể hiện khoa học và nghệ thuật lãnh đạo chiến tranh của Đảng ở khâu biết mở đầu chiến tranh cách mạng một cách độc đáo, khéo léo, với tinh thần độc lập, tự chủ sáng tạo, ý Đảng hợp lòng dân, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại, đưa cách mạng miền Nam vượt qua những tình huống cực kỳ khó khăn, tạo nên những bước ngoặt quyết định.

Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960) bổ sung và phát triển những quan điểm và chủ trương của Nghị quyết 15. Đặc biệt là sự khẳng định về vị trí của nhiệm vụ cách mạng ở mỗi miền: nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất đất nước. Cách mạng miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đường lối ấy đã thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng không chỉ khơi dậy sức mạnh tổng hợp của cả nước trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến mà còn là nền tảng, sự định hướng cho cả bước phát triển tiếp theo của cả dân tộc khi đã hoàn thành công cuộc giải phóng.

2. Trên đà thắng lợi của cao trào Đồng khởi, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, ngày 20-12-1960 Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch¹. Đó là một thắng lợi của công tác dân vận của Đảng trong công cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Từ

1. Lúc này, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ còn đang bị địch giam lỏng ở Phú Yên.

đây, cách mạng miền Nam đã có một tổ chức chính trị để hiệu triệu quần chúng đứng lên đánh đổ chế độ thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai.

Sức mạnh tiến công của cao trào Đồng khởi đã đập tan từng mảng lớn chính quyền cơ sở của địch ở nông thôn, làm phá sản chế độ thực dân mới điển hình mà đế quốc Mỹ dựng lên tại miền Nam Việt Nam. Từ năm 1961, với chiến lược "chiến tranh đặc biệt" đế quốc Mỹ hy vọng thôn tính được Việt Nam và rút kinh nghiệm đàn áp phong trào nổi dậy của các dân tộc khác. Trên cơ sở phân tích một cách khoa học, Đảng đã quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang cuộc chiến tranh cách mạng² và chỉ rõ những nhiệm vụ cụ thể cho cách mạng miền Nam là phải tiêu hao lực lượng quân đội Sài Gòn và làm phá sản quốc sách áp chiến lược của địch.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội III của Đảng và *Điều lệ Đảng*, ngày 23-1-1961 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam (10-1961), trực tiếp chỉ đạo cách mạng miền Nam tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng. Thực hiện chủ trương đẩy mạnh cuộc chiến tranh cách mạng với phương châm "hai chân", "ba mũi", "ba vùng", quân và dân ta ở miền Nam đã lập chiến công ở Ấp Bắc. Chiến thắng Ấp Bắc (đầu năm 1963) thể hiện sức mạnh và hiệu quả của đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, chống địch càn quét và nổi dậy giành quyền làm chủ. Chiến thắng đó đánh dấu bước chuyển biến mới của chiến tranh cách mạng: "Sau Ấp Bắc của ta, đế quốc Mỹ_v thấy rằng chúng khó thắng được ta"². Sau hơn bốn

1. Xem Chỉ thị của Bộ Chính trị tháng 1-1961.

2. *Một số văn kiện Đảng về chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, t.1, tr.217.

năm, quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đánh thắng chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ.

3. Đến năm 1965, để cứu vãn tình thế, Mỹ đã ồ ạt đưa lính viễn chinh Mỹ và quân các nước đồng minh vào chiến trường miền Nam Việt Nam, điên cuồng đánh phá miền Bắc, thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ". Hơn bao giờ hết, Đảng ta đã tập trung trí tuệ, tinh táo phân tích một cách khoa học thế và lực của hai bên và đi đến khẳng định: "... ngày nay mặc dầu đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân đội viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn. Tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch"¹. Từ đó, Đảng ta xây dựng quyết tâm đánh Mỹ và quyết tâm thắng Mỹ trong quân và dân cả nước với tư tưởng chiến lược tiến công (Nghị quyết 11 (3-1965) và Nghị quyết 12 (12-1965). Thực tiễn đó ở cả hai miền Nam, Bắc là cơ sở để Đảng ta, tại Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (12-1965) hạ quyết tâm: "*Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta ở cả hai miền phải giữ vững và nêu cao quyết tâm đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ, cứu nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, kiên quyết chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng*"². Trung ương đề ra: "Phương châm chiến lược chung trong cuộc chiến tranh giải phóng là *đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính*", tiếp tục phương châm đấu tranh ở miền Nam là đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công.

1. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr.633, 635.

Điều đó thể hiện tư duy chính trị và trí tuệ của Đảng trong việc phân tích một cách khoa học, toàn diện tình hình, để đưa ra được những kết luận chính xác. Chính đó là nguồn động viên, cổ vũ toàn quân và toàn dân ta tìm cách đánh Mỹ và quyết tâm thắng Mỹ. Ở miền Nam, sau hai mùa khô 1965-1966, 1966-1967, dù Mỹ đã tập trung một lực lượng lớn quân để tiêu diệt lực lượng chủ lực miền Nam, song với quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, quân và dân ta đã từng bước làm chủ trên chiến trường trước các cuộc phản công quyết liệt của chúng.

Ở miền Bắc, để đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, theo tinh thần các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11, 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và sự chỉ đạo của các cấp bộ Đảng, chính quyền, hoạt động sản xuất và đời sống của miền Bắc đã chuyển sang thời chiến, vừa tích cực chủ động phòng tránh bom đạn địch, vừa tổ chức lực lượng vũ trang sử dụng nhiều phương pháp tác chiến tiến công máy bay và tàu chiến địch. Nhân dân miền Bắc đã thể hiện rõ ý chí ngoan cường trong chiến đấu, mở đường giao thông, giữ vững các tuyến huyết mạch chi viện miền Nam, thi đua sản xuất, duy trì và phát triển giáo dục, văn hoá, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Cùng với những hoạt động trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chủ trương tiến công đế quốc Mỹ trên mặt trận ngoại giao, vạch rõ tội ác xâm lược của chúng và nêu cao thiện chí hòa bình, kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ.

Chưa khi nào khí thế đánh Mỹ dâng cao như thời kỳ này trên cả hai miền, trở thành cao trào toàn dân chống Mỹ, cứu nước sục sôi trên cả nước. Với thắng lợi to lớn trên chiến trường, đầu năm 1967 Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở mặt trận ngoại giao, nhằm

tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ sâu rộng và mạnh mẽ hơn nữa của thế giới đối với cuộc kháng chiến của Việt Nam. Sau hai mùa khô thất bại nặng nề trên chiến trường Việt Nam, giới cầm quyền Mỹ tuy dao động, lúng túng, nhưng tình hình chiến trường vẫn phức tạp, chúng vẫn ngoan cố tiếp tục tăng quân chuẩn bị mở cuộc phản công chiến lược lần thứ ba. Quân và dân ta thắng lớn nhưng chưa làm chuyển biến cơ bản cục diện chiến tranh có lợi cho cách mạng.

Trước tình hình ấy, tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp bàn chuyển cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định, muốn vậy ta phải tạo ra một bước ngoặt lớn của cuộc chiến tranh; phải giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ. Chủ trương đó được Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1-1968) nhất trí thông qua. Trung ương Đảng đánh giá: "Trong những điều kiện và đặc điểm cơ bản nói trên, nhân dân Việt Nam có đầy đủ khả năng tạo ra cho mình một sức mạnh to lớn về chính trị và quân sự để chiến thắng bất cứ bọn đế quốc xâm lược nào"¹ và "chúng ta đã thắng địch cả về chiến lược lẫn chiến thuật và thế lực của ta phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết"².

Do vậy, Trung ương Đảng quyết định: "Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta trong thời kỳ mới là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định, đạt tới mục tiêu chiến lược mà Đảng ta đã đề ra là:

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.29, tr.47, 48.

a) Tiêu diệt và làm tan rã tuyệt đại bộ phận quân nguy, đánh đổ nguy quyền các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.

b) Tiêu diệt một phần quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ, làm cho quân Mỹ không thực hiện được các nhiệm vụ chính trị và quân sự của chúng ở Việt Nam.

c) Trên cơ sở đó, đập tan ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải chịu thua ở miền Nam, chấm dứt mọi hành động chiến tranh đối với miền Bắc, còn ta thì bảo vệ được miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đạt được những mục tiêu trước mắt của cách mạng miền Nam là độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà"¹. Từ phương hướng ấy, Đảng chủ trương về phương pháp "không chỉ phát động tổng công kích mà còn đồng thời phát động tổng khởi nghĩa", sử dụng lực lượng tổng hợp thực hiện ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược, tập trung "mũi nhọn thọc sâu vào yết hầu của địch". Đó là cách đánh chưa từng diễn ra trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và cũng hiếm có trong lịch sử chiến tranh cách mạng: chọn hướng chiến lược hiểm và dùng cách đánh mới để tạo nên một bước nhảy vọt về thế và lực của cách mạng Việt Nam.

Thắng lợi chiến lược của Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, còn nhiều điểm cần phải rút kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo tác chiến, nhưng một điều không thể phai mờ trong lịch sử chống Mỹ, cứu nước là sự tác động của thắng lợi đó như "một quả bom nổ giữa dư luận" của nhân dân Mỹ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, đánh vào ý chí xâm lược của Mỹ, tạo ra bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố hạn chế, rồi chấm dứt ném bom miền Bắc và chấp nhận đàm phán với ta tại Pari.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.29, tr.50.

Hiệp định Pari năm 1973 là thắng lợi rất to lớn và cơ bản để hoàn thành "lộ trình" thắng lợi từng bước, từ "dánh cho Mỹ rút" đến "dánh cho ngụy nhào" đi đến giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc. Thắng lợi từng bước, đánh thắng địch từng bộ phận, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn đã trở thành quy luật của cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Thắng lợi đó là kết quả của cả một quá trình lãnh đạo và chỉ đạo chủ động, chính xác, kịp thời, kiên quyết, táo bạo và sắc bén của Trung ương Đảng, đặc biệt từ sau bước ngoặt của cách mạng miền Nam mà chiến thắng Đống khởi mở đầu.

Từ sau Đống khởi, thế và lực của cách mạng Việt Nam đã từng bước chuyển biến một cách rõ rệt trên toàn chiến trường. Năm năm sau Đống khởi, năm 1965, Gi Gôn - một nhà nghiên cứu Mỹ đã nhận xét: "Sự đối phó chủ động của Việt cộng trên các mặt chiến lược, chiến thuật, vũ khí, đặc biệt là về mặt tranh thủ tâm hồn... Sai lầm nghiêm trọng của Mỹ là không thừa nhận một "thực tế Việt cộng" nên cứ bị lôi cuốn theo chiến tranh"¹. Và Oétmolen - Tư lệnh lực lượng Mỹ ở miền Nam đã cay đắng thừa nhận: "Hà Nội khuynh đảo nửa miền Nam Việt Nam. Chính phủ Sài Gòn sắp sụp đổ"². Từ bước phát triển về thế và lực đó, cách mạng Việt Nam đã có được Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, đến Hiệp định Pari năm 1973 và cuối cùng là đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Đống khởi chính là mốc mở đầu cho những thành quả vĩ đại của bước phát triển biện chứng về nhận thức cũng như

1. *Phương Tây viết về cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam*, Thông tin khoa học quân sự, số 1-1977, Phòng Thông tin - tư liệu Viện Khoa học quân sự, tr.37.

2. Dẫn theo *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.287.

hoạt động chỉ đạo thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo quân và dân cả nước vượt qua những thử thách khắc nghiệt của lịch sử làm nên thiên anh hùng ca bất hủ của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, trở thành: "một di sản văn hoá và văn minh của nhân loại thế kỷ XX"¹.

1. Phát biểu của Tổng thống Angiêri Butêphôrica ngày 1-7-1999, báo *Nhân dân*, ngày 5-7-1999.

ĐỔNG KHỞI Ở MIỀN NAM NĂM 1959-1960 SỚM HAY MUỘN

PGS, TS. HÀ MINH HỒNG*

Về sự xuất hiện những yếu tố của tình thế cách mạng miền Nam

Lênin đã chỉ ra rằng: "Muốn có cách mạng thì riêng việc quần chúng bị áp bức và bóc lột nhận thức được rằng không thể sống như trước nữa và đòi hỏi phải có sự thay đổi, cũng chưa đủ; muốn có cách mạng, còn phải có tình hình là những kẻ bóc lột cũng không thể sống và thống trị như trước được nữa. Chỉ khi nào "những kẻ bên dưới" không muốn tiếp tục sống như trước nữa và "những kẻ bên trên" cũng không thể tiếp tục sống như trước nữa thì cách mạng mới có thể thắng lợi... Không thể có cách mạng nếu không có một cuộc khủng hoảng toàn quốc (rung động cả những người bị bóc lột lẫn những kẻ bóc lột)"¹.

Lênin còn nhấn mạnh đến những nhân tố chủ quan và cho rằng đó là những nhân tố quan trọng nhất, quyết định nhất của một cuộc cách mạng. Trong những nhân tố chủ quan ấy không thể thiếu được vai trò của đội tiên phong (sự lãnh đạo của

Đảng) trong việc chuẩn bị lực lượng và những điều kiện vật chất, tinh thần cho cách mạng, cũng như trong việc phân tích tình thế, thời cơ chín muồi và đưa ra những quyết định làm bùng nổ cách mạng.

Lênin và Đảng Bôn-sê-vích Nga đã vận dụng thành công những vấn đề lý luận cơ bản ấy vào thực tiễn cách mạng Nga, đặc biệt là quá trình chuẩn bị và thực hiện biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng, chớp thời cơ chiến tranh tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Mười (năm 1917) vĩ đại.

Noi theo Cách mạng Tháng Mười Nga, vận dụng sáng tạo lời dạy của Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã làm nên Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. Thắng lợi của Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Nam khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, là một thực tế hùng hồn chứng minh phong phú lời dạy của Lênin về tình thế cách mạng, bạo lực cách mạng, khởi nghĩa giành chính quyền.

Đó là những bài học lịch sử quý báu để áp dụng vào tình hình thực tiễn cách mạng miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ, nhất là những năm 1957-1960 nhằm chuyển thế chiến lược cho cách mạng.

Tuy nhiên, cách mạng miền Nam những năm sau Hiệp định Giơnevơ tồn tại trong điều kiện không có chiến tranh thế giới, hơn nữa cần phải bảo vệ hòa bình thế giới. Kẻ thù của cách mạng là đế quốc Mỹ với chính sách thực dân mới và chính quyền tay sai do Ngô Đình Diệm cầm đầu được xây dựng cũng cố trở nên mạnh hơn bao giờ hết. Chính quyền Diệm không chỉ tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh, mà còn sử dụng cả lực lượng bạo lực khổng lồ và bộ máy chiến tranh ra sức phản kích các lực lượng cách mạng còn lại ở miền Nam.

Làm thế nào để cách mạng vẫn có thể nổ ra và thắng lợi? Và điều quan trọng hơn là dựa vào sức mạnh nào để phát động quần chúng đứng lên trong thời điểm lịch sử nào cho thích hợp nhất?

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

1. V. I. Lênin: *Bệnh đau trí tuệ khuynh trong phong trào cộng sản*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1973, tr.125-126.

Vào thời điểm tròn hai năm thi hành Hiệp định Giơnevơ, Ngô Đình Diệm có Mỹ giúp sức đã hoàn toàn chà đạp lên nguyện vọng thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam; khả năng và con đường hòa bình thống nhất đất nước đến đây đã hoàn toàn bị Mỹ - Diệm bác bỏ. Chính vào thời điểm đó bản *Đường lối cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo đã ra đời nhằm đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên. *Đường lối cách mạng miền Nam* khẳng định: "Để chống lại Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác"¹.

Đây là sự lựa chọn tất yếu không chỉ do lịch sử cách mạng Việt Nam quy định, mà còn do thực tế kẻ thù đã dùng bạo lực để chống lại nhân dân, chống phá cách mạng. Sự lựa chọn con đường cách mạng của *Đường lối cách mạng miền Nam* như vậy là khá nhanh chóng, thể hiện sự nhạy bén của người lãnh đạo, kịp thời nắm bắt thực tiễn và đề ra chủ trương sát hợp. Có thể coi sự ra đời của *Đường lối cách mạng miền Nam* là sự xuất hiện sớm - đi trước một bước của một trong những yếu tố thời cơ và điều kiện tiên quyết làm bùng nổ cách mạng. Tư tưởng lớn của *Đường lối cách mạng miền Nam* và Nghị quyết 15 lịch sử của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) trở thành ngọn đèn soi sáng con đường quật khởi của nhân dân miền Nam.

Ở miền Nam những năm từ 1957 trở đi, chế độ Sài Gòn đi dần vào tình trạng bất ổn. Chính quyền Mỹ - Diệm ra sức tăng cường khả năng ứng phó về quân sự, triển khai hệ thống gián điệp, mật vụ từ trung ương xuống các địa phương, tăng cường

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr.785.

trang bị cho dân vệ, phòng vệ dân sự, đẩy mạnh việc quân sự hóa lực lượng thanh niên địa phương...

Trong khi đó, nhân dân và các lực lượng cách mạng còn lại ở miền Nam, nhất là vùng căn cứ kháng chiến cũ, bị đàn áp khủng bố rất ác liệt. Người dân bị đe dọa về tính mạng, bị cướp đoạt về ruộng đất, tài sản; người cán bộ, đảng viên, du kích bị truy lùng và phải "điều, lắng" hoặc mất liên lạc, không hoạt động. Lực lượng cách mạng và phong trào cách mạng bị tổn thất nặng nề. Việc giữ gìn lực lượng bằng những cách thức như cũ đã không có hiệu quả. Dịch dã sử dụng lực lượng chiến tranh, phương tiện chiến tranh, biện pháp chiến tranh để chống lại nhân dân yêu nước, thì nhân dân và các lực lượng cách mạng cũng phải dùng bạo lực để chống lại chúng. Những nhóm vũ trang tuyên truyền, những đội tự vệ mật xuất hiện ở Khu V và Nam Bộ vào đầu năm 1957 đã hỗ trợ cho phong trào quần chúng đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, chống càn quét, tố cộng. Từ cuối năm 1957, đầu năm 1958, hầu hết các địa phương đều thành lập đội vũ trang để tự vệ. Giữa năm 1958, Bộ Chỉ huy quân sự miền Đông được thành lập để đẩy mạnh các hoạt động quân sự và vũ trang tuyên truyền. Đến năm 1959, toàn miền Nam có 139 trung đội vũ trang tập trung và vũ trang tuyên truyền, hàng trăm tổ tự vệ. Không tự giới hạn trong những hoạt động tự vệ và hỗ trợ cho đấu tranh chính trị nữa, các lực lượng vũ trang quần chúng đã tiến lên diệt tế trừ gian, diệt ác phá kìm. Tài liệu mật Lầu Năm Góc của Mỹ xác nhận: năm 1958 có 193 vụ trừng trị bọn ác ôn, trong bốn tháng đầu năm 1959 có 119 vụ nữa. Từ nửa cuối năm 1957 các hoạt động vũ trang tuyên truyền rộ lên như một chuyển biến mới trong phong trào quần chúng cách mạng ở miền Nam. Tại Thủ Dầu Một, lực lượng vũ trang tuyên truyền của tỉnh đã tấn công địch tại thị trấn Minh Thạnh (18-10-1957). Tại Biên Hòa, lực lượng vũ trang địa phương đột nhập đánh địch ở Trại Be (18-9-1957).

Ngày 10-8-1958 xảy ra trận tiến công địch ở quận lỵ Dầu Tiếng, diệt và bắt sống nhiều địch, thu nhiều vũ khí. Ngày 20-10-1958, lực lượng vũ trang địa phương tấn công trụ sở phái đoàn MAAG của Mỹ ở Biên Hòa... Cùng lúc ấy, đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân ở cả nông thôn và đô thị cũng tiếp tục đẩy lên những cao trào mới. Năm 1957 có 2.000.000 lượt người đấu tranh chính trị, năm 1958 có 3.700.000 lượt người tham gia và năm 1959 có 5.000.000 lượt người tham gia. Hai năm 1957-1958, công nhân các đô thị tiến hành 804 cuộc đấu tranh tập thể và 14.106 cuộc đấu tranh cá nhân. Ngày 1-5-1958, hơn nửa triệu công nhân và lao động cùng các tầng lớp nhân dân Sài Gòn mít tinh giương cao các khẩu hiệu đòi giải quyết nạn thất nghiệp và đòi các quyền lợi chung của nhân dân ở cả thành thị và nông thôn.

Cho đến giữa năm 1959 sự bất mãn và phẫn nộ đối với chính quyền Diệm cứ ngày càng tăng không thể kìm chế được. Đối phó với tình hình ấy, chính quyền Ngô Đình Diệm theo yêu cầu của Mỹ, đã đề ra hàng loạt biện pháp mới: tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh (23-3-1959), ban hành Luật 10/59 (6-5-1959) quy định hai hình phạt cho những người chống đối là tử hình và khổ sai chung thân, lập tòa án quân sự đặc biệt lưu động xét xử những người yêu nước ở các nơi, ban hành Luật 21/59 về việc dùng máy chém trong thi hành án... Cùng lúc đó, chính quyền Diệm huy động tất cả các lực lượng quân đội, cảnh sát mở hàng ngàn cuộc càn quét lùng sục đánh phá, mục tiêu là tấn công các lực lượng cách mạng đang hình thành ở các địa phương (chỉ riêng tỉnh Cần Thơ, 6 tháng cuối năm 1959, Diệm mở 5.000 cuộc hành quân các loại). Dù rất tin vào quyết tâm chống cộng của Diệm, nhưng Mỹ vẫn phải tăng cường chuẩn bị những biện pháp chiến tranh, hỗ trợ mạnh cho Diệm củng cố, tăng cường quân đội, củng cố chế độ thực dân mới ở miền Nam cả về chính trị, quân sự và kinh tế. Viện trợ

của Mỹ cho miền Nam năm 1959 đứng thứ ba trong các nước Đông Nam Á, đứng thứ bảy trong số các nước trên thế giới nhận nhiều viện trợ Mỹ. Lực lượng cố vấn Mỹ được tăng thêm cả về quân số lẫn các phái đoàn. Hệ thống hậu cần, thiết bị chiến trường, đường sá phục vụ cho chiến tranh được xây dựng và mở rộng, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến tranh. Xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa được xây dựng (8-1959) là một trong những biểu hiện quyết tâm mới của Mỹ ở miền Nam.

Như vậy, đến giữa năm 1959, chính quyền Mỹ - Diệm ở miền Nam đã thực sự không thể thống trị như cũ được nữa: nhân dân miền Nam sau mấy năm đối phó với những âm mưu thủ đoạn tàn bạo của Mỹ - Diệm, cũng không thể tiếp tục sống như cũ được nữa. Tình hình miền Nam những năm 1958-1959 diễn ra gần giống như thời kỳ những năm 1942-1944 trong Cách mạng Tháng Tám, khi hòa bình cách mạng đã qua nhưng chiến tranh cách mạng thì chưa tới - quần chúng yêu nước có thể đứng lên khởi nghĩa bất cứ lúc nào. Đặc biệt là ở Khu V, từ đầu năm 1959, những cuộc nổi dậy diệt ác phá kìm giành quyền làm chủ đã nổ ra trong các huyện Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Bình Thuận), đó là dấu hiệu của thời cơ cách mạng miền Nam đang đi tới chín muồi cho phong trào khởi nghĩa từng phần. Trong lúc không có chiến tranh thế giới và yêu cầu bảo vệ hòa bình thế giới đang bức xúc, việc xác định thời cơ và tình thế để đưa cách mạng miền Nam tiến lên đòi hỏi phải có những căn cứ chuẩn xác. Điều cần thiết nhất lúc này là một quyết định táo bạo sáng suốt của người tổ chức lãnh đạo để châm ngọn lửa làm bùng cháy lên phong trào cách mạng.

Tháng 1-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương (mở rộng) (khóa II) họp đã nắm bắt kịp thời tình hình chuyển biến và yêu cầu bức xúc của cách mạng miền Nam, xác định phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm.

Những yếu tố chủ quan của tình thế cách mạng đã hội tụ đầy đủ. Phong trào khởi nghĩa từng phần ở miền Nam từ đó đồng loạt nổ ra, minh chứng cho một thực tế "không một chế độ độc tài phát xít nào có thể ngăn cản nổi cách mạng vùng lên. Ở miền Nam nước ta, khi mà bọn nguy quyền tay sai đế quốc Mỹ đã phải dùng đến thủ đoạn phát xít tàn bạo nhất đối với nhân dân, chính là lúc mà chúng đã thất bại cơ bản về chính trị, chính là lúc mà tình thế cách mạng hình thành, chính là lúc mà cách mạng có thể vùng lên và thật sự đã vùng lên"¹.

Trở lại vấn đề sớm hay muộn

Tư tưởng cách mạng bạo lực từ kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 được vận dụng vào cách mạng miền Nam từ khá sớm. Nếu lấy mốc tháng 8-1956 bản *Đường lối cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn ra đời, thì có thể hiểu sự chỉ đạo của Trung ương Đảng về cách mạng miền Nam là kịp thời và rất sớm. Sự thực là tinh thần và tư tưởng của "nghị quyết chuyển chiến lược" này được hình thành trên cơ sở định hướng năm 1954 của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của *Đường lối cách mạng miền Nam* từ năm 1956.

Một thực tế khác là phong trào quần chúng nhân dân ở miền Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ đã dấy lên rất sớm và ngày càng mạnh mẽ, từ đấu tranh chính trị lấy pháp lý Hiệp định làm khẩu hiệu đấu tranh trong những năm 1954-1956 đến tự vệ vũ trang và kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang tự vệ trong những năm 1957-1959. Khi chính quyền Ngô Đình Diệm đã buộc phải sử dụng biện pháp phát xít để duy trì chế độ gia đình trị và chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam thì nhân dân miền Nam cũng đã và đang trở lại con đường cách mạng bạo lực để chống lại bạo lực phản cách mạng của địch.

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Sđd, tr.48.

Điều cản trở nhất lúc này đối với nhân dân miền Nam là sự chỉ đạo của Trung ương về đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ bằng biện pháp đấu tranh chính trị đã được các đảng bộ miền Nam thi hành triệt để và rất nghiêm túc. Vào lúc "khắp miền Nam đang rậm rịch chuẩn bị và nóng lòng chờ lệnh cho hoạt động vũ trang", thì các đảng bộ địa phương miền Nam và cả Xứ ủy vẫn tuyệt đối đợi lệnh bằng việc duy trì đấu tranh chính trị để tránh vi phạm một chủ trương của Trung ương có từ lâu (sau tháng 7-1954), nhất là khi chủ trương ấy đã không còn phù hợp trong thực tế đấu tranh. Việc tự vệ vũ trang chống địch lúc này có khi còn bị phê phán là "tư tưởng vũ trang manh động", là "thiếu tin tưởng đường lối"¹. Thiết tưởng sớm hay muộn cùng chủ yếu từ thực tế địa phương là yếu tố quyết định nhất.

Những chi tiết mà các đồng chí Phạm Văn Xô và Phan Văn Đáng thay mặt Xứ ủy Nam Bộ ra dự Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) cho biết đã lộ rõ hơn một thực tế trách nhiệm của người lãnh đạo cách mạng ở các địa phương trong việc thi hành chủ trương của Trung ương Đảng. Sau Hội nghị đợt 1 không thấy kết quả, các đồng chí Phạm Văn Xô và Phan Văn Đáng thất vọng xin trở về Nam. Trước khi về, đồng chí Lê Duẩn bố trí cho hai anh lên chào Bác Hồ. Trước khi gặp Bác Hồ, đồng chí Lê Duẩn đề nghị đại diện Nam Bộ "Cứ nói hết tình hình miền Nam với Bác". Hỏi chuyện miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn các đồng chí Phạm Văn Xô và Phan Văn Đáng: "Miền Nam ở xa, Xứ ủy Nam Bộ phải chịu trách nhiệm với Trung ương. Cách mạng phải sáng tạo. Kiên quyết không để cho Mỹ - Diệm tiêu diệt cách mạng miền Nam". Hai đồng chí Phạm Văn Xô và Phan Văn Đáng sau đó gặp trực tiếp đồng chí

1. Xem thêm *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.305-306.

Lê Duẩn trước khi về Nam và được đồng chí chỉ thị: "Bác nói thế rồi! Vậy các anh về báo cáo với Xứ ủy cứ thế mà làm"¹.

Phong trào Đồng khởi từ sau Nghị quyết 15 phát triển nhanh không gì cản nổi, bởi đã đến lúc ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Và điều cơ bản là phong trào đã phản ánh rõ sức mạnh của quần chúng dưới sự lãnh đạo của các đảng bộ địa phương cũng như sự chỉ đạo của các Xứ ủy dám phát động quần chúng đứng lên khởi nghĩa kịp thời với sự chỉ đạo của Trung ương.

Ngọn lửa Đồng khởi đã bùng lên và nhanh chóng bén vào cánh đồng cỏ khô toàn miền Nam, thiêu đốt chế độ độc tài phát xít, lôi cuốn các tầng lớp nhân dân, nhất là ở nông thôn vào cơn lốc cách mạng. Nghị quyết Đảng "là một bước ngoặt lớn vạch rõ lối đi sáng sủa về đường lối phương hướng, phương châm cách mạng". "Đảng cho đánh rồi" như một luồng điện chạy đến mọi người gây niềm phấn khởi, tin tưởng vô hạn, thổi bùng lên khí thế cách mạng của quần chúng"². Không khí chuẩn bị khởi nghĩa giống như thuở nào của thời kỳ kháng Nhật, cứu nước, với khởi nghĩa từng phần mở đường cho địa phương tiến tới giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám.

Ở Bình Định (tháng 2-1959), nhân dân các làng Tà Lóc, Tà Lết, Hà Ri (huyện Vĩnh Thạnh) được cơ sở đảng ở đây tổ chức chuyển vào rừng lập đội vũ trang, xây dựng căn cứ và chống địch càn quét.

Ở Phú Yên (tháng 5-1959), nhân dân vùng Thổ Lô (huyện Vân Canh) công khai diệt ác phá kìm; tháng 9-1959 nhiều xã

trong huyện Tuy Hòa 1 nổi dậy mở vùng giải phóng, thành lập đơn vị vũ trang tập trung.

Ở các tỉnh Tây Nguyên (Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc) đầu năm 1959, vùng giải phóng hình thành, các đơn vị vũ trang tập trung ra đời.

Trong khi đó ở Nam Bộ, từ tháng 10-1959 nổ ra nhiều cuộc nổi dậy diệt ác phá kìm, phá khu trừ mật ở Chơn Thành, Dương Minh Châu, Bến Cầu..., lực lượng vũ trang địa phương các tỉnh ra đời hoạt động khá mạnh. Ngày 24-9-1959, lực lượng vũ trang tỉnh Rạch Giá diệt gọn chi khu địch ở Xẻo Rô. Ngày 26-9-1959, trận phục kích của Tiểu đoàn 502 tại căn cứ Gò Quản Cung (Kiến Phong) đập tan cuộc càn của một tiểu đoàn địch, đánh chìm nhiều tàu xuồng của chúng, thu 705 súng.

Từ sau chiến thắng Gò Quản Cung, tình hình cách mạng ở Khu VIII cũng như toàn Nam Bộ sôi nổi hẳn lên. Trong khi thế đó, đầu tháng 12-1959 các tỉnh Trung Nam Bộ (Khu VIII) triển khai Nghị quyết 15, để ra kế hoạch lãnh đạo các địa phương nổi dậy khởi nghĩa.

Đêm 2-1-1960, lãnh đạo tỉnh Bến Tre họp dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Thị Định, Phó Bí thư Tỉnh ủy, người vừa dự hội nghị Khu ủy trở về. Hội nghị quyết định phát động một tuần lễ (từ 17 đến 25-1-1960) toàn dân nổi dậy diệt ác phá kìm, giải phóng nông thôn làm chủ ruộng vườn, với phương châm: "Yếu làm theo yếu, mạnh làm theo mạnh", "đánh phải đánh tới tấp. Phát triển lực lượng hết khả năng không hạn chế. Khi sóng gió nổi lên thì phải mạnh dạn căng buồm lướt sóng, nhằm thẳng mục tiêu mà tiến tới"³.

Ngay sau Hội nghị Tỉnh ủy, những "tổ hành động" làm nông cốt được gấp rút thành lập; các tổ tự trang bị vũ khí và ra sức

1. Lê Đức Anh: *Lê Duẩn - Một tư duy sáng tạo không ngừng*. Vietnannet, tháng 1-2007.

2. Dẫn theo *Tìm hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr.167-168.

3. Theo *Tìm hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*, Sđd, tr.269.

hoạt động theo dõi địch, nghi binh địch. Đồng thời gấp rút tổ chức ngay một lực lượng quần chúng công khai để chuẩn bị đấu tranh hợp pháp, củng cố lại lực lượng nội tuyến để chuẩn bị phối hợp đấu tranh. Các cán bộ tỉnh và huyện được phân công cụ thể công việc ở các trọng điểm. Số cán bộ điều lắng cũng gấp rút trở về vị trí. Ba huyện cù lao Minh (Minh Tân, Mỏ Cày, Thạnh Phú) là nơi chỉ đạo điểm, trong đó huyện Mỏ Cày được chọn là điểm khởi, ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh của Mỏ Cày là trung tâm của trọng điểm này.

Ngày 17-1-1960 "sóng thần" quật khởi đã nổi lên ở các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh của huyện Mỏ Cày tỉnh Bến Tre. Mở đầu là ở Định Thủy, tổ hành động tập trung diệt tổng đoàn dân vệ và bọn ác ôn, nhanh chóng đánh chiếm bốt địch. Cùng lúc đó, nhân dân nổi trống mõ, hò la vang dậy gây khí thế áp đảo phá tan hệ thống kim kẹp của địch ở xã ấp. Từ sáng sớm ngày 17-1 đến đêm 20-1-1960, quần chúng cách mạng nổi dậy giải phóng hoàn toàn xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh. Ngày 19-1-1960, tại xã Bình Khánh, lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh được thành lập.

Từ cuối tháng 1-1960, ngọn lửa Đồng khởi nhen lên từ ba xã Mỏ Cày đã bùng cháy lan ra khắp các xã còn lại của Mỏ Cày và lan nhanh sang Minh Tân, Thạnh Phú. Những cơn sóng quần chúng nổi dậy tràn qua cù lao Minh, cù lao Bảo, cù lao An Hòa. Bản quân lệnh của Ban lãnh đạo tỉnh Bến Tre được thảo ra dán khắp nơi làm tăng thêm uy thế cách mạng nổi dậy.

Từ Bến Tre và cùng với Bến Tre, làn sóng nổi dậy tràn qua các địa phương Nam Bộ. Đêm 24-1-1960, Mỹ Tho nổi dậy. Đêm 26-1-1960, Tây Ninh mở màn Đồng khởi bằng chiến thắng Tua Hai... Từ tháng 5-1960, đến tháng 9-1960, từng đợt, từng cao điểm khởi nghĩa cục bộ nối tiếp nhau nổ ra khắp miền nông thôn Nam Bộ, những cuộc "Đồng khởi nhỏ", "Đồng khởi bồi" đã dấy lên cùng với bao hận thù quân Mỹ - Diệm.

Ở Tây Nguyên, ngày 20-10-1960, cuộc tấn công nổi dậy ở Dak Tà (Kon Tum) mở đầu cao trào diệt đồn địch, phá "khu đồn", phá "trại người Thượng" lan ra khắp các tỉnh cao nguyên. Bào táp cách mạng nổi dậy phá vỡ chính quyền cơ sở của chế độ thực dân mới ở miền Nam. Đến cuối năm 1960, có 2/3 cơ cấu chính quyền địch ở cơ sở bị tan rã. Hiện tượng đảo rã ngũ trong quân đội Sài Gòn ngày càng phát triển. Chính quyền trung ương ở Sài Gòn nảy sinh nhiều mâu thuẫn nội bộ, những âm mưu và kế hoạch đảo chính ở miền Nam xuất hiện, khiến Mỹ phải bồi rối đôi phó. Mỹ thú nhận: Một thời kỳ hết sức nghiêm trọng đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm và Việt Nam Cộng hòa hiện đã ở ngay trước mắt... Trên một nửa toàn bộ vùng nông thôn nằm ở phía nam và tây nam Sài Gòn cũng như một số vùng ở phía bắc đã nằm dưới quyền kiểm soát lớn của cộng sản¹.

*
* *

Đồng khởi là một hình thức độc đáo sáng tạo của cách mạng Việt Nam. Nó không phải là sự phát triển cách mạng từ thành thị bên trên tỏa xuống cơ sở như cách mạng Nga; nó cũng không theo phương thức từ nông thôn bao vây thành thị như cách mạng Trung Quốc. Nó là những cuộc khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và rừng núi, như những lớp sóng thần từng đợt dâng lên từ sức mạnh của quần chúng khi các đảng bộ địa phương đã dám phát động quần chúng đứng lên theo ánh đuốc soi đường của Nghị quyết 15 của Đảng.

Bài học cho thấy, vai trò vị trí cực kỳ quan trọng của các đảng bộ địa phương và Xứ ủy trong chiến tranh, cần phải luôn

1. Xem Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Tlđđ.*

luôn chủ động, quyết đoán và tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của quần chúng nhân dân. Trong hoàn cảnh của đất nước bị chia cắt, tình hình thế giới và phong trào cộng sản quốc tế còn phức tạp, việc phát huy tính độc lập tự chủ của Đảng ở Trung ương và địa phương là cực kỳ quan trọng để đưa cách mạng nhanh chóng vượt qua khó khăn tổn thất, phát triển nhảy vọt.

Cuộc Đồng khởi cuối năm 1959 đầu năm 1960 chưa đánh đổ toàn bộ chế độ Mỹ - Diệm, chưa thể giải quyết toàn bộ các vấn đề của cách mạng miền Nam, nhưng đã giành được những thắng lợi cơ bản mang tính chất quyết định cho cả tiến trình cách mạng về sau. Đồng khởi đã "dánh dấu một bước phát triển nhảy vọt quan trọng, chuyển cách mạng miền Nam sang thế tiến công, phát triển cao trào cách mạng ra khắp miền với sự kết hợp cả hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự"¹.

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Sđd, tr.66-67.

ĐỒNG KHỞI - NÉT ĐẶC SẮC VỀ NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO KHỞI NGHĨA VŨ TRANG VÀ CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG

TS. NGUYỄN XUÂN MINH*

Cuối năm 1959, đầu năm 1960, từ trong địa ngục trần gian, nhân dân miền Nam Việt Nam đã vùng dậy bằng cuộc Đồng khởi, phá tan thế kìm kẹp của chế độ Mỹ - ngụy ở các vùng nông thôn để giành quyền làm chủ. Cách mạng miền Nam chuyển sang một bước ngoặt quan trọng, từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Mở đầu bằng Đồng khởi do đồng bào miền Nam trực tiếp tiến hành, cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam được khởi động một cách khéo léo, phù hợp với điều kiện lịch sử, giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn, đỉnh cao là đại thắng mùa Xuân năm 1975. Đồng khởi 1959-1960 là một thành công của Đảng về nghệ thuật lãnh đạo khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi muốn bàn tới một số vấn đề về nghệ thuật lãnh đạo khởi nghĩa và chiến tranh, được biểu hiện một cách đặc sắc từ phong trào Đồng khởi 1959-1960.

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

1. Vấn đề xác định thời cơ khởi nghĩa

Cách mạng muốn bùng nổ và thắng lợi, trước hết phải có hai điều kiện cơ bản: *Một là*, phải có lực lượng và *hai là*, phải có thời cơ (tình thế cách mạng trực tiếp). Thời cơ là sản phẩm kết hợp các nhân tố chủ quan và khách quan. Lênin từng chỉ rõ: "Muốn cho cách mạng nổ ra, thì không phải chỉ cần quần chúng bị áp bức và bóc lột nhận thức được rằng không thể sống như trước nữa và đòi phải có những sự thay đổi, là đủ. Muốn cho cách mạng nổ ra, còn phải có điều kiện là những kẻ bóc lột không thể sống và thống trị được như trước nữa. Chỉ khi nào "những người bên dưới" không muốn cái cũ nữa và "những kẻ bên trên không thể theo lối cũ được nữa, thì khi ấy cách mạng mới có thể thắng lợi".

Thực tế xã hội miền Nam những năm 1959-1960 phù hợp với luận điểm mà Lênin đã nêu ra.

Thực vậy, sau bốn năm (1954-1958) tiến hành các biện pháp quân sự, chính trị và pháp lý kết hợp, tập đoàn thống trị Mỹ - Diệm vẫn không ngăn chặn được phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam. Bước sang năm 1959, làn sóng đấu tranh cách mạng của quần chúng ngày càng dâng cao. Các hoạt động vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ phát triển đã hỗ trợ tích cực cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng chống địch lập "khu trù mật".

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng, chính quyền Mỹ - Diệm điên cuồng khủng bố, đàn áp. Tháng 3-1959, Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh. Tháng 5-1959, chúng ban hành Luật 10/59 về việc thiết lập toà án quân sự đặc biệt ở Sài Gòn, Buôn Ma Thuột và Huế để công khai chém giết đồng bào ta, kéo lê máy chém khắp miền Nam.

Cùng với Luật 10/59, Mỹ - Diệm tăng cường những cuộc hành quân càn quét, tàn sát đẫm máu. Tính từ đầu năm đến

cuối tháng 10-1959, chính quyền Diệm đã giết hại 469 người, làm bị thương 3.403 người, bắt giam 3.787 người, tập trung vào các "khu trù mật" hơn 1.000 gia đình¹.

Không thể sống như cũ được nữa, quần chúng nhân dân ở nhiều nơi đã nổi dậy phá thế kìm kẹp của địch. Tại Liên khu V, từ tháng 2 đến tháng 4-1959, nhân dân huyện Vĩnh Thạnh (Bình Định) nổi dậy, dời làng vào rừng sâu, xây dựng làng chiến đấu. Cùng thời gian này, nhân dân vùng B'rau, huyện Bắc Ái (Ninh Thuận) nổi dậy phá khu tập trung, kéo nhau về buôn làng cũ. Tháng 4-1959, khu tập trung Tâm Ngân của địch lại bị nhân dân phá tan. Tiếp đó, 12 xã thuộc huyện Bắc Ái cũng nổi dậy phá bỏ hệ thống kìm kẹp của địch, thành lập chính quyền cách mạng, tổ chức làng chiến đấu, xây dựng đội du kích...

Tình hình trên chứng tỏ, từ cuối năm 1959, đầu năm 1960, "chế độ thống trị ở miền Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Tuy ở thành thị địch còn tương đối mạnh, nhưng trong nhiều vùng nông thôn rộng lớn, địch không thể cai trị nhân dân một cách bình thường được nữa, nguy cơ cơ sở từng phần đã suy yếu và bất lực. Còn quần chúng nhân dân, đặc biệt là nông dân thì sôi sục cách mạng đã tỏ ra kiên quyết và sẵn sàng chiến đấu sống chết với quân thù. Đó là điều kiện chín muồi cho phép phát động quần chúng nông dân nổi dậy khởi nghĩa từng phần, đập tan khâu yếu nhất trong hệ thống cai trị của địch"².

Xác định thời cơ khởi nghĩa đúng vào lúc giai cấp thống trị khủng bố ác liệt nhất, là một biểu hiện về sự sáng suốt của

1. Cao Văn Lượng - Phạm Quang Toàn - Quỳnh Cư: *Tìm hiểu phong trào Đông khởi ở miền Nam Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr.63.

2. Lê Duẩn: *Hãng hái tiên lên dưới ngọn cờ vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969, tr.41.

Đảng ta. Điều đáng chú ý là, khi Đảng ta xác định thời cơ cho phép phát động khởi nghĩa từng phần, thì lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam còn đang trong quá trình hình thành. Tại Nam Bộ, do sớm tiếp thu *Đề cương cách mạng miền Nam* (8-1956), nên lực lượng vũ trang được thành lập ở nhiều nơi. Các đội tự vệ bí mật được xây dựng ở hầu khắp các tỉnh, thành. Đặc biệt, vào tháng 10-1957, theo hướng chỉ đạo của Đảng, tại căn cứ Chiến khu Đ cũ, Tiểu đoàn 250 - một đơn vị chủ lực đầu tiên ở Nam Bộ, chính thức được Xứ ủy phê chuẩn thành lập. Sự kiện này đánh dấu bước tiến mới rất quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng miền Nam nói chung, lực lượng vũ trang nói riêng.

Tuy nhiên, trên phạm vi toàn miền, lực lượng vũ trang cách mạng vẫn chưa được thống nhất, còn nhỏ bé và trang bị vũ khí rất thiếu thốn, chủ yếu là đào lấy những vũ khí được chôn giấu sau ngày ký kết Hiệp định Giơnevơ.

Hoàn cảnh quốc tế lúc bấy giờ cũng có những diễn biến phức tạp. Đây là lúc đường lối đối ngoại cùng tồn tại hòa bình giữ cách mạng trong thế thủ đang chiếm ưu thế trong phong trào cộng sản quốc tế. Liên Xô và Trung Quốc - hai nước lớn nhất trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đều không muốn ta đẩy mạnh đấu tranh cách mạng ở miền Nam vì lo ngại chiến tranh có thể lan rộng làm nguy hại đến hòa bình thế giới. Đảng Cộng sản Liên Xô không tán thành chủ trương của Đảng ta về việc phát động khởi nghĩa vũ trang ở miền Nam, mà chủ trương củng cố miền Bắc, thông qua đó để đi tới thống nhất đất nước. Với quan điểm cùng tồn tại hòa bình, chính sách ủng hộ của Liên Xô đối với Việt Nam chủ yếu chỉ trên lĩnh vực tuyên truyền. Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ tán thành hoạt động vũ trang ở quy mô nhỏ cấp đại đội.

Trong điều kiện ấy, cần phải sử dụng các hình thức bạo lực cách mạng như thế nào để vừa phá tan được thế kìm kẹp của

địch ở cơ sở, vừa giữ được thế hợp pháp cho quân chúng, lại vừa làm yên lòng bạn bè quốc tế? Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) đã vạch ra phương hướng phát triển của cách mạng miền Nam một cách đúng đắn, sáng tạo: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quân chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quân chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹.

Nghị quyết 15 của Trung ương còn chỉ rõ: "Đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ"², tức là phải tiến hành chiến tranh cách mạng.

Từ giữa đến cuối năm 1959, Nghị quyết 15 của Trung ương được phổ biến trong toàn Đảng bộ miền Nam, làm xoay chuyển tình thế và đưa phong trào cách mạng miền Nam thoát khỏi tình trạng nguy hiểm. Đó cũng chính là lúc phong trào Đồng khởi nổ ra và giành được thắng lợi.

2. Vấn đề sử dụng và kết hợp các hình thức bạo lực cách mạng

Sự kiện mở đầu phong trào Đồng khởi ở miền Nam từ sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (28-8-1959); nhưng đỉnh cao của Đồng khởi là những cuộc nổi dậy của nhân dân tỉnh Bến Tre (1960).

1. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.20, tr.82, 85.

Ngày 17-1-1960, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bến Tre, lệnh Đồng khởi được phát ra từ xã Định Thủy (huyện Mỏ Cày), mở đầu bằng cuộc bao vây, tiến công tiêu diệt tổng đoàn dân vệ xã. Quần chúng nhân dân đồng loạt nổi dậy giương cờ và biểu ngữ, tiếng hò reo xen lẫn tiếng trống, mõ, tạo thế uy hiếp, bao vây lực lượng dân vệ và các trụ sở tế ở thôn, xã, lung bắt ác ôn, giải tán chính quyền địch. Tỉnh ủy đề ra yêu cầu của phong trào là phải diễn ra trên diện rộng, cùng một lúc nổi dậy ở nhiều nơi, làm căng lực lượng của địch, buộc chúng phải phân tán đối phó.

Nhằm tăng thêm thanh thế cho cách mạng và uy hiếp tinh thần nguy quân, nguy quyền, Ban lãnh đạo Đồng khởi cho công bố rộng rãi bản quân lệnh, bao gồm bốn điểm chính:

- Bọn ác ôn có nợ máu và bọn địa chủ cướp ruộng của nông dân nếu ngoan cố, sẽ bị trừng trị.

- Anh em binh sĩ, sĩ quan có tội ác đến đâu mà biết hối cải đều được khoan hồng; nếu mang súng về với nhân dân, sẽ được khen thưởng xứng đáng.

- Tề ấp, tề xã, liên gia, công an, chỉ điểm đi trả chức và thú tội với nhân dân, sẽ được khoan hồng, ai trái lệnh, sẽ bị trừng trị.

- Địa chủ nào giật đất, tăng tô, nay trả lại cho nông dân, thì được tha tội.

Bản quân lệnh là một đòn giáng mạnh vào tinh thần bọn tay chân chính quyền Diệm. Một số tên ác ôn ngoan cố đã bị cách mạng trừng trị; những tên còn lại hoang mang, mất tinh thần, đã ra đầu hàng, đầu thú.

Cùng với Định Thủy, các xã Phước Hiệp, Bình Khánh nổi dậy phối hợp. Chỉ trong đêm 17-1-1960, cách mạng đã giành được thắng lợi ở cả ba xã, sau đó lan sang các xã khác trong toàn huyện, toàn tỉnh. Từ trong thắng lợi của phong trào Đồng khởi, đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh Bến Tre được thành lập (19-1-1960) và bước vào chiến đấu, diệt đồn bốt địch, lấy súng địch trang bị cho mình.

Đồng khởi 1959-1960 đã diễn ra theo đúng tinh thần Nghị quyết 15 là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến. Nhưng chính quần chúng nhân dân - điển hình là ở Bến Tre, đã sáng tạo ra những hình thức đấu tranh độc đáo theo tinh thần: "Chính trị là chủ yếu, vũ trang là đòn xeo và giữ thế hợp pháp của quần chúng". Thực tế lịch sử cho thấy, sự nổi dậy đồng thời với khí thế xung thiên của quần chúng trong phong trào Đồng khởi đã đè bẹp sự phản kháng của kẻ thù, đưa cách mạng đi tới những bước phát triển mới cao hơn.

Việc nổi dậy đánh đổ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng là một hành động bất hợp pháp (đối với chế độ Sài Gòn); nhưng sau Đồng khởi, quần chúng nhân dân vẫn giữ được thế hợp pháp để tiếp tục đấu tranh với địch. Đó là một thành công và cũng là một nét đặc sắc về nghệ thuật lãnh đạo khởi nghĩa vũ trang của Đảng ta.

Nét đặc sắc về nghệ thuật lãnh đạo trong phong trào Đồng khởi 1959-1960 còn thể hiện ở việc tổ chức và sử dụng lực lượng chính trị, nòng cốt là *đội quân tóc dài*.

Nói đến *đội quân tóc dài* là nói đến đội quân chính trị gồm toàn phụ nữ, được tổ chức chặt chẽ, biên chế thành nhiều bộ phận, có bộ phận xung kích, có bộ phận dự bị và có cả bộ phận hậu cần ở phía sau. Khi xung trận, cả ba bộ phận đều có sự phối hợp, hỗ trợ cho nhau. Bộ phận xung kích gồm những người có tinh thần đấu tranh cao, giác ngộ nhiệm vụ sâu sắc, có lý lẽ sắc bén. Bộ phận này ở phía trước, đấu tranh trực diện với địch. Bộ phận dự bị có nhiệm vụ tiếp viện khi bộ phận xung kích bị địch khủng bố, đấu tranh đòi thả những người bị bắt. Bộ phận hậu cần gồm những người lớn tuổi, thường ở nhà trông nom con cái, giúp đỡ gia đình những người đi đấu tranh và tiếp tế lương thực, thực phẩm khi phải đấu tranh dài ngày.

"Có thể coi đây là một binh chủng đặc biệt trong đấu tranh chính trị với địch, một sáng tạo độc đáo của đồng bào miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ"¹. Chính *đội quân tóc dài* trong cuộc Đồng khởi ở Bến Tre, mang theo xoong nồi, quần áo, chân mìn, bồng bệ cả con cháu, đã ngăn chặn thành công cuộc càn quét của 10.000 quân chủ lực nguy có tàu chiến, máy bay, đại bác yểm trợ.

Đồng khởi ở Bến Tre năm 1960 đã thể nghiệm thành công phương pháp kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận, nêu lên những bài học kinh nghiệm quý báu về phương pháp cách mạng cho toàn miền Nam. Theo quan điểm của Đảng ta, lực lượng chính trị được xây dựng trước tiên, là cơ sở cho việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang. Chính trị cũng là chỗ mạnh tuyệt đối của cách mạng so với lực lượng phản cách mạng. Do đó, khi phát động Đồng khởi, đấu tranh chính trị - với tư cách là một hình thức bạo lực cách mạng - giữ vai trò chủ yếu, trực tiếp quyết định thắng lợi; đấu tranh quân sự đóng vai trò hỗ trợ cho đấu tranh chính trị của quần chúng.

3. Về hình thái vận động cách mạng

Đồng khởi chính là những cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra cùng một lúc ở các vùng nông thôn, miền núi. Một hiện tượng lịch sử đã từng diễn ra trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám được lặp lại trong điều kiện mới của cách mạng miền Nam, nên nó mang nhiều nét riêng biệt, rất đặc sắc.

Trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám, những cuộc khởi nghĩa từng phần bùng nổ từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, tức là khi thời cơ xuất hiện (tình thế cách mạng). Đến khi

1. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Sdd, tr.176.

Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh, thời cơ chín muồi (tình thế cách mạng trực tiếp), những cuộc khởi nghĩa từng phần phát triển thành Tổng khởi nghĩa, diễn ra và kết thúc thắng lợi trong vòng 15 ngày (từ ngày 14 đến ngày 28- 8-1945), đưa đến sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1945).

Hưởng độc lập chưa được bao lâu thì đất nước ta lại bị thực dân Pháp gây chiến tranh xâm lược. Trong hoàn cảnh đó, nhân dân ta phải tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Kháng chiến chính là cuộc chiến tranh cách mạng, trong đó lực lượng vũ trang và đấu tranh quân sự đóng vai trò chủ yếu, trực tiếp quyết định nhất.

Cũng bắt đầu từ những cuộc khởi nghĩa từng phần, nhưng cách mạng miền Nam lại phát triển thành chiến tranh cách mạng, không phải là tổng khởi nghĩa. Trong quá trình chiến tranh, khởi nghĩa không chấm dứt; trái lại, vẫn tiếp tục phát triển. Đây là một nét độc đáo của chiến tranh cách mạng miền Nam, khác với Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp.

Chiến tranh và khởi nghĩa là hai hình thái vận động của cách mạng giải phóng miền Nam, cùng song song phát triển. Chiến tranh và khởi nghĩa đều có quy luật vận động riêng, nhưng tác động, thúc đẩy lẫn nhau. "Khởi nghĩa mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng, thúc đẩy chiến tranh cách mạng phát triển với thanh thế ngày càng mạnh, và ngược lại, chiến tranh cách mạng càng được đẩy mạnh càng làm cho những điều kiện của khởi nghĩa ngày càng chín muồi và mở rộng trên quy mô ngày càng lớn"¹. Trong mối quan hệ đó, quy luật của chiến tranh giữ địa vị chi phối và quyết định cuối cùng. Khởi

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1972, tr.55.

nghĩa không thể thành công nếu kẻ địch không bị thất bại về quân sự, khi chúng còn sử dụng được công cụ bạo lực để chống lại cách mạng.

Chiến tranh là cuộc đọ sức lực lượng vũ trang của cả hai bên. Vì vậy, một khi đã tiến hành chiến tranh, đương nhiên phải quan tâm đến vấn đề xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và đấu tranh quân sự. Chiến tranh càng quyết liệt thì lực lượng vũ trang và đấu tranh quân sự càng giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Trong cách mạng miền Nam, đấu tranh quân sự là một hình thức đấu tranh cơ bản có tác dụng quyết định, trực tiếp tiêu diệt lực lượng quân sự địch, buộc chúng phải từ bỏ ý chí xâm lược.

Khởi nghĩa là một hình thức đặc biệt của đấu tranh chính trị, là sự vùng dậy của quần chúng nhằm lật đổ ách thống trị của các thế lực cầm quyền để giành quyền làm chủ. Do đó, sau Đồng khởi, khi cách mạng miền Nam phát triển thành cuộc chiến tranh cách mạng, đấu tranh chính trị tiếp tục được giữ vững và đẩy mạnh. Cùng với đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị của quần chúng cũng là một hình thức đấu tranh cơ bản, có tác dụng quyết định trong tất cả các giai đoạn phát triển của cách mạng miền Nam.

Thực tế lịch sử cho thấy: Trong giai đoạn đầu, lực lượng chính trị là lực lượng chủ yếu làm bùng lên phong trào Đồng khởi. Trong các giai đoạn tiếp theo, lực lượng chính trị đóng vai trò xung kích đảm nhận một mũi tiến công ngay trong vùng địch kiểm soát, trực diện đấu tranh làm phá sản chương trình bình định của Mỹ - ngụy; đồng thời đấu tranh quân sự được nâng dần lên ngang tầm với đấu tranh chính trị. Đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự đều là hình thức cơ bản của bạo lực cách mạng và sự kết hợp chặt chẽ hai hình thức bạo lực đó là một vấn đề có tính quy luật trong phương pháp cách mạng miền Nam.

Khởi đầu từ Đồng khởi 1959-1960, cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam ngày càng phát triển với hai mũi tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của lực lượng quần chúng luôn phối hợp với nhau, tạo điều kiện cho nhau. Từ khí thế và bài học của cuộc Đồng khởi 1959-1960, với đường lối chiến tranh nhân dân kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, nhân dân miền Nam đã sáng tạo ra hình thức tiến công "hai chân, ba mũi, ba vùng". Tùy theo lực lượng so sánh giữa hai bên trong từng vùng, từng thời kỳ cụ thể, bằng hai lực lượng, quân và dân miền Nam biết sử dụng hợp lý ba mũi giáp công. Nét sáng tạo ở đây là "ba mũi giáp công đã kết hợp đấu tranh của lực lượng chính trị với tiến công của lực lượng vũ trang và binh vận được thể hiện trong từng cuộc, từng đợt đấu tranh, từng chiến dịch"¹.

Tiến công và nổi dậy luôn luôn được kết hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình chiến tranh cách mạng miền Nam. Đó là hai đòn chiến lược của cách mạng và cũng là hình thức biểu hiện cụ thể của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, giữa chiến tranh và khởi nghĩa quần chúng. Sự kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy sẽ phát triển tới đỉnh cao bằng tổng tiến công và tổng khởi nghĩa (nổi dậy đồng loạt).

Trong quá trình chỉ đạo chiến tranh cách mạng, Đảng ta "chủ trương đánh địch bằng cả hai lực lượng chính trị và quân sự, tiến tới tổng khởi nghĩa, tổng công kích để giải phóng miền Nam"². Trên thực tế, đường lối này đã được Bộ Chính trị đề ra hai lần, ở hai thời điểm khác nhau.

1. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Sđd, tr.49.

2. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.36.

Lần thứ nhất diễn ra vào lúc chúng ta đã đánh bại một bước quan trọng cuộc "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ đang phát triển tới mức rất cao ở miền Nam và đã làm phá sản nghiêm trọng cuộc chiến tranh xâm lược của chúng trong cả nước ta. Sau thất bại liên tiếp trong hai cuộc phản công chiến lược hai mùa khô, nhất là mùa khô 1966-1967, đế quốc Mỹ "đang ở thế tiến thoái lưỡng nan về chiến lược. So với mục đích chính trị, quân sự mà Mỹ đề ra, với tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của nước Mỹ, thì những cố gắng chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam hiện nay đã tới đỉnh cao nhất"¹.

Từ tình hình trên, Hội nghị Bộ Chính trị (12-1967) và Hội nghị lần thứ 14 (1-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) đã đi đến một quyết định lịch sử: Chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định. Nghị quyết Trung ương Đảng chỉ rõ: "Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định"².

Tuy nhiên, thực tế chiến trường miền Nam chỉ diễn ra tổng tiến công và nổi dậy, không có tổng khởi nghĩa, bởi vì lực lượng vũ trang của ta chưa đủ mạnh để tiêu diệt và làm tan rã lực lượng quân sự địch; và do đó không tạo được thời cơ cho quần chúng nổi dậy tổng khởi nghĩa.

Lần thứ hai diễn ra vào lúc thế và lực của cách mạng ba nước Đông Dương đã lớn mạnh hơn trước rất nhiều, nhất là từ sau chiến thắng Phước Long (6-1-1975) của Quân giải phóng

miền Nam. Chiến thắng Phước Long không chỉ đánh dấu một bước suy sụp mới của quân ngụy Sài Gòn, mà còn chứng tỏ Mỹ không có khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự vào miền Nam, khi người phát ngôn của Nhà Trắng tuyên bố: "Tổng thống Pho không có ý vi phạm những điều cấm chỉ (của Quốc hội) về việc sử dụng lực lượng quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam"³.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình, Hội nghị Bộ Chính trị (12-1974 - 1-1975) khẳng định: "Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược lớn. Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay"⁴. Từ đó, Bộ Chính trị hạ quyết tâm: "Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ở cả hai miền tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam"⁵.

Lần này cũng chỉ có tổng tiến công và nổi dậy, không có tổng khởi nghĩa, nhưng không phải là không có thời cơ như năm 1968. Trái lại, thời cơ chiến lược đã đến từ khi quân ta giải phóng thành phố Huế (25-3-1975). Cùng thời điểm này, Bộ Chính trị khẳng định: "Cuộc tiến công chiến lược của ta bắt đầu từ Chiến dịch Tây Nguyên. Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam". Ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị họp, tiếp tục nêu rõ: "Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt mà thời cơ chiến lược để tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã chín muồi". Tuy nhiên, do lực lượng vũ trang của ta mạnh cùng với

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Sđd, tr.191.

2. Dẫn theo *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 - Những sự kiện quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr.166.

3, 2, 3. Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Hồi ức, Phạm Chí Nhân thể hiện, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.164, 169, 69.

đòn tổng tiến công quân sự đánh trúng vào các cơ quan đầu não, ngụy quyền trung ương đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

Chiến tranh cách mạng miền Nam được mở đầu từ sau phong trào Đồng khởi 1959-1960 và kết thúc thắng lợi hoàn toàn bằng đại thắng mùa Xuân năm 1975. Đó là một quá trình phát triển đường lối cách mạng bạo lực được thực hiện bằng hai hình thức: Khởi nghĩa quần chúng và chiến tranh cách mạng.

TỪ THẾ GIỮ GÌN LỰC LƯỢNG LÊN KHỞI NGHĨA TỪNG PHẦN - BƯỚC CHUYỂN SÁNG TẠO CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM

ThS. TRẦN PHƯƠNG THÚY*

Phương pháp cách mạng là một trong những vấn đề cơ bản của bất cứ cuộc cách mạng nào nhằm đánh thắng địch một cách có lợi nhất và đến đích nhanh nhất do tình hình lực lượng so sánh mỗi lúc cho phép.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, giành chính quyền bằng đấu tranh chính trị của quần chúng kết hợp với đấu tranh vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị của quần chúng là quyết định, đi từ khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ ở nông thôn, tiến lên tổng khởi nghĩa ở cả thành thị và nông thôn mà đòn quyết định là ở thành thị, tiêu biểu là Hà Nội (19-8-1945), Huế (23-8-1945) và Sài Gòn - Chợ Lớn (25-8-1945).

Trong điều kiện phải chống lại chủ nghĩa thực dân mới, lật đổ chế độ thống trị và đánh bại chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ, hình thái phát triển của cách mạng miền Nam là *đi từ thế giữ gìn lực lượng tiến lên khởi nghĩa*

* Học viện Tài chính.

từng phần, mở đầu thế tiến công chiến lược, từng bước đánh bại các chiến lược quân sự của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trong những năm 1959-1960, ở nông thôn miền Nam nói chung, Nam Bộ nói riêng, quần chúng đã đồng loạt nổi dậy, dùng bạo lực cách mạng bất ngờ tiến công dồn dập và mãnh liệt vào khâu yếu nhất của địch là chính quyền cơ sở, giành thế mạnh về chính trị, xây dựng một hình thức chính quyền cách mạng ở thôn, xã. Phong trào cách mạng từ chỗ bị kìm kẹp, đánh phá đến cùng cực, đã chuyển sang thế tiến công, mỗi lúc thêm quyết liệt bằng phương thức khởi nghĩa từng phần, lập chính quyền bộ phận ở cơ sở. Từ trong cao trào khởi nghĩa từng phần rộng lớn, lực lượng chính trị, đấu tranh chính trị của quần chúng nhanh chóng phát triển, lực lượng vũ trang ngày càng trưởng thành vượt bậc, giành được thế chủ động tiến công địch, đẩy chính quyền Sài Gòn vào thế khủng hoảng triển miên.

Với những thắng lợi quan trọng của Đồng khởi, cách mạng miền Nam đã chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, tạo được thế và lực to lớn để tiếp tục tiến lên đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ. Đồng khởi đã mở đường, thúc đẩy, tạo cơ sở để ta chuyển sang chiến tranh cách mạng khi tình thế đòi hỏi.

Đồng khởi chính là một bước ngoặt sáng tạo của cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, trong đó nổi bật những nội dung chủ yếu sau:

Một là, phân tích đánh giá đúng tương quan lực lượng địch - ta, xác định đúng phương hướng cơ bản là cách mạng bạo lực, khẳng định con đường vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền.

Từ sau Hiệp định Giơnevơ, cách mạng miền Nam từ chỗ có quân đội, có chính quyền, có vùng giải phóng chuyển sang thế

không còn quân đội, không còn chính quyền, không có vùng giải phóng. Tình hình này khiến Đảng ta phải thay đổi phương châm, hình thức đấu tranh cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Báo cáo tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ sáu (7-1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: "Tranh lấy hòa bình không phải là việc dễ, nó là cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ, phức tạp"¹. Xác định rõ Mỹ là trở lực chính, ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương, và đang trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Đông Dương, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1954) chỉ rõ: cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ của Đảng bộ miền Nam là lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện đình chiến, củng cố hòa bình, đòi các quyền tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất, tranh thủ độc lập. Với chủ trương đó của Đảng, nhân dân miền Nam đã trải qua 4 năm (1954-1958) đấu tranh chính trị lâu dài, quyết liệt chống chế độ độc tài của Mỹ - Diệm. Những năm 1954-1958 cũng là những năm Đảng ta ra sức tìm tòi con đường giải phóng miền Nam, đấu tranh vượt qua những tác động tiêu cực từ bên ngoài xâm nhập vào. Vào thời điểm này, vấn đề mà nhiều nước e ngại là chiến tranh, e ngại chiến tranh sẽ lan rộng, ảnh hưởng đến hòa bình trong khu vực và trên thế giới. Xuất phát từ chiến lược và lợi ích dân tộc của mỗi nước, Liên Xô và Trung Quốc không muốn ta phát động đấu tranh vũ trang mà chỉ nên "chung sống hòa bình" hoặc "trường kỳ mai phục". Những ý kiến này tuy có cách để cập khác nhau, nhưng đều giống nhau ở một điểm là không tin Việt Nam có thể đánh thắng Mỹ bằng chiến tranh cách mạng. Trong bối cảnh đó, Đảng ta phải suy nghĩ nghiên cứu nghiêm túc, tính toán thận

1. Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.317.

trọng trong khi xác định phương pháp cách mạng sao cho vẫn giữ vững độc lập dân tộc đồng thời tranh thủ được sự ủng hộ của quốc tế.

Xuất phát từ đánh giá rất đúng đắn là cuộc cách mạng miền Nam tiến hành trong điều kiện kẻ thù có lực lượng quân sự mạnh, âm mưu thủ đoạn xảo quyệt và nhanh chóng thay đổi các thủ đoạn chính trị và quân sự, các hình thức chiến tranh xâm lược nên Đảng đã quyết định phương pháp cách mạng nước ta là cách mạng bạo lực, chỉ bằng sức mạnh bạo lực của quần chúng mới đánh đổ được bộ máy bạo lực phản cách mạng của đế quốc và tay sai. Lê Duẩn đã nói lên những suy tính khi xác định phương pháp cách mạng miền Nam: "Khi còn ở miền Nam, trong những lần thảo luận về đường lối cách mạng miền Nam với các đồng chí, tôi đã nhận thấy rằng cách mạng miền Nam không tiến hành bằng trường kỳ đấu tranh vũ trang lấy nông thôn bao vây thành thị, tiến lên dùng lực lượng quân sự giải phóng toàn bộ đất nước như Trung Quốc đã làm, mà đi con đường của Việt Nam, nghĩa là có khởi nghĩa bộ phận, lập căn cứ địa kháng chiến, có chiến tranh du kích rồi tiến lên tổng khởi nghĩa, chủ yếu dùng lực lượng chính trị có phối hợp với lực lượng vũ trang để giành chính quyền về tay nhân dân. Ở đây lực lượng chính trị đóng vai trò chính, có sự tham gia của lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang trong một mức độ nhất định, gần như trong Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 hoặc như Cách mạng Tháng Tám 1945 của ta. Vì thế ta tạm dùng đấu tranh theo "đường lối hòa bình". Chúng ta quan niệm rõ ràng là phải tiến tới khởi nghĩa bằng lực lượng chính trị là chính có lực lượng vũ trang kết hợp trên cơ sở đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Dân tộc thống nhất mà nòng cốt là công, nông, binh liên hiệp... Trong khi nhấn mạnh phương hướng tiến tới khởi nghĩa bằng lực lượng chính trị là chính, có lực lượng vũ

trang phối hợp tôi còn nêu ý kiến phải nắm vững hơn nữa việc xây dựng lực lượng vũ trang"¹.

Như vậy, thực chất của chủ trương đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình của Đảng lúc bấy giờ là tập hợp quần chúng chuẩn bị lực lượng tiến tới dùng bạo lực cách mạng để khởi nghĩa giành chính quyền khi tình thế cho phép. Nhưng đối với bạo lực cách mạng, không phải ai cũng có quan điểm giống nhau, phần lớn đồng nhất bạo lực với các hoạt động vũ trang, lực lượng quân sự. Đó là còn chưa nói hàng loạt yếu tố nội bộ và quốc tế phức tạp lúc bấy giờ.

Những năm 1954-1959, đế quốc Mỹ đã dùng nhiều thủ đoạn tàn bạo đàn áp phong trào cách mạng gây cho cách mạng và nhân dân ta biết bao khó khăn, tổn thất. Lực lượng cách mạng có nguy cơ bị tiêu diệt. Từ thực tiễn đó, dù chưa có chủ trương của Trung ương, một số đảng bộ địa phương đã "đi trước một bước", gấp rút chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh. Bước đầu ở miền Nam đã xuất hiện tổ chức vũ trang của các lực lượng thanh niên bí mật hỗ trợ cho đấu tranh của quần chúng, duy trì và giữ vững khí thế cách mạng. Những chủ trương vũ trang cục bộ đầu tiên ở các địa phương, những chuyển biến mau lẹ của tình hình và nhất là khí thế đấu tranh cách mạng của quần chúng đã gợi mở những phương hướng mới cho việc xây dựng đường lối của Đảng.

Hội nghị Bộ Chính trị tháng 6-1956 đã cho phép các địa phương tổ chức tự vệ hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng và giải thoát cán bộ khi cần thiết. *Đường lối cách mạng miền Nam*, do Lê Duẩn soạn thảo, tháng 8-1956 khẳng định: "Để chống lại Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài

1. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.31-32.

con đường cách mạng không có một con đường khác"¹. Nghị quyết 15 (khoá II) của Trung ương Đảng vạch rõ phải dùng bạo lực để giải phóng miền Nam: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"². Nghị quyết dự đoán: "Nhưng đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta. Trong khi lãnh đạo, Đảng ta phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó trong mọi tình thế"³.

Nghị quyết 15 đã căn bản định ra phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam, là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và tay sai, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giải phóng miền Nam và củng cố, bảo vệ miền Bắc, giữa cách mạng miền Nam với cách mạng quốc tế và phong trào bảo vệ hòa bình thế giới.

Như vậy, từ những chủ trương vũ trang cục bộ đầu tiên ở các địa phương và khí thế đấu tranh của quần chúng, từ gọi mở

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr.785.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.82, 85.

của *Đường lối cách mạng miền Nam* đến Nghị quyết 15, Đảng ta đã nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, giải quyết đúng đắn hàng loạt mối quan hệ phức tạp và trên hết đã hình dung rõ nét về phương pháp cách mạng để giải phóng miền Nam.

Hai là, nỗ lực chuẩn bị lực lượng cách mạng, tạo ra trận địa, thúc đẩy thời cơ khởi nghĩa mau tới.

Nghị quyết *Về tình hình, nhiệm vụ và công tác miền Nam* của Bộ Chính trị tháng 6-1956 đã nhấn mạnh rằng vấn đề hết sức quan trọng là phải tranh thủ xây dựng lực lượng cách mạng. Bộ Chính trị nêu rõ: "Hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm. Chúng ta chủ trương duy trì và phát triển các lực lượng vũ trang đó đến một mức độ nhất định, nhưng nó phải do Đảng lãnh đạo thì mới có thể duy trì và phát triển được"¹.

Bộ Chính trị chủ trương: "Cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa. Đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang. Tổ chức tự vệ trong quần chúng nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng và giải thoát cán bộ khi cần thiết"².

Với những quan điểm đúng đắn trên đây và từ trong phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh chống đàn áp, khủng bố, bảo vệ cuộc sống của nhân dân, ngay trong những năm 1955-1956, đã xuất hiện các lực lượng vũ trang dưới nhiều hình thức khác nhau.

Các tổ chức tự vệ của nhân dân được thành lập ở trong các thôn, xã. Lực lượng chủ yếu là thanh niên, những người yêu

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr.225, 228.

nước và kháng chiến cũ. Họ sống trong dân, cùng tham gia đấu tranh chính trị với dân, chống lại bọn cảnh sát, ác ôn bằng vũ khí thô sơ tự trang bị.

Ở Liên khu V, vùng Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, cũng đã xuất hiện các tổ chức bất hợp pháp có tính chất vũ trang, tiêu biểu là các nhóm vũ trang tự vệ Vạt Quýt, Phò Nía (Sơn Hà), Lang, Cả Trươn (Trà Bồng), Hoi (Ba Tơ). Họ được tổ chức thành các nhóm vũ trang tự vệ với danh nghĩa các nhóm "trà dầu" ("nợ dầu thì phải trả bằng dầu"- một tập quán có ở đồng bào các dân tộc Trà Bồng), được học văn hóa, chính trị và trang bị vũ khí thô sơ. Họ cắm chông, đào hầm, gài bẫy ở những trục giao thông quan trọng, chủ động phục kích và tập kích các đồn lẻ của giặc.

Việc xuất hiện các nhóm vũ trang mang lại cho nhân dân nguồn sức mạnh mới. Đó là cơ sở để tiến lên xây dựng lực lượng vũ trang.

Đầu tiên là những đơn vị vũ trang tập trung do những người yêu nước và kháng chiến cũ tổ chức để chống lại sự khủng bố và "tố cộng" của kẻ thù. Đến tháng 5-1956, vùng U Minh, Cà Mau xây dựng được 14 đại đội giải phóng quân (mỗi đại đội tương đương một trung đội)¹. Ở các tỉnh Rạch Giá, Cần Thơ tính đến cuối năm 1956 đã có từ hai, ba đội đến một tiểu đoàn vũ trang tập trung².

Từ mùa Hè năm 1955, một bộ phận lực lượng vũ trang giáo phái đã kéo ra chiến khu, dựa vào sự giúp đỡ của những người kháng chiến cũ và nhân dân để cải tạo, tổ chức lại thành một

1. Xem Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, GS. TS. Trịnh Nhu (Chủ biên): *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.137.

2. Xem Cao Văn Lượng: *Lịch sử cách mạng miền Nam 1954-1960*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.102.

đội quân cách mạng. Đến năm 1957, hầu hết các tỉnh miền Tây đều có lực lượng vũ trang tập trung mang danh nghĩa giáo phái ly khai (trừ Trà Vinh). Tháng 7-1957, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ thu nạp các đơn vị giáo phái, thành lập các đơn vị vũ trang đầu tiên ở vùng Đồng Tháp Mười như Đại đội 12 ở căn cứ rừng Sác, Tiểu đoàn 2 Bình Xuyên, Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt ở Vĩnh Long...¹. Ở Quảng Ngãi, Bình Định có những đơn vị vũ trang nhỏ mang tên "đội quân trả dầu", ở Nam Bộ hàng chục đơn vị vũ trang đã ra đời. Tháng 10-1957, tại Chiến khu Đ, đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên cỡ tiểu đoàn của lực lượng vũ trang cách mạng miền Đông Nam Bộ được thành lập, lấy tên là đơn vị 250 (lúc mới thành lập, đơn vị 250 còn ở cỡ đại đội, sang đầu năm 1958, đơn vị này được xây dựng lên cỡ tiểu đoàn)².

Cùng với sự ra đời của các lực lượng vũ trang, hình thức đấu tranh vũ trang tự vệ hỗ trợ cho các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng cũng đã diễn ra ở một số vùng thuộc miền núi Liên khu V và nông thôn Nam Bộ. Những đội diệt ác trừ gian được thành lập ở Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà đánh địch ngay tại hang ổ của chúng. Lực lượng vũ trang nhân dân và giáo phái từ chống càn thẳng lợi tiến lên chủ động tiến công địch như cuộc tiến công thị trấn Minh Thạnh (Thủ Dầu Một) ngày 10-8-1957, cuộc tiến công Trại Be (Biên Hòa) ngày 18-9-1957, trận phục kích cánh quân đi càn ở Lò Than (Biên Hòa) tháng 12-1957, cuộc tiến công quận lỵ và chỉ huy quân sự Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một) ngày 11-10-1958, cuộc tiến công trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ ngày 25-10-1958... tiêu diệt nhiều sinh lực và vũ khí của

1, 2. Xem Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, GS. TS. Trịnh Nhu (Chủ biên): *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Sđd, tr.138-139, 169.

chúng¹. Tình hình thực tiễn của cách mạng miền Nam cho thấy vũ trang tự vệ, diệt ác trừ gian, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị tiến lên đấu tranh vũ trang trực diện với kẻ thù là một hướng đi tất yếu của cách mạng miền Nam lúc này. Thực tế đó đòi hỏi phải tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang, phải có hoạt động vũ trang mạnh mẽ, độc lập và quyết liệt hơn nữa.

Giữa năm 1958, Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập đảng ủy quân sự, lực lượng vũ trang toàn miền Đông, Bộ Tư lệnh miền Đông Nam Bộ (sau đổi là Ban Quân sự Miền). Việc thành lập lực lượng vũ trang và Bộ Tư lệnh miền Đông Nam Bộ đánh dấu một bước phát triển rất quan trọng của cách mạng miền Nam, mở đầu việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng với ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích), thống nhất lãnh đạo và chỉ huy lực lượng vũ trang và đẩy mạnh đấu tranh vũ trang theo kịp yêu cầu của cách mạng.

Cùng với xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng và củng cố căn cứ địa cũng là yêu cầu khách quan của cách mạng miền Nam.

Từ các vùng căn cứ cũ trong kháng chiến chống Pháp, như Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, Chiến khu Đồng Tháp Mười, Chiến khu Năm Căn, U Minh, Bắc Ái, Anh Dũng, Ba Tơ..., trong những năm 1957-1958, các căn cứ địa cách mạng không ngừng được củng cố và mở rộng. Xứ ủy Nam Bộ đã xây dựng hai căn cứ địa ở miền Đông Nam Bộ là căn cứ Tây Bắc ở Tây Ninh và căn cứ Đông Bắc ở Thủ Dầu Một - Biên Hòa, xúc tiến xây dựng căn cứ địa ở miền Tây các tỉnh đồng bằng Khu V và Tây Nguyên. Các lực lượng tôn giáo Bình Xuyên ở Biên Hòa và Cao Đài ở Tây Ninh đã lập hai căn cứ ở Đông Bắc và Tây Bắc

trong đó căn cứ Đông Bắc mở rộng lên phía bắc và ra tận vùng địa giới Trung Bộ nối liền với khu vực Trung Trung Bộ và cực Nam Trung Bộ - một căn cứ kháng chiến khác của ta. Ở Liên khu V, đến cuối năm 1958, các "khu bất hợp pháp" phát triển thành những căn cứ vững chắc của cách mạng như Trung Búng, Tân Túc, Đắc Min (Kon Tum), Trà Bông, Sơn Trà, Ba Tơ (Quảng Ngãi), Vinh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận)...

Như vậy, qua thực tiễn đấu tranh, lực lượng chính trị được duy trì và phát triển, lực lượng vũ trang từng bước được xây dựng, đấu tranh vũ trang cũng đã xuất hiện và ngày càng phát triển, nhiều căn cứ địa cách mạng được xây dựng và củng cố. Ta giữ được thế và lực của cách mạng ở một số vùng nông thôn và căn cứ cũ, tạo khí thế mới cho phong trào cách mạng. Qua 5 năm đấu tranh, tích tích cực, chủ động của quân chúng được nâng lên nhiều, nhân dân ngày càng có kinh nghiệm trong việc vận dụng phương châm và hình thức đấu tranh. Đó là điều kiện chủ quan, có ý nghĩa quyết định để đẩy mạnh cách mạng miền Nam, tiến lên khởi nghĩa từng phần giành chính quyền bộ phận.

Ba là, nhay bén nắm bắt thời cơ, chủ động chuyển từ thế giữ gìn lực lượng lên khởi nghĩa từng phần.

Trên cơ sở đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam, bám chắc vào nhân dân, nên ngay trong lúc chính quyền Ngô Đình Diệm đã phát xít hóa đến cao độ, lực lượng quân sự còn khá mạnh, chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ tưởng chừng đã đứng chân vững chắc ở miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc, nhấn mạnh: Đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam ra vẻ hùng hăng nhưng thế và lực của chúng bấp bênh như lâu đài xây dựng trên cát. Trong bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ 15 tháng 1-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Tính cả Bắc, Nam ta hơn một triệu đảng viên và đoàn viên, miền Bắc

1. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, GS. TS. Trịnh Nhu (Chủ biên): *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Sđđ, tr.183.

lại có quân đội hùng mạnh, chính quyền hùng mạnh, mặt trận rộng rãi. Đó là những điều kiện cho cách mạng nói chung và miền Nam nói riêng. Đồng bào ta có tinh thần yêu nước rất cao, được tôi luyện trong kháng chiến, trong cách mạng vì vậy chúng ta nêu cao lá cờ thống nhất, lá cờ hòa bình... Dịch càng bộc lộ hung ác, nó càng gần tới chỗ diệt vong..."¹.

Thực tiễn cách mạng miền Nam cho thấy, qua những năm tháng bị đàn áp, bị dồn dân, cướp đất, khủng bố dưới chính sách độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm, các tầng lớp nhân dân ở nông thôn cũng như thành thị hết sức căm phẫn. Nỗi cùng khổ của các giai cấp và tầng lớp nhân dân bị áp bức trở nên nặng nề hơn mức bình thường. Mâu thuẫn giữa đồng bào miền Nam với chính quyền Ngô Đình Diệm đã không thể dung hòa. Những biện pháp thâm độc và tàn bạo làm cho bản chất xâm lược và bán nước của chúng ngày càng lộ rõ, sự cô lập và thất bại của chúng về chính trị ngày càng nặng nề.

Việc thanh trừng nội bộ trong chính quyền Ngô Đình Diệm càng làm cho chúng hoang mang, dao động, nghi kỵ, mất lòng tin; tình trạng mâu thuẫn, phân hóa trong giới chính trị và quân sự ngày càng tăng. Hậu quả của việc thanh trừng này là sự suy yếu của hệ thống chính quyền Sài Gòn, nhất là ở thôn, xã. Nắm chắc tình hình, Đảng ta đã sáng suốt chỉ ra rằng: Chế độ Mỹ - Diệm đã lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, tình thế cách mạng đã xuất hiện ở nhiều vùng nông thôn. Đây chính là khâu yếu nhất trong hệ thống chính quyền của địch, là nơi địch lung lay và khủng hoảng sớm nhất. Từ đó, Đảng ta đã đi đến một quyết định sáng suốt và hết sức táo bạo, phát

1. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn: *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - những vấn đề khoa học và thực tiễn*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr.236.

động nhân dân khởi nghĩa, dùng bạo lực cách mạng, bất ngờ tiến công dồn dập và mãnh liệt vào khâu yếu nhất của địch là chính quyền cơ sở ở nông thôn, phá bỏ từng mảng hệ thống cai trị của địch.

Nhảy bèn với thực tiễn, nhiều đảng bộ địa phương và cán bộ, đảng viên ở cơ sở đã kịp thời đẩy mạnh đấu tranh, vận dụng sáng tạo tinh thần Nghị quyết 15 vào điều kiện thực tế của địa phương mình để tiến hành khởi nghĩa.

Ngay từ đầu năm 1959, nhân dân Bác Ái (Ninh Thuận) đã nổi dậy khởi nghĩa từng phần, phá kìm kẹp, chống càn, giành quyền làm chủ. Cùng với Bác Ái, nhân dân Vĩnh Thạnh, Tà Boóc và nhiều địa phương miền núi Liên khu V cũng nổi dậy quyết liệt. Ở miền tây Quảng Ngãi, khởi nghĩa nổ ra ở Trà Bồng (8-1959); ở Nam Bộ, Đồng khởi nổ ra ở Bến Tre (1-1960) rồi như nước vỡ bờ, lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên, và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ; nhân dân với gậy gộc, giáo mác đồng loạt nổi dậy đánh đồn bốt, diệt ác ôn, giải tán chính quyền địch. Quân khởi nghĩa đã phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị và hệ thống kìm kẹp của địch ở thôn, xã. Tại các vùng đó, nhân dân ta giành quyền làm chủ, lực lượng vũ trang nhân dân hình thành và phát triển. Căn cứ địa cách mạng được củng cố và mở rộng bao gồm các vùng rừng núi và nhiều vùng nông thôn rộng lớn nằm sau lưng địch.

Như vậy, khởi nghĩa của nhân dân miền Nam nổ ra vào đúng lúc địch đã thất bại về chính trị, còn nhân dân ta căm thù đến tột độ, sẵn sàng vùng lên đấu tranh một mất một còn với chúng. Đảng đã nhận thấy rõ sức mạnh to lớn của quần chúng. Mặt khác, với lực lượng vũ trang nhỏ bé thì tiến hành các hình thức khác sẽ rất khó. Trong khi, quần chúng miền Nam là một lực lượng đồng đảo, có kinh nghiệm đấu tranh chính trị, lại có tinh thần sục sôi cách mạng, quyết định khởi nghĩa của Đảng đã biến khả năng của quần chúng thành sức mạnh tổng hợp

tiến công địch về mọi mặt, giành được quyền chủ động, bất ngờ phát động quân chúng nhất loạt vùng lên, lấy khí thế cách mạng mà trấn áp quân thù làm cho chúng không kịp trở tay.

Sức vùng dậy mạnh mẽ của lực lượng chính trị quần chúng và cách nắm lấy thời cơ một cách táo bạo của ta làm địch hoàn toàn bất ngờ. Mỹ - Diệm không hiểu vì sao ta lại có thể tiến hành một cuộc khởi nghĩa to lớn, xoay chuyển cục diện miền Nam một cách mau lẹ như vậy. Với điểm xuất phát ban đầu thua kém đối phương về tiềm lực kinh tế - quân sự, về lực lượng vũ trang tập trung, phát động khởi nghĩa, chúng ta đã tiến hành một cách chủ động, có tổ chức những cuộc khởi nghĩa từng phần, khắc phục hạn chế, phát huy cao độ sức mạnh và sức sáng tạo của quần chúng nhân dân, hạn chế chỗ mạnh, đánh trúng chỗ yếu của địch, tạo ra sự chuyển biến trong so sánh lực lượng, đẩy địch từ thế chủ động sang thế bị động đối phó với ta.

Trong phong trào khởi nghĩa từng phần, lực lượng chính trị, sức mạnh của đội quân chính trị quần chúng đóng vai trò quan trọng trong sự kết hợp chặt chẽ ba mũi tiến công: chính trị, quân sự, binh vận làm nên thắng lợi to lớn. Quán triệt chủ trương của Đảng, các cán bộ cách mạng ở miền Nam trước và trong quá trình khởi nghĩa đã hằng ngày lăn lộn trong phong trào quần chúng, hoạt động ở bất cứ nơi nào có quần chúng để động viên, tập hợp quần chúng, hình thành và phát triển đội quân chính trị của cách mạng. Những đội quân chính trị cách mạng đã hình thành, trong đó nổi bật lên vai trò của đội quân chính trị, đội quân tóc dài của phụ nữ miền Nam. Trong khi nhấn mạnh vai trò của lực lượng chính trị, đấu tranh chính trị, Đảng ta cũng không ngừng xây dựng, củng cố căn cứ địa cách mạng, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Đó là phương thức đấu tranh thích hợp nhất để chống lại chế độ thống trị của chủ nghĩa thực dân mới. Thực tiễn của quá trình

khởi nghĩa ở miền Nam chỉ ra rằng: "Phải đứng trên quan điểm cách mạng của quần chúng để hiểu bạo lực cách mạng, và có hiểu bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và quân sự, hai phương pháp đấu tranh vừa chính trị, vừa vũ trang, thì mới thấy được thế tiến công của cách mạng khi tình thế cách mạng đã chín muồi..."¹.

Do có quan điểm đúng đắn về bạo lực cách mạng, tin tưởng vào sức mạnh và khả năng to lớn của đội quân chính trị cách mạng của quần chúng nên Đảng đã quyết định phát động khởi nghĩa bằng lực lượng chính trị, đấu tranh chính trị là chủ yếu, trong khi chính quyền bên trên của địch chưa bị đụng chạm, lực lượng của địch ở đô thị còn khá mạnh, lực lượng vũ trang của ta còn nhỏ bé hoặc nhiều nơi chưa có; và khi quần chúng đã nổi dậy khởi nghĩa thì liên tục tiến công trên một địa bàn rộng lớn ở đồng bằng Nam Bộ và rừng núi miền Trung giành thắng lợi to lớn.

Trong phong trào khởi nghĩa, quần chúng đã sáng tạo ra nhiều cách đánh, vận dụng bạo lực cách mạng một cách linh hoạt. Đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự được tiến hành và kết hợp một cách uyển chuyển. Có nơi, có lúc chính trị đi trước, phát động quần chúng đứng lên Đồng khởi giành chính quyền, tạo cơ sở phát triển chiến tranh du kích, đẩy mạnh đấu tranh quân sự để tiêu diệt địch. Có nơi, có lúc quân sự đi trước, lấy tiến công quân sự để tiêu diệt và áp đảo quân thù, thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị, giúp sức cho quần chúng đứng lên giành quyền làm chủ với mức độ khác nhau.

Khi khởi nghĩa từng phần đạt được mục tiêu đập tan chính quyền địch ở địa phương, chính quyền địch ở trung ương chưa bị đánh đổ nhưng đã suy yếu, địch sẽ phản kích lại nhằm giành lại

1. Lê Duẩn: *Hãng hái tiến lên dưới ngọn cờ vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười*, Sđđ, tr.40-41.

địa bàn đã mất. Vì vậy, để tiếp tục đưa cách mạng tiến lên chỉ có thể hoặc phát triển thành một cuộc tổng khởi nghĩa như Cách mạng Tháng Tám hoặc chuyển sang chiến tranh cách mạng. Với điều kiện lịch sử của Cách mạng Tháng Tám chỉ có thể áp dụng khởi nghĩa mà chưa dùng chiến tranh cách mạng, chỉ có thể giải phóng được dân tộc, giành chính quyền bằng đấu tranh chính trị của quần chúng kết hợp với đấu tranh vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị của quần chúng là quyết định. Sở dĩ như vậy vì sự phản kích của địch trong quá trình khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa năm 1945 là rất yếu. Còn trong cách mạng miền Nam, chúng ta phải tiến lên chiến tranh cách mạng để lật đổ chế độ thống trị và đánh bại chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ.

Sau phong trào Đồng khởi (1959-1960), đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp vũ trang vào miền Nam, thiết lập bộ chỉ huy quân sự ở Sài Gòn và tăng viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm, thực hiện tổng động viên lực lượng hồng đánh bại cách mạng. Địch có sự chuyển hướng về chiến lược, tạo ra một cục diện chiến tranh thực sự với quy mô lớn, phản kích cách mạng rất quyết liệt. Hình thái "càn quét, chống càn quét" liên tục diễn ra và diễn đi diễn lại nhiều lần giữa ta và địch. Trong bối cảnh đó, tiến lên chiến tranh cách mạng là một chủ trương đúng đắn của Đảng ta.

Trên cơ sở thắng lợi của khởi nghĩa từng phần, ta có điều kiện phát động chiến tranh nhân dân trên toàn miền Nam. Căn cứ vào điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, ta chủ trương đưa cách mạng miền Nam tiến lên nhưng phải tìm mọi cách bảo vệ cho được công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc, tránh lan rộng chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới.

Có thể nói, bằng phong trào khởi nghĩa từng phần do đồng bào và chiến sĩ miền Nam trực tiếp tiến hành, cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam thực sự đã được khởi động một cách độc

đáo, khôn khéo, cả về quy mô, tốc độ lẫn cách thức và thời điểm, phù hợp với năng lực cách mạng của nhân dân miền Nam, phù hợp với thời cơ lịch sử, gây bất ngờ lớn và bị động cho địch. Đó cũng là thời cơ và phương pháp khởi sự rất đúng đắn, kiên quyết và sáng tạo, phù hợp với tình hình cách mạng miền Nam, cách mạng cả nước lúc đó và xu thế chung của thời đại. Miền Nam khởi sự trước rồi cả nước mới hiệp sức tiến công. Phong trào khởi nghĩa từng phần đã giành được thắng lợi trên nhiều phương diện, đặc biệt giúp Đảng ta hiểu rõ hơn con đường sắp tới của cách mạng miền Nam. Thực tế tình hình thế giới và ở miền Nam đã cho thấy một vấn đề rất mới là: Không phải cuộc đấu tranh nào chống chủ nghĩa đế quốc cũng đưa tới xung đột khu vực và do đó, đưa tới việc bùng nổ chiến tranh giữa hai phe. Đây là một trong những cơ sở quan trọng giúp Đảng ta tiếp tục hoàn thiện những nhận thức đã đạt được.

Với thế và lực mới, miền Nam đang tiến những bước dài trên con đường từ khởi nghĩa từng phần để chủ động chuyển lên chiến tranh cách mạng khi tình thế đòi hỏi. Thực tiễn sinh động này chứng tỏ tính đúng đắn khi phát động khởi nghĩa của Trung ương Đảng và tinh thần năng động, sáng tạo của quần chúng nhân dân. Nó minh chứng cho sự nhận thức sâu sắc của Đảng ta là: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng đã chỉ ra cho Đảng con đường, phương pháp đấu tranh và lực lượng để thực hiện mục tiêu cách mạng.

*
* *

Có thể nói, khởi nghĩa từng phần là bước khởi đầu rồi chuyển tiếp lên chiến tranh cách mạng là cái riêng độc đáo của cách mạng miền Nam. Khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng ở miền Nam đã thể hiện một quy luật của chiến

tranh cách mạng Việt Nam là các cuộc chiến tranh giải phóng luôn bắt đầu từ những cuộc đấu tranh chính trị đến các cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhân dân. Nhưng không phải bất cứ hình thức đấu tranh chính trị nào cũng đều là khởi điểm cho một cuộc chiến tranh cách mạng, nói cách khác, không phải bất cứ hình thức đấu tranh chính trị nào cũng đều sinh ra bạo lực cách mạng. Chỉ khi phong trào đấu tranh có tổ chức của quần chúng đã phát triển đến cao trào mang tính nổi dậy ở thế áp đảo quân thù nhằm đạt mục tiêu chính trị trực tiếp như trong phong trào Đồng khởi thì lúc đó bạo lực mới xuất hiện. Nó là kết quả tinh thần sáng tạo của cán bộ, đảng viên, đồng bào và chiến sĩ miền Nam đồng thời là sức sáng tạo vô tận của cách mạng, của chiến tranh nhân dân Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo.

PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI - NGHỆ THUẬT MỞ ĐẦU CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)

Thiếu tá, ThS. NGUYỄN VĂN QUYẾN*

Chiến tranh cách mạng là cuộc chiến tranh do các giai cấp, lực lượng chính trị cách mạng, tiến bộ lãnh đạo đông đảo quần chúng bị áp bức, bóc lột tiến hành nhằm xóa bỏ hình thái kinh tế - xã hội đã lỗi thời, thiết lập một hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ. Vậy tại sao, nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng không tiến hành chiến tranh cách mạng từ năm 1954 để đánh đổ chính quyền tay sai phản động, mà phải tới cuối năm 1959 đầu năm 1960 mới có bước chuyển từ khởi nghĩa từng phần thành chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng? Đi tìm và trả lời về căn nguyên câu hỏi đó, là vấn đề không hề đơn giản.

Những năm sau khi Hiệp định Giơnevơ ký kết, chúng ta đã nghiêm chỉnh thi hành chuyển quân tập kết chờ ngày tổng tuyển cử thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình. Ở miền Nam, tại chỗ lực lượng cách mạng có hệ thống tổ chức

* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

dáng, có chính quyền, có quân đội, có vùng giải phóng, đến chỗ không có chính quyền, phần lớn cán bộ, chiến sĩ chuyển ra miền Bắc, toàn bộ hoạt động kháng chiến phải thay đổi theo phương thức mới: vừa hợp pháp và không hợp pháp, vừa công khai lại vừa bí mật, tạo ra sự đảo lộn lớn, nhân dân từ đấu tranh công khai phải chuyển sang đấu tranh chính trị không có lực lượng vũ trang hỗ trợ. Tuy nhiên, sau hai năm, tháng 7-1956, cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo Hiệp định Giơnevơ đã không thể thực hiện được, bởi đế quốc Mỹ và tay sai quyết tâm biến ranh giới quân sự tạm thời thành đường biên giới chính trị, âm mưu chia cắt vĩnh viễn đất nước ta, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới nằm trong vòng cương toả của Mỹ, thành tiền đồn ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới. Khả năng thống nhất Tổ quốc bằng phương pháp hòa bình không còn nữa, nhưng điều kiện để Đảng ta phát động cuộc chiến tranh cách mạng lại chưa chín muồi.

Theo dõi, nắm bắt tình hình, ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã họp hội nghị phân tích đánh giá tình thế và nêu rõ nhiệm vụ cách mạng cả nước trong giai đoạn mới là: "Đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, để phòng và khắc phục mọi âm mưu phá hoại Hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình..., giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam, dặng củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc"¹.

Quan triệt chủ trương của Trung ương Đảng, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr.287.

của các đảng bộ địa phương tiếp tục phát triển mạnh. Mở đầu là các cuộc đấu tranh chống địch đàn áp, khủng bố nhân dân ở Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Bến Tre... cuối năm 1954. Tiếp đó là phong trào đòi hòa bình, đòi quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc diễn ra ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng và nhiều thành phố, thị xã, thị trấn khác nhau thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Phong trào đấu tranh chống "tố cộng", "diệt cộng" của quần chúng cũng tiếp tục diễn ra mạnh mẽ (năm 1957, có 2 triệu người tham gia, năm 1958 tăng lên 3,7 triệu người, năm 1959 tăng lên 5 triệu người tham gia), nhưng kết quả của phong trào lại rất hạn chế. Các cuộc đấu tranh của quần chúng ở miền Nam trong những năm 1955-1958 đã bị kẻ thù chìm trong bể máu. Chính sách và những hoạt động chống cộng cực kỳ thâm độc và tàn bạo của kẻ thù đã khiến cho lực lượng yêu nước và cách mạng ở miền Nam bị tổn thất nặng nề. Thực tế đó cho thấy, hình thức đấu tranh chính trị ngày càng tỏ ra không đủ mạnh để đối phó với bạo lực phản cách mạng ở miền Nam, đòi hỏi Đảng ta cần kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, chuyển hình thức đấu tranh cho phù hợp để đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục phát triển.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng, theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và Xứ ủy Nam Bộ, nhiều đảng bộ địa phương miền Nam đã bước đầu tổ chức lực lượng vũ trang tự vệ, vũ trang tuyên truyền (đến năm 1958, toàn miền Nam đã có 30 đại đội vũ trang) để bảo vệ và hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, xây dựng một số căn cứ địa (Chiến khu Đ, Chiến khu Dương Minh Châu, Chiến khu U Minh...), nhưng mới chỉ dừng ở giai đoạn tập hợp lực lượng. Nhân dân tuy căm thù giặc sâu sắc, một lòng hướng về miền Bắc nhưng chưa được tổ chức và chuẩn bị sẵn sàng để nổi dậy. Thực lực miền Bắc lúc này vẫn còn hạn chế, lại bị ảnh hưởng lớn do chính đốn tổ chức và

những sai lầm trong cải cách ruộng đất gây ra. Hơn nữa, đế quốc Mỹ lại xâm lược miền Nam theo hình thức "giấu mặt trá hình", phía ta lại lệ thuộc và bị ràng buộc bởi các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, chiến trường xa cách, thông tin về tình hình miền Nam không đầy đủ.

Bước sang năm 1959, phong trào đấu tranh cách mạng có bước chuyển biến quan trọng: hoạt động vũ trang diễn ra sôi động ở khắp nơi, nhiều cuộc khởi nghĩa từng phần của quần chúng đã giành được thắng lợi đòi hỏi phải chuyển hướng đường lối cách mạng miền Nam cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Chính quyền Ngô Đình Diệm ngày càng lộ rõ bộ mặt phát xít, phản dân, hại nước, ra sức đàn áp khủng bố phong trào đấu tranh của nhân dân bằng Luật 10/59 và nhiều chính sách cực đoan khác. Đế quốc Mỹ cũng ngày càng lộ mặt xâm lược miền Nam bằng việc tăng cường đội ngũ cố vấn và viện trợ vũ khí, phương tiện chiến tranh cho chính quyền, quân đội Sài Gòn. Miền Bắc, sau các kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế, thực lực mọi mặt được tăng cường, từng bước lớn mạnh, đủ điều kiện chi viện cho cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân miền Nam. Vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không ngừng được củng cố, tăng cường.

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy cần phải đẩy mạnh và đưa cuộc đấu tranh lên cao một bước, sẵn sàng chuyển thành chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng khi thời cơ chín muồi. Nhưng, trước mắt, vì lực lượng ta chưa đủ mạnh, buộc chúng ta phải biết kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, lấy đấu tranh chính trị làm chính để từ cơ sở đó mà xây dựng cơ sở và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng.

Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ 15 (khóa II) dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh để thảo luận nhằm tìm ra một giải pháp cơ bản cho cách mạng

miền Nam. Hội nghị phân tích, chỉ rõ: "Vì chế độ thống trị của Mỹ - Diệm dựa vào vũ lực để tồn tại, mà chúng ta thì phải dựa vào lực lượng quần chúng, lấy lực lượng quần chúng đánh đổ chúng, cho nên muốn đạt được mục tiêu đó, cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, thì mới có thể có điều kiện nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng"¹, đưa cuộc đấu tranh phát triển từ hình thức thấp đến hình thức cao, đẩy lùi từng bước, đánh đổ từng bộ phận tiến lên đánh bại hoàn toàn kẻ địch. Trong quá trình đó, "hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu. Song, quân thù quyết định cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu của phong trào cách mạng ở miền Nam, cho nên trong một chừng mực nhất định và ở những địa bàn nhất định, đã xuất hiện những lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để trợ lực cho đấu tranh chính trị. Đó là một điều cần thiết"². Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam "là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ,... tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới"³. Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là "khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"⁴. Nhưng, chúng ta phải hết sức mềm dẻo về sách

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.20, tr.82-83, 84, 81-82, 82.

lược, "trong tình hình phức tạp của cách mạng ở miền Nam, Đảng phải theo dõi sát phong trào, nắm vững tình hình, đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, dự đoán đúng chuyển biến của phong trào, để định hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức cho thích hợp và kịp thời"¹ theo phương châm "khéo che giấu lực lượng, bảo tồn cơ sở và tích trữ lực lượng để có thể đấu tranh lâu dài và giành thắng lợi cuối cùng, càng đấu tranh càng mở rộng cơ sở và mở rộng phong trào... phải khéo kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp; tùy nơi, tùy lúc phải biết khéo kết hợp các khẩu hiệu kinh tế, văn hóa với khẩu hiệu chính trị; khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị với vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ; phải phối hợp chặt chẽ phong trào ở thành thị, ở nông thôn và vùng căn cứ, phong trào ở miền Nam và ở miền Bắc, phong trào trong nước với phong trào cách mạng thế giới"².

Mặc dù Đảng ta biết khả năng thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình như Hiệp định Giơnevơ quy định không còn nữa, nhưng về hình thức, vẫn chủ trương duy trì tính pháp lý của Hiệp định làm căn cứ đấu tranh với địch, thấy rằng Hiệp định "có tác dụng hạn chế một phần âm mưu gây chiến của địch và có lợi cho công cuộc đấu tranh chính trị để thống nhất nước nhà, có lợi cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Chúng ta phải biết triệt để sử dụng nó. Song cần nhận rõ nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng không phải là Hiệp nghị Giơnevơ mà là lực lượng đấu tranh của quần chúng nhân dân cả nước, được sự đồng tình, ủng hộ ngày càng rộng rãi của nhân dân thế giới"³. Do đó, ta chủ trương giữ nguyên trạng giới tuyến quân sự tạm thời, không gây thêm cơ để đế quốc Mỹ gia tăng can thiệp

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.86, 69-70.

quân sự vào miền Nam, còn bên trong, chúng ta xúc tiến đẩy mạnh công tác chuẩn bị thực lực mọi mặt cho nhân dân miền Nam nổi dậy đánh đổ chính quyền tay sai.

Trung ương cũng khẳng định, tuy ở hai miền Bắc - Nam nhiệm vụ chiến lược đó "tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu cơ với nhau, song song tiến hành, ảnh hưởng sâu sắc lẫn nhau, trợ lực mạnh mẽ cho nhau, nhằm phương hướng chung là giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện thuận lợi để đưa cả nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội"¹. Như vậy, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định rõ tính chất, nội dung, nhiệm vụ, phương châm, phương pháp cách mạng miền Nam là tiến hành chiến tranh cách mạng ở miền Nam nhưng phải bảo vệ được miền Bắc; tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của quốc tế, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa đối với đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam; phân hóa, cô lập kẻ thù, trên cơ sở đó, tạo đà phát huy được sức mạnh tổng hợp đánh bại địch từng bước, tiến lên đánh bại hoàn toàn.

Quán triệt chủ trương, phương pháp khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng của Trung ương Đảng ta để ra trong Nghị quyết 15, nhân dân miền Nam đã sử dụng lực lượng chính trị kết hợp với sự hỗ trợ tích cực của lực lượng vũ trang, tiến hành Đồng khởi giành thắng lợi ở khắp các địa bàn nông thôn rộng lớn. Phong trào cách mạng miền Nam dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng thực sự bước sang một giai đoạn mới, khác hoàn toàn về chất so với những năm trước đây.

Có thể nói, với sự sáng tạo, chủ động của các cấp ủy đảng địa phương và được ánh sáng Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng soi đường dẫn lối, phong trào Đồng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.62.

khởi ở miền Nam như được tăng cường thêm sức mạnh, lan toả nhanh chóng và lôi cuốn đông đảo các tầng lớp tham gia. Nơi nào phong trào đấu tranh cách mạng phát triển mạnh mẽ, thì ở đó các tổ chức cơ sở đảng được phục hồi, chính quyền cách mạng được thiết lập, lực lượng vũ trang được tổ chức và từng bước phát triển nhanh. Thắng lợi có ý nghĩa lớn nhất mà quân và dân miền Nam giành được qua phong trào Đồng khởi là đã phá tan một mảng lớn chính quyền tay sai ở cấp cơ sở mà địch không đủ sức giành lại được. Tại những nơi này, ngay lập tức chính quyền cách mạng của nhân dân được thiết lập và củng cố. Thắng lợi đó tạo ra những điều kiện thuận lợi hết sức căn bản cho phong trào cách mạng miền Nam phát triển bứt phá lên tầm cao hơn - chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công địch, từ khởi nghĩa từng phần thành chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng. Kẻ địch từ thế chủ động chuyển thành bị động về chiến lược và hết sức lúng túng về biện pháp đối phó.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi năm 1959-1960 là thắng lợi đầu tiên của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược. Nó có tác động và ảnh hưởng rất lớn tới phong trào đấu tranh cách mạng miền Nam nói chung và phong trào đấu tranh ở các đô thị miền Nam nói riêng, thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đô thị đòi cải thiện đời sống, đòi dân sinh, dân chủ, đòi Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải hiệp thương với miền Bắc tổng tuyển cử, nội bộ chính quyền Sài Gòn bị phân hóa và mâu thuẫn sâu sắc.

Như vậy, nhờ có chủ trương, đường lối đúng đắn và sách lược mềm dẻo, tích cực chuẩn bị xây dựng cơ sở và lực lượng, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị của quần chúng có sự hỗ trợ đắc lực của các lực lượng vũ trang địa phương với hình thức đấu tranh vừa bí mật lại vừa hợp pháp công khai mà các cuộc Đồng khởi của nhân dân miền Nam mở đầu chiến tranh cách

mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam giành được thắng lợi lớn, hạn chế được một phần tổn thất do sự phản kích chống phá điên cuồng của địch, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân trong nước và thế giới. Thắng lợi đầu tiên này tạo ra những thuận lợi cơ bản cho cách mạng miền Nam trong việc duy trì và phát triển lực lượng chính trị, tổ chức cơ sở đảng, xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang chuẩn bị bước vào cuộc chiến tranh giải phóng lâu dài. Cũng với nghệ thuật mở đầu chiến tranh cách mạng hết sức khôn khéo, quy mô và hình thức phù hợp nên chúng ta không chỉ tự chủ được trong hoạch định quyết sách, đường lối cách mạng của mình mà còn tránh được sức ép và áp đặt từ bên ngoài, nhất là đối với chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng miền Nam của Đảng.

Mở đầu chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng với phong trào Đồng khởi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi bằng các hình thức đấu tranh thích hợp: đấu tranh chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với sử dụng lực lượng vũ trang hợp lý, vừa đấu tranh bí mật lại vừa công khai hợp pháp là nét độc đáo sáng tạo trong nghệ thuật chỉ đạo điều hành chiến tranh của Đảng. Nó thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần chủ động và sáng tạo, tài trí của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước hết sức phức tạp. Tinh thần chỉ đạo đó đã soi sáng và dẫn dắt nhân dân ta đi đúng đường, giành thế chủ động tiến công chiến lược cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

XỨ ỦY NAM BỘ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM (1954-1960)

ThS. LÊ XUÂN AN*

1. Từ căn cứ ven rừng U Minh Hạ

Tháng 10-1954, trong khoảng thời gian ngắn ngủi của những ngày hòa bình, tại căn cứ ven rừng U Minh Hạ, Hội nghị kết thúc nhiệm vụ của Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến chống Pháp và thành lập Xứ ủy Nam Bộ được triệu tập. Hội nghị đã thảo luận kế hoạch thực hiện đường lối của Trung ương và đề ra những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể cho các cấp ủy đảng ở Nam Bộ.

Hội nghị nhận định tình hình có hai khả năng: có thể Mỹ - Diệm buộc phải thi hành Hiệp định Giơnevơ hoặc một số điều khoản của Hiệp định sẽ bị chúng cố tình phá hoại, tình trạng chia cắt sẽ kéo dài, chiến tranh sẽ trở lại. Cách mạng miền Nam phải chủ động đối phó với cả những tình huống xấu nhất. Trước mắt Đảng bộ và nhân dân miền Nam phải đoàn kết đấu tranh đòi tự do, dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Tổ chức và hoạt động của Đảng phải hết sức bí mật, gọn nhẹ, vững chắc. Tổ chức và hoạt động của phong trào quần chúng cần lợi dụng hình thức công khai.

* Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Hội nghị đã thành lập Xứ ủy gồm các đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, được Trung ương phân công làm Bí thư Xứ ủy, Phạm Hữu Lầu, Hoàng Dư Khương, Phan Văn Đáng, Lê Toàn Thư, Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Văn Linh, Phạm Thái Bường, Phạm Văn Xô, Phan Văn Đức, Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ. Hội nghị Xứ ủy lần đầu tiên này là cuộc họp đầy đủ nhất và cũng là cuộc họp để chia tay, các đồng chí đã từng hoạt động lâu năm ở Nam Bộ, như Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kính... sẽ tập kết ra miền Bắc. Đã nhiều năm gắn bó với chiến trường Nam Bộ, người ra đi, người ở lại không khỏi lưu luyến. Các đồng chí lãnh đạo Xứ ủy xác định: "Đi hay ở đều là nhiệm vụ, đều với tư thế của người chiến thắng", nhiệm vụ chuyển quân tập kết là sự bố trí lại lực lượng, chuẩn bị cho thế trận mới.

Tại Hội nghị thành lập Xứ ủy, các cơ quan giúp việc cho Xứ ủy cũng hình thành như: Ban An ninh, Dân vận, Dịch tễ, Tuyên huấn, Tổ chức, Văn phòng... Xứ ủy quyết định chia Nam Bộ thành ba liên tỉnh ủy và khu ủy. Liên tỉnh ủy miền Tây do đồng chí Phạm Thái Bường làm Bí thư. Liên tỉnh ủy miền Đông do đồng chí Trần Văn Đức làm Bí thư. Liên tỉnh ủy miền Trung do đồng chí Nguyễn Minh Đường làm Bí thư. Đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn.

Ngay sau Hội nghị thành lập Xứ ủy, gần 60.000 đảng viên Nam Bộ rút vào hoạt động bí mật, gần 10.000 khẩu súng và điện đài được chôn giấu. Đến năm 1955, về cơ bản bộ máy chỉ đạo của Đảng từ Xứ ủy đến liên tỉnh ủy, tỉnh ủy, huyện ủy được sắp xếp xong. Các chi bộ được phân thành loại A và B để duy trì hoạt động trong tình hình mới. Những đồng chí bị lộ thì thực hiện "điều lắng", chuyển sang địa phương khác, hoặc tạm ngừng hoạt động. Việc đưa người của ta vào hoạt động trong các tổ chức địch cũng được chú ý. Xứ ủy còn chủ trương lợi dụng danh nghĩa các giáo phái để chống Mỹ - Diệm, tránh chúng khiêu khích, viện cớ phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

Thời gian cho kế hoạch tập kết nhanh chóng trôi qua. Người ra đi giơ hai ngón tay vẫy chào người ở lại kèm theo lời hẹn ước: hai năm sẽ trở về. Ngược lại đoàn người chuyển quân tập kết là hàng vạn đồng bào theo đạo Thiên Chúa bị Mỹ - Diệm cưỡng ép di cư vào Nam. Sự kiện này khiến người đi, người ở càng thêm bồi hồi, lo lắng. Kẻ thù nham hiểm và hung bạo, rồi đây ta không còn chính quyền, quân đội, chắc lại có cảnh máu chảy, đầu rơi. Ngày 20-7-1955, tại cửa sông Ông Đốc (Cà Mau), cuộc tiễn đưa đồng chí Lê Đức Thọ và Lê Duẩn ra Bắc được tổ chức long trọng. Trong ngày chuyển quân cuối cùng của Nam Bộ, một cụ già nói trong nước mắt: "Các con ra đi hãy để lại cò và ảnh Bác cho bà con". Một cây vú sữa và nắm đất mũi Cà Mau cũng được chuyển lên tàu với tấm lòng son sắt:

*"Con ra thưa với Bác Hồ
Đất này chỉ cần một cò vàng sao".*

Khi trời tối, trước lúc rời tàu, bí mật quay trở lại đất liền tiếp tục hoạt động, đồng chí Lê Duẩn ôm hôn đồng chí Lê Đức Thọ và dặn rằng: "Anh ra thưa với Bác Hồ là tất cả đồng bào đồng chí trong này đều mong Bác sống lâu, mạnh khỏe. Anh cho tôi gửi lời chào Bác, anh Trường Chinh và tất cả các anh ngoài đó. Tình thế này thì dễ đến mười tám, hai mươi năm nữa, anh em ta mới lại gặp nhau"¹. Dự báo của đồng chí Bí thư Xứ ủy đã giúp Đảng bộ và nhân dân miền Nam không bị bất ngờ trước sự phản kích điên cuồng của kẻ thù.

Những ngày len lỏi trong những rặng dừa, bãi sù bạt ngàn và kin đáo ven sông, đồng chí Bí thư Xứ ủy đã dự định xây dựng một con đường xuyên biển từ miền Bắc chi viện cho miền Nam. Tại Bến Tre, báo cáo đề dẫn của đồng chí Lê Duẩn trong Hội nghị Liên tỉnh ủy miền Tây là những nét chấm phá đầu tiên cho văn kiện *Đường lối cách mạng miền Nam*.

1. Thép Mới: *Thiên tháng Mỹ*, báo *Nhân Dân*, ngày 3-3-1985.

Đầu năm 1955, Xứ ủy chủ trương xây dựng cơ sở và hoạt động trong thành phố. Tháng 3-1955, tại ngà ba Ông Tạ (nay là nhà số 334, đường Phạm Văn Hai - quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh), Văn phòng Xứ ủy được thành lập gồm 10 đồng chí, do đồng chí Hoàng Dư Khuông, Thường vụ Xứ ủy lãnh đạo. Văn phòng hoạt động dưới danh nghĩa một xưởng cưa xẻ gỗ do đồng chí Dương Di Tươi trực tiếp điều hành. Cuối năm 1955, đồng chí Hoàng Dư Khuông bị địch bắt do một tên phản bội khai báo ở một điểm khác, văn phòng không bị lộ, nhưng theo nguyên tắc, phải di chuyển đến một điểm khác. Đồng chí Lê Toàn Thư nhận nhiệm vụ tiếp tục xây dựng cơ sở bí mật để đặt Văn phòng Xứ ủy. Ngôi nhà số 29, đường Huỳnh Khương Ninh, gần chợ Đa Cao (nay thuộc quận I, thành phố Hồ Chí Minh) được chọn làm địa điểm của Văn phòng Xứ ủy. Chi bộ đặc biệt của Văn phòng Xứ ủy được thành lập do đồng chí Nguyễn Thị Một làm Bí thư. Chi bộ được ngụy trang dưới danh nghĩa một gia đình công chức do anh Trịnh Long Việt làm chủ hộ. Văn phòng Xứ ủy trở thành đầu mối giao thông liên lạc giữa Thường vụ Xứ ủy với các liên tỉnh ủy, các ban chuyên môn của Xứ ủy.

Từ tháng 5-1956, đồng chí Lê Duẩn đã đến sống và làm việc tại Văn phòng Xứ ủy ở Sài Gòn. Các đồng chí Thường vụ Xứ ủy, Thành ủy cũng thường đến họp bàn. Đồng chí Lê Duẩn sống ở đây về ngoài nhân thân như bậc cha chú từ miền Trung vào thăm con cháu, nhưng trong suy nghĩ lúc nào cũng nung nấu về con đường đi lên của cách mạng miền Nam. Thời gian ở Sài Gòn, đồng chí tiếp tục viết bản thảo *Đường lối cách mạng miền Nam*.

Tháng 7-1956, Mỹ - Diệm chính thức xé bỏ Hiệp định Giơnevơ. Thiện chí hòa bình thống nhất đất nước của Đảng và nhân dân ta bị cự tuyệt. Lúc này cũng là lúc chúng đánh bại các lực lượng giáo phái và các nhóm thân Pháp, rảnh tay đàn áp cách

mạng miền Nam. Hàng ngàn đồng bào yêu nước bị bắt, bị bỏ tù vì "tội" biểu tình đòi thống nhất đất nước. Đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Ủy viên Trung ương Đảng và nhiều đồng chí lãnh đạo thành ủy, tỉnh ủy, huyện ủy bị sa vào tay giặc. Đấu tranh chính trị đơn thuần dù dẫn đến cao trào cũng không thể thắng lợi. Vậy, làm thế nào để duy trì được lực lượng, không để địch tiêu diệt lực lượng cách mạng miền Nam? Xứ ủy Nam Bộ chịu trách nhiệm với Đảng, hằng ngày cọ sát với địch, phải kịp thời giải đáp.

2. Những trần trở và tìm tòi

Trước sự lung sục gắt gao của địch, từ Sài Gòn, lãnh đạo Xứ ủy phải chuyển lên Đà Lạt để bàn bạc những vấn đề sẽ đưa ra thảo luận tại Hội nghị lần thứ hai. Nhưng Đà Lạt yên tĩnh vẫn không an toàn, đường dây liên lạc bị địch phát hiện. Để bảo toàn lực lượng, Xứ ủy phải rời sang Thủ đô Phnôm Pênh (Campuchia).

Những ngày ở Phnôm Pênh, đồng chí Bí thư Xứ ủy tiếp tục suy nghĩ xây dựng *Đường lối cách mạng miền Nam*. Tại Hội nghị cuối năm 1956 ở Phnôm Pênh, Xứ ủy đã góp ý kiến cho bản tài liệu *Đường lối cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn và thông qua Nghị quyết về tổ chức, hoạt động vũ trang tự vệ do đồng chí Phạm Minh Đường soạn thảo. *Đường lối cách mạng miền Nam* đã có đề xuất táo bạo: "Phải dùng bạo lực giải phóng miền Nam. Nhân dân miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống Mỹ - Diệm. Đó là con đường cách mạng".

Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ lần thứ hai đặt vấn đề vũ trang tuyên truyền và vũ trang tự vệ thành một chủ trương lớn nhằm hỗ trợ cho đấu tranh chính trị. Sau này dùng lực lượng vũ trang đó để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Hoạt động vũ trang tự vệ đã hạn chế sự lung sục của bọn chỉ điểm, nhiều nơi bọn tề điệp, ác ôn co lại, quần chúng dễ thở hơn. Cán bộ, đảng viên trong thế đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ ít bị tổn

thất hơn. Từ thực tế đó, Xứ ủy Nam Bộ kết luận: "Với Mỹ - Diệm không thể trông mong cầu xin, mà phải đấu tranh, muốn đấu tranh phải có thực lực"¹.

Đường lối cách mạng miền Nam và Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ bước đầu giải đáp được yêu cầu của cách mạng miền Nam, góp phần đưa chủ trương của Bộ Chính trị tháng 6-1956 về đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ đi vào cuộc sống, hạn chế những tổn thất do địch gây ra. Theo tinh thần của các văn kiện đó, các cấp đảng bộ và nhân dân miền Nam đã có ý thức chuẩn bị nổi dậy trong khi chờ đợi chủ trương chính thức của Trung ương.

Sau Hội nghị Xứ ủy lần thứ hai, đầu năm 1957, đồng chí Lê Duẩn được Trung ương điều ra miền Bắc công tác. Đồng chí Phạm Hữu Lầu, Phó Bí thư Xứ ủy lâm bệnh nặng. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được cử làm quyền Bí thư Xứ ủy. Tiếp đó, Xứ ủy cử đồng chí Phan Văn Đáng và Phạm Văn Xô ra Bắc xin ý kiến Trung ương về chủ trương, đường lối cách mạng miền Nam. Khi trao đổi với các đồng chí vừa từ miền Nam ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói lên điều trần trở, suy tư: "Cố nhiên là phải vũ trang rồi. Nhưng vũ trang có cái phức tạp của nó. Phải tính lúc nào và hình thức ra sao. Đó là vấn đề cần nghiên cứu bàn bạc cho kỹ"². Điều đó cho thấy con đường của cách mạng miền Nam đặt ra những vấn đề mới, không chỉ là hình thức đấu tranh, mà là đường lối toàn diện về chiến lược.

Tất cả những vấn đề gợi ý, đề xuất, trao đổi của các cấp từ Trung ương đến địa phương, trong đó có Xứ ủy Nam Bộ đã góp phần hình thành nên đường lối của Đảng về giải phóng miền Nam. Mặt khác sự bức xúc của phong trào cách mạng miền Nam đã đẩy nhanh sự ra đời đường lối đó. Vì đấu tranh chính

1. Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ, tháng 12-1956.

2. *Trận đánh 30 năm*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1988, tr.67.

trị có vũ trang tự vệ vẫn không ngăn chặn được bàn tay "vấy máu" của Mỹ - Diệm. Với quốc sách "tố cộng", "diệt cộng" khủng bố những người yêu nước và cả những phe phái đối lập, chúng đã đẩy cả miền Nam vào không khí ngột ngạt như một trại giam lớn. Cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề. Không chỉ những cán bộ, đảng viên mà hàng vạn nông dân cũng buộc phải chạy vào các bưng biển, rừng núi, thành lập các "làng rừng", các "túi bất hợp tác" chống địch. Nhiều nông dân ký vào đơn thư chất vấn Xứ ủy Nam Bộ: "Có báo với Bác Hồ và Trung ương biết tình hình miền Nam hay không mà chịu khoanh tay để địch đàn áp bừa bãi. Muốn giết ai chúng chỉ cần vu cho người đó là cộng sản"¹. Đồng bào kiến nghị với Xứ ủy và Trung ương cho con em miền Nam tập kết ra Bắc trở về Nam đánh giặc cứu dân. Nhiều nơi đồng bào yêu cầu cho vũ trang đánh trả lại quân thù: "Tại sao không cho vũ trang?", "Không vũ trang thì anh em mình chết hết".

Trong bối cảnh sôi sục của cách mạng miền Nam, tháng 1-1959, tại Hà Nội, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (mở rộng, khóa II) họp để xác định đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam. Những ý kiến của các đồng chí Xứ ủy Nam Bộ và Liên khu ủy V tại Hội nghị đã giúp Trung ương đúc kết lại tình hình miền Nam những năm qua và đề ra đường lối phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Hội nghị Trung ương lần thứ 15 kết luận: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang của nhân dân". Hội nghị cũng dự đoán cuộc khởi nghĩa có thể biến thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ nhưng thắng lợi nhất định về ta.

1. Trả lời phỏng vấn Tạp chí Lịch sử Đảng của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 2-1995, tr. 11.

Những tìm tòi, góp ý kiến của Xứ ủy Nam Bộ và thực tiễn đấu tranh của nhân dân miền Nam đã góp phần đưa đến Nghị quyết 15 lịch sử. Đảng bộ và nhân dân miền Nam đã thực hiện sáng tạo đường lối của Trung ương Đảng, thổi bùng lên ngọn lửa Đồng khởi oanh liệt trên khắp miền Nam.

3. Bước ngoặt lịch sử xoay chuyển tình thế

Trước khi cán bộ Xứ ủy tham dự Hội nghị Trung ương về phổ biến toàn văn, tháng 5-1959, Trung ương đã thông báo văn tắt tinh thần của Nghị quyết 15 qua vô tuyến điện đến các đảng bộ miền Nam. Đòi hỏi cấp bách của phong trào khiến tin tức lan nhanh khắp miền Nam. Cán bộ và quần chúng hiểu Nghị quyết với tinh thần: "Đảng cho đánh rồi", "cho làm vũ trang rồi". Đồng bào sửa soạn vũ khí theo hướng vũ trang khởi nghĩa. Một số trận tiến công của lực lượng vũ trang Nam Bộ ở Chiến khu Đ (Đồng Nai), Giồng Thị Đam, Gò Quản Cung (Kiến Phong), Xẻo Rô (Rạch Giá), Cà Mau cuối năm 1959... là sự thể nghiệm của tinh thần Hội nghị Trung ương 15. Vì vậy, cuối năm 1959, khi Nghị quyết chính thức được phổ biến, khắp các địa phương đều có thể phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Quá trình phổ biến Nghị quyết Trung ương 15, cũng là quá trình triển khai Đồng khởi.

Ngày 14-11-1959, Xứ ủy Nam Bộ nhận được điện toàn văn Nghị quyết Trung ương lần thứ 15. Ngay sau đó, Xứ ủy họp Hội nghị lần thứ tư để bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương 15. Xứ ủy nhấn mạnh những nhiệm vụ trước mắt của Đảng: "Đẩy lùi từng bước, tạo ra thế chuyển biến tận gốc chính quyền địch. Khởi nghĩa đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm khi có thời cơ thuận lợi"¹. Tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã phát biểu: "Khởi nghĩa nhất thiết phải nổ ra đồng loạt và trên

1. Nghị quyết Xứ ủy Nam Bộ, tháng 12-1959.

diện rộng. Phải đập tan thật nhanh, gọn bộ máy kìm kẹp của địch ở xã, ấp vì ở đó địch yếu chứ không mạnh"¹.

Xứ ủy chủ trương tiến công địch đồng loạt, trên phạm vi nhiều tỉnh trong cùng một thời gian. Trước hết có thể nổi dậy tước vũ khí của bảo an địch ở thôn xã, hoặc thực hiện một số trận đánh lớn lấy vũ khí trang bị cho ta, tạo đà cho quần chúng nổi dậy. Trước đó, Xứ ủy còn tính rằng sẽ phát động nổi dậy vào sau vụ gặt mùa (khoảng tháng 4, 5-1960) để có đủ lương thực và thời gian đấu tranh lâu dài với địch. Nhưng khi triển khai Nghị quyết Trung ương 15, đòi hỏi của thực tiễn đã lan đến các cuộc họp. Cần phải triển khai Đồng khởi ngay vào dịp Tết năm 1960.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, ngày 17-1-1960, từ Bến Tre, phong trào Đồng khởi bắt đầu bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu. Chỉ với bấp dữa làm súng giả, với tiếng mõ, bà con đã tay không nổi dậy tước vũ khí của bọn dân vệ, giải tán bọn tế ngục. Ngược lại, ở Tây Ninh, Đồng khởi bắt đầu bằng đòn tiến công quân sự vào căn cứ Tua Hai, thu vũ khí địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy (26-1-1960).

Tháng 7-1960, trên cơ sở thắng lợi của đợt đầu, Xứ ủy họp Hội nghị lần thứ năm rút kinh nghiệm và quyết định Đồng khởi đợt 2 vào tháng 9-1960. Đồng thời, Xứ ủy kiến nghị với Trung ương về phương châm nâng cao mức đấu tranh vũ trang lên song song mức đấu tranh chính trị nhằm bảo vệ, phát triển những thành quả đã đạt được.

Đến cuối năm 1960, về cơ bản ta đã làm tan rã cơ cấu chính quyền địch ở nông thôn. Thế trận của địch bị đảo lộn, từ chỗ tập trung quân hô hào "lấp sông Bến Hải", "Bắc tiến", chúng phải quay về chống đỡ phía nam. Thắng lợi của Đồng khởi đã giải quyết thành công bước mở đầu cuộc chiến tranh, tạo ra bước

1. Trận đánh 30 năm, *Sđd*, t.3, tr.134.

ngoặt lịch sử xoay chuyển tình thế, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng và thoái trào sang thế tiến công. Phương châm miền Nam nổi dậy trước, miền Bắc viện trợ sau đã giáng một đòn bất ngờ và làm phá sản một chiến lược điển hình của chủ nghĩa thực dân mới. Bọn bè quốc tế cũng yên lòng và ngày càng ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

Đồng khởi không những tạo ra khí thế mới, lực lượng mới mà còn tạo ra địa bàn đứng chân cho cơ quan đầu não chỉ đạo cách mạng miền Nam. Sau ba năm ở Campuchia, đường dây liên lạc với các liên tỉnh ủy phải theo dọc biên giới, đầu năm 1960, Xứ ủy chuyển hẳn về căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh). Tại căn cứ Dương Minh Châu, Xứ ủy tổ chức Hội nghị thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam (20-12-1960). Tiếp đó tại Chiến khu Đ, lãnh đạo Xứ ủy ra Nhật lệnh thống nhất các lực lượng vũ trang thành Quân giải phóng miền Nam (15-2-1961). Đường mòn Hồ Chí Minh, con đường huyền thoại dọc theo dãy Trường Sơn xuống Chiến khu Đ cũng được khai thông, phục vụ chi viện Bắc - Nam.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam, đầu năm 1961, Trung ương Đảng quyết định thành lập Trung ương Cục với chức năng và quyền hạn lớn hơn, thay cho Xứ ủy Nam Bộ. Từ đây, Trung ương Cục miền Nam kế tục sự nghiệp của Xứ ủy Nam Bộ, lãnh đạo nhân dân miền Nam, biến đường lối, chủ trương, biện pháp của Trung ương thành thắng lợi trên chiến trường.

Chỉ tồn tại trong sáu năm đầu của cuộc kháng chiến, Xứ ủy Nam Bộ đã để lại dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử của Đảng ta. Trong thời kỳ đầy cam go của cách mạng, Xứ ủy đã lãnh đạo quần chúng kiên trì, bền bỉ đấu tranh với địch, duy trì lực lượng để rồi làm nên cuộc Đồng khởi oanh liệt, gây thanh thế lớn cho cách mạng. Trong hoàn cảnh khó khăn, Xứ ủy vẫn

cố gắng giữ vững hệ thống lãnh đạo của Đảng. Các đảng bộ miền Nam vượt qua mọi sự truy kích của kẻ thù, vẫn tồn tại, gần bó máu thịt với nhân dân.

Trước khi Đồng khởi, Nam Bộ chỉ còn khoảng 5.000 đảng viên. Sau một năm Đồng khởi, tăng lên 10.000 đảng viên. Đội ngũ tuy còn ít nhưng đều là những người trung kiên nhất (gạo cội), đều đã trải qua đấu tranh cách mạng, được nhân dân tin cậy, có khả năng tập hợp quần chúng. Đây cũng chính là đặc điểm của cách mạng Việt Nam, khác với một số nước có hoàn cảnh chia cắt giống nước ta.

Cuộc Đồng khởi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã lùi xa nửa thế kỷ. Đã có hàng ngàn cuốn sách viết về cuộc chiến tranh từ hai phía. Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ những năm 1954-1960 vẫn cần được các nhà sử học quan tâm nghiên cứu. Đó là một chương trong cả một pho lịch sử bằng vàng thời chống Mỹ của Đảng, của dân tộc.

LÃNH ĐẠO, TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG TIẾN LÊN ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ KẾT HỢP VỚI ĐẤU TRANH VŨ TRANG - SỰ LINH HOẠT VÀ SÁNG TẠO CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG Ở MIỀN NAM

Thượng úy, ThS. LÊ VĂN CỬ*

Sau khi Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết (21-7-1954), cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới, miền Nam tạm thời do địch kiểm soát. Trong khi chúng ta nghiêm chỉnh chấp hành các điều khoản của Hiệp định thì đế quốc Mỹ, với dã tâm xâm lược nước ta từ trước, đã nhanh chóng hất cẳng Pháp, lập nên chính quyền bù nhìn ở miền Nam Việt Nam do Ngô Đình Diệm đứng đầu, âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Dưới sự đàn áp, khủng bố hết sức dã man của đế quốc Mỹ và tay sai, các tổ chức cơ sở đảng trên khắp các địa phương miền Nam bị tổn thất nặng nề, hoạt động hết sức khó khăn. Tuy nhiên, trong gian khó, hiểm nguy, các cơ sở đảng và đảng viên trung kiên vẫn kiên cường bám trụ, giữ vững và từng bước phát triển phong trào cách mạng, tiến hành xây dựng lực lượng vũ

* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

trung, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Trong khi đường lối cách mạng miền Nam còn chưa được xác định cụ thể, việc chỉ đạo thực hiện thiếu thống nhất, các tổ chức cơ sở đảng địa phương, xuất phát từ thực tiễn của cách mạng miền Nam, đã phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo trong chỉ đạo quần chúng đấu tranh, để đạt nhiều ý kiến quan trọng, sát thực và đúng đắn với Đảng trong việc hoạch định đường lối cách mạng miền Nam, góp phần to lớn vào việc khôi phục lực lượng và phát triển phong trào cách mạng, tiến lên Đồng khởi vào những năm 1959-1960 trên toàn miền Nam.

Ngay sau khi nhảy vào xâm lược miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã nhanh chóng chỉ đạo chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai chính sách "tố cộng", "diệt cộng". Tháng 2-1955, chính quyền Ngô Đình Diệm công khai phát động chiến dịch "tố cộng" giai đoạn 1, tiến công vào Đảng Cộng sản và phong trào đấu tranh của nhân dân. Chúng đặt "tố cộng" là quốc sách, là biện pháp chiến lược chủ yếu quyết định thành bại của "chế độ". Chúng ngang nhiên phá hoại Hiệp định Giơnevơ, ra sức bắt và giết những người kháng chiến cũ, đàn áp, khủng bố phong trào đấu tranh vì hòa bình của đồng bào ta. Không chỉ thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, chính quyền Ngô Đình Diệm còn công khai hô hào "bình Nam", "Bác tiến" và tiếp tục "tố cộng", "diệt cộng" giai đoạn 2 bắt đầu từ tháng 7-1956 với những biện pháp hết sức man rợ, bắt bớ, tra tấn, cắt cổ, mổ bụng, moi gan hàng trăm người, làm cho cơ sở đảng ở nhiều nơi bị tổn thất nặng. Chúng thành lập các ban tố cộng từ trung ương đến xã, lấy lực lượng cảnh sát, mật vụ, tình báo, chiến tranh tâm lý làm nòng cốt, huy động các cơ quan hành chính, lực lượng bảo an, dân vệ và quân đội cùng tham gia với đầy đủ phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện tuyên truyền và tiền bạc. Ở mỗi tỉnh, huyện, chúng tập trung đánh phá từng vùng, chia ra nhiều bước, làm xong bước một chuyển sang bước hai, ba, đánh xong

vùng này chuyển qua vùng khác. Chúng chia cán bộ, đảng viên và những người kháng chiến ra ba loại A, B, C với những biện pháp phân hóa, đối xử cụ thể.

- Loại A, là loại quan trọng gồm cán bộ chỉ đạo các cấp từ xã trở lên thì bắt, tra tấn, khai thác, kết án nặng hoặc thủ tiêu.

- Loại B, là chi ủy viên, tổ trưởng đảng, chiến sĩ thi đua, cá nhân xuất sắc thì bắt, tra tấn, khai thác, phân hóa, đưa lên hạng trên hoặc xuống hạng dưới.

- Loại C, là đảng viên thường, quần chúng tích cực thì tra tấn, khai thác, giam giữ và đưa đi hành dịch.

Ngoài ra, địch tập trung lực lượng tổ chức liên tiếp nhiều cuộc hành quân quy mô vừa và lớn trên hầu khắp các địa phương ở miền Nam, dùng bom đạn tàn sát nhân dân miền Nam để hỗ trợ "tố cộng", "diệt cộng". Phương châm quốc sách "diệt cộng" của chúng là: "Tiêu diệt Việt cộng không thương tiếc, tiêu diệt như trong tình trạng chiến tranh, thà giết nhầm chứ không bỏ sót"¹. Tháng 5-1957, chính quyền Ngô Đình Diệm thông qua Luật "đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật", công khai hóa việc đàn áp cách mạng miền Nam. Tháng 3-1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh và phát động chiến dịch "đồng tâm diệt cộng", mở các cuộc càn lớn, quy dân từ Bến Tre đến Trà Vinh, Mỹ Tho, Long An, di cư thành lập các "khu dinh điền", "khu trừ mật", đóng đồn bốt thành tuyến với ý đồ chia cắt, hòng dễ bề đàn áp, kiểm soát phong trào cách mạng. Đặc biệt nguy hiểm và tàn ác của chính quyền Ngô Đình Diệm là sự ra đời của Luật 10/59 về thành lập các tòa án quân sự đặc biệt để xử những người cộng sản và Luật số 21 lê máy chém đi khắp miền Nam với khẩu

1. Xem Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, tập II - *Chuyển chiến lược*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.166-167.

hiệu "giết nhầm hơn bỏ sót", treo giải thưởng khuyến khích bọn tay sai lòng bất cần bộ, gây nên các vụ giết người hết sức man rợ.

Cùng với việc dồn dân, lập các khu dinh điền và khu trú mật, nguy quyền còn tiến hành chương trình "cải tiến nông thôn" với nội dung khá toàn diện, trong đó lấy việc "cải cách điền địa" làm khâu trung tâm để mua chuộc, lừa phỉnh, tiến tới nắm chặt người nông dân, phá thành quả cách mạng ruộng đất trong kháng chiến chống Pháp của cách mạng. Mục đích của chúng là qua đó làm suy yếu phong trào cách mạng ở nông thôn, tranh thủ nông dân miền Nam để củng cố chính quyền cơ sở của chúng, đánh bật cán bộ ta ra khỏi cơ sở...

Những hành động khủng bố, trả thù điên cuồng của kẻ thù đã gây cho cách mạng miền Nam những tổn thất nghiêm trọng, đặc biệt là các tổ chức cơ sở đảng. Ở các tỉnh Nam Trung Bộ, qua hơn ba năm "tố cộng" (từ đầu năm 1955 đến 1958), nhiều tổ chức cơ sở đảng bị bể vỡ, số cán bộ, đảng viên bị bắt và hy sinh khá lớn, quần chúng bị địch kìm kẹp gắt gao, phong trào cách mạng bị đẩy lùi. Đến cuối năm 1957 có 32 tỉnh ủy viên (chiếm 40% số tỉnh ủy viên đương chức), 210 huyện ủy viên (60% số huyện ủy viên đương chức), 470 cán bộ xã (70% số đương chức), bị địch bắt và hy sinh¹. Ngoài ra, còn trên một vạn cán bộ kháng chiến, đảng viên cũ bị tù đày, giết hại. Nhiều xã ở đồng bằng không còn cán bộ lãnh đạo, 15 huyện mất hết cơ sở. Một số nơi như thị xã Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Plâycu, Hội An bị đứt liên lạc. Tỉnh Quảng Trị, sau tập kết còn 8.490 đảng viên với hàng trăm chi bộ, đến đầu năm 1957, ở đồng bằng chỉ còn bảy chi bộ với 106 đảng viên (trong đó

1. Viện Lịch sử Đảng - Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945-1975*, Hà Nội, 1992, tr.256.

có 71 đảng viên hoạt động đơn tuyến), ở miền núi còn 70 đảng viên (riêng hai huyện Cam Lộ và Hải Lăng không còn đảng viên nào). Ở Thừa Thiên, sau khi chấn chỉnh lại tổ chức còn 300 đảng viên, đến năm 1957 ở đồng bằng còn vài chi bộ, miền núi chỉ còn lại duy nhất một chi bộ. Tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Pháp có 49 nghìn đảng viên, đến đầu năm 1957 ở đồng bằng chỉ còn vài trăm đảng viên, phần lớn phải hoạt động đơn tuyến. Các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, số cán bộ bất hợp pháp còn lại chưa tới 30% so với cuối năm 1954.

Tại Nam Bộ, nhiều cơ sở bí mật ở địa phương cũng bị thiệt hại nặng nề, như Vĩnh Long, Trà Vinh, An Xuyên, Kiến Hòa, Kiến Phong, Định Tường... Một số đảng viên, chi bộ hoạt động hợp pháp và bất hợp pháp ở Sài Gòn - Gia Định cũng bị địch phát hiện, quấy phá không phát huy được tác dụng. Các ban chấp hành đảng bộ ở Gò Vấp, Tân Bình, Hóc Môn phải nhiều lần thay đổi do lực lượng liên tục gặp tổn thất trước sự đánh phá của địch. Riêng Hóc Môn, năm 1954, ta tổ chức để lại 100 đảng viên, đến cuối năm 1958 chỉ còn một. Gò Vấp, Tân Bình để lại 1.000 đảng viên, còn lại 8. Toàn tỉnh Gia Định chỉ còn lại duy nhất một chi bộ ở Tân Phú Trung. Cuối năm 1956, Sài Gòn có 85 chi bộ đảng với 750 đảng viên, và có trên 500 đoàn viên thanh niên lao động¹. Nhưng đến cuối năm 1959, chỉ còn một chi bộ, nhiều nơi còn đảng viên nhưng không còn chi bộ. Chỉ tính sáu tháng đầu năm 1958, ở miền Trung và miền Tây Nam Bộ đã có 16 chi bộ bị tan vỡ, 1.457 cán bộ, đảng viên bị địch bắt và sát hại (trong đó có 2 tỉnh ủy viên, 26 huyện ủy viên, 33 chi ủy viên bị giam giữ; 2 tỉnh ủy viên, 1 huyện ủy viên, 4 chi ủy viên bị giết). Chỉ trong vòng ba tháng, từ tháng 7-1958 đến tháng 9-1958, hai tỉnh trọng điểm là Định Tường và Kiến Hòa

1. Xem Cao Văn Lượng: *Lịch sử cách mạng miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1960*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.87.

đã bị địch bắt 95 người, trong đó có 2 tỉnh ủy viên, 2 huyện ủy viên, 13 chi ủy viên, 20 cán bộ giao liên và 11 đảng viên cơ sở. Trà Vinh, địch bắt 42, giết 3 cán bộ cơ sở (trong đó có Bí thư Huyện ủy Cái Bè). Hoang mang trước hành động của địch, một số cán bộ, đảng viên và thanh niên lao động đã ra hàng. Cũng trong thời gian đó, tại tỉnh An Giang, địch bắt được 21 cán bộ ta (có 2 tỉnh ủy viên, 2 giao liên huyện ủy, 3 chi ủy viên), làm 13 chi bộ ở 2 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên bị tê liệt hoàn toàn. Ở Kiến Tường, trong sáu tháng cuối năm 1958, địch đã bắt, thủ tiêu và mang đi mất tích 132 cán bộ, đảng viên.

Trên toàn miền Nam, tính đến cuối năm 1958, Mỹ - Diệm đã sát hại khoảng 68.800 cán bộ, đảng viên, bắt giam 466.000 người và tra tấn thành thương tật 680.000 người. Sự tàn bạo của kẻ thù đến mức tính trung bình cứ ba đến năm gia đình thì có một người bị giết¹. Thậm chí, muốn bắt ai, giết ai, chúng chỉ cần vu cho người đó là cộng sản và ra tay sát hại. Mặc dù cố tình che giấu sự thật tàn ác của Mỹ - Diệm trong các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", Bộ Quốc phòng Mỹ cũng phải thừa nhận: "Chiến dịch tố cộng bắt đầu từ mùa Hè năm 1955, có từ 50.000 đến 100.000 người bị bắt giam vào các trại tập trung, nhiều người bị giam giữ chẳng phải là cộng sản"².

Trước những tổn thất vô cùng to lớn, tư tưởng của cán bộ, đảng viên có những diễn biến phức tạp, một số bi quan, dao động. Đấu tranh chính trị đơn thuần không thể hạn chế được hành động đánh phá dã man của địch, không thể bảo vệ được cơ sở, không thể duy trì được phong trào, nhưng đấu tranh tự vệ lúc này thì sợ sai với chủ trương của Đảng. Một thời kỳ "đen tối

1. Xem Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, Sđd, tr.178.

2. Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, Tlđđ, tr.74.

nhất", khó khăn nhất của cách mạng miền Nam bắt đầu từ cuối năm 1956 đầu năm 1957. Trước tình hình đó, đầu năm 1957, Liên khu ủy V chủ trương chuyển một bộ phận đảng viên, cán bộ hoạt động bí mật ra sống hợp pháp để tổ chức hệ thống lãnh đạo hợp pháp trong lòng địch, kết hợp với hệ thống lãnh đạo không hợp pháp bên ngoài, lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Việc ra công khai sống, hoạt động hợp pháp của cán bộ, đảng viên sẽ làm từng bước từ xã đến huyện, tỉnh, liên tỉnh. Hầu hết cán bộ, đảng viên đều thấy chủ trương này khó thực hiện, nhưng vì đó là chủ trương của Khu ủy, nên phải miễn cưỡng chấp hành. Tỉnh Bình Thuận chuyển gần 500 cán bộ, đảng viên ra hoạt động hợp pháp; Khánh Hòa chuyển 300 cán bộ ra hoạt động hợp pháp đều bị địch bắt và hy sinh. Bình Thuận, số cán bộ cũng bị hy sinh nhiều do bị phản bội, khai báo. Trong thời gian ngắn, lực lượng cách mạng đã chịu những tổn thất nặng nề. Hơn 70% cấp ủy xã, 60% huyện ủy viên, 40% tỉnh ủy viên các tỉnh đồng bằng hy sinh và bị bắt. Nhiều xã, huyện không còn cán bộ, đảng viên lãnh đạo. Việc chuyển cán bộ ra hợp pháp mãi đến năm 1958 mới có lệnh chấm dứt nên đã chịu những thiệt hại hết sức to lớn, phải gây dựng lại phong trào từ đầu. Những tổn thất to lớn của các tổ chức đảng chứng tỏ đây là một chủ trương không phù hợp với tình hình thực tế miền Nam lúc bấy giờ, thể hiện sự lúng túng về đường lối, phương châm trong chỉ đạo, gây thêm tổn thất về cán bộ và khó khăn cho phong trào.

Những tổn thất to lớn của các tổ chức cơ sở đảng và quần chúng cách mạng trước sự đàn áp dã man của kẻ thù đã phần nào làm xói mòn niềm tin vào thắng lợi nếu ta cứ tiếp tục duy trì chủ trương chỉ đấu tranh chính trị trước kẻ thù hung hãn luôn dùng vũ lực đàn áp, khủng bố. Tuy nhiên, lực lượng cách mạng và nhân dân vẫn luôn dựa vào hình thức đấu tranh chính trị, không vũ trang. Trên tinh thần chấp hành và thực thi đúng

các nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, từ chỉ thị, nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới tháng 9-1954, Nghị quyết 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II tháng 3-1955, Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II tháng 8-1955, Nghị quyết 10 (mở rộng) từ ngày 28-8 đến ngày 18-10-1956 về đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình. Tinh thần các nghị quyết vẫn dựa trên cơ sở đấu tranh chính trị, đòi thực thi các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ như một cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng nhằm thực hiện củng cố hòa bình, thống nhất đất nước thông qua đấu tranh chính trị. Nhiều cơ sở đảng thấy sự đàn áp tàn bạo của địch bất chấp công luận quốc tế và luật pháp muốn bạo động vũ trang, song phải chấp hành nguyên tắc tổ chức, không dám manh động.

Các hình thức đấu tranh chính trị của ta đã không làm kẻ thù nao núng và cũng không tạo được chuyển biến tình thế. Cách mạng ngày càng lâm vào thế khó khăn, bất lợi do bị tổn thất lực lượng. Cán bộ, đảng viên bị địch bắt, sát hại và tù đày, nhiều tổ chức cơ sở đảng bị vỡ. Trước tình hình đó, thẩm nhuần Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 6-1956: đấu tranh chính trị không có nghĩa là tuyệt đối không dùng hình thức vũ trang tự vệ; tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ viết *Đường lối cách mạng miền Nam*, trong đó xác định: Nhân dân miền Nam không có con đường nào khác là đứng lên làm cách mạng để cứu nước, cứu mình. Đây là những cơ sở quan trọng từng bước hình thành đường lối cách mạng đúng đắn ở miền Nam Việt Nam.

Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, năm 1956 sẽ tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước, thống nhất hai miền. Nhưng tổng tuyển cử đã không diễn ra do kẻ địch ngang nhiên phá hoại và điên cuồng chống phá cách mạng. Rõ ràng, kẻ thù đã đơn

phương xóa bỏ Hiệp định và chủ trương dùng vũ lực để dập tắt phong trào cách mạng.

Giữa lúc ta đang gặp khó khăn, sai lầm trong chủ trương đấu tranh thì Mỹ - Diệm tăng cường các cuộc hành quân càn quét đầy mạnh các chiến dịch tổ cộng, diệt cộng với những biện pháp tàn bạo, phát xít hơn. Trong năm 1959, trên toàn miền Nam, chúng mở 279 cuộc hành quân, trong đó có 156 cuộc từ cấp tiểu đoàn đến sư đoàn. Năm 1960, chúng mở tới 2.185 cuộc hành quân (tăng gấp tám lần so với năm 1959). Trọng điểm càn quét của địch tập trung chủ yếu vào các tỉnh thuộc miền Trung và Tây Nam Bộ như Bến Tre, Trà Vinh, Định Tường, Rạch Giá, Cà Mau và các vùng chiến khu của ta ở miền Đông Nam Bộ như Chiến khu Đ, Dương Minh Châu, Long Xuyên, một số tỉnh xung quanh Sài Gòn, vùng giáp ranh giữa Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Chính sách "tổ cộng", "diệt cộng" và những cuộc càn quét, khủng bố đẫm máu của Mỹ - Diệm đã gây thêm sự căm thù trong nhân dân đối với chúng. Mặc dù các liên tỉnh ủy đã chủ trương và chỉ đạo không hành động vũ trang tràn lan, nhưng do quân chúng quá căm phẫn nên thực tế, các vụ trừ gian, diệt ác vẫn bộc phát ở nhiều nơi, có nơi ở mức độ cao. Những cuộc nổi dậy cục bộ có vũ trang đó chứng tỏ tinh thần sục sôi cách mạng của nhân dân miền Nam trước sự khủng bố, đàn áp tàn bạo đến mức tột cùng của Mỹ - Diệm. Nhân dân miền Nam không thể chịu đựng thêm được nữa, đòi Diệm gây nợ máu phải trả bằng máu. Nông dân xã Hòa Hội (Tây Ninh) đã viết tâm thư gửi cho Bác Hồ, báo cáo: "Nhân dân bị khủng bố, cán bộ bị giết hại, xin cho bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc trở về đánh giặc, cứu dân". Ở tỉnh Thủ Dầu Một, 30 lão nông gửi thư lên Xứ ủy, chất vấn rằng: "Tình hình như vậy không biết Xứ ủy có báo cáo lên Trung ương, lên Bác Hồ hay không?" Các cụ yêu cầu Xứ ủy gửi bức thư đó ra cho Bác Hồ và đề nghị cho đấu tranh vũ trang trở

lại, nếu không thì không thể thắng được. Nhân dân miền Nam ở nhiều nơi khác kiến nghị với các cấp ủy đảng địa phương, với Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương đòi vũ trang đánh địch vì cho rằng: "Địch đã ngoan cố không chịu thực hiện Hiệp định, nếu chỉ dùng cùi chỏ đấu tranh với chúng thì làm sao mà ăn được?", "Tại sao không cho vũ trang? Không cho vũ trang đánh lại quân thù thì anh em mình chết hết?". Đây là nguyện vọng thiết tha của nhân dân toàn miền Nam trước sự tàn bạo, dã man của kẻ thù, sự khó khăn, gian khổ của cách mạng miền Nam lúc đó.

Từ thực tiễn phong trào cách mạng miền Nam, Xứ ủy Nam Bộ đã kiến nghị với Trung ương Đảng về phương châm đấu tranh ở Nam Bộ là nâng cao thêm mức độ đấu tranh vũ trang. Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang kết hợp song song đều giữ vai trò chủ yếu và quyết định trong phong trào. Ngày 11-10-1959, Xứ ủy Nam Bộ điện ra Trung ương Đảng kiến nghị phát động đấu tranh vũ trang, duy trì và mở rộng căn cứ địa cách mạng. Bức điện nêu rõ: "Chủ trương trước nay của Xứ ủy luôn phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Trung ương, nhưng gần đây xét lại, Xứ ủy nhận thấy nếu chỉ đối phó một mực như vậy sẽ không phù hợp với tình hình thực tế, không lợi cho phong trào. Để giữ vững phong trào, bảo vệ cơ sở đảng và để đối phó với chính sách khủng bố trắng của địch, ta phải có cách đối phó khác, đặc biệt là ở những vùng căn cứ"¹. Căn cứ vào tình hình Nam Bộ, Xứ ủy kiến nghị: Cần thiết phát động phong trào đấu tranh vũ trang chống địch thì mới duy trì và phát triển được phong trào cách mạng.

Trong khi chờ đợi sự chuyển biến về đường lối cách mạng miền Nam của Trung ương, các cấp ủy đảng ở Nam Bộ, Khu V

1. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, GS, TS, Trịnh Nhu (Chủ biên): *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Sdd, tr.213.

đã mạnh dạn lãnh đạo quần chúng tự tìm vũ khí, tăng cường vũ trang, phát triển lực lượng vũ trang, chủ động nổi dậy ở những nơi có đủ điều kiện mặc dù chưa có ý kiến của Trung ương.

Ngay từ giữa năm 1957, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và Xứ ủy Nam Bộ, nhiều khu căn cứ cách mạng ở miền Nam được hình thành: căn cứ U Minh (Tây Nam Bộ), Đồng Tháp Mười (Trung Nam Bộ), Chiến khu Dương Minh Châu, Chiến khu Đ (Đông Nam Bộ) có từ thời kháng chiến chống Pháp, nay được xây dựng và củng cố. Cùng với đó, lực lượng vũ trang được xúc tiến xây dựng, tiến hành vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ. Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ xây dựng ba đại đội, Liên tỉnh ủy miền Tây Nam Bộ xây dựng ba đại đội. Các tỉnh Rạch Giá, Hà Tiên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiến Tường, Mỹ Tho, Long An, Gò Công, Bến Tre đều tổ chức từ một tiểu đội đến một tiểu đoàn. Đó là các Tiểu đoàn Ngô Văn Sở, Đinh Tiên Hoàng, Tiểu đoàn 502, 404, 512 và các đội vũ trang mang danh hiệu Hòa Hảo, Bình Xuyên. Miền Đông Nam Bộ thành lập sáu đại đội vũ trang tập trung, riêng các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Bình Dương, Thủ Dầu Một, mỗi tỉnh có một đại đội với quân số mỗi đại đội khoảng 30 người. Khu V và Tây Nguyên cũng thành lập các nhóm, đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ. Ở Quảng Ngãi, tháng 5-1958, Tỉnh ủy ra Nghị quyết xây dựng các huyện miền Tây thành căn cứ cách mạng của tỉnh, tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang, chính trị, chuẩn bị khởi nghĩa. Những đơn vị vũ trang có mặt khắp nơi trên toàn miền Nam này tuy quy mô khác nhau nhưng đều do các cấp ủy đảng địa phương tổ chức và lãnh đạo. Nhiều hoạt động vũ trang bắt đầu nổ rộ ở miền Nam. Hoạt động vũ trang tự vệ đã hạn chế sự lùng sục của những tên chỉ điểm và tác động của bọn gây chiến tranh tâm lý. Bọn tề điệp ác ôn phải co lại. Quần chúng ngày càng cố nhiều kinh nghiệm trong cuộc đấu tranh với địch để tự bảo vệ mình. Cán bộ, đảng viên trong thế đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ ít bị tổn thất và đạt hiệu quả hơn.

Năm 1957, tại các tỉnh Nam Bộ, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, bộ đội tiến công đồn Minh Thạnh, tập kích Trại Be, phục kích ở Lò Than diệt một số địch, thu nhiều lương thực và vũ khí. Lực lượng vũ trang Cà Mau tổ chức diệt ác, phát động nhân dân nổi dậy phá kim giành quyền làm chủ. Lực lượng vũ trang Sóc Trăng phục kích diệt một trung đội biệt kích địch tại quận Phước Long rồi tổ chức quần chúng nổi dậy đấu tranh chống địch càn quét, đồn dân thu thắng lợi.

Sang năm 1958, hàng loạt các cuộc tiến công vũ trang của các đơn vị vũ trang cách mạng được tiến hành ở Đầm Dơi (Cà Mau), Vĩnh Bình, Chợ Mới (Rạch Giá), Châu Thành (Mỹ Tho), Ba Tri (Bến Tre), trong đó nổi tiếng nhất là trận tiến công quận lỵ Dầu Tiếng, đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn địch, tiêu diệt và bắt sống 500 tên địch, và trận tập kích của đội biệt động vào trụ sở tổ chức MAAG của Mỹ ở Biên Hòa, diệt và làm bị thương 19 cố vấn Mỹ. Những đòn tiến công quân sự này đã thể hiện bước phát triển mới của cách mạng miền Nam, đồng thời hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam tiếp tục phát triển. Kết hợp với các đòn tiến công quân sự, nhân dân ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, Khu V và Tây Nguyên liên tục nổi dậy mít tinh đòi tổng tuyển cử, chống địch cướp đất, đồn dân lập khu dinh điền, khu trù mật...

Ở miền Tây Nam Bộ, trong sáu tháng đầu năm 1959, có 326 vụ lật đổ tế bằng hình thức đấu tranh "hợp pháp". Riêng các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá, mỗi tháng có từ 30 đến 40 vụ. Ở miền Đông Nam Bộ, tại các tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, không ngày nào là không có tay chân của Diệm bị lật đổ. Việc diệt ác, phá tế bằng võ trang phát triển ngày càng nhiều. Chính bọn xâm lược Mỹ đã phải thú nhận rằng, cả năm 1958 có 193 vụ trừng trị bọn tay sai của chúng, chỉ riêng

bốn tháng cuối năm 1959 có 119 vụ¹. Ở các tỉnh Khu V, liên tiếp nổ ra các cuộc đấu tranh ở một số thôn, ấp thuộc các huyện Bắc Ái, Vĩnh Thạnh, An Khê, Hoài Nhơn để phá vỡ sự kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ ở các mức độ khác nhau, tổ chức chống càn quét. Đáng chú ý là cuối tháng 8-1959, đồng bào các dân tộc ở huyện Trà Bồng (miền tây Quảng Ngãi), dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương đã nổi dậy khởi nghĩa quét sạch bộ máy nguy quyền ở hầu hết các xã trong huyện. Phong trào nổi dậy sau đó đã nhanh chóng lan sang một số huyện lân cận.

Từ thực tế diễn biến của tình hình, đến cuối năm 1958 đầu năm 1959, ở miền Nam, thời kỳ ổn định tạm thời của chế độ Mỹ - Diệm đã chấm dứt. Thời kỳ bão táp của cách mạng miền Nam bắt đầu. Cách mạng miền Nam cho đến năm 1959, đã trải qua hơn bốn năm. Qua hơn bốn năm chiến đấu, dưới ánh sáng các nghị quyết của Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các tổ chức cơ sở đảng với tinh thần chủ động và sáng tạo, nhân dân ta ở miền Nam ngày càng có nhiều kinh nghiệm trong việc vận dụng phương châm và các hình thức đấu tranh. Từ trong thực tế của cuộc đấu tranh chống địch khủng bố, "tố cộng", "diệt cộng", giữ gìn lực lượng cách mạng, từ năm 1957, nhất là từ năm 1958, từng nơi, từng lúc đã xuất hiện hình thức đấu tranh vũ trang tự vệ, diệt ác, trừ gian, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị. Kết quả và kinh nghiệm đấu tranh chống địch khủng bố, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng miền Nam, đã giúp Đảng ta bổ sung, hoàn chỉnh đường lối và phương pháp cách mạng giải phóng miền Nam.

Có thể nói, đến năm 1959, điều kiện trong nước và quốc tế, tình hình cách mạng ở cả hai miền đất nước đã chín muồi cho

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Tlđđ, tr. 79.*

việc Đảng ta bổ sung, hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng miền Nam. Ngày 13-1-1959, nhằm đáp ứng yêu cầu của cách mạng miền Nam, đáp ứng những đòi hỏi của lịch sử đặt ra lúc đó, Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) đã họp và ra nghị quyết lịch sử. Nghị quyết khẳng định: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹. Hội nghị còn dự đoán xu hướng phát triển từ khởi nghĩa của nhân dân có thể tiến lên cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: "đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta"².

Nghị quyết 15 có ý nghĩa vô cùng to lớn, đáp ứng nhu cầu bức thiết nhất của cách mạng miền Nam lúc đó, làm xoay chuyển tình thế và mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, đưa cách mạng thoát khỏi cơn nguy hiểm, đáp ứng nguyện vọng thiết tha cháy bỏng của cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam là vùng lên đập tan xiềng xích nô lệ để giành quyền làm chủ, thổi bùng ngọn lửa Đồng khởi trên nhiều vùng rộng lớn ở miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng, cùng với cao trào nổi dậy của quần chúng, lực lượng vũ trang ở Nam Bộ tuy còn nhỏ bé, trang bị cũ kỹ, nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc, với kinh nghiệm kháng chiến chống Pháp đã kịp

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.20, tr.82, 85.

thời tổ chức những trận đánh đầu tiên thông minh và táo bạo, diệt địch, thu vũ khí để trang bị cho mình, lớn mạnh nhanh chóng và góp phần động viên, cổ vũ phong trào. Ngay những ngày tháng đầu thi hành Nghị quyết 15, hoạt động quân sự, chính trị đã nhịp nhàng hỗ trợ lẫn nhau, tạo ra thế mới, lực mới, thúc đẩy cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn.

Đến cuối năm 1959, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mới được truyền đạt đến các tỉnh Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng tiếp thu nghị quyết của Trung ương một cách phấn khởi, nhạy bén và đầy sáng tạo. Cục diện cách mạng miền Nam chuyển biến rất mau lẹ. Cuộc khởi nghĩa bắt đầu ở huyện Mỏ Cày (Bến Tre), lan đến các huyện Minh Tân, Thạnh Phú, rồi nhanh chóng mở rộng khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và một số nơi thuộc miền tây các tỉnh Trung Trung Bộ. Hệ thống kìm kẹp của địch ở xã, ấp bị tan vỡ từng mảng lớn. Từ những cuộc khởi nghĩa nổ ra lẻ tẻ ở từng địa phương trong năm 1959, sang năm 1960 đã phát triển thành phong trào Đồng khởi trong toàn miền Nam. Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Đông, miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V. Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập. Cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới.

Đồng khởi thắng lợi đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam: từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công liên tục, thời kỳ ổn định tạm thời của chế độ Mỹ - Diệm ở miền Nam đã chấm dứt, thay vào đó là thời kỳ khủng hoảng triền miên không lối thoát. Từ thế đấu tranh chính trị là chủ yếu, ta chuyển sang kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang đập tan từng mảng chính quyền địch ở nông thôn, giành quyền làm chủ.

Có thể nói, từ năm 1954 đến năm 1959 là giai đoạn gay go và khó khăn nhất của cách mạng miền Nam, giai đoạn gìn giữ lực lượng cách mạng và từng bước xác định phương hướng, biện pháp đấu tranh phù hợp, đúng đắn. Trong giai đoạn này, tuy chúng ta đã phạm một số sai lầm, khuyết điểm, làm ảnh hưởng đến những khó khăn và tổn thất cho phong trào cách mạng miền Nam, nhất là trong những năm 1957-1959, nhưng nhìn chung, ưu điểm, thành công là cơ bản, to lớn. Các tổ chức cơ sở đảng ở miền Nam đã nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương vào điều kiện thực tế ở miền Nam Việt Nam. Trong khi cách mạng miền Nam gặp vô vàn khó khăn, mặc dù chưa có chủ trương của Trung ương về đấu tranh vũ trang, các cấp bộ đảng ở miền Nam đã từng bước chủ động lãnh đạo quần chúng xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với phá tề, trừ gian, vừa làm vừa tìm tòi để tìm ra con đường và phương pháp giải phóng miền Nam. Từ những kinh nghiệm thực tế trong cuộc đấu tranh gian khổ, các cấp bộ đảng miền Nam đã kịp thời phản ánh lên Xứ ủy và Trung ương nguyện vọng thiết tha của nhân dân miền Nam muốn vùng lên đánh lại kẻ thù hung bạo, bảo vệ lực lượng cách mạng khỏi những tổn thất to lớn do kẻ thù gây ra. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để Ban Chấp hành Trung ương có sự chuyển hướng kịp thời trong việc đề ra chủ trương và phương pháp đấu tranh ở miền Nam, mà quan trọng nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15, đưa cách mạng miền Nam chuyển sang thời kỳ mới, tiến lên giành những thắng lợi mới.

ĐÔNG KHỞI NĂM 1960 - MỘT MINH CHỨNG SỐNG ĐỘNG KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ "ĐÒN XEO" CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÁCH MẠNG MIỀN NAM TRONG SỰ NGHIỆP KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Đại tá, TS. NGUYỄN HUY THỰC*

Thắng lợi to lớn về quân sự của quân và dân ta trong Đông Xuân 1953-1954, mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ đã buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Theo Hiệp định, đất nước ta tạm thời chia làm hai miền, lấy sông Gianh (vĩ tuyến 17) làm giới tuyến, sau hai năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhưng, 13 ngày trước khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết (7-7-1954), Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm về Sài Gòn làm thủ tướng thay Bửu Lộc. Tiếp đó, ngày 29-12-1954, Mỹ ép Pháp ký hiệp ước trao quyền hành chính, chính trị Nam Việt Nam cho Ngô Đình Diệm. Mặt khác, khi Hiệp định Giơnevơ ký kết, Mỹ đã tuyên bố không chịu ràng buộc bởi Hiệp định, đồng thời công khai đưa vũ khí, phương tiện chiến tranh và cố vấn quân sự vào miền Nam Việt Nam giúp Ngô Đình Diệm xây dựng chính quyền và quân đội, thực hiện kế hoạch chia cắt lâu dài đất nước

* Chủ nhiệm Bộ môn Lịch sử kháng chiến chống Mỹ - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

ta, biến miền Nam nước ta thành tiền đồn chống cộng ở Đông Nam Á.

Dưới sự chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm nhanh chóng triển khai chính sách "tố cộng", "diệt cộng" trên toàn miền Nam. Với khẩu hiệu "Thà giết nhầm còn hơn bỏ sót", chính quyền Diệm huy động tổng lực sức mạnh của quân đội và cảnh sát, mở hàng ngàn cuộc hành quân vây ráp, khủng bố trực nã địa bàn, phá cơ sở cách mạng, bắt giữ và chém giết những đảng viên, cán bộ, quần chúng yêu nước và những gia đình có người đi tập kết. Không khí khủng bố, chết chóc bao trùm khắp nông thôn và thành thị miền Nam. Chỉ tính từ tháng 7-1955 đến tháng 2-1956, Mỹ - Diệm đã giết hại, bắt giam 93.326 cán bộ, đảng viên và những người yêu nước miền Nam. Đến cuối năm 1957, ở các tỉnh đồng bằng Khu V, 70% cấp ủy xã, 60% huyện ủy viên, 40% tỉnh ủy viên bị địch bắt giam và giết hại, 12 huyện không còn cơ sở đảng và đảng viên. Ở Nam Bộ, Liên tỉnh ủy miền Trung từ chỗ có 12.000 đảng viên (7-1954) đến cuối năm 1969 chỉ còn 2.000. Cùng với "tố cộng", "diệt cộng", Ngô Đình Diệm còn ban hành Đạo dụ số 2 (8-1-1955) và Đạo dụ số 7 (5-2-1955) về cải cách điền địa, nhằm tước đoạt ruộng đất của nông dân mà cách mạng đã chia trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và trước khi tập kết ra Bắc. Tiếp đó, Ngô Đình Diệm lại ban hành Đạo dụ số 57 (22-10-1956) cho phép địa chủ có quyền chiếm dụng 100 héc-ta ruộng đất và 15 héc-ta ruộng hương hỏa... Vậy là, bằng chính sách cải cách điền địa, chính quyền Ngô Đình Diệm đã cướp không ruộng đất của nông dân, củng cố và phát triển chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, xóa bỏ thành quả của cách mạng ở nông thôn. Bên cạnh đó, chúng sử dụng xe bọc thép, máy ủi tàn phá nhà cửa, xóm ấp, dồn dân vào quần thóc trong các khu dinh điền, khu trù mật... để lấy đất xây dựng các căn cứ quân sự, đồn bót. Tất thấy những việc làm của chính quyền Diệm và hậu quả của nó

đã đặt nhân dân miền Nam trước sự lựa chọn "hoặc là đứng dậy đấu tranh để tồn tại, hoặc là chết".

Không thể ngồi yên, mặc cho quân thù tàn sát, bắn giết nhân dân, nhiều địa phương miền Nam đã tiếp thu được chủ trương của Đảng, nhất là nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ, đã xúc tiến xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ, tiến hành vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ. Điển hình như: Liên tỉnh miền Trung Nam Bộ xây dựng ba đại đội, Liên tỉnh ủy miền Tây Nam Bộ xây dựng ba đại đội. Các tỉnh Rạch Giá, Hà Tiên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiến Tường, Mỹ Tho, Long An, Gò Công, Bến Tre đều tổ chức được từ một tiểu đội đến một tiểu đoàn. Miền Đông Nam Bộ thành lập sáu đại đội vũ trang tập trung; bên cạnh đó, riêng Biên Hòa, Bà Rịa, Bình Dương, Thủ Dầu Một mỗi tỉnh có một đại đội với quân số trên dưới 30 người. Khu V và Tây Nguyên cũng thành lập các nhóm, đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ. Những đơn vị vũ trang này tuy quy mô khác nhau, nhưng đều do cấp ủy đảng địa phương lãnh đạo và hoạt động vũ trang bắt đầu rõ lên ở nhiều nơi trên khắp các vùng tại miền Nam.

Năm 1957, bộ đội miền Đông Nam Bộ tiến công đồn Minh Thạnh, tập kích Trại Be, phục kích ở Lò Than diệt một số địch, thu nhiều lương thực và vũ khí; ở miền Tây Nam Bộ, lực lượng vũ trang Cà Mau tổ chức diệt ác, phát động nhân dân nổi dậy phá kim giành quyền làm chủ, lực lượng vũ trang Sóc Trăng phục kích diệt một trung đội biệt kích địch tại quận Phước Long rồi tổ chức quần chúng nổi dậy đấu tranh chống địch càn quét, dồn dân thành công...

Bước sang năm 1958, các đơn vị vũ trang tiếp tục tiến công diệt địch ở Đầm Dơi (Cà Mau), Vĩnh Bình, Chợ Mới (Rạch Giá), Châu Thành (Mỹ Tho), Long Mỹ, Vị Thanh, Ô Môn (Cần Thơ), Ba Tri (Bến Tre); nổi bật nhất là trận tiến công quận lỵ Dầu Tiếng - cách Sài Gòn 70km về hướng bắc của lực lượng vũ trang

miền Đông Nam Bộ, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, diệt 200 và bắt 300 tên địch, và trận tập kích của đội biệt động vào trụ sở tổ chức MAAG của Mỹ ở Biên Hòa, diệt và làm bị thương 19 cố vấn Mỹ (10-1958). Đây là những trận đánh lớn đầu tiên thể hiện bước phát triển mới về thế và lực của cách mạng miền Nam. Song, điều quan trọng hơn chính là những hoạt động vũ trang này đã khơi ngòi và thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam tiếp tục phát triển và mở rộng dưới cả hình thức hợp pháp và nửa hợp pháp. Tiêu biểu như, cuộc bãi công lớn của công nhân và lao động Sài Gòn - Chợ Lớn, Đà Nẵng, Cần Thơ đòi chủ hàng và chính quyền Ngô Đình Diệm tăng lương, giảm giờ làm và trợ cấp đất dõ (1-2-1958); mít tinh, biểu tình quy mô hàng vạn người diễn ra ở các thành phố và nhiều vùng nông thôn miền Nam đòi Mỹ - Diệm hiệp thương thống nhất đất nước (3-1958). Riêng ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, Khu V và Tây Nguyên, đồng thời với các hoạt động tiến công địch liên tục của lực lượng vũ trang, nhân dân cũng liên tục nổi dậy mít tinh đòi tổng tuyển cử, chống địch cướp đất, đuổi nhà, dồn dân lập khu dinh điền, khu trù mật...

Mặc dù đã giành được những thắng lợi bước đầu trong cuộc đọ sức với Mỹ - Diệm, đồng thời tạo được những nhân tố rất cơ bản để tiến lên theo hướng bạo lực cách mạng, nhưng đường lối đấu tranh chưa được xác định cụ thể, sát với thực tiễn tình hình, việc chỉ đạo thiếu thống nhất, nên sang năm 1959, phong trào cách mạng vẫn chưa ra khỏi khó khăn, tổn thất, thậm chí còn nghiêm trọng thêm khi Ngô Đình Diệm tuyên bố đặt miền Nam Việt Nam trong tình trạng chiến tranh (3-1959); ban hành Luật 10/59, quy định chỉ có hai hình thức phạt tử hình và khổ sai chung thân (5-1959); ra Luật số 21 đưa máy chém đi giết hại dã man cán bộ, đảng viên và những người yêu nước miền Nam (7-1959). Trước những mưu đồ xảo trá và hành động dã man của Mỹ - Diệm, với khí thế cách mạng nung nấu sục sôi, lòng

căm thù quân bán nước và kẻ cướp nước, toàn thể quân và dân miền Nam đang nóng lòng ngóng chờ chủ trương, phương hướng đấu tranh thống nhất của Đảng.

Trước đòi hỏi cấp bách của cách mạng miền Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 (1-1959), có các đồng chí lãnh đạo Khu V và Nam Bộ ra tham dự. Tại Hội nghị, nhiệm vụ cơ bản trước mắt của cách mạng miền Nam được xác định là: *"Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ"*. Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là *"Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"*¹; mặt khác, Trung ương cũng dự kiến: Cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành một cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ giữa ta và địch. Đến đầu tháng 5-1959, văn bản chính thức Nghị quyết 15 được thông qua. Tuy so với thực tiễn diễn biến tình hình miền Nam lúc đó, Nghị quyết 15 ra đời chậm, chủ trương và phương hướng đấu tranh còn dè dặt; nhưng đây thực sự là mốc son quan trọng đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Mặc dù Nghị quyết Trung ương 15 mới chỉ xác định *lực lượng vũ trang là nhân tố kết hợp* trong cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam, nhưng trên thực tế Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp là Tổng Quân ủy đã quyết định đẩy mạnh hơn nữa công cuộc xây dựng quân đội cách mạng, chính quy,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.20, tr.82.

hiện đại và sẵn sàng hành quân vào chiến trường miền Nam chiến đấu; đồng thời thành lập các đoàn vận tải trên bộ xuyên Trường Sơn (Đoàn 559) và vận tải trên biển (Đoàn 759) để vận chuyển vũ khí, phương tiện quân sự chi viện cho quân và dân miền Nam đánh Mỹ. Đến cuối năm 1959, Đoàn 559 đã vận chuyển được 1.667 súng bộ binh, 188kg thuốc nổ, 788 dao găm và nhiều đồ dùng quân sự khác vào tây Thừa Thiên. Cũng theo đường Trường Sơn, 500 cán bộ cấp đại đội, trung đội, tiểu đội, nhân viên cơ yếu, thợ sửa chữa vũ khí đã hành quân vào bổ sung cho chiến trường Khu V và Nam Bộ. Như vậy, trên thực tế, từ rất sớm Trung ương và Tổng Quân ủy đã chủ động xây dựng lực lượng vũ trang cho cách mạng miền Nam.

Nghị quyết 15 ra đời chậm và đến được các chiến trường cũng chậm do đất nước bị chia cắt, phương tiện thông tin liên lạc hạn chế, nhưng tinh thần của nó cơ bản trùng với suy nghĩ và hành động của nhân dân khắp các địa phương miền Nam. Điển hình như Quảng Ngãi (Khu V), ngay từ tháng 10-1954, Hội nghị Tỉnh ủy đã xác định: Con đường đấu tranh để giải phóng Quảng Ngãi là con đường bạo lực cách mạng; tiếp đó được khẳng định tại Hội nghị nhân dân Trà Bồng (7-7-1958) rằng: Mọi người không phân biệt già, trẻ, gái, trai phải tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, làm vũ khí sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền. Theo đó, ngày 3-3-1959, tại xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng, đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh mang mật danh 339 được thành lập, tiếp đó là các đơn vị 89 và 229 lần lượt ra đời, các đội thanh niên vũ trang làng, xã được thành lập.

Khi thời cơ đã chín muồi, thế và lực đã chuẩn bị chu tất, ngày 28-8-1959, nhân dân và lực lượng thanh niên vũ trang các xã Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Quan, Trà Sơn, Trà Nham, Trà Khê nhất tề nổi dậy bao vây, diệt trừ bọn ác ôn, canh sát, nổi chiêng, thúc tù và vang động khắp núi rừng. Khởi nghĩa bùng

nổ. Vùng cao Trà Bồng nhanh chóng được giải phóng. Từ vùng cao Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng lan ra các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Được lực lượng vũ trang tại chỗ và lực lượng vũ trang tỉnh hậu thuẫn, nhân dân đã nổi dậy giải phóng nhiều vùng đất đai và thiết lập chính quyền cách mạng ở nhiều thôn, ấp.

Thắng lợi Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi là sự mở đầu cho trang sử đấu tranh chính trị và vũ trang song song, cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng Nghị quyết 15 và thúc đẩy phong trào cách mạng miền Nam phát triển lên một bước mới.

Cũng như ở Khu V và Tây Nguyên, phong trào đấu tranh của quân và dân Nam Bộ lên mạnh, hoạt động vũ trang phát triển rộng khắp dưới nhiều quy mô, hình thức khác nhau, gây cho địch nhiều tổn thất¹.

Tại Cà Mau, tháng 8-1959, Tiểu đoàn Đinh Tiên Hoàng cùng lực lượng vũ trang huyện Trần Văn Thời tiến công tiêu diệt lực lượng bảo an, giải tán Thanh niên cộng hòa và hội đồng xã, hỗ trợ nhân dân nổi dậy trừng trị bọn ác ôn, đánh bại những trận hành quân càn quét của địch, giải phóng cơ bản toàn huyện (trừ chi khu Rạch Ráng, đồn Sông Đốc, khu trù mật Khai Quang). Sang tháng 10, các đơn vị Đinh Tiên Hoàng, Ngô Văn Sở cùng lực lượng vũ trang các huyện Thới Bình, Cái Nước, Ngọc Hiển bao vây, bức rút, diệt các đồn bốt địch, hỗ trợ quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ nhiều thôn, ấp.

1. Chính Bộ Tổng Tham mưu quân đội Sài Gòn thừa nhận: Các hoạt động của Việt cộng về phục kích và đột nhập các cơ sở hương thôn, dân vệ, cùng các hành động ám sát khác đã giu tăng. Việt cộng tiếp tục theo đuổi chủ trương tập trung và vẫn cố gắng tạo thế chủ động với các hoạt động tác bạo như chấp nhận giao tranh...

Ở Kiến Phong, tháng 9-1959, Tiểu đoàn 502 phục kích đánh bại cuộc càn của Trung đoàn 42 quân đội Sài Gòn tại Giồng Thị Đam và Gò Quán Cung thuộc xã Tân Hội Cơ, huyện Hồng Ngự, diệt 83 xuống, loại khỏi vòng chiến đấu 1 tiểu đoàn, bắt sống 105 tên địch, thu 165 súng các loại. Đây là trận thắng lớn và là điểm khởi phát phong trào đấu tranh mở mang, mở vùng, xây dựng lực lượng và tạo thế cho cách mạng ở miền Tây Nam Bộ. Có lực lượng vũ trang hỗ trợ, nhân dân Kiến Phong đã nổi dậy diệt ác, phá bưng các khu trù mật Ninh Hòa, Cát Cái, Tân Thành, bức rút các đồn Vĩnh Huê, Cầu Sắt, giải phóng xã Thanh Mỹ, Phong Mỹ (nam sông Tiền).

Tại Tây Ninh, tháng 10-1959, được lực lượng vũ trang hỗ trợ, nhân dân nhiều xã thuộc các huyện Châu Thành, Dương Minh Châu, Bến Cầu nổi dậy đập tan ách kìm kẹp của địch ở ấp, xã giành quyền làm chủ...

Đến tháng 11 và tháng 12-1959, hoạt động vũ trang ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục tăng lên và hỗ trợ đắc lực cho phong trào nổi dậy của quần chúng diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ thêm nhiều thôn, ấp.

Có thể nói, thực tiễn những hoạt động quân sự và khởi nghĩa từng phần ở miền Nam năm 1959 đã khẳng định một phương châm hành động sát thực và hiệu quả cho cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Thời cơ cho một cuộc khởi nghĩa đồng loạt khắp miền Nam - Đồng khởi miền Nam đã mở ra.

Tại Khu VIII, tháng 12-1959, Khu ủy Khu VIII mở Hội nghị triển khai Nghị quyết Trung ương 15 tại Hồng Ngự, có đại biểu các tỉnh tham dự. Sau khi phân tích, đánh giá tình hình địch - ta, thành tựu và kinh nghiệm giành được trong năm 1959 và trước đó, Hội nghị quyết định: tháng 1-1960, phát động quần chúng khởi nghĩa ở xã, ấp với phương châm: nổi dậy đồng loạt, đều khắp; phải đưa được đông đảo quần chúng nhân dân vào cuộc đấu tranh với địch, nhưng giữ cho

được thế đấu tranh hợp pháp, đồng thời sử dụng vũ trang hỗ trợ thật khôn khéo. Hội nghị kết thúc, Khu ủy gửi điện tóm tắt Nghị quyết 15 và chủ trương khởi nghĩa để các tỉnh chủ động chuẩn bị trước, khi các đại biểu về triển khai khởi nghĩa kịp thời và tạo được yếu tố bất ngờ.

Tại Bến Tre, ngày 1-1-1960, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng do đồng chí Nguyễn Thị Định - Phó Bí thư Tỉnh ủy chủ trì đã họp tại ấp Tân Huê, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày. Sau khi quán triệt chủ trương của Đảng, phân tích chỉ ra những thuận lợi, khó khăn của địa phương, tương quan lực lượng giữa ta và địch, Hội nghị quyết định phát động tuần lễ nổi dậy đồng loạt - Đồng khởi trên phạm vi toàn tỉnh, khởi đầu vào ngày 17-1-1960; các huyện Minh Tân, Mỏ Cày và Thạnh Phú (Cù Lao Minh) được chọn là nơi xung trận trước. Mỏ Cày là trọng điểm. Ba xã Định Thủy, Phước Hiệp và Bình Khánh giữ vai trò đột phá đi trước, trong đó Định Thủy là ngôi nỏ. Phương châm hành động được xác định là "Đánh phải đánh tới tấp. Phát triển lực lượng phải phát triển hết khả năng không hạn chế. Khi sóng gió nổi lên thì mạnh dạn căng buồm lướt sóng. Khi phong trào lên mạnh không được thỏa mãn dừng lại, phải nhằm thẳng mục tiêu mà tiến tới. Khi vào đợt, nhất thiết phải đánh thắng trận đầu"¹. Do chưa có đơn vị vũ trang tập trung lớn, Bến Tre đã mượn danh Tiểu đoàn 502 tỉnh Kiến Phong - đơn vị đã lập công vang dội trong trận Giồng Thị Đam và Gò Quán Cung để nghi binh, uy hiếp tinh thần địch khi vào trận.

Đúng 8 giờ ngày 17-1-1960, tại Định Thủy, cuộc Đồng khởi bắt đầu bằng các tổ hành động và thanh niên vũ trang tiến công dinh Định Thủy, diệt bọn tổng đoàn dân vệ; đồng thời vây đồn Vàm Nước Trông, kết hợp với quần chúng biểu tình và binh lính

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Bến Tre: *Sự kiện lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Bến Tre*, Bến Tre, 1980, t.1, tr.78.

được giác ngộ trong đồn làm nội ứng, chiếm đồn, diệt ác ôn, giải tán tế xã...

Nghe tiếng súng diệt địch của lực lượng vũ trang nổ rạn - hiệu lệnh Đồng khởi bắt đầu, tức thì trống mõ vang lên, toàn dân Định Thủy tay cầm giáo mác, gậy gộc ào ạt xuống đường, truy lùng tế diệp, ác ôn, đập tan bộ máy kim kẹp của địch, giành quyền làm chủ.

Với số vũ khí thu được của địch từ Định Thủy, Ban chỉ đạo trọng điểm Đồng khởi quyết định thành lập ngay bốn tiểu đội vũ trang để kịp thời hỗ trợ cho hai xã Phước Hiệp và Bình Khánh.

Tại Phước Hiệp, được một tiểu đội vũ trang từ Định Thủy sang hỗ trợ, 18 giờ ngày 17-1, các đội vũ trang tại chỗ phát động nhân dân nổi dậy vây các đồn dân vệ, trụ sở hội đồng xã, đồng thời phát loa "truyền lệnh của Tiểu đoàn 502 kêu gọi địch đầu hàng", vận động những gia đình có người thân trong hàng ngũ bảo an, dân vệ vào đồn tác động, gây hoang mang tinh thần để uy hiếp tinh thần địch, chặn đánh quân tiếp viện của chúng. Trước khí thế áp đảo của ta, quân bảo an địch bỏ đồn Phước Hiệp tháo chạy về quận. Thừa cơ, nhân dân đồng loạt nổi dậy diệt bọn ác ôn, tế diệp, phá đồn, giải phóng toàn xã.

Còn tại Bình Khánh, lúc 16 giờ ngày 18-1, sau khi lập mưu lừa bọn công an quận của địch về chốt giữ tại xã ăn uống no say, bắt sống ba tên, thu vũ khí, rồi nổi trống mõ phát lệnh Đồng khởi, các tổ vũ trang đã hỗ trợ nhân dân nổi dậy diệt ác, phá kim giành quyền làm chủ toàn xã vào đêm 20-1-1960.

Nhận thấy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang trong Đồng khởi, ngay đêm 19-1-1960, Bến Tre thành lập đại đội vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh mang phiên hiệu 264, đồng thời lập thêm ba đội vũ trang tuyên truyền tăng cường cho các huyện Thạnh Phú, Minh Tân, Mỏ Cày.

Khí thế nổi dậy tràn ngập lại có lực lượng vũ trang tăng cường, từ huyện Mỏ Cày phong trào Đồng khởi nhanh chóng lan

sang huyện Thạnh Phú, Minh Tân rồi đến Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri. Chỉ trong tuần lễ đầu Đồng khởi (17 - 24-1-1960) đã có 47 xã đồng loạt nổi dậy diệt ác, phá kim, đập tan bộ máy kim kẹp ở cơ sở và giải phóng 150 ấp của địch, trong đó giải phóng hoàn toàn được 22 xã.

Để tiếp tục tiến công và nổi dậy hoàn chỉnh, mở rộng các xã giải phóng và chủ động đối phó với hành động của địch, bảo vệ thành quả giành được, giữa tháng 2-1960, tại Cù Lao Bảo, đại đội vũ trang tập trung thứ hai mang mặt danh 269 của tỉnh được thành lập.

Đúng như dự tính của ta, ngày 23-3-1960, địch tập trung lực lượng bao vây và tiến công ba xã điểm Đồng khởi, giết 20 người và chôn sống 36 người dân vô tội. Kiên quyết ngăn chặn tội ác của địch, Ban lãnh đạo Đồng khởi quyết định cho bộ đội và du kích bám đánh địch liên tục suốt ngày đêm, hỗ trợ nhân dân đấu tranh trực diện với địch, mặt khác huy động đội quân tóc dài làm cuộc "tản cư ngược" ra thị trấn Mỏ Cày, đến các công sở chính quyền và quân đội địch tố cáo hành động cướp bóc, đàn áp dân lành của binh sĩ và đòi bồi thường tính mạng cho những người bị giết. Cuộc "tản cư ngược" đã nhanh chóng thu hút tới hàng ngàn người tham gia, làm ách tắc giao thông, gây náo loạn khắp thị trấn. Trước sức đấu tranh kiên quyết, bền bỉ của ta, đến ngày 20-4, địch phải rút quân, chấm dứt cuộc càn quét vào ba xã điểm Đồng khởi.

Thắng lợi Đồng khởi và bảo vệ thành công kết quả Đồng khởi ở Bến Tre là sự thể nghiệm hiệu quả của sự kết hợp ba mũi giáp công, tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, trong đó mũi tiến công quân sự luôn giữ vai trò đòn xeo đi trước một bước.

Cũng như ở Bến Tre, miền Đông Nam Bộ là căn cứ đầu não cách mạng, lực lượng vũ trang tập trung được ra đời từ rất sớm, nên Xứ ủy Nam Bộ đã chỉ thị cho Ban quân sự Liên

tỉnh miền Đông đẩy mạnh hoạt động vũ trang và phải đánh được một trận thôi động mở màn, tạo khí thế cho nhân dân đồng loạt khởi nghĩa, giành chính quyền ở nông thôn. Theo đó, Ban quân sự Liên tỉnh miền Đông quyết định mở trận tiến công Tua Hai. Đây là căn cứ của Trung đoàn 32, đồng thời là trung tâm huấn luyện biệt kích của quân đội Sài Gòn, nằm ở phía nam Chiến khu Dương Minh Châu, cách thị xã Tây Ninh 7 km.

Được hơn 100 đảng viên, du kích cài cắm sẵn trong nội bộ căn cứ địch làm nội ứng, đêm 25 rạng sáng 26-1-1960, chủ lực miền Đông Nam Bộ và lực lượng vũ trang Tây Ninh đã bất ngờ tiến công đồng loạt vào nhiều vị trí then chốt trong căn cứ địch và nhanh chóng kết thúc thắng lợi trận đánh (diệt 500, bắt giáo dục rồi thả 500 quân địch, thu 1.500 súng các loại). Tua Hai bị diệt, quân địch chốt giữ các đồn dọc quốc lộ 22, tỉnh lộ 3 và 4 tháo chạy. Tức thì, quân chúng và lực lượng vũ trang cách mạng Tây Ninh tiến công và nổi dậy đồng loạt, giải phóng 2/3 xã trong toàn tỉnh, nối thông với Chiến khu Dương Minh thành một vùng căn cứ cách mạng rộng lớn, án ngữ phía tây bắc Sài Gòn.

Cùng từ chiến quả Tua Hai, phong trào Đồng khởi nhanh chóng loang ra khắp Nam Bộ và giành được thắng lợi lớn. Cuộc Đồng khởi ở các tỉnh đồng bằng Nam Bộ diễn ra mạnh mẽ, dồn dập, liên tục như bão nổi, triều dâng, phá tan, phá rã 2/3 hệ thống kim kẹp cơ sở của địch. Tại Long An, bộ đội tập trung của tỉnh tiến công diệt đồn Đức Lập, huyện Đức Hòa, mở màn cho cuộc Đồng khởi toàn tỉnh, giải phóng hoàn toàn 12 xã, phá lỏng thế kim kẹp của địch ở 67 xã khác. Ở Thủ Dầu Một, lực lượng vũ trang tỉnh tiến công diệt các đồn An Bình, Nước Vàng, Tân Long và quân địch ở đồn điền Phú Riềng, hỗ trợ nhân dân nổi dậy giải phóng 25 xã. Tại Cà Mau và Bạc Liêu, Tiểu đoàn U Minh tiến công diệt chi khu quận lỵ sông Ông Đốc - khai mở và

hậu thuẫn trực tiếp cho lực lượng vũ trang tại chỗ và nhân dân nổi dậy đồng loạt ở khắp các địa phương, san bằng 62 đồn, bốt địch, giải phóng 55 xã. Ở Rạch Giá và Sóc Trăng, lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh và các huyện, xã và nhân dân đã phối hợp tiến công, nổi dậy đồng loạt, diệt và bức rút 50 đồn bốt địch, giải phóng hoàn toàn 28 xã và 350 ấp. Cùng với phương pháp đấu tranh như trên, Tiểu đoàn Tây Đô đã hỗ trợ nhân dân Cần Thơ giải phóng được 11 xã, 300 ấp; Tiểu đoàn 514 Mỹ Tho chủ động tiến công địch ở vùng kinh Nguyễn Văn Tiếp, tạo thế cho quân chúng ở Mỹ Tho, Gò Công giải phóng hoàn toàn 32 xã liên hoàn giữa các huyện Châu Thành, Cai Lậy, Cái Bè, tạo nên vùng căn cứ rộng lớn trong tỉnh; tương tự, quân dân Trà Vinh giải phóng 12 xã và 198 ấp. Đặc biệt, tại Bến Tre, sau đợt đầu Đồng khởi thắng lợi, tỉnh triển khai đợt 2 (từ ngày 24-6-1960), giải phóng tiếp được 51 xã với 300 ấp. Ngoài ra, ở một số tỉnh như An Giang, Châu Đốc tuy Đồng khởi muộn hơn, nhưng cũng giải phóng được nhiều xã, ấp, mở rộng thế làm chủ ở địa bàn biên giới.

Kết thúc cuộc Đồng khởi năm 1960, nhân dân Nam Bộ đã giải phóng hoàn toàn 100 xã, giành quyền làm chủ với những mức độ khác nhau ở 800/1.202 xã.

Tại Liên khu V, Khu ủy quyết định khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang tập trung khu và tỉnh¹. Theo đó, đến giữa năm 1960, Khu V đã xây dựng 12 đội đặc công, 2 đại đội bộ binh; mỗi tỉnh đều tổ chức được từ một đến hai đại đội đặc công hoặc bộ binh cùng hàng ngàn tự vệ vũ trang, du kích.

Tháng 10 và tháng 11-1960, được lực lượng vũ trang hỗ trợ từ ngoài đánh vào, hơn 2 vạn đồng bào trong khu dinh điền Gia Lê, Thác Trại, Suối Hai, Cây Dấu, Tà Lương tỉnh Khánh Hòa

1. Khu V, 30 năm chiến tranh giải phóng. Bộ Tư lệnh Quân khu 5, 1989, t.2, tr.172.

đã nổi dậy diệt ác ôn, san phá đồn bốt, tháp canh của địch trở về làng cũ. Tại Quảng Nam, lực lượng vũ trang tinh tiến công địch ở quận lỵ Hiệp Đức, rồi tiến xuống đồng bằng phát động quần chúng nổi dậy tiêu diệt ác ôn, giải tán bộ máy chính quyền cơ sở địch ở Xuyên Thanh, Lộc Chánh và Tổng đoàn dân vệ Thu Bồn. Lực lượng vũ trang Quảng Ngãi đánh địch ở Bình Nghĩa (Bình Sơn), Tư Phước (Tư Nghĩa), Phố Quang (Đức Phổ), hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá thế kìm kẹp của địch, xây dựng cơ sở cách mạng. Ở Bình Định, các đội vũ trang tuyên truyền đẩy mạnh diệt địch ở Kim Sơn (Hoài Ân), Hoài Tân (Hoài Nhơn), rồi cơ động xuống khu vực quốc lộ 1 phát động nhân dân Mỹ Hiệp, Chợ Ghềnh nổi dậy giành quyền làm chủ...

Với sức hoạt động tiến công quân sự ngày một thêm mạnh mẽ đã tạo thế, tạo thời cơ cho cuộc Đồng khởi ở Khu V - Tây Nguyên trong năm 1960 giành thắng lợi lớn: diệt, bức rút 55 đồn bốt, cứ điểm, khoảng 40 trung đội dân vệ, bảo an, lính cộng hòa của chính quyền Sài Gòn; giải phóng và giành quyền làm chủ ở 3.200 thôn, căn cứ cách mạng Khu V ở dọc phía đông Trường Sơn được mở rộng và nối thông với căn cứ Tây Nguyên; ở vùng đồng bằng, cơ sở đảng được phục hồi ở 904 thôn với 120 chi bộ đảng.

Cuộc Đồng khởi thắng lợi vang dội ở nông thôn như một làn sóng mạnh tràn vào thành thị, tạo nên một phong trào phản kháng của nhiều tầng lớp xã hội khác nhau chống chế độ Ngô Đình Diệm. Đó là, nhân "Ngày đấu tranh thống nhất nước nhà - 20-7", hàng vạn công nhân và nhân dân khắp các thành phố, thị xã kể cả Sài Gòn đã xuống đường phản đối chính sách độc tài của chính quyền Diệm. Các luật gia, bác sĩ, trí thức tiến bộ họp tại nhà hàng Caraven (Sài Gòn), lập Ủy ban tiến bộ và tự do, ra tuyên bố kêu gọi Ngô Đình Diệm cải tổ Nội các. Phong trào đấu tranh hòa bình này đã góp phần đẩy nội tình Sài Gòn rối ren thêm.

Thắng lợi có tính chất bước ngoặt của phong trào Đồng khởi, thêm vào đó là làn sóng chống đối chế độ Sài Gòn của các tầng lớp xã hội khác đã tạo nền tảng cho việc ra đời Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960), với Tuyên ngôn nêu rõ: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và nhân sĩ yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, để đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thực hiện độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Với thắng lợi Đồng khởi năm 1960 ở miền Nam Việt Nam đã minh chứng cho sự đúng đắn và hiệu quả của Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Đây thực sự là dấu son ghi nhận bước chuyển của cách mạng miền Nam sang giai đoạn mới: tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng toàn dân, toàn diện. Song cũng từ Đồng khởi, cần phải khẳng định rằng: Đấu tranh quân sự và chính trị là hai mũi giáp công quyết định sự thành công của phong trào Đồng khởi. Nhưng, nhân dân miền Nam không thể tay không mà đứng dậy đấu tranh với quân thù sử dụng vũ lực chống lại mình. Cụ thể ở đây là, địch sử dụng đại bác, xe tăng để càn quét, bắn giết nhân dân, tàn phá xóm làng, dồn dân vào những khu dinh điền, khu trù mật để kìm kẹp, quản lý; do vậy để chống lại chúng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác là phải vũ trang khởi nghĩa. Vũ trang phải đi trước một bước, phải đóng vai trò "dòn xeo", khơi ngòi, tạo thế và thời cơ cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ thôn, ấp. Và, để bảo vệ thành quả giành được không thể không có lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, bởi quân thù không bao giờ chịu chấp nhận mất đất, mất dân, mà sớm hay muộn chúng cũng sẽ tập trung sức mạnh quân sự tiến công quyết tái chiếm lại.

Sớm nhận thức được quy luật của chiến tranh, vai trò đòn xeo của lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang trong đấu tranh chống địch tổ cộng, diệt cộng và dồn dân lập khu định diển, khu trù mật, nên ngay từ trước khi có Nghị quyết Trung ương 15 - từ những năm 1957, 1958, lãnh đạo nhiều địa phương ở Khu V - Tây Nguyên, Nam Bộ đã chủ động xây dựng những đơn vị vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ để chống lại hành động bạo lực của quân thù, bảo vệ tính mạng và tài sản cho nhân dân. Đây chính là cơ sở vững chắc, bảo đảm bước đầu cho sự chuyển hướng đấu tranh của nhân dân miền Nam - kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị đồng loạt trên khắp miền Nam - Đông khởi toàn miền Nam.

Kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị, binh vận là phương thức tác chiến mang lại thắng lợi chiến lược của cuộc Đông khởi năm 1960 ở miền Nam. Và đây cũng vẫn là phương thức đấu tranh chủ yếu, quyết định trong đấu tranh chống phá quốc sách áp chiến lược, áp tân sinh - một biện pháp chiến lược cơ bản của chương trình bình định miền Nam kéo dài suốt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ.

Như vậy, Đông khởi miền Nam năm 1960 chính là sự khai mở và khẳng định giá trị trường tồn của phương thức đấu tranh cơ bản, quyết định - kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị - kết hợp tiến công với nổi dậy, trong đó đấu tranh quân sự luôn đóng vai trò đòn xeo, đi trước một bước - đã đưa cách mạng miền Nam đi hết từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, mà đỉnh cao nhất là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG PHONG TRÀO ĐÔNG KHỞI Ở MIỀN NAM (1959-1960)

Đại úy LÊ QUANG LẠNG*

Phong trào Đông khởi 1959-1960 là một trong những sự kiện lịch sử trọng đại, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công, đánh bại một hình thức thống trị điển hình của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Làm nên sự kiện lịch sử đó, có sự đóng góp quan trọng của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam. Từ sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới. Đất nước tạm chia làm hai miền với hai chế độ chính trị đối lập. Ở miền Nam, Mỹ ra sức phá hoại Hiệp định, thiết lập chính quyền và quân đội tay sai làm công cụ đàn áp phong trào yêu nước, hòng đè bẹp cách mạng miền Nam. Những năm đầu, nhân dân ta ở miền Nam chỉ thực hành đấu tranh chính trị trong khuôn khổ pháp lý của Hiệp định Giơnevơ. Tuy nhiên, trong lúc Mỹ - nguy tăng cường sử dụng bạo lực phát xít,

* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. Bài viết đăng trên báo *Nhân Dân*, số 18023, ngày 5-12-2004, có sửa chữa, bổ sung.

gây ra cho nhân dân ta ở miền Nam những tổn thất to lớn, các cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên ta ở miền Nam từng bước thành lập lực lượng vũ trang, bán vũ trang để tự bảo vệ. Trên cơ sở đó, sau khi Nghị quyết 15 ra đời, hoạt động đấu tranh quân sự của các lực lượng vũ trang ở miền Nam diễn ra sôi động. Qua các bức mật điện của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, Xứ ủy Nam Bộ, các đảng bộ khu, tỉnh và các đảng bộ cơ sở kịp thời nắm bắt tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (mở rộng)¹, với nội dung cốt lõi được cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng lĩnh hội là "*Đảng đã cho đánh rồi!*", trong lúc ít ai nghĩ Đảng chủ trương đấu tranh chính trị hay đấu tranh vũ trang là chủ yếu, hoặc kết hợp cả hai hình thức đó... Nội dung "cốt yếu" ấy như một luồng sinh khí mới, thổi bùng ngọn lửa đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng và lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam.

Bắt đầu từ tháng 2-1959, đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi Khu V, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng địa phương, nổi dậy chống địch dồn dân, phá các khu tập trung của địch, đòi trở về buôn làng cũ. Đêm 7-2-1959 (đêm 30 Tết Kỷ Hợi), đồng bào Raglai nổi dậy phá khu tập trung Bráu, Đong Dày (huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận); hai tháng sau, phá khu tập trung Tầm Ngân. Nơi gương Bác Ái, đồng bào các dân tộc Xơđăng, Êđê..., ở Kon Tum, Chăm, Hơrê..., ở Phú Yên liên tiếp nổi dậy, diệt ác ôn, bỏ làng cũ, vào rừng lập làng mới, sống bất hợp pháp với địch. Từ trong các cuộc nổi dậy

này, xuất hiện nhiều hình thức tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng như tự vệ nhân dân, tự vệ mật, du kích thoát ly, trung đội vũ trang tập trung (Trung đội vũ trang 339 được thành lập gồm 43 chiến sĩ, trong đó 33 chiến sĩ là người dân tộc Cor thuộc huyện Trà Bồng, Quảng Ngãi)¹.

Tại đồng bằng Nam Bộ, các đội vũ trang, sau một thời gian củng cố, xây dựng cơ sở vững chắc trong quần chúng, đã đẩy mạnh hoạt động và diệt được nhiều tên ác ôn, đánh lui nhiều cuộc hành quân của địch, đặc biệt ở các căn cứ U Minh, Đồng Tháp Mười.

Mùa Thu năm 1959, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng bùng nổ (28-8-1959). Nơi đây, Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong những tháng năm trước đó, đã gây dựng được những căn cứ, cơ sở cách mạng vững chắc ở nơi cộng cư lâu đời của đồng bào các dân tộc Kinh, Cor, Hơrê. Cà Dong giàu lòng yêu nước, có truyền thống đấu tranh chống áp bức, chống ngoại xâm. Tỉnh ủy đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địch, giữ quyền làm chủ nương rẫy ở các xã vùng cao, cài được cán bộ và quần chúng cách mạng vào hàng ngũ địch ở vùng thấp, lại có các đội cảm tử diệt ác, các đội tự vệ trông giữ thôn bản, do vậy, cuộc nổi dậy của quần chúng cách mạng nhanh chóng giành thắng lợi ở toàn bộ 16 xã của huyện Trà Bồng (31-8-1959). Từ Trà Bồng, cuộc khởi nghĩa lan nhanh sang các huyện miền tây Quảng Ngãi như Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long, và cũng chỉ trong thời gian ngắn, chính quyền cách mạng đã được thành lập. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa, các đơn vị vũ trang, bán vũ trang xuất hiện ở Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Lực lượng vũ trang này, mà trước hết là các đơn vị vũ trang tập trung, là nòng cốt cho cuộc chiến đấu của quân và dân miền tây Quảng Ngãi chống trả các cuộc càn quét của quân đội Sài Gòn.

1. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999, tr.80.

1. Hội nghị lần thứ 15 họp nhiều lần, lần đầu từ ngày 13-1 đến ngày 21-1-1959. Đến tháng 5-1959, nghĩa là sau Hội nghị lần thứ 16 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bản Nghị quyết Hội nghị 15 mới được thông qua. Tinh thần của bản nghị quyết lịch sử này đã được Bộ Chính trị điện cho các khu, tỉnh ở miền Nam trước khi được truyền đạt toàn văn.

Trong lúc nhân dân Trà Bồng nổi dậy, thì tại đồng bằng Trung Nam Bộ, các đội vũ trang tập trung, các đội vũ trang tuyên truyền đẩy mạnh hoạt động, hỗ trợ quần chúng nổi dậy. Nổi bật và gây tiếng vang lớn là trận đánh của Tiểu đoàn 502 (chủ lực Khu VIII) tại Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung thuộc huyện Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong (nay là Đồng Tháp) vào ngày 26-9-1959. Trong trận này, lực lượng vũ trang ta đã loại khỏi vòng chiến đấu một tiểu đoàn quân đội Sài Gòn, bắt sống tại chỗ hơn 100 tên; súng đạn chiến lợi phẩm thu được của địch đủ trang bị cho 23 đội vũ trang công tác của các huyện Hồng Ngự, Cao Lãnh, Mỹ An tỉnh Kiến Phong và tỉnh Kiến Tường.

Chiến công của Tiểu đoàn 502 ở Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung đã cổ vũ nhân dân và các đội vũ trang từ vùng ven Đồng Tháp Mười đến các tỉnh miền Tây đồng bằng sông Cửu Long đẩy mạnh các hoạt động diệt ác, trừ gian, xây dựng đoàn thể, cơ sở cách mạng. Ở Long An, Tiểu đoàn 506 phân tán lực lượng thành nhiều tiểu đội, vũ trang tuyên truyền tại tám xã thuộc huyện Đức Hoà, các xã ven sông Vàm Cỏ Đông, Thạnh Lợi, Bình Đức và Thủ Thừa. Ở Rạch Giá, Tiểu đoàn U Minh đánh diệt chi khu quân sự Kiến An, huyện An Biên. Tại Cà Mau, lực lượng vũ trang tỉnh đánh phá đồn Vàm Cái Tàu, đồn sông Đốc, diệt một trung đội địch ở Hòn Khoai, chặn đánh địch càn quét ở Năm Căn, Cái Nước...

Giữa tháng 11-1959, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị lần thứ tư, bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15. Căn cứ vào tình hình hiện tại, Xứ ủy xác định một số nhiệm vụ cơ bản, trước mắt của Đảng bộ Nam Bộ, trong đó nhấn mạnh phương châm chính là: "Lấy đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ của quần chúng làm chính có kết hợp đúng mức với hoạt động vũ trang và giữ thế công khai hợp pháp cho phong trào nổi

chung..."¹. Bản nghị quyết của Hội nghị Xứ ủy vạch ra những công tác cụ thể nhằm hiện thực hóa Nghị quyết Trung ương 15, trong đó đề cập việc *đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, thiết thực hỗ trợ thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng*².

Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ tư, tháng 12-1959, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ triệu tập đại biểu các tỉnh Kiến Phong, Long An, Gò Công, Bến Tre, Kiến Tường, An Giang, tổ chức hội nghị tại Hồng Ngự (Kiến Phong) nhằm bàn định các biện pháp thúc đẩy phong trào cách mạng ở Nam Trung Bộ tiến lên giành những thắng lợi mới. Hội nghị Liên tỉnh ủy quyết định: *phát động quần chúng khởi nghĩa ở xã, ấp*, với phương châm: nổi dậy đều khắp, không để nổi cộm từng điểm khiến địch có thể tập trung lực lượng đàn áp, ta không giữ được phong trào; phải đưa đông đảo quần chúng nhân dân vùng lên đấu tranh với địch và phải giữ cho được thế đấu tranh hợp pháp; hoạt động vũ trang phải khôn khéo, tránh nặng về đấu tranh vũ trang đơn thuần. Hội nghị Liên tỉnh ủy kết thúc, các đại biểu nhanh chóng trở về tỉnh, khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị nổi dậy theo chủ trương trên đây³.

Đầu năm 1960, tại Bàu Giá (Tây Ninh), Ban quân sự Liên tỉnh miền Đông Nam Bộ họp bàn việc thực hiện chỉ thị của Xứ ủy đã đi đến quyết định tổ chức trận tiến công căn cứ Trung đoàn 32, Sư đoàn 21 quân đội Sài Gòn bảy giờ đặt tại Tua Hai nhằm gây tiếng vang, cổ vũ và thúc đẩy phong trào nổi dậy của đông đảo quần chúng.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.987.

3. Xem Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, tập II: *Chuyến chiến lược*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.268-269.

Trong lúc ở miền Đông Nam Bộ, lực lượng vũ trang ta đang chuẩn bị cho trận đánh Tua Hai, thì ngày 17-1-1960, cuộc khởi nghĩa Bến Tre bùng nổ, bắt đầu từ ba xã điểm: Định Thủy, Phước Hiệp và Bình Khánh (huyện Mỏ Cày). Được các tổ hành động, các đơn vị tự vệ, các tiểu đội vũ trang lấy danh "Tiểu đoàn 502" hỗ trợ diệt ác, đập tan bộ máy kim kẹp của địch, cuộc nổi dậy của nhân dân ở đây nhanh chóng giành thắng lợi. Các đội vũ trang, số được trang bị thêm vũ khí lấy được của địch, số thành lập mới, khẩn trương triển khai lực lượng, bảo vệ quần chúng đấu tranh với địch, chống địch càn quét, bắt bớ. Phong trào Đồng khởi nhanh chóng lan rộng ra khắp tỉnh Bến Tre. Chỉ trong một tuần lễ (17 - 24-1-1960), nhân dân 47 xã thuộc các huyện Mỏ Cày, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú nhất tề nổi dậy, giải phóng xã, áp khởi ách kim kẹp của địch. Nhân dân và lực lượng vũ trang Bến Tre bắt 300 tên tề điệp, dân vệ, bức rút, bức hàng 37 đồn, thu 150 súng, nhiều đạn và lựu đạn. Với lực lượng hiện có và số súng đạn thu được, tỉnh Bến Tre đã thành lập được đại đội vũ trang đầu tiên mang phiên hiệu 264.

Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Bến Tre giành thắng lợi là một điển hình về khởi nghĩa ở đồng bằng, của phương thức nổi dậy giành chính quyền ở cơ sở, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, có lực lượng vũ trang hỗ trợ.

Cùng với Bến Tre, nhân dân và lực lượng vũ trang ở miền Trung Nam Bộ, Tây Nam Bộ đã vùng lên mạnh mẽ, giành được những thắng lợi to lớn. Từ trong các cuộc nổi dậy của quần chúng, các đại đội vũ trang tập trung lớp mới thành lập, lớp được trang bị mạnh, hỗ trợ ngày càng tích cực hơn cho cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng.

Trong khi địch đang phải lo đối phó với cuộc nổi dậy đồng loạt của nhân dân ta trên khắp miền Nam, thì đêm 25 rạng ngày 26-1-1960, dưới sự chỉ huy chung của đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiến Quốc), ba đại đội bộ binh và một đại đội

đặc công thuộc Ban quân sự miền Đông Nam Bộ, cùng bộ đội địa phương tỉnh Tây Ninh, dân quân, du kích, nổ súng tiến công căn cứ Tua Hai trên bốn hướng. Lực lượng vũ trang ta tập kích địch mạnh mẽ, kết hợp với cơ sở nội tuyến từ trong đánh ra. Bị đánh bất ngờ, quân địch rối loạn, đối phó bị động, viên Trung đoàn phó Trung đoàn 82 và tiểu đội bảo an bị quân ta tiêu diệt ngay từ đầu. Từ nhiều hướng, cán bộ, chiến sĩ ta xung phong đánh chiếm Sở Chỉ huy Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2, đại đội pháo và khu nhà xe của địch. Quân ta nhanh chóng làm chủ căn cứ Tua Hai. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu hai tiểu đoàn địch, thu được 500 súng các loại.

Chiến thắng Tua Hai có ý nghĩa chính trị và quân sự to lớn. Đây là trận đánh lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Nam, đánh dấu bước phát triển về trình độ tổ chức, chỉ huy và khả năng tác chiến của bộ đội ta; là đòn đột phá mở đầu cho phong trào Đồng khởi ở miền Đông Nam Bộ. Đối với địch, đây là đòn đánh vào ý chí của chính quyền và quân đội Sài Gòn, khiến chúng hoang mang, lo sợ, đặc biệt là những tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân.

Sau chiến thắng Tua Hai, nhân dân ở các huyện Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu, Dương Minh Châu..., tỉnh Tây Ninh, đã kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và binh vận bức rút 30 đồn bốt địch, giải phóng hoàn toàn 24 xã, làm tan rã 70 đến 80% tề điệp ở cơ sở. Tỉnh Tây Ninh thành lập Tiểu đoàn 14, các huyện thành lập được đại đội và ở các xã thành lập được các đội du kích thoát ly.

Từ Tây Ninh, phong trào lan nhanh sang các tỉnh miền Đông Nam Bộ, như Long An, Thủ Dầu Một, Bà Rịa - Vũng Tàu, Sài Gòn - Gia Định... Tại các địa phương này, phong trào nổi dậy của quần chúng diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Ở Nam Trung Bộ, lực lượng vũ trang Bình Thuận đã mở đầu cho bước phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng ở

dây bằng trận thắng lớn, tiêu diệt chi khu quân sự Hoài Đức, phá khu tập trung Bắc Ruộng, ngày 31-7-1960. Đòn tiến công của lực lượng vũ trang có tác dụng hỗ trợ và thúc đẩy phong trào nổi dậy của quần chúng phá các khu tập trung, trở về làng cũ ở cực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Khu V. Tại Quảng Trị, lực lượng vũ trang ta tiến công địch ở Tuổi Muồi (7-1960) và một số nơi khác, thúc đẩy phong trào nổi dậy của quần chúng cách mạng ở nam Đường 9, tây Thừa Thiên. Trên khắp miền Nam, phong trào Đồng khởi lan toả nhanh chóng và có sức lôi cuốn to lớn. Đòn tiến công quân sự của các lực lượng vũ trang chẳng những hỗ trợ đắc lực cho đòn tiến công chính trị, mà còn tự khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của nó trong phong trào Đồng khởi 1959-1960 ở miền Nam. Nhưng quan trọng hơn, phong trào Đồng khởi đã đập tan một mảng lớn chính quyền cơ sở ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Tại đây, chính quyền cách mạng được thiết lập, căn cứ kháng chiến được mở rộng và củng cố. Đó là những nhân tố, những điều kiện mà dựa vào đó, lực lượng vũ trang của cách mạng miền Nam có thêm những thuận lợi rất cơ bản để phát triển, đẩy mạnh tiến công. Thật vậy, từ trong phong trào Đồng khởi, đã xuất hiện ba hình thức tổ chức của lực lượng vũ trang cách mạng: các đội tự vệ và du kích ở xã, các đội vũ trang ở tỉnh và huyện, các đơn vị bộ đội tập trung ở các khu. Chỉ tính riêng các đơn vị bộ đội tập trung, ở miền Đông Nam Bộ có Tiểu đoàn 500, với quân số 997 cán bộ, chiến sĩ; Trung Nam Bộ có Tiểu đoàn 261, quân số 266 người; Tây Nam Bộ có Tiểu đoàn 306, quân số 771 người; Liên khu V có 2 đại đội bộ binh, 12 đội đặc công, quân số 1.000 người. Sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh cách mạng, sự trưởng thành nhanh chóng của lực lượng vũ trang ở miền Nam là cơ sở quan trọng cho việc ra đời Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam (20-12-1960), vừa làm chức năng tập hợp lực lượng, vừa làm chức năng của chính quyền cách mạng. Cùng với việc ra mắt các uỷ ban dân tộc giải

phóng tỉnh, huyện, xã, ban chỉ huy quân sự các khu, tỉnh, huyện cũng được thành lập, giúp cấp ủy đảng chỉ đạo và chỉ huy các đơn vị vũ trang, động viên thanh niên tòng quân, tiếp nhận sự giúp đỡ vật chất của nhân dân cho các lực lượng vũ trang.

*
* *

Tháng 1-1961, theo chủ trương của Bộ Chính trị và chỉ thị của Tổng Quân uỷ, lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam mang tên Quân giải phóng miền Nam - bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Đảng ta trực tiếp lãnh đạo, giáo dục, rèn luyện được thành lập. Tiếp đó, ngày 15-2-1961, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra tuyên bố thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam với tên gọi Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam. Lực lượng này ngày càng phát triển lớn mạnh, thực sự là nòng cốt cho việc phát động cuộc chiến tranh nhân dân đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trên chiến trường miền Nam.

NÔNG DÂN MIỀN NAM TRONG PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI (1959-1960)

TS. LÊ VĂN THỊNH*

1. Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, giai cấp nông dân có vai trò vô cùng to lớn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với giai cấp công nhân, họ là lực lượng chủ yếu, là đội quân chủ lực của cách mạng miền Nam, là nền, gốc của Mặt trận Dân tộc thống nhất. Giai cấp nông dân miền Nam không chỉ là mạch nguồn, nơi lưu giữ và bảo vệ những giá trị truyền thống văn hoá dân tộc, mà còn là người cung cấp nguồn nhân lực, vật lực và địa bàn cho các cuộc vận động cách mạng của Đảng, người tổ chức chiến đấu ngay tại quê hương mình, biến mỗi làng, xã, thôn, ấp thành một pháo đài kiên cố, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoài, thù trong, bảo vệ độc lập dân tộc. Nhờ đi theo Đảng và bằng cách liên minh chặt chẽ với giai cấp công nhân, đoàn kết chặt chẽ với các tầng lớp khác, nông dân miền Nam đã phát huy được sức mạnh to lớn của mình trong tiến trình cách mạng, trở thành một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu đưa cách mạng miền Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã đánh giá đúng vai trò, vị trí của giai cấp nông dân. Chính vì vậy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng luôn quan tâm và giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân, lực lượng chủ yếu và cơ bản của cách mạng dân tộc dân chủ. Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng và Chính phủ ta đã thi hành nhiều chính sách nhằm cải thiện đời sống nông dân. Thực hiện chủ trương của Đảng, trên địa bàn miền Nam, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ đã thực thi nhiều cải cách dân chủ, thực hiện giảm tô và tạm giao, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho nông dân nghèo. Ở những tỉnh miền Trung Nam Bộ (Tân An, Mỹ Tho, Sa Đéc, Bến Tre, Gò Công, Long Xuyên, Châu Đốc, Kiến Phong, Kiến Tường) mức giảm tô đạt từ 40 đến 50%; các tỉnh miền Tây Nam Bộ (Bạc Liêu, Long Châu Hà, Vĩnh Trà, Rạch Giá, Sóc Trăng, Cần Thơ) mức giảm tô đạt từ 25 đến 50%. Đặc biệt là ở vùng tự do Liên khu V, tính đến năm 1950 đã có 3.202 địa chủ chịu giảm tô trên 17.884 mẫu Trung Bộ, tương đương 8.942 héc-ta.

Nhưng thành quả lớn nhất mà cách mạng đem lại cho nông dân miền Nam là quyền lợi về ruộng đất. Tại Nam Bộ, tính đến năm 1954, chính quyền cách mạng đã chia được 564.547 héc-ta ruộng đất của thực dân Pháp và ruộng đất vắng chủ cho 527.163 hộ nông dân. Tại Liên Khu V, đã chia được 2.842 mẫu ruộng (mẫu Trung Bộ) của thực dân Pháp và Việt gian cho 17.202 hộ nông dân cày cấy. Ngoài ra, tại bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên số ruộng công - 207.000 mẫu, cũng được chia cho nông dân nghèo. Tính chung từ Liên khu V đến Nam Bộ, đến cuối năm 1954 chính quyền cách mạng đã chia cấp và tạm giao cho nông dân trên 750.000 héc-ta ruộng đất các loại¹.

1. Lâm Quang Huyền: *Vấn đề ruộng đất ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 100.

Những cải cách dân chủ mà Đảng ta thực hiện trong kháng chiến chống thực dân Pháp đã làm thay đổi cơ bản kết cấu giai cấp - xã hội ở nông thôn miền Nam theo hướng có lợi cho giai cấp nông dân. Theo đánh giá của Hội nghị Trung ương lần thứ 24 (khoá III, tháng 9-1975), với những cải cách như vậy, ta đã căn bản xóa bỏ giai cấp địa chủ ở miền Nam. Phần lớn bản, cổ nông đã chuyển thành trung nông. Tại Mỹ Tho, nhờ chính sách ruộng đất của Đảng, số bản, cổ nông đã giảm từ 40% - trước Cách mạng Tháng Tám xuống còn 5%. Ở xã Bình Thạnh (Chợ Lớn) trước Cách mạng Tháng Tám, toàn bộ bản, cổ nông chỉ sở hữu 44 héc-ta ruộng đất. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhờ chính sách của Đảng, số ruộng đất của họ đã tăng lên 1.379 héc-ta. Ở vùng tự do Liên khu V, đa số bản, cổ nông đã chuyển thành trung nông. Nhìn chung, bằng những cải cách dân chủ như vậy, Đảng ta đã đưa nông dân miền Nam từ chỗ phần lớn là người làm thuê, không có hoặc có rất ít ruộng đất, trở thành người có ruộng, người chủ thực sự ở nông thôn. Đây chính là cơ sở quan trọng để nông dân miền Nam gắn bó với cách mạng, hàng hái đóng góp nhân tài, vật lực, bảo vệ địa bàn chiến lược cho Đảng, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi và quyết tâm theo Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Là một tên đế quốc giàu kinh nghiệm trong chống phá phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, từ lâu Mỹ đã nhận thấy vai trò quan trọng của giai cấp nông dân với cách mạng Việt Nam. Ngay từ năm 1952, giới cầm quyền Mỹ đã thúc ép Pháp và bọn bù nhìn Bảo Đại "cố gắng, khẩn trương" thực hiện chương trình "cải cách điền địa, tín dụng nông nghiệp, chương trình tích cực về quân sự, chính trị và tâm lý để đánh bại hoặc làm suy giảm thật nhiều lực lượng của Việt Minh"¹. Nhưng

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, TLĐĐ, tr.41-42.

những cố gắng trong mưu toan lôi kéo, lừa bịp nông dân của Mỹ và đồng bọn đã không đạt được hiệu quả.

Từ năm 1954, Mỹ tiếp tục ép tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm coi vấn đề nông dân và nông thôn miền Nam là vấn đề hàng đầu cần phải giải quyết. "cứu nông thôn là cứu chế độ". Báo *Cách mạng quốc gia* - cơ quan ngôn luận của chính quyền Ngô Đình Diệm thừa nhận: "An ninh nông thôn là vấn đề sống chết của chế độ cộng hoà, là vấn đề khẩn thiết, đứng đầu các công cuộc khác, phải giải quyết gấp"¹. Với mục tiêu này, ngay sau khi tiếp quản vùng tự do ở miền Nam, tranh thủ lợi thế khi các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954, chính quyền Diệm đã thi hành một chương trình tổng hợp về hành chính, quân sự và kinh tế nhằm bình định cấp tốc vùng nông thôn miền Nam, mà thực chất là tiến hành cuộc chiến tranh đơn phương để tiêu diệt các lực lượng cách mạng miền Nam và tiềm năng cách mạng trong nông dân².

Một mặt, chúng ráo riết thi hành chính sách "tố cộng", "diệt cộng" với những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và biện pháp rất tàn bạo nhằm xóa bỏ các cơ sở đảng và đánh bật Đảng ra khỏi nông dân. Mùa Hè năm 1959, chúng ban hành Luật 10/59 để

1. Dẫn theo Đặng Phong: *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, t.2, tr.827.

2. Xung quanh vấn đề nông dân, giữa Diệm và Mỹ có hai cách nhìn khác nhau. Mỹ muốn thông qua "cải cách điền địa" để hữu sản hoá nông dân, phát triển nền kinh tế hàng hoá trong nông nghiệp, nhằm nhanh chóng tạo ra tầng lớp tư sản nòi ở nông thôn, một trong những cơ sở xã hội của chủ nghĩa thực dân mới. Còn Diệm lại coi nông dân và nông thôn là thành trì của cộng sản, "cải cách điền địa" đơn giản là để đập nát cái thành trì đó và để nhanh chóng khôi phục giai cấp địa chủ ở nông thôn, tạo cơ sở xã hội cho chính quyền Diệm. Chính sự khác biệt trong quan niệm về vấn đề nông thôn và nông dân của Diệm so với Mỹ, đưa Diệm đến cái chết thảm hại về sau.

"xử Việt cộng phá hoại và khủng bố", song mục tiêu là nhằm đe dọa, trừ khử và giết hại nhân dân miền Nam. Từ năm 1955 đến năm 1959, chúng sử dụng lực lượng tổng hợp (quân nguy, bảo an, biệt kích, công an, dân vệ...) lên tiếp mở tới 30 chiến dịch càn quét lớn, chà xát vùng nông thôn miền Nam, hỗ trợ cho tổ cộng, diệt cộng, gây ra nhiều vụ tàn sát nông dân rất thảm khốc. Trên địa bàn nông thôn, chúng xây dựng nhiều trại tập trung để giam cầm, tra tấn, sát hại nông dân. Tại Bến Tre có 115 xã, nhưng trong chiến dịch tổ cộng, diệt cộng chính quyền Mỹ - Diệm thiết lập tới 500 trại giam.

Mặt khác, chúng tăng cường xây dựng cơ sở kinh tế và xã hội cho chính quyền nguy bằng cách xóa bỏ những thành quả ruộng đất mà cách mạng đã đem lại cho nông dân, phục hồi giai cấp địa chủ, phân loại nông dân và cấu trúc lại cư dân nông thôn; thiết lập các tổ chức quản lý kim kẹp và bóc lột nông dân bằng chính sách "cải cách điền địa" và quốc sách "dinh điền" (1957), "khu trừ mật" (1959), "áp chiến lược" (1961), thành lập các tổ chức "hợp tác xã", "nông tín cuộc" và "hiệp hội nông dân" phản động. Đồng thời ban hành chính sách thuế khoá, lao dịch nặng nề chủ yếu dành vào nông dân.

Cuộc phản công toàn diện của chính quyền Mỹ - Diệm vào địa bàn nông thôn bằng chương trình tổng hợp như trên đã làm đảo lộn nghiêm trọng đời sống nông dân. Số ruộng đất mà chính quyền cách mạng đem lại cho nông dân miền Nam trong kháng chiến chống Pháp (750.000 héc-ta) đã bị chính quyền Diệm cướp lại tới 90% để bán đấu giá hoặc phát canh thu tô. Người nông dân phải nộp nhiều khoản thuế nặng nề (khoảng 20 thứ thuế). Trong ngân sách của chính quyền Diệm, năm 1955 phân thuế chỉ chiếm 37% trong tổng thu, đến năm 1958 đã tăng lên 60,54%; năm 1960 tăng lên tới 65,83%¹. Một số lượng lớn nông

1. Cao Văn Lược, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư: *Tìm hiểu phong trào Đông khởi ở miền Nam Việt Nam*, Sđd, tr.26.

dân bị dồn đẩy vào các "dinh điền", "khu trừ mật", trở thành đối tượng bóc lột và cho vay nặng lãi của các "hợp tác xã" và "nông tín cuộc". Trong hai năm, từ năm 1959 đến năm 1960, nông dân trong các dinh điền phải vay 12.995.729 đồng (tiền Việt Nam Cộng hòa) để đầu tư sản xuất. Hậu quả là nhiều vùng đất canh tác bị bỏ hoang, nhiều hộ nông dân bị phá sản, đời sống nông dân từ trung nông trở xuống bị sa sút. Tại Liên khu V và Đông Nam Bộ, từ năm 1955 nạn đói đã xuất hiện.

Chính sách cai trị độc tài phát xít của chính quyền Diệm đã đẩy nhân dân miền Nam lâm vào cảnh khốn cùng. Mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với Mỹ - Diệm và nông dân với địa chủ diễn ra rất gay gắt trong khi lực lượng cách mạng lại bị suy giảm nghiêm trọng¹. Cách mạng lâm nguy. Trước yêu cầu của lịch sử, Đảng ta đã có quyết định sáng suốt. Tháng 1-1959, Đảng triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (khoá II), vạch

1. Từ năm 1955 đến năm 1959, chính quyền Diệm đã bắt giam 180.843 người, làm thương tật 10.185 người và giết hại 4.971 người khác. Lực lượng cách mạng miền Nam bị suy giảm nghiêm trọng, 9/10 cán bộ, đảng viên bị bắt và bị giết. Riêng Nam Bộ, chỉ còn 5.000 đảng viên so với 60.000 đảng viên trước đó. Tại Bến Tre, một trong những trọng điểm đánh phá của chính quyền Diệm, cứ 25 người dân thì có một người bị bắt, bị tra khảo hoặc bị giết. Từ năm 1954 đến năm 1960, địch đã bắt và giết 2.519 cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng, chiếm trên 50% tổng số người bị giết trên toàn miền Nam. Năm 1954, Đảng bộ tỉnh Bến Tre có 115 chi bộ ở 115 xã, với trên 2.000 đảng viên. Đến cuối năm 1959, trên toàn tỉnh chỉ còn 162 đảng viên và 18 chi bộ (mất trắng 97 chi bộ ở 97 xã). Ở đồng bằng Liên khu V, có khoảng 40% tỉnh uỷ viên, 60% huyện uỷ viên, 70% chi uỷ viên bị bắt và bị giết, 12 huyện không còn cơ sở đảng (tham khảo Điện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi Chủ tịch Uỷ ban quốc tế giám sát và kiểm soát ở Việt Nam, ngày 6-3-1959; xem *Mỹ - Diệm liên tục và trắng trợn vi phạm Hiệp định Giơnevơ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1962, tr.98; Cao Văn Lược, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư: *Tìm hiểu phong trào Đông khởi ở miền Nam Việt Nam*, Sđd, tr.242-243; Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000, t.III, tr.157).

phương hướng và nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam. Hội nghị chỉ rõ: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹. Do âm mưu và thủ đoạn của Mỹ muốn chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, dùng miền Nam làm bàn đạp tiến công miền Bắc, ngăn chặn phong trào cộng sản lan tràn xuống các nước Đông Nam Á và uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa. Hội nghị dự kiến: "Trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta"². Cách mạng miền Nam cần có Mặt trận Dân tộc thống nhất riêng cho phù hợp với tính chất và nhiệm vụ của cách mạng, nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống đế quốc và tay sai.

Nghị quyết 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn, đã mở đường cho cách mạng miền Nam, làm xoay chuyển tình thế, đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

3. Những năm trước Đông khởi, theo chủ trương của Đảng, cách mạng miền Nam đi vào thế gìn giữ lực lượng, đấu tranh giành những quyền dân sinh dân chủ, bảo vệ hòa bình, đòi chính quyền Diệm thực hiện Hiệp định Giơnevơ. Thực hiện chủ trương đó, mặc dù chính quyền Mỹ - Diệm bất chấp Hiệp định

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.82, 85.

Giơnevơ, thi hành chính sách khủng bố, đàn áp tàn bạo các lực lượng cách mạng miền Nam, phong trào nông dân miền Nam vẫn diễn ra rất mạnh mẽ, phong phú, song chủ yếu là phong trào đấu tranh chính trị, công khai, hợp pháp. Trong số đó phải kể đến phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước; phong trào binh vận; phong trào chống cướp đất, chống tăng tô, thuế, chống bắt phu, bắt lính, chống cải cách điền địa, chống dồn dân vào trại tập trung đặc biệt rảm rộ, quyết liệt, kiên cường và bền bỉ nhất là phong trào chống "tố cộng", "diệt cộng", chống trả thù những người kháng chiến, bảo vệ Đảng và cán bộ, kéo dài suốt những năm từ 1954 đến năm 1959. Theo số liệu thống kê của chúng tôi, từ năm 1954 đến 1959, tại miền Nam có gần 20 triệu lượt người, chủ yếu là nông dân đã tham gia đấu tranh chống chính sách cai trị hà khắc của Mỹ - Diệm. Không còn nghi ngờ gì, đó thực sự là "phong trào chính trị rộng lớn và sôi nổi nhất trong lịch sử đấu tranh của dân tộc ta"¹. Đồng thời cũng là quá trình chuẩn bị và tập dượt cả về hình thức và phương pháp đấu tranh của nông dân miền Nam cho phong trào Đông khởi.

Cùng với phong trào đấu tranh chính trị, từ năm 1955, thực hiện chủ trương của Đảng và sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, nông dân miền Nam đã bí mật tổ chức ra các đội tự vệ, xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng. Tại nhiều địa phương, các đội vũ trang tự vệ đã được thành lập: "đội quân trả đũa", "thanh niên nghĩa hiệp" ở Quảng Ngãi, Bình Định; các "đội tự vệ ngầm" ở Bến Tre, Mỹ Tho, Cà Mau. Đến cuối năm 1957, trên địa bàn Nam Bộ đã có 37 đại đội vũ trang tập trung. Một số đội vũ trang tuyên truyền cũng được thành lập tại Liên khu V và nhiều tỉnh khác. Cũng từ năm 1957, các lực lượng vũ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.43.

trang cách mạng đã tiến hành một số hoạt động vũ trang tuyên truyền, tập kích vào các đồn, bốt, trừ diệt ác ôn, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, bảo vệ cán bộ và xây dựng các căn cứ cách mạng, các chiến khu, làng chiến đấu. Từ năm 1958, tại Cà Mau và Kiến Phong, hàng vạn nông dân đã rời bỏ thôn, ấp vào rừng tổ chức thành các "làng rừng" chống Mỹ - Diệm.

Tại miền Trung, từ tháng 2 đến tháng 4-1959, nông dân huyện Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận), nông dân làng Tà Boóc huyện Đắc Lây (Kon Tum) và nhiều nơi khác ở Đắc Lắc đã nổi dậy diệt tề, trừ gian, giành quyền làm chủ hoặc dời làng vào rừng chống Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm. Các cuộc nổi dậy giành quyền làm chủ trên đây của nông dân đã phá tung một mắt xích quan trọng trong hệ thống cai trị của địch ở vùng nông thôn miền Tây Trung Bộ.

Giữa năm 1959, chính quyền Diệm ráo riết chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội bù nhìn khoá II nhằm loại bỏ phe phái, tập trung quyền lực, hợp pháp hoá Luật 10/59, đánh bại ảnh hưởng của cách mạng. Để cuộc bầu cử "thành công", chúng sử dụng mọi biện pháp vừa dụ dỗ mua chuộc, vừa ép buộc đe dọa, kể cả đàn áp, nhằm bắt nhân dân đi bầu cử. Tại Quảng Ngãi, chúng sử dụng Sư đoàn 22 đặc nhiệm, mở cuộc càn quét, đánh phá các huyện miền Tây, trọng điểm là huyện Trà Bồng, một trong những trung tâm cách mạng của tỉnh, nhằm ép nhân dân Trà Bồng đi bỏ phiếu, dự kiến vào ngày 28-8-1959, trước hai ngày so với các nơi khác ở miền Nam. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã đưa ra khẩu hiệu "chống bầu cử" thay cho khẩu hiệu "chống đồn dân" trước đây và tích cực chuẩn bị phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Cuộc càn quét của Sư đoàn 22 nguy hiểm ra rất ác liệt. Chúng vừa lùng sục, đánh phá, vừa đóng đồn bốt vây bức nhân dân. Nhân dân Trà Bồng và các huyện miền núi sôi sục muốn nổi dậy. Tình hình hết sức khẩn trương, đầu tháng 8-1959, Ban quân sự

tỉnh đã cho phân tán đơn vị 339 (thành lập ngày 3-3-1959 tại Trà Bồng, gồm hai trung đội vũ trang) thành nhiều tiểu đội độc lập về các xã xung yếu trong tỉnh tiến hành hoạt động vũ trang tuyên truyền, hỗ trợ nhân dân đấu tranh với địch. Do tình hình cấp bách, cuối tháng 8 và đầu tháng 9-1959, tại huyện Sơn Hà và một địa điểm giáp ranh hai huyện Ba Tơ, Minh Long, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tiếp tục cho thành lập thêm hai đơn vị vũ trang tập trung làm nòng cốt cho toàn dân khởi nghĩa.

Ngày 28-8-1959, địch dùng quân đội phối hợp với bộ máy chính quyền tay sai thúc ép nhân dân Trà Bồng đi bỏ phiếu. Trước tình hình đó, lực lượng thanh niên vũ trang ở các xã Trà Phong, Trà Lĩnh, Trà Quán, Trà Sơn, Trà Nham, Trà Khê... đã nhất loạt nổi chiêng trống, tù và, tập hợp lực lượng phối hợp chiến đấu, tiêu diệt quân nguy, cảnh sát, bảo an. Liên tục tám ngày đêm, từ ngày 28-8 đến ngày 4-9-1959, nhân dân Trà Bồng phối hợp với lực lượng vũ trang của tỉnh, đã nổi dậy khởi nghĩa đập tan bộ máy nguy quyền thôn, xã, quét sạch đồn bốt địch (trừ quận lỵ), giết chết 161 tên địch và làm bị thương hàng trăm tên khác, giành quyền làm chủ cho nhân dân. Khởi nghĩa Trà Bồng đã nhanh chóng lan ra các huyện miền núi Quảng Ngãi: Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long. Tại Sơn Hà, nhân dân 9/10 xã đã nhất tề nổi dậy tiêu diệt địch, thành lập chính quyền tự quản. Ở Ba Tơ, nhân dân xã Ba Liên, Ba Lương, Ba Khâm, Ba Điền, Ba Gia đã nhất tề nổi dậy, đập tan chính quyền thôn, xã, thành lập chính quyền cách mạng.

Phối hợp với các cuộc nổi dậy của nông dân, các đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh đã đẩy mạnh hoạt động ở vùng thấp, phá vỡ hàng rào chính quyền địch. Đến cuối năm 1959, một vùng rộng lớn, liên hoàn gồm 40 xã ở miền tây Quảng Ngãi được giải phóng, nhân dân đã chiến đấu quyết liệt chống địch càn quét bảo vệ vùng giải phóng, tạo thành thế đứng chân vững chắc của cách mạng trên vùng rừng núi hiểm trở, nối liền với các căn cứ

cách mạng ở Tây Nguyên. Chiến thắng Trà Bồng thực sự mở đầu cho một trang sử mới oanh liệt của phong trào nông dân miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng ở miền tây Quảng Ngãi đã nhanh chóng dội vào Nam Bộ đúng vào lúc nông dân "không thể sống như cũ được nữa" đang lên tiếp nổi dậy phá ách kìm kẹp của địch, đập tan tế ngụy, giành quyền làm chủ ở nông thôn.

Tại Tây Nam Bộ, trong năm 1959 có 9.084 cuộc đấu tranh chống khủng bố, chống cướp đất, đuổi nhà, chống dồn dân, chống cường hào ác bá¹ đã làm tê liệt chính quyền địch ở nhiều thôn, xã. Ở huyện Trần Văn Thời (Cà Mau), nông dân các xã Khánh Bình Đông, Khánh Bình Tây được sự hỗ trợ của các đội vũ trang tuyên truyền đã nổi dậy truy lùng bọn tế ngụy, ác ôn ở các ấp, xã và các khu trù mật, giành quyền làm chủ ở xã Khánh Lâm. Được lực lượng vũ trang hỗ trợ, nông dân đã vây đồn Cà Giũa, tiến công tiêu diệt một đại đội địch và phá tan khu dinh điền Đồi Đức Mẹ, giành quyền làm chủ. Toàn huyện Trần Văn Thời được giải phóng. Phong trào lan sang các huyện Thới Bình, Cái Nước, Ngọc Hiển. Tại các tỉnh Rạch Giá, Trà Vinh, từ tháng 9 đến tháng 11-1959, lực lượng vũ trang cũng hỗ trợ nhân dân nổi dậy diệt tế, trừ gian, giành quyền làm chủ ở những mức độ khác nhau.

Tại Trung Nam Bộ, cuối tháng 9-1959 lực lượng vũ trang cách mạng đã đánh bại cuộc hành quân của Trung đoàn 42 ngụy tại Giồng Thị Đam và Gò Quán Cung (tỉnh Kiến Phong), tiêu diệt và bắt sống 120 tên, thu 130 súng các loại. Sau thắng lợi này

1. Trong sáu tháng đầu năm 1959 có 3.475 cuộc đấu tranh và sáu tháng cuối năm 1959 có 5.069 cuộc đấu tranh của nông dân. Tham khảo *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Sđd, tr.193-231; *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.359.

Tỉnh ủy Kiến Phong đã phát động phong trào nông dân vũ trang nổi dậy phá các khu trù mật Ninh Hoà, Cát Cỏi, Tân Thành. Ở bốn huyện vùng tả ngạn sông Tiền, lực lượng vũ trang và nông dân đã bao vây, bức rút quân địch ở đồn Vĩnh Huệ, Cầu Sắt, giải phóng xã Thạch Mỹ, Phong Mỹ và giành quyền làm chủ ở 2/3 số xã trong khu vực Đồng Tháp Mười. Ở Kiến Tường, lực lượng vũ trang đã tiến công địch, tiêu diệt đồn Đá Biên, Ma Ren, Ông Tôn, hỗ trợ nông dân đập tan tế ngụy giành quyền làm chủ trong nhiều xã, ấp, hình thành một địa bàn căn cứ liên hoàn từ Mỹ An, Cao Lãnh tới biên giới Campuchia.

Tại Đông Nam Bộ, tháng 10-1959, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, nhân dân các huyện Châu Thành, Dương Minh Châu, Bến Cầu (Tây Ninh) đã nổi dậy diệt tế ngụy, ác ôn, giành quyền làm chủ ở nhiều xã.

Tháng 11-1959, giữa lúc hoạt động vũ trang tuyên truyền kết hợp với phong trào nổi dậy của nông dân Nam Bộ đang phát triển mạnh, đã làm tê liệt và tan rã tới 50% tế ngụy ở nông thôn, ngày 14-11-1959, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã điện toàn văn Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 cho Xứ ủy Nam Bộ. Thực hiện Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngay trong tháng 11-1959, Xứ ủy Nam Bộ đã triệu tập Hội nghị lần thứ tư, đưa ra chủ trương: "Giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, lấy đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ của quần chúng làm chính, đồng thời kết hợp hoạt động vũ trang tuyên truyền... đẩy địch vào thế bị động và cô lập hơn nữa về chính trị, tạo điều kiện thuận lợi tiến tới đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.985-986.

Thực hiện Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và sự chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, cuối tháng 12-1959, căn cứ vào tình hình trong khu vực, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ đã đưa ra quyết định phát động quần chúng nông dân khởi nghĩa ở xã, ấp trong tháng 1-1960, với phương châm nổi dậy đều khắp không để nổi cộm ở từng điểm để địch có thể tập trung lực lượng đàn áp.

Theo tinh thần trên, Tỉnh ủy Bến Tre đã phát động một tuần lễ toàn dân nổi dậy - sau này gọi là **Đồng khởi** diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giải phóng nông thôn. Ngày 17-1-1960, cuộc **Đồng khởi** đã nổ ra ở ba xã "điểm" là Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp (huyện Mô Cày). Phong trào đã nhanh chóng giành được thắng lợi và lan ra toàn huyện Mô Cày, Giồng Trôm, Thạnh Phú, Ba Tri, Châu Thành. Hàng vạn nông dân của 47 xã đã đồng loạt nổi dậy vũ trang giáo mác, nổi trống mõ truy lùng bọn thế điệp ác ôn, quét sạch các tổ chức kìm kẹp của địch. Chỉ trong một tuần **Đồng khởi**, ta đã giải phóng hoàn toàn 22 xã. Ở 25 xã khác, nông dân đã nổi dậy, tiêu diệt ác ôn, vây hãm đồn bốt, phá khu đồn dân, trở về làng cũ. Các thôn, xã được giải phóng đã mở đại hội nhân dân, thành lập chính quyền tự quản và lực lượng vũ trang cách mạng, trừng trị những tên ác ôn nợ máu, tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân nghèo. Quyền làm chủ xã, ấp thuộc về nhân dân.

Phối hợp với Bến Tre, tại miền Đông Nam Bộ, đêm 26 rạng ngày 27-1-1960, lực lượng vũ trang cách mạng đã bất ngờ tiến công căn cứ Tua Hai của Sư đoàn 21 ngụy ở Tây Ninh, diệt 400 tên, bắt sống 500 tên khác, thu hồi hàng ngàn súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng, hỗ trợ nông dân trong tỉnh đồng loạt nổi dậy giành quyền làm chủ, bức rút 30 đồn bốt, giải phóng hoàn toàn 24 xã. Trên 70% bộ máy kìm kẹp của địch ở thôn, xã tại Tây Ninh đã bị tan rã.

Phong trào **Đồng khởi** ở Bến Tre và Tây Ninh đã nhanh chóng lan ra hầu hết các tỉnh ở Nam Bộ. Tại các tỉnh Rạch Giá,

Bạc Liêu, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cánh Thơ (Tây Nam Bộ), Mỹ Tho, Tân An, Cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Kiến Phong, Kiến Tường (Trung Nam Bộ) và nhiều nơi khác ở Đông Nam Bộ, nông dân đã đồng loạt nổi dậy diệt ác, trừ gian, phá tan thế ngụy, giành quyền làm chủ ở các xã, ấp.

Hoảng sợ trước phong trào **Đồng khởi** của nông dân, ngày 25-3-1960, chính quyền Diệm đã huy động 1 vạn quân chủ lực từ Sài Gòn, thị xã Bến Tre, Mỹ Tho, Trà Vinh có máy bay, tàu chiến, xe tăng hỗ trợ đánh vào ba xã Định Thủy, Bình Khánh, Phước Hiệp, nhằm dập tắt phong trào **Đồng khởi**. Cuộc càn quét của địch đã gây ra nhiều thảm họa. Chúng chia thành nhiều mũi, tổ chức bao vây, lục soát, cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, chôn sống thanh niên, giết hại nhân dân. Trước tình hình đó, ngày 1-4-1960, gần 10.000 phụ nữ từ ba xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy và các xã lân cận đã tham gia cuộc "tản cư ngược", từ nông thôn ra thị trấn Mô Cày, tiến hành đấu tranh chính trị trực diện với chính quyền ngụy, tố cáo những hành động cướp bóc, đốt phá, hãm hiếp của lính ngụy. Cuộc đấu tranh đã làm tê liệt các hoạt động của thị trấn Mô Cày, tạo dư luận buộc địch phải công nhận tội ác. Phối hợp với đấu tranh chính trị, lực lượng vũ trang Bến Tre đã nhanh chóng rút ra khỏi vòng vây an toàn và tổ chức tiến công tế ngụy ở các xã Thanh Ngãi, Thanh An, Tân Phú Tây, Tân Thạnh Tây của huyện Minh Tân, hỗ trợ nông dân nổi dậy giành chính quyền. Bọn địch đi càn quét buộc phải chuyển quân đối phó. Cuộc phản công lớn của địch vào vùng "điểm" của **Đồng khởi** đã thất bại hoàn toàn.

Sau hơn ba tháng nổi dậy liên tục, cuộc **Đồng khởi** ở Bến Tre đã giành thắng lợi. Đó là hình thức khởi nghĩa tiêu biểu của nông dân ở vùng đồng bằng, với phương thức tiến công địch bằng "hai chân, ba mũi", đặc biệt là sự xuất hiện của "đội quân tóc dài" tiến công chính trị trực diện vào cơ quan đầu não của địch. Từ phong trào **Đồng khởi** của nông dân Bến Tre đã mở ra

một phương pháp đánh địch mới, tiêu biểu và hiệu quả ở Nam Bộ, được Đảng ta tổng kết thành một bài học quý, phổ biến và áp dụng trên toàn miền Nam.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở các địa phương đã gia tăng thêm khí thế cách mạng của nông dân và các lực lượng cách mạng miền Nam. Nhằm đẩy nhanh hơn nữa quá trình khủng hoảng của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, tạo bước chuyển chất lượng cho cách mạng, tháng 7-1960, Xứ ủy Nam Bộ quyết định phát động phong trào toàn dân nổi dậy đợt II vào tháng 9-1960.

Thực hiện chủ trương đó, từ tháng 9-1960, phong trào Đồng khởi đợt II diễn ra mạnh mẽ ở các tỉnh miền Trung và miền Tây Nam Bộ. Chỉ trong ba tháng đồng loạt nổi dậy, nông dân và các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã tiêu diệt, bức rút hàng ngàn đồn bốt, làm tan rã tế ngụy ở hàng trăm xã. Tại Cà Mau, ta đã giải phóng được 55 xã trên tổng số 65 xã. Tại Rạch Giá, ta đã giải phóng được 15 xã với hàng vạn dân. Tại Bến Tre, lực lượng vũ trang cách mạng đã tổ chức đánh thắng nhiều trận, san phẳng 60 đồn địch, diệt 400 tên, hỗ trợ nông dân nổi dậy giành chính quyền ở 48 xã. Đến cuối năm 1960, ở Bến Tre đã có 72 xã được giải phóng.

Tại Liên khu V, để phối hợp với phong trào Đồng khởi ở Nam Bộ và phát huy thành quả của khởi nghĩa Trà Bồng, tháng 4-1960 Liên khu ủy V đã phát động phong trào đấu tranh xây dựng lực lượng, củng cố và mở rộng căn cứ địa cách mạng. Đến tháng 12-1960, phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng, nông dân các tỉnh đã liên tiếp nổi dậy diệt ác giành quyền làm chủ, tiêu diệt và bức hàng trên 50 đồn, bốt với gần 40 trung đội địch, phá tan bộ máy kìm kẹp của địch ở thôn, xã, giành quyền làm chủ ở 3.200 thôn trên tổng số 5.721 thôn thuộc vùng miền núi phía tây.

4. Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi, thực chất là phong trào khởi nghĩa của nông dân dưới ánh sáng Nghị quyết

15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhân dân miền Nam đã làm tan rã trên 2/3 chính quyền địch ở nông thôn, giành quyền làm chủ và thành lập chính quyền tự quản ở 1.383 xã (984 xã ở Nam Bộ, 376 xã ở Khu V) trên tổng số 2.627 xã ở miền Nam. Những xã còn lại, hầu hết tế ngụy bị tê liệt. Tại Trung Nam Bộ trên 80% thôn, xã lực lượng tế ngụy bị quét sạch. Tại miền Tây Nam Bộ, 50% số tế ngụy tan rã, số còn lại bị tê liệt hoàn toàn. Một vùng giải phóng rộng lớn liên hoàn, tỉnh liền tỉnh, huyện liền huyện đã ra đời ở miền Nam, với trên 5.600.000 dân. Quốc sách "dinh điền", "khu trừ mật" của địch bị phá sản nghiêm trọng. Chính sách "cải cách điền địa" của chính quyền Diệm bị thất bại nặng nề, 2/3 ruộng đất bị chính quyền Mỹ - Diệm cướp đã trở về tay nông dân¹.

Phong trào Đồng khởi đã giáng một đòn nặng nề vào tinh thần binh lính ngụy, làm cho quân ngụy hoang mang rệu rã và sa sút, dẫn đến tình trạng đào, rã ngũ ngày càng phát triển. Trong năm 1960, tại miền Trung và miền Tây Nam Bộ có tới trên 10 ngàn lính ngụy bỏ ngũ, trở về với nhân dân. Tại Trại huấn luyện quân sự Quang Trung, chỉ trong ba tháng, từ tháng 4 đến tháng 6-1960, hàng ngàn lính đã trốn khỏi trại. Tại Nha Trang, Đà Nẵng đã xuất hiện hiện tượng đào ngũ tập thể.

Phong trào Đồng khởi đã đẩy nhanh sự phân hoá, khoét sâu mâu thuẫn vốn có trong nội bộ chính quyền Diệm, đẩy chính quyền Diệm vào tình trạng cô lập về chính trị. Để tăng cường quyền lực, chống nguy cơ bị cô lập chống đối, Diệm đã bãi bỏ 73 dân biểu trên tổng số 123 dân biểu của Quốc hội khoá I. Tháng 8-1960, CIA báo về Oasinhton khả năng phải tinh đến một

1. Tham khảo: Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư: *Tìm hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*, Sđd, tr.76; *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.365.

phương án hành động khác và tìm người thay thế Diệm. Theo tinh thần đó, Mỹ đã đạo diễn các cuộc đảo chính chống Diệm. Ngày 11-11-1960, Mỹ bật đèn xanh cho Nguyễn Chánh Thi và Phan Quang Đán - lãnh tụ phái thân Mỹ làm cuộc đảo chính lật đổ Diệm. Cuộc đảo chính bị thất bại nhưng khủng hoảng trong nội bộ ngụy quyền vẫn diễn ra triền miên, dẫn đến hàng loạt những cuộc đảo chính, ly khai, "thay ngựa giữa dòng" của Mỹ sau này.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi cuối năm 1959 đầu năm 1960 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của phong trào nông dân miền Nam do Đảng lãnh đạo. Một lần nữa dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân miền Nam lại vùng ra một sức mạnh phi thường, bất chấp ách cai trị hà khắc, thủ đoạn tinh vi, đàn áp tàn bạo của kẻ địch, đã nhất tể nổi dậy, với lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang thô sơ, kết hợp tiến công địch bằng quân sự, chính trị và binh vận, đánh vào khâu yếu nhất của địch là chính quyền thôn, xã, đã nhanh chóng đập tan ách kim kẹp của địch ở cơ sở, tạo nên sự chuyển hoá lực lượng có lợi cho cách mạng: một vùng nông thôn rộng lớn đã được giải phóng, các căn cứ địa cách mạng được mở rộng và củng cố, các lực lượng vũ trang cách mạng đã ra đời, đã đánh thắng nhiều trận lớn, đã có kinh nghiệm tác chiến và hỗ trợ nông dân đấu tranh¹, sự phối hợp giữa phong trào nông thôn và phong trào đô thị, liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân được củng cố, lực lượng chống Mỹ - Diệm được tăng lên nhanh chóng, dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam vào ngày 20-12-1960.

1. Đến tháng 6-1960, chỉ trên địa bàn Nam Bộ, ta đã xây dựng được 113 trung đội tập trung, 278 đội tự vệ xã, trong đó, miền Đông Nam Bộ: 40 trung đội tập trung, 60 đội tự vệ xã; miền Trung Nam Bộ: 36 và 68; miền Tây Nam Bộ: 37 và 150. Xem *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam, Sđd*, tr.222.

Với thắng lợi của phong trào Đồng khởi, giai cấp nông dân miền Nam đã góp phần quyết định vào việc đánh bại cuộc "chiến tranh đơn phương" của Mỹ - Diệm, tạo bước ngoặt căn bản có ý nghĩa chiến lược cho cách mạng miền Nam, đưa cách mạng miền Nam đi từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công đa dạng, mạnh mẽ, rộng khắp và liên tục; mở ra triển vọng to lớn và niềm tin của nhân dân với thắng lợi của các mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng thực lực cách mạng trên tất cả các địa bàn, từ nông thôn đồng bằng tới rừng núi và đô thị; từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA "ĐỘI QUÂN TÓC DÀI"

Trung tá PHÙNG THỊ HOAN*

Cuối năm 1959, đầu năm 1960, nội bộ chính quyền Sài Gòn bước vào thời kỳ khủng hoảng nghiêm trọng. Tình hình đó được đồng chí Lê Duẩn nhận định: "Tuy ở thành thị, địch còn tương đối mạnh, nhưng trong nhiều vùng nông thôn rộng lớn, địch không thể cai trị nhân dân một cách bình thường được nữa; nguy quyền cơ sở đã suy yếu và bất lực, còn quần chúng nhân dân, đặc biệt là đồng bào nông dân thì sôi sục cách mạng đã tỏ rõ kiên quyết và sẵn sàng chiến đấu sống chết với quân thù. Đó là điều kiện chín muồi cho phép phát động quần chúng nông thôn nổi dậy khởi nghĩa từng phần đập tan khâu yếu nhất trong hệ thống cai trị của địch"¹.

Trước khí thế của quần chúng cách mạng trên toàn miền Nam, đặc biệt là vùng nông thôn, Đảng ta ra Nghị quyết 15 xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là: "Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ

yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹. Nghị quyết 15 đã mở ra con đường đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang của cách mạng miền Nam, đồng thời là lời hiệu triệu hàng chục vạn quần chúng yêu nước nổi dậy Đồng khởi. Và, từ trong phong trào Đồng khởi, "đội quân tóc dài" - một đội quân đặc biệt, có thể nói là độc nhất vô nhị trên thế giới đã ra đời, không ngừng lớn mạnh, tiến hành nhiều hình thức đấu tranh phong phú trong suốt chiều dài cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

1. Từ cuộc "tản cư ngược" của phụ nữ Bến Tre, "đội quân tóc dài" ra đời

Phong trào Đồng khởi tại Bến Tre bắt đầu bùng nổ ngày 17-1-1960 tại ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh của huyện Mỏ Cày, sau đó lan rộng ra 47 xã thuộc sáu huyện của tỉnh Bến Tre. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bến Tre (trong đó nổi bật vai trò của Nguyễn Thị Định), chị em đã cùng đồng bào nổi trống gõ mõ, gây thanh thế, kéo lực lượng vây đồn, đốt bốt, hù dọa địch, gọi hàng binh sĩ, tước súng để trang bị cho lực lượng quần chúng diệt tể, phá kim kẹp, giải phóng 22 xã, phá khu đồn dân, giành quyền làm chủ cho 22 xã khác. Cuộc nổi dậy tiến công địch đã liên tục giành thắng lợi và phong trào Đồng khởi ngày càng lan rộng. Chị em đã đấu tranh trực diện đòi địch chấm dứt tàn sát, bán giết nhân dân với những khẩu hiệu sắc bén, đã tranh thủ được sự ủng hộ của đông đảo các tầng lớp nhân dân, làm cho địch phải lùi bước trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng.

Đặc biệt, trong cuộc đấu tranh chống lại chiến dịch phản công mang tên "Bình trị Kiến Hòa", bắt đầu ngày 25-3-1960, với

* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

1. Lê Duẩn: *Hãng hải tiến lên dưới ngọn cờ vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười*, Sđđ, tr.41.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđđ, t.20, tr.82.

mục tiêu đè bẹp phong trào cách mạng quần chúng và tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta đang còn trứng nước, quân đội Diệm huy động 10.000 quân hỗn hợp (lính thủy đánh bộ, biệt động...) do tướng Đỗ Cao Trí chỉ huy, mở cuộc vây quét ba xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy. Đi đến đâu, binh lính địch bắn giết, đốt phá, cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ đến đó. 36 thanh niên bị chôn sống, 80 đồng bào bị giết chết tại ba xã điểm của phong trào Đồng khởi¹.

Để đối phó lại âm mưu của địch, Tỉnh ủy Bến Tre chủ trương tập hợp lực lượng, phát động quần chúng đấu tranh chính trị trực diện với địch, huy động phụ nữ kéo ra quận, tố cáo tội ác địch, đòi chúng phải rút quân, kết hợp với lực lượng vũ trang bám trụ bên trong lừa thế đánh địch bảo vệ cơ quan lãnh đạo và nhân dân.

Ngày 1-4-1960, nhân dân ba xã Định Thủy, Bình Khánh, Phước Hiệp thực hiện cuộc "tản cư ngược" ra thị trấn Mỏ Cày. Hàng ngàn phụ nữ với hàng chục ghe, thuyền chở theo lợn gà, xoong nồi, chăn màn kéo nhau đi "lánh nạn". Đến thị trấn, đoàn người đổ vào đường phố, trước các công sở chính quyền Sài Gòn, nằm, ngồi la liệt, khóc lóc, kêu la, tố cáo lính thủy quân lục chiến cướp bóc, đốt nhà, hãm hiếp phụ nữ. Nhân dân thị trấn Mỏ Cày đổ ra đường, thăm hỏi và tiếp tế cơm nước cho đoàn biểu tình. Ngày hôm sau, 5.000 phụ nữ các xã lân cận kéo lên thị trấn tiếp sức, nâng số người "tản cư ngược" lên tới gần 10.000 người. Đường phố thị trấn Mỏ Cày tắc nghẽn, chợ búa và một số cơ sở sản xuất trong thị trấn ngừng hoạt động. Các trường học, bệnh viện, thánh thất, nhà bưu điện, dinh quận trưởng bị đoàn người vây kín... Nhân dân, lớp đưa đơn, lớp nói miệng yêu cầu quận trưởng cho nhờ nương náu, chờ "quần áo rằn" rút. Chị em còn

1. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, t.II: *Chuyển chiến lược, Sát*, tr.288.

kích động quân trưởng: *lính chủ lực coi thường quân địa phương, chửi cả quận trưởng, tỉnh trưởng*. Được tin ấy, viên tỉnh trưởng nổi giận, lên Sài Gòn tố giác lính thủy quân lục chiến sát hại nhân dân, coi thường nhà chức trách địa phương.

Trước lời lẽ có lý, có tình của đội quân chính trị hùng hậu, đại diện của Tổng thống Ngô Đình Diệm, Tỉnh trưởng Bến Tre, Quận trưởng Mỏ Cày và viên đại tá chỉ huy lực lượng thủy quân lục chiến ở Sài Gòn phải xuống tận xã điều tra, ghi biên bản thừa nhận tội ác và hứa sẽ rút quân về. Ngày 20-4-1960, địch rút khỏi ba xã Định Thủy, Bình Khánh, Phước Hiệp. Như vậy là cuộc phản công quy mô lớn của địch vào "ba xã điểm" Đồng khởi của tỉnh đã thất bại trước tinh thần đấu tranh kiên quyết, khéo léo với sự kết hợp ba mũi chính trị, quân sự và binh vận của nhân dân Mỏ Cày, trong đó có vai trò quan trọng của chị em phụ nữ. Kinh ngạc trước sức mạnh của phụ nữ Bến Tre, địch gọi lực lượng đấu tranh này là "đội quân tóc dài".

Qua Đồng khởi đợt một, Bến Tre đã thử nghiệm thành công phương pháp kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận đóng góp cho cách mạng miền Nam phương pháp đấu tranh mới trong lãnh đạo khởi nghĩa đồng loạt. Như vậy, từ cuộc "tản cư ngược" của phụ nữ Bến Tre, "đội quân tóc dài" đã hình thành. Đó là những cống hiến của Bến Tre trong phong trào Đồng khởi, là điển hình về sự kết hợp các phương pháp đấu tranh chính trị, binh vận với vũ trang.

2. Những đóng góp của "đội quân tóc dài" trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Trung ương Cục miền Nam đánh giá rất cao thắng lợi to lớn của phong trào Đồng khởi ở tỉnh Bến Tre và coi đó là hình thức khởi nghĩa tiêu biểu ở vùng nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là sự xuất hiện của "đội quân tóc dài" - một đội quân đặc biệt - lực lượng tiến công trực diện vào cơ quan chính quyền và quân đội của địch ở địa phương. Từ thắng lợi này, khắp đồng

bằng Nam Bộ và các tỉnh miền Trung đến Tây Nguyên, quần chúng nhân dân nhất tề nổi dậy thành phong trào Đồng khởi toàn miền Nam với khí thế to lớn chưa từng có. Tổng kết phong trào Đồng khởi năm 1960, có tới chín triệu lượt quần chúng nổi dậy với gần một triệu lượt phụ nữ tham gia đấu tranh trực diện với lực lượng vũ trang, góp phần làm tan rã trên hai vạn binh lính và dân vệ, phá kim kẹp ở 895 xã trên tổng số 1.193 xã ở miền Nam.

Trong khí thế sôi nổi của phong trào Đồng khởi, ngày 8-3-1961, Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập. Đây là ngọn cờ hiệu triệu nhằm tập hợp, đoàn kết các tầng lớp phụ nữ miền Nam tham gia cùng quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước. Cùng từ đó "đội quân tóc dài" - lực lượng đấu tranh ba mũi kiên cường của phụ nữ miền Nam có thêm những điều kiện mới để vững bước tiến lên. Đội quân ấy xuất hiện trong phong trào Đồng khởi ở Bến Tre, sau đó phát triển thành lực lượng đấu tranh hùng hậu có mặt trên khắp miền Nam. Từ đây, "đội quân tóc dài" thực sự mang ý nghĩa đầy đủ nhất của danh từ ấy là một số đông người có tuyển chọn, có tổ chức, có huấn luyện, có tiếp viện hậu bị được sàng lọc trong đấu tranh cách mạng... và vũ khí của họ chính là tinh thần, lý lẽ chứ không phải súng đạn.

Trải qua các thời kỳ của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chị em đã cùng quân và dân miền Nam đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ, từ "chiến tranh đặc biệt" đến "chiến tranh cục bộ" và cuối cùng là "Việt Nam hóa chiến tranh". Chị em không chỉ đấu tranh trực diện với quân Mỹ và quân đội Sài Gòn mà còn đấu tranh trực diện với quân đội các nước đồng minh Mỹ (Nam Triều Tiên, Thái Lan, Ôxtrâyliá...). "Đội quân tóc dài" đã kiên cường và liên tục đấu tranh phá ấp chiến lược chống bình định nông thôn, chống hành quân càn quét, chống phi pháo hủy diệt và dồn dân bắt lính của chính quyền và quân đội Sài Gòn.

Đối với kẻ thù, nhận rõ sức mạnh tiềm tàng của "đội quân tóc dài", chúng đã dùng nhiều biện pháp quyết liệt với những thủ đoạn hết sức thâm độc, xảo quyệt nhằm đàn áp phong trào đấu tranh của chị em. Nhưng dù địch có sử dụng trăm phương nghìn kế, chị em vẫn tìm cách để đối phó. Địch cho bọn tay sai ác ôn dùng sơn viết khẩu hiệu "Đả đảo cộng sản" lên nón đang đội, chị em ném nón, đội khăn hoặc để đầu trần; chúng viết sơn lên áo, chị em cởi áo ngoài, chỉ còn áo lót bên trong. Rút kinh nghiệm, các lần sau hễ đi đấu tranh thì chị em mặc nhiều áo và khoác bên ngoài thêm chiếc áo rách. Thấy không hiệu quả, địch xoay sang dùng kéo xông vào cắt mái tóc dài của chị em. Hành động này đã bị chính các binh sĩ quân đội Sài Gòn phản đối vì trong hàng ngũ đấu tranh có nhiều người là vợ, là chị, là em của họ. Chúng đành phải bỏ trò cắt tóc, chuyển sang hành động dùng dây thép gai vây lại, bắt chị em đem ngâm nước, tẽ hơn còn làm nhục chị em... Thế nhưng, càng đàn áp trắng trợn bao nhiêu thì phong trào đấu tranh càng quyết liệt bấy nhiêu, đồng thời bộ mặt thật của chính quyền Sài Gòn cũng bị phơi bày. Tâm lý hoang mang, dao động của binh lính địch ngày càng tăng trước sức mạnh của chính nghĩa. Trong khi đó, "đội quân tóc dài" khi đấu tranh trực diện với kẻ thù, đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về tổ chức, chỉ đạo, về vận dụng sách lược, lý lẽ để tiến công địch, phân hóa hàng ngũ của chúng, biết giành thắng lợi từng bước, đúng lúc, đúng mức.

Lúc bình thường, những người phụ nữ ấy gán bó với đồng ruộng, thôn, xóm, thay chồng nuôi con, phụng dưỡng cha mẹ già, dạy dỗ con cái, nuôi giấu cán bộ. Họ có mặt ở hầu hết trong các công tác cách mạng ở hậu phương, xây dựng ấp, xã chiến đấu, tham gia du kích bảo vệ làng mạc, đi dân công tải thương, tải đạn, giao liên... Lúc giặc tràn vào thôn, xóm, chính họ lại là lực lượng đứng ra đấu tranh ngăn chặn bước tiến của địch, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Vũ khí đấu tranh của họ

không phải là súng, đạn mà chủ yếu là lòng yêu nước, ý thức giác ngộ chính trị sâu sắc, là lý lẽ được vận dụng một cách thông minh, khôn khéo trong thế hợp pháp. "Đội quân tóc dài" đã vận dụng nhuần nhuyễn "ba mũi giáp công" đánh vào những chỗ yếu, sơ hở của đối phương, phân hóa hàng ngũ địch, ngăn chặn, phá vỡ những âm mưu đen tối và thâm độc của chính quyền Mỹ - Diệm. Không hiếm những trường hợp tay không và bằng mưu trí, họ đã hạ được đồn bốt, hoặc vô hiệu hóa từng đơn vị chiến đấu của địch. Nhiều tên ác ôn bị chính những người phụ nữ hiền lành diệt giữa ban ngày, ở ngay trên đường phố hoặc ở nơi chợ búa đông người...

Tại các đô thị, lực lượng đấu tranh của "đội quân tóc dài" bao gồm các tầng lớp phụ nữ như công nhân, tiểu thương, nữ tu sĩ, Phật tử, giáo chức, trí thức... đã phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả với lực lượng phụ nữ ở nông thôn, vùng ven, các tỉnh Tây Nguyên và các chiến trường khác.

Như vậy, trong suốt những tháng năm chống Mỹ, cứu nước, "đội quân tóc dài" đã ngày càng vận dụng nhuần nhuyễn phương châm ba mũi giáp công và thể hiện rõ họ chính là những người có khả năng tiến hành được cả ba mũi giáp công đó (quân sự, chính trị và binh vận). Một phụ nữ có thể tham gia đấu tranh trên ba mũi: vừa trực diện đấu lý với địch, vừa khéo léo tránh thủ binh sĩ và tự mình khi thời cơ đến diệt ác trừ gian. Lúc đấu tranh tại chỗ thì các mẹ và các chị kiên cường bám trụ "một tác không di, một ly không rời", khi đấu tranh tập trung, liên tục tiến công vào sơ hở của địch để giành thắng lợi, lúc kết hợp với đấu tranh vũ trang thì mưu trí, sáng tạo, cơ động, hình thức đấu tranh thì vô cùng quyết liệt và phong phú. Tổ chức lực lượng đấu tranh của "đội quân tóc dài" ngày càng quy củ và linh hoạt, có lực lượng xung kích và có chủ công, có hợp đồng lực lượng tác chiến với nhiều địa phương, có tiếp tế, có hậu cần tải thương. Khi bị khủng bố có thay quân và bổ sung quân cần thiết, kiên trì đấu tranh giành cho được thắng lợi.

Với những hoạt động tài tình trên, "đội quân tóc dài" được đánh giá "có sức níu cánh máy bay, bịt nòng đại bác, chặn đứng chiến xa và bẻ gãy hàng quân cần quét của địch". Có thể nói, phụ nữ miền Nam không những có thành tích lớn trong đấu tranh binh vận mà còn tỏ rõ năng lực lớn trong đấu tranh vũ trang. Hàng chục vạn phụ nữ từ miền núi đến đồng bằng và đô thị đã tham gia du kích bám đất giữ làng, tham gia tự vệ, làm nhiệm vụ diệt ác phá kìm, giảng cho quân địch những đòn sấm sét ngay tại sào huyệt của chúng. Ca ngợi đội quân này, nữ ký giả Pháp Maddlen Ripphô đã ghi lại nhận xét của mình nhân chuyến đi vào vùng giải phóng miền Nam: "Quả thật ở miền Nam Việt Nam đang tồn tại một đội quân kỳ lạ không súng ống, có mặt ở khắp nơi, ở thành thị cũng như nông thôn, một đội quân mà tin tức của các hàng thông tấn hầu như không bao giờ nói đến, song lại đóng một vai trò lớn lao trong cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam Việt Nam chống lại kẻ xâm lược ngay cả trước khi những người du kích đầu tiên cầm lấy vũ khí. Đó là đội quân búi tóc tập hợp hàng triệu nữ chiến sĩ"¹.

Ra đời từ phong trào Đồng khởi đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, "đội quân tóc dài" - một lực lượng đặc biệt trong phong trào đấu tranh chính trị ở miền Nam đã trực tiếp tham gia đánh giặc, góp phần làm tan rã lực lượng quân sự và bộ máy chính quyền cơ sở của địch, giành chính quyền về tay nhân dân. "Đội quân tóc dài" đã góp phần to lớn vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, làm rạng rỡ thêm truyền thống yêu nước, bất khuất, trung hậu, đảm đang của người phụ nữ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

1. Maddlen Ripphô: *Hai tháng với các chiến sĩ miền Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1965, tr.62-63.

ĐỒNG KHỞI, BƯỚC NGOẶT CĂN BẢN CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM

PGS. TS. LÊ VĂN YÊN

1. Đồng khởi ở miền Nam

Từ cuối năm 1954 đến năm 1956, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ và hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Chúng thi hành quốc sách "tố cộng", "diệt cộng" khắp nông thôn, thành thị miền Nam để đàn áp phong trào yêu nước, hòng xóa bỏ các cơ sở cách mạng của nhân dân ta. Chúng huy động bộ máy quân đội, cảnh sát, tình báo, hành chính, thông tin, thực hành cuộc khủng bố toàn diện cả quân sự, chính trị, kinh tế, tâm lý cực kỳ thâm độc và tàn bạo; mở nhiều cuộc hành quân càn quét quy mô lớn, dài ngày để triệt phá phong trào cách mạng, lùng bắt, giết hại cán bộ, đảng viên, những chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước. Điển hình là những vụ thảm sát đẫm máu ở Cam Lộ, Hướng Điền, Chợ Đước, Ngăn Sơn, Chí Thạnh, Mỏ Cây, Củ Chi, Bình Thành... Cách mạng miền Nam bị đẩy vào bước khó khăn chưa từng thấy. Trong những năm tháng thử thách đầy cam go, quyết liệt đó, nhiều cán bộ, đảng viên và những người yêu nước đã nêu cao tinh thần bất khuất, một lòng, một dạ trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với cách mạng. Nhiều đồng chí, đồng bào đã anh dũng hy sinh, giữ trọn

khí tiết. Trước sự khủng bố diên cuồng của Mỹ - Diệm, lực lượng cách mạng ở miền Nam bị tổn thất khá nặng nề.

Từ năm 1956 đến năm 1959, Mỹ - Diệm đánh phá lực lượng yêu nước ở miền Nam ngày càng quyết liệt. Chúng ra sức lùng bắt, tù đày, tra tấn, chém giết hàng loạt cán bộ cách mạng và những người yêu nước. Chúng lập hệ thống nhà tù khắp miền Nam. Ngày 1-12-1958, chúng đầu độc hàng nghìn cán bộ cách mạng và đồng bào yêu nước của ta ở trại giam Phú Lợi - Thủ Dầu Một. Để dễ bề kiểm soát chặt chẽ đối với các lực lượng cách mạng và yêu nước ở miền Nam, giữa năm 1957, Mỹ - Diệm còn tiến hành lập khu trú mật, khu dinh điền, dồn dân vào các khu tập trung đông người. Tháng 5-1959, Diệm ban hành đạo luật phát xít - Luật 10/59 về máy chém đi khắp miền Nam, công khai tàn sát nhân dân ta với những hình thức man rợ hơn cả thời trung cổ. Không khí khủng bố, bắt bớ, chém giết, thủ tiêu bao trùm khắp miền Nam. Tính đến năm 1959, có 466.000 người bị bắt, 400.000 người bị tù đày, 68.000 người bị giết hại. Chúng dùng trăm phương, ngàn kế nhằm tiêu diệt bằng được phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam. Chúng còn ráo riết dồn quân, bắt lính, chuẩn bị chiến tranh, hô hào "Bác tiến", đồng thời can thiệp sang cả Lào và Campuchia. Do sự đàn áp tàn bạo và man rợ của Mỹ - Diệm, lực lượng cách mạng ở miền Nam bị tổn thất nặng nề. Nhưng kẻ thù cũng không lường được những hành động tàn bạo đó đã thổi bùng ngọn lửa căm thù trên khắp hai miền Nam - Bắc nước ta và tạo nên làn sóng phản nộ trên toàn thế giới. Kẻ thù càng dã man, tàn bạo bao nhiêu thì nhân dân miền Nam càng căm thù đấu tranh quyết liệt với chúng bấy nhiêu.

Các cuộc đấu tranh chống "tố cộng", "diệt cộng" kết hợp với các cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, đòi thống nhất Tổ quốc diễn ra liên tục. Năm 1957 đã có 2 triệu lượt người, năm 1958 đã có 3,7 triệu lượt người, năm 1959 đã có 5 triệu lượt

người tham gia đấu tranh chính trị. Nhiều tỉnh ở miền Nam do yêu cầu bức xúc đã tiến hành xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ, tiến hành vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ. Cùng với phong trào đấu tranh chính trị, dần dần xuất hiện các cuộc đấu tranh vũ trang diệt ác, phá kìm dưới sự lãnh đạo của các đảng bộ ở miền Nam. Một số đơn vị vũ trang ra đời ở Nam Bộ, nhiều đội diệt ác, trừ gian xuất hiện ở Khu V, lực lượng vũ trang cách mạng đã đánh những trận đầu vào quân nguy ở Minh Thạnh - Thủ Dầu Một, Trại Bé - Biên Hoà. Cuối năm 1957, đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên được thành lập ở Chiến khu Đ. Tháng 4-1958, hơn 3.000 đồng bào Bắc Ái - Ninh Thuận kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang đã vùng dậy phá khu tập trung, bảo vệ buôn, làng. Tháng 10-1958, lực lượng vũ trang ta tiêu diệt hoàn toàn quân địch ở quận lỵ Dầu Tiếng - Thủ Dầu Một. Sang năm 1958, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam không còn ở thế thụ động như trước, vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ đã phát triển phổ biến, hỗ trợ đắc lực cho quần chúng đấu tranh chính trị. Thế và lực của cách mạng miền Nam từng bước được khôi phục, tạo tiền đề chuyển từ thế thoái thủ và giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ đấu tranh chính trị tiến lên khởi nghĩa từng phần.

Mặc dù cách mạng miền Nam đã tạo được tiền đề cơ bản để tiến lên theo hướng bạo lực cách mạng, nhưng đường lối đấu tranh chưa được xác định cụ thể sát với thực tiễn tình hình, cho nên bước sang năm 1959, phong trào cách mạng nhìn chung vẫn chưa ra khỏi tình trạng khó khăn, nhiều nơi vẫn còn bị động, lúng túng. Sau một thời gian tìm giải pháp để đưa cách mạng miền Nam tiến lên, đầu năm 1959, Đảng ta đã vạch ra được đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thời cơ và điều kiện lịch sử cho cách mạng miền Nam, đó là Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành

Trung ương Đảng khoá II. Nghị quyết lịch sử đó đã xác định đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới, đã giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa phong trào cách mạng miền Nam và sự nghiệp củng cố, bảo vệ miền Bắc, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng quốc tế và phong trào bảo vệ hòa bình thế giới.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhưng trên con đường dài thực hiện nhiệm vụ cơ bản ấy, cách mạng miền Nam phải đi từng bước, tiến từ hình thức thấp lên hình thức cao, đẩy lùi địch từng bước để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là đoàn kết toàn dân, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ ở miền Nam. Để thực hiện những nhiệm vụ trên, Nghị quyết khẳng định: Ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Chỉ có thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt cảnh cùng khổ của nhân dân, mới triệt để làm thất bại mọi chính sách nô dịch, chia cắt và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam. Về phương pháp cách mạng và phương thức đấu tranh, Nghị quyết chỉ rõ: Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện tại của cách mạng, thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và tay sai, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Về

dự đoán khả năng phát triển của tình hình, Nghị quyết nêu rõ: Đế quốc Mỹ là tên đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta.

Đánh giá về vai trò lãnh đạo của Đảng bộ miền Nam, Nghị quyết phân tích rõ: Hơn bốn năm qua, Đảng bộ miền Nam tiến hành đấu tranh chính trị trong điều kiện cực kỳ phức tạp dưới chế độ độc tài hết sức tàn bạo. Bọn Mỹ - Diệm không từ một thủ đoạn gian ác, xảo quyệt nào để tiêu diệt Đảng bộ miền Nam. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Trung ương, toàn Đảng bộ đoàn kết thành một khối, đã khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, đã và đang lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh anh dũng chống mọi âm mưu thâm độc của địch để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Sự tồn tại và trưởng thành của Đảng bộ miền Nam là một nhân tố quyết định thắng lợi của phong trào cách mạng miền Nam. Về nội dung, phương hướng xây dựng Đảng bộ miền Nam, Nghị quyết vạch rõ: Vấn đề mấu chốt hết sức cấp bách hiện nay là phải củng cố, xây dựng Đảng bộ miền Nam thật vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp đảng bộ và nhất là của chi bộ đối với sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ. Trong hoàn cảnh mới, Đảng bộ miền Nam phải hết sức đề cao công tác bí mật, phải biết triệt để sử dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để che giấu lực lượng của Đảng, phải không ngừng nâng cao cảnh giác, tỉnh táo để phòng mọi sự xâm nhập, phá hoại của bọn gián điệp và những phần tử đầu hàng, phản bội. Để bảo vệ các cơ quan đầu não và che giấu cán bộ, cần xây dựng ở các địa phương những cơ sở an toàn và khu an toàn.

Được Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng và các chỉ thị của Bộ Chính trị soi sáng, các đảng bộ ở miền Nam đã lãnh đạo nhân dân thực hiện sáng tạo phương châm đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang từ thấp đến cao dẫn đến phong trào Đồng khởi ở toàn miền Nam trong những tháng cuối năm 1959 cả năm 1960.

Ở Khu V, từ tháng 2 đến tháng 4-1959, nhân dân huyện Vĩnh Thạnh - Bình Định, nổi dậy diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ ở 60 làng, bán với 5.000 dân. Thậm chí, trước khi có Nghị quyết 15 của Trung ương, tháng 1-1959, nhân dân huyện Bắc Ái - Ninh Thuận nổi dậy phá tan khu tập trung dồn dân, trở về quê cũ, xây dựng lực lượng vũ trang, chống địch càn quét, giữ vững bản, làng. Kế tục truyền thống khởi nghĩa Ba Tơ, tháng 8-1959, ở huyện Trà Bồng - Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, 16.000 đồng bào nổi dậy đấu tranh chính trị có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quét sạch nguy quyền ở 16 xã, bức rút 7 đồn, diệt hàng trăm tên tể nguy ác ôn, lập chính quyền ở thôn, xã. Cuộc khởi nghĩa lan nhanh sang các huyện lân cận. Nhân dân các huyện Sơn Hà, Ba Tơ và Đức Phổ - Quảng Ngãi, đứng lên vũ trang chống địch càn quét, dồn dân.

Ở Nam Bộ, nhiều nơi thuộc miền Đông, miền Trung và miền Tây, đồng bào nổi dậy vũ trang diệt ác phá kìm, làm tan rã từng mảng lớn bộ máy thống trị của địch ở cơ sở. Tháng 9-1959, lực lượng vũ trang cách mạng chặn đánh địch ở Giồng Thị Đam và Gò Quán Cung - Đồng Tháp, diệt một tiểu đoàn nguy, bắt sống 105 tên, thu 705 súng. Thừa thắng xốc tới, quân chúng ở ven Đồng Tháp Mười và các tỉnh Trung Nam Bộ nổi dậy diệt ác, phá khu trù mật. Đêm 24-9-1959, một đơn vị vũ trang Rạch Giá diệt gọn địch ở chi khu Xẻo Rô, giải phóng tù chính trị, đẩy lên phong trào nổi dậy trong toàn tỉnh và ở miền Tây. Sau Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ (11-1959), Hội nghị Khu ủy

Khu VIII - Trung Nam Bộ (12-1959) họp bàn triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương đã quyết định lãnh đạo các địa phương trong khu đồng loạt nổi dậy vào tháng 1-1960, dùng lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang phá tan bộ máy nguy quyền ở cơ sở, giành quyền làm chủ, xây dựng căn cứ, chống địch càn quét. Phong trào quần chúng nổi dậy đấu tranh ngày càng sôi nổi.

Dựa vào đường lối của Trung ương và căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, Tỉnh ủy Bến Tre quyết định phát động "Tuần lễ toàn dân Đồng khởi" theo phương châm dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu kết hợp với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang. Huyện Mỏ Cày được chọn làm điểm mở đầu. Ngày 17-1-1960, với vũ khí thô sơ, tự tạo, nhân dân nhất tề nổi dậy diệt ác, phá đôn, đập tan bộ máy và hệ thống cai trị, kìm kẹp của địch ở thôn, xã. Phong trào lan nhanh sang các huyện Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, Bình Đại... Chỉ sau một tuần, 22 xã được giải phóng hoàn toàn, 29 xã đã diệt ác, vây đôn, giải phóng nhiều xã, ấp, thu nhiều súng đạn. Đêm 25-1-1960, lực lượng vũ trang ta bất ngờ tiến công căn cứ Tua Hai - Tây Ninh, tiêu diệt và bắt sống 500 tên nguy, thu 1.500 súng các loại, làm cho tề nguy ở Tây Ninh hoang mang, quần chúng phấn khởi vùng lên giải phóng 24 xã, 70% bộ máy kìm kẹp cấp xã, ấp của địch bị xóa bỏ, vùng giải phóng được mở rộng.

Hoà nhịp với cuộc Đồng khởi ở Bến Tre và Tây Ninh, các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Cần Thơ, Kiến Phong, Kiến Tường và hầu hết các tỉnh Nam Bộ với nhiều hình thức phong phú đồng loạt nổi dậy làm chủ 2/3 số xã, ấp. Phong trào nổi dậy và tiến công địch lên cao và lan rộng ra khắp các vùng rộng lớn ở đồng bằng Nam Bộ và vùng rừng núi miền Trung. Tại đây, hầu hết các ban tề xã, ấp tan rã hoặc mất hiệu lực. Phong trào

tập trung đánh vào khâu yếu của địch là nguy quyền ở cơ sở, sau đó, các tỉnh đều nhanh chóng phát triển lực lượng vũ trang, kết hợp và hỗ trợ cho đấu tranh chính trị giành thắng lợi to lớn. Trên cơ sở thắng lợi của phong trào Đồng khởi đợt đầu, Xứ ủy Nam Bộ quyết định phát động đợt 2 Đồng khởi nhằm bảo vệ và phát triển thành quả đấu tranh cách mạng đã giành được. Từ tháng 9 đến cuối năm 1960, phong trào cách mạng miền Nam diễn ra mạnh mẽ theo phương châm "hai chân, ba mũi" với sự phối hợp nhịp nhàng giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, giữa chính trị, quân sự và binh vận, đập tan từng mảng lớn bộ máy nguy quyền ở cơ sở, giành quyền làm chủ ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Theo số liệu tổng kết, hàng nghìn xã, thôn đã được giải phóng: Ở Trung Nam Bộ có 350 xã trong tổng số 480 xã, ở Tây Nam Bộ có 350 xã trong tổng số 365 xã. Nam Bộ có 865 xã trong tổng số 1.193 xã, ở vùng miền núi Khu V có 3.200 trong tổng số 5.721 thôn, nguy quyền ở cơ sở làng, bản, ấp bị quân dân ta quét sạch, các tổ chức chính trị phản động cũng tan rã theo, hàng nghìn binh lính, hạ sĩ quan và một số sĩ quan đầu hàng. Ở Tây Nguyên, vùng giải phóng có khoảng 4.000 làng, bản với hơn 500.000 người trong tổng số hơn 1 triệu người. Dân số vùng giải phóng toàn miền Nam có khoảng 5.600.000 người đã thoát khỏi ách áp bức, kìm kẹp trong các khu trù mật, dinh điền, các trại tập trung trá hình của Mỹ - Diệm, làm cho kế hoạch lập khu trù mật của địch bị phá sản. Chúng định lập 115 khu, mới lập được 42 khu, đã bị phá 28 khu, số còn lại dần dần bị phá sạch.

2. Ý nghĩa thắng lợi của phong trào Đồng khởi

Phong trào Đồng khởi ở miền Nam đã giáng một đòn choáng váng vào đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, làm thất bại một hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Chính quyền tay sai cấp dưới hoang mang, lo sợ. Bọn

chúng phải tốn nhiều công sức mới thiết lập được hệ thống nguy quyền từ trên xuống dưới, tưởng như vững chắc, thế mà chỉ trong thời gian rất ngắn đã bị quân và dân ta phá tung từng mảng lớn, làm bộc lộ mặt yếu cơ bản của chúng về chính trị, tinh thần, báo hiệu sự thất bại không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ và sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chế độ chính trị Sài Gòn.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã làm cho nội bộ kẻ thù lục đục. Ngay trong thông điệp đầu năm 1960, Aixenhao - Tổng thống Mỹ phải kêu gọi tăng cường quân đội Việt Nam Cộng hòa để cầm chân đối phương chờ chi viện của khối SEATO. Trong tháng 1 và 2-1960, Tư lệnh Lục quân Mỹ, Tư lệnh Mỹ ở Thái Bình Dương thay phiên nhau đến Sài Gòn bàn cách chống đỡ. Tháng 8-1960, CIA báo về Oasinhton rằng, phải tính đến những phương án hành động khác và tìm người lãnh đạo khác và ngày 11-11-1960, dưới sự giật dây của Mỹ, Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh Lữ đoàn dù cùng Phan Quang Đán làm cuộc đảo chính lật đổ Diệm nhưng không thành công. Qua đó, báo hiệu cuộc khủng hoảng trong nội bộ nguy quyền kéo dài triển miên, dẫn đến hàng loạt những cuộc đảo chính, ly khai và "thay ngựa giữa dòng" của Mỹ đối với Ngô Đình Diệm sau đó. Sau phong trào Đồng khởi, thế trận của Mỹ - nguy ở miền Nam bị đảo lộn, từ chỗ tập trung lực lượng chủ động mở các cuộc càn quét, đánh phá quyết liệt, thậm chí có lúc hô hào "Bắc tiến" đến nay rơi vào thế lúng túng, bị động đối phó, phải dồn lực lượng về chống đỡ cho cơ sở ở khắp mọi nơi.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã tác động sâu sắc đến các thành thị miền Nam, tạo ra dư luận rộng rãi chống đối chính quyền tay sai. Phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động diễn ra ở các thành phố, thị xã, kể cả Sài Gòn bùng lên mạnh mẽ nhân dịp ngày 20-7, "Ngày đấu tranh thống nhất nước nhà". Các tầng lớp nhân dân thành thị tổ

chức hàng trăm cuộc mít tinh, biểu tình lôi cuốn hàng chục vạn người tham gia. Ngày 26-4-1960, một số luật gia, giáo sư, bác sĩ chống Diệm họp tại Nhà hàng Caraven - Sài Gòn lập ra Ủy ban tiến bộ và tự do, đã ra tuyên bố đòi Diệm phải cải tổ chế độ độc tài và dọa sẽ tạo nên một làn sóng công phần của dân chúng, nếu Diệm không thay đổi chính sách độc tài, gia đình trị. Sự chống đối của các tầng lớp nhân dân thành thị góp phần làm cho chính quyền tay sai của Mỹ ở miền Nam thêm rối ren.

Phong trào Đồng khởi ở miền Nam đã phá vỡ từng mảng lớn hệ thống kìm kẹp của Mỹ - nguy; căn bản làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở của chúng, làm tê liệt chính quyền của địch ở hầu hết các xã, giành quyền làm chủ; giải quyết những quyền lợi dân sinh, dân chủ của nhân dân. Một hình thức chính quyền tự quản của quần chúng ra đời, tự giải quyết những công việc ở nông thôn, nhưng vẫn sử dụng thể hợp pháp để đấu tranh với địch bảo vệ quyền làm chủ, hỗ trợ cho đấu tranh vũ trang. Trong 2.627 xã ở toàn miền Nam, nhân dân ta đã lập chính quyền tự quản ở 1.383 xã: ở Nam Bộ có 984 xã, Khu V có 379 xã. Chính sách "cải cách điền địa" của chính quyền tay sai bị thất bại nặng, 2/3 số ruộng đất - khoảng 17 vạn hecta do chính quyền cách mạng đem lại sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 bị Mỹ - Diệm cướp, nay đã trở về tay nhân dân. Những người tránh đi nơi khác vì sự khủng bố của địch trở về được cấp ruộng đất. Nội bộ nhân dân đoàn kết, giúp nhau sản xuất, bảo đảm ổn định đời sống.

Với thắng lợi to lớn của phong trào Đồng khởi đã chỉ rõ, mọi hành động đàn áp, khủng bố tàn bạo, dã man, mọi thủ đoạn mỵ dân, lừa bịp của Mỹ - nguy dù xảo quyết đến đâu cũng không thể khuất phục và lừa bịp được nhân dân ta. Trong phong trào Đồng khởi, tinh thần và khí thế cách mạng của quần chúng ở miền Nam lên rất cao, lực lượng cách mạng

phát triển nhanh chóng. Các đoàn thể cách mạng của nông dân, công nhân, thanh niên, phụ nữ phát triển mạnh, làm cơ sở cho việc hình thành các đội quân chính trị đấu tranh có hiệu quả chống lại những cuộc càn quét, khủng bố của Mỹ - ngụy. Lực lượng chính trị quần chúng không chỉ đóng vai trò chủ yếu trong phong trào, mà còn phát huy tác dụng to lớn trong việc giữ vững và phát triển thắng lợi những thành quả đã giành được trong Đồng khởi.

Phong trào Đồng khởi ở miền Nam trên thực tế đã chuyển cách mạng miền Nam "từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công". Nhớ lại những năm 1955-1956, Đảng ta chủ trương lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định Giơnevơ, đòi củng cố hòa bình, thực hiện các quyền tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập, dân chủ. Trong khi đó, Mỹ và chính quyền Diệm thẳng tay bắt bớ, tra tấn, chém giết những người cách mạng và yêu nước. Cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu. Những khó khăn và tổn thất của ta kéo dài trong bốn năm, nhất là vào hai năm 1957-1958. Bên ngoài, bối cảnh quốc tế lúc này cũng hết sức phức tạp. Một số đảng trong các nước xã hội chủ nghĩa có những quan điểm khác với Đảng ta. Họ muốn giữ nguyên trạng thái hai miền Nam Bắc, không tán thành Việt Nam đẩy mạnh đấu tranh cách mạng ở miền Nam, sợ chiến tranh giải phóng ở một nước có thể gây ra chiến tranh thế giới. Về chỉ đạo đấu tranh cách mạng ở miền Nam, lúc đó Đảng ta chưa có chủ trương chuyển hướng đấu tranh, cũng chưa tìm ra được phương pháp và hình thức thích hợp để quần chúng chủ động chống trả địch có hiệu quả. Cán bộ, đảng viên và đồng bào ta ở miền Nam vẫn dùng hình thức đấu tranh chính trị, chưa dùng lực lượng vũ trang tự vệ, nhân dân miền Nam sống như nghệt thở, cách mạng miền Nam bị đẩy vào bước khó khăn chưa từng thấy. Qua thời gian tìm tòi, với Nghị quyết 15, Đảng ta đã tìm

ra con đường tiến lên của cách mạng miền Nam dẫn đến phong trào Đồng khởi trên toàn miền Nam vào cuối năm 1959 và năm 1960. Đây là một mốc rất quan trọng của cách mạng miền Nam, tạo ra điều kiện và cơ sở vững chắc để quân và dân ta tiến lên đánh thắng chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ, mở ra một thời kỳ phát triển mới của cách mạng miền Nam - thời kỳ tiến công liên tục và mạnh mẽ vào các chiến lược, chiến thuật của Mỹ - ngụy, nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, phát triển lực lượng của ta, tạo những tiền đề, những nhân tố cơ bản đưa cách mạng miền Nam từng bước tiến lên.

Phong trào Đồng khởi ở miền Nam đã tạo ra sức mạnh mới cho phong trào cách mạng miền Nam. Trong phong trào, lực lượng vũ trang với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, đội tự vệ, du kích hình thành và phát triển. Các tỉnh, huyện đều có lực lượng vũ trang tập trung. Các thôn, xã, ấp đều có đội tự vệ, du kích. Cụ thể là: Các đội tự vệ, du kích ở xã có khoảng 10.000 người, trong đó, Nam Bộ có 7.000, Khu V có 3.000. Bộ đội địa phương ở tỉnh, huyện có 12.500 người, trong đó, Nam Bộ có 7.000, Khu V có 5.500. Các đơn vị bộ đội chủ lực tập trung có 3.034 người, trong đó, Đông Nam Bộ một tiểu đoàn, Khu V hơn một tiểu đoàn. Ví như, tỉnh Bến Tre trong năm 1960 đã xây dựng được hai đại đội bộ đội địa phương, mỗi huyện đều có một đến hai trung đội, quân du kích phát triển rộng khắp; ở Mỹ Tho, tháng 2-1960, Tiểu đoàn chủ lực 261 được thành lập, v.v..

Phong trào Đồng khởi ở miền Nam là hình thức bùng nổ cách mạng của quần chúng diễn ra theo quy luật tất yếu của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Phong trào có nhiều nét độc đáo về nghệ thuật lãnh đạo quần chúng, cho ta nhiều bài học quý báu, có ý nghĩa sâu sắc về lý luận và thực tiễn. Nét độc đáo và sáng tạo nổi bật của phong trào Đồng khởi là từ

trong sự khùng bố tàn khốc, sự đàn áp man rợ của kẻ thù, cách mạng bị tổn thất nặng nề, tụi hồ khó có thể gượng lại được, nhưng Đảng đã dựa hẳn vào quần chúng, lãnh đạo và phát động quần chúng thành một phong trào nổi dậy đều khắp, phá vỡ ách kìm kẹp của địch, mở ra cục diện mới cho cách mạng miền Nam. Phong trào chứng minh sức sống mãnh liệt của một dân tộc có truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm; đồng thời nói lên trình độ giác ngộ và kinh nghiệm đấu tranh cách mạng phong phú của Đảng bộ và nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở miền Nam chứng minh sự tiếp thu nhạy bén và sự thực hiện đường lối của Đảng một cách kiên quyết và linh hoạt của Đảng bộ miền Nam, đánh dấu sự trưởng thành về nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa của các cấp bộ đảng miền Nam. Điều đó thể hiện trước hết ở việc đánh giá đúng đắn so sánh lực lượng giữa ta và địch, thấy rõ mặt mạnh cơ bản của ta, mặt yếu cơ bản của địch, từ đó phát huy mặt mạnh cơ bản của ta về chính trị, tinh thần, phát động quần chúng nổi dậy đúng lúc, đúng nơi, tiến công đồng loạt vào khâu yếu nhất trong hệ thống kìm kẹp của địch là ngục quyền và hệ thống chính quyền thôn, xã, giành quyền làm chủ của nhân dân ở nông thôn, tạo điều kiện cho những nhân tố tích cực của lực lượng cách mạng trong quần chúng phát triển mạnh mẽ. Bởi lực lượng của địch ở thành thị tương đối mạnh, nhưng ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, địch không có đủ lực lượng đóng giữ, kìm kẹp, ngục quyền ở cơ sở yếu kém, bất lực trước uy thế chính trị, tinh thần của nhân dân đang lên cao.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở miền Nam chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo về đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng ta sát đúng với tình hình và điều kiện mới mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng đã vạch ra: Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền

Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đối với chế độ độc tài phát xít, thống trị bằng lưỡi lê, máy chém thì chỉ có bạo lực cách mạng mới tiêu diệt được nó. Phong trào chứng minh nhận định sáng suốt của Đảng về tình thế cách mạng và thời cơ khởi nghĩa đã xuất hiện vào năm 1959, đúng lúc Mỹ - Diệm dùng thủ đoạn phát xít tàn bạo nhất chống lại quần chúng, tình hình dường như khó khăn, đen tối nhất, thì Đảng cho rằng, chúng đã thất thế về chính trị; đúng lúc "quần chúng không muốn sống như cú nữa", không cam chịu sống dưới chế độ tàn bạo của chúng; thời cơ khởi nghĩa đã xuất hiện, kịp thời phát động quần chúng Đồng khởi. Nghị quyết 15 đã đáp ứng được nhu cầu bức thiết của cách mạng miền Nam đang trong lúc nguy biến nhất, đáp ứng nguyện vọng thiết tha và nóng bỏng của quần chúng vùng dậy phá tan xiềng xích nô lệ, đã thổi bùng ngọn lửa Đồng khởi trong toàn miền Nam. Nghị quyết nói lên sự lãnh đạo vững vàng, tài giỏi của Đảng ta đã biết nuôi dưỡng, giáo dục, khơi sâu lòng căm thù, phát động ý chí, tinh thần dũng cảm, trí tuệ cách mạng của quần chúng nhân dân, đã tạo thế và lực mới cho phong trào cách mạng miền Nam tiến lên.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giải quyết thành công vấn đề mở đầu cuộc chiến tranh cách mạng, đồng thời cũng đặt ra những vấn đề sau khởi nghĩa là làm thế nào để bảo vệ được quyền làm chủ đã giành được, đấu tranh vũ trang có vị trí hỗ trợ hay được đặt ngang với đấu tranh chính trị. Muốn đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, cách mạng miền Nam còn phải trải qua nhiều chặng đường gay go, gian khổ, phải tạo ra lực lượng lớn mạnh và thế trận vững chắc đủ sức đánh thắng đội quân chủ lực của địch, giải phóng không chỉ các vùng nông thôn, mà còn giải-phóng các thị trấn, thị xã và các thành phố. Do đó, đòi hỏi quân và dân ta phải bền gan, vững chí, mưu trí, dũng cảm, kiên cường tiến lên giành thắng lợi cuối cùng.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã dẫn tới sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương, sau Đồng khởi các uỷ ban nhân dân tự quản phát triển ngày càng rộng khắp. Từ cơ sở đó, ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành, trong vùng căn cứ Tây Ninh, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam họp thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đại hội đã thông qua Tuyên ngôn và Chương trình hành động, mà nội dung cơ bản là đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, không phân biệt xu hướng chính trị, để đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước. Sự ra đời của Mặt trận là một thắng lợi lớn, đánh dấu cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

Phong trào Đồng khởi được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới. Từ năm 1959, nhiều nước và nhiều tổ chức quốc tế đã lên án chính sách thống trị phát xít của Mỹ - Diệm và ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta ở miền Nam. Ngày 20-7-1959, "Ngày Việt Nam" được tổ chức ở nhiều nước trên thế giới đòi Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam, đòi chính quyền Ngô Đình Diệm chấm dứt khủng bố, tàn sát và phải hủy bỏ những luật lệ phát xít. Tổng kết phong trào Đồng khởi, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam: "Cuối năm 1959 đầu năm 1960, chế độ thống trị ở miền Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Tuy ở thành thị, địch còn tương đối mạnh, nhưng trong nhiều vùng nông thôn rộng lớn, địch không thể cai trị nhân dân một cách bình thường được nữa; bộ máy ngụy quyền ở cơ sở từng phần đã suy yếu và bất lực. Còn quần chúng nhân dân đặc biệt là đông đảo nông dân thì sục sôi cách mạng, đã tỏ ra kiên quyết và sẵn sàng chiến đấu sống chết với quân thù. Đó là những điều

kiện chín muồi cho phép phát động quần chúng nhân dân nông thôn nổi dậy *khởi nghĩa từng phần*, đập tan khâu yếu nhất trong hệ thống cai trị của địch. Những cuộc "Đồng khởi" nổ ra trong thời gian này đánh dấu một bước nhảy vọt quan trọng, chuyển cách mạng miền Nam sang thế tiến công, phát triển cao trào cách mạng ra khắp miền, với sự kết hợp cả hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự. Trong quá trình cách mạng miền Nam phát triển thành một cuộc chiến tranh quyết liệt, thì đấu tranh quân sự ngày càng tăng lên và giữ một vai trò rất quan trọng. Phải thắng địch về quân sự mới giành được thắng lợi cho kháng chiến, cho cách mạng"¹.

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Sđd, tr.53.

PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở BÌNH ĐỊNH

GS. TS. NGUYỄN NGỌC CƠ*
ThS. NGUYỄN ĐÌNH SIM**

1. Cuộc đấu tranh của nhân dân Bình Định chống phá chính sách thực dân mới của Mỹ - ngụy (1955-1958)

Bình Định thuộc vùng tự do Liên khu V trước đây, có vị trí chiến lược hết sức quan trọng. Ngay năm đầu của chế độ thực dân mới, Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm đã đề ra kế hoạch mang tên "giải phóng" đánh phá ác liệt phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Vừa tiếp quản Quy Nhơn (16-5-1955), với kế hoạch đã chuẩn bị sẵn, được bọn phản bội tiếp tay, Mỹ - Diệm khẩn trương thiết lập hệ thống ngụy quân, ngụy quyền các cấp và các công cụ đàn áp.

Để thực hiện chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", chúng thiết lập bộ máy từ trung ương đến quận, xã. Phương châm hành động của chúng là "khui trục cộng sản nằm vùng, tiêu diệt cộng sản", "dĩ cộng diệt cộng", "thà giết nhầm còn hơn bỏ sót". Từng lúc và từng nơi, Mỹ - Diệm dùng lực lượng quân sự hỗn hợp (bảo an, cộng hoà, công an) tổ chức những cuộc hành quân lùng sục, tảo thanh các vùng giáp ranh giữa miền núi và đồng bằng.

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

** Trường Quốc học Quy Nhơn.

Bước sang năm 1957, địch tiếp tục leo thang tội ác. Tháng 5-1957, chúng ra luật "đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật" để tự do vu cáo, giam cầm, bắn giết những ai chúng cho là cộng sản mà không cần điều tra, xét xử, vứt bỏ chiếc mặt nạ "thực thi dân chủ" mà chúng rêu rao lâu nay. Tại Bình Định, địch mở chiến dịch "tố cộng" mang tên Đoàn Đức Thoan, đánh phá rất ác liệt phong trào cách mạng trong toàn tỉnh.

Tháng 5-1959, chúng ban hành Luật 10/59 về việc thành lập các toà án quân sự đặc biệt lưu động, có quyền "đưa thẳng bị can ra xét xử, không cần thẩm vấn". Cùng với toà án lưu động đặc biệt, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đưa máy chém về các địa phương, thực hiện ngay tại chỗ các bản án tử hình, công khai tàn sát nhân dân một cách man rợ.

Tại Bình Định, địch tiếp tục triển khai cái gọi là "chiến dịch tố cộng Đoàn Đức Thoan" nhằm củng cố bộ máy ngụy quyền cơ sở, phát triển mạnh lực lượng kim kẹp cả công khai và bí mật. Đồng thời tiếp tục mở các lớp "cải huấn" truy nã những đảng viên cũ và những người yêu nước.

Để đối phó với những hành động tội ác của giặc, từ tháng 10-1955, tại khu căn cứ Vĩnh Thạnh, Thượng vụ Tỉnh ủy Bình Định đã họp khẩn cấp và đưa ra chủ trương: Điều ngay một số cán bộ bổ sung cho những huyện không còn cán bộ chủ chốt, tích cực nối lại liên lạc giữa tỉnh và các huyện, nhất là ở huyện Tuy Phước và thị xã Quy Nhơn. Đồng thời phát động phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tiến tới tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, phát động phong trào đấu tranh chống "tố cộng", "diệt cộng".

Trong những tháng cuối năm 1955, hàng ngàn đồng bào ở thị xã Quy Nhơn và huyện Tuy Phước đã biểu tình bao vây Toà hành chính tỉnh, chống địch di dời nghĩa trang liệt sĩ của ta. Cũng tại Quy Nhơn, đầu năm 1956, nổi lên phong trào đấu tranh của quần chúng lao động tại các xóm ven đầm Thị Nại (nay là đường Bạch Đằng), tố cáo địch lên lút gây ra những vụ

hoà hoạn để đuổi dân lấy đất cất đồn trại cho Sư đoàn 14 đang thành lập. Tại An Nhơn, dấy lên phong trào mang tên "Hồng Phong". Trong cuộc đấu tranh này, quần chúng kết hợp giữa việc chống chính sách "tố cộng" với việc bảo vệ những quyền lợi đã giành được trong kháng chiến chống Pháp. Tại xã Nhơn Mỹ, nông dân đã đứng lên chống cuộc tổ chức đấu giá bến dò Bàu Sáu của địch, chống địa chủ lấy lại ruộng đất của nông dân.

Trước đòi hỏi bức xúc của cuộc sống đang bị Mỹ - Diệm chà đạp và dựa vào các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, nhân dân Bình Định đã nổi dậy chống địch đàn áp, ruộng bỏ những người kháng chiến cũ, chống thủ đoạn buộc nhân dân bỏ sản xuất đi học "tố cộng", chống cường bức dân theo đạo Thiên Chúa. Đi đầu và làm nòng cốt cho các phong trào này là lực lượng thanh niên. Tiêu biểu là Đoàn Thanh niên yêu nước chống Mỹ ở Cát Hanh (Phù Cát).

Trong khi phong trào các huyện đồng bằng gặp nhiều khó khăn và tổn thất thì phong trào ở ba huyện miền núi An Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh lại có bước phát triển khá vững chắc. Tiêu biểu cho phong trào là cuộc đấu tranh của đồng bào xã Vinh Hiệp và làng Hóc Điều (Vinh Bình - Vĩnh Thạnh).

Bên cạnh những hình thức đấu tranh bất hợp pháp, phong trào chuyển dần sang hình thức hợp pháp đòi quyền dân sinh dân chủ. Chính địch cũng phải thú nhận: Từ cuối năm 1956, nhiều nơi trong tỉnh xuất hiện truyền đơn tố cáo chính quyền cướp ruộng đất. Từ tháng 4 đến tháng 6-1957, các truyền đơn hô hào nhân dân đứng dậy chống chính sách bóc lột, đòi quyền sống xuất hiện ở nhiều nơi như Hoài Hảo, Hoài Hương (Hoài Nhơn), Ân Hữu (Hoài Ân), Mỹ An, Mỹ Tài, Mỹ Quang (Phù Mỹ), Cát Minh, Cát Tài (Phù Cát), Phước Quang (Tuy Phước), Phú Phong (Bình Khê).

Đầu năm 1958, tại Dak Mang (Vĩnh Thạnh), Tỉnh ủy Bình Định họp để nghe phổ biến tài liệu *Đường lối cách mạng miền*

Nam do đồng chí Lê Duẩn khởi thảo, nghe truyền đạt chủ trương của Khu ủy Liên khu V. Từ phương hướng trên, Tỉnh ủy ra quyết định "Đẩy mạnh phong trào cách mạng miền núi, xây dựng vùng cao Vĩnh Thạnh, An Lão thành căn cứ trung tâm của tỉnh, tích cực khôi phục và phát triển phong trào vùng đồng bằng, chú ý xây dựng, phát triển cơ sở mới trong lực lượng trẻ, phát triển phong trào làm "rầy cách mạng"¹.

Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, một số làng, xã vùng cao của huyện Vân Canh giáp với tỉnh Gia Lai đã dời làng lên núi, tự tổ chức bố phòng chống địch. Cơ sở làng Hà Luỹ (Canh Sơn) bí mật diệt một công an quận. Trong cuộc tàn cuối năm 1958, địch chạm súng với ta ở Cam Lộ.

Cùng với phong trào chống đồn dân ở miền núi, phong trào các huyện đồng bằng cũng có những bước tiến triển mới. Phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ phát triển mạnh. Ở Hoài Thanh, Tam Quan (Hoài Nhơn), Mỹ Thọ (Phù Mỹ), Cát Hanh (Phù Cát) dấy lên phong trào chống địch bắt người đi "đình điền". Đặc biệt ở Hoài Thanh, đồng bào đã lán xả vào đầu xe quyết không cho địch bắt người. Quyết liệt hơn là cuộc đấu tranh của hàng trăm chị em ở chợ Ân (Tam Quan Nam), dùng đòn gánh đuổi đánh bọn dân vệ cướp cá và hàng hoá của dân. Nhân dân Đập Đá (An Nhơn) tố cáo địch lấy máu học sinh Trường Phương Danh. Các cuộc đấu tranh của nhân dân một số nơi ở các huyện đồng bằng bắt đầu mang tính bạo lực.

Tình thế cách mạng ở miền Nam nói chung và ở Bình Định nói riêng ngày càng đi đến chín muồi, bởi kẻ thù không thể thống trị như trước được nữa, còn nhân dân cũng không thể sống như cũ được nữa. Họ phải vùng lên để giành quyền sống, quyền tự do.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1954-1975)*, Bình Định, 1996, tr.37.

Trong bối cảnh đó, tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15. Trên cơ sở phân tích đặc điểm tình hình, Hội nghị chỉ rõ: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹.

Lúc này, mặc dù chưa nhận được Nghị quyết 15, nhưng trên cơ sở yêu cầu khách quan của phong trào địa phương, dựa vào tinh thần của bản Văn kiện *Đường lối cách mạng miền Nam* cũng như bản chỉ thị của Khu ủy Khu V, Tỉnh ủy Bình Định đã khẩn trương chỉ đạo và lãnh đạo phong trào nhân dân nổi dậy, phá ách kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ. Đi đầu trong phong trào là nhân dân các huyện miền núi Bình Định mà Vĩnh Thạnh là điển hình.

2. Phong trào Đồng khởi ở Bình Định những năm 1959-1963

a) Cuộc khởi nghĩa Vĩnh Thạnh

Trước đòi hỏi của tình hình, cuối tháng 1-1959, Huyện ủy Vĩnh Thạnh đã tổ chức họp và quyết định lãnh đạo quần chúng nổi dậy kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang kiên quyết chống chính sách dồn dân của địch.

Chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy đã đáp ứng đúng nguyện vọng của đồng bào trong tỉnh và phù hợp với tinh thần chỉ đạo của cấp trên. Nó đã khơi dậy ngọn lửa đấu tranh âm ỷ

bấy lâu nay và tạo nên bầu không khí hừng hực, náo nức chuẩn bị nổi dậy của nhân dân khắp toàn tỉnh.

Trong cuộc họp quận trưởng đầu năm 1959, ngụy quyền Bình Định quyết định: "Năm 1959 là năm hướng về thượng du", "phải hoàn thành việc định cư càng sớm càng hay, tốt nhất là đầu năm 1959". Với quyết tâm trên, địch tung đòn đánh phá quyết liệt khắp các huyện miền núi.

Ngày 3-2-1959, quận trưởng Vĩnh Thạnh cho gọi đại diện và già làng xuống dự tiệc. Trong buổi tiệc, y "nhắc nhở" nhân dân xã Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hảo đúng ngày 11-2-1959 phải đưa toàn bộ dân làng và tài sản xuống khu định cư. Đồng thời chúng còn đe dọa nếu làng nào không thực hiện thì "chính phủ" sẽ "làm cở" cả làng.

Như vậy, kẻ thù đã buộc đồng bào phải đứng lên, phải hành động tức thì. Ngày 6-2-1959, 11 làng của hai xã Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hảo đồng loạt nổi dậy gồm Tà Lốc, Tà Lét, Hà Ri (Vĩnh Hiệp); hai làng Kdriek, Konron, hai làng Konyong, Konnia, KonDzil và Pnang (Vĩnh Hảo). Toàn bộ tài sản, người già, phụ nữ, trẻ em được đưa vào các làng bí mật và lập các tuyến bố phòng sẵn sàng đánh trả các đợt truy kích khủng bố của địch.

Hoảng sợ trước sự nổi dậy của quần chúng, sáng ngày 9-2-1959, địch đưa quân lên khủng bố làng Hà Ri (Vĩnh Hiệp), chúng đã vấp phải trận địa chông, thò, bẫy đá dày đặc của dân đã được bố phòng từ trước. Bộ phận đi đầu bị du kích dùng tên tẩm thuốc độc bắn, bị cung phóng, bị chông đâm, chết và bị thương một số, chúng hoảng sợ phải rút lui.

Cuộc chống càn quét khủng bố của nhân dân làng Hà Ri thắng lợi đã làm nức lòng nhân dân các huyện, đặc biệt là đối với các làng đang nổi dậy. Hỗ trợ cho Vĩnh Hảo, Vĩnh Hiệp, các xã Vĩnh Hoà, Vĩnh Kim, Vĩnh Châu lợi dụng thế hợp pháp mở một đợt tấn công dư luận mạnh mẽ làm rõ bản chất phản động của kẻ thù: "Dân chạy là sợ quốc gia, chạy rồi quốc gia còn đuổi

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.82.

đánh là xấu hơn cả Tây! Nói thương người Thượng làm thế mà là thương sao!"¹.

Tháng 3-1959, địch cho một đại đội bảo an đánh phá hai làng Tà Lố, Tà Lét (Vĩnh Hiệp) nhưng bị du kích Vĩnh Hiệp dùng vũ khí thô sơ đẩy lùi bốn đợt tấn công của địch, bề gây hoàn toàn cuộc càn quét và loại khỏi vòng chiến đấu 30 tên địch, thu 1 súng trường và nhiều đạn dược.

Trước thế trận chiến tranh nhân dân của đồng bào dân tộc, bọn địch quay lại biện pháp chiêu dụ. Lợi dụng cơ hội này, Huyện ủy chỉ đạo các làng chuyển sang đấu tranh hợp pháp nhưng một lần nữa địch lại giở trò đe dọa. Trước âm mưu thâm độc trên, đầu tháng 4-1959, nhân dân lại vũ trang nổi dậy một lần nữa. Lần này quy mô đấu tranh lớn hơn, gần như toàn huyện. Cả 14 làng vùng thấp và vùng cao đều nổi dậy, dời làng, bố phòng đánh địch.

Đầu tháng 6-1959, nhân dân Vĩnh Thạnh đồng loạt nổi dậy. Gần 60 làng với hơn 5.000 dân đã rời làng cũ vào khu bí mật, lập hệ thống phòng thủ dày đặc chống giặc. Hệ thống ngụy quyền thôn, xã do địch cất công xây dựng trong bốn năm qua tại Vĩnh Thạnh sụp đổ hoàn toàn. Các đại diện của chúng đều quay về với cách mạng.

Qua 5 tháng (từ tháng 2-1959 đến đầu tháng 7-1959), dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng bộ địa phương, nhân dân các dân tộc Vĩnh Thạnh đã nổi dậy chống địch dồn dân, tiến lên phát động du kích chiến tranh cục bộ, kết hợp với đấu tranh chính trị để giành và giữ quyền làm chủ. Thực chất đây là cuộc khởi nghĩa từng phần, hơn nữa là một trong những cuộc khởi nghĩa từng phần đầu tiên không chỉ của nhân dân Bình Định trong

1. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định: *Bình Định - Lịch sử chiến tranh 30 năm (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1992, tr.199.

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mà còn là của nhân dân Liên khu V nói chung. Nó tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất của đồng bào Bana, Vĩnh Thạnh và nhân dân Bình Định, góp phần đưa phong trào cách mạng địa phương tiến kịp với cao trào đấu tranh của nhân dân toàn miền trong cuộc Đồng khởi lần thứ nhất (1959-1960), giáng đòn chí mạng vào chiến lược "chiến tranh một phía của đế quốc Mỹ"¹.

b) Khởi nghĩa ở các địa bàn khác

Phối hợp chặt chẽ với Vĩnh Thạnh, phong trào bố phòng, làm chủ buôn làng của đồng bào Vân Canh, An Lão cũng phát triển mạnh mẽ. Tại Vân Canh, đến cuối năm 1959, ta hoàn toàn giải phóng ba xã vùng cao là Canh Lô, Canh Phong và Canh Thông.

Cuối năm 1959, dân làng Suối Mây và một số làng thuộc các xã vùng cao giáp ranh Gia Lai đã dời làng vào rừng sâu chống địch. Tiếp đó, nhân dân làng Suối Cát, Kon KLót do Bok (làng Kon KLót) lãnh đạo cũng đã vùng dậy đấu tranh quyết liệt chống chính sách mua chuộc, kiên quyết bất hợp tác với địch.

Cùng với thắng lợi của nhân dân Vân Canh, đồng bào An Lão cũng nổi dậy và giành thắng lợi lớn. Cuối năm 1959, sau cuộc vũ trang tuyên truyền, diệt ác ở xã An Dân, An Cư, ta đã hạ uy thế và phá rã bộ máy kim kẹp của địch ở nhiều làng, xã vùng thấp, đồng thời đẩy mạnh chống địch ở vùng cao. Đầu năm 1960, Tiểu đội vũ trang An Lão được thành lập, tự trang bị vũ khí, tích cực tập luyện để chống càn, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ ở các xã An Đông, An Tân, An Ninh, An Cư, An Dân, An Mỹ. Giải phóng đến đâu ta lập ban tự quản đến đó để quản lý, chỉ đạo, tổ chức sản xuất, cứu đói.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vĩnh Thạnh: *Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Thạnh (1945-1975)*, Bình Định, 1998, tr.146.

Trong tháng 12-1960, các đội vũ trang công tác cấp huyện đã mở đợt vũ trang tuyên truyền, tạo nên một phong trào đấu tranh chính trị rầm rộ khắp toàn tỉnh. Ở Phú Cát có các đội vũ trang tuyên truyền ở Thuận Phong (Cát Hiệp, nay là Cát Lâm), An Điểm (Cát Hiệp), Gia Lát (Cát Minh), chợ Miếu (Cát Hiệp). Tại Phú Mỹ, các lực lượng treo biểu ngữ, rải truyền đơn ở đèo Nhông (Mỹ Trinh - Mỹ Phong), Mỹ Đức, Mỹ Hiệp, Mỹ Tài. Tương tự, phong trào vũ trang tuyên truyền cũng diễn ra rầm rộ ở Tuy Phước, thị xã Quy Nhơn. Nội dung tuyên truyền tập trung vào việc kêu gọi nhân dân toàn tỉnh "cùng nhau đứng lên đánh bại chính sách can thiệp và gây chiến của đế quốc Mỹ, đánh đổ bè lũ tay sai, dả đảo chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm"¹.

Cùng với vũ trang tuyên truyền, Bình Định còn mở đợt hoạt động quân sự trong toàn tỉnh. Đêm 23-9-1960 (lúc 1 giờ sáng), quân ta tập kích trụ sở ngục quyền xã Hoài Tân (Hoài Nhơn). Với tinh thần mưu trí, dũng cảm, sau 30 phút đột nhập, ta bắt sống toàn bộ ngục quân, ngục quyền trong xã, thu 22 súng. Cùng đêm 23-9, tiểu đội đặc công tỉnh tập kích tiêu diệt một trung đội dân vệ ở Kim Sơn (Ân Nghĩa - Hoài Ân). Hai trận tiến công đầu tiên ở đồng bằng giành được thắng lợi có tác dụng cổ vũ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, làm cho địch hoang mang lo sợ.

Từ những cuộc khởi nghĩa từng phần năm 1959 cho đến cuối năm 1960, với khí thế tiến công liên tục ta đã giải phóng hầu hết các thôn, xã của huyện Vĩnh Thạnh, toàn bộ vùng cao của huyện An Lão và ba xã vùng cao huyện Vân Canh. Đồng thời ta đã khôi phục và phát triển hàng trăm cơ sở cách mạng ở cả bảy huyện đồng bằng mà tiêu biểu là sự ra đời của Ban Cán sự khu

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Quy Nhơn: *Lịch sử Đảng bộ thành phố Quy Nhơn (1930-1975)*, Bình Định, 1998, tr.177.

Đông, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo và xây dựng phong trào ở phía nam Phú Cát, đông An Nhơn, Tuy Phước. Trong hầu hết các huyện đồng bằng đều có đội vũ trang công tác, ba huyện miền núi có các tiểu đội vũ trang tập trung. Tỉnh có đơn vị vũ trang 2/9 và một đơn vị bộ đội đặc công.

c) *Sự phát triển của phong trào Đông khởi ở Bình Định (1961-1963):*

- *Âm mưu thủ đoạn mới của địch*

Để cứu nguy cho chính quyền nguy Sài Gòn, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Tháng 7-1961, Mỹ - Diệm triển khai kế hoạch Xtalây-Taylo, dự định trong vòng 18 tháng (7-1961 - 12-1962) hòng dẽ bẹp phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam, nhanh chóng tiêu diệt các lực lượng cách mạng. Với các chiến thuật "trục thẳng vận", "thiết xa vận", coi việc gom dân vào các "ấp chiến lược" là xương sống của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" và là nội dung cơ bản của kế hoạch Xtalây - Taylo.

Ở Bình Định, để triển khai kế hoạch trên, từ đầu năm 1962 địch lùng bắt một lúc 2.000 thanh niên bổ sung vào Sư đoàn 9 (lập tháng 5-1962). Quân số của địch tăng lên 13.000 tên (toàn khu là 155.000). Bình Định trở thành một trong bảy tỉnh trọng điểm thuộc "vùng ưu tiên quốc gia" của kế hoạch lập ấp chiến lược trên toàn miền Nam.

Bước qua năm 1963, trước sự phát triển mới của phong trào địa phương, Mỹ và chính quyền Sài Gòn càng đẩy mạnh các biện pháp đánh phá ác liệt, hòng thực hiện cho bằng được "quốc sách" ấp chiến lược. Quyết liệt nhất là từ tháng 3 đến tháng 7-1963, địch đẩy mạnh các thủ đoạn đánh phá về quân sự, chính trị, tư tưởng nhằm khai trừ cơ sở cách mạng, khẩn trương xây dựng, củng cố bộ máy và lực lượng kim kẹp, nhất là lực lượng ứng chiến tại chỗ và điệp ngầm, nhằm biến hệ thống ấp chiến

lược thành các trại tập trung, thành các "pháo đài", để quyết liệt tiến hành cuộc "chiến tranh giành dân" với ta.

- *Chủ trương của Tỉnh ủy*

Tháng 4-1961, Tỉnh ủy Bình Định tổ chức học tập chỉ thị của Bộ Chính trị (1-1961) và bàn các biện pháp thực hiện các chủ trương của Liên khu ủy Khu V (2-1961) "giải phóng toàn bộ miền núi, tiến mạnh xuống đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở và đẩy mạnh phong trào đô thị".

Từ tháng 10-1961 đến tháng 1-1962, phối hợp với bước 2 đợt hoạt động toàn khu, quân dân Bình Định mở đợt Đồng khởi đầu tiên ở đồng bằng, lấy các xã Hoài Sơn (Hoài Nhơn), Ân Hoà và Ân Hảo (Hoài Ân) làm trọng điểm. Chủ trương của Tỉnh ủy là tiến công bộ máy kìm kẹp và lực lượng vũ trang của địch, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ xã, thôn, mở rộng vùng làm chủ ở đồng bằng. Cuối tháng 7-1962, Tỉnh ủy Bình Định tiến hành họp đánh giá tình hình và đưa ra chủ trương mới về việc phá áp chiến lược: Phá áp chiến lược không phải chỉ là đưa quần chúng ra đốt phá hàng rào, nhổ bãi chông mà còn phải phát động quần chúng đứng lên chống địch đánh phá thanh lọc dân và tiêu diệt lực lượng kìm kẹp tại chỗ.

Đầu tháng 3-1963, căn cứ vào tình hình mới, Tỉnh ủy Bình Định đã đưa ra chủ trương đẩy mạnh phong trào "ba mũi giáp công" tại chỗ, tập trung vào nhiệm vụ chống càn quét, phát động quần chúng nổi dậy phá áp chiến lược. Trong các tháng 2, 3, 4 và 6-1963 ta mở hai đợt liên tiếp phong trào "Thi đua với Ấp Bắc, giết giặc lập công".

Những chủ trương trên đánh dấu bước tiến bộ mới của Đảng bộ về việc nắm bắt tình hình thực tiễn, nhất là bắt đầu tháo gỡ được những lúng túng, vướng mắc buổi đầu về vấn đề phương châm, phương thức tranh đấu, thực sự tạo ra một bước chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào quần chúng.

Năm 1961, đội vũ trang công tác phối hợp với lực lượng vũ trang tổ chức 32 cuộc vũ trang tuyên truyền ở bảy huyện đồng bằng. Tác động lớn nhất là các cuộc vũ trang tuyên truyền ở An Hạnh (Phù Cát vào tối 14-2), Phú Lạc (Tây Sơn chiều 19-2), Hoài Hảo (3-1961). Ta xử tội tên Trịnh Hương, kẻ đã dẫn đường cho địch gây ra vụ thảm sát Đá Bàn (An Lão). Trong những tháng cuối năm 1961, ta hoạt động mạnh ở Hoài Nhơn, tập kích bọn địch đồn dân về Hoài Sơn, tiến công trụ sở ngay quyền xã Hoài Châu. Được lực lượng vũ trang của trên hỗ trợ, phong trào đấu tranh chính trị có bước khởi sắc. Nhân dân các xã Hoài Sơn, Hoài Thanh (Hoài Nhơn), Cát Hạnh (Phù Cát), Đập Đá (An Nhơn) đấu tranh chống địch khủng bố những gia đình có người lên "cứ" tham gia hoạt động cách mạng. Gần 300 đồng bào xã Hoài Thanh đã nằm giữa đường cản xe địch bắt người đi dinh điền. Nhân dân thị trấn Bồng Sơn và xã Đập Đá (An Nhơn) chống lấy máu học sinh. Cuối năm 1961, Hoài Nhơn đã hình thành một số vùng tranh chấp và làm chủ như An Đỗ (Hoài Sơn), Ngọc Sơn (Hoài Thanh), Lộ Diêu (Hoài Mỹ), Định Bình (Hoài Đức). Mỗi xã đều có đội vũ trang công tác từ 7 đến 12 người, hoạt động đều khắp, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Cũng trong giai đoạn này, các huyện đã tổ chức hơn 50 cuộc mít tinh quần chúng, trong đó có bốn cuộc mít tinh lớn ở Phù Cát, Hoài Nhơn, với 5.000 lượt đồng bào tham dự. Thêm 33 thôn có cơ sở cách mạng, lập 20 tổ giải phóng, 10 tổ du kích mật và 1 chi bộ thôn. Quần chúng nhiều nơi đã nổi dậy chống đồn dân tại các xóm lẻ.

Cùng với phong trào diệt ác, phá tề, phong trào đấu tranh chính trị và công tác vận động binh lính thu được những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Thanh niên ở Trung Lương (Cát Chánh, Phù Cát), Mỹ Hiệp (Phù Mỹ) chống địch bắt lính, tự vũ trang sẵn sàng đánh giặc.

Thắng lợi trong đợt hoạt động đầu tiên của quân và dân Bình Định và nhất là trong đợt Đồng khởi tháng 10-1961 và

tháng 1-1962, đã làm cho tinh thần bọn bảo an, dân vệ dao động mạnh. Ta đã giành và xây dựng được một số cơ sở làm bàn đạp và làm chỗ đứng chân ở một số vùng sâu ở đồng bằng. Đầu năm 1962, Tỉnh ủy quyết định chọn Hoài Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ làm trọng điểm phát động quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược của địch.

Năm 1962, quân dân Bình Định đã loại 2.679 tên địch. Có 711 cuộc vũ trang tuyên truyền ở 350 thôn của 72 xã đồng bằng, với 89.502 lượt người tham dự. Tổ chức 67 cuộc đấu tranh chính trị với hơn 17.000 lượt người tham gia, có 44 cuộc đấu tranh trực diện chống địch dồn dân vào ấp chiến lược ở huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Bình Khê và Tuy Phước. Nhân dân nổi dậy mở 74 thôn, thực sự làm chủ và tranh chấp 59 thôn với 54.630/260.000 dân ở đồng bằng. Đã phá banh 46 ấp, phá từng phần 134 ấp khác tức là toàn bộ số ấp địch lập trong năm 1962 đều bị đánh phá. Ngụy quyền đều bị tan rã ở 36 thôn, tê liệt 42 thôn và khập khiễng 55 thôn. Hơn 200.000m rào ấp bị đốt, 7.000m hào bị lấp, 3.000 cọc sắt và 5.000kg kềm gai bị tiêu hủy, 337 tên ác ôn bị trừng trị, hạ uy thế và cải tạo 3.113 tế điệp.

Lực lượng vũ trang tỉnh và các huyện đã hỗ trợ cho hàng vạn quần chúng nổi dậy phá ấp, phá kìm, giải tán bộ máy ngụy quyền ở thôn, xã. Phong trào phá "ấp chiến lược" trở thành phong trào quần chúng rộng lớn, nhất là ở các huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ. Nhân dân trong toàn tỉnh đã bùng ra diệt ác ôn, phá banh hàng loạt "ấp chiến lược", giải phóng một lúc nhiều mảng liên hoàn từ tây sông An Lão đến tây sông Kim Sơn (Hoài Ân) dài hơn 30km, nam Hoài Nhơn, đông Phù Mỹ, từ tây Phù Cát nối liền với đông bắc Bình Khê. Ở khu Đông, quần chúng tự động nổi dậy diệt ác ôn, rầm rộ biểu tình đòi phá "ấp chiến lược" ở Cát Hanh, Cát Chánh, Cát Khánh (Phù Cát), Phước Hoà, Phước Thuận, Phước Sơn (Tuy Phước). Ở các huyện phía nam, phong trào được khôi phục. Điều quan trọng là phong trào phá

"ấp chiến lược" đã gắn liền với xây dựng và củng cố chính quyền ở cơ sở, tạo được vùng giải phóng liên hoàn giữa các huyện đồng bằng và miền núi. Trong đó, giải phóng hoàn toàn 73 thôn với 75.571 dân, cao nhất là Liên khu V.

Bằng cuộc chiến đấu quyết liệt, bền bỉ, quân dân Bình Định đã cùng nhân dân toàn miền làm phá sản kế hoạch Xtalây - Taylo của Mỹ - Diệm, tuy đã kéo dài thêm một năm nhưng vẫn không thể cứu vãn được tình thế.

3. Bước phát triển mới của phong trào Đồng khởi ở Bình Định (1964-1965)

Cuối năm 1963, kế hoạch Xtalây - Taylo bị phá sản hoàn toàn, đẩy cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ ở miền Nam nước ta vào con đường hăm không lối thoát. Để cứu vãn tình thế, Lầu Năm Góc đã thông qua một kế hoạch chiến lược mới - kế hoạch Giôn-xơn - Mắc Namara - đỉnh cao của chiến lược "chiến tranh đặc biệt", nhằm "bình định" miền Nam trong hai năm. Bình Định là một trong những tỉnh trọng điểm của kế hoạch này ở Khu V.

Để thực hiện âm mưu trên đây, từ đầu năm 1963 quân số các loại của địch ở Bình Định được tăng cường lên khoảng 18.000 tên (trong toàn khu là 200.000 tên). Địch lấn chiếm 45 thôn, lập lại 35 ấp chiến lược và một số "ấp tân sinh" ở Hoài Nhơn, bắc Phù Mỹ. Đồng thời, chúng tiếp tục cho củng cố một bước hệ thống phòng thủ cơ bản quanh thị xã Quy Nhơn và các quận lỵ, bên các trục giao thông chiến lược.

Trong các cuộc càn quét, địch thẳng tay bắn giết, khủng bố đàn áp nhân dân, tàn phá, cày ủi xóm làng, nhà cửa, ruộng vườn, nhất là gây ra các vụ triệt hạ vùng giải phóng của ta ở Hương Nhơn (Hoài Ân), An Đỗ (Hoài Nhơn), Thuận Ninh (Bình Khê), Vinh Quang, Tùng Giản (Tuy Phước). Ở đô thị, chúng đàn áp đẫm máu các cuộc biểu tình của nhân dân thị xã Quy Nhơn và thị trấn Bồng Sơn.

Những trận phản kích điên cuồng và sự đánh phá vào dân tàn khốc khắp ba vùng chúng tỏ kẻ địch ngày càng túng quân và suy sụp nặng nề trước những đòn tấn công và nổi dậy ngày càng mạnh liệt của quân và dân Bình Định.

Tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, tháng 4-1964 Tỉnh ủy Bình Định mở Hội nghị nghiên cứu Nghị quyết Liên khu ủy Khu V (1-1964), Hội nghị chủ trương mở chiến dịch Đông khởi khu Đông, phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, phá từng mảng áp chiến lược và làm tan rã bọn phụ quân, khẩn trương xây dựng thực lực chính trị và vũ trang.

Để đẩy mạnh phong trào, Tỉnh ủy phát động chiến dịch "hạ son" trong toàn Đảng bộ và các lực lượng, tức là chuyển toàn bộ lực lượng xuống đồng bằng, mở đợt Đông khởi đợt 2, tạo đà cho việc giành những thắng lợi mới.

Để đáp ứng yêu cầu của cách mạng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ VI đã quyết định mở đợt hoạt động Đông - Xuân (1964-1965) với mục tiêu đến giữa năm 1965 giành cho được 30 đến 50 vạn dân, trong đó 2/3 là dân làm chủ, bức rút và giải phóng một vài huyện. Đại hội còn chủ trương mở đợt thi đua quyết thắng trong quân, dân toàn tỉnh, lập thành tích chào mừng bốn năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Đông khởi ở khu Đông

Sau khi nghiên cứu kỹ tình hình địch trên địa bàn, ta quyết định chọn Càng Rang, Cát Thắng (Phù Cát) làm mục tiêu tiến công đầu tiên mở đầu cho phong trào Đông khởi khu Đông (5-7-1964 - 5-8-1964).

Đêm 5 rạng ngày 6-7-1964, sau một thời gian ngắn quyết tâm chiến đấu, Đại đội 3 của Tiểu đoàn 50 đã diệt gọn một trung đội dân vệ đóng giữ Càng Rang, thu toàn bộ vũ khí, làm chủ chiến trường, phát động hàng ngàn quần chúng ở đông nam Phù Cát, đông An Nhơn, Tuy Phước nổi dậy phá "áp chiến lược", truy

bất nguy quyền địa phương, tạo nên một phản ứng dây chuyền lan rộng khắp khu Đông. Với khí thế hừng hực, quần chúng xông thẳng vào trụ sở nguy quyền, cờ của Mặt trận giải phóng được kéo lên pháp phối tung bay khắp vùng, các đơn vị du kích địa phương nhanh chóng được thành lập để bảo vệ vùng ta mới giành quyền làm chủ, hỗ trợ cho quần chúng tiếp tục nổi dậy.

Cùng với tiến công quân sự, lần đầu tiên ta mở đợt tiến công chính trị và binh vận trên quy mô toàn tỉnh vào bọn nguy quyền và đồn địch từ xã lên quận, tỉnh. Chỉ trong vòng hai tháng 7 và 8 toàn tỉnh đã có 380 cuộc biểu tình thị uy với 9 vạn người tham gia, riêng ở Quy Nhơn có tới 1,5 vạn người tham gia. Từ ngày 5-7-1964 đến ngày 5-8-1964, tại vùng trọng điểm (đông nam Phù Cát, đông bắc Tuy Phước), nhân dân nổi dậy phá dứt điểm các áp chiến lược và bộ máy kìm kẹp của địch, lần đầu tiên giải phóng một mảng khá liên hoàn ở vùng sâu sát biển dài 20km, gồm 34 thôn với 90.000 dân. Tại Tuy Phước, ta giải phóng và làm chủ 22 thôn ở năm xã Phước Thắng, Phước Lý, Phước Hoà, Phước Quang và Phước Hưng, trong đó giải phóng hoàn toàn hai xã Phước Thắng và Phước Lý. Tại Phù Cát, riêng vùng đông ta giải phóng 21 thôn của ba xã Cát Thắng, Cát Chánh và Cát Khánh, trong đó xã Cát Chánh giải phóng được 11 thôn.

Song song với đòn tiến công bằng lực lượng vũ trang kết hợp với quần chúng nổi dậy ở nông thôn, phong trào nhập thị và phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân các xã vùng ven Quy Nhơn cũng diễn ra quyết liệt. Nổi bật là xã Phước Lý (nay là Nhơn Hội và Nhơn Lý), từ ngày 6-7-1964 đến ngày 10-7-1964, ta liên tục tiến công bọn thanh niên chiến đấu canh giữ các áp chiến lược ở Hội Lộc, Hưng Lương và Xương Lý, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy.

Phối hợp chặt chẽ với trọng điểm giành dân ở khu Đông, được lực lượng vũ trang hỗ trợ mạnh mẽ, nhân dân đã nổi dậy

khôi phục quyền làm chủ và mở ra 28 thôn thuộc các xã Mỹ Hiệp, Mỹ Tài, Mỹ Cát, Mỹ Phong, Mỹ Lộc, Mỹ Đức, Mỹ An, Mỹ Thọ, Mỹ Chánh.

Phong trào Đồng khởi trong toàn tỉnh giải phóng quê hương lần thứ nhất

Phát huy thắng lợi của phong trào tiến công và nổi dậy, sáng 7-12-1964, chủ lực khu cùng lực lượng địa phương đồng loạt tiến công toàn bộ hệ thống cứ điểm gồm 11 chốt và 8 ấp trên tuyến giao thông dài 17km, dọc tỉnh lộ từ Bồng Sơn lên An Lão. Phối hợp với tiến công quân sự, quân dân các huyện An Lão và Hoài Nhơn nổi dậy diệt ác, phá kìm, phá dứt điểm 20 ấp chiến lược trong vùng, truy bắt 125 tên tể điệp. Với thắng lợi này, ta giải phóng hoàn toàn một huyện, tiêu diệt một chi khu quận lỵ, phá vỡ một khu vực phòng thủ của địch ở tuyến giáp ranh phía bắc Bình Định.

Trong tháng 12-1964 và tháng 1-1965, vượt qua những tổn thất và khó khăn do trận lụt lịch sử gây ra (11-1964), các lực lượng vũ trang Bình Định dồn dập tiến công địch ở nhiều nơi trên đất An Nhơn, Phù Cát, Hoài Nhơn.

Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng diễn ra sôi nổi, riêng trong tháng 12-1964 đã có 125 cuộc đấu tranh với hơn 70.000 lượt người tham gia, trong đó có 11 cuộc biểu tình, 3 cuộc nhập thị từ huyện Bồng Sơn vào thị xã Quy Nhơn chống địch khủng bố bắn pháo vào làng, đòi cứu trợ nhân dân những vùng bị bão lụt.

Kết hợp với đòn tiến công quân sự và đấu tranh chính trị, nhân dân nổi dậy phá hơn 50 ấp chiến lược, có 30 ấp bị phá banh, phá thế bị kìm kẹp ở hơn 100 thôn của 30 xã thuộc bảy huyện (Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, An Nhơn, Bình Khê và Tuy Phước). Trong đó có 61 thôn được giải phóng hoàn toàn, giải phóng dứt điểm 7 xã với hơn 60.000 dân. Tại Hoài Nhơn, nhân dân giải phóng 21 thôn ở 10 xã, giải phóng dứt

điểm 2 xã Hoài Hảo và Hoài Hương. Ở An Nhơn, giải phóng 23 thôn của năm xã, dứt điểm 2 xã Nhơn Phong và Nhơn Hạnh. Phù Cát giải phóng 9 thôn, dứt điểm 2 xã Cát Chánh và Cát Khánh. Hoài Ân giải phóng 11 thôn ở ba xã, dứt điểm xã Ân Hoà. Trong quá trình nổi dậy đó, có nhiều thôn, xã phải giành giật với địch suốt từ cuối năm 1963, đến nay mới dứt điểm.

Với thế tiến công quyết liệt trong năm 1964, quân dân Bình Định đã giành được những thắng lợi to lớn. Theo số lượng thống kê chưa đầy đủ thì quân dân Bình Định đã đánh 875 trận lớn nhỏ, tiêu diệt và hạ gục 9.558 tên, phá 330/460 ấp chiến lược, trong đó có 221 ấp bị phá hoàn toàn, làm tan rã hai trung đội dân vệ và thanh niên chiến đấu, giải phóng 300 thôn, 18 xã với 405.000 dân, bằng 1/2 số dân toàn tỉnh¹.

Trong chiến dịch Xuân 1965 (25-1 - 5-3-1965) mở đầu bằng trận đánh của Tiểu đoàn 409, đặc công khu phối hợp với lực lượng địa phương tiến công cứ điểm Gia Hựu xã Hoài Châu (Hoài Nhơn). Tuy khó khăn, phức tạp, nhưng nhờ chiến đấu mưu trí, dũng cảm, sáng tạo nên cuối cùng đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm, 200 tên địch bị diệt và bị bắt. Được lực lượng vũ trang hỗ trợ, nhân dân ở ba "ấp chiến lược": Gia Hựu, Gia An và Bình Khê đã nổi dậy phá ấp chiến lược trở về làng cũ.

Cùng thời gian này, Đại đội 72 của tỉnh phối hợp với một tiểu đoàn của Trung đoàn 2 - chủ lực khu tiến công cứ điểm Dương Liễu - Mỹ Lợi. Chiến thắng Đèo Nhông đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho quân dân các huyện phía đông và phía nam tỉnh phát động cuộc tiến công và nổi dậy, giữ đất, giành dân.

Tại Hoài Nhơn, những ngày cuối tháng 2-1965 phong trào tiến công và nổi dậy diễn ra dồn dập và quyết liệt, lực lượng tỉnh và huyện tập kích tiêu diệt địch ở ga Tam Quan, hỗ trợ cho hai

1. Xem Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định: *Bình Định - Lịch sử chiến tranh 30 năm (1945-1975)*, Sđd, tr.258.

vận động bào nổi dậy kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang bao vây bức rút, làm tan rã hàng ngũ địch, giải phóng toàn bộ bốn xã: Hoài Thanh, Hoài Châu, Tam Quan Nam, Tam Quan Bắc, buộc địch phải rút về Đệ Đức, ta lại tiến công Đệ Đức và Hoài Nhơn giải phóng thêm sáu xã khác. Như vậy, riêng Hoài Nhơn đã giải phóng được 10/12 xã, bọn nguy quyền hoang mang lo sợ - một số lớn bỏ việc, một số chạy vào thị xã Quy Nhơn.

Ngày 10-2 tại Phù Cát, được sự hỗ trợ và chi viện của Trung đoàn 2 - bộ đội chủ lực, du kích xã bất ngờ tiến công các chốt áp chiến lược từ Nhà thờ Nhà Đá (Mỹ Hiệp - Phú Mỹ) vào Hoà Đại (Cát Hiệp - Phù Cát) làm chủ đoạn đường dài 22km trong đó có 8km trên quốc lộ số 1. Ở Cát Hanh, du kích xã được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực tấn công địch ở ga Khánh Phước. Thừa cơ, các thôn, xã khác cũng nổi dậy, xã Cát Hanh được hoàn toàn giải phóng, hành lang kháng chiến từ tây sang đông được khai thông, chính quyền xã, thôn được thành lập, đồng bào và du kích ở đây lại tiếp tục đưa đón cán bộ, vận chuyển vũ khí, thuốc men sang các vùng lân cận.

Tại Tuy Phước, Tiểu đoàn 50 của tỉnh và Đ10 đặc công tập kích chi khu quân sự Gò Bồi. Thừa thắng ta kéo đến giải phóng Cát Nhơn (Phù Cát), Nhơn Hạnh, Nhơn Phong, Nhơn An, ép địch trên đường số 1, đồng thời tiến công địch ở Cẩm Văn, Đập Đá, giải phóng thêm xã Nhơn Phúc, Nhơn Mỹ, Nhơn Lộc, một số xã phía tây An Nhơn và toàn bộ khu vực đông bắc Bình Khê, hình thành vùng giải phóng liên hoàn từ đầm Thị Nại qua Phước Thắng, Cát Chánh, Nhơn Mỹ, Bình Tân, Bình Thuận của ba huyện: Tuy Phước, An Nhơn, Bình Khê.

Tại thị xã Quy Nhơn, đêm 10-2, một tổ gồm ba chiến sĩ đặc công của tỉnh (Đ10) kết hợp với cơ sở nội thị cải trang hợp pháp, dùng xe xích lô chở thuốc nổ tiếp cận đánh sập các tầng lầu Khách sạn Việt Cường, nơi dùng làm cư xá cho quân nhân Mỹ (nay thuộc Trường Trần Hưng Đạo - thành phố Quy Nhơn), diệt

hàng chục tên cố vấn và loại hơn 50 sĩ quan Mỹ. Như vậy, không kể gì ở quận lỵ mà ngay cả thị xã Quy Nhơn cũng không còn là mảnh đất an toàn của địch.

Cùng với đấu tranh trên mặt trận quân sự, toàn tỉnh còn nổ ra 130 cuộc đấu tranh chính trị với 115 nghìn lượt người tham gia, có 29 cuộc biểu tình tiến vào quận lỵ đồng bằng, 2 cuộc biểu tình nhập thị.

Trong đợt hoạt động Hè 1965, các lực lượng vũ trang ta vừa đẩy mạnh tiến công, vừa ra sức chống địch càn quét nóng lẩn.

Tại Hoài Ân ngày 9-3-1965, Trung đoàn 2 chủ lực khu đánh địch ở quận lỵ, diệt 1 đại đội bảo an và 3 trung đội dân vệ, làm tan rã 2 trung đội dân vệ khác. Tại huyện Vĩnh Thạnh, chủ lực khu đã phối hợp với bộ đội huyện bao vây bức rút chi khu Vĩnh Thạnh. Tại Tuy Phước, ta đã tập kích cứ điểm địch ở Nhà thờ Lòng Sông (Phước Thuận), diệt 1 đại đội bảo an, 2 trung đội dân vệ. Nổi bật nhất là trận đánh ngày 19-4-1965, Tiểu đoàn 50 và bộ đội Phù Cát đã đập tan cuộc càn quét có máy bay lên thẳng và xe M113 yểm trợ vào ba xã đông Phù Cát, diệt 80 lính thủy đánh bộ nguy, bắn rơi 6 máy bay lên thẳng tại Trung Lương (Cát Chánh). Cùng thời gian trên, tại Hoài Nhơn chủ lực khu đã phối hợp với du kích địa phương, đập tan cuộc càn quét bốn tiểu đoàn, 47 máy bay lên thẳng, 14 xe M113 ở Tam Quan.

Được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, nhân dân đã nổi dậy phá dứt điểm 23 ấp chiến lược, giải phóng và làm chủ mới 33 thôn (chưa tính 11 thôn giành lại) của 4 huyện phía nam tỉnh (Phù Cát, Bình Khê, An Nhơn và Tuy Phước). Đợt này An Nhơn có nhiều cố gắng, đã giải phóng mới 20 thôn ở 5 xã (Đập Đá, Nhơn Thành, Nhơn Hậu, Nhơn Khánh, Nhơn Lộc), dứt điểm 2 xã Nhơn Hậu và Nhơn Khánh; hình thành một mảng 4 xã nối với 4 xã giải phóng ở đông bắc Bình Khê. Như vậy ba tháng đầu năm 1965, qua hai đợt hoạt động sôi nổi và quyết liệt, Bình Định đã giải phóng được 35 xã của 7 huyện đồng bằng (Hoài

Nhon 8 xã, Phù Cát 7 xã, Bình Khê 6 xã, An Nhơn 6 xã, Hoài Ân 3 xã, Tuy Phước 3 xã, Phù Mỹ 2 xã).

Đến tháng 6-1965, Bình Định cơ bản đã giải phóng được các vùng nông thôn và đồng bằng trong tỉnh. Tại đồng bằng, ta giải phóng và làm chủ 506 thôn, giải phóng hoàn toàn 56 xã với 564.500 dân (564.500/735.800 người). Ở miền núi, giải phóng hoàn toàn 40 xã với 15.273 dân. Cả miền núi và đồng bằng đã giải phóng 96/126 xã và 579.773 dân. Đây là thời điểm Bình Định giành dân và giải phóng đất đai cao nhất trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). Hội nghị Liên khu ủy V lần thứ IV (5-1965) đã đánh giá: "Tốc độ giải phóng và tỷ lệ số dân làm chủ có ba hạng, hạng khá nhất là Quảng Đà, Bình Định, Quảng Nam hiện làm chủ từ 2/3 đến 3/4 dân số".

*
* *

Cũng như những đợt Đồng khởi lớn đầu tiên của nhân dân miền Nam, Bình Định tuy chưa đánh đổ được toàn bộ cơ đồ của chủ nghĩa thực dân mới tại tỉnh nhà nhưng đã góp phần cùng với các đợt Đồng khởi trên toàn miền Nam thiết lập được một vùng căn cứ rộng lớn có ý nghĩa chiến lược, nối liền từ các tỉnh duyên hải Khu V với miền Tây Nam Bộ. Chế độ độc tài Ngô Đình Diệm tưởng sẽ bền vững, đã sụp đổ tan tành dưới ngọn triều Đồng khởi. Ấp chiến lược, xương sống của chiến lược chiến tranh đặc biệt cũng sụp đổ. Thắng lợi của Đồng khởi ở Bình Định cũng như trên toàn miền Nam đã buộc đế quốc Mỹ lâm tiên, nhiều súng phải chuyển hướng chiến lược một cách bị động. Từ "chiến tranh đơn phương" sang "chiến tranh đặc biệt", rồi từ "chiến tranh đặc biệt" sang "chiến tranh cục bộ".

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1954-1975)*, Sđd, tr.107.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đánh dấu bước nhảy vọt quan trọng, chuyển cách mạng Bình Định nói riêng và miền Nam nói chung từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công mạnh mẽ liên tục, hình thành một cao trào khởi nghĩa của quần chúng trên những vùng nông thôn rộng lớn, đẩy Mỹ - ngụy lún sâu vào thế thất bại, khủng hoảng triển miên.

Có thể nhận thấy, quá trình phát triển của phong trào Đồng khởi ở Bình Định từ năm 1959 đến năm 1965 nổi lên những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, trên cơ sở nhận thức xu thế phát triển chung của cách mạng miền Nam, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Tỉnh ủy Bình Định đã chủ động trong việc nhận thức, đánh giá đúng tình hình, kịp thời phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh chống âm mưu thâm độc của kẻ thù, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Vĩnh Thạnh.

Thứ hai, cũng như các địa phương khác ở miền Nam, phong trào Đồng khởi bắt đầu từ những cuộc khởi nghĩa từng phần, nhưng ở Bình Định cuộc khởi nghĩa từng phần diễn ra tương đối sớm, duy trì và liên tục phát triển trong một thời gian dài từ tháng 2-1959 đến tháng 3-1965.

Thứ ba, phong trào Đồng khởi ở Bình Định mở đầu từ các xã vùng cao, rồi mở rộng ra các huyện miền núi và phát triển xuống các huyện đồng bằng với quy mô rộng lớn và tính chất ngày càng quyết liệt.

Thứ tư, nét nổi bật của phong trào Đồng khởi ở đồng bằng nói riêng, toàn tỉnh nói chung là sử dụng bạo lực tại chỗ là chủ yếu, kết hợp với phát động quần chúng nhân dân nổi dậy phá vỡ hệ thống kìm kẹp của kẻ thù, giành quyền làm chủ. Có nơi ta vừa xây dựng lực lượng vũ trang, vừa phát động quần chúng nổi dậy; có nơi quần chúng tự nổi dậy phá ách kìm kẹp của địch, hạ uy thế bọn tề điệp, rồi đi tìm cán bộ.

Từ thực tiễn phong trào Đồng khởi ở Bình Định, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Một là, bất kỳ tình huống nào cũng phải giữ vững sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng địa phương, giữ chặt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng.

Hai là, đánh giá đúng tình hình khách quan là điều kiện quan trọng để xác định phương pháp đấu tranh, bước đi thích hợp, kịp thời phát động quần chúng nổi dậy chống âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù.

Ba là, vận dụng tốt phương châm: hai chân, ba mũi, ba vùng chiến lược trong toàn tỉnh, để ra phương thức hoạt động từng lúc, từng nơi linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương.

Bốn là, nắm vững phương châm chiến lược tiến công, giải quyết tốt tư tưởng trong đội ngũ cán bộ và bộ đội, nhất là cán bộ cơ sở.

Năm là, thấu suốt quan điểm "lấy dân làm gốc". Ra sức động viên và tổ chức mọi tầng lớp quần chúng, phối hợp hành động cách mạng.

Sáu là, nhận thức đúng vai trò chiến lược của các huyện miền núi của Bình Định, sớm bám vào đồng bào miền núi, thực hiện tốt chính sách dân tộc, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, biến miền núi thành căn cứ địa cách mạng.

Bảy là, chú trọng xây dựng và phát triển mạnh mẽ hai lực lượng cơ bản là lực lượng chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày nay, phát huy truyền thống cách mạng và "hào khí Tây Sơn", dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, nhân dân Bình Định đã và đang khấn trương bắt tay vào những chiến dịch Đồng khởi trong sản xuất, xây dựng; nhanh chóng vượt qua khó khăn, thử thách, xây dựng Bình Định ngày càng văn minh, giàu đẹp, xứng đáng với tâm vóc và tiềm năng của mình.

BÁC ÁI THỐI BÙNG NGỌN LỬA ĐỒNG KHỞI Ở CỰC NAM TRUNG BỘ

HỒ VĂN HÙNG*

Bác Ái là huyện miền núi phía tây bắc của tỉnh Ninh Thuận, tiếp giáp với huyện Ninh Sơn ở phía nam, phía đông giáp huyện Ninh Hải, quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam, phía tây giáp huyện Đơn Dương, Lạc Dương tỉnh Lâm Đồng, phía bắc giáp huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hoà. Đây là vùng đất kiên trung luôn gắn bó hữu cơ với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, nơi diễn ra biết bao sự kiện, chiến công hào hùng trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, mà một trong những sự kiện đó là cuộc Đồng khởi vào ngày 7-2-1959 đến đầu tháng 4-1959 phá tan các khu tập trung dân của địch, đưa dân trở về núi rừng lập căn cứ kháng chiến là một chiến công chói lọi nhất. Cuộc Đồng khởi đã thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh của nhân dân cực Nam Trung Bộ, nó mãi mãi là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân huyện Bác Ái - Ninh Thuận.

Trước đây, vùng đất Bác Ái có tên gọi là É Lâm, ở giữa có một thung lũng bằng phẳng chạy từ tây nam sang đông bắc, chia É Lâm thành É Lâm thượng và É Lâm hạ, sau này gọi là

* Bí thư Huyện ủy Bác Ái.

Bắc Ái tây và Bắc Ái đông. Bắc Ái nằm cuối dãy Trường Sơn nam, dựa lưng vào Cao nguyên Lâm Viên bao la hùng vĩ, giáp với căn cứ Khánh Sơn, Khánh Vinh của tỉnh Khánh Hoà, từ đây ta có thể tiến quân về phía đông uy hiếp địch ở quân cảng Cam Ranh và sân bay quân sự Thành Sơn - Phan Rang, cắt đứt quốc lộ 1, đường xe lửa Bắc - Nam, tiến về phía nam chặn đứt quốc lộ 11 (nay là quốc lộ 27) lên Cao nguyên Đà Lạt. Địa hình Bắc Ái chủ yếu là núi cao, vực sâu và rừng nguyên sinh, liên hoàn với vùng rừng núi Khánh Hòa và nam Tây Nguyên. Có nhiều ngọn núi cao hiểm trở như Tà Năng, trong núi có nhiều hang động, có thể đóng quân hàng đại đội hoặc lập xưởng vũ khí, cất trữ lương thực, đồng thời có thể bố phòng đánh địch.

Bắc Ái là địa bàn sinh sống lâu đời của các dân tộc thiểu số, chủ yếu là người Raglai, Churu, K'ho, người Raglai chiếm hơn 95% dân số (năm 1954, dân số khoảng gần 12.000 người). Đồng bào các dân tộc đoàn kết xây dựng nên những phong tục, tập quán, văn hoá mang đậm đặc sắc của cộng đồng như Đán Đá, Nhà sàn, Mã la, Cha Py, Khèn bầu, Ná, cùng với các truyền thuyết, sử thi, các làn điệu dân vũ... Cuộc sống của đồng bào chủ yếu dựa vào núi rừng, săn bắt, phát rẫy, v.v.. Họ là những con người yêu thích tự do, có lòng chung thủy son sắt, tính tình cương trực, phóng khoáng, cần cù trong lao động, thật thà, trung thực, chất phát nhưng dưng cảm, bất khuất.

Do vị trí có lợi thế chiến lược về địa lý tự nhiên, quân sự và nhân văn nên từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận đã có chủ trương xây dựng nơi đây thành căn cứ địa vững chắc, để trường kỳ kháng chiến chống quân xâm lược Pháp. Trải qua chín năm kháng chiến chống Pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, quân và dân Bắc Ái đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng với tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết một lòng cùng với quân và dân Ninh Thuận chiến đấu anh dũng, kiên

cường trong điều kiện vô cùng khó khăn gian khổ, xây dựng Bắc Ái thành căn cứ địa vững chắc toàn diện, góp phần cùng quân dân cả nước đánh bại thực dân Pháp xâm lược, buộc Chính phủ Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Giống như tình hình chung ở miền Nam, từ điều kiện có chính quyền, lực lượng vũ trang với phong trào đấu tranh rất mạnh, các lực lượng kháng chiến phải chuyển quân tập kết ra miền Bắc, Bắc Ái trở thành vùng không còn chính quyền cách mạng, không có lực lượng vũ trang, song khí thế cách mạng và lòng thủy chung son sắt của đồng bào hướng về Đảng và Bác Hồ kính yêu vẫn còn nguyên vẹn. Thực hiện mưu đồ xâm lược nước ta, đế quốc Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, chúng phát động chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" lê máy chém đi khắp miền Nam đàn áp phong trào cách mạng. Ở Bắc Ái, địch tung bọn gián điệp giả dạng con buôn luồn sâu vào căn cứ, dụ dỗ đe dọa nhân dân theo chúng. Song được cán bộ tuyên truyền nhân dân đã không nghe theo địch, một lòng ủng hộ cách mạng, hàng hái tham gia phong trào cách mạng địa phương như: học chữ, sản xuất, thanh niên giữ làng.

Tháng 5-1957, chính quyền Diệm đưa ra đạo luật "đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật" công khai đàn áp cách mạng, chúng thực hiện chính sách "Thượng du vận", tập trung đánh phá các căn cứ của ta, dồn ép đồng bào về các khu tập trung ở đồng bằng, biến căn cứ của ta thành vùng trắng, hòng cô lập cán bộ cách mạng với đồng bào, chúng lung sục bắt bớ cán bộ hoạt động bất hợp pháp.

Tháng 8-1957, địch tuyên truyền lôi kéo, dọa dẫm dồn đồng bào ở Phước Chiến và vùng lân cận xuống đồng bằng xây dựng các khu tập trung: Bà Râu, Đồng Dầy, Cà Rôm. Đồng bào đấu tranh, trì hoãn, địch thắng tay đàn áp, tình hình trở nên căng thẳng, ta phải bố trí người già, trẻ con đi chặt cây để xoa

địa tình hình, làm cho địch không lập được các khu tập trung như ý định.

Tháng 8-1958, địch dùng vũ lực cưỡng bức dồn gần 3.000 đồng bào về lập khu tập trung Bà Râu, trong đó có cả một số cán bộ, đảng viên, chưa đạt được mục đích bọn giặc mở trận càn phá hoại hoa màu, đốt nhà cửa của đồng bào nhưng cũng không dồn được hết đồng bào xuống núi, cuộc đấu tranh của quân và dân Bắc Ái rơi vào thời kỳ khó khăn.

Tháng 10-1958, địch tổ chức trận càn dồn trên 5.000 dân ở các xã Phước Thành, Phước Nghĩa, Phước Lâm, Phước Trường về lập khu tập trung Cà Rôm, đồng bào Phước Chiến, Phước Kháng xuống lập khu tập trung Bà Râu, đồng bào Phước Trung xuống lập khu tập trung Đồng Dày; đồng bào Phước Hoà xuống lập khu tập trung Tâm Ngân; đồng bào Phước Thắng, Phước Bình, Phước Tiến xuống lập khu tập trung Suối Luốc. Dân số Bắc Ái lúc này khoảng 12.000, trên thực tế địch chỉ dồn được nửa số đó, phần lớn là ông bà già, trẻ nhỏ, còn thanh niên đã kịp thời lánh nạn bám làng, bám núi sản xuất, bất hợp tác với địch, chờ thời cơ móc nối cán bộ làm cách mạng. Trong các khu tập trung, đồng bào sống rất cực khổ, nhà không đủ để ở, ăn không đủ no lại còn bị kẻ địch hành hạ thậm tệ. Sự tàn bạo của kẻ thù càng nung nấu tinh thần yêu quê hương, palay (thôn, làng), yêu cuộc sống tự do của đồng bào, họ biến đau thương thành lòng căm thù giặc, không chịu khuất phục trước kẻ thù, không chịu để "mất núi rừng ông bà". Đó cũng là động lực tạo nên sức mạnh phi thường để đồng bào bền bỉ kiên trì đấu tranh với nhiều hình thức: hợp pháp, bất hợp pháp; công khai, bán công khai đã thực sự gây khó khăn cho địch. Khi bị dồn về các khu tập trung, dù địch có dùng các mảnh khoé xào quyết để dụ dỗ, hay dùng vũ lực để khuất phục, đồng bào vẫn kiên gan đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh và luôn ở

tư thế sẵn sàng phản kháng. Lửa thử vàng gian nan thử sức, qua quá trình đấu tranh với địch, trình độ giác ngộ cách mạng của đồng bào được nâng lên một bước, cán bộ quần chúng được tôi luyện qua thực tiễn đấu tranh để trưởng thành, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, vững vàng vượt qua thử thách ác liệt. Những âm mưu, thủ đoạn đàn áp hà khắc của địch đã kích động mạnh mẽ lòng căm thù giặc dâng cao trong đồng bào, áp ủ một ngày phá các khu tập trung trở về núi theo cách mạng, bồi đắp tinh thần yêu nước, khát vọng tự do của đồng bào, giữ vững niềm tin và chờ sự lãnh đạo của Đảng nổi dậy phá các khu tập trung của giặc về với rừng núi ông bà. Nhìn chung trên toàn miền, Ninh Thuận là tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, song ở căn cứ Bắc Ái đã hình thành nền móng niềm tin theo Đảng vững chắc, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh cách mạng trong giai đoạn tiếp theo phát triển ở tầm cao mới, quyết liệt hơn. Sống trong ách kìm kẹp của địch ở các khu tập trung nhưng đồng bào bất chấp hiểm nguy vẫn tiếp tế, che giấu cán bộ, lòng căm thù giặc sâu sắc, sẵn sàng chờ đợi và thực hiện sự hướng dẫn của cán bộ cách mạng...

Trước yêu cầu của thực tiễn cách mạng ở Bắc Ái, tháng 3-1958, Liên tỉnh III và Liên khu V chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh theo bản *Đường lối cách mạng miền Nam*: "Tập trung củng cố, xây dựng căn cứ miền núi, tổ chức lực lượng vũ trang bí mật diệt ác để hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị miền núi". "Nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng, ngoài con đường đó không có con đường nào khác".

Thực hiện chủ trương trên, tháng 5-1958, Tỉnh ủy Ninh Thuận tổ chức Hội nghị mở rộng tại xã Phước Thành, Hội nghị quán triệt lại tinh thần *Đường lối cách mạng miền Nam* do

đồng chí Lê Duẩn soạn thảo. Đây là cuộc họp công khai đầu tiên từ khi ta và địch ký kết Hiệp định Giơnevơ. Hội nghị vạch ra những nhiệm vụ trước mắt của căn cứ Bắc Ái và phân công cán bộ theo dõi ổn định tư tưởng cho đồng bào ở các palay (thôn, làng) cảnh giác tránh địch càn quét, bám rẫy, bám làng, củng cố căn cứ dã cò, móc nối dân ở các khu tập trung, thành lập các tổ thanh niên xung kích, thanh niên tự vệ. Tháng 8-1958, Tỉnh ủy Ninh Thuận cho phép huyện Bắc Ái thành lập đội vũ trang gồm 10 thanh niên dân tộc, được trang bị nã và 2 khẩu súng tiểu liên. Cuối năm đó đội vũ trang tăng số lượng lên gấp đôi, ở các xã đều thành lập các đội du kích, làm nhiệm vụ bố phòng, bảo vệ căn cứ. Khí thế đấu tranh vũ trang ở Bắc Ái tăng cao, phong trào cách mạng ở Bắc Ái, bắt đầu phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo thế và lực mới hỗ trợ cho cuộc nổi dậy; Bắc Ái chọn khu tập trung Bà Râu làm thí điểm để lãnh đạo đồng bào phá khu tập trung đưa dân về núi lập căn cứ kháng chiến lâu dài.

Phong trào đấu tranh của đồng bào trong các khu tập trung tiếp tục gây khó khăn cho địch, chúng phát giống cây, trâu bò và tổ chức cho đồng bào làm ăn tập thể, đồng bào phá giống, giết trâu bò; cự tuyệt các mệnh lệnh của địch, sau này cán bộ ta đã hướng dẫn đồng bào xin giống, trâu bò về sản xuất, thanh niên xin làm lính tuấn, bảo vệ khu tập trung, tối đến đốt đuốc đi thám nhau tạo thói quen để địch không nghi ngờ; đến vụ mùa thì thu hoạch đem lúa, bắp về núi cất giấu chờ thời cơ. Qua một thời gian, địch ngộ nhận tưởng đồng bào đã chịu khuất phục ở khu tập trung nên lơ là mất cảnh giác. Thời cơ khởi nghĩa chín muồi.

Nhận thức đây là cuộc Đồng khởi đầu tiên của tỉnh Ninh Thuận, Thường vụ Liên khu ủy đã chỉ đạo đồng chí Lê Văn Hiến - được Liên khu ủy cử về phối hợp với Tỉnh ủy và Huyện ủy Bắc Ái bám sát trực tiếp chỉ đạo công tác chuẩn bị nổi dậy cụ

thể, tỉ mỉ, chu đáo. Các tổ công tác và các huyện ủy viên được phân công bám sát chỉ đạo từng khu tập trung.

Đêm 30 Tết năm Kỷ Hợi (tức đêm 7 rạng ngày 8-2-1959), lợi dụng do Tết địch sơ hở mất cảnh giác, Huyện ủy Bắc Ái phát lệnh phá khu tập trung Bà Râu, gần 3.000 đồng bào các dân tộc đồng loạt nổi dậy phá khu tập trung, rầm rập kéo nhau về "rừng núi ông bà". Do ta chuẩn bị chu đáo, bí mật, bất ngờ và được hỗ trợ của một số binh lính người dân tộc ta đã giác ngộ nên địch không kịp trở tay, khi địch phát hiện thì đồng bào đã đi quá xa, và đêm tối nên địch không dám đuổi theo.

Cuộc Đồng khởi nổi dậy phá khu tập trung Bà Râu thắng lợi đã tác động mạnh mẽ đến đồng bào các khu tập trung Đồng Dày, Tầm Ngân, Cà Rôm và phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc Chiến khu Anh Dũng, miền tây Khánh Hoà. Đồng bào ở các khu tập trung theo gương Bà Râu, không ngừng đấu tranh đòi địch trở về palay cũ sinh sống, làm cho địch chùn tay, ách kìm kẹp tại các khu tập trung bị nổi lỏng. Sau một thời gian ngắn ta chỉ đạo các mũi công tác tiếp tục yểm trợ phát động đồng bào ở các khu tập trung Đồng Dày, Sông Trầu, Cà Rôm nổi dậy đốt phá khu tập trung, kéo nhau về núi theo cách mạng.

Để cứu vãn tình hình, ngày mùng 3 Tết (tức ngày 10-2-1959), địch điều động quân lên núi càn quét dồn, ép đồng bào về lại khu tập trung một lần nữa, đồng bào đánh mô báo tin, tổ chức lẩn trốn; địch đi đến đâu cũng thấy cảnh "vườn không, nhà trống", chúng điên cuồng đốt phá nhà cửa, chặt phá hoa màu, nương rẫy của đồng bào không thương tiếc.

Đầu tháng 4-1959, được sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy và đội công tác miền Tây, gần 4.000 đồng bào miền tây Bắc Ái bị dồn về khu tập trung Tầm Ngân, Suối Luốc đã nổi dậy phá khu tập trung và kéo về núi rừng lập căn cứ kháng chiến.

Như vậy chỉ trong một thời gian ngắn, từ nổi dậy lẻ tẻ đến nổi dậy đồng loạt, quân dân Bắc Ái đã tạo thành một làn sóng Đồng khởi nổi dậy trên khắp các khu tập trung, đưa trên 9.000 đồng bào thoát khỏi sự kìm kẹp của kẻ thù. Thực chất đây là cuộc nổi dậy mang tính chất bạo lực chính trị của quần chúng nhân dân chống lại bạo lực phản cách mạng của địch. Thắng lợi của cuộc nổi dậy đánh dấu sự phá sản của chính sách dồn dân, lập ấp chiến lược của địch. Đồng thời khẳng định đó là một chiến công đặc sắc mà Đảng bộ và nhân dân Bắc Ái đã làm được trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cuộc nổi dậy của quân và dân Bắc Ái thắng lợi nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa Đồng khởi lan rộng khắp vùng cực Nam Trung Bộ, tạo làn sóng chống địch dồn dân lập ấp của đồng bào khắp miền trở nên quyết liệt, dồn dập. Tháng 5-1959, Liên tỉnh III tổ chức rút kinh nghiệm phong trào Đồng khởi của Bắc Ái, để phổ biến rộng rãi cho các tỉnh cực Nam Trung Bộ. Hội nghị đề ra chủ trương chống địch càn quét, dồn dân trở lại khu tập trung, chỉ đạo sản xuất, ổn định cuộc sống. Hội nghị phổ biến tóm tắt tinh thần Nghị quyết 15 của Trung ương "về cách mạng miền Nam".

Bị thất bại nặng nề nhưng với dã tâm của kẻ xâm lược, địch không từ bỏ âm mưu dồn dân lập ấp, càn quét xúc dân trở lại các khu tập trung lần nữa. Tháng 9-1959, địch mở cuộc càn "Tây Khánh - Bắc Ninh" tức là phía tây tỉnh Khánh Hoà, phía bắc tỉnh Ninh Thuận, với lực lượng hai trung đoàn cộng hoà (Sư đoàn 23) và lực lượng bảo an địa phương, quân số hơn 2.000 tên được trang bị vũ khí hiện đại, tập trung đánh vào huyện căn cứ Bắc Ái theo bốn hướng: Du Long, Bà Râu, Mỹ Hiệp, Tầm Ngán, địch càn quét liên tục hơn một tháng với âm mưu đốt sạch, giết sạch, phá sạch, xóa bỏ căn cứ Bắc Ái, dồn bồng được số dân về các khu tập trung. Để kịp thời lãnh đạo

quần chúng chống lại cuộc càn quét đó, Huyện ủy tổ chức Hội nghị quán triệt nhiệm vụ "Xây dựng căn cứ vững mạnh"; chống địch dồn dân lập ấp, đồng thời học tập Nghị quyết 15 của Trung ương "về cách mạng miền Nam", được Nghị quyết tiếp thêm sức mạnh, quân và dân Bắc Ái đã đoàn kết, anh dũng chiến đấu đập tan cuộc càn quét này, tiêu diệt trên 130 tên giặc, làm tan rã trung đoàn địch. Đây là chiến công đầu tiên của đường lối đấu tranh bạo lực chính trị kết hợp với bạo lực vũ trang cách mạng.

Âm mưu dồn dân về đồng bằng thất bại, địch chuyển qua dồn dân, lập ấp tại chỗ, tháng 10-1959 địch huy động tổng lực xây dựng hai đồn quân sự ở Tà Lú (xã Phước Đại), Ma Ty (xã Phước Nghĩa), tháng 4-1960 địch đóng thêm đồn Đâu Suối (xã Phước Chiến). Mỗi đồn do một đại đội tinh nhuệ chốt giữ, chúng còn dùng vũ lực dồn hơn 2.000 đồng bào về lập khu dân cư ở quanh đồn làm vành đai bảo vệ chúng. Địch kiểm soát gắt gao, đồng bào rên xiết trong vòng vây quân thù. Để giải phóng đồng bào khỏi sự cai quản hà khắc của giặc, trở về với "núi rừng ông bà" theo cách mạng đánh giặc, tháng 8-1960, Liên tỉnh III có chủ trương đánh tiêu diệt hai đồn Tà Lú, Ma Ty. Sau thời gian điều tra, nghiên cứu rất kỹ, để khi tấn công không làm thương vong đồng bào, hỗ trợ đồng bào phá khu tập trung trở về làng cũ, đêm ngày 28-8 rạng ngày 29-8-1960, lực lượng vũ trang Liên tỉnh III phối hợp với du kích Bắc Ái bất ngờ tiến công địch, tiêu diệt hai đại đội địch, hỗ trợ 2.000 đồng bào phá khu tập trung về núi an toàn. Cuộc tiến công phá đồn địch giành thắng lợi làm cho quân địch ở đồn Đâu Suối (Phước Chiến) rất hoảng sợ và tự tan rã, căn cứ Bắc Ái từ miền Tây sang miền Đông hoàn toàn được giải phóng, đi vào đấu tranh công khai, hợp pháp với địch. Bắc Ái trở thành huyện đầu tiên của vùng cực Nam Trung Bộ được hoàn toàn giải phóng.

Cuộc khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc huyện Bắc Ái giai đoạn 1959-1960 là cuộc đấu tranh khốc liệt, cam go nhưng kết thúc thắng lợi vẻ vang. Thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng ở Bắc Ái đã thổi bùng lên ngọn lửa Đồng khởi ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ. Phát huy tinh thần Bắc Ái, ở Bình Thuận lực lượng vũ trang đã tấn công giải phóng khu tập trung Bắc Ruộng, chi khu Hoài Đức vào ngày 31-7-1960, giải phóng 5.000 dân đưa về vùng căn cứ tổ chức kháng chiến; tháng 9-1960, lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa cùng một bộ phận lực lượng Liên tỉnh III phối hợp diệt đồn Thác Trại - Gia Lê, hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá các khu tập trung ở đây, giải phóng 5.000 đồng bào dân tộc trở về núi rừng. Tháng 11-1960, lực lượng vũ trang tỉnh phá khu tập trung Cây Dầu, giải phóng các vùng Tà Lương, Suối Hai. Toàn bộ vùng giải phóng miền núi Khánh Hòa lên đến 15.000 dân.

Cuộc đấu tranh khởi nghĩa ở Bắc Ái thành công trước hết là nhờ có đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng bộ Bắc Ái, đồng thời phản ánh khát vọng độc lập, tự do của nhân dân các dân tộc. Cuộc Đồng khởi Bắc Ái chính là thực hiện sinh động Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ở một huyện miền núi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, thể hiện sự đoàn kết dân tộc trong chiến tranh ác liệt, làm nên chiến thắng vẻ vang. Cuộc Đồng khởi nổi dậy của Bắc Ái thực chất là một cuộc khởi nghĩa, Đồng khởi đi đầu trong phong trào nổi dậy, khởi nghĩa ở miền Nam những năm 1959-1960 "Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 đến với đồng bào miền Nam như nắng hạn gặp mưa rào. Nhiều nơi do tình hình quá bức xúc, mới chỉ nghe sơ qua tinh thần của Nghị quyết, được tin Trung ương cho phép đấu tranh vũ trang (chưa có văn bản chính thức) các đảng bộ đã kịp thời phát động khởi nghĩa. Đầu tiên là các trận đánh của lực lượng vũ trang và tự vệ vào một số

quận lỵ của địch ở Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Đồng Tháp, đến các cuộc nổi dậy của nhân dân phá khu đồn Bắc Ái (Ninh Thuận) cướp chính quyền ở Trà Bồng (Quảng Ngãi). Miền Nam trên thực tế đã ở trong quá trình khởi nghĩa từng phần từ giữa năm 1959"¹.

Cuộc nổi dậy phá khu đồn Bắc Ái (Ninh Thuận) là một sự kiện điển hình trong quá trình khởi nghĩa từng phần ở miền Nam từ giữa năm 1959. Bắc Ái vận dụng hình thức tiến công địch bằng bạo lực chính trị của nhân dân, kết hợp binh, tế vận thực hành những cuộc nổi dậy phá các khu tập trung, giải phóng nhân dân trong huyện khỏi ách kìm kẹp của kẻ thù. Đây là mô hình đấu tranh độc đáo, ít thấy trong phong trào khởi nghĩa ở miền Nam. Thắng lợi trên còn thể hiện ý chí quyết tâm, vượt qua hy sinh gian khổ của cán bộ, chiến sĩ và sự hy sinh bền bỉ, kiên gan với tinh thần "một tác không đi, một ly không rời" của đồng bào các dân tộc ở Bắc Ái dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những bài học thắng lợi trên, là những kinh nghiệm quý báu để Đảng bộ và các dân tộc trong huyện tiếp tục vững bước trong những năm đấu tranh chống Mỹ, cứu nước gian khổ tiếp theo.

Phát huy thắng lợi của cuộc Đồng khởi, Đảng bộ, quân và dân huyện Bắc Ái đã củng cố xây dựng căn cứ vững mạnh, toàn diện, đánh thắng nhiều trận căn cứ quy mô và ác liệt của địch bảo vệ căn cứ mà điển hình là trận đánh bằng bẫy đá của Anh hùng Pì Năng Tác năm 1961 trên đèo Gia Túc (Phước Bình) tiêu diệt trên 100 quân nguy, làm tan rã một tiểu đoàn địch. Bắc Ái trở thành điểm tựa về tinh thần, lực lượng cho cuộc

1. Ban Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) - Thắng lợi và bài học*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.147.

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần giải phóng Ninh Thuận, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Với nhiều chiến công mà điển hình là chiến công Đồng khởi, Bác Ái có 10 tập thể, 4 cá nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ngày nay, trên mảnh đất Bác Ái kiên trung đang ngày một khởi sắc, kết cấu hạ tầng ngày một khang trang, đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân ngày một cải thiện. Phát huy truyền thống cách mạng của các thế hệ cha ông, Đảng bộ, quân và nhân dân các dân tộc huyện Bác Ái đoàn kết một lòng, ra sức xây dựng quê hương giàu đẹp, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, tập trung xoá đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, xây dựng Bác Ái vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

BỨC XÚC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI DỒN NÉN DẪN ĐẾN CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỔNG (8-1959)

PGS, TS. ĐINH THU CÚC*

1. Một cuộc tổng tuyển cử như mong đợi đã không diễn ra nhưng lại diễn ra liên miên các cuộc khủng bố của chính quyền Ngô Đình Diệm

Những ai quan tâm đến miền Nam Việt Nam những năm đầu sau khi Hiệp định Giơnevơ có hiệu lực đều nhận thấy tình hình là: từng bước, từng bước một, đế quốc Mỹ cùng hệ thống chính quyền thân Mỹ ở miền Nam đã thế chân được thực dân Pháp. Với tư cách là một bên thi hành Hiệp định Giơnevơ, Pháp đã lẩn tránh trách nhiệm và để mất dần vai trò ở miền Nam Việt Nam. Các thế lực chính trị thân Pháp đã bị quân đội của Ngô Đình Diệm đập vỡ từng mảng, dần tan rã và hầu như bị tiêu diệt hẳn. Đến thời điểm lẽ ra phải tổ chức tổng tuyển cử (7-1956) thì về cơ bản chính quyền Ngô Đình Diệm thân Mỹ đã nắm được toàn bộ miền Nam.

Về phía mình, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nhân dân Việt Nam tỏ rõ thiện chí, nghiêm chỉnh thực hiện

* Viện Sử học - Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Bài viết in trong sách *Khởi nghĩa Trà Bông và miền tây Quảng Ngãi - Sự kiện và ý nghĩa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009.

Hiệp định. Ngày 31-7-1954, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chỉ thị:

"Mục tiêu đấu tranh của ta hiện nay là phản đối âm mưu phá hoại đình chiến của đế quốc Mỹ, hiếu chiến Pháp và chống những hành động phá hoại đình chiến của bọn Việt gian tay sai của Mỹ và hiếu chiến Pháp... nhưng không được dùng vũ lực hoặc tổ chức những cuộc mít tinh, biểu tình rầm rộ vì như thế sẽ dễ xảy ra xung đột, bọn phá hoại sẽ nhân cơ hội đó khiêu khích, làm trở ngại cho việc thực hiện đình chiến"¹.

Phía ta chủ trương không bộc lộ mà bảo tồn lực lượng, chỉ tiến hành đấu tranh chính trị đòi thực hiện Hiệp định Giơnevơ, yêu cầu tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Người Mỹ nhận xét: "Từ năm 1954 đến năm 1956, Nam Việt Nam tương đối yên ổn vì cán bộ cộng sản được bố trí ở lại miền Nam chỉ chú tâm đến "đấu tranh chính trị"².

Trong khi đó, phía đối phương ngang nhiên tráo trở, trắng trợn phá hoại Hiệp định. Trước hết, chính quyền Ngô Đình Diệm mở chiến dịch thanh trừng, tiêu diệt về cơ bản lực lượng vũ trang của các giáo phái và tổ chức chính trị mà họ thấy trước là không thể hợp tác được. Bằng nhiều thủ đoạn vừa thâm độc, tinh vi, vừa dã man, chính quyền Ngô Đình Diệm gạt bỏ dần được các phe phái đối lập ra khỏi bộ máy chính quyền. Tiếp đến là tiêu diệt các lực lượng yêu nước ở miền Nam. "Diệt cộng" được coi là "quốc sách" của chính quyền Diệm. Một bộ máy kìm kẹp, cài dây đặc mạng lưới mật thám, được thiết lập từ cơ sở đến trung ương, đúng như nhận xét trong báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.15, tr.251-252.

2. Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Tlđđ*, t.1, tr.75.

Việt Nam lần thứ 15: Chính quyền Mỹ - Diệm được duy trì trên một chế độ cảnh sát và mật thám¹.

Song song với việc xây dựng các hệ thống đồn bốt, chính quyền Ngô Đình Diệm thành lập các khu dinh điền, dồn dân vào đó để dễ kiểm soát, nhằm tách rời dân với lực lượng cách mạng. Họ nuôi dưỡng, khuyến khích những phần tử từng có mối thù với cách mạng và những phần tử lưu manh cộng tác trong việc chỉ điểm và giết hại những người yêu nước. Họ thực thi chính sách chia rẽ, gây hận thù giữa đồng bào các dân tộc, tìm cách tạo mối nghi kỵ trong nhân dân, mua chuộc những người nhẹ dạ cả tin, những người ham muốn quyền lực và tiền bạc.

Quân đội của Ngô Đình Diệm liên tiếp mở các chiến dịch khủng bố trên khắp miền Nam. Trọng điểm cần quét là những vùng căn cứ kháng chiến cũ, những vùng tự do trong kháng chiến. Các tỉnh Trung Bộ được chọn làm vùng thí điểm đánh phá ngay từ đầu năm 1955. Có thể kể một số chiến dịch khủng bố tiêu biểu của Diệm ở Trung Bộ như Chiến dịch Phan Châu Trinh (2-1955) tập trung chủ yếu đánh phá Quảng Ngãi, Chiến dịch Giải Phóng (4-1955) đánh phá Bình Định và Quảng Ngãi, Chiến dịch Trịnh Minh Thế (5-1955) đánh rộng ra toàn bộ các tỉnh ở Khu V, v.v..

Không chỉ những người kháng chiến cũ, những người cộng sản nằm vùng, mà rất nhiều người chỉ mới bị nghi cũng bị chúng giết hại một cách dã man theo phương châm "giết nhầm còn hơn bỏ sót"! Cơ sở đảng, cơ sở cách mạng bị thiệt hại nghiêm trọng. Một số thống kê (chắc chắn là chưa đầy đủ) cho thấy mức độ tổn thất ghê gớm của phong trào cách mạng miền Nam từ năm 1955 đến năm 1958: khoảng 68.000 đảng viên, cán

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.20 tr.1-56.

bộ bị giết; khoảng 466.000 người bị bắt, nhiều người bị thương tật; khoảng 400.000 người bị giam giữ trong các nhà tù. Ở các tỉnh Khu V, cấp ủy xã có khoảng 70%, cấp ủy huyện có khoảng 60%, cấp ủy tỉnh có khoảng 40% cán bộ bị bắt và phần lớn trong số họ đã bị giết hại. Nhiều huyện ở đồng bằng các cơ sở đảng gần như bị xóa sạch¹. Tại Quảng Ngãi, các đơn vị lính Chính phủ và các đơn vị lính người dân tộc H'rê (khoảng hơn 1.000 người) được chính quyền Diệm tổ chức, huấn luyện, cùng hợp sức đánh phá các vùng người Kinh sinh sống, sau đó đánh lấn lên cả các vùng cao Trà Bồng, bắt bớ, giết hại dân lành, không kể là người dân tộc nào.

2. Bước xúc chính trị - xã hội dồn nén dẫn đến khởi nghĩa Trà Bồng (8-1959)

Một không khí đau thương, uất ức và nghẹt thở bao trùm lên đời sống các tầng lớp nhân dân. Tại các vùng cao thuộc các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Ninh Thuận, nơi cộng đồng dân cư bao gồm nhiều dân tộc sinh sống, đồng bào đã không thể chịu đựng nổi chính sách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm. Mọi sinh hoạt dân chủ đều bị bóp nghẹt. Chính quyền Diệm kiểm soát từng người, từng gia đình, theo dõi họ từ cách ăn mặc đến lời nói, đến hành vi và bất cứ lúc nào cũng có thể bắt bớ, giam cầm bất cứ một người dân nào thấy có dấu hiệu nghi ngờ. Hầu như hằng ngày đồng bào (dân tộc Kinh, Xơ Đăng, H'rê, Êđê, Chăm, Gia Rai, Mơnông, Cor, Cờho, Xtiêng, v.v.) phải chứng kiến các vụ bắt bớ, thẩm sát man rợ. Đây là những năm đen tối, đau thương, mất mát đến tột cùng, khó có bút mực nào diễn tả hết được.

1. Xem Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1991, tr.31.

Phong trào nổi dậy phá khu đồn dân, chống địch càn quét, diệt ác ôn, giành quyền làm chủ của nhân dân... diễn ra rải rác và bắt đầu phát triển mạnh ở một số vùng miền núi Khu V từ đầu năm 1959. Cuộc nổi dậy ở hai xã Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định ngày 6-2-1959 có 11 làng tham gia, đồng bào dân tộc kéo vào rừng sâu lập làng chiến đấu chống Mỹ - Diệm. Ngày 7-2-1959, nhân dân nhiều nơi ở huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận nổi dậy phá khu tập trung, kéo về căn cứ, v.v..

Tại Quảng Ngãi, quá trình vừa tìm cách bảo toàn, củng cố lực lượng, vừa xây dựng thêm để có thể chuyển phương thức đấu tranh khi tình thế đòi hỏi và cho phép, đã được các cấp ủy đảng chuẩn bị một cách âm thầm nhưng ráo riết. Riêng vị thế của Trà Bồng và miền tây tỉnh Quảng Ngãi, cả về phương diện căn cứ địa cũng như về truyền thống yêu nước, cách mạng trong các giai đoạn trước, đã cho phép những người lãnh đạo phong trào chống Mỹ - Diệm có thể nghĩ đến việc động viên quần chúng làm "một điều gì đó" để xoay chuyển tình hình.

Việc xuất hiện lên tiếp các nhóm vũ trang tự vệ¹, và các nhóm này giúp quần chúng nổi dậy phá khu tập trung thắng lợi, đã tiếp thêm sức mạnh và lòng tin vào cách mạng cho đồng bào các dân tộc. Tình thế cho thấy phương thức "ứng xử" theo kiểu tránh xung đột rõ ràng đã không còn thích hợp nữa. Tinh thần cuộc *Đại hội nhân dân các dân tộc Trà Bồng* (khai mạc ngày 7-7-1958, diễn ra trong bốn ngày tại Gò Rô, xã Trà Phong, có trên 200 đại biểu tham dự) với lời kêu gọi tích cực chuẩn bị lực lượng vũ trang, sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền, luôn luôn được nhắc đến. Ngày 3-3-1959, tại xã Trà Thọ, huyện Trà Bồng, đơn vị lực lượng vũ trang đầu tiên của Quảng Ngãi ra đời (mang tên

1. Như các nhóm ở Vạt Quýt, Phó Nĩa (Sơn Hà), nhóm Lang, nhóm Cả Truôm (Trà Bồng), nhóm Hoi (Ba Tơ), v.v..

đơn vị 339, trùng chữ cuối của ngày, tháng, năm thành lập), gồm 43 cán bộ và chiến sĩ, phần đông là người dân tộc Cor. Tiếp sau đơn vị 339 còn có hai đơn vị nữa được thành lập là đơn vị 89 và đơn vị 229. Từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương thì không khí chuẩn bị hành động càng khẩn trương.

Có thể nói, vào thời điểm cuối Hè, đầu Thu năm 1959, trên cơ sở có sự chuẩn bị ở một mức độ nhất định về tổ chức và lực lượng vũ trang, cuộc sống ngọt ngào đến mức đỉnh điểm của các tầng lớp nhân dân các dân tộc ở Quảng Ngãi là điều kiện thuận lợi để cho một thái độ quyết đoán, chủ động của những người lãnh đạo ở Quảng Ngãi thể hiện. Thái độ chủ động, quyết đoán này cho đến nay, sau nửa thế kỷ, vẫn còn là "đề tài" được bàn đến. Điều chúng ta muốn nói ở đây là, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở huyện Trà Bồng ngày 28-8-1959 đã làm tê liệt bộ máy chính quyền địch, giải phóng 16 xã của huyện Trà Bồng và sau đó ảnh hưởng của nó lan rộng ra miền tây Quảng Ngãi, và còn lan xa hơn nữa, chính là sự "cởi nút" cho những bức xúc về chính trị - xã hội của đồng bào các dân tộc ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi trong những năm đầu sống dưới ách thống trị tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Cuộc khởi nghĩa này như một sự thức tỉnh và góp phần *hướng đồng bào vào những cuộc đấu tranh mới, theo phương thức mới*, ngày càng quyết liệt hơn, nhằm mục tiêu quét sạch đế quốc Mỹ xâm lược, lật đổ các chính quyền tay sai của Mỹ, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân trên toàn miền Nam.

CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI - NGỌN CỜ ĐẦU, MỘT ĐIỂN HÌNH SÁNG TẠO VỀ SỬ DỤNG PHƯƠNG THỨC BẠO LỰC TRONG CAO TRÀO KHỞI NGHĨA TỪNG PHẦN Ở MIỀN NAM (1959-1960)

PGS, NGND. LÊ MẬU HẪN*

1. Phong trào Đồng khởi - những cuộc khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ ở cơ sở lần lượt nổ ra ở nhiều vùng rừng núi Nam Trung Bộ và đồng bằng Nam Bộ năm 1959-1960 đã đánh dấu một bước phát triển lịch sử nhảy vọt, chuyển cách mạng miền Nam sang tiến công.

Từ tháng 7-1954 trở đi, trải qua những năm tháng đấu tranh chính trị quyết liệt, bằng tay không chống lại bạo lực cực kỳ man rợ của đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, nhân dân yêu nước ở miền Nam càng có cơ sở thực tiễn để nhận thức bức thiết rằng muốn bảo vệ được quyền sống, quyền tự do, quyền làm chủ, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng. Đó là con đường cứu nước và

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Bài viết in trong sách *Khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi - Sự kiện và ý nghĩa*, Sdd, 2009.

tự cứu mình. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam nhằm mục đích "đánh đổ chính quyền độc tài, phát xít Mỹ - Diệm, thực hiện một chính quyền liên hiệp dân chủ có tính chất dân tộc độc lập, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc và phong kiến độc tài phát xít Mỹ - Diệm để cùng với toàn quốc thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc"¹. Để tiến lên thực hiện mục đích đó, nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng ở các địa phương đã dùng các hình thức đấu tranh thích hợp, đi từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ và khi tình thế cách mạng xuất hiện đã nổi dậy giành quyền làm chủ từng bộ phận, tạo lực, tạo thế để tiến lên đấu tranh bằng phương thức khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng.

Tháng 6-1956, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chỉ rõ, lúc bấy giờ hình thức đấu tranh của nhân dân ta trong toàn quốc là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang, song không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm. Bộ Chính trị chủ trương: "Cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa. Đồng thời xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện cần bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang"².

Theo chủ trương trên của Bộ Chính trị, căn cứ vào tình hình khách quan và chủ quan của các địa phương ở miền Nam, bên cạnh việc xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng, các đảng bộ đã tích cực vượt qua mọi khó khăn gian khổ để xây dựng các đơn vị vũ trang, xây dựng căn cứ cách mạng và tiến hành đấu tranh vũ trang cần thiết khi có điều kiện.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr.787, 228.

Ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ, lực lượng vũ trang cách mạng được tổ chức ở những địa bàn trọng yếu để bảo vệ các cơ quan lãnh đạo cách mạng của địa phương. Và vào khoảng năm 1958, Liên khu V đã ra sức xây dựng căn cứ cách mạng ở miền núi các tỉnh ven biển và ở vùng Tây Nguyên. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang lần lượt được thành lập và bước đầu kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang chống lại chính sách gom dân lập ấp, phá khu tập trung của Mỹ - Diệm, để nhân dân trở về quê hương giữ quyền làm chủ buôn làng của mình.

Ở vùng rừng núi miền Nam Trung Bộ, phong trào nổi dậy của nhân dân giành quyền làm chủ buôn làng ở các mức độ khác nhau đã diễn ra ở nhiều nơi. Đó là cuộc nổi dậy của nhân dân các dân tộc Raglai, Chu Ru (Bắc Ái); của nhân dân làng Tà Lóc, Tà Lét, Hà Ri (Vĩnh Thạnh); nhân dân Chăm và Hrê (Thổ Lô).

Các cuộc nổi dậy diệt ác, phá khu tập trung kéo về buôn làng cũ, tổ chức rào làng chiến đấu chống trả các cuộc bao vây, càn quét của địch, giữ quyền làm chủ của nhân dân Bắc Ái, Tà Lóc, Tà Lét, Hà Ri, Thổ Lô... là những đóm lửa đầu tiên trong phong trào nổi dậy giành quyền để làm chủ từng phần nhỏ ở miền rừng núi Trường Sơn thuộc các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, góp phần tạo tiền đề cho cuộc khởi nghĩa từng phần rộng lớn về sau ở đây.

Trong phong trào nổi dậy giành quyền làm chủ của nhân dân Nam Trung Bộ, cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng và các huyện ở miền tây Quảng Ngãi là tiêu biểu nhất.

Quảng Ngãi là một tỉnh có truyền thống cách mạng rất kiên cường. Miền tây Quảng Ngãi là một địa bàn chiến lược trọng yếu của tỉnh và cũng là nơi kẻ thù tập trung lực lượng đánh phá ác liệt. Do nhu cầu bức thiết của phong trào, bên cạnh lực lượng quần chúng, lãnh đạo Đảng ở địa phương đã sớm xây dựng lực lượng vũ trang dưới các hình thức tổ chức khác nhau ở cơ sở và

tiến lên thành lập các đơn vị vũ trang tập trung. Tháng 3-1959, đơn vị vũ trang tập trung có khoảng 40 chiến sĩ, trong đó phần lớn chiến sĩ là người Cor đã ra đời và các đơn vị khác cũng tiếp tục được thành lập về sau.

Vào giữa năm 1959, ở miền tây Quảng Ngãi, mà trung tâm là Trà Bồng đã có một thực lực cách mạng bao gồm lực lượng chính trị quần chúng có lực lượng vũ trang tập trung làm nòng cốt do Đảng bộ địa phương tổ chức và lãnh đạo đã trải qua một quá trình rèn luyện trong đấu tranh, quyết tâm chiến đấu để giành và giữ quyền làm chủ quê hương.

Cuối tháng 8-1959, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Trà Bồng có lực lượng du kích làm nòng cốt, đặc biệt có đội vũ trang tập trung 339 hỗ trợ, phối hợp đã nổi dậy, xóa bỏ bộ máy chính quyền của Mỹ - Diệm ở cơ sở, trừng trị bọn ác ôn, lập chính quyền cách mạng trong nhiều thôn, xã. Từ Trà Bồng, phong trào khởi nghĩa đã nhanh chóng nổ ra ở các huyện Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ. Các uỷ ban tự quản của nhân dân được thành lập để thay thế bộ máy chính quyền của Mỹ - Diệm đã bị quần chúng xóa bỏ.

2. Từ thực tiễn của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện ở miền tây Quảng Ngãi giúp chúng ta nhận diện một số vấn đề sau:

- Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ... là những huyện ở miền tây Quảng Ngãi, một địa bàn quan trọng, vùng căn cứ miền Tây của tỉnh, nhân dân có truyền thống cách mạng, sớm xây dựng thực lực cách mạng của quần chúng bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, đã trải qua cuộc chiến tranh gian khổ chống lại âm mưu tàn sát, khủng bố của kẻ thù, có quyết tâm chống lại chính quyền của Mỹ - Diệm, giành lại quyền làm chủ buôn làng, giành lại độc lập, tự do. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng ở đây nổ ra sớm, có quy mô tương đối lớn trên địa bàn một số tỉnh, giành thắng lợi và tiếp tục

bảo vệ quyền làm chủ của mình diễn ra trong một tình thế chung của cuộc khởi nghĩa từng phần đã được chuẩn bị và nhen nhóm ở nhiều địa phương, dẫn đến cao trào Đồng khởi năm 1959-1960. Vì vậy, kẻ thù không thể tập trung lực lượng để đàn áp cuộc khởi nghĩa Trà Bồng được. Nói một cách khác, cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng không diễn ra riêng lẻ, cô lập, mà diễn ra trong xu thế cao trào Đồng khởi đang bùng phát trên nhiều vùng rộng lớn ở miền Nam. Hơn thế nữa, cuộc khởi nghĩa được chuẩn bị và nổ ra theo đúng phương hướng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được đề cập trong nhiều văn kiện quan trọng như Nghị quyết của Bộ Chính trị từ tháng 6-1956, *Đường lối cách mạng miền Nam* tháng 8-1956, Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1-1959 và nhiều ý kiến chỉ đạo khác của Bộ Chính trị, v.v.. Xét về mặt lãnh đạo, đây là yếu tố quyết định thành công của khởi nghĩa Trà Bồng tháng 8-1959 và sự phát triển của cuộc khởi nghĩa thành chiến tranh cách mạng trong thời kỳ 1961-1965.

- Muốn cho cách mạng có thể nổ ra thắng lợi phải có tình thế cách mạng. Tình thế cách mạng bao giờ cũng là sản phẩm của sự kết hợp các nhân tố khách quan và chủ quan.

Từ năm 1954 trở đi, mặc dù đã dùng chiêu bài "độc lập", "dân chủ", "cộng hoà", "nhân vị" với các biện pháp chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá của chủ nghĩa thực dân mới, song Mỹ - Diệm không thể lừa bịp được nhân dân miền Nam. Vì thế chúng đã dùng đến bạo lực phản cách mạng để thống trị nhân dân miền Nam. Năm 1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh, huy động hàng sư đoàn quân mở các cuộc càn quét vào các vùng căn cứ cách mạng ở Nam Bộ, miền tây Khu V, Tây Nguyên; ban hành Luật 10/59, lê máy chém đi khắp miền Nam để chặt đầu những người cách mạng. Điều này nói lên rằng chế độ chính trị hà khắc của Mỹ - Diệm ở

miền Nam không thể tồn tại được nữa. Đây là một thất bại cơ bản về chính trị của chế độ thực dân mới của Mỹ - Diệm ở miền Nam. Trong khi đó, cuộc đấu tranh anh dũng và kiên cường của nhân dân miền Nam trong suốt 5 năm liền đã tạo nên một lực lượng cách mạng hùng hậu ở cả nông thôn, miền núi và đô thị, đang dựng đầu quyết liệt với chế độ Mỹ - Diệm, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Quần chúng đã sục sôi muốn đứng lên chống lại ách thống trị của Mỹ - Diệm để giành quyền làm chủ. Điều đó chứng tỏ quần chúng bên dưới không tiếp tục sống như trước được nữa. Đây chính là lúc khởi nghĩa nổ ra có thể thắng lợi. Trong điều kiện đó, Trà Bồng đã kết hợp thời cơ, chủ động và kiên quyết tấn công và tiến công dồn dập, từ Trà Bồng đã mở rộng đến các huyện Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ làm chủ cuộc khởi nghĩa có quy mô tương đối lớn, có thế trận vững mạnh và thắng lợi lớn, trở thành ngọn cờ đầu thắng lợi của phong trào khởi nghĩa từng phần năm 1959-1960.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi trong cao trào Đồng khởi năm 1959-1960 là một bước phát triển cao và quyết liệt của nhân dân ta để giành quyền làm chủ. Trong bối cảnh chủ nghĩa thực dân Mỹ thực thi ở miền Nam đã thất bại cơ bản về chính trị, song bộ máy quân sự của chúng có một đội quân lớn gồm hàng chục vạn người. Vì thế, việc giành quyền làm chủ ở miền núi, nông thôn - nơi địch có nhiều sơ hở và yếu song nhất thiết phải dùng bạo lực cách mạng mới đánh bại chính quyền thống trị của kẻ thù. Bạo lực cách mạng để lật đổ kẻ thù nhất thiết phải là bạo lực của quần chúng, phải kết hợp sử dụng lực lượng chính trị quần chúng với lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự ở những mức độ khác nhau. Đồng chí Lê Duẩn nói: "Một phương pháp nào đó có khả năng sáng tạo và tổ chức nên các hình thức bạo lực thích hợp nhất với hoàn cảnh cụ thể, cho phép huy động đến mức cao nhất sức mạnh của quần chúng tiến công vào giai cấp thống trị,

đem lại thắng lợi cho cách mạng trong những điều kiện có lợi nhất, thì đó là phương pháp tốt nhất, cách mạng nhất"¹.

Thực tiễn khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi cho thấy nét nổi bật ở đây là sự kết hợp giữa lực lượng chính trị của quần chúng với lực lượng vũ trang tập trung, kết hợp cuộc tấn công quân sự của lực lượng vũ trang và sự nổi dậy của quần chúng để xóa bỏ chính quyền cơ sở của địch, tiêu diệt một số lực lượng vũ trang, vây đồn buộc địch phải rút chạy; thành lập chính quyền cách mạng và tiếp tục phát huy thành quả của khởi nghĩa. Đây là một trong ba điển hình về sử dụng các hình thức bạo lực cách mạng trong Đồng khởi ở miền Nam năm 1959-1960 so với cuộc Đồng khởi ở Bến Tre, khởi nghĩa ở Tây Ninh, Đồng Tháp, Kon Tum, v.v..

Tóm lại, nhìn qua tiến trình Đồng khởi thì khởi nghĩa ở Trà Bồng và các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ ở Quảng Ngãi thực sự là ngọn cờ đầu của một cuộc khởi nghĩa từng phần sớm nổ ra ở quy mô tương đối lớn, được chuẩn bị sẵn sàng, nổ ra đúng thời cơ và sáng tạo trong việc sử dụng kết hợp các hình thức bạo lực cách mạng phù hợp với thực tiễn trên địa bàn miền tây của tỉnh. Sự sáng tạo của cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng, của các huyện miền tây Quảng Ngãi đã góp phần làm phong phú thêm về phương thức và nghệ thuật khởi nghĩa từng phần ở cơ sở của một dân tộc vùng lên chống lại chính quyền thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Sđđ, tr.49.

TÂM VÓC CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỔNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN TA Ở MIỀN NAM

Đại tá NGUYỄN VĂN MINH*

Bốn mươi lăm năm trước, vào ngày 28-8-1959, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi bùng nổ, đánh một đòn chí mạng vào chính quyền tay sai Mỹ không chỉ riêng ở Quảng Ngãi mà cả miền Nam Việt Nam. Sự kiện này như là hồi chuông báo trước cơn bão táp cách mạng của nhân dân miền Nam nhất định sẽ nổ ra.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi nổ ra trong bối cảnh phong trào cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu bằng các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng", Luật 10/59 và bằng những trận càn quét, khủng bố liên miên của quân đội, cảnh sát chính quyền Sài Gòn. Các cơ sở cách mạng bị địch phá hoại làm cho một số cán bộ, đảng viên và quần chúng hoang mang, dao động, trong khi đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam chưa được xác định rõ ràng và cụ thể. Cán bộ, đảng

* Nguyên Chủ nhiệm Bộ môn Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. Bài viết in trong sách *Khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi - Sự kiện và ý nghĩa*, Sđd, 2009.

viên, quần chúng bị áp bức cùng cực muốn vùng lên đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai, nhưng không tìm được lối đi, lại sợ cấp trên phê bình, bắt tội. Trên thế giới, các nước xã hội chủ nghĩa đang thực thi con đường cùng tồn tại hòa bình, giữ cách mạng trong thế thủ. Liên Xô, Trung Quốc lại bất đồng về đường lối, mâu thuẫn phát sinh ngày càng gay gắt giữa hai nước lớn. Họ khuyên ta nên thi đua xây dựng hòa bình giữa hai miền, chờ đợi thời cơ... có thể nói đây là thời kỳ khó khăn nhất của phong trào cách mạng ở miền Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ và đây cũng là thời kỳ khủng hoảng về đường lối và phương hướng cách mạng ở miền Nam.

Tình hình Quảng Ngãi cũng tương tự như vậy, trong các năm 1956, 1957, 1958 đảng viên và các tổ chức đảng ở các huyện đồng bằng bị địch phá hoại, cán bộ cốt cán bị sát hại, phong trào đấu tranh bị dập tắt. Những đảng viên, cán bộ còn sống sót sau những trận khủng bố thì nằm im không hoạt động được, số khác phải chạy dạt lên miền núi dựa vào địa thế hiểm trở để bảo toàn lực lượng và gây dựng phong trào. Ở bốn huyện miền tây Quảng Ngãi địch đã lập được chính quyền tay sai cấp huyện, quận và bắt đầu xây dựng chính quyền cấp xã xung quanh các quận lỵ, thiết lập hệ thống đồn bốt, tháp canh để khống chế kiểm soát nhân dân. Mặc dù vậy, cán bộ, đảng viên hoạt động ở bốn huyện miền Tây vẫn bám sát quần chúng, sát phong trào nên chỉ đạo giải quyết kịp thời những bức xúc của nhân dân trong đấu tranh, trong xây dựng căn cứ miền Tây và xây dựng lực lượng. Trong hoàn cảnh ấy, lực lượng lãnh đạo ở bốn huyện này chẳng những được bảo toàn, chi bộ đảng được củng cố, mà còn được tăng cường về số lượng, chất lượng từ các huyện đồng bằng lên.

Cuối năm 1958, sau cơn khủng bố trắng của địch, ở các huyện đồng bằng chi bộ đảng nhiều nơi dần dần được phục hồi, riêng miền núi 20 xã của Trà Bồng, 10 xã của Sơn Hà đều có

chi bộ đảng. Các huyện Ba Tư, Minh Long hầu hết các xã có chi bộ đảng. Đây là điều kiện cơ bản của cách mạng được Đảng bộ Quảng Ngãi mà trước hết là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tạo ra một cách bất ngờ trong tình hình mà khủng bố, chém giết những người dân vô tội được coi là nhiệm vụ chủ yếu của kẻ cầm quyền. Đánh đổ một chế độ độc tài, phát xít như vậy dù là ở phạm vi một địa phương cũng không phải dễ dàng. Bởi vì chế độ tay sai Mỹ ở miền Nam, ở cấp trung ương hay địa phương cũng đều tập hợp xung quanh nó những tên tư sản mại bản thân Mỹ, những thế lực địa chủ phong kiến và những phần tử Công giáo phản động chống lại nhân dân, thì những người cách mạng không được chủ quan, coi thường mà phải tỉnh táo, chuẩn bị kỹ càng trước về mọi mặt để khi có thời điểm thích hợp (thời cơ) thì phát động quần chúng vào cuộc tiến công không được sớm một phút vì như Lenin nói sẽ dậy non, cũng không thể muộn một phút vì như vậy sẽ bỏ lỡ thời cơ. Tỉnh ủy Quảng Ngãi ý thức được điều này đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc Quảng Ngãi chuẩn bị kỹ càng về mọi mặt, sẵn sàng đón trước thời cơ hành động. Tuy nhiên, nhiều nơi ở miền Nam còn lúng túng về phương châm, phương pháp đấu tranh chống đế quốc Mỹ thì ở Quảng Ngãi, Tỉnh ủy đã biết dựa vào quần chúng, tin tưởng quần chúng và vì quyền lợi của quần chúng để tập hợp lực lượng, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi.

Hội nghị Gò Rô tháng 7-1958 là một minh chứng cho tư tưởng lớn đó. Tại Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ VI (25-5-1958) thông qua kế hoạch xây dựng căn cứ miền Tây, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tìm ra được *phương châm đấu tranh ba vùng ở miền núi là vùng cao, vùng thấp, vùng giáp ranh đồng bằng và phương pháp đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang*. Đó là một sáng tạo xuất sắc về phương châm, phương pháp cách mạng của Quảng Ngãi để chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và

miền tây Quảng Ngãi mà mãi sau này trong Nghị quyết tháng 1-1961 của Bộ Chính trị khi bàn về "phương hướng, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam", Đảng ta mới xác định phương châm đấu tranh ba vùng và chính trị song song với vũ trang (vùng rừng núi, vùng nông thôn đồng bằng, vùng đô thị). Sở dĩ Tỉnh ủy Quảng Ngãi sớm nhận ra và chủ trương đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang trên cả ba vùng là vì cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi được chuẩn bị khá kỹ trong thời gian từ bốn năm 10 tháng kể từ Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi đầu tiên sau Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng thời kế thừa kinh nghiệm cuộc khởi nghĩa Ba Tư năm 1945 và chín năm kháng chiến chống Pháp. Trong Hội nghị tháng 10-1954, Tỉnh ủy bàn sắp xếp lại tổ chức và phương châm, phương pháp đấu tranh mới và xác định con đường giải phóng Quảng Ngãi phải là con đường bạo lực cách mạng. Từ Hội nghị đầu tiên đến cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tiến hành 10 cuộc hội nghị và *đều kiên định tư tưởng cách mạng tiến công và con đường bạo lực cách mạng*, trong đó Hội nghị tháng 2-1958, ở xóm Di Ngâu bàn về việc chuẩn bị tích trữ vật chất, đẩy mạnh sản xuất tự túc, xây dựng lực lượng vũ trang được coi là hội nghị mở đầu cho chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi.

Thời gian là sức mạnh, bốn năm 10 tháng là quãng thời gian không dài nhưng cũng không ngắn cho một quá trình cách mạng ở một vùng núi đa số là đồng bào dân tộc thiểu số không biết chữ, sống du canh, du cư, ý thức được khả năng của mình mà chuyển từ "tự phát" sang "tự giác" tự nguyện đứng vào hàng ngũ cách mạng của nhân dân, chiến đấu chống kẻ thù xâm lược và áp bức. Trong thời gian đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã giác ngộ, vận động thanh niên các dân tộc thiểu số thành lập bốn đơn vị vũ trang trước, trong và sau cuộc khởi

nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, mò mẫm trong rừng sâu, vượt qua đồn bốt của địch tìm súng chôn giấu trước khi tập kết lực lượng ra Bắc để trang bị cho các đơn vị; xây dựng căn cứ, tích trữ lương thảo, chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức, bố trí sắp xếp lực lượng cho cuộc khởi nghĩa. Đó là một kỳ công trong công tác chuẩn bị của toàn Đảng bộ và toàn dân trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, không thể một sớm một chiều mà làm được như vậy.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi nổ ra lúc kẻ thù xâm lược là đế quốc Mỹ mạnh nhất thế giới, là một siêu cường chưa từng bị thua trận trong các cuộc chiến tranh trước đó, nên rất hung hăng, xảo quyệt. Chính quyền Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ được xây dựng, củng cố trở thành một chính quyền độc tài, phát xít, có một đội quân 10 sư đoàn chính quy, trang bị hiện đại, được chúng liệt vào loại mạnh nhất, nhì Đông Nam Á. Xe tăng, máy bay, tàu chiến Mỹ trang bị cho quân nguy hằng ngày làm chủ mặt đất, bầu trời, mặt biển miền Nam Việt Nam, yểm trợ cho quân lính hành quân, càn quét tàn phá làng mạc, ruộng vườn, giết người, cướp của, nhưng không gặp một sự kháng cự nào đáng kể. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi bùng nổ vào lúc 5 giờ sáng, đúng thời cơ, khi quân thù chưa kịp đối phó. Đó là *cuộc tiên công chọc trời có ý nghĩa chiến lược, là trận đột phá khâu xuất sắc* của quân chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng vào khâu yếu nhất của chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Bất ngờ và kinh ngạc bởi lần đầu tiên nhân dân các dân tộc Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đập tan ách thống trị của Mỹ - Diệm, giành quyền làm chủ trên một vùng rộng 3.600km² có tầm chiến lược quan trọng bằng 2/3 diện tích của toàn tỉnh, chọc thủng một mắt xích trọng yếu trong hệ thống cai trị của Mỹ - ngụy. Một cuộc khởi nghĩa có tầm vóc to lớn và ý nghĩa sâu sắc.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đã làm rung chuyển chính quyền ngụy ở nhiều tỉnh, thành phố, có tác động tích cực đến phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm không chỉ ở Quảng Ngãi mà cả Trung Trung Bộ, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng trên toàn miền Nam. Sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, nhân dân các dân tộc làng Xung la O ở An Khê, Mang Khê (Kon Tum), Buôn Sâm (Đắc Lắc) nổi dậy diệt ác, giành quyền làm chủ và một phong trào vũ trang diệt ác nổi lên khắp các tỉnh đồng bằng Khu V.

Ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ như Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận các đội vũ trang công tác đã thọc sâu được xuống đồng bằng, diệt ác ôn ở Ba Ngòi (Khánh Hòa), Dư Khánh (Ninh Thuận), Nam Chân (Bình Thuận), xây dựng cơ sở có kết quả. Khí thế của quân chúng cách mạng đang nhen nhóm lại được thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa Trà Bồng cổ vũ, quân dân Ninh Thuận đã đánh bại cuộc càn quét của sáu tiểu đoàn chủ lực ngụy vào căn cứ Bắc Ái mang tên "Tây Khánh Bắc Ninh"; quân dân Quảng Ngãi đã đánh bại cuộc càn của Sư đoàn 22 quân cộng hòa liên miền tây Quảng Ngãi, bảo vệ thắng lợi căn cứ Trà Bồng... Tác động cuộc khởi nghĩa Trà Bồng có sức lan tỏa rộng và sâu trên toàn miền Nam. G.Sappha (Georges Chaffar) nghiên cứu hai cuộc chiến tranh Việt Nam (từ Valuy đến Oétmolen) ghi nhận rằng: Mọi việc khởi đầu từ tháng 8-1959 tại tỉnh Quảng Ngãi, dân tộc Cor là người đầu tiên đứng lên khởi nghĩa, tiêu diệt một đồn binh quốc gia trong quận Trà Bồng và lấy đi 54 khẩu súng. Noi gương dân tộc Cor các bộ lạc lân cận đã liên kết với những người khởi nghĩa chống Diệm. Tin vụ biến động tại Quảng Ngãi đã truyền đến Nam Kỳ, ở khắp nơi những cán bộ Việt Minh thoát khỏi các cuộc đàn áp của Diệm đã họp nhau lại bàn tán tin này. Và cuộc chống đối vũ trang đầu tiên của nhân dân các dân tộc Trà Bồng đã tác động và được coi như

một kích lệ. Họ liền bàn nhau tìm cách tập hợp lực lượng chống Diệm.

Nhân lúc Mỹ - Diệm lo đời phó với cách mạng ở Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận những tháng cuối năm 1959, hoạt động vũ trang chống Diệm nổi lên ở các tỉnh Cà Mau, Kiến Phong, Kiến Tường, An Xuyên, Bến Tre, Long An, Cần Thơ... Tháng 12-1959, trong một báo cáo tóm tắt về tình hình Quân khu V (lúc này là các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long), Bộ Tổng tham mưu ngụy đã ghi nhận như sau: "Tình hình đặc biệt nghiêm trọng, bởi ngoài các vụ khủng bố, ám sát thường xuyên, hoạt động vũ trang của Việt cộng gia tăng. Nhiều vụ phục kích các toán tuần tiễu của ta (ngụy) và đột nhập vào các cơ sở hương thôn, Việt cộng còn tấn công cả ban ngày bằng súng máy và phóng lựu đạn vào Châu Thành, tỉnh Kiến Tường. Rõ ràng Việt cộng tiếp tục theo đuổi chủ trương tập trung như vụ biển ở Quảng Ngãi và cố gắng tạo thế chủ động với các hoạt động táo bạo như chấp nhận giao tranh... nhất là ở các tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường, An Xuyên, Kiên Giang..."¹. Chúng ta không cho rằng cuộc khởi nghĩa Trà Bồng đã tác động làm cho phong trào đấu tranh ở Nam Bộ bột khởi. Nam Bộ có đặc điểm riêng, nhưng cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đối với Nam Bộ có thể ví như một chất xúc tác làm cho quá trình phản ứng hóa học nhanh hơn. Đó là sự tác động qua lại tất yếu của các phong trào đấu tranh cách mạng giữa các vùng, miền cùng chung kẻ thù, cùng chung mục đích.

Từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, chúng ta có thể rút ra một số bài học hữu ích sau đây:

Một là, những người lãnh đạo bất kể trong hoàn cảnh nào phải luôn *kiên định tư tưởng chiến lược tiến công và quán triệt*

1. Tóm tắt tình hình Quân khu V trong tháng 12-1959 của Bộ Tổng tham mưu quân đội Việt Nam Cộng hòa. Tài liệu đánh máy, lưu trữ tại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

quan điểm bạo lực cách mạng. Ngày nay, trong xây dựng hòa bình, tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì tư tưởng cách mạng tiến công và bạo lực cách mạng là "cái chìa khóa" để giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội, giữ gìn biên cương của Tổ quốc và lãnh thổ của từng vùng, miền. Kẻ thù luôn phá ta trên nhiều mặt từ cục bộ đến toàn cục, nếu ta thỏa hiệp, nhân nhượng thì địch sẽ lấn tới. Tình hình sau Hiệp định Paris do không nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công và quan điểm bạo lực cách mạng, thậm chí có nơi lãnh đạo còn chỉ thị thực hiện "Năm cấm chỉ", nên mất đất, mất dân, cách mạng gặp muôn vàn khó khăn, chỉ khi có Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương thì tình hình mới chuyển biến.

Hai là, Đảng phải dựa vào dân, tin dân, vì quyền lợi của nhân dân và dân tộc mà phục vụ. Dựa được vào dân, người lãnh đạo phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Từ xa xưa, ông cha ta đã có quan điểm "Tĩnh vi dân, động vi binh", ngày nay, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng thì cấp ủy các địa phương cần phải dựa vào dân, tin dân, phải chăm lo đời sống cho dân, chăm lo xây dựng, củng cố mặt trận đoàn kết mà nòng cốt là liên minh công - nông - trí thức. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đã minh chứng cho sức mạnh Đảng dựa vào dân, tin dân và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong bản định chủ trương, trong chuẩn bị vật chất, tinh thần, lực lượng cho cuộc khởi nghĩa.

Ba là, kiên quyết chống tham ô, trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược, làm trong sạch nội bộ Đảng và chính quyền, làm lành mạnh các mối quan hệ xã hội. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi cho thấy rõ cán bộ, đảng viên rất kiên quyết, trong sáng, lặn lội trong phong trào cùng ăn, cùng ở, cùng làm và cùng suy nghĩ, lo toan với dân, nên đã quy tụ được

các dân tộc vào khối đoàn kết thống nhất, kiên quyết chiến đấu chống kẻ thù chung dù có khổ cực cũng chịu đựng. Đảng, nhân dân một ý chí, một hành động, v.v..

Những bài học từ cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi để lại cho chúng ta hôm nay vẫn là những giá trị bền vững có thể vận dụng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi mãi mãi là niềm tự hào của nhân dân Quảng Ngãi và cả nước.

TỪ CHIẾN THẮNG GIỒNG THỊ ĐAM - GÒ QUẢN CUNG ĐẾN PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở TRUNG NAM BỘ

TS. TRINH THỊ HỒNG HẠNH*

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài, oanh liệt của nhân dân ta, không ít sự kiện lịch sử có tác động mạnh, sức lan tỏa lớn hơn rất nhiều so với quy mô sử dụng lực lượng, kết quả cụ thể đạt được về tiêu diệt sinh lực địch, giành được đất, giải phóng được dân... Với những sự kiện lịch sử như vậy, điều cần thiết là phải đặt nó trong bối cảnh của cuộc kháng chiến để nhìn nhận, đánh giá mới có thể mong xem xét đầy đủ vai trò, tác dụng cũng như sức lan tỏa của nó đối với cục diện tình hình.

Cách đây 50 năm, ngày 26-9-1959, tại Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung, Tiểu đoàn 502 bộ đội tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp) đã làm nên chiến thắng lịch sử, tiếp thêm lực đẩy trong thế chuyển mình vươn lên của cách mạng miền Nam. Đây là sự kiện lịch sử mang ý nghĩa quan trọng trong việc chỉ đạo, lãnh đạo, không những đối với cán bộ, quân và dân trong tỉnh, mà còn cho Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ, cũng như cả chiến trường Nam Bộ trong những tháng năm đầy khó khăn, thử thách.

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Trận đánh diễn ra ở thời điểm cách mạng miền Nam đang trên đỉnh điểm của giai đoạn đen tối, tổn thất nặng nề do địch đẩy mạnh các chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng". Với khẩu hiệu "Đạp lên oán thù mà tiến", "Thà giết nhầm còn hơn bỏ sót", địch thẳng tay đàn áp các phong trào hòa bình, bắt bớ, truy bức, giết hại những người yêu nước ở khắp nơi, từ thành thị đến nông thôn. Mục tiêu bao trùm của Mỹ và chính quyền Diệm là bằng vũ lực, đè bẹp ý chí thống nhất đất nước của nhân dân ta, biến vĩ tuyến 17 - giới tuyến quân sự tạm thời mà Hiệp định Giơnevơ quy định, thành ranh giới chia cắt vĩnh viễn đất nước Việt Nam.

Mỹ - Diệm đã đẩy nhân dân miền Nam đến cảnh khốn cùng. Muốn tồn tại, người dân miền Nam không có con đường nào khác ngoài con đường phải nổi dậy cầm vũ khí chống lại kẻ thù.

Vấn đề đặt ra trước Trung ương Đảng, Chính phủ là để ra được chủ trương, phương pháp, bước đi cho cách mạng miền Nam như thế nào để giành thắng lợi mà ít tổn thất nhất, lại phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế. Đây là vấn đề cực kỳ khó khăn và phức tạp. Đầu năm 1957, Bộ Chính trị đã đặt vấn đề phải có một đường lối cách mạng ở miền Nam cho phù hợp, mà then chốt là phải chuyển chiến lược đấu tranh.

Tình hình cách mạng miền Nam mỗi ngày càng đen tối thêm, địch khủng bố hết sức ác liệt. Sự chịu đựng của nhân dân đã đến giới hạn cuối cùng, họ đòi Diệm gây nợ máu phải trả bằng máu. Ba mươi lão nông ở Thủ Dầu Một gửi thư lên Xứ ủy Nam Bộ, chất vấn: "Tình hình như vậy không biết Xứ ủy có báo cáo để Bác Hồ và Trung ương biết tình hình miền Nam hay không mà chịu khoanh tay, để địch đàn áp bừa bãi...". Nông dân tỉnh Tây Ninh ký tên vào bức tâm thư gửi

1. Trả lời phỏng vấn Tạp chí Lịch sử Đảng của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 2, 1995, tr.11.

lên Bác Hồ, báo cáo "Nhân dân bị khủng bố, cán bộ bị giết hại, xin cho bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc trở về đánh giặc, cứu dân". Trong một cuộc mít tinh, có cụ già nghẹn ngào, uất ức nói trước đồng bào "Bác Hồ ơi! Mỹ - Diệm nó độc ác quá lắm rồi, Bác cho phép đồng bào bắn nát đầu bọn chúng"¹. "Tại sao không cho vũ trang? Không cho vũ trang đánh lại quân thù thì anh em mình chết hết"².

Ý nguyện đó của nhân dân đã thôi thúc các cấp ủy đảng ở Nam Bộ, Khu V và những đảng viên, cán bộ "nằm vùng" hoạt động ở cơ sở, mạnh dạn lãnh đạo quần chúng tìm kiếm vũ khí tăng cường vũ trang, chủ động nổi dậy ở những nơi có điều kiện mặc dù chưa có ý kiến của Trung ương.

Trong bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế, những mâu thuẫn đan xen rất phức tạp, tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) để xác định đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam.

Hội nghị phải họp làm nhiều lần trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 7-1959 mới ra được Nghị quyết. Đầu tháng 5-1959, văn bản chính thức Nghị quyết Hội nghị 15 được thông qua, nhưng trước đó, Bộ Chính trị đã điện cho các tỉnh, khu tỉnh thân cơ bản của Nghị quyết để quán triệt, thực hiện. Vì vậy, Đảng bộ và nhân dân miền Nam đã có ý thức chuẩn bị vũ khí theo hướng vũ trang khởi nghĩa. Và đến ngày 14-11-1959, toàn văn Nghị quyết 15 mới được điện gửi cho Xứ ủy Nam Bộ.

Nghị quyết Hội nghị 15 của Trung ương Đảng đã xác định con đường tiến lên của cách mạng miền Nam. Con đường phát

1. *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến 1954-1975*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993, t.2, tr.69.

2. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, GS, TS. Trịnh Nhu (Chủ biên): *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Sđd, tr.166.

triển cơ bản của cách mạng miền Nam được vạch ra là: Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Phương thức giành chính quyền là dùng sức mạnh của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang đánh đổ chế độ thống trị của đế quốc và phong kiến, xây dựng chính quyền cách mạng của nhân dân.

Nghị quyết 15 phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam trong tình thế thực sự chín muồi, *đáp ứng nguyện vọng bức thiết của cán bộ, đảng viên và đồng bào miền Nam*. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, phong trào Đồng khởi - những cuộc khởi nghĩa từng phần đã nổ ra và thắng lợi ở hầu khắp các vùng nông thôn rừng núi Khu V và đồng bằng Nam Bộ. Đây là sự mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước rất độc đáo và sáng tạo của Đảng. Đồng khởi đã đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển hẳn sang thế tiến công.

Trước khi toàn văn Nghị quyết 15 được điện gửi cho Xứ ủy Nam Bộ, tháng 4-1959, hai đại biểu Xứ ủy Nam Bộ là đồng chí Phan Văn Đáng và Phạm Văn Xô dự Hội nghị (đợt 1) trở lại miền Nam, với lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Các chú về báo cáo với Xứ ủy: Nhất định không để cho địch tiêu diệt lực lượng cách mạng ở miền Nam. Một cấp ủy phải vừa có trách nhiệm với cấp trên; vừa phải có trách nhiệm với bên dưới mới đúng, thường người ta chỉ nhấn mạnh trách nhiệm với trên là không đúng. Trung ương ở xa, Xứ ủy vừa có trách nhiệm với Trung ương, vừa phải có trách nhiệm với Đảng bộ và nhân dân miền Nam"¹.

Lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm cho các đồng chí trong Xứ ủy Nam Bộ thấy rõ và nâng cao trách nhiệm đối với sự

1. Lê Duẩn - *Một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam*, Hồi ký, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.295.

sống còn của cách mạng miền Nam, phải chủ động, linh hoạt, phải sáng tạo lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân miền Nam chứ không phải chỉ chờ đợi Trung ương. Kiên quyết không để địch tiêu diệt lực lượng cách mạng ở miền Nam.

Tháng 9-1959, các đồng chí về tới Nam Bộ, truyền đạt tinh thần Nghị quyết và lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mở ra đường hướng mới cho hoạt động đấu tranh.

Nghị quyết 15 được cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng đón nhận với niềm khát khao bấy lâu. Những uất ức, đắng cay, những thắc mắc, lo âu, ngờ vực, cùng niềm mong đợi dồn nén suốt hơn bốn năm trời đã được giải tỏa. Rỉ tai nhau tin vui "Đảng cho đánh rồi!", "Cứ làm tới đi!", ít ai nghĩ đấu tranh chính trị hay đấu tranh vũ trang là chủ yếu.

Phương châm hoạt động lúc này hết sức đúng đắn, phù hợp với quy luật của một cuộc khởi nghĩa vũ trang của quần chúng. Song, vận dụng phương châm đó như thế nào ở từng địa phương thì như đồng chí Lê Duẩn đã tổng kết từ thực tiễn cuộc vận động cách mạng nước ta "sức sáng tạo vô tận của quần chúng, những người làm ra lịch sử, sẽ giúp ta phương hướng và cách thức giải quyết tất cả mọi vấn đề cụ thể"¹.

Quán triệt tinh thần của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Xứ ủy Nam Bộ đã chỉ đạo các tỉnh tăng cường hoạt động vũ trang, tạo thế cho quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm, nhanh chóng triển khai lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho toàn dân nổi dậy giành chính quyền ở nông thôn. Tinh thần Nghị quyết 15 được đồng chí Bí thư Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ phổ biến trước cho tỉnh Kiến Phong (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp) làm thí điểm, trước khi có chủ trương chính thức của Trung ương.

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Sđd, tr.53.

Các tỉnh miền Trung Nam Bộ¹ được phổ biến tinh thần cơ bản của Nghị quyết 15, đảng viên, cán bộ phấn khởi, thờ phào nhẹ nhõm vì Đảng đã cho "hoạt động vũ trang". Được sự chỉ đạo của Khu ủy Khu VIII, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 502 giao nhiệm vụ cho Đại đội Bảy Phú và Đại đội Năm Bình chuẩn bị mở đợt vũ trang tuyên truyền, hỗ trợ cho phong trào nổi dậy của quần chúng diệt ác phá kìm.

Ngày 26-9-1959, Tiểu đoàn 502² tỉnh Kiến Phong đang học tập Nghị quyết 15 tại Giồng Thị Đam và Gò Quản Cung³, thuộc xã Tân Hội Cơ, huyện Hồng Ngự, thì phát hiện địch hành quân bằng xuồng càn vào căn cứ của ta. Tiểu đoàn trưởng và Chính trị viên hội ý ngay với cán bộ trong đơn vị và quyết định chiến đấu, không tránh né như trước.

Lực lượng địch đông hơn hẳn, trên 80 xuồng, lại là lực lượng chủ lực tinh nhuệ, trong khi đó quân ta chỉ có một đại đội tăng cường với 42 tay súng, nhưng tinh thần quyết chiến rất cao, có tài đánh giặc trên đồng nước lại ở trong tư thế chủ động, bí mật. Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 502 hạ quyết tâm đánh địch.

Vào lúc 9 giờ ngày 26-9-1959, Tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 43 địch lọt vào trận địa phục kích của ta. Quân ta nổ súng đánh thẳng vào đội hình địch. Sau 20 phút chiến đấu, ta đã diệt và

1. Trung Nam Bộ giai đoạn này gồm Long An, Kiến Tường, Kiến Phong, Định Tường (Mỹ Tho), An Giang và Bến Tre.

2. Tiểu đoàn 502 được thành lập tháng 12-1956 theo Chỉ thị vũ trang tuyên truyền của Xứ ủy Nam Bộ.

3. Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung là địa điểm nằm sâu trong Đồng Tháp Mười, giáp ranh hai huyện Hồng Ngự và Thanh Bình. Vào tháng 9, tháng 10 hằng năm, vùng này bị ngập sâu từ 2 đến 2,5 mét, cỏ dại, lúa ma... mọc lên thành rừng, gây trở ngại cho xuồng, ghe qua lại. Trong kháng chiến, ở Đồng Tháp Mười vào mùa nước nổi, những giồng, gò là nơi phòng thủ, tiến công lợi hại của quân ta và cũng là điểm tập trung đánh phá của địch. Năm 1959, Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung là căn cứ của Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 502 và Đại đội cơ động 271 của tiểu đoàn.

bắt gọn Đại đội 12 và Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 3 địch, trong đó có tên Đại úy Tiểu đoàn phó, thu 86 súng. Đơn vị nhanh chóng thu dọn trận địa và cấp tốc hành quân về Gò Quản Cung, bổ sung vũ khí mới thu được và triển khai tiếp tục đánh địch.

Buổi chiều, cánh quân thứ hai của địch lại tiến vào Gò Quản Cung. Tiểu đoàn 502 sử dụng những khẩu súng máy vừa thu được, bắn quét vào đoàn xuồng địch, diệt một số tên. Lực lượng còn lại vội vã tháo lui, không dám liều lĩnh ứng cứu cho đồng bọn.

Trong hai trận thắng liên tiếp tại Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung, ta tiêu diệt và bắt sống gần 200 tên (105 tên bị bắt), thu hàng trăm súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng, đánh bại cuộc hành quân càn quét của địch vào căn cứ kháng chiến của ta ở Đồng Tháp Mười¹. Tù binh được ta giáo dục, những tên bị thương được băng bó, chăm sóc, giao trả lại tư trang. Ta cấp xuồng và thả tất cả bọn chúng về quản lý Hồng Ngự ngay trong ngày.

Sau trận đánh, Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 502 đã sáng tạo, cho gom thẻ bài của binh sĩ đã chết và bị bắt gửi về gia đình họ, tạo nên cuộc đấu tranh của hàng trăm gia đình binh sĩ kéo đến quản lý Hồng Ngự đòi chống con, làm cho địch đã thất bại càng thêm lúng túng.

Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung là trận thắng đầu tiên lớn nhất ở miền Nam đến thời điểm đó, nó được xem là "phát pháo lệnh châm ngòi cho cuộc nổi dậy của quần chúng các tỉnh Trung Nam Bộ và nhiều nơi khác"². Đây là một trong

1. Đồng Tháp Mười là căn cứ kháng chiến, địa bàn đứng chân của các cơ quan đầu não Nam Bộ và Khu VIII; đồng thời là hậu cứ, cung cấp sức người, sức của cho miền Trung Nam Bộ, có thời kỳ cho cả miền Đông Nam Bộ, trong 30 năm chiến tranh giải phóng.

2. *Khu VIII - Trung Nam Bộ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.122.

những chiến công oai hùng, trở thành mốc son trong lịch sử của Đảng bộ Kiến Phong - Đồng Tháp.

Trận thắng gây tiếng vang lớn không chỉ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long mà cả miền Nam lúc bấy giờ, nó có tác dụng to lớn củng cố niềm tin và cổ vũ khí thế đấu tranh cách mạng của nhân dân, nâng cao uy thế cách mạng. Chiến thắng này đã làm cho binh lính địch hoang mang, dao động. Chính quyền Ngô Đình Diệm phải lập Hội đồng quân kỷ để kiểm điểm và xét kỷ luật đối với cá nhân, đơn vị tham gia chiến đấu và liên đới trách nhiệm.

Nhân đà thắng lớn ở Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung, Tỉnh ủy Kiến Phong, thực hiện tinh thần chỉ đạo của Liên tỉnh ủy, phát động phong trào nhân dân vũ trang nổi dậy phá bung khu trù mật Ninh Hòa, Cát Cái, Tân Thành. Ở bốn huyện Tả ngạn sông Tiền, có Tiểu đoàn 502 hỗ trợ, nhân dân đấu tranh bức rút đồn Vĩnh Huê, Cầu Sắt, giải phóng xã Thạnh Mỹ, Phong Mỹ và giành quyền làm chủ ở 2/3 số xã trong khu vực Đồng Tháp Mười.

Phong trào cách mạng trong quần chúng nhân dân được đẩy lên mạnh mẽ, nhân dân nhiều địa phương hăng hái gia nhập bộ đội, du kích. Lực lượng tỉnh Kiến Phong không ngừng phát triển, lớn mạnh. Tỉnh Kiến Phong đã bổ sung cho tỉnh Định Tường một trung đội, An Giang một trung đội với đầy đủ trang bị, chỉ viện cho Bến Tre 15 súng. Danh tiếng của Tiểu đoàn 502 sau trận đánh này được lan rộng, làm quân thù khiếp sợ, nhân dân tin tưởng. Phiên hiệu Tiểu đoàn 502 được đưa về Bến Tre lấy làm quân lệnh uy hiếp quân địch trong Đồng khởi năm 1960. Các địa phương tại miền Tây Nam Bộ, sau chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung, đã đẩy mạnh hoạt động vũ trang, giành được những thắng lợi to lớn, nổi bật nhất là ở hai tỉnh Rạch Giá và Cà Mau.

Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung, cùng với hàng loạt các trận đánh ở các địa phương miền Nam, như của các lực

lượng vũ trang và tự vệ ở Tây Ninh, Dầu Tiếng, đánh địch càn quét ở Tà Lóc, Tà Lết (Vĩnh Thạnh, Bình Định), phá khu đồn của đồng bào ở Tâm Ngân (Bác Ái, Ninh Thuận), cuộc nổi dậy vũ trang ở Nóc Ông Tía (Trà Bồng, Quảng Ngãi)... là sự kiểm nghiệm trong thực tiễn đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam, khẳng định khả năng và yêu cầu đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, đưa phong trào cách mạng miền Nam tiến lên.

Như tiếng sấm đầu mùa, trận đánh Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung không chỉ có ý nghĩa về mặt quân sự, vì đây là trận mở màn và tập dượt, chuẩn bị cho cuộc Đồng khởi của quân, dân miền Trung Nam Bộ nói riêng, miền Nam nói chung, mà còn là bài học kinh nghiệm quý trong việc phối hợp ba mũi giáp công, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận. Sau trận đánh này, do sự chính nghĩa, nhân đạo và tuyên truyền khéo léo của ta, hàng trăm binh sĩ được thả đã tuyên truyền trong hàng ngũ của chúng những sự thật "mắt thấy, tai nghe", làm cho binh lính địch rất hoang mang, dao động. Nhiều binh sĩ sau đó phản chiến và đào rã ngũ.

Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung là cơ sở để Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ hạ quyết tâm chỉ đạo mở rộng diện tiến công, mở đợt hoạt động dùng lực lượng vũ trang tiến công mạnh, tạo ra thời cơ để phát động quần chúng nổi dậy đồng loạt trên toàn Trung Nam Bộ, phá tan bộ máy kìm kẹp của địch ở ấp, xã. Liên tỉnh ủy theo dõi chặt chẽ từng bước đi, rút ra phương châm, phương thức, kinh nghiệm sử dụng vũ trang kết hợp với chi bộ, đảng viên phát động quần chúng nổi dậy. Nó minh chứng chủ trương hoạt động vũ trang của tỉnh Kiến Phong ở thời kỳ này là đúng đắn, phù hợp với thực tế tình hình địa phương. Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung và những hoạt động vũ trang giành thắng lợi tiếp theo ở các địa phương của miền Trung và Tây Nam Bộ, là điều kiện để quân và dân ta tiến hành cao trào Đồng khởi sau đó.

Diễn ra khi Nghị quyết 15 chưa được phổ biến chính thức, nhưng tinh thần của Nghị quyết đã được phổ biến trong toàn khu, chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung đã thúc đẩy phong trào cách mạng lên một bước mới. Sau chiến thắng này, sáu tỉnh Trung Nam Bộ đồng loạt kiến nghị lên Xứ ủy Nam Bộ cho vũ trang khởi nghĩa. Đó là một trong những cơ sở để Trung ương Đảng khẳng định chủ trương cho phép đồng bào và chiến sĩ miền Nam đấu tranh vũ trang là hoàn toàn đúng đắn.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi cuối năm 1959 đầu năm 1960 đã chứng minh một thành công điển hình của Đảng ta về phương pháp tiến hành cách mạng bạo lực, chỉ đạo khởi đầu cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam một cách độc đáo, *đấu tranh chính trị của quần chúng kết hợp vũ trang tự vệ và khởi nghĩa giành chính quyền ở cơ sở nông thôn*, chứ không mở đầu bằng tiến công của các binh đoàn chủ lực là phù hợp đối sánh lực lượng ta - địch, vừa hợp nguyện vọng đông đảo quần chúng, *phù hợp với thời cơ lịch sử*, được thế giới đồng tình ủng hộ sẽ làm cho cách mạng tháo gỡ được vướng mắc, tạo thế, tạo lực cho phát triển đi lên những bước tiếp theo. Cách mạng miền Nam bước vào một giai đoạn mới, từ khởi nghĩa vũ trang phát triển thành chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng.

Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung cho thấy tính chủ động, sáng tạo của đông đảo quần chúng trong nhận thức tình hình, dũng cảm đứng lên khi bị kẻ thù đẩy đến bước đường cùng; sự vận dụng sáng tạo và kiên quyết, linh hoạt chủ trương của Trung ương của các cấp bộ đảng ở miền Nam. Ảnh hưởng và giá trị của trận Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung đã vượt xa một trận đánh thông thường tại chiến trường đồng bằng sông nước của Khu VIII.

NGHỆ THUẬT CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HÀNH ĐỒNG KHỞI Ở NAM BỘ

Đại tá, TS. NGUYỄN XUÂN NANG*

Trong phong trào Đồng khởi cuối 1959-1960, Nam Bộ là địa bàn tiêu biểu. Tại đây, cuộc Đồng khởi diễn ra sôi nổi, đều khắp và tương đối tập trung với những loại hình nổi dậy khá phong phú đặc trưng cho từng loại chiến trường. Một trong những nguyên nhân và là nguyên nhân quan trọng dẫn đến thành công của Đồng khởi ở Nam Bộ là nghệ thuật chỉ đạo và tổ chức thực hành Đồng khởi sắc sảo của các cấp lãnh đạo và chỉ huy trên chiến trường này. Điều này được thể hiện trên mấy nét lớn sau:

Thứ nhất, xác định đúng phương châm chỉ đạo Đồng khởi, đề ra chủ trương và biện pháp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, từng địa phương:

Đồng khởi trên toàn miền Nam nói chung, ở Nam Bộ nói riêng diễn ra trong bối cảnh lực lượng quân sự địch còn khá mạnh, chính quyền bên trên của chúng gần như vẫn nguyên vẹn. Ngược lại về phía ta, lực lượng vũ trang còn quá nhỏ bé, hệ thống chính quyền, đoàn thể của ta chưa được thiết lập một cách đầy đủ từ trên xuống dưới. Với điều kiện như vậy, muốn

* Phó Giám đốc Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam.

giành thắng lợi và bảo vệ được thành quả, khởi nghĩa phải diễn ra đồng thời ở nhiều địa phương. Có như vậy, địch mới không tập trung được lực lượng quân sự mạnh để đối phó và đàn áp phong trào. Đó là phương châm chỉ đạo chung mà các cấp lãnh đạo ở Nam Bộ đều quán triệt. Song nổi dậy vào thời điểm nào, bằng phương thức gì, phạm vi giới hạn không gian đến đâu... thì mỗi vùng, miền lại có chủ trương không hoàn toàn như nhau do đặc điểm chiến trường, so sánh tương quan lực lượng địch - ta trên từng địa bàn khác nhau.

Trong đợt Đồng khởi đầu năm 1960, ở Nam Bộ, chỉ có Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ có chủ trương nổi dậy đều khắp trong toàn khu vào tháng 1-1960. Thực hiện chủ trương của Liên tỉnh ủy, trong tháng 1-1960, các tỉnh thuộc miền Trung Nam Bộ đã đồng loạt nổi dậy (trừ Mỹ Tho - tỉnh trọng điểm "tố cộng", "diệt cộng" của địch, phong trào ở đây còn yếu nên tháng 2 mới nổi dậy được). Các tỉnh khác thuộc Liên tỉnh miền Tây và Liên tỉnh miền Đông Nam Bộ, mặc dù không có chủ trương nổi dậy đồng loạt trong toàn khu như miền Trung Nam Bộ, song do tình hình quá bức xúc, hơn nữa, được thắng lợi của Đồng khởi ở Bến Tre và tác động của trận thắng Tua Hai cổ vũ, tùy điều kiện cụ thể của mình, đã tổ chức nổi dậy ở phạm vi toàn tỉnh với mức độ khác nhau. Hầu hết các cuộc nổi dậy của các tỉnh thuộc miền Đông và miền Tây Nam Bộ đều nổ ra trong tháng 2 và tháng 3-1960.

Đợt cuối năm, với chủ trương chung của Xứ ủy Nam Bộ (trong Hội nghị lần thứ năm họp vào tháng 7-1960) là phát động các tỉnh nhất loạt nổi dậy vào tháng 9-1960 để kỷ niệm ngày Nam Bộ kháng chiến (23-9-1945) và phát huy thắng lợi của Đồng khởi đợt đầu năm, tính thống nhất về mặt thời gian được thể hiện ở mức cao, tập trung hơn, với quy mô rộng lớn hơn. Cụ thể, miền Tây Nam Bộ lấy ngày 14-9; miền Trung Nam Bộ chọn ngày 23-9 (đúng ngày Nam Bộ kháng chiến). Riêng

miền Đông Nam Bộ, do đặc điểm riêng (là nơi có thủ phủ của chính quyền Sài Gòn, lực lượng địch tập trung khá mạnh, sau Đồng khởi đợt đầu năm, địch đã tổ chức bố phòng khá chặt chẽ) nên đợt này, Liên tỉnh ủy không phát động nổi dậy chung trong toàn khu, từng tỉnh tùy điều kiện mà tổ chức nổi dậy. Như vậy có thể nói, trong việc thực hiện phương châm Đồng khởi nói chung đã có sự vận dụng rất linh hoạt. Bên cạnh đó, trong từng đợt và ở từng vùng, miền, với đặc trưng riêng nên phương châm, phương thức Đồng khởi được xác định mỗi nơi mỗi khác.

Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, với địa thế sông nước, địa bàn bị chia cắt, thuận lợi cho ta phát triển chiến tranh du kích và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, song với địch, chiến trường này lại không thuận lợi cho việc đánh lớn, tác chiến tập trung với vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại. Lực lượng chủ lực địch bố trí ở đây cũng hạn chế. Phát huy thế mạnh của chiến trường này, các liên tỉnh ủy miền Trung và miền Tây Nam Bộ xác định phương thức khởi nghĩa giành chính quyền là: Phát động mạnh mẽ quần chúng nổi dậy trên diện rộng, đánh vào chỗ hiểm yếu nhất của địch là bộ máy kìm kẹp của chúng ở cơ sở, dòn quân sự chỉ là hỗ trợ.

Khác với đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ có những vùng căn cứ rừng núi xen kẽ với đồng bằng, nơi ta xây dựng được căn cứ địa và lực lượng vũ trang tập trung tương đối sớm. Với địch, đây là chiến trường tác chiến quy mô lớn. Lực lượng địch, đặc biệt là chủ lực, bố trí ở đây cũng khá mạnh. Vì vậy, để Đồng khởi, phải thực hiện một đòn quân sự mạnh đánh vào lực lượng chủ lực địch hoặc ít nhất phải tiêu diệt từ một đến hai quận lỵ, gây thôi động toàn miền, trên cơ sở đó mới phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ xã, ấp.

Ở phạm vi hẹp hơn, trong từng khu, mỗi tỉnh lại để ra chủ trương, giải pháp riêng, trong đó, việc sử dụng sức mạnh của lực lượng chính trị và đòn quân sự được xác định một cách cụ

thể theo khả năng từng địa phương. Chính điều này đã đưa đến kết quả Đồng khởi ở Nam Bộ hơn hẳn các nơi khác.

Thứ hai, chọn đúng hướng và mục tiêu chủ yếu qua việc xác định chính xác điểm chỉ đạo Đồng khởi ở từng địa phương, trong từng đợt:

Điểm chỉ đạo Đồng khởi là những nơi được chọn làm điểm đột phá mở đầu Đồng khởi ở từng tỉnh hoặc từng khu. Chính vì vậy, nó được sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện về mọi mặt. Thông thường, đây là những nơi địch tương đối yếu (hoặc có sơ hở), còn ta thì xây dựng được cơ sở (cả lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và lực lượng làm công tác binh vận) khá vững chắc. Ở Bến Tre trong đợt Đồng khởi đầu năm, Tỉnh ủy đã chọn Mỏ Cà làm trọng điểm Đồng khởi, trong đó ba xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy là điểm đột phá bởi tại đây có chi bộ đảng mạnh, công tác vận động quần chúng được thực hiện tương đối tốt, các tổ ấp ta đều nắm được. Đặc biệt, ở Định Thủy, ta xây dựng được cơ sở nội tuyến đáng tin cậy, sẵn sàng hành động theo sự chỉ đạo của ta. Đợt tháng 9-1960, Tỉnh ủy lại chọn Giồng Trôm với năm xã Phong Năm, Phong Mỹ, Châu Phú, Châu Hoà, Châu Bình làm điểm chỉ đạo (lúc này Mỏ Cà được xác định là hướng phụ). Sự lựa chọn này đã gây bất ngờ với địch vì chúng đang lo đối phó ở Mỏ Cà. Mặt khác ở Châu Phú (Giồng Trôm), cơ sở nội tuyến mà ta xây dựng được là đại đội trưởng đại đội bảo an và một số cơ sở khác. Chính vì vậy, việc lấy đồn Châu Phú và đánh bốt Nhà thờ Tân Phú ta thực hiện được dễ dàng. Đồng khởi ở vùng trọng điểm nhanh chóng giành được thắng lợi đã cổ vũ, khích lệ các nơi khác trong toàn tỉnh nổi dậy.

Cũng có nơi, điểm chỉ đạo Đồng khởi lại không phải là nơi địch yếu mà ngược lại (như Tua Hai ở Tây Ninh). Đây là một khó khăn cho ta. Song, khi đã lựa chọn những nơi này làm điểm, lãnh đạo và chỉ huy các cấp đều có cơ sở chắc chắn bảo đảm đánh

là giành thắng lợi. Thực tế đã chứng minh sự lựa chọn ấy là hoàn toàn đúng đắn. Ở Tây Ninh, ta chọn Tua Hai bởi đây cũng là nơi ta có cơ sở nội tuyến mạnh. Cơ sở của ta hoạt động cả trong hàng ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan. Đặc biệt một cơ sở của ta làm việc ở bộ phận quân lực. Vì vậy ta nắm thực lực quân số, vũ khí, trang bị của địch trong căn cứ khá chắc. Một cơ sở khác phụ trách thông tin liên lạc của trung đoàn đóng tại Tua Hai. Do đó mà diễn biến tình hình hàng ngày của địch trong căn cứ ta đều biết hết. Không chỉ có vậy, trong căn cứ ta còn tổ chức cả một chi bộ đảng, chi bộ này chịu sự lãnh đạo từ bên ngoài do một huyện ủy viên, có lúc là tỉnh ủy viên phụ trách.

Thứ ba, chọn thời điểm mở đầu Đồng khởi sao cho có lợi nhất:

Điều này trước hết phải xuất phát từ thời cơ chung của Đồng khởi (khi tình thế cách mạng xuất hiện). Song không phải cứ có thời cơ thuận lợi là Đồng khởi thắng lợi. Trong điều kiện địch mạnh hơn ta nhiều lần, để bảo đảm chắc thắng, ta phải tìm được chỗ sơ hở của địch, khoét sâu được điểm yếu của chúng, đồng thời khắc phục được hạn chế, phát huy được sở trường của mình. Về vấn đề này, lãnh đạo, chỉ huy các cấp ở Nam Bộ đã thực hiện tương đối tốt qua việc chọn thời điểm mở đầu các đợt Đồng khởi lớn cũng như những trận đánh khởi ngòi cho Đồng khởi ở các địa phương. Ví như, khi đánh các trận lớn mở đầu cho Đồng khởi, ta thường chọn vào *lúc nửa đêm* (trận Tua Hai ở Tây Ninh, trận Đức Lập ở Long An...). Đặc biệt, những trận này được tiến hành vào những ngày giáp Tết âm lịch, khi lực lượng địch về nghỉ Tết khá đông, tư tưởng binh lính vào thời điểm này thường không ổn định. Đồng khởi ở các tỉnh miền Trung Nam Bộ cũng được Liên tỉnh ủy phát động trong toàn khu vào thời gian này (theo chỉ đạo của Liên tỉnh ủy bắt đầu từ ngày 15-1-1960, nhưng đa số các tỉnh Đồng khởi từ ngày 17 đến ngày 25-1, tức là chỉ một tuần trước khi Tết).

Chính điều này đã gây bất ngờ lớn đối với địch và tạo sức mạnh cho ta giành được thắng lợi trong Đồng khởi.

Thứ tư, tổ chức nghi binh lừa địch, tạo yếu tố bất ngờ, bảo đảm chắc thắng cho Đồng khởi:

Trong bối cảnh địch mạnh hơn ta gấp bội về mặt quân sự, muốn giành được thắng lợi trong Đồng khởi, ta phải tổ chức tốt việc nghi binh lừa địch, tạo được yếu tố bất ngờ.

Bến Tre Đồng khởi đợt đầu năm khi tình chưa lập được một đơn vị vũ trang nào, nhưng để hù dọa địch, các tổ hành động được thành lập đã lấy danh nghĩa Tiểu đoàn 502 - đơn vị đã từng thắng địch trong trận Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung (9-1959) làm địch khiếp sợ. Tỉnh còn chỉ đạo tổ chức các đội thanh niên mang vác các loại súng giả làm bằng bập dừa như bộ đội thật. Để tạo ra tiếng nổ, nhân dân có sáng kiến dùng nhiều ống tre nén khí đá vào rồi đốt làm địch tưởng ta có nhiều súng thật. Chính điều này đã gây hoang mang cho chúng, tạo thuận lợi cho Đồng khởi giành thắng lợi tại ba xã điểm Đồng khởi của tỉnh là Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp. Cũng ở Bến Tre, trong đợt Đồng khởi tháng 9-1960, tỉnh chọn Giồng Trôm là hướng chính. Lúc này địch đã đề phòng sau Đồng khởi đợt đầu năm nên việc tạo yếu tố bất ngờ không đơn giản như trước. Tỉnh đã nghi binh lừa địch bằng cách tung tin và tổ chức các hoạt động làm địch lầm tưởng ta sắp đánh lớn ở thị xã. Chúng lập tức điều hai tiểu đoàn đang đóng ở Giồng Trôm về bảo vệ thị xã. Đồng khởi ở Giồng Trôm vì thế bớt khó khăn.

Tại Kiến Phong, trước khi bước vào Đồng khởi, để đánh lạc hướng địch, tỉnh sử dụng một phân đội thuộc Đại đội 272 và đặc công của tỉnh đánh sập Tháp mười tầng - một đài quan sát kiên cố của địch ở Đồng Tháp Mười. Trong lúc địch tập trung vào hướng này thì tỉnh phát động Đồng khởi ở huyện điểm Hồng Ngự.

Thứ năm, tổ chức, sử dụng lực lượng hợp lý trên các mũi, các hướng trong trận mở đầu cũng như trong cả quá trình Đồng khởi:

Đồng khởi dù tiến hành theo phương thức nào thì vấn đề đầu tiên cũng phải tiêu diệt được lực lượng quân sự địch đóng giữ tại địa bàn, bởi đây là công cụ gìn giữ và bảo vệ chính quyền địch. Nếu không tiêu diệt được lực lượng này thì dù quân chúng có sức mạnh đến đâu cũng không lật đổ được chính quyền của chúng. Ở những nơi lực lượng quân sự mạnh (như Tây Ninh), ta phải tập trung cao độ lực lượng vũ trang vốn có của mình để giành thắng lợi. Trong trận Tua Hai, gần như toàn bộ lực lượng chủ lực miền và bộ đội tỉnh Tây Ninh được huy động.

Ở các tỉnh, lực lượng quân sự của địch không phải mạnh lắm, lực lượng vũ trang tỉnh bao giờ cũng được ưu tiên sử dụng cho các vùng trọng điểm nhằm giải quyết dứt điểm các đồn bốt của địch trấn giữ địa bàn, sau đó lực lượng quân chúng mới nổi dậy truy lùng tế điệp, ác ôn, xóa bỏ chính quyền địch.

Tại Long An, mở đầu Đồng khởi, tỉnh sử dụng một trung đội của Tiểu đoàn 506 phối hợp với cơ sở nội tuyến tiêu diệt đồn Đức Lập (thuộc huyện Đức Hòa), một trong những điểm chỉ đạo của tỉnh, sau đó phát động nhân dân toàn huyện nổi dậy xóa bỏ chính quyền địch ở cơ sở. Tỉnh Kiến Tường, Đồng khởi cũng bắt đầu bằng việc Tiểu đoàn 504 diệt đồn Maren (xã Phong Phú - Vùng 6), rồi phát lệnh khởi nghĩa. Tỉnh Kiến Phong, một phân đội của Đại đội 267 kết hợp với đặc công (thuộc Tiểu đoàn 502) đánh đồn Mỹ Hoà, điểm chỉ đạo của huyện Mỹ An, mở đầu cho Đồng khởi ở đây...

Ở những tỉnh chưa xây dựng được lực lượng vũ trang (như Bến Tre), ta tổ chức ra những tổ hành động làm nòng cốt. Mục tiêu hàng đầu phải tiêu diệt để phát động Đồng khởi vẫn là lực lượng quân sự địch ở cơ sở (như bảo an hoặc dân vệ) đóng tại đồn hoặc cơ động. Bến Tre, Đồng khởi bắt đầu từ xã Định Thủy, tại đây địch có một đồn do một tiểu đội dân vệ canh giữ, đó là

đồn Vàm Nước Trong. Ngoài lực lượng địch đóng tại đồn, đây còn có một tổng đoàn dân vệ lưu động (có 11 tên). Trước khi diệt đồn Vàm Nước Trong, ta đã diệt Tổng đoàn dân vệ và phát động Đồng khởi.

Lực lượng vũ trang không chỉ được sử dụng để tiêu diệt địch tại chỗ mà trong quá trình Đồng khởi, khi cần, đã trở thành lực lượng cơ động ứng cứu những nơi *Đồng khởi* gặp khó khăn. Ở Bến Tre, trong Đồng khởi đợt đầu năm, tại ba xã điểm, khi Đồng khởi ở Bình Khánh gặp khó khăn, tình lập tức điều một tiểu đội vũ trang (vừa mới thành lập) từ Định Thủy sang hỗ trợ. Nhờ vậy, Đồng khởi ở đây nhanh chóng giành thắng lợi.

Bên cạnh việc ưu tiên lực lượng vũ trang cho các vùng trọng điểm Đồng khởi, để tiêu diệt lực lượng quân sự địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy hay cơ động ứng cứu các nơi, việc tổ chức, sử dụng lực lượng chính trị của quần chúng tại những nơi diễn ra Đồng khởi cũng được các địa phương thực hiện với những phương án tối ưu. Quần chúng không chỉ tham gia nổi dậy tại chỗ mà còn kéo đi hỗ trợ các địa phương khác, kéo vào thị xã, thị trấn đấu tranh chính trị hay tham gia trong các đoàn dân công vận chuyển vũ khí thu được của địch... Đặc biệt, trong Đồng khởi, ta đã tận dụng và phát huy vai trò của các cơ sở nội tuyến xây dựng được trong hàng ngũ địch. Chính điều này đã tạo thuận lợi và tăng thêm sức mạnh cho ta giành được thắng lợi. Các tỉnh Long An, Kiến Tường, An Giang trong Đồng khởi đợt đầu năm, ta đều sử dụng nội tuyến trong việc đánh đồn, mở đầu Đồng khởi ở tỉnh. Trong Đồng khởi đợt tháng 9-1960, ở Bến Tre với việc xây dựng được cơ sở nội tuyến là Đại đội trưởng đại đội bảo an nên ta đánh đồn Châu Phú không tốn một viên đạn.

Thứ sáu, nhạy bén, linh hoạt và quyết đoán trong xử trí các tình huống:

Chúng ta đều biết, vào cuối năm 1959 đầu năm 1960, trong bối cảnh chung là chính quyền Sài Gòn bắt đầu khủng hoảng nghiêm trọng, cách mạng miền Nam có chuyển biến lớn, những

điều kiện chủ quan và khách quan cho cuộc nổi dậy giành chính quyền ở cơ sở đã xuất hiện. Song không phải trên tất cả các địa bàn, tình hình đều diễn ra như nhau. Có nơi phong trào diễn ra sôi nổi, rầm rộ, có nơi vừa phải, có nơi không thực hiện được. Điều này, ngoài những yếu tố khách quan như đặc điểm chiến trường, so sánh tương quan lực lượng địch - ta... một nhân tố không kém phần quan trọng, đó là sự nhạy bén, quyết đoán trong xử trí các tình huống.

Có thể dẫn ra một vài ví dụ chứng minh điều đó. Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ tư (11-1959) chưa hề có chủ trương nổi dậy đồng loạt trên các địa bàn mà mới chỉ đưa ra phương hướng: "Giữ vững và đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng... ra sức xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng... để khi có điều kiện nắm lấy thời cơ chiến thắng hoàn toàn kẻ địch giành lấy thắng lợi cuối cùng"¹. Sau Hội nghị Xứ ủy lần thứ tư, tháng 12-1959, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ họp, trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Trung ương 15 và Nghị quyết Xứ ủy Nam Bộ, căn cứ tình hình thực tiễn địa phương đã quyết định phát động nổi dậy trong toàn khu vào tháng 1-1960. Để các địa phương có đủ thời gian chuẩn bị, ngay trong lúc Liên tỉnh ủy còn đang họp, Liên tỉnh ủy đã điện cho các địa phương tỉnh thân Nghị quyết Trung ương 15 và quyết định nổi dậy đồng loạt trong toàn khu vào tháng 1-1960. Đây là một quyết định rất sáng suốt và đúng đắn của Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ. Hay như ở Bến Tre, khi đồng chí Nguyễn Thị Định - Phó Bí thư Tỉnh ủy đi dự hội nghị Liên tỉnh ủy về thi lãnh đạo của tỉnh (kể cả đồng chí Bí thư Tỉnh ủy) đã xuống các địa phương chỉ đạo phong trào theo tinh thần công điện của Liên tỉnh ủy. Không thể chờ có đủ các đồng chí trong Tỉnh ủy mới

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.991, 986.

họp để triển khai công việc (vì thời gian quá gấp), đồng chí Nguyễn Thị Định đã tổ chức họp Tỉnh ủy và thống nhất chủ trương nổi dậy trong toàn tỉnh bắt đầu từ ngày 17-1-1960, sau đó báo cáo lại tình hình cho đồng chí Bí thư. Đây là một quyết định khá táo bạo. Nếu không nhạy bén, linh hoạt, quyết đoán thì khó có thể làm được như vậy.

Một minh chứng nữa cho sự nhạy bén, năng động và sáng tạo của lãnh đạo tỉnh Bến Tre trong Đồng khởi là quyết định "tản cư ngược". Thông thường, tản cư là tạm rời nơi mình đang ở đến một nơi khác, xa chiến sự, để tránh thiệt hại về người và tài sản, thì ở Bến Tre, lãnh đạo tỉnh lại làm ngược lại. Đó là việc đưa dân (chủ yếu là phụ nữ ra thị trấn Mô Cày đấu tranh trực tiếp với địch, tố cáo tội ác của chúng đòi chúng phải rút quân về làm thất bại một cuộc càn lớn mà địch tổ chức hồi đầu tháng 4-1960 nhằm triệt hạ lá cờ đầu của Đồng khởi ở Nam Bộ.

Sự nhạy bén, quyết đoán không chỉ được thể hiện ở cấp lãnh đạo, chỉ huy mà ngay tại cơ sở, quần chúng cũng thể hiện trí thông minh, dũng cảm của mình qua việc xử trí linh hoạt các tình huống. Trong Đồng khởi đợt đầu năm, tại ba xã điểm, cuộc nổi dậy diễn ra không phải dễ dàng. Đầu tiên là việc lập mưu diệt Đội Tỳ và Tổng đoàn dân vệ Minh Đạt ở Định Thủy. Kế hoạch và phương án tác chiến phải thay đổi liên tục. Đến lần thứ ba, tổ hành động mới thực hiện có kết quả. Ở Phước Hiệp, kế hoạch hành động đã xác định là ngày 17-1-1960, nhưng cơ sở nội tuyến nhất sợ không dám hành động, nên kế hoạch lầy độn không thành. Ở Bình Khánh trước ngày Đồng khởi, một cán bộ huyện ủy phụ trách nổi dậy ở xã bị địch bắt và chúng đánh hơi thấy ta có sự chuẩn bị nên tăng cường lực lượng công an Ngô Quyền về lùng sục. Song từ những khó khăn bất ngờ ngoài dự kiến đó, quần chúng đã tỏ rõ lòng kiên trung, óc sáng tạo, mưu trí tìm ra cách giải quyết rất phù hợp, đúng đắn, như việc tổ hành động ở xã Định Thủy giả là người đi tảo mộ, ghé tiệm

uống trà mà Đội Tỳ đang ngồi nhậu rồi bất ngờ quật ngã hẳn, sau đó bắt cả Tổng đoàn dân vệ Minh Đạt. Ở Bình Khánh, cơ sở của ta lừa bọn công an Ngô Quyền xuống ao bắt cả nhậu rồi dùng chài quăng trùm kín đầu chúng diệt gọn lực lượng này.

Ở Tây Ninh, trước khi đánh Tua Hai, cơ sở của ta bị lộ, địch bắt đi hàng chục người, nhưng chỉ ba tháng sau, tỉnh đã mọc nổi được với cơ sở còn lại, xây dựng lực lượng mạnh. Chọn vào thời điểm mà địch bất ngờ nhất (đêm 28 Tết, khi binh lính đã đi phép khá đông), ta tổ chức đánh. Địch không kịp chống đỡ. Lực lượng ta ít nhưng ta nghi trang, huy động cả dân quân du kích, dân công tham gia trận đánh làm địch lầm tưởng là quân ta đông, chúng càng hoang mang. Nhờ vậy, ta thực hiện trận đánh một cách hiệu quả.

Ngay ở những tình tiến hành Đồng khởi khá thành công như Bến Tre và Tây Ninh thì cũng không phải không có khó khăn. Song, với bản lĩnh và kinh nghiệm dày dặn của lãnh đạo các cấp, lòng dũng cảm, sự sáng tạo của quần chúng, Đồng khởi ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ đã thành công. Có những tình huống vượt ra ngoài khả năng của địa phương, song do xử trí tốt, ta đã giành được thắng lợi.

Từ những phân tích trên, có thể thấy nghệ thuật chỉ đạo và thực hành Đồng khởi ở Nam Bộ có nhiều độc đáo và sáng tạo. Chính điều này đã gây những bất ngờ lớn đối với địch và tạo sức mạnh cho ta giành thắng lợi trong Đồng khởi. Đây vừa là nguyên nhân dẫn đến thành công đồng thời cũng là bài học của Đồng khởi ở Nam Bộ.

**Ý NGHĨA THẮNG LỢI
CỦA PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI 1959-1960
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC**

Thiếu tướng, TS. PHẠM VĂN THẠCH*

Phong trào Đồng khởi 1959-1960 ở đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, trên toàn miền Nam nói chung là một hiện tượng lịch sử hết sức độc đáo, chỉ có thể có được trong chiến tranh nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng khởi chính là hình thức khởi nghĩa đồng loạt, cùng lúc của nhân dân ở nhiều địa phương có hậu thuẫn của những tổ đội vũ trang xung kích, vũ trang tuyên truyền, phá banh, phá rã ách kìm kẹp của chính quyền Sài Gòn, giành quyền làm chủ ở cơ sở với những mức độ khác nhau. Phong trào Đồng khởi ở miền Nam gắn liền với Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), nhưng Đồng khởi ở đồng bằng sông Cửu Long lại mang một sắc thái riêng.

Tại đồng bằng sông Cửu Long, ngoài chính sách "tố cộng", "diệt cộng" vô cùng hà khắc, những người dân còn phải trực tiếp

* Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. Ký yếu Hội thảo khoa học Phong trào Đồng khởi - Trí tuệ, sáng tạo của quân và dân đồng bằng sông Cửu Long, do Bộ Tư lệnh Quân khu IX phối hợp với Viện Lịch sử quân sự Việt Nam tổ chức, ngày 9-12-2009.

gánh chịu hậu quả nặng nề nhất của các Đạo dụ số 2 (1-1955), Đạo dụ số 7 (2-1955) về cải cách điền địa và nhất là Đạo dụ số 57 (10-1956) của chính quyền Sài Gòn, cho phép địa chủ có quyền chiếm dụng 100 héc-ta ruộng đất canh tác và 15 héc-ta đất hương hỏa... Vậy là, với những đạo dụ này, Mỹ - Diệm đã cướp trắng ruộng đất của nông dân, củng cố quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, xóa bỏ hoàn toàn thành quả cách mạng đã mang lại cho người nông dân. Tiếp đó, Mỹ - Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh (3-1959); ban hành Luật 10/59 (5-1959), quy định chỉ có hai hình thức tử hình và tù chung thân đối với cán bộ, đảng viên cộng sản; ban hành Luật số 21 (7-1959), đưa máy chém đi giết hại dã man cán bộ, đảng viên và những người yêu nước... Trước những mưu đồ thâm hiểm, hành động dã thú của quân thù, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long vẫn một lòng một dạ tin theo Đảng, ngóng chờ từng ngày từng giờ chủ trương, đường lối chỉ đạo của Đảng; song, mặt khác cũng tự nhận thức quy luật "có áp bức phải có đấu tranh", phải đứng dậy chiến đấu giành giật sự sống còn với quân thù.

Với ý thức nhạy bén và quyết đoán đúng đắn, kịp thời như vậy, các cấp ủy đảng địa phương đã bí mật lãnh đạo nhân dân xúc tiến việc xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ kháng chiến, tiến hành vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền. Theo đó, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ xây dựng ba đại đội, Liên tỉnh ủy miền Tây Nam Bộ xây dựng ba đại đội. Các tỉnh Rạch Giá, Hà Tiên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiến Tường, Mỹ Tho... đều xây dựng từ một tiểu đội đến một tiểu đoàn (trong đó có nhiều đơn vị mang danh nghĩa giáo phái); và hoạt động vũ trang diệt ác, trừ gian, phát động nhân dân nổi dậy phá kìm giành quyền làm chủ bắt đầu diễn ra và giành được thắng lợi bước đầu ở một số địa phương. Tuy nhiên, do chưa có sự chỉ đạo thống nhất về chủ trương và phương pháp đấu tranh, nên

phong trào chưa thoát khỏi khó khăn và vẫn tiếp tục chịu tổn thất lớn.

Trước đòi hỏi cấp thiết của cách mạng miền Nam, tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã họp Hội nghị lần thứ 15 (có các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp ở chiến trường tham gia). Sau khi nghe báo cáo và thảo luận về âm mưu, thủ đoạn khủng bố, đàn áp dã man của chính quyền và quân đội Sài Gòn đối với nhân dân, nhất là với những cán bộ, đảng viên và những người kháng chiến cũ trước đây; những nguyện vọng cấp thiết và cách thức, biện pháp đấu tranh của một số địa phương, trong đó có đồng bằng sông Cửu Long, Hội nghị ra Nghị quyết chỉ rõ: Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là "Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹. Đến đây, nguyện vọng trông đợi bao tháng ngày của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và của toàn thể nhân dân miền Nam nói chung đã được đáp ứng. Và, Nghị quyết 15 đã từng bước được chuyển đến các địa phương đồng bằng sông Cửu Long (tuy về thời gian có nhanh chậm khác nhau).

Ý Đảng hợp lòng dân, từ những Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung, tỉnh Đồng Tháp (Kiến Phong), Xẻo Rô, tỉnh Kiên Giang (Rạch Giá), Mỏ Cây, tỉnh Bến Tre (Kiến Hòa)..., phong trào Đồng khởi đã nhanh chóng lan rộng và giành thắng lợi ở khắp đồng bằng sông Cửu Long. Được các đơn vị vũ trang khơi ngòi và hậu thuẫn, ở Cà Mau và Bạc Liêu, ta tiêu diệt và bức hàng,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập. Sđd, t.20, tr.82.

bức rút 62 đồn bốt, giải phóng 55 xã; ở Rạch Giá, Sóc Trăng ta giải phóng 28 xã, 350 ấp; Cần Thơ giải phóng 11 xã, 300 ấp; Mỹ Tho, Gò Công, giải phóng hoàn toàn 32 xã liên hoàn giữa các huyện Châu Thành, Cai Lậy, Cái Bè; Trà Vinh giải phóng 12 xã, 198 ấp. Tại Bến Tre, trong đợt đầu giải phóng hoàn toàn 22 xã, 150 ấp và đợt 2 giải phóng tiếp được 51 xã, 300 ấp. Bên cạnh đó, ở một số tỉnh như Châu Đốc, An Giang... tuy Đồng khởi diễn ra có muộn hơn, nhưng ta cũng đã giải phóng được nhiều xã, ấp, mở rộng quyền làm chủ ở địa bàn biên giới.

Cuộc Đồng khởi thắng lợi vang dội ở khắp các vùng nông thôn tạo nên làn sóng mạnh mẽ dội vào thành thị. Điển hình là, nhân "Ngày đấu tranh thống nhất nước nhà - 20-7", hàng vạn quần chúng cách mạng ở các thành phố, thị xã, trong đó có thành phố Cần Thơ (Tây Đô) đã đồng loạt xuống đường phản đối chính sách độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm, đòi độc lập, tự do, hòa bình, cơm áo...

Như vậy, thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở đồng bằng sông Cửu Long không chỉ đơn thuần là việc đập tan được bộ máy kìm kẹp của chính quyền Mỹ - Diệm ở nhiều địa phương, giành quyền làm chủ về tay nhân dân, mà xét trên cả phương diện lý luận và thực tiễn phong trào Đồng khởi mang ý nghĩa rất sâu sắc. Đó là:

1. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi 1959-1960 ở đồng bằng sông Cửu Long đã minh chứng cho sự đúng đắn và hiệu quả của Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (khóa II). Đây là sự phản ánh trung thực nhất sự thống nhất lòng dân với ý Đảng. Những chủ trương, phương hướng, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đã gắn sát với thực tiễn tình hình và hoạt động cụ thể của quần chúng nhân dân các địa phương. Điều đặc biệt quan trọng là "Đảng đã cho đánh" - đánh bằng sự kết hợp chặt chẽ giữa chính trị với quân sự và binh vận. Tuy trong Nghị quyết có xác định: đấu tranh

chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang để đánh đổ chính quyền địch; song, xuất phát từ thực tế tình hình, các địa phương miền Nam đã linh hoạt vận dụng sáng tạo nghị quyết của Đảng, đồng thời tiến hành cả ba mũi tiến công quân sự, chính trị và binh vận, tạo nên thắng lợi to lớn của Đồng khởi - bước ngoặt quan trọng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Có thể khẳng định rằng, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã sớm tiếp thu và vận dụng một cách hết sức sáng tạo Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng để làm nên thắng lợi của cuộc Đồng khởi 1959-1960, *một cột mốc lịch sử quan trọng* trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở đồng bằng sông Cửu Long là một bộ phận rất quan trọng đã góp phần to lớn vào thắng lợi của phong trào Đồng khởi trên toàn miền Nam. Đến cuối năm 1960, ta đã làm chủ 600/1.298 xã ở Nam Bộ, 904/3.829 thôn ở vùng núi các tỉnh Trung Trung Bộ và 3.200/5.721 buôn sóc ở Tây Nguyên... Từ kết quả phong trào Đồng khởi, làn sóng đấu tranh chống chính quyền độc tài Mỹ và tay sai của các tầng lớp nhân dân bao gồm công nhân, nông dân, trí thức, học sinh, sinh viên, các tôn giáo... diễn ra ở nhiều quy mô, hình thức khác nhau khắp miền Nam. Từ chính cơ sở nền tảng này, ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã chính thức được thành lập, để *đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và nhân sĩ yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, để đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn Ngô Đình Diệm, thực hiện độc lập, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.*

3. Thắng lợi Đồng khởi của quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã góp phần quan trọng cùng phong trào Đồng khởi trên toàn miền Nam *giáng một đòn quyết định vào chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền*

độc tài Ngô Đình Diệm; buộc đế quốc Mỹ phải leo thang chiến tranh, thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam Việt Nam. Đồng thời, thắng lợi của Đồng khởi là mốc son đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng ở đồng bằng sông Cửu Long và toàn miền Nam - từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công.

4. Từ Đồng khởi, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã góp phần tạo dựng nên phương thức đấu tranh mới: kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và binh vận, trong đó đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị là hai hình thức cơ bản và quyết định để làm nên thắng lợi vĩ đại. Bởi, quân và dân đồng bằng sông Cửu Long và quân và dân miền Nam không thể tay không mà đứng dậy đấu tranh, trong khi quân thù ngang nhiên sử dụng đại bác, xe tăng càn quét, tìm diệt cơ sở cách mạng, bắn giết cán bộ, đảng viên và nhân dân, tàn phá xóm làng, dồn dân vào các khu dinh điền, khu trù mật để quản lý, kìm kẹp; do vậy, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác là phải vũ trang khởi nghĩa. Và lực lượng vũ trang, đấu tranh vũ trang phải luôn đi trước một bước, phải đóng vai trò khởi ngòi, "dòn xeo", tạo thế và thời cơ cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ thôn, ấp. Mặt khác, để bảo vệ thành quả đấu tranh đã giành được không thể không có lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, vì quân thù không bao giờ chịu chấp nhận mất đất, mất dân, mà sớm hay muộn nhất định chúng sẽ tập trung sức mạnh quân sự đánh chiếm lại. Không chỉ dừng lại ở Đồng khởi, mà sự kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận đã trở thành phương thức đấu tranh cơ bản, xuyên suốt trong quá trình cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân đồng bằng sông Cửu Long cũng như của toàn miền Nam, chỉ có khác là quy mô và hình thức tổ chức luôn luôn có sự phát triển không ngừng và gắn chặt với quá trình phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chính những cuộc *Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, Tổng tiến công 1972 và Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975* là những cột mốc hào hùng minh chứng cho sự trường tồn và phát triển đến đỉnh cao của phương thức đấu tranh này.

5. Từ phong trào Đồng khởi ở đồng bằng sông Cửu Long, một lực lượng rất độc đáo mà chắc chắn chỉ có được ở trong phong trào đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Việt Nam, đó chính là "đội quân tóc dài" - một đội quân phát huy cao độ truyền thống anh hùng của tổ tiên "Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh". Thuật ngữ "đội quân tóc dài" xuất hiện chính từ phong trào Đồng khởi ở đồng bằng sông Cửu Long. Sự kiện "tấn cư ngược" ra thị trấn Mỏ Cày của đội quân tóc dài tỉnh Bến Tre với hàng ngàn người tham gia, được tổ chức thành nhiều đợt thay phiên nhau, tràn vào công sở, doanh trại quân địch để tố cáo hành động đàn áp, giết hại dã man quần chúng nhân dân, đòi bồi thường nhân mạng người bị sát hại... diễn ra liên tiếp trong nhiều ngày, buộc địch phải nhượng bộ, bỏ dở cuộc hành quân càn quét vào ba xã điểm Đồng khởi của Mỏ Cày là Định Thủy, Bình Khánh, Phước Hiệp là một minh chứng sống động về uy lực và chiến thắng của đội quân chiến lược này. Từ đây, "đội quân tóc dài" được nhân lên rộng khắp các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long và trên toàn miền Nam. Đây cũng là một trong những nhân tố quan trọng để phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung được tặng tám chữ vàng truyền thống "*Anh hùng bất khuất, trung hậu đảm đang*". Cũng từ Đồng khởi ở đồng bằng sông Cửu Long, giới chỉ huy quân sự Mỹ đã phải thừa nhận sự hiện diện và sức mạnh chiến đấu của lực lượng chiến lược này, và chúng cũng xác định đây là một trong những đối tượng tác chiến trực tiếp và tiềm ẩn trong cuộc kháng chiến ở miền Nam Việt Nam.

Như vậy, từ thắng lợi phong trào Đồng khởi 1959-1960 ở đồng bằng sông Cửu Long, chúng ta cần khẳng định rằng, Nghị

quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) thực sự là phát súng lệnh bảo đảm cho phong trào Đồng khởi diễn ra và giành thắng lợi ở đồng bằng sông Cửu Long và trên toàn miền Nam. Phong trào đã phản ánh sự gắn kết keo sơn giữa ý Đảng với lòng dân, những chủ trương và phương pháp lãnh đạo của Đảng phù hợp với thực tế tình hình và nguyện vọng của nhân dân. Ngược lại, chính thực tiễn hoạt động phong phú, sáng tạo và hiệu quả của nhân dân các địa phương là cơ sở vững chắc để Đảng đưa ra đường lối lãnh đạo phù hợp. Cũng từ đây, sự kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận đã trở thành phương thức đấu tranh cơ bản, quyết định để giành thắng lợi trong phong trào Đồng khởi 1959-1960, trở thành phương thức đấu tranh chủ yếu, xuyên suốt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở đồng bằng sông Cửu Long và toàn miền Nam. Cũng từ Đồng khởi, đồng bằng sông Cửu Long đã tạo dựng lên một "đội quân tóc dài" - một lực lượng chiến lược trọng yếu góp phần làm nên thắng lợi Đồng khởi nói riêng và thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói chung. Song, ý nghĩa lịch sử bao trùm nhất của Đồng khởi 1959-1960 ở đồng bằng sông Cửu Long chính là sự đóng góp công sức và trí tuệ rất quan trọng để tạo dựng nên *một thế, lực mới và đặc biệt là phương thức đấu tranh mới* - phương thức kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận hoàn toàn đúng đắn và phù hợp để phát triển sáng tạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, mà đỉnh cao nhất là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

ĐỒNG KHỞI BẾN TRE - 50 NĂM NHÌN LẠI

PGS, TS. TRINH MƯƠ*

Được Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) khẳng định "đường lối đấu tranh thống nhất và đường lối cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân", các đảng bộ miền Nam đã vận dụng sáng tạo nghị quyết trên vào thực tiễn và đưa cách mạng miền Nam lên một bước phát triển mới. Đầu năm 1960, phong trào nổi dậy vũ trang bùng phát mạnh mẽ trên toàn miền Nam.

Phong trào đấu tranh vũ trang dưới nhiều hình thức khác nhau ở khắp các tỉnh miền Nam dồn dập tấn công vào Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã gây ra một sự hoang mang cực độ trong chính giới Hoa Kỳ và Sài Gòn. Đây là một phong trào vừa mới lạ, vừa bất ngờ đối với chủ nghĩa đế quốc. Phong trào nổi dậy mà Mỹ và phương Tây gọi là phong trào Đồng khởi không giống các phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Đông Nam Á chống ách thống trị của thực dân Anh trong chủ trương chống phá việc xây dựng các ấp chiến lược mà đây là cuộc tấn công trực diện, tổng hợp của nhiều yếu tố chính trị, vũ trang, binh vận gây bất ổn định cho ý đồ xâm lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

* Nguyên Viện trưởng Viện Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Đến năm 2010 phong trào Đồng khởi tròn nửa thế kỷ. Các vấn đề Đồng khởi là gì? Đồng khởi có đồng nghĩa với đấu tranh vũ trang đầu tiên ở miền Nam không? Nội dung của phong trào Đồng khởi là gì? Đây là những vấn đề cho đến nay có đủ độ lùi để nhận diện một cách chính xác.

Nhân kỷ niệm 50 năm phong trào Đồng khởi chúng tôi hy vọng góp thêm lời giải "Đồng khởi Bến Tre - 50 năm nhìn lại".

1. Về chủ trương chuyển lên đấu tranh vũ trang ở miền Nam

Sau hai năm (1954-1956) nghiêm chỉnh thực hiện những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ và bình tĩnh xử lý những diễn biến mới trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Đảng ta đã kiên trì thực hiện đấu tranh chính trị trên cả hai miền đòi Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh chính trị từ năm 1955 đến năm 1958 với sự tham gia của 12 triệu lượt quần chúng trên toàn miền Nam đòi thực hiện Hiệp định, đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống khủng bố, đàn áp, chống "tố cộng", "diệt cộng" bằng phương pháp hòa bình với địch tỏ ra không đủ mạnh để đối phó có hiệu quả với địch, tạo chuyển biến cơ bản tình hình.

Mỹ - Diệm không chỉ xé bỏ Hiệp định mà còn điên cuồng khủng bố, đàn áp những người kháng chiến cũ, những lực lượng cách mạng đang lãnh đạo các phong trào đấu tranh trên toàn miền Nam. Vấn đề chuyển lên đấu tranh vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang trở thành một đòi hỏi tất yếu, một nhu cầu sống còn của cách mạng miền Nam.

Tư tưởng phải chuyển lên đấu tranh vũ trang đã có từ khá sớm ở Nam Bộ. Mặc dù phải tiến hành bí mật bởi những tác động từ sự chỉ đạo chung của phong trào cộng sản lúc đó bị chi phối bởi chủ trương "chung sống hòa bình" và đường lối "Tam

hòa" của Khorútxốp đang thịnh hành, song các cuộc đấu tranh có tính chất vũ trang đây đó vẫn nổ ra. Biểu hiện của sự bất hợp tác của quân và dân Cà Mau trong xây dựng các "làng rừng" chống lại chính quyền địch, hoặc ở nhiều nơi các cơ sở bí mật đã chủ trương thu gom vũ khí chuẩn bị cho đấu tranh vũ trang đã có dấu hiệu bùng phát. Tháng 6-1956, trong Nghị quyết số 70 ngày 18-6-1956 Bộ Chính trị đã chỉ rõ hình thức đấu tranh hiện thời là đấu tranh chính trị không có nghĩa là "tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm. Chúng ta chủ trương duy trì và phát triển các lực lượng vũ trang đó đến một mức độ nhất định"¹. Theo dõi thực tiễn tình hình, tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân miền Nam, Xứ ủy Nam Bộ đã chủ trương tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật, xây dựng các căn cứ ở miền núi để chuẩn bị cho cuộc chiến sắp tới. Đồng chí Lê Duẩn với tư cách là Bí thư Xứ ủy Nam Bộ đã viết tài liệu *Đường lối cách mạng miền Nam* trong đó chỉ rõ con đường giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là con đường vũ trang cách mạng.

Hình thức đấu tranh vũ trang trước khi có Nghị quyết 15 đã diễn ra ở nhiều nơi trên toàn miền Nam. Tuy lực lượng còn ít, trang bị hầu như chưa có gì đáng kể song tính chất đấu tranh vũ trang do biết dựa vào dân, do có các căn cứ kháng chiến đã diễn ra ở một số nơi như: các cuộc đấu tranh tập kích địch ở đồn Minh Thạnh tháng 8-1957 (Đông Nam Bộ), tập kích cơ sở khai thác gỗ của địch ở Hiếu Liêm, Biên Hòa tháng 9-1957, phục kích diệt một trung đội biệt kích của quân Phước Long tháng 11-1957, trận đánh của lực lượng vũ trang Đông Nam Bộ vào

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.17, tr.225.

quận lỵ Dầu Tiếng đầu năm 1958, tập kích vào trụ sở phái đoàn cố vấn Mỹ ở Biên Hòa tháng 10-1958.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn tình hình cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam, tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp và ra Nghị quyết 15. Nghị quyết khẳng định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước bằng bạo lực cách mạng. Con đường cách mạng bạo lực được chỉ rõ từ đấu tranh chính trị tiến tới kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và dự kiến đây là cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ.

Nghị quyết 15 là một luồng gió mới thổi bùng cao trào đấu tranh vũ trang ở miền Nam, đáp ứng nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân trên toàn miền Nam.

Tháng 10-1959, Xứ ủy Nam Bộ nhận được điện của Ban Bí thư thông báo những nội dung cơ bản nhất của Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tinh thần cơ bản xuyên suốt tư tưởng chỉ đạo của Đảng là con đường đấu tranh của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân để đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tháng 11-1959, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập Hội nghị Xứ ủy mở rộng đến bí thư các tỉnh ủy, thành ủy miền Nam tại Trảng Chiên (Rùm Đuôn, căn cứ bắc Tây Ninh) để quán triệt tư tưởng của Nghị quyết 15. Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ của các đảng bộ là lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Mỹ - Diệm, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang tiến tới đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm, tăng cường xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng chuẩn bị thời cơ đánh bại hoàn toàn kẻ thù.

Tiếp tục các cuộc đấu tranh vũ trang trước đây, Nghị quyết 15 đã tác động mạnh mẽ đến các cuộc đấu tranh vũ trang ở

miền Trung như ở Bắc Ái - Ninh Thuận, Trà Bồng - Quảng Ngãi, ở Nam Bộ như Tây Ninh, phong trào Đồng khởi ở Bến Tre năm 1959 đầu năm 1960. Đấu tranh vũ trang bùng phát, lan rộng với nhiều hình thức rất phong phú, đưa cách mạng miền Nam chuyển lên một giai đoạn mới mà một trong những hình thức đấu tranh vũ trang nổi bật là phong trào Đồng khởi ở Bến Tre đầu năm 1960.

2. Phong trào Đồng khởi ở Bến Tre

Cũng như các đảng bộ trên toàn miền Nam, Nghị quyết 15 đã mang đến cho Đảng bộ tỉnh Bến Tre một luồng gió mới. Đáp ứng với những đòi hỏi của thực tiễn ở cơ sở, lượng hóa những tư tưởng chỉ đạo của Trung ương trong Nghị quyết 15, Đảng bộ tỉnh Bến Tre chủ trương phát động phong trào Đồng khởi. Nhận rõ tư tưởng chỉ đạo "con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹. Đảng bộ bắt tay vào việc chuẩn bị Đồng khởi. Đồng khởi theo ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu đó là *đồng lòng khởi nghĩa* hoặc *đồng tâm khởi nghĩa*. Theo chúng tôi, Đồng khởi là *đồng loạt khởi nghĩa*. Khi quyết định tất cả các nơi trong toàn tỉnh đồng loạt nổi dậy, có ba nội dung của Đồng khởi Bến Tre được Đảng bộ phân công chuẩn bị trong quá trình lãnh đạo Đồng khởi.

Một là, "tấn công ngược". Trước đây do sự đàn áp gắt gao của địch trong chiến dịch lập khu trù mật, áp dân sinh kiểu "tát

nước, bắt cá" hồng tiêu diệt lực lượng lãnh đạo cách mạng, hầu hết cán bộ phải chuyển ra căn cứ, ra các cơ sở bí mật ngoài tỉnh để bảo toàn lực lượng. Khi chủ trương Đồng khởi có một cuộc "tấn công ngược" từ ngoài căn cứ về cơ sở trực tiếp lãnh đạo phong trào, dựa vào quần chúng nhân dân với tinh thần cách mạng triệt để, hầu hết các cán bộ chủ chốt đã chuyển vào cơ sở trực tiếp lãnh đạo phong trào. Đây là lực lượng lãnh đạo từ cơ sở cho đến toàn tỉnh trong cao trào Đồng khởi.

Hai là, với phương châm dựa vào dân, lực lượng đấu tranh chính trị hợp pháp của nhân dân, Đảng bộ chủ trương xây dựng "đội quân tóc dài" tức là lực lượng phụ nữ làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh chống khủng bố, đàn áp, bắt bớ của địch, kêu gọi binh lính quay súng chống lại các thế lực xâm lược. Đội quân chính trị do phụ nữ đi đầu được xây dựng rộng khắp các thôn, ấp đến các cơ quan xã, huyện, tỉnh trong toàn tỉnh. Đây là một lực lượng chính trị của phong trào Đồng khởi Bến Tre, trở thành "dáng đứng Bến Tre" trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là một đặc sắc trong xây dựng lực lượng chính trị cho phong trào đấu tranh chống Mỹ và tay sai.

Ba là, chủ trương "tay không vũ trang". Rõ ràng chuyển lên đấu tranh vũ trang đòi hỏi phải có lực lượng vũ trang ba thứ quân: dân quân du kích, bộ đội địa phương và có sự phối hợp của bộ đội chủ lực. Hiện tại ở Bến Tre các lực lượng tự vệ, vũ trang còn nhỏ bé, trang bị rất thô sơ. Đảng bộ chủ trương dùng rất nhiều hình thức nghi binh, bất ngờ gây hoang mang lúng túng cho địch. Bằng hình thức truyền đơn, tờ rơi có nội dung ghi rõ số hiệu đơn vị, trang bị của các lực lượng để nghi binh, bằng việc phối hợp dùng tất cả các loại vũ khí thô sơ, các công cụ có thể gây ra tiếng động để uy hiếp tinh thần địch, gây hoang mang khiếp đảm cho địch khi Đồng khởi nổ ra.

Với chủ trương và sự chuẩn bị tỉ mỉ, bí mật, bất ngờ ngày 17-1-1960 Đồng khởi ở Bến Tre bắt đầu. Đồng khởi bắt đầu nổ

1. *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.117.

ra ở ba xã Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp sau đó như phản ứng dây chuyền lan ra toàn huyện Mỏ Cây, Giồng Trôm, Thạnh Phú, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại. Ở khắp các nơi trong tỉnh hàng vạn quần chúng nhân dân nhất tề đứng lên với tất cả các loại vũ khí thô sơ có trong tay tấn công vào hệ thống chính quyền các thôn, ấp, xã, huyện, truy lùng bọn tay chân ác ôn của chính quyền địch, phá vỡ một mảng lớn hệ thống chính quyền Diệm ở cơ sở. Nhiều nơi quần chúng cách mạng đã diệt các đồn bốt, giải tán chính quyền, đập tan các tổ chức vũ trang ở nông thôn tay sai của địch. Trong tuần đầu tiên Đồng khởi Bến Tre, nhân dân 47 xã đã đứng lên đập tan bộ máy kim kẹp của địch, giải phóng 150 ấp, bức rút 47 đồn bốt và diệt hơn 300 tên tay sai của chính quyền Sài Gòn. Hình thức đồng loạt khởi nghĩa đã đưa lại một kết quả bất ngờ. Ở một số làng, xã được giải phóng một bộ máy chính quyền của dân đã ra đời thực thi các nhiệm vụ của cách mạng, như tịch thu ruộng đất của đại địa chủ chia cho dân, diệt tế trừ gian, bảo vệ cách mạng. Ảnh hưởng của Đồng khởi lan rộng. Thanh niên nhiều nơi tích cực tham gia các lực lượng vũ trang địa phương làm cho lực lượng vũ trang có bước phát triển cả số lượng và chất lượng. Đồng khởi Bến Tre đã tạo ra một phản ứng dây chuyền cho phong trào nổi dậy của quân và dân toàn miền Nam. Một cục diện mới cho phong trào đấu tranh ở miền Nam đã mở ra. Khí thế cách mạng lên cao. Kẻ thù thì hoang mang, hốt hoảng cực độ. Cùng Bến Tre, khắp Nam Bộ và Nam Trung Bộ cách mạng đã chuyển sang thế tiến công và nổi dậy. Cuộc khởi nghĩa vũ trang lần thứ hai giành lại chính quyền bị địch cướp mất sau Cách mạng Tháng Tám đã nổ ra và giành thắng lợi. Theo số liệu tổng kết người ta thấy có 865 xã ở Nam Bộ và 3.200 thôn ở miền núi Khu V đã giành được quyền làm chủ¹.

1. Xem Lê Mậu Hãn - Trần Bá Đệ - Nguyễn Văn Thư: *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997, t.3, tr.168.

Như vậy, có thể thấy Đồng khởi Bến Tre không phải là hình thức đấu tranh vũ trang đầu tiên ở miền Nam như ý kiến của cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã có lúc phát biểu là đúng. Đấu tranh vũ trang đã có ở nhiều nơi trước đó với nhiều hình thức và phương pháp khác nhau. Đó là bất hợp tác khi lập "làng rừng" ở Cà Mau và nhiều hình thức đấu tranh vũ trang trước đó. Song, Đồng khởi với chủ trương đồng loạt khởi nghĩa thì phải khẳng định là ở Bến Tre. Đây là chủ trương của Đảng bộ, do Đảng bộ lãnh đạo với ba nội dung như đã trình bày. Đồng loạt khởi nghĩa là hình thức riêng có của Bến Tre, một sáng tạo của Đảng bộ Bến Tre trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và vì vậy cũng có thể khẳng định Bến Tre là quê hương của Đồng khởi.

Đồng khởi là một sáng tạo mới trong tư duy chính trị của Đảng bộ Bến Tre trong tìm đường chuyển phong trào lên đấu tranh vũ trang. Nó đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công liên tục, kết hợp giữa tiến công với nổi dậy, kết hợp khởi nghĩa vũ trang với chiến tranh cách mạng để hoàn thành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Với Đồng khởi có thể khẳng định thời kỳ ổn định tạm thời của Mỹ - Diệm đã kết thúc bắt đầu chuyển sang một giai đoạn khủng hoảng sâu sắc trong nội bộ chính quyền Sài Gòn và cả trong quan hệ giữa Hoa Kỳ với các chính quyền do Mỹ dựng lên. Đồng khởi tuy chỉ diễn ra ở Bến Tre, các tỉnh miền Nam ở khu vực nông thôn - nơi tương quan lực lượng có lợi hơn so với thành thị song nó đã cổ vũ và kích thích phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang của học sinh, sinh viên, lực lượng các giáo phái và các lực lượng yêu nước các thành phố lớn trên toàn miền Nam.

Thắng lợi của Đồng khởi Bến Tre và cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân toàn miền Nam trong năm 1960 đã rung một

tiếng chuông cảnh báo sự thất bại khó tránh khỏi của các thế lực xâm lược. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã ra đời cuối năm 1960 tập hợp nhân dân đứng lên lật đổ mọi chướng ngại do Mỹ và chính quyền Sài Gòn dựng lên, thực hiện mục tiêu hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng khởi Bến Tre là mốc son trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

TRẬN TUA HAI GIÁ TRỊ VƯỢT HƠN MỘT TRẬN ĐÁNH

TRẦN BẠCH ĐĂNG*

Cách đây 40 năm, chiến thắng Tua Hai như một đợt phá khẩu làm rung chuyển chiến trường Đông Nam Bộ, vào thời điểm chính quyền Ngô Đình Diệm đã tương đối ổn định theo đánh giá của Bộ Chính trị Đảng ta.

Miền Nam Việt Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ, nằm dưới bàn tay sắt của một tập đoàn thống trị tàn ác khét tiếng. Mỹ đã hất cẳng Pháp, trở thành người chủ mới của chế độ Sài Gòn. Chính sách tố cộng, dinh điền, càn quét đã triển khai từ nam vĩ tuyến 17 đến tận mũi Cà Mau. Hàng chục vạn người dân, hàng vạn người kháng chiến cũ và đảng viên cộng sản, người yêu nước bị tàn sát, dồn vào các trại tập trung; bị tù đầy. Nông thôn, kể cả nông thôn hẻo lánh, đều bị kim kẹp gắt gao. Những hoạt động chống đối của các thế lực thân Pháp rộ lên cuối những năm 1954-1955 đã thất bại. Mỹ và Ngô Đình Diệm mở một "tủ kính trưng bày một mẫu mực thực dân kiêu mới ở nơi mà cao trào dân tộc từng đạt đỉnh điểm, đặc biệt với đại thắng Điện Biên Phủ".

* Nguyên Bí thư Thành ủy Sài Gòn, nguyên Phó Trưởng ban Dân vận Trung ương. Bài viết đăng trên tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 1-2000.

Dự kiến tuy chưa thật đầy đủ về khả năng xấu nhất của cách mạng miền Nam sau Hiệp định Giơnevơ, Xứ ủy đã bố trí những nòng cốt bí mật đặc biệt, đã chỉ đạo duy trì khung vũ trang trên các địa bàn xung yếu, như rừng U Minh, rừng đước Cà Mau, Đông Tháp Mười, nhất là Đông Nam Bộ.

Trên thực tế, lực lượng vũ trang tự vệ của nhân dân chưa bao giờ ngừng hoạt động, tất nhiên hoạt động với những mức độ và yêu cầu phù hợp.

Đông Nam Bộ giữ một vị trí chiến lược cơ động, trong kháng chiến chống Pháp là căn cứ của Bộ Tư lệnh Khu VII, rồi của Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông, gắn chặt với đồng bằng sông Cửu Long về phía nam, với Khu VI và nam Tây Nguyên về phía bắc, là cửa ngõ vào trung tâm nam Sài Gòn và có đường biên giới khá dài với Campuchia. Đông Nam Bộ nổi tiếng với Chiến khu Đ. Chiến khu Dương Minh Châu. Một khu rừng bạt ngàn nối Đông Nam Bộ với nhau, từ rừng Bời - Tây Ninh đến tận Xuyên Mộc - Bà Rịa, trên địa bàn đó, những quốc lộ huyết mạch nối với miền Nam xuyên qua là quốc lộ 1 từ Trung Bộ vào và đi đồng bằng, quốc lộ 22 lên Campuchia, quốc lộ 13 đi Lào, quốc lộ 14 đi Tây Nguyên và quốc lộ 20 đi Đà Lạt. Liền sau đình chiến, Ngô Đình Diệm đã đưa hàng chục vạn người di cư vào khai thác và sinh sống trên địa bàn này, coi như "chiếc áo giáp" che chở Sài Gòn từ phía đông, bắc và tây bắc.

Trong những ngày đầy khó khăn, theo sự chỉ đạo của Xứ ủy, các tỉnh ủy Tây Ninh, Bình Dương, Biên Hoà đã tổ chức những đơn vị nhỏ làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan lãnh đạo của Đảng, trừ gian và phá tế, đồng thời tạo đường dây liên lạc liên tỉnh với những trạm trú quân từ thượng nguồn sông Vàm Cỏ Đông đến thượng nguồn sông Đồng Nai. Một số cán bộ giàu kinh nghiệm tổ chức và chỉ huy quân sự được bố trí tại đây, như các anh Nguyễn Hữu Xuyến, Đỗ Văn Nguyễn, Lâm Quốc Đăng, Lê Thanh và nhiều đồng chí khác. Sau xung đột giữa các giáo phái

và Ngô Đình Diệm, một số bộ phận còn quyết tâm chống Ngô Đình Diệm được lực lượng vũ trang và các tỉnh ủy của ta giúp cho tồn tại. Đồng thời, ta cũng dùng danh nghĩa của giáo phái để thỉnh thoảng xuất hiện trong một số trận đánh như ở Minh Thạnh, Dầu Tiếng vào những năm 1958, 1959.

Riêng địa bàn tỉnh Tây Ninh, nơi mà công tác vận động binh lính địch của Tỉnh ủy thu được kết quả tốt và cũng là nơi mà phong trào quần chúng đấu tranh khá mạnh - ngay cả khi thoái trào. Biên niên sử còn ghi một đợt chống bắt lính của xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, liên kết với nội tuyến trong Sư đoàn 13 ngụy (lúc bấy giờ đang tràn ngập thị xã Tây Ninh). Do bất cẩn và nôn nóng, nên khả năng làm binh biến lớn trong Sư đoàn 13 đã không thành, tuy nhiên một số cơ sở của ta vẫn còn bám được đơn vị địch.

Biên niên sử cũng ghi một sự kiện khá độc đáo của Tây Ninh, đó là cuộc khởi nghĩa Trảng Cỏ - Cầu Xe. Trong một đêm, lấy cớ tìm trâu lạc, nhân dân hai ấp này (thuộc xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng - nằm trong phạm vi rừng Bời Lời và sát bắc Củ Chi) đã nổi đũa và đánh mô cướp chính quyền xã Đôn Thuận, bắt giam tế, giải tán dân vệ và truy lùng do thám. Tất nhiên, đó là một hành động mang tính chất tự phát nhiều hơn là thực hiện một kế hoạch có tính toán, bởi lẽ không thể nào khởi nghĩa thành công trên một địa bàn hẹp như thế. Nhưng toàn bộ tình hình của Tây Ninh cho thấy khả năng vùng lên của nhân dân đã chín muồi.

Hội nghị Xứ ủy lần thứ ba - hội nghị dài đến hơn một tháng - đã tranh luận sôi nổi về khả năng diễn biến của tình hình miền Nam, sau khi nghiên cứu tài liệu *Đường lối cách mạng miền Nam* của đồng chí Lê Duẩn viết lúc còn làm Bí thư Xứ ủy, một vấn đề đã hé mở: Sử dụng lực lượng vũ trang như thế nào để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng?

Hội nghị Xứ ủy lần thứ tư, bảy giờ đại biểu của Xứ ủy từ Hà Nội về đã trình bày nội dung của Nghị quyết Trung ương lần

thứ 15. Đồng bằng sông Cửu Long lại bắt đầu có những cuộc nổi dậy từ quy mô vừa đến quy mô lớn, liên xã và liên huyện. Trong Hội nghị, cuộc tranh luận vẫn sôi nổi quanh cái mà chúng tôi gọi là "liều lượng của hoạt động vũ trang" và "quy mô của tổ chức lực lượng vũ trang". Những người dự Hội nghị đều thấy rằng nếu chỉ vũ trang tuyên truyền và vũ trang tự vệ thì quả không đáp ứng đúng tình thế nhất là lúc cơ sở cách mạng miền Nam bị triệt phá nặng nề và Diệm đã ban hành Luật 10/59, lực lượng Mỹ đã lấp ló sau "cánh gà"... Hơn thế nữa, Diệm ráo riết tiến công vùng rừng Đông Nam Bộ bằng bố trí các cụm di cư, bằng cho quân đội tiến hành khai thác gỗ đại quy mô và bằng ủi những con đường dọc và ngang rừng từ Xa Mát, đầu quốc lộ 22 đến bờ sông Sài Gòn, cạnh quốc lộ 13 và cũng xẻ ngang xẻ dọc khu rừng bắc Tân Uyên, khu Mã Đà, xây hẳn một tỉnh - tỉnh Phước Thành với tỉnh lỵ Phước Vĩnh - giữa vùng rừng và bồi bạt ngàn này, chúng xây cả một sân bay dã chiến.

Tình thế đang chuyển biến, song khó khăn vẫn còn rất lớn đối với cách mạng. Sự khống chế của địch đối với rừng và các đồn điền cao su gây mất an toàn cho chúng ta. Nhu cầu tập hợp lực lượng vũ trang tương đối lớn hơn trước khi trở nên hết sức cấp bách, để làm chỗ dựa cho phong trào chính trị bạo lực bấy giờ toả rộng khắp đồng bằng sông Cửu Long.

Hội nghị Xứ ủy quyết tâm nâng cao chất lượng của cuộc cách mạng lên một bước mới. Nhưng, muốn được thế, cần giải quyết hai khâu then chốt: một là, có một căn cứ an toàn; hai là, có vũ khí.

Về căn cứ an toàn, mặc dù địch thọc sâu vào rừng Đông Nam Bộ nhưng đây vẫn là nơi chúng ta dễ lật ngược thế cờ. Đông Nam Bộ, đặc biệt là vùng Dương Minh Châu tiếp giáp với khu dân cư đông đúc quanh chân núi Bà Đen và tây bắc thị xã Tây Ninh, dính liền với biên giới Campuchia ở phần đất mà bản đồ ghi là "biên giới không minh định". Đường giao thông từ đây

đến đồng bằng Nam Bộ và đến Sài Gòn nói chung là thuận lợi. Một điểm cơ bản khác là xây dựng căn cứ ở đây không bị ràng buộc về lương thực, thực phẩm. Chắc chắn vào thời điểm đó, căn cứ Dương Minh Châu là nơi lý tưởng để đặt bộ chỉ huy cấp cao nhất miền Nam. Bên cạnh đó, lúc bấy giờ Chính phủ hoàng gia Campuchia do Thái tử Xihanúc lãnh đạo chủ trương thực hiện một nước Campuchia trung lập và hòa bình có thiện cảm với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Còn vấn đề thứ hai khá gai góc - vấn đề vũ khí. Chúng ta biết bước đầu đồng bằng sông Cửu Long thực hiện trong điều kiện những người khởi nghĩa trang bị một ít vũ khí thời Pháp, nói chung là trang bị vũ khí thô sơ. Những kho vũ khí lưu giữ của cuộc kháng chiến chống Pháp có một số lượng khiêm tốn, dù ở Đồng Tháp Mười hay ở rừng U Minh. Lại không thể chờ chi viện của trung ương - ngay vận tải đường biển cũng đang rất hạn chế và từ vùng biển Bến Tre, Trà Vinh hay Cà Mau, Kiên Giang chuyển lên Đông Nam Bộ thật vô cùng gian nan. Nhất thiết phải tìm một kho vũ khí của địch tương đối lớn để giải quyết vấn đề trang bị cho ta. Tua Hai nằm trong tính toán đó bởi đây là nơi chúng ta còn lực lượng nội tuyến, lại là một hậu cứ cấp trung đoàn, có thể dùng một lực lượng không đông chiếm được, vừa với sức còn yếu của ta.

Những gì diễn ra tại Tua Hai đã phù hợp với dự kiến của Xứ ủy. Với một trận đánh, Xứ ủy đã phân công hẳn một đồng chí Xứ ủy viên là đồng chí Mai Chí Thọ chịu trách nhiệm chung cùng một vị tướng rất nổi tiếng trong kháng chiến là đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến với một số đồng chí giàu kinh nghiệm phụ tá. Tua Hai lại nằm trên trục quốc lộ 22, đường giao thông khá gần và khá dễ vào trung tâm khu căn cứ.

Kết quả trận đánh, với hàng ngàn khẩu súng các loại từ chiến lợi phẩm, lực lượng vũ trang của chúng ta được tiếp thêm sức và súng Tua Hai - như các chiến binh thời ấy nói đùa: "súng nái sẽ sinh nở sồn sồn". Quả như vậy thật.

Sau chiến thắng Tua Hai, đơn vị bảo vệ căn cứ kháng chiến trung tâm thành lập - sau này, đổi thành Quân giải phóng. Cũng từ đó - đầu mùa khô năm 1960, toàn bộ cơ quan lãnh đạo của Xứ ủy đã chuyển về địa bàn Dương Minh Châu. Hội nghị Xứ ủy lần thứ năm tiến hành ngay trên mảnh đất này và cuối năm, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tuyên cáo thành lập. Cái Tết năm 1961 là cái "Tết giải phóng" đầu tiên của miền Nam, của Đông Nam Bộ sau nhiều năm tháng sống trong khủng bố.

Lịch sử của kháng chiến miền Nam, của Nam Bộ và Đông Nam Bộ, cho đến ngày toàn thắng, trải qua nhiều trận đánh, nhiều chiến dịch quy mô hơn trận Tua Hai gấp chục, gấp trăm, gấp ngàn lần nhưng trong lý lịch của chiến công thì chiến thắng Tua Hai vẫn là "bà đỡ" xứng đáng được nhớ ơn - một trận đánh khai sinh. Chúng ta nói điều đó để nhấn mạnh rằng một chiến thắng đã đạt ý nghĩa vượt xa hơn chính những số liệu mà chiến thắng ấy mang lại.

Tua Hai đi vào lịch sử một cách hiên ngang như thế.

CHIẾN THẮNG TUA HAI VÀ PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI NĂM 1960

LÊ MINH TRỌNG*

Trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, có những trận đánh quy mô không lớn, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần làm thay đổi cục diện chiến tranh. Trận tập kích Tua Hai là một trận đánh như vậy. Ý nghĩa thắng lợi của trận tập kích Tua Hai vượt khỏi phạm vi trận đánh thông thường, mở đầu cho phong trào Đồng khởi vũ trang không những tại Tây Ninh, mà còn là "phát pháo lệnh" cho cao trào vũ trang ở miền Đông Nam Bộ.

Trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1959), chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức đàn áp các lực lượng yêu nước, tiêu diệt ý chí độc lập thống nhất nước nhà của nhân dân miền Nam. Kẻ thù không từ bỏ một thủ đoạn độc ác nào để bắt, giam cầm, tàn sát các chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước. Song những cán bộ, đảng viên còn lại vẫn kiên cường bám trụ.

Tình hình này đã làm cho nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác là phải vùng lên đấu tranh. Nhiều phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng đòi địch phải thi hành

* Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tây Ninh.

Hiệp định Giơnevơ, hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Điều đó đã khẳng định sự tuyệt đối tin tưởng vào cách mạng, vào Đảng, vào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở nhiều nơi, quần chúng đã tìm mọi cách moi vũ khí được cất giấu sau khi tập kết ra miền Bắc, rèn mã tấu để tự trang bị cho mình, tổ chức các đội du kích mật để tiêu diệt những tên ác ôn có nợ máu với nhân dân. Đặc biệt, một số trận đánh của lực lượng vũ trang ở Minh Thạnh, Trại Be, Bến Củi (1957), Chi khu quân sự Dầu Tiếng (1958), v.v. đã gây tiếng vang lớn, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chống "tố cộng", "diệt cộng", tạo đà phát triển lực lượng cách mạng ở khắp mọi nơi.

Bằng quốc sách "tố cộng", "diệt cộng", Luật 10/59 lê máy chém đi khắp nơi, đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm tiến hành chiến lược "chiến tranh một phía" nhằm biến miền Nam làm bàn đạp xâm lược miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Nhân dân miền Nam không thể chịu đựng mãi ách thống trị của Mỹ - Diệm. Tình thế cách mạng cho cuộc khởi nghĩa từng phần đã chín muồi.

Trong không khí sục sôi căm thù và đứng trước xu thế vùng dậy của quần chúng, tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15. Hội nghị xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta và đường lối cách mạng miền Nam. Hội nghị nhận định rằng: con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Nghị quyết lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, dẫn đến cuộc Đồng khởi oanh liệt toàn miền Nam 1959-1960.

Thực hiện Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam Bộ họp tại Trảng Chiên (Tây Ninh) quyết định toàn dân vùng lên tiến công địch bằng chính trị kết hợp với vũ trang. Nhưng đối với Tây Ninh, Xứ ủy chủ trương chưa phổ biến Nghị quyết rộng rãi, cần phải giữ thể bất ngờ để tấn

công một cứ điểm quan trọng, mở màn cho chuyển biến giai đoạn cách mạng mới.

Theo đề nghị của Ban quân sự miền, Xứ ủy quyết định đánh cứ điểm Tua Hai để phát lệnh tiến công, mở ru cao trào vùng dậy của nhân dân toàn miền.

Tua Hai vốn là tháp canh của Pháp, xây dựng theo kế hoạch Delatt Tour, cách thị xã Tây Ninh 7km về phía bắc. Năm 1958, Mỹ - Diệm mở rộng thành căn cứ lấy tên là thành Nguyễn Thái Học do Trung đoàn 32 thuộc Sư đoàn 21 trú đóng. Đây còn là trung tâm huấn luyện, có một kho vũ khí lớn để trang bị cho những đơn vị lính mới thành lập và được bảo vệ nghiêm ngặt. Đối với địch, căn cứ Tua Hai còn là nơi tập trung quân để càn quét đánh phá vùng căn cứ cách mạng, nhưng đây cũng là nơi ta có cơ sở nội tuyến nhiều nhất.

Trong những năm 1956-1958, Tỉnh ủy Tây Ninh đã xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến rất mạnh ở Tua Hai, có chi bộ đảng trong trung đoàn địch. Chi bộ đã nhiều lần xin binh biến khởi nghĩa, nhưng Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục phát triển cơ sở, chờ thời cơ. Tháng 6-1959, hệ thống cơ sở bị lộ, địch bắt gần 120 cơ sở, trong đó có các đảng viên đưa ra tòa án binh kết án và đầy đa số anh em này ra Côn Đảo. Sau đó, Tỉnh ủy Tây Ninh vẫn cương quyết không từ bỏ mục tiêu sử dụng cơ sở nội tuyến trong Tua Hai và đã cử một tỉnh ủy viên trực tiếp phụ trách công tác này. Sau một thời gian, hệ thống cơ sở nội tuyến mới được hình thành và đã cung cấp cho cách mạng chính xác tình hình địch trong Tua Hai.

0 giờ 30 phút ngày 26-1-1960, trận đánh Tua Hai bắt đầu. Sau vài giờ chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ trận địa. Lực lượng dân công vào mang vác súng đạn, ai cũng đem hết sức mình để mang được nhiều vũ khí và chiến lợi phẩm chuyển ra vùng căn cứ cách mạng. Trận đánh Tua Hai diễn ra đúng như dự kiến, ta "tiêu diệt 400 tên địch, bắt 500 tên, thu 1.200 súng

các loại, phá huỷ nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh. Ta hy sinh 7 đồng chí¹.

Chiến thắng Tua Hai là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân Tây Ninh. Quân chúng phấn khởi vùng lên giải phóng 2/3 số xã trong toàn tỉnh, 70% bộ máy kìm kẹp của địch ở xã, ấp bị xóa bỏ. Vùng giải phóng mở rộng đến sát các thị trấn, bao quanh các đồn bốt địch. Với vũ khí thu được ở Tua Hai, Tây Ninh đã thành lập lực lượng vũ trang cấp tiểu đoàn đầu tiên, với phiên hiệu là Tiểu đoàn 14; các huyện, thị thành lập cấp đại đội. Từ đây lực lượng vũ trang của tỉnh được xây dựng chiến đấu và trưởng thành.

Chiến thắng vang dội của Tua Hai đã cổ vũ cho nhân dân các tỉnh miền Đông Nam Bộ và cả Nam Bộ vùng lên mạnh mẽ, mở đầu cho thời kỳ đấu tranh chính trị có lực lượng vũ trang hỗ trợ. Chiến thắng Tua Hai là loại hình Đồng khởi tiêu biểu ở miền Đông Nam Bộ bắt đầu từ tiến công quân sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng.

Chiến thắng Tua Hai và phong trào Đồng khởi diễn ra cách đây 50 năm, nhưng tinh thần chiến thắng vẫn mãi mãi ghi đậm trong mỗi con người chúng ta hiện nay.

Chiến thắng Tua Hai có ý nghĩa to lớn không chỉ cho hoạt động giáo dục truyền thống, mà điều đặc biệt quan trọng là đã để lại nhiều bài học lịch sử quý giá cho ngày nay, như vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang và nghệ thuật quân sự, vấn đề kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị của quần chúng trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, để vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, trước những biến động tình hình thế giới và khu vực, trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, Tỉnh ủy Tây

Ninh vẫn luôn quan tâm tới việc xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh bao gồm các đơn vị dân quân tự vệ ở các xã, phường, cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, các đơn vị dự bị động viên. Đây là lực lượng chiến đấu tại chỗ đánh địch nhanh nhất và kịp thời nhất và là lực lượng nòng cốt cho phong trào toàn dân làm công tác quốc phòng - an ninh, đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu của kẻ thù, bảo vệ địa phương, bảo vệ cơ sở.

Trong việc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, cũng phải thực hiện đổi mới trong xây dựng huấn luyện các đơn vị dân quân tự vệ, dự bị động viên, bộ đội địa phương và các cơ quan quân sự các cấp nhằm điều chỉnh hợp lý số lượng và quy mô tổ chức, nâng cao chất lượng và khả năng chiến đấu tại chỗ, đảm bảo trật tự an ninh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn, hoá, xã hội của địa phương.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Tây Ninh, lực lượng vũ trang tỉnh không ngừng củng cố, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức đảng, nâng cao phẩm chất đạo đức, vai trò gương mẫu, ý chí quyết chiến quyết thắng và năng lực vận động, giáo dục quần chúng của mỗi đảng viên trong lực lượng vũ trang, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh gắn với việc lãnh đạo xây dựng các cơ quan và đơn vị bộ đội địa phương vững mạnh toàn diện, xây dựng nền nếp chính quy, xây dựng đội ngũ đảng viên đi đôi với xây dựng đội ngũ cán bộ trong các lực lượng vũ trang địa phương để góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của đội ngũ cán bộ và cơ quan quân sự các cấp. Bảo đảm đội ngũ cán bộ quân sự có phẩm chất chính trị kiên định, có trí tuệ và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ. Phát huy sức mạnh của lực lượng tại chỗ trong khu vực phòng thủ, chủ động đối phó với mọi tình huống. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ, đồng thời

1. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, GS. TS. Trịnh Nhu (Chủ biên): *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Sđd, tr.237.

phải sát với quy hoạch phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng - an ninh của Tây Ninh trong tiến trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Với chiến thắng Tủa Hai mở màn cho phong trào Đồng khởi vũ trang năm 1960, với sự chỉ đạo và giúp đỡ của các ngành ở trung ương, Tây Ninh đã và đang xây dựng tiềm lực kinh tế, chính trị và quân sự của tỉnh. Đây là sức mạnh tổng hợp để sẵn sàng chiến thắng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nếu kẻ thù liều lĩnh gây ra. Tây Ninh là tỉnh biên giới trấn giữ phía tây bắc thành phố Hồ Chí Minh, có vị trí chiến lược quan trọng không chỉ trong chiến tranh giải phóng, mà còn cả hiện nay đang xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cho nên tỉnh đã ra sức xây dựng biên giới với Vương quốc Campuchia hòa bình, hữu nghị, hợp tác trong xây dựng kinh tế và đấu tranh chống các vi phạm chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia. Với điều kiện hiện nay, Đảng bộ tỉnh và quân dân Tây Ninh quyết tâm xây dựng tỉnh nhà giàu về kinh tế, tươi đẹp về văn hoá - xã hội, vững chắc về quốc phòng - an ninh nhằm đập tan mọi âm mưu của các thế lực thù địch nếu chúng thực hiện "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ trên quê hương Tây Ninh.

BẠC LIÊU TRONG PHONG TRÀO ĐỒNG KHởi

ThS. ĐÀO THỊ BÍCH HỒNG*

1. Cuộc đấu tranh giữ gìn lực lượng cách mạng

Theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, khu vực tập kết ở Nam Bộ được quy định gồm Hàm Tân, Xuyên Mộc (80 ngày), Cao Lãnh (100 ngày) và Bạc Liêu (200 ngày). Cuối tháng 2, đầu tháng 3-1955, sau khi ta thực hiện chuyển quân, bàn giao khu tập kết ở Bạc Liêu, địch kéo vào chiếm đóng hầu hết các huyện trong tỉnh. Chúng lập hệ thống đồn bốt dày đặc dọc theo các tuyến giao thông đường thủy và đường bộ. Thời gian đầu, chúng sử dụng biện pháp tuyên truyền dụ dỗ, lừa bịp nhằm tranh thủ quần chúng, nhưng đứng trước những cuộc đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của các tầng lớp nhân dân ngày càng cao, chúng tiến hành đàn áp, khủng bố bằng nhiều thủ đoạn thâm độc: thi hành chính sách "tố cộng", "diệt cộng", lập "khu trừ mật", "khu dinh điền" nhằm đánh vào cơ sở của Đảng Cộng sản, trả thù những người kháng chiến cũ.

Ngay sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng chủ trương chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện mới; sắp xếp cán bộ, bố trí lực lượng, tiến hành đấu tranh chính trị hòa bình, trước mắt là đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ.

* Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng với nhiệm vụ kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, thực hiện chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ, Ban Dân vận tỉnh Bạc Liêu có kế hoạch đưa cán bộ, chiến sĩ cài vào quân đội và cơ quan chính quyền các cấp của địch để góp phần che giấu lực lượng, bảo vệ nhân dân và cơ sở cách mạng. Tổ chức Thanh niên Cứu quốc trước đây đổi thành Đoàn Thanh niên Lao động, được xây dựng và củng cố theo hướng chú trọng chất lượng, lựa chọn trong những con em nông dân dũng cảm, mưu trí, có tinh thần cách mạng. Các tổ chức quần chúng khác được thay bằng Vạn vãn đối công, Bình dân học vụ, Hội phụ huynh học sinh, Hội cứu tế, tổ chức nữ công, Hội thể thao... Nhờ đó, cơ sở chính trị quần chúng vẫn được duy trì.

Về lực lượng vũ trang, ngoài cán bộ xã đội du kích, nhiều chiến sĩ bộ đội địa phương tỉnh, huyện và 200 cán bộ cấp trung đội đến tiểu đoàn không tập kết, mà tiếp tục ở lại địa phương hoạt động. 2.000 khẩu súng được chôn giấu.

Do những hành động tàn bạo của địch, yêu cầu vũ trang chống khủng bố ngày càng trở nên cấp thiết. Tháng 8-1955, Liên tỉnh ủy miền Tây và tỉnh Bạc Liêu lên kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang bí mật tại Bạc Liêu. Để che mắt địch, lực lượng này được nguy trang dưới tên gọi Đội bảo vệ hòa bình. Việc xây dựng lực lượng vũ trang bí mật được tiến hành tích cực, nghiêm túc, thận trọng. Trong ba tháng đầu đã xây dựng được 14 đại đội. Tự vệ ở làng, xã được xây dựng theo hình thức tự vệ thanh niên và các đội dân canh chống cướp¹.

Tháng 12-1956, trước sự chống phá điên cuồng của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, Xứ ủy Nam Kỳ xác định rõ "phương hướng trước mắt của phong trào là ngăn chặn những

thủ đoạn phát xít và âm mưu gây chiến của Mỹ - Diệm. Phương châm trước mắt là đấu tranh chính trị đơn thuần thì không được, mà đấu tranh vũ trang thì chưa phải. Trong đấu tranh của quần chúng nếu có lực lượng vũ trang hỗ trợ thì rất có lợi, nó tạo ra thế đấu tranh của quần chúng, phát huy khả năng tập hợp quần chúng, xây dựng và bảo vệ cơ sở cách mạng. Phương châm hiện nay là đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ"¹.

Tháng 12-1957, lực lượng vũ trang của tỉnh được thành lập - Tiểu đoàn Đinh Tiên Hoàng có nhiệm vụ diệt ác, trừ gian, trấn áp bọn phản cách mạng, vũ trang tuyên truyền xây dựng cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào đấu tranh chính trị, bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng trong tỉnh.

Như vậy, ngay từ đầu, Đảng bộ Bạc Liêu đã xác định rõ âm mưu, thủ đoạn của địch nên đã có chủ trương, biện pháp chỉ đạo đúng đắn, xác thực trong việc chuẩn bị các mặt cho cuộc đấu tranh lâu dài, quyết liệt.

Từ giữa năm 1956, phong trào đấu tranh của nhân dân Bạc Liêu ngày càng quyết liệt. Cuộc đấu tranh gay go, ác liệt nhất là chống "tố cộng". Để giữ gìn lực lượng và duy trì hoạt động trong điều kiện quân thù khủng bố dã man, Đảng bộ tỉnh đã sắp xếp lại tổ chức và rút vào hoạt động bí mật. Nhiều địa phương đã chủ trương "điều" (cán bộ đã bị lộ đi hoạt động ở địa phương khác) và "lảng" (cán bộ tạm thời rút vào hoạt động bí mật), kiên trì bám dân, bám đất, lãnh đạo phong trào. Cán bộ và nhân dân Bạc Liêu đã phấn đấu kiên cường và hy sinh vô cùng anh dũng. Phong trào chống quân địch, chống bắt lính diễn ra sôi nổi và rộng rãi. Nhiều nơi quần chúng tranh thủ được sự đồng tình của binh lính tại ngũ. Có nơi quần chúng kéo hàng trăm người lên

1. Xem Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu: *Lịch sử Bạc Liêu 30 năm kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr.146.

1. Tỉnh ủy Bạc Liêu: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*, Bạc Liêu, 2002, t.1, tr.217.

huyện, tỉnh đấu tranh. Phong trào đấu tranh chống địch chiếm đất, dồn dân cũng diễn ra quyết liệt. Phong trào đấu tranh cho những quyền lợi dân sinh, dân chủ phát triển khá liên tục. Ở thành thị, quần chúng đấu tranh chống khủng bố, chống sa thải; đòi tăng lương, cải thiện chế độ làm việc; đòi hạn chế ngoại hóa, bảo vệ nội hóa. Ở thôn quê có những cuộc đấu tranh chống cướp đất, tăng tô thuế, luật lệ hà khắc...

Đầu năm 1958, Tỉnh ủy chủ trương cho đơn vị vũ trang Đinh Tiên Hoàng tiến hành vũ trang tuyên truyền, diệt ác để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của nhân dân. Lực lượng vũ trang Đinh Tiên Hoàng đã liên tiếp tổ chức trấn áp bọn phản cách mạng, tế diệp ở các địa phương, nhất là các xã huyện Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Giá Rai và tổ chức chống hai trận càn của địch vào ấp Phước Hòa, Hậu Bồi (xã Phước Long), ấp Bình Dân (xã Lộc Ninh) gây cho địch nhiều thiệt hại. Cùng với lực lượng chính trị được bảo tồn, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng bước đầu được xây dựng lại. Đó là cơ sở để đưa phong trào cách mạng ở Bạc Liêu tiến lên.

Từ năm 1958, chính quyền Ngô Đình Diệm càng tăng cường khủng bố, đàn áp quần chúng, mở nhiều cuộc hành quân càn quét, dồn dân vào các trại tập trung, giết hại cán bộ cách mạng và quần chúng yêu nước. Năm 1959 là năm khó khăn ác liệt bởi sự khủng bố tàn sát dã man của địch. Tuy chúng không dập tắt được phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân, nhưng phong trào đấu tranh chính trị cũng bị giảm sút và lực lượng cách mạng tổn thất rất nặng nề.

Đánh giá về những chính sách tàn bạo của chính quyền Diệm, George C. Herring, một nhà nghiên cứu người Mỹ nhận định: "Cuộc khủng bố tàn khốc của Diệm chống lại các đối thủ chính trị đã gây ra ngày càng nhiều bất mãn ở thành thị cũng như nông thôn". "Do chính sách sai lầm của Diệm, mà cuộc Đông khởi này đã dễ dàng thu hút được quần chúng

nhân dân - người nông dân lúc này như "một cây rơm sẵn sàng bốc cháy"¹.

Cuối năm 1959, Tỉnh ủy tổ chức học tập và triển khai Chỉ thị của Ban Bí thư về chống Luật 10/59. Chỉ thị nêu rõ: "Sở dĩ địch phải dùng đến lực lượng quân sự quy mô, dùng chính sách phát xít công khai trắng trợn như đạo luật vừa rồi để đối phó với phong trào quần chúng, vì địch thất bại hoàn toàn về chính trị"². Chỉ thị đề ra nhiệm vụ "Phát động một phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ, rộng rãi, đồng thời từng nơi, từng lúc phát triển hoạt động vũ trang tuyên truyền, làm thất bại chính sách đàn áp khủng bố, chính quyền độc tài phát xít Mỹ - Diệm, đẩy chúng vào thế bị động, cô lập hơn nữa về chính trị. Trong những trường hợp cần thiết lực lượng vũ trang tuyên truyền có thể tiêu diệt từng bộ phận gian ác của địch. Xây dựng căn cứ cách mạng trên cơ sở vận động chính trị, đồng thời xây dựng lực lượng vũ trang, tiến hành vũ trang tự vệ, gọn, nhẹ, bí mật, linh hoạt"³.

Trước khi Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) được truyền đạt tới Bạc Liêu, trong năm 1959, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang Đinh Tiên Hoàng một số cuộc đấu tranh vũ trang đã nổ ra nhiều nơi, góp phần hạn chế các hành động đàn áp, khủng bố của địch. Từ đấu tranh chính trị, phong trào cách mạng Bạc Liêu đã phát triển thành đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ; có nơi, có lúc rất quyết liệt, phản ánh mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa Mỹ - chính quyền Sài Gòn và các tầng lớp nhân dân Bạc Liêu. Đó là phản ứng tất yếu của nhân

1. Xem George C. Herring: *Cuộc chiến dài ngày của nước Mỹ và Việt Nam (1950-1975)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004, tr.114-119.

2, 3. *Chỉ thị của Ban Bí thư ngày 7-5-1959*, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng. Dẫn theo *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*, Sđd, t.1, tr.238.

dân vì quyền sống đang bị đe dọa dưới chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm.

Các phong trào đấu tranh ngày càng quyết liệt chứng tỏ rằng chính sách tàn bạo của kẻ thù không dập tắt được phong trào quần chúng, không thể làm nhụt ý chí đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân Bạc Liêu; đồng thời cũng thể hiện nhân dân Bạc Liêu không thể chịu đựng được ách thống trị của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn nữa, và đến lúc phải đưa phong trào cách mạng Bạc Liêu tiến lên hình thức đấu tranh cao hơn.

2. Hai bước phát triển của phong trào Đồng khởi ở Bạc Liêu

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 xác định: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹.

Đảng bộ và quân, dân Bạc Liêu đón nhận Nghị quyết 15 của Đảng như người đang ngạt thở được luồng gió mới hồi sinh.

Từ ngày 28-1 đến ngày 10-2-1960, Tỉnh ủy Bạc Liêu họp quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, đề ra chủ trương và biện pháp lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân, xác định phương châm: "Dùng sức mạnh bạo lực của quần chúng kết hợp với vũ trang để nổi dậy. Dùng lực lượng vũ trang để làm đòn xeo, tiến hành khởi nghĩa đều khắp và đồng loạt, phát huy công tác binh vận, sử dụng cơ sở trong lòng địch, kết

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.20, tr.82.

hợp với tấn công chính trị và vũ trang giành thắng lợi"¹. Do tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch, Đảng bộ xác định quá trình nổi dậy của quần chúng để giành quyền làm chủ nông thôn chia làm hai bước:

Bước 1: Tạo thế, tạo lực, dùng bạo lực diệt ác, phá kìm, xây dựng lực lượng chính trị vũ trang, nhanh chóng thành lập các đội vũ trang huyện, xã để phối hợp với phong trào chính trị tiến công địch, cần phát huy thế mạnh thuận lợi từng khu vực, từng địa phương tiến công địch để giành thắng lợi không chờ đợi.

Bước 2: Đồng loạt tiến công địch để giành chính quyền, làm chủ nông thôn.

Trung tuần tháng 2-1960, kế hoạch Đồng khởi ở xã, thị trấn được vạch ra với những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Nắm, phân loại các tổ chức phản động của địch, danh sách ác ôn phải xử trí (diệt), chuẩn bị bản án, nắm chắc quy luật ăn, ở, di lại, có lệnh tổ chức diệt ngay.

- Công tác binh vận xây dựng gia đình binh sĩ tế nguy, vận động chống, con em diệt ác lập công, mang súng trở về với quân dân. Sử dụng nội tuyến làm nội ứng diệt đồn, phá tế.

- Phát động quần chúng nhận rõ thời cơ đã đến, tất cả hãy vũ trang gây gộc, giáo mác xuống đường truy bắt ác ôn, giải tán các tổ chức phản động của địch, đốt phá trụ sở tế, phòng thông tin, thiêu hủy các băng cờ, tranh ảnh của chế độ Diệm.

- Về tổ chức lực lượng, chi bộ đảng, chi đoàn thanh niên, lực lượng cốt cán chia thành hai bộ phận: Bộ phận lộ mặt (đối địch) được trang bị vũ khí, hoạt động công khai diệt ác, đánh địch phản kích. Bộ phận hợp pháp (bí mật) hoạt động với hình thức bí mật theo hệ thống rẽ chuỗi, đảm bảo thế hợp pháp tồn tại trong tình huống ta và địch tranh chấp kéo dài.

- Vũ khí trang bị cho lực lượng xã, áp phổ biến là mã tấu do địa phương tự tạo.

1. Tỉnh ủy Bạc Liêu: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu, Sđd*, t.1, tr.235.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, ngày 10-2-1960, đơn vị lực lượng vũ trang Đinh Tiên Hoàng tổ chức đánh địch, tiêu diệt một tiểu đội dân vệ tại xã Phong Thạnh (huyện Giá Rai) và bắt tên cảnh sát xã. Ngày 12-2-1960, đơn vị phục kích và tiêu diệt 1 trung đội bảo an Phước Long. Chỉ trong năm ngày ra quân, lực lượng vũ trang tỉnh đánh ba trận, tiêu diệt 2 trung đội, 1 tiểu đội, thu gần 30 súng.

Để chuyển phong trào Đồng khởi trên toàn bộ huyện Hồng Dân, lực lượng vũ trang tỉnh thống nhất với kế hoạch mở đợt tiến công diệt ác, phá kìm trong huyện để giành quyền làm chủ nông thôn, chủ yếu là xã Ninh Thạnh Lợi, một phần xã Vĩnh Lộc, Lộc Ninh.

Đầu tháng 3-1960, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, nhân dân xã Ninh Thạnh Lợi (huyện Hồng Dân) nổi dậy san bằng đôn bốt, truy lùng, giáo dục, giải tán bọn tề ấp và giải phóng hoàn toàn xã Ninh Thạnh Lợi. Cuối tháng 3-1960, phát huy những thắng lợi của Đồng khởi, các xã Lộc Ninh, Vĩnh Lộc, Ninh Thạnh Lợi huy động hàng ngàn quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang bao vây uy hiếp Đồn Bà Ai, Cai Giăng, quân địch vội vàng rút chạy. Thắng lợi này góp phần mở ra vùng giải phóng liên hoàn của ba xã Lộc Ninh, Vĩnh Lộc, Ninh Thạnh Lợi (huyện Hồng Dân).

Phát huy thắng lợi của huyện Hồng Dân, ngày 20-3-1960, một bộ phận lực lượng vũ trang Đinh Tiên Hoàng kéo quân xuống xã Long Điền, huyện Giá Rai, phối hợp với lực lượng chính trị quần chúng tại địa phương tiêu diệt đồn Cây Giang, bao vây bức rút cứ điểm Chủ Chí, giải phóng cơ bản xã Long Điền, Phong Thạnh, huyện Giá Rai.

Lực lượng vũ trang với sự hỗ trợ của nhân dân huyện Vĩnh Lợi đã tiêu diệt đồn Châu Thới, Cây Dương, Bàu Sàng... giải phóng 2/3 đất đai và 2/3 dân số toàn huyện.

Trước những kết quả của bước 1, Tỉnh ủy Bạc Liêu đánh giá: Ta giành thắng lợi lớn, vượt dự kiến, diệt 6 đồn, bức rút 1

đồn, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 300 quân địch, thu trên 100 súng, diệt hàng trăm phần tử tề điệp, liên toán thanh niên cộng hòa gian ác; giải phóng hoàn toàn 1 xã, giải phóng cơ bản 4 xã. Toàn bộ bộ máy kìm kẹp và các tổ chức phản động của địch bị xóa sạch. Quần chúng làm chủ cả quận lỵ và trực lộ 4. "Bên cạnh phong trào chính trị rộng lớn của quần chúng đang sôi sục khí thế Đồng khởi, lực lượng vũ trang tăng nhanh, tỉnh có 2 đại đội, huyện từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội, các xã đều có tiểu đội". Kiên quyết phát huy thắng lợi đã giành được, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo: "Tiếp tục đẩy mạnh tiến công địch, nhanh chóng tạo nên thế lực và tích cực chuẩn bị cho nổi dậy bước 2"¹.

Từ tháng 5 đến tháng 9-1960, toàn tỉnh mở đợt đồng loạt nổi dậy diệt ác, phá kìm để giải phóng nông thôn. Nhân dân khắp nơi trong tỉnh nổi trống mõ vang trời, phối hợp vùng đã được giải phóng với vùng còn tạm bị chiếm, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang thực hiện trấn áp tề điệp và bọn phản cách mạng, giải tán các tổ chức phản động, phá hệ thống đường giao thông, bao vây đôn bốt địch.

Các cuộc mít tinh liên tiếp diễn ra tại các địa phương. Đặc biệt ngày 2-9-1960, để biểu dương khí thế Đồng khởi và áp đảo tinh thần địch, Tỉnh ủy huy động lực lượng lớn, gần 10.000 quần chúng ở các huyện Giá Rai, Hồng Dân, Vĩnh Lợi, Thạnh Trị, kéo vào thị xã Bạc Liêu, cùng với lực lượng quần chúng tại thị xã xuống đường đấu tranh chống khủng bố, chống bắt lính, đòi hòa bình thống nhất đất nước... Đây là cuộc đấu tranh chính trị có quy mô lớn nhất ở tỉnh Bạc Liêu nói riêng và các tỉnh Tây Nam Bộ nói chung trong thời gian này, thể hiện quyết tâm và khí thế chính trị của quần chúng, tạo đà cho phong trào đấu tranh tiếp tục phát triển mạnh hơn.

Ngày 14-9-1960, Tỉnh ủy quyết định phát động phong trào Đồng khởi trên quy mô toàn tỉnh. Thực hiện lệnh Đồng khởi,

1. Tỉnh ủy Bạc Liêu: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*, Sđd, t.1, tr.241.

khắp nơi trong tình nhân dân kiên quyết vùng dậy, cùng lực lượng vũ trang truy bắt bọn ác ôn, giải tán bộ máy chính quyền, bao vây, tiêu diệt nhiều đồn bốt địch, vận động binh sĩ trong quân đội Sài Gòn về với nhân dân.

Trong phong trào Đồng khởi năm 1960, quân dân Bạc Liêu đã tiêu diệt và bức hàng 23 đồn bốt, loại khỏi vòng chiến đấu trên 500 quân địch, diệt 200 tên ác ôn, diệt và làm tan rã 3/4 số tế xã, giải tán toàn bộ tế ấp, thanh niên cộng hòa, tổ chức phong trào cách mạng quốc gia trong vùng nông thôn, phá tan khu trú mật Phước Long, vận động 250 binh sĩ bỏ ngũ, thu hàng trăm khẩu súng. Cuối năm 1960, trên cơ sở làm tan rã cơ cấu chính quyền ở nhiều vùng nông thôn, chính quyền tự quản của nhân dân được thành lập ở 24 trong tổng số 35 xã. Vùng giải phóng ở Bạc Liêu hình thành.

3. Đặc điểm và ý nghĩa lịch sử

Nhìn chung trong những năm 1954-1959, phong trào đấu tranh của nhân dân Bạc Liêu đã phát triển đi từ đấu tranh chính trị hòa bình, vũ trang tuyên truyền đến vũ trang tự vệ với đặc điểm nổi bật là: *Mạnh dạn, kiên quyết và thận trọng, trừ gian diệt ác trong đấu tranh chính trị hòa bình.* Đây là điểm sáng tạo trong chỉ đạo phong trào cách mạng của Đảng bộ tỉnh, nó chứng tỏ địa phương đã không đi vào đấu tranh chính trị hòa bình một chiều. Trên cơ sở lấy dân vận làm gốc, tiến hành trừ gian, diệt ác đúng nơi, đúng lúc, đúng đối tượng, duy trì và phát triển lực lượng chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang. Đó cũng là kinh nghiệm giữ gìn phong trào và lực lượng của Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu.

Tinh thần chủ động, sáng tạo và kết quả của những hoạt động vũ trang ở Bạc Liêu trong những năm đấu tranh giữ gìn lực lượng đã góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Đảng trong việc xác định phương hướng phát triển của cách mạng miền Nam nói chung.

Phong trào Đồng khởi ở Bạc Liêu đã diễn ra với sự kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, kết hợp nổi dậy của quần chúng với tiến công quân sự và binh vận, trong đó, tiến công quân sự của lực lượng vũ trang đi trước một bước, có tác dụng phá lỏng ách kìm kẹp của địch, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy liên tục và đều khắp.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi năm 1960 ở Bạc Liêu thể hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và chủ trương nổi dậy "Diệt ác, phá kìm, giải phóng nông thôn" của Đảng bộ Bạc Liêu đã đáp ứng lợi ích sống còn của nhân dân, chỉ ra con đường duy nhất cho toàn dân tự cứu lấy mình, cứu nhà, cứu nước.

Giai đoạn 1954-1960 là những năm tháng gian lao của cách mạng miền Nam nói chung và Bạc Liêu nói riêng. Trước một kẻ thù mới với tiềm lực lớn mạnh về kinh tế, quân sự, với những âm mưu độc ác và thủ đoạn tàn bạo hòng tiêu diệt phong trào cách mạng, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Bạc Liêu đã anh dũng vượt lên, không sợ khó khăn gian khổ và hy sinh, từng bước đấu tranh giữ gìn và phát triển lực lượng, đi từ đấu tranh chính trị, đòi quyền dân sinh, dân chủ, lên đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ, rồi tiến lên Đồng khởi; vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng, mở rộng lực lượng chính trị quần chúng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, để tiếp tục vươn lên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của chiến tranh cách mạng trong những giai đoạn sau.

Phong trào Đồng khởi ở Bạc Liêu thực chất là cuộc khởi nghĩa của nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, làm tan rã bộ máy chính quyền địch ở xã, ấp, giành quyền làm chủ, chuyển thể của cách mạng từ giữ gìn lực lượng sang tiến công. Điều đó không chỉ thể hiện ý thức dân tộc và khát vọng độc lập tự do của giai cấp nông dân, mà còn chứng tỏ rằng nông thôn là trận địa vững chắc của cách mạng, có khả năng duy trì lực lượng để tiến hành một cuộc chiến đấu lâu dài.

MỘT TRẬN ĐÁNH GIÀNH DÂN VỚI NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

Trung tướng BÙI CÔNG ÁI*

Kể từ khi diễn ra trận Hoài Đức - Bắc Ruộng (31-7-1960) đến nay đã có một số sách báo tài liệu nói tới trận đánh này. Song, nhìn chung chưa có một công trình nào miêu tả lại sự kiện Bắc Ruộng một cách cụ thể tỉ mỉ, và đánh giá một cách tương đối đầy đủ, thấu đáo vị trí, vai trò, ý nghĩa của trận Bắc Ruộng trong tiến trình phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đúng như nó đã diễn ra. Có lẽ vì thế mà cho đến nay trong tiềm thức của rất nhiều người, chiến thắng Bắc Ruộng cũng vẫn chỉ là một trận đánh bình thường như hàng trăm, hàng ngàn trận đánh bình thường khác đã diễn ra trong lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sự thực không phải thế. Chính Tôn Thất Đính, nguyên Tư lệnh Quân đoàn 3 kiêm Tư lệnh Quân khu III ngụy - một trong những kẻ phải trực tiếp nếm "đòn đau" này - đã phải cay đắng thú nhận: "Sau Tua Hai, Bắc Ruộng là một thất bại chua cay của quân lực Việt Nam Cộng hòa"...

* Nguyên Phó Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. Trích bài viết đăng trên Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 5-1993.

1. Trận Bắc Ruộng - Một trận đánh vì dân, vì sự sống còn của phong trào cách mạng tỉnh Bình Thuận

Có một câu ca dao lâu ngày đã thành châm ngôn: "dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Và Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta, đã dạy: "Muốn khởi nghĩa phải có căn cứ địa, muốn kháng chiến phải có hậu phương. Hậu phương vững chắc nhất là dựa vào dân. Muốn vậy, cách mạng phải vì dân, phải lo bồi dưỡng sức dân".

Mọi người còn nhớ, để phá hoại Hiệp định Giơnevơ thực hiện chia cắt lâu dài đất nước ta, thực hiện chính sách thực dân kiểu mới ở miền Nam, Mỹ - Diệm đã không từ một thủ đoạn tàn ác dã man nào để đánh phá phong trào cách mạng, dồn dân vào các ấp chiến lược, nhằm ly gián và tách nhân dân khỏi phong trào, triệt chỗ dựa của cách mạng. Tỉnh Bình Thuận là một chiến trường đất hẹp, người thưa, rừng núi hiểm trở, lại có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng là cầu nối giữa miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, mặt khác đối với tỉnh Bình Thuận lại là địa bàn quan trọng để phát triển cách mạng lên Tây Nguyên và xuống đồng bằng. Đối với địch, Bình Thuận (địch gọi là tỉnh Bình Tuy) là vành đai phòng thủ xa phía bắc Sài Gòn, nên hoạt động của chúng ở đây cũng vô cùng tàn bạo, cuộc đấu tranh để giành dân giữa ta và địch diễn ra hết sức quyết liệt. Trong các đợt "tố cộng", "diệt cộng" của Mỹ - ngụy những năm 1957, thực hiện chủ trương - "Thượng du vận" và phương châm "đánh mạnh và nhổ sạch cơ sở cách mạng miền núi, lấy người dân tộc trị người dân tộc", đến cuối năm 1959 bọn địch ở địa phương đã dồn dân phía tây tỉnh Bình Thuận huyện Tánh Linh về lập khu dinh điền Bắc Ruộng.

Dứng trước tình hình đó, trên cơ sở quán triệt các quan điểm cách mạng của Đảng, của Bác Hồ và vận dụng một cách sáng tạo Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương, tỉnh đã chủ trương quyết tâm tổ chức trận đánh Bắc Ruộng nhằm

phá khu dinh điền đưa 5.000 dân về lập khu căn cứ kháng chiến. Tính coi đây là một nhiệm vụ cấp bách, khẩn thiết có quan hệ tới sự mất còn của phong trào cách mạng lúc bấy giờ.

Vậy là trong trận Bắc Ruộng, mục đích chủ yếu nhất của trận đánh là để giành dân, đưa cho được 5.000 người dân ở khu dinh điền Bắc Ruộng về xây dựng căn cứ kháng chiến. Nhưng muốn giải phóng được cho dân thì trước hết lại phải diệt chỉ khu, quận lỵ Hoài Đức; đánh chỉ khu quận lỵ Hoài Đức cũng chính là nhằm đạt tới mục đích chủ yếu của trận đánh là phá khu dinh điền Bắc Ruộng giải phóng dân.

Cũng chính vì mục đích chủ yếu nói trên nên sau khi kết thúc trận đánh, đơn vị đã tổ chức ngay việc đưa dân về căn cứ mà không phát triển thắng lợi tiến công lên Huy Nghiệm, Nghi Đức như kế hoạch đã dự kiến, mặc dù lúc đó đang có điều kiện thuận lợi.

Hơn nữa, lúc ấy có một thực tế là số đồng bào theo về căn cứ đông hơn nhiều so với mức ta dự kiến. Tình hình lại rất phức tạp: bà con đã đông lại bao gồm cả nam, phụ, lão, ấu, gồng gánh dắt díu theo cả gia sản, trâu bò, lợn gà.... trời lại mưa to, lũ lớn, địch thì đuổi bám theo sau. Nhưng nhờ nắm vững quan điểm "vì dân" và quán triệt mục đích của trận đánh là "giành dân" nên chỉ huy, lãnh đạo đã bình tĩnh sáng suốt có những xử trí linh hoạt sáng tạo để tổ chức đưa dân về căn cứ một cách tuyệt đối an toàn. Phải nói rằng, đây là một trận đánh có tổ chức để giải phóng và đưa dân về xây dựng căn cứ kháng chiến ở vùng rừng núi được tiến hành trong những điều kiện khó khăn, phức tạp nhất nhưng cũng thắng lợi trọn vẹn nhất, nếu không muốn nói là có một không hai trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Có thể nói đây là một trong muôn vàn thực tế sinh động mà sau này trên cơ sở đó, trong Đại hội VI và VII, Đảng ta đã đúc kết thành bài học lớn "lấy dân làm gốc", một bài học có tính nguyên tắc đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng ta.

2. Tạo thời cơ, nắm vững thời cơ là một yếu tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của trận đánh Bắc Ruộng

Qua kinh nghiệm hàng ngàn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của ông cha ta, cũng như kinh nghiệm của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì việc tạo thời cơ và nắm vững thời cơ để tiến hành một cuộc cách mạng hay một trận chiến đấu là một yếu tố, một nguyên tắc vô cùng quan trọng bảo đảm cho thắng lợi. Điều này càng đặc biệt quan trọng hơn khi ta phải chiến đấu với địch trong điều kiện ta phải "lấy ít địch nhiều", bởi nếu tạo được thời cơ, nắm vững thời cơ tiến hành thì sức mạnh của ta sẽ được nhân lên gấp bội, do đó làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta bảo đảm chắc thắng.

Quán triệt và vận dụng nguyên tắc nói trên trong trận Bắc Ruộng, lãnh đạo và chỉ huy ở Bình Thuận đã chọn thời cơ vào đúng lúc địch đang sơ hở chủ quan nhất. Thực vậy, sau một thời gian dùng đủ mọi thủ đoạn để dồn dân lập ấp, địch đã thu được một số kết quả ở khu dinh điền Bắc Ruộng như ổn định đời sống, phát triển sản xuất, tổ chức được bộ máy kìm kẹp với các tổ chức mà chúng cho là lực lượng trung thành như dân vệ, thanh niên cộng hoà và chúng xem như đã đạt được yêu cầu của một khu dinh điền. Chúng tưởng như vậy là đã cai trị và kiểm soát được dân, nhưng chúng đâu có biết hết được tinh thần cách mạng của đồng bào dân tộc. Qua việc đi lại làm ăn ở ngoài rừng và được tiếp xúc với cán bộ cách mạng, đồng bào đã được giáo dục lòng căm thù, giữ vững niềm tin vào cách mạng và sẵn sàng chờ thời cơ vùng dậy trở lại nương bản. Mặt khác, sau lúc lập được khu dinh điền và chưa thấy ta có hoạt động gì nên địch càng chủ quan hơn.

Về phía ta, do bám chắc dân, cán bộ đã hiểu và vững tin ở dân, đặc biệt là nắm được nguyện vọng tha thiết của dân là muốn được giải phóng để trở về với buôn làng. Nguyện vọng đó

cùng rất phù hợp với yêu cầu bức xúc của cách mạng lúc ấy là phải phá khu dinh điền để giành lấy dân đưa về lập căn cứ kháng chiến.

Mặt khác, về công tác chuẩn bị, lãnh đạo và chỉ huy của tỉnh đã tổ chức được lực lượng vũ trang và cũng đã có bước chuẩn bị khá công phu bảo đảm cho thắng lợi của trận đánh.

Với những yếu tố phân tích trên đây và kết hợp với phong trào đấu tranh chung của cách mạng miền Nam sau khi có Nghị quyết 15, rõ ràng lãnh đạo tỉnh đã tạo được thời cơ thuận lợi và có thể nói thời cơ đó đã chín muồi bảo đảm cho trận đánh đạt được mục đích đề ra.

3. Thắng lợi Bắc Ruộng đã phát huy truyền thống đánh giặc của ông cha ta và góp phần phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam, một nền nghệ thuật quân sự độc đáo mang màu sắc dân tộc Việt Nam được cách mạng hoá, khoa học hoá dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Qua độ sức trên chiến trường, nền nghệ thuật quân sự Việt Nam đã tỏ rõ là ưu việt hơn nghệ thuật quân sự của đế quốc Hoa Kỳ, một đế quốc có quân đội nhà nghề có tiềm năng quân sự lớn và từng huênh hoang là chưa từng thua ai. Song chúng ta đã đánh thắng chúng và thắng đúng với quy luật của chiến tranh "mạnh thắng - yếu thua".

Nghệ thuật quân sự đó thể hiện trước hết là đánh giá địch, ta một cách biện chứng và khoa học. Việc đánh giá tình hình để hạ quyết tâm phá khu dinh điền Bắc Ruộng diễn ra trong những điều kiện khó khăn phức tạp: kẻ địch thì lực lượng đông hơn ta gấp bội, mà ta thì đánh giá chúng mạnh yếu ra sao còn có nhiều ý kiến khác nhau. Nhưng nhờ lãnh đạo chỉ huy tỉnh biết phát huy dân chủ và với cách đánh giá đúng đắn, toàn diện, có luận cứ khoa học, có sức thuyết phục nên đã tìm ra

được cái yếu trong cái mạnh của địch, tìm được cái mạnh trong cái yếu tạm thời của ta và cuối cùng đi đến thống nhất chủ trương hạ quyết tâm phá khu dinh điền Bắc Ruộng với cách đánh vào chỗ yếu, chỗ hiểm của địch, tập trung sức mạnh vào nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của trận đánh là giải phóng dân.

Với một trận đánh mà địch đông hơn ta gấp mười lần và được trang bị hiện đại, lãnh đạo và chỉ huy trận Bắc Ruộng đã biết phát huy truyền thống đánh giặc "lấy ít địch nhiều", "lấy đoản binh thắng trường trận", của ông cha ta, vận dụng nó một cách sáng tạo, kết hợp mưu, kế, thế, thời, biến sức chiến đấu của ta ít mà hoá nhiều, yếu mà hoá mạnh, trái lại địch đông mà hoá ít, mạnh mà thành yếu, ta thì phát huy được sở trường mà địch thì không phát huy được cách đánh của chúng, buộc chúng phải đối phó với cách đánh ta đã lựa chọn.

Để "lấy ít địch nhiều" thì không thể không chú trọng công tác nghi binh. Phải nói rằng trong trận Bắc Ruộng, ta đã nghi binh lừa địch khá thành công. Ta đã làm cho địch lầm tưởng rằng đánh Bắc Ruộng không phải là lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận mà là lực lượng vũ trang của miền Đông Nam Bộ, dùng thanh thế của chủ lực miền Đông Nam Bộ - lực lượng mà trong trận đánh Tua Hai đầu năm 1960 đã làm cho địch run sợ - để hù dọa chúng. Sau khi trận đánh kết thúc, địch cho rằng lực lượng ta đánh Bắc Ruộng có chừng một đại đội từ Nam Bộ ra, nên đã điều hai trung đoàn để mở cuộc hành quân đối phó nhưng lại phân tán trên nhiều hướng, do đó tạo nên thế yếu và đã bị đơn vị 2/9 chặn đánh gây thêm thương vong.

Một vấn đề khá lý thú về nghệ thuật quân sự trong trận Bắc Ruộng là ta đã giữ được bí mật và chọn thời điểm tiến công thích hợp. Ta đã đánh địch đúng lúc chúng không ngờ tới là lúc "không giờ", trời lại mưa khiến địch đã chủ quan càng thêm chủ quan. Kết hợp với bí mật bất ngờ, ta lại dùng chiến thuật sở trường của ta là chiến thuật đặc công, luôn sẵn các mục

tiêu, bắt đầu nổ súng là đánh thẳng vào các mục tiêu mà địch thiếu phòng bị, do đó chúng đã không kịp trở tay, đối phó lúng túng, viện binh lại ở xa, ban đêm trời tối, địa hình rừng núi hiểm trở nên không thể đến ứng cứu. Thật đúng là "án hiện như quỷ thần, tướng như trên trời rơi xuống, quân như dưới đất chui lên", như nghĩa binh của ông cha ta thuở xưa.

Một nhân tố thắng lợi không kém phần quan trọng của trận Bắc Ruộng là sự mưu trí, sáng tạo, mạnh dạn quyết đoán của cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, là tinh thần chiến đấu đầy dũng cảm ngoan cường của mọi cán bộ, chiến sĩ.

Trong trận Bắc Ruộng, tuy lãnh đạo, chỉ huy đã dự kiến khá nhiều tình huống phức tạp cũng như những khó khăn có thể xảy ra, nhưng rõ ràng có những tình huống ta chưa thể dự kiến được hết như: lúc hành quân, cơ sở không ra rừng làm ẩn nên ta không nắm thêm được tin tức; không có liên lạc trong lúc tiến công; ở nhà tên quận trưởng, địch đối phó quyết liệt; sau lúc kết thúc trận đánh, ta tổ chức đưa dân về thì gặp nhiều tình huống khó khăn như dân quá đông, mưa to, lũ lớn, địch đuổi theo, v.v.. Nhưng cán bộ chỉ huy đã hết sức bình tĩnh, xử trí đúng đắn các tình huống xảy ra với tinh thần thận trọng nhưng quyết đoán, sáng tạo, linh hoạt và bộ đội thì thể hiện quyết tâm cao, chấp hành nhiệm vụ một cách kiên quyết, do đó đã bảo đảm cho trận đánh thắng lợi trọn vẹn, đạt hiệu suất chiến đấu cao.

Có thể nói rằng, chiến thắng Bắc Ruộng là một điểm son đầu tiên trong lịch sử chống Mỹ của quân và dân tỉnh Bình Thuận, là bước ngoặt lịch sử trong việc chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang, một trận đánh có hiệu suất chiến đấu rất cao, để lại cho ta nhiều bài học quý báu và có ý nghĩa đối với việc phát triển nghệ thuật quân sự và xây dựng nền an ninh quốc phòng trong tình hình mới hiện nay.

PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở BẮC TÂY NGUYÊN TRONG NHỮNG NĂM 1959-1960

PGS, TS. NGUYỄN THANH TÂM*

Trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đảng bộ và nhân dân miền Nam sau 5 năm chịu đựng mất mát, hy sinh đã anh dũng đứng lên làm cuộc Đồng khởi. Phong trào Đồng khởi nổ ra trong những năm 1959-1960 ở nhiều địa phương, vùng miền thuộc Khu V, Nam Trung Bộ, Nam Bộ và Tây Nguyên. Ở bắc Tây Nguyên, phong trào Đồng khởi được đồng bào các dân tộc hai tỉnh Gia Lai, Kon Tum thực hiện quyết liệt, là một trong những điển hình của Đồng khởi miền Nam, nhưng chưa được nghiên cứu nhiều.

Bắc Tây Nguyên là một vùng cao nguyên, rừng núi rộng lớn, khoảng 25.199 km² (Gia Lai: 15.537 km²; Kon Tum: 9.662km²). Giữa thế kỷ XX, dân cư đã có hàng chục vạn người, gồm đồng bào Kinh, đồng bào các dân tộc thiểu số Bana, Giarai, Xơđăng..., có truyền thống đoàn kết, yêu nước và dũng cảm bất khuất. Địa thế nằm giữa và liên kết với các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Đắc Lắc, giáp giới với Hạ Lào, đông bắc

* Phó Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Campuchia, nên bắc Tây Nguyên có vị thế chiến lược vô cùng quan trọng. Các thế lực đế quốc xâm lược nước ta đều có âm mưu xâm chiếm và biến bắc Tây Nguyên thành những trung tâm chính trị, khai thác kinh tế, xây dựng các căn cứ quân sự mạnh. Thực dân Pháp đã từng biến thị xã Plâycu, thị xã Kon Tum, các quận lý, thị trấn An Khê, Cheo Reo, Đắc Tô thành những chi khu, tiểu khu quân sự và hệ thống phòng thủ kiên cố ở Măng Đen, Măng Buk...

Vốn chung một nguồn gốc lịch sử về dân cư và lãnh thổ, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum hợp chung thành một chiến trường tỉnh Gia - Kon (1950-1954). Phát huy truyền thống yêu nước nồng nàn, chủ động sáng tạo chớp đúng thời cơ của dân tộc, sớm khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, được Trung ương Đảng, Bác Hồ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, quân, dân bắc Tây Nguyên trong kháng chiến chín năm chống Pháp đã lập nên những chiến công vang dội ở bắc Kon Tum, đông Gia Lai, giải phóng hoàn toàn Kon Tum, An Khê mùa Hè 1954.

Hiệp định Giơnevơ về đình chiến và lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết (21-7-1954), công nhận độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và toàn vẹn lãnh thổ nước Việt Nam, quy định tạm thời chia cắt nước ta làm hai miền Nam - Bắc, hai năm sau, tức vào năm 1956 sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Mặc dù có lực lượng quốc tế giám sát, việc thi hành Hiệp định đã không được đối phương thực hiện triệt để. Vì đế quốc Mỹ đã lộ rõ ý đồ thay thế thực dân Pháp xâm lược miền Nam, lộ rõ là kẻ thù của nhân dân thế giới và kẻ thù chính của nhân dân ta. Đồng bào hai tỉnh Gia Lai, Kon Tum được hưởng không khí hòa bình, độc lập, tự do trong vòng một tháng. Đến ngày 30-8-1954, hầu hết cán bộ, bộ đội ta ở bắc Tây Nguyên đã tập trung về Quy Nhơn (Bình Định) để xuống tàu ra Bắc tập

kết; chính quyền đối phương lúc đầu của Pháp, sau đó là Mỹ - Diệm đã tiếp quản, chiếm đóng các thị xã, huyện lý, quận lý của Gia Lai và Kon Tum. Chúng lập lại tỉnh Plâycu, quận An Khê, Cheo Reo, lập thêm quận Lệ Trung, quận Lệ Thanh, sau thêm quận Phú Nhơn. Chúng lập ở thị xã Kon Tum, thị xã Plâycu các chi khu quân sự; ở các quận lý lập tiểu khu quân sự. Cũng như ở miền Nam, trong hai tỉnh Kon Tum, Gia Lai không còn chính quyền cách mạng, quân đội giải phóng, chỉ còn lại một số tổ chức đảng chuyển vào bí mật, bất hợp pháp; một số cơ sở hoạt động hợp pháp và quần chúng nhân dân. Theo sự phân công của Đảng, có 301 cán bộ, đảng viên¹ ở lại Gia Lai, Kon Tum, Cheo Reo hoạt động sau năm 1954. Họ là những người kiên định lập trường, có kinh nghiệm hoạt động, chiến đấu ở Tây Nguyên và biết tiếng dân tộc. Lúc đầu họ bí mật ở trong rừng, sau tìm cách liên lạc gây mối cơ sở trong nhân dân, được dân làng nuôi giấu, bảo vệ. Trong số cán bộ, đảng viên, chiến sĩ bộ đội ở lại hoạt động tại bắc Tây Nguyên được Liên khu ủy V, Liên tỉnh ủy IV phụ trách các tỉnh Tây Nguyên lựa chọn quyết định thành lập Tỉnh ủy Gia Lai, Tỉnh ủy Kon Tum. Các tỉnh ủy quyết định chia mỗi tỉnh thành nhiều khu (tương đương huyện) mang mật danh và lập mỗi khu một ban cán sự đảng từ ba đến bốn người để hoạt động, lãnh đạo phong trào. Tỉnh ủy Gia Lai, Tỉnh ủy Kon Tum quán triệt cho các ban cán sự đảng, cán bộ, đảng viên *phương châm chung của Đảng là bảo vệ cơ sở, tích lũy lực lượng, trường kỳ tồn tại, nắm vững ngọn cờ hòa bình, thống nhất, vững bước đưa phong trào đi lên*. Từ phương châm chung đó các đảng bộ xác định phương châm cụ thể để hoạt động và lãnh đạo. Về tổ chức: *phải tinh giản, vững mạnh, nghiêm mật, trọng chất lượng*. Về đấu tranh: *kết hợp đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp với bất hợp pháp, lấy hợp pháp và nửa*

1. Trong đó ở Gia Lai: 134 người, Kon Tum: 130 người, Cheo Reo: 37 người.

hợp pháp làm chính. Về hoạt động: khéo công tác, khéo che giấu lực lượng và hết sức giữ bí mật.

Theo các phương châm đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy và Liên tỉnh ủy IV, các đảng bộ tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum mà cơ quan đứng đầu là các tỉnh ủy đã lãnh đạo các ban cán sự đảng khu (huyện) vừa bảo vệ, xây dựng, phát triển tổ chức, lực lượng vừa tổ chức, động viên và hướng dẫn nhân dân đấu tranh từng bước đưa phong trào cách mạng đi lên.

Ở bắc Tây Nguyên, từ cuối năm 1954 đến năm 1960, trước khi tiến hành Đồng khởi đã diễn ra liên tục, xen kẽ nhau ba phong trào đấu tranh chính trị lớn chống lại các "quốc sách" phản động của chính quyền Mỹ - Diệm. Đó là phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, phong trào đấu tranh chống lập dinh điền và phong trào chống "tố cộng", "diệt cộng".

Hiệp thương tổng tuyển cử là quy định của Hiệp định Giơnevơ, là nguyện vọng của nhân dân miền Nam, miền Bắc. Ngày 6-7-1955, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố đề nghị chính quyền miền Nam ngồi lại hiệp thương để bàn việc tổng tuyển cử, thống nhất đất nước. Ngày 16-7-1955, chính quyền Ngô Đình Diệm trắng trợn tuyên bố không ký Hiệp định nên bất cứ phương diện nào cũng không bị ràng buộc. Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử diễn ra khắp miền Nam, được nhân dân miền Bắc ủng hộ.

Tại bắc Tây Nguyên, Tỉnh ủy Gia Lai chủ trương phát động phong trào đấu tranh chính trị trực diện trong tỉnh, đòi ngụy quyền thực hiện hiệp thương và thi hành các quyền tự do, dân chủ. Phong trào diễn ra khắp nơi trong tỉnh từ tháng 10-1955 đến đầu năm 1956 dưới các hình thức tìm hiểu, học tập nắm các điều khoản cơ bản và pháp lý của Hiệp định Giơnevơ; tổ chức hàng trăm đoàn, mỗi đoàn 40-50 người đến hàng trăm người đưa đơn lên quận lý An Khê, Cheo Reo, tỉnh lý Plâycu dùng lý

lễ chất vấn đấu tranh đòi chính quyền Mỹ - Diệm hiệp thương tổng tuyển cử. Lý lẽ của dân là từ tháng 7-1954, hai bên "quốc gia" và cộng sản đã ký hiệp định nói rằng sau hai năm có hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, đến nay đã hơn một năm, phía "quốc gia" không chịu hiệp thương với miền Bắc, nên dân làng phải di hỏi "quốc gia". Địch khủng bố bắt bớ cán bộ cơ sở cầm đầu các cuộc đấu tranh.

Tháng 11-1955, Tỉnh ủy Kon Tum chủ trương phát động quần chúng đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử. Phong trào diễn ra đều khắp trong tỉnh từ làng, xã nông thôn đến thị trấn, thị xã huy động hàng vạn lượt người.

Chính quyền Ngô Đình Diệm âm mưu di dân ở đồng bằng miền Trung lên bắc Tây Nguyên chiếm đất của đồng bào dân tộc, lập các dinh điền trồng cây lương thực, cây công nghiệp, tạo cơ sở để lập ấp chiến lược, xây dựng căn cứ quân sự, hậu cần, chuẩn bị chiến tranh. Từ năm 1957 đến năm 1962, ở Gia Lai ngụy quyền đã lập 28 dinh điền. Mỗi dinh điền cắm sâu vào vùng dân tộc là một cứ điểm của địch cả về chính trị, kinh tế, quân sự để khống chế đồng bào ta. Đấu tranh chống lập dinh điền lúc đầu còn lẻ tẻ trong các năm 1957-1958 dưới các hình thức đối phó chống địch lấn chiếm đất, ủi đất. Dân các làng quanh các dinh điền Bảo Đức, Ninh Đức, Lê Ngọc, Thanh Giáo, Lệ Chí kéo ra chặn đầu xe ủi, không cho địch ủi rừng, san hồ ao, phá mố mả. Nhiều tấm gương chị em phụ nữ người dân tộc Bana, Giarai dùng cảm nằm chặn trước xe ủi. Địch đã man xúc cả đất lẫn người đổ xuống hố. Từ đầu năm 1959, phong trào chống lập dinh điền lan rộng mạnh mẽ, có lãnh đạo tổ chức chặt chẽ. Tháng 2-1959, có 25 làng quanh dinh điền Lê Ngọc, 12 làng quanh dinh điền Lệ Phong đấu tranh. Trong tháng 3-1959, tính chung cả tỉnh Gia Lai có 143 làng chống ngụy quyền chiếm đất lập đồn điền. Có nhiều cuộc xô xát đổ máu. Địch đã man bắn chết một số cán bộ cơ sở lãnh đạo đấu

tranh. Nhân dân Kon Tum tham gia đấu tranh chống lập dinh điền ở Đắc Đoa...

Phong trào chống quốc sách dinh điền của đồng bào bắc Tây Nguyên thật sự là một phong trào đấu tranh lớn kéo dài nhiều năm và chuyển lên phong trào phá ấp chiến lược sau đó. Ở Gia Lai có trên 40.000 đồng bào ở phía đông, phía tây đường 14 tham gia đấu tranh. Đồng bào các dân tộc Bana, Giarai quyết sống chết với kẻ thù để giữ nguồn sống thiết yếu là ruộng rẫy, rừng núi và nguồn suối.

Cùng với các phong trào nói trên, đặc biệt là phong trào chống "tố cộng", "diệt cộng" đã trực tiếp dẫn tới phong trào Đồng khởi. Quốc sách "tố cộng", "diệt cộng" của Mỹ - Diệm là cuộc khủng bố trắng kiểu phát xít nhằm tiêu diệt Đảng bộ và phong trào cách mạng miền Nam; đồng thời thiết lập lực lượng phản động của chúng.

Sau đợt "tố cộng" đánh phá phong trào cách mạng ở đồng bằng Khu V (1955-1956), Mỹ - Diệm đẩy mạnh tiến hành đợt 2 vào cuối năm 1956 lên các vùng miền núi và Tây Nguyên. Riêng ở Gia Lai từ năm 1955 địch đã tiến hành "tố cộng" ở thị xã Plâycu, các thị trấn, vùng Kinh và các đồn điền, sau đó sang năm 1956 lan tràn trong toàn tỉnh. Đối tượng "tố cộng" của chúng là cán bộ, đảng viên, người kháng chiến cũ, gia đình có người đi tập kết ở miền Bắc. Địch dùng nhiều thủ đoạn tàn ác mua chuộc, tra tấn nhằm tiêu diệt tư tưởng, tinh thần, sinh mạng chính trị, ý chí cách mạng và thể xác cán bộ, đảng viên, quần chúng cơ sở. Đỉnh cao của chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" là khi Ngô Đình Diệm ban hành Luật 10/59 "đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật". Chúng tổ chức nhiều toán công dân vụ có binh lính, công an mật vụ đi cùng, đêm đêm ập đến từng làng vây bắt cán bộ, du kích và những người bị tình nghi đi kháng chiến, theo Việt Minh, cộng sản. Lúc đầu là chúng mua chuộc, dụ dỗ để người bị bắt khai báo, không mua chuộc

được thì tra tấn đánh đập rất dã man. Có những người bị đánh đập, chìm xuống sông, suối cho uống no nước rồi kéo lên đập vào bụng cho nước trào ra; hoặc tra điện vào tai, đổ nước vôi bột, nước ớt vào mồm, mũi; treo lên cây cao, cắt dây cho rơi xuống đất học máu. Có đồng chí bí thư chi bộ người dân tộc Bana tên là Đinh Đei bị bắt sau những thủ đoạn tra tấn trên vẫn không khuất phục được, địch đào hố chôn đứng lấp đất đến tận cổ rồi dùng chày gỗ nện đất chung quanh cho đến chết. Trước lúc hy sinh đồng chí hô to: "Bôk Hồ muôn năm!". Mỹ - Diệm "tố cộng", "diệt cộng" gây cho ta nhiều tổn thất lớn. Rất nhiều tấm gương sáng của cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng luôn giữ vững tinh thần, ý chí, nêu cao lòng trung thành với Đảng và Bác Hồ, chịu đựng mọi cực hình tra tấn của địch cho đến giây phút hy sinh. Ở Kon Tum có những đồng chí bị địch xuyên dây thép vào đầu các ngón tay vẫn kiên quyết không khai báo, đầu hàng.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Gia Lai, Tỉnh ủy Kon Tum đều có họp bàn kế hoạch chống "tố cộng", "diệt cộng", nhưng vẫn tuân thủ theo chủ trương đấu tranh chính trị của Trung ương và Khu ủy V. Nhân dân và các cơ sở cách mạng có nhiều sáng kiến bảo vệ cán bộ, đảng viên như đưa vào rừng, che giấu trong các thùng đựng lúa, trên giàn bếp trong nhà, tung tin người bị truy lùng đã chết vì bị cọp bắt, làm lễ tang, lễ bỏ mả... Nhờ nhân dân, qua các đợt "tố cộng" ác liệt, các tổ chức đảng ở Gia Lai, Kon Tum vẫn được giữ vững, đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện, thử thách, nêu cao dũng khí; đồng bào càng căm thù Mỹ - Diệm, càng hiểu rõ và căm phục cán bộ, đảng viên của Đảng.

Đến những năm 1958-1960, phong trào cách mạng ở bắc Tây Nguyên đã chuyển lên thế tiến công địch. Một mặt, trước những tội ác của Mỹ - Diệm nhân dân thấy không tự vệ chống lại thì không sống nổi, muốn giữ mình thì phải vũ trang diệt

dịch. Cán bộ, đảng viên, du kích qua thực tiễn đấu tranh cũng đã nhận thấy chỉ riêng đấu tranh chính trị đơn thuần "đấu tranh bằng miệng không thể thắng được địch". Nhiều nơi đã tổ chức đưa thanh niên vào rừng tổ chức thành những nhóm bất hợp pháp. Một số làng, khi địch về bắt cán bộ treo lên nhà rông tra tấn dã man, đã cử cán bộ cơ sở ra rừng xin ý kiến của lãnh đạo cho phép đánh toán lính đó để giải thoát cho cán bộ, nhưng lãnh đạo cấp ủy bảo chưa có chủ trương của cấp trên. Nhiều làng, xã đã bí mật tổ chức diệt ác ôn, trừ diệt báo khi bọn chúng vào làng.

Giữa lúc đó, tháng 6-1958, các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy Gia Lai, Tỉnh ủy Kon Tum dự Hội nghị Liên khu ủy V tiếp nhận tinh thần bản *Đường lối cách mạng miền Nam* do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ soạn thảo và Nghị quyết của Khu ủy chủ trương chuyển phong trào cách mạng lên theo hướng mới về phổ biến trong các tỉnh. Nghị quyết của Khu ủy nêu rõ là xây dựng miền núi phía tây các tỉnh đồng bằng Khu V và Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng, bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang để làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ, cán bộ, khôi phục phong trào đồng bằng. Khu ủy đề ra phương châm là dùng vũ trang bộ phận để phối hợp với đấu tranh chính trị diệt bọn giặc Mỹ để khởi động tinh thần dân tộc chống Mỹ; diệt bọn phản động để tranh thủ bọn lưng chừng; diệt bọn đầu sỏ bên trên để lay chuyển, thức tỉnh bọn bên dưới trong nguy quyền, nguy quân. Lực lượng lãnh đạo và thực lực phong trào cách mạng ở bắc Tây Nguyên đã có bước phát triển. Đến năm 1958, ở Gia Lai đã có 911/1.001 làng có cơ sở cách mạng; 55 chi bộ đảng với 623 đảng viên và 674 đoàn viên thanh niên cách mạng¹. Ở Kon Tum, tới năm 1959 có 47 chi bộ đảng với 409

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai (1945-2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.267.

đảng viên, trong đó có 326 đảng viên người địa phương; nhiều cơ sở cách mạng có trong các thị xã, thị trấn¹.

Tỉnh ủy Gia Lai phân loại tình hình trong tỉnh ra ba vùng để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào. Vùng đỏ là vùng có cơ sở mạnh; vùng xanh là nơi ta có cơ sở, lực lượng, nhưng địch cũng lập được tế điệp; vùng vàng là vùng địch kiểm soát, ta chưa có cơ sở.

Cuối năm 1958, Khu ủy V có tiếp chủ trương đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở miền núi và Tây Nguyên theo phương châm hoạt động kết hợp bất hợp pháp với hợp pháp tiến dần lên bất hợp pháp nhằm tiêu diệt bọn phản động gian ác, phá kế hoạch xây dựng căn cứ quân sự của Mỹ, xây dựng lực lượng vũ trang, tự vệ trong nhân dân; vận động nhân dân sản xuất lương thực, mua và tích trữ muối, vải để chuẩn bị đánh Mỹ - Diệm. Tinh thần đó được phổ biến đến cơ sở. Cán bộ, đảng viên, quần chúng rất phấn khởi vì giải tỏa được những băn khoăn, bức xúc. Đồng bào ở nhiều làng dân tộc thể cùng nhau sống chết với kẻ thù "quyết tiêu diệt bọn Mỹ - Diệm trả nợ máu cho dân làng". Cán bộ được học tập nghị quyết của Khu ủy, trên đường đi công tác, có đồng chí rút súng bắn chỉ thiên để tỏ rõ quyết tâm diệt địch.

Tháng 1-1959, Trung ương Đảng (khoá II) họp Hội nghị lần thứ 15 xác định đường lối, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng miền Nam. Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc, người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm tay sai của đế quốc Mỹ. Con đường phát triển của cách mạng miền Nam là cách mạng bạo lực, khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Tháng 6-1959, Liên tỉnh ủy IV cử cán bộ đi tiếp thu Nghị quyết 15 của Trung ương để về Tây Nguyên phổ biến. Tháng

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum*, Nxb. Đà Nẵng, 2006, t.I, tr.267-270.

8-1959, Tỉnh ủy Gia Lai, Tỉnh ủy Kon Tum đã tổ chức hội nghị học tập Nghị quyết 15. Nhiều cán bộ được Trung ương và Khu ủy V phái đến tăng cường cho tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum. Các căn cứ được xây dựng và mở rộng. Ba trung đội vũ trang tập trung ở tỉnh Gia Lai được thành lập (10-1959). Lực lượng du kích, tự vệ phát triển rộng thêm. Nhiều cuộc đấu tranh diệt ác ôn có tổ chức diễn ra ở các làng trên địa bàn An Khê, Cheo Reo, ngoài vi thị xã Plâycu. Có cuộc do đồng chí bí thư ban cán sự đảng trực tiếp chỉ huy du kích diệt cả toán địch do một tên trung úy chỉ huy và một tên phản bội đầu hàng dẫn đường. Có cuộc do cán bộ xã lãnh đạo dân làng lập kế cho toán lính địch uống rượu say, rồi lừa chúng lơi qua suối sâu để phục kích diệt gọn chúng... Ở Kon Tum, đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh được thành lập gồm 64 cán bộ, chiến sĩ (1-10-1959) phối hợp hỗ trợ cho quân chúng diệt địch.

Cuối năm 1959, ảnh hưởng cuộc khởi nghĩa Trà Bồng, Quảng Ngãi (8-1959); sự kiện 10 làng ở Phước Sơn (Quảng Nam) nhất tề chuyển lên bất hợp tác, bố phòng chống địch; các cuộc nổi dậy ở Tà Lóc, Tà Lét (miền tây Bình Định); cuộc nổi dậy ở Thổ Lô (Phước Yên) đã lan truyền đến bắc Tây Nguyên. Tháng 12-1959, Đảng bộ tỉnh Gia Lai họp Đại hội đại biểu lần thứ nhất. Đảng bộ tỉnh Kon Tum cũng họp Đại hội đại biểu lần thứ nhất vào tháng 3-1960. Các đảng bộ chủ trương tiếp tục thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương, Nghị quyết Khu ủy, Liên tỉnh ủy IV phát động nhân dân nổi dậy tiến công địch, diệt ác, phá kim kẹp, giành và mở rộng quyền làm chủ, xây dựng củng cố căn cứ địa.

Tháng 9-1960, Liên khu ủy chỉ thị cho các đảng bộ ở bắc Tây Nguyên mở rộng cơ sở vùng giáp ranh, đẩy mạnh hoạt động xuống trung châu và đồng bằng, xây dựng thêm lực lượng, mở rộng hành lang chiến lược của Trung ương và của Khu ủy.

Ở Gia Lai, từ giữa năm 1960, các lực lượng vũ trang tập trung và du kích, tự vệ làng, xã đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ

quần chúng diệt ác, phá kim, giành quyền làm chủ từng phần, bảo vệ căn cứ. Nhiều làng đồng bào dân tộc và vùng Kinh đã hình thành ba lực lượng hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp liên kết cùng nhau chống địch, diệt địch bảo vệ làng. Từ tình hình đó, tháng 10-1960 Tỉnh ủy Gia Lai quyết định phát động quần chúng trong toàn tỉnh nổi dậy tiến công địch, giành quyền làm chủ từng phần.

Mở màn đợt Đồng khởi là cuộc tấn công tiêu diệt địch ở cứ điểm Kannát - một căn cứ được Mỹ - ngụy xây dựng kiên cố gồm bốn khu liên hợp: Khu đồn lính, khu đồn công an mật vụ, khu nhà giam và khu hậu cần. Tỉnh ủy Gia Lai sử dụng ba trung đội vũ trang tập trung, một tiểu đội đặc công và dân quân du kích, cử một số đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy chiến đấu. Trận đánh diễn ra đêm 23-10-1960 và chỉ trong 30 phút ta đã tiêu diệt hoàn toàn quân địch trong cứ điểm, diệt và làm bị thương 100 tên, bắt tù binh, phá 4 xe GMC, thu 80 khẩu súng, nhiều đạn dược, hàng hoá và kho gạo. Bọn địch ở quận lỵ An Khê lo sợ không dám ứng cứu. Một tuần sau, địch cho máy bay ném bom đốt cháy các làng quanh đồn Kannát. Thắng lợi diệt khu đồn Kannát làm cho quân địch ở nhiều đồn khác bỏ chạy, nhân dân có điều kiện nổi dậy làm chủ. Phân đông các làng ở phía đông đường 14, một vùng rộng lớn nam bắc đường 19, từ đông tây sông Ba đến đông tây sông Ayun lên đến phía bắc giáp với Kon Tum không còn cứ điểm địch, nhân dân làm chủ. Nhiều làng dân nổi dậy đốt thẻ kiểm tra, xé cờ ngụy, ảnh Ngô Đình Diệm, xóa bỏ bộ máy tế ngụy, lập chính quyền tự quản của nhân dân trong từng làng. Các làng, xã trong vùng căn cứ mở rộng các tuyến bố phòng làng kháng chiến chống địch phản ứng càn quét sâu vào vùng căn cứ.

Tháng 11-1960, phong trào Đồng khởi lan sang phía tây đường 14, trong các làng thuộc quận Lệ Thanh. Phụ nữ làng Sung Ia O chỉ có 20 chị em đã dũng cảm dùng những thanh củi

dập chết toán lính 6 tên, bắt 1 tên, 1 tên chạy thoát, thu 8 súng, dao găm và lựu đạn, khi chúng kéo về làng tra hỏi dân về căn bộ ta. Để phòng địch đến khủng bố, Ban Cán sự đảng huyện đã chỉ đạo làng phân công lực lượng thanh niên bố phòng chống địch; phát động các làng khác lân cận bố phòng phối hợp chống địch.

Tháng 12-1960, Tỉnh ủy Gia Lai chỉ đạo kịp thời chuyển lực lượng lên vùng phía tây đường 14 phát động Đồng khởi. Tỉnh ủy sử dụng một đại đội của tỉnh, một đơn vị đặc công làm nòng cốt cho dân quân du kích đánh quận lỵ và chỉ khu quân sự Lê Thanh - một chi khu quan trọng của địch bảo vệ vùng phía tây thị xã Plâycu, kiểm soát các dinh điền ở đó. Ta diệt, làm bị thương và bắt sống toàn bộ 100 tên địch, thu hết vũ khí và phát động nhân dân làm chủ.

Ở Cheo Reo trong những ngày Đồng khởi, nhân dân đã thực hiện lời kêu gọi của Tỉnh ủy Đắc Lắc (lúc đó Cheo Reo thuộc tỉnh Đắc Lắc) nổi dậy giải phóng nông thôn. Tỉnh ủy Đắc Lắc kêu gọi: "Hỡi đồng bào, hãy tuốt gươm dao xông lên phía trước, hừng hực như lửa cháy rừng. Đã đến lúc ai do dự chần chừ là có tội với Tổ quốc, với nhân dân". Lực lượng vũ trang tỉnh Đắc Lắc phối hợp với du kích Cheo Reo đánh nhiều đồn bốt địch, diệt lính bảo an, thu vũ khí, phá lỏng thế kìm kẹp toàn vùng. Ta tổ chức tuyên truyền vũ trang các làng dọc tuyến đường giao thông kêu gọi quân chúng xóa bỏ nguy quyền, lập chính quyền tự quản, làm chủ vùng rộng lớn phía nam tỉnh Gia Lai, giải phóng 20.000 dân nông thôn, dồn địch vào các quận lỵ, thị trấn.

Ở Kon Tum, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các lực lượng vũ trang phát triển tổ chức đánh quân địch càn quét, diệt nhiều tên ác ôn. Những cuộc diệt ác ôn ở làng Mang Lôn, Ia Bót nổi lên những tấm gương tiêu biểu tinh thần dũng cảm của quần chúng.

Tháng 10-1960, Tỉnh ủy chủ trương Đồng khởi. Hướng tấn công chính là toàn bộ vùng căn cứ và tranh chấp ở phía bắc và phía đông tỉnh. Đêm 20-10-1960, lực lượng vũ trang tỉnh đồng loạt tấn công tiêu diệt địch ở các đồn Đak Tah, Đak Rú, Đak Glai, Đak Bung, Măng Đen, Măng Buk diệt và bắt 300 tên, hỗ trợ dân phá khu đồn dọc đường 14 và đường 24, xung quanh Đak Pét, Đak Sút, quận lỵ Đắc Tô và Tu Mơ Rông. Toàn bộ 250 làng gồm 40.000 dân vùng căn cứ phía bắc tỉnh đã xóa bỏ bộ máy chính quyền nguy ở những nơi chúng còn chiếm giữ, tuyên bố lập uỷ ban tự quản.

Phong trào Đồng khởi ở hai tỉnh bắc Tây Nguyên những năm 1959-1960 giành thắng lợi. Hệ thống nguy quyền sụp đổ, nguy quân tan rã. Nhân dân nhiều làng, xã làm chủ, lập chính quyền cách mạng. Tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum đã lập được Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh ngay sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20-12-1960).

Trong phong trào Đồng khởi ở miền Nam, mỗi vùng, miền có những đặc điểm, sáng tạo riêng.

Đồng khởi ở miền núi các tỉnh Khu V theo chủ trương của đảng bộ địa phương, diễn ra sớm dưới hình thức khởi nghĩa quần chúng có du kích, tự vệ phối hợp.

Đồng khởi ở miền Trung, miền Tây Nam Bộ diễn ra ở đồng bằng sông nước, lực lượng là nhân dân, hình thức đấu tranh chính trị, diễn ra theo từng đợt "bồi", "nhồi" liên tiếp và do Xứ ủy Nam Bộ chủ trương, các tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo.

Đồng khởi ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ vận dụng các hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp vừa để đấu tranh với địch, phá các khu tập trung, vừa xây dựng lực lượng vũ trang, từ hoạt động vũ trang tuyên truyền diệt ác, đánh địch càn quét và chuyển sang thế tiến công địch. Trận đánh Hoà Đức - Bắc Ruộng (31-7-1960) của đơn vị vũ trang tỉnh Bình Thuận là một điển hình.

Phong trào Đồng khởi ở các tỉnh bắc Tây Nguyên diễn ra trên cao nguyên, rừng núi đã sử dụng phương thức cách mạng bạo lực của quần chúng đi từ đấu tranh chính trị trực diện lên phối hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang do lực lượng quần chúng và lực lượng vũ trang tiến hành tiến công địch, diệt địch, giành quyền làm chủ ở nông thôn đồng bào dân tộc, trong các dinh điền và cả vùng đồng bào Kinh quanh thị xã, thị trấn. Hình thức hoạt động là từ hợp pháp, nửa hợp pháp lên bất hợp pháp và phối hợp cả ba mặt tiến công địch diệt ác, diệt tể, diệt cứ điểm đồn bốt để làm chủ. Đồng khởi ở bắc Tây Nguyên thực hiện chủ trương của Đảng, Khu ủy V, Liên tỉnh ủy IV, sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh ủy và cấp ủy địa phương. Tuy nhiên, phong trào chưa đồng đều. Vùng đồng bào Kinh và các đồn điền phong trào còn yếu chưa theo kịp phong trào chung.

Trong điều kiện cao nguyên, rừng núi, duy trì và xây dựng được căn cứ, nhân dân luôn giữ vững, phát huy truyền thống cách mạng, được Trung ương Đảng, Khu ủy lãnh đạo, chỉ đạo, thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở Gia Lai, Kon Tum là cơ sở quan trọng cho các đảng bộ và quần dân sớm chuyển từ khởi nghĩa lên chiến tranh cách mạng, đánh bại chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy trong những năm 1961-1965 trên địa bàn các tỉnh bắc Tây Nguyên anh hùng.

HÒA THỊNH (TUY HÒA, PHÚ YÊN) ĐIỂM MỞ ĐẦU PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở ĐỒNG BẰNG KHU V

LÊ SƠN TÙNG*

1. Điều kiện bùng nổ

Phú Yên là một tỉnh thuộc vùng Nam Trung Bộ có lịch sử phát triển từ rất sớm. Quá trình dựng nước và giữ nước, chinh phục thiên nhiên, chống ngoại xâm đã tạo nên truyền thống anh dũng, kiên cường, bất khuất của người dân Phú Yên. Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, dưới chế độ độc tài phát xít Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc Mỹ, đời sống của nhân dân miền Nam nói chung và nhân dân Phú Yên nói riêng vô cùng đau khổ. Ở Phú Yên chúng dùng đủ loại thủ đoạn lừa bịp, mị dân kết hợp với những thủ đoạn đàn áp, khủng bố man rợ, tiến hành các vụ thảm sát, các đợt "tố cộng", càn quét, đốt phá, bắn giết, cưỡng bức đồng bào lập ấp chiến lược. Luật 10/59 ra đời đặt "cộng sản ngoài vòng pháp luật", mở các phiên tòa lưu động xét xử và đưa lên máy chém những người yêu nước tham gia cách mạng. Chính điều đó đã làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân với chế độ chính trị Sài Gòn ngày càng sâu sắc hơn. Nhiều người trong bộ máy ngụy quân, ngụy quyền trong các

* Trường Cao đẳng Xây dựng số 3.

tầng lớp trên cũng bất bình. Đó là nguyên nhân sâu xa dẫn đến việc bùng nổ các phong trào chính trị - xã hội trong những năm tiếp theo.

Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 để xác định đường lối và phương pháp cách mạng cho cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết 15 ra đời đã đáp ứng đúng yêu cầu và nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân, thực sự là bước ngoặt về đường lối cách mạng miền Nam. Nghị quyết nhấn mạnh con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là con đường bạo lực cách mạng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Giữa tháng 11-1959, Khu ủy Khu V triệu tập Hội nghị phổ biến Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng đến các tỉnh thuộc Khu V. Tiếp đến Khu ủy đề ra phương châm đấu tranh: "Nắm vững hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu đồng thời kết hợp với hình thức đấu tranh vũ trang để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị".

Trước sự khủng bố điên cuồng của địch và qua kinh nghiệm bản thân, cán bộ, đảng viên và nhân dân Phú Yên đều mong muốn thay đổi phương pháp đấu tranh. Vì vậy, khi Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời đã làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân vô cùng phấn khởi. Sau Nghị quyết 15, Trung ương Đảng điều động một số cán bộ từ miền Bắc vào miền Nam. Ở Phú Yên, giữa tháng 10-1959, đoàn cán bộ tập kết ra Bắc trở về đầu tiên gồm cả chính trị và quân sự. Một số đồng chí được phân công phụ trách các ngành của tỉnh và một số về tham gia lãnh đạo các huyện. Đây thực sự là một nguồn sinh lực mới tiếp sức cho Đảng bộ và nhân dân Phú Yên.

Tháng 9-1960, tình hình đã có nhiều chuyển biến tốt, Tỉnh ủy Phú Yên quyết định triệu tập Đại hội để nghiên cứu Nghị

quyết 15 của Trung ương Đảng và bầu Ban Chấp hành mới. Nghị quyết Đại hội vạch rõ: "Quán triệt đường lối cách mạng của Đảng chuyển lên thế tiến công chiến lược với phương châm đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ. Giữ vững và phát triển vùng giải phóng miền Tây làm bàn đạp để tiến xuống giải phóng đồng bằng". Tiếp sau Đại hội, Tỉnh ủy nhận được chỉ thị mới của Khu ủy Khu V bổ sung kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, trong đó có kinh nghiệm Đồng khởi Bến Tre. Tỉnh ủy cử cán bộ di truyền đạt Nghị quyết xuống đến các huyện và quyết định chọn huyện Tuy Hòa I làm điểm Đồng khởi ở đồng bằng. Sau khi xem xét tình hình chung của tỉnh Phú Yên lúc bấy giờ, Tỉnh ủy Phú Yên đồng ý với phương án huyện Tuy Hòa I đưa ra là chọn xã Hòa Thịnh (thuộc huyện Tuy Hòa I) làm điểm để phát động phong trào nổi dậy giành chính quyền ở vùng đồng bằng.

Hòa Thịnh là vùng đất nằm ở cực tây nam huyện Tuy Hòa I (nay là huyện Tây Hòa) có lịch sử hình thành và phát triển rất sớm ở tỉnh Phú Yên. Phía nam của xã Hòa Thịnh dựa lưng vào một nhánh núi tách từ dãy Trường Sơn hùng vĩ, chạy xuống phía đông đến Đèo Cả - Vũng Rô. Đây là một địa bàn chiến lược rất quan trọng của quân và dân huyện Tuy Hòa I trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Hòa Thịnh là một trong những xã trọng điểm của huyện Tuy Hòa I mà địch tập trung lực lượng, dùng mọi thủ đoạn để đàn áp khủng bố phong trào cách mạng. Chúng bắt bớ, thủ tiêu hàng loạt cán bộ kháng chiến, những người yêu nước... gây nên nhiều cảnh tang thương, khoét sâu thêm lòng căm thù trong nhân dân Hòa Thịnh.

Về tổ chức đảng, đoàn ở Hòa Thịnh, đến năm 1960, bốn thôn trung tâm của Hòa Thịnh đều có chi bộ đảng, chi đoàn thanh niên. Các thôn còn lại đều có đảng viên và cơ sở quần chúng.

Về phía địch, nội bộ chính quyền Sài Gòn ở cấp trung ương đang lục đục. Tuy cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm bất thành nhưng khủng hoảng trong nội bộ chính quyền trung ương đã tác động lớn đến tinh thần của quân đội và chính quyền địch ở cơ sở. Một số tên ở thôn, xã thuộc huyện Tuy Hòa I chán ngán, bỏ việc, một số đi thanh minh với nhân dân. Bên cạnh đó, địch đang lo đối phó, ngăn chặn phong trào cách mạng ở miền tây Phú Yên.

Từ những điều kiện lịch sử trên đây, Tỉnh ủy Phú Yên và Huyện ủy Tuy Hòa I đã chọn Hòa Thịnh làm điểm mở đầu cho phong trào Đồng khởi ở địa phương.

2. Những nét diễn biến chính

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh (9-1960), Hội nghị Huyện ủy Tuy Hòa I đã đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là: *ra sức xây dựng lực lượng vũ trang để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, phát triển đội công tác và cơ sở cách mạng, xây dựng căn cứ miền núi, làm chỗ dựa để giải phóng đồng bằng, chuẩn bị mọi mặt tiến tới Đồng khởi toàn huyện.*

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và Huyện ủy, tại huyện Tuy Hòa I, một số tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân đã bị tiêu diệt. Những vụ vũ trang tuyên truyền và diệt ác đã làm cho bọn tay sai ngụy quyền hoang mang dao động, cộng thêm cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm không thành, tin về phong trào Đồng khởi ở Nam Bộ... đã làm cho hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền ở Phú Yên càng thêm rối loạn. Khí thế cách mạng của quần chúng ngày càng dâng cao. Trước tình hình đó, ngày 17-12-1960, Huyện ủy Tuy Hòa I mở hội nghị và đi đến quyết định chọn xã Hòa Thịnh làm điểm chỉ đạo để phát động Đồng khởi và thông qua kế hoạch Đồng khởi.

Công tác chuẩn bị cho Đồng khởi được tiến hành một cách chu đáo, tỉ mỉ, giải quyết cụ thể các vấn đề nắm tình hình địch,

vận động quần chúng tham gia, đẩy mạnh công tác rút thanh niên đưa ra vùng căn cứ, đồng thời dựa vào cơ sở nội tuyến bất môi, vận động, lôi kéo lực lượng dân vệ, phân hóa cao độ kẻ thù. Lực lượng vũ trang của huyện có ba đội vũ trang mới thành lập gồm 29 người đã từng vũ trang tuyên truyền, diệt ác, phá kim, có tinh thần chiến đấu cao, cán bộ cơ quan có 15 người đã qua rèn luyện thử thách chiến đấu, công tác rất hàng hái, một số được trang bị súng ngắn. Tỉnh hỗ trợ một tổ vũ trang chiến đấu, được huấn luyện và trang bị vũ khí để tham gia diệt ác, phá kim.

Sau khi xem xét và cân nhắc các mặt, Huyện ủy định ngày Đồng khởi và xác định yêu cầu của Đồng khởi là phát động quần chúng nổi dậy đánh đổ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân. Vì thế, chuẩn bị lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, có lực lượng vũ trang hỗ trợ, có thanh niên thoát ly để xây dựng lực lượng vũ trang, đồng viên được tài lực, vật lực để phục vụ cho việc phát triển lực lượng mới.

Ngày 20-12-1960, Văn phòng cơ quan Huyện ủy dời xuống Cây Quăng để vừa tổ chức quan sát vừa theo dõi tình hình. Huyện ủy đã tổ chức cuộc họp cuối cùng để thống nhất kế hoạch họp đồng chiến đấu, dự kiến tình huống, tín hiệu liên lạc. Theo kế hoạch, ba đội vũ trang được tổ chức, mỗi đội do một huyện ủy viên phụ trách. Đội thứ nhất đi thẳng về Mỹ Xuân đánh chiếm trụ sở xã, tước vũ khí dân vệ, tổ chức mít tinh tại sân trụ sở. Đội thứ hai về Mỹ Trung bắt cho được đại diện xã. Đội thứ ba ra Phú Hữu bắt tên phó đại diện xã, thu toàn bộ giấy tờ, tiền bạc ngân quỹ của chúng đưa về trụ sở xã. Các mũi khi làm xong nhiệm vụ đều bật đèn pin màu đỏ và quay vòng lên trời để báo hiệu chiến thắng, phát loa tuyên truyền, rải truyền đơn, đốt pháo và đi dọc đường lớn, dọn đường để nhân dân kéo về trụ sở xã để mít tinh.

Đêm 22-12-1960, Đảng bộ và nhân dân Hòa Thịnh đã sẵn sàng chờ lệnh hành động. Tại Cây Quăng, một cửa ngõ của căn

cứ xã Hòa Thịnh và huyện Tuy Hòa I là nơi tập kết chính của các lực lượng từ căn cứ về phối hợp với các lực lượng quần chúng nhân dân sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Đúng như kế hoạch đã định, vào lúc 19 giờ ngày 22-12-1960, các đội bắt đầu triển khai thực hiện kế hoạch đã định. Mỗi đội 15 người đều đến thôn Mỹ Phú để liên lạc với hộp thư cơ sở nội tuyến, nắm tình hình lần cuối và xuất phát từng mũi. Đội thứ nhất theo hướng chính tiến vào trụ sở xã bắt toàn bộ trung đội dân vệ, thu vũ khí. Tên trung đội phó dân vệ ngoan cố chống cự đã bị tiêu diệt tại chỗ. Đội thứ hai tiến về thôn Mỹ Trung đột nhập vào nhà tên đại diện xã nhưng do tên này đang ốm nặng nên tha tội chết và không bắt đến trụ sở. Tuy nhiên, gia đình hắn phải làm cam đoan không làm tay sai cho địch nữa. Đội thứ ba tiến ra thôn Phú Hữu bắt tên phó đại diện xã và thu toàn bộ con dấu, tài liệu mang về trụ sở xã. Khi nghe tiếng súng nổ từ trung tâm xã, do đã được tuyên truyền, vận động từ trước nên hàng nghìn quần chúng nhân dân từ các thôn đã kéo ra tạo thành phong trào quần chúng mạnh mẽ. Tất cả đều nô nức kéo về trụ sở xã để tham gia mít tinh. Địa điểm mít tinh được trang hoàng bởi cờ đỏ sao vàng, các khẩu hiệu phát động, kêu gọi nhân dân vùng lên đánh đổ chính quyền Mỹ và tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân. Đúng 24 giờ ngày 22-12-1960, cuộc mít tinh bắt đầu, đồng chí Bí thư Huyện ủy đã vạch tội ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai âm mưu phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tàn sát, khủng bố đồng bào ta, giết hại cán bộ, đảng viên, trả thù những người kháng chiến cũ, cướp giật quyền lợi, ruộng đất của nhân dân ta giành được trong kháng chiến v.v.; chỉ rõ âm mưu thủ đoạn bán nước của chính quyền Sài Gòn. Kêu gọi toàn thể đồng bào đứng lên đánh đổ chế độ Sài Gòn. Tại cuộc mít tinh, bọn ác ôn phải cúi đầu nhận tội, nộp hồ sơ tài liệu cho cách mạng. Ban tổ chức mít tinh biểu dương tinh thần anh dũng của đồng bào không sợ hiểm nguy, hưởng ứng lời kêu gọi

của cách mạng đứng lên lật đổ chính quyền độc tài phát xít Ngô Đình Diệm. Quần chúng nhân dân vô cùng phấn khởi hô vang các khẩu hiệu *đả đảo đế quốc Mỹ và bọn bù nhìn tay sai. Cách mạng miền Nam Việt Nam nhất định thắng lợi!* Hàng chục thanh niên tình nguyện gia nhập lực lượng vũ trang. Đúng 2 giờ ngày 23-12-1960, cuộc mít tinh kết thúc trong niềm vui mừng phấn khởi của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Khi lực lượng cách mạng bắt đầu hành quân ra các xã xung quanh thì nhân dân cũng chia làm nhiều hướng ra về.

Tiếp theo Đồng khởi Hòa Thịnh, các xã Hòa Mỹ, Hòa Đồng, Hòa Phong, Hòa Tân, Hòa Hiệp... đồng loạt nổi dậy giành quyền làm chủ, hàng ngàn thanh niên háng hái lên đường tham gia lực lượng vũ trang, mở ra thời kỳ nổi dậy khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ, mở rộng vùng giải phóng.

Trước diễn biến hết sức bất ngờ của tình hình, bộ máy chính quyền và quân đội địch ở cấp tỉnh và huyện đều hoang mang, dao động, mất phương hướng. Mãi đến 9 giờ sáng ngày 23-12-1960, chúng mới đưa lực lượng xuống tiếp sức cho chính quyền cơ sở, nhưng không thể cứu vãn được sự tan rã nghiêm trọng. Hòa Thịnh trở thành xã đầu tiên của huyện Tuy Hòa I, Phú Yên và đồng bằng Khu V thành lập chính quyền cách mạng và giữ quyền làm chủ suốt ba tháng liền.

Cuộc nổi dậy của nhân dân xã Hòa Thịnh, huyện Tuy Hòa I, tỉnh Phú Yên là sự tiếp nối truyền thống anh hùng của quê hương và của dân tộc. Là sự gặp nhau giữa ý Đảng và lòng dân. Khi mâu thuẫn giữa quần chúng nhân dân với chế độ Sài Gòn đã lên đến đỉnh điểm, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân đã vùng lên đấu tranh mạnh mẽ tựa như một liều thuốc súng bị nén chặt nay được châm ngòi và bùng nổ. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở Hòa Thịnh là sự mở đầu cho phong trào giải phóng ở đồng bằng trong tỉnh Phú Yên và Khu V. Phong trào Đồng khởi ở Hòa Thịnh đã nhanh chóng lan rộng ra các huyện

xung quanh và phát triển ra toàn tỉnh Phú Yên, mở rộng vùng giải phóng. Đây thực sự là một trong những chiến công to lớn của quân và dân Phú Yên, góp phần tạo nên thắng lợi chung của phong trào Đồng khởi trên toàn miền Nam.

3. Đặc điểm và ý nghĩa

Đồng khởi Hòa Thịnh (Tuy Hòa - Phú Yên) không chỉ là điểm đột phá mở đầu cho phong trào Đồng khởi ở đồng bằng Phú Yên mà còn được Khu ủy Khu V đánh giá là "điểm mở đầu cho phong trào giải phóng các tỉnh đồng bằng Khu V". Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở đồng bằng nam Trung Bộ mà mở đầu là phong trào Đồng khởi Hòa Thịnh đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng Khu V nói riêng và cách mạng miền Nam nói chung.

Nét đặc sắc của phong trào Đồng khởi Hòa Thịnh là biết dựa vững chắc vào lực lượng chính trị của quần chúng nhân dân, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang cùng công tác binh vận để phát động nổi dậy giành chính quyền. Thực chất của Đồng khởi Hòa Thịnh là cuộc khởi nghĩa từng phần, khởi nghĩa cục bộ lớn, đầu tiên ở một xã nông thôn đồng bằng Phú Yên và Khu V. Đây là cuộc nổi dậy của quần chúng bị áp bức kết hợp với một số ít lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng.

Thắng lợi của Đồng khởi Hòa Thịnh là thắng lợi của việc phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, thể hiện sâu sắc quan điểm cơ bản: *Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*. Thắng lợi của Đồng khởi Hòa Thịnh chứng minh tinh đúng đắn và sáng tạo trong đường lối của Đảng về cách mạng miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thực tiễn Đồng khởi Hòa Thịnh cho thấy sự chủ động, sáng tạo của các cấp bộ đảng địa phương từ Liên khu ủy xuống đến

cơ sở, đã vận dụng đúng đắn chủ trương, đường lối, phương pháp cách mạng của Đảng vào thực tế địa phương, tạo nên sức mạnh quật khởi của quần chúng, đánh đổ chính quyền địch, thành lập và bảo vệ chính quyền cách mạng. Thắng lợi của Đồng khởi Hòa Thịnh còn cho thấy sự thành công trong công tác vận động, tuyên truyền giáo dục các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là công tác binh vận của các cấp bộ đảng mà trực tiếp là Huyện ủy Tuy Hòa I.

Đồng khởi Hòa Thịnh đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng Phú Yên, từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, góp phần làm thất bại chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới điển hình của Aixenhao ở miền Nam.

Đồng khởi Hòa Thịnh là một minh chứng tiêu biểu về nghệ thuật chỉ đạo, tổ chức khởi nghĩa giành chính quyền. Đó là một quá trình cách mạng từ thấp đến cao, từ việc củng cố, xây dựng cơ sở quần chúng, xây dựng các đội vũ trang đến việc tập hợp đông đảo quần chúng kết hợp với các đội vũ trang nổi dậy giành chính quyền về tay nhân dân; thể hiện nghệ thuật khởi nghĩa từng phần, khéo léo, linh hoạt, kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Thắng lợi của Đồng khởi Hòa Thịnh mãi là mốc son chói lọi trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Phú Yên, là niềm tự hào tươi sáng, và trở thành động lực to lớn của nhân dân Phú Yên trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ chống đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

NGUYỄN THỊ ĐỊNH - LINH HỒN CỦA CUỘC ĐỒNG KHỞI BẾN TRE NĂM 1960

TS. VŨ THỊ HOÀ*

Nguyễn Thị Định sinh năm 1920, quê ở xã Lương Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tham gia cách mạng từ năm 16 tuổi, cuộc đời bà gắn liền với cách mạng, phấn đấu vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng phụ nữ. Bà là người trí dũng song toàn, trung thành với sự nghiệp của Đảng, yêu Tổ quốc, quê hương, nhân dân; có lập trường giai cấp kiên định, tinh thần cách mạng triệt để, sống giản dị, khiêm nhường, chân thành, thẳng thắn, gần gũi quần chúng.

Cuối năm 1959 đầu năm 1960, phong trào Đồng khởi diễn ra mạnh mẽ trên toàn miền Nam tạo ra bước ngoặt lớn cho cách mạng miền Nam, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Trong phong trào Đồng khởi, Bến Tre được đánh giá là tiêu biểu nhất và nói đến Đồng khởi Bến Tre là không thể không nhắc đến Nguyễn Thị Định - người có vai trò rất quan trọng trong sự kiện này.

1. Trực tiếp lãnh đạo phong trào Đồng khởi ở Bến Tre trên cương vị lãnh đạo cao nhất - Phó Bí thư, sau đó là Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre

Bà là người có năng lực lãnh đạo và trình độ tổ chức cao, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có tinh thần tiến

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

công cách mạng, không lùi bước trước những khó khăn hiểm nguy nào để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Sau khi tiếp thu Nghị quyết 15 trở về, bà đứng trước một tình hình rất khó khăn để triển khai Nghị quyết. Địch vừa càn qua gây tổn thất lớn cho lực lượng cách mạng của tỉnh; cán bộ, đảng viên, cơ sở quần chúng người thì bị bắt, bị giết, đường dây liên lạc trong tỉnh bị cắt đứt. Mặt khác, trong khi bà đi họp trên khu, nhận được điện tóm tắt tinh thần Nghị quyết 15, đồng chí Võ Văn Phẩm - Bí thư Tỉnh ủy đã hội ý với các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy, phân công cán bộ xuống các huyện chỉ đạo chuẩn bị lực lượng, bám cơ sở, vận động quần chúng khởi nghĩa, do vậy khó tập hợp được đầy đủ các đồng chí trong Tỉnh ủy. Hoàn cảnh đó đặt bà trước sự lựa chọn: *Một là*, tập hợp đầy đủ cán bộ lãnh đạo của Tỉnh ủy mới triển khai Nghị quyết, nhưng như vậy sẽ mất thời cơ, khó thành công. *Hai là*, chớp thời cơ phát động khởi nghĩa ngay, nhưng như vậy bà phải chịu trách nhiệm lớn trước Đảng và nhân dân. Bà đã chọn con đường thứ hai, triệu tập cuộc họp Đảng bộ khu vực cù lao Minh nhằm thống nhất tư tưởng để hành động và đưa ra ý kiến: "Đợi tìm được đầy đủ Tỉnh ủy thì lỡ mất thời cơ, mà thi hành ngay thì chúng ta thiếu số (vì chỉ có tôi và đồng chí Bảy Hiền ở trong Ban Thường vụ tỉnh). Vậy chúng ta dám có gan làm và cùng chịu trách nhiệm không?"¹. Trong cuộc họp chính thức bà lại khẳng định một lần nữa: "Thôi bây giờ Hội nghị ta có bao nhiêu làm bấy nhiêu. Tập thể ta sẽ cùng chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy và Khu ủy. Nếu làm sai, mình xin chịu kỷ luật, mà làm đúng thì lấy thắng lợi bước đầu phát triển lên"². Một vấn đề khác cũng cho thấy phải có tinh thần dũng cảm mới dám phát động khởi nghĩa, đó là so sánh lực lượng ở Bến Tre lúc đó khá chênh

1, 2. Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979, tr.87, 89.

lịch. Kẻ thù không từ một thủ đoạn nào để chống phá phong trào cách mạng và đã thiết lập nên một bộ máy kim kẹp khổng lồ với hệ thống ngục quyền và một lực lượng quân sự khá mạnh từ tỉnh xuống xã với ý đồ xây dựng Bến Tre thành nơi thí điểm để chống phá phong trào cách mạng miền Nam. Dịch đã dựng lên ở Bến Tre 300 đồn bốt (binh quân 2,6 đồn bốt/xã), 4 khu trù mật ở các xã Thành Thới (Mỏ Cày), Thới Thuận (Bình Đại), An Hiệp (Ba Tri), An Hiệp (Châu Thành). Các đình làng biến thành trường học tổ cộng, nhà tù, trung tâm tra tấn. Nhà tù ở tỉnh lỵ Bến Tre chật ních người bị bắt. Lực lượng quân sự của Mỹ - Diệm ở Bến Tre bao gồm 2.906 tên bảo an, tổng đoàn dân vệ, 1.380 dân vệ, 180 cảnh sát, 210 công an duyên hải¹. Ngược lại, về phía cách mạng, đảng viên và cơ sở đảng còn rất ít. Toàn tỉnh chỉ còn 8,1% đảng viên (162 đảng viên so với 2.000 đảng viên sau ngày ngừng bắn năm 1954), 18 chi bộ (chỉ còn 15% số xã có chi bộ); hệ thống liên lạc quá khó khăn: từ Tỉnh ủy xuống Huyện ủy, từ Huyện ủy xuống xã có khi mất liên lạc hàng tháng. Liên lạc từ xã này sang xã khác cũng khó khăn trong khi đó thời gian chuẩn bị cho khởi nghĩa quá ngắn: có 16 ngày lại phải đảm bảo bí mật. Tỉnh lại không có lực lượng vũ trang tập trung. Nếu chỉ đơn thuần nhìn vào sự chênh lệch lực lượng như vậy thật khó mà dám phát động khởi nghĩa. Nhưng dưới sự chủ trì của bà, Hội nghị đã phân tích một cách biện chứng so sánh lực lượng, tìm ra những điểm yếu cơ bản của địch và sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân, dũng cảm phát động một tuần lễ Đồng khởi, phá thế kim kẹp giành quyền làm chủ.

Sự lãnh đạo tài ba của bà thể hiện rõ ở trình độ tổ chức. Theo bà, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải thống nhất được

1. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bến Tre: *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Bến Tre*, 2000, tr.26, 27, Thư viện Quân đội sao lục.

tư tưởng và hành động trong toàn cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Muốn vậy, phải bằng mọi cách làm cho Nghị quyết của Đảng thấm sâu vào từng người. Đây là yếu tố tạo nên sức mạnh to lớn của lực lượng cách mạng: "Tinh thần đoàn kết nhất trí từ trên xuống dưới rất cao, nhờ đó đã tạo nên sức mạnh đẩy lùi kẻ địch mạnh hơn gấp nhiều lần"¹. Thứ hai, là đội ngũ cán bộ, đảng viên đi phát động quần chúng đấu tranh. Họ phải là những người có năng lực, có tư cách đạo đức tốt, kiên trung với cách mạng, kiên cường trước kẻ địch, luôn đóng vai trò gương mẫu, thông suốt đường lối của Đảng thì "phát động quần chúng mới dám nổi dậy", "phát động đến đâu quần chúng tin tưởng và nổi dậy đến đó"². Thứ ba, khi phát động quần chúng phải đi từ thấp đến cao, giác ngộ quần chúng từng bước, rồi đưa dần vào phong trào đấu tranh như: đầu tiên phải phát động lòng căm thù giặc, sau đó hướng dẫn đấu tranh. Sau từng cuộc đấu tranh phải tổng kết kiểm điểm, rút kinh nghiệm đồng thời bình bầu khen thưởng, biểu dương để khích lệ tinh thần quần chúng và tiếp tục giao công tác khác. Khi giao công tác phải biết tùy vào khả năng, tùy theo hoàn cảnh mà phân công nhiệm vụ cụ thể, có lý, có tình, có mức độ và gấp rút ghép quần chúng thành tổ chức, đồng thời phải chú ý kết hợp giữa quyền lợi chung của cách mạng với quyền lợi thiết thân của quần chúng. Phải làm cho quần chúng thấy rằng: "Minh làm cách mạng là làm cho mình và thực tế cách mạng đem lại cho họ cả quyền lợi vật chất lẫn tinh thần, để củng cố lòng tin tưởng và thiết tha với cách mạng của quảng đại quần chúng"³. Thứ tư, trong chỉ đạo đấu tranh phải linh hoạt, nhạy bén: Biết tìm chỗ yếu, chỗ sơ hở của địch để tấn công. Trong tấn công

1, 2, 3. Nguyễn Thị Định: *Bến Tre Đồng khởi năm 1960*, in trong sách *Huyền thoại quê hương Đồng khởi*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.86, 88.

biết kết hợp vũ trang, chính trị, binh vận. Chỉ đạo tấn công có tập trung chỉ đạo điểm nhưng cũng không xem nhẹ diện nhằm khoét sâu vào mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán của địch "... để căng kéo địch ra, làm cho kẻ địch không biết đường nào mà đỡ"¹.

Bà là người vững vàng, mưu lược và tài trí, có phương pháp khoa học, nắm vững đường lối của Đảng, trên cơ sở đó vận dụng sáng tạo vào tình hình địa phương, không giáo điều cũng không vô nguyên tắc, có kế hoạch tỉ mỉ, chu đáo, tính toán mọi khả năng trong xây dựng lực lượng, trong tấn công kẻ thù... Trong Đồng khởi đợt 1, quan điểm chỉ đạo của bà là "kiên quyết đánh thắng trận đầu tiên để tạo điều kiện cho những bước tiếp theo"². Tại Hội nghị bàn về kế hoạch Đồng khởi, bà đã đề xuất chọn quận Mỏ Cày là nơi mở đầu Đồng khởi ở Bến Tre. Ý kiến của bà được Hội nghị chấp nhận, nhất trí lấy ba xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy làm trọng điểm của trọng điểm. Sau khi Đồng khởi ở ba xã thành công, Khu ủy chỉ thị cho Bến Tre phải nhanh chóng củng cố lực lượng và phát huy thắng lợi của Đồng khởi. Triển khai chủ trương của Khu ủy, bà xác định: "Điều cốt tử lúc này cần bàn là phải giữ vững thành quả của cách mạng đã đạt được và đẩy phong trào Đồng khởi tiến lên"³ bởi kẻ thù sẽ không chịu từ bỏ Mỏ Cày và Bến Tre. Do có sự chuẩn bị chu đáo nên khi địch phản kích, Bến Tre đã chủ động đánh trả và giành được thắng lợi dù so sánh lực lượng vô cùng chênh lệch. Trong Đồng khởi đợt 2 của Bến Tre, bà lại đề nghị lấy Giồng Trôm là trọng điểm vì "Tuy Giồng Trôm ở gần thị xã, địch sẽ phản ứng nhanh hơn Mỏ Cày, nhưng Giồng Trôm bây giờ cũng có cơ sở đảng, đoàn khá mạnh, có cơ sở nội tuyến có khả năng"⁴, hơn nữa trước đó vào tháng 3-1960 cuộc đấu tranh chính trị ở

1, 2, 3, 4. Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác*, Sdd, tr.87, 110, 125.

thị trấn đòi địch chấm dứt cuộc càn vào xã Hiệp Hưng đã giành được thắng lợi.

Tài năng lãnh đạo của bà còn được thể hiện ở việc đoàn kết được cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Bà đã vận động, thuyết phục, lôi cuốn và khuấy động được cán bộ, đảng viên và nhân dân xông ra trận tuyến đấu tranh với kẻ thù. Mọi người tin tưởng bà không chỉ vì sự tài trí mưu lược, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm mà còn ở tư cách đạo đức, tác phong của bà. Trong đấu tranh, bà luôn xông lên phía trước, "đứng mũi chịu sào". Trong cuộc sống, bà gán bó, gán gửi, thân mật, thái độ chân tình cởi mở, khiêm tốn, giản dị nhưng cũng rất thẳng thắn cương trực với đồng đội, nhân dân. Trong lãnh đạo, bà rất dân chủ, biết khơi dậy tinh thần sáng tạo của cán bộ, đảng viên, quần chúng làm cho họ luôn có sáng kiến, luôn có sáng tạo do vậy tạo ra những khả năng cách mạng và sức mạnh đấu tranh to lớn. Điều đó được thể hiện rõ trong các cuộc họp Tỉnh ủy trong quá trình Đồng khởi. Bà thường nêu vấn đề để hội nghị thảo luận, lấy ý kiến của tập thể nhằm thống nhất quan điểm. Đối với nhân dân, bà hết lòng tin tưởng vào khả năng cách mạng to lớn của họ: "Khi quần chúng nổi dậy rồi ta phải kịp thời phát huy khả năng cách mạng của quần chúng bằng cách mạnh dạn giao việc tùy theo khả năng của mỗi người và gấp rút ghép quần chúng thành tổ chức, dựa vào đó mà điều khiển quần chúng tấn công địch bằng ba mũi và kêu gọi quần chúng đóng góp sáng kiến lập công"¹.

Có thể nói, sự lãnh đạo của bà là yếu tố quan trọng nhất để đưa phong trào Đồng khởi ở Bến Tre đi đến thắng lợi. Đó chính là yếu tố chủ quan - yếu tố trình độ tổ chức và năng lực lãnh đạo khởi nghĩa.

1. Nguyễn Thị Định: *Bến Tre Đồng khởi năm 1960*, in trong sách *Huyền thoại quê hương Đồng khởi*, Sdd, tr.88.

2. Góp phần quan trọng tìm ra phương pháp cách mạng đúng đắn cho phong trào Đồng khởi Bến Tre năm 1960 và cho cách mạng miền Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ sau này

Cho đến năm 1958, cách mạng miền Nam vẫn chưa tìm ra được đường lối, phương pháp cách mạng và hình thức đấu tranh thích hợp với tình hình trong và ngoài nước vô cùng phức tạp. Lực lượng cách mạng miền Nam bị tổn thất lớn do sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù. "Chỉ trong bốn năm (1955-1958), 9/10 cán bộ, đảng viên ở miền Nam đã bị tổn thất. Riêng Nam Bộ, chỉ còn khoảng 5.000 so với 60.000 đảng viên trước đó. Ở đồng bằng Liên khu V, có khoảng 40% tỉnh ủy viên, 60% huyện ủy viên, 70% chi uỷ viên bị địch giết hại, 12 huyện không còn cơ sở đảng. Ở Quảng Trị chỉ còn 176/8.400 đảng viên trước đó"¹. Nhân dân miền Nam lúc này đã không còn chịu đựng được nữa và sẵn sàng đứng lên chiến đấu với kẻ thù. Nghị quyết 15 của Đảng đã vạch ra một con đường đấu tranh đúng đắn cho cách mạng miền Nam. Song, có đường lối đúng nhưng để đưa cách mạng đến thắng lợi còn cần phải có phương pháp cách mạng đúng đắn. Đấu tranh với một kẻ thù rất mạnh trong khi nhân dân miền Nam hầu như chỉ có tay không thì càng phải có cách đánh phù hợp mới có thể giành được thắng lợi. Theo đồng chí Nguyễn Văn Linh - lúc đó là Bí thư Xứ ủy Nam Bộ: Trung ương còn dặn là "Phải hết sức đưa vũ trang mạnh nhưng mà cũng phải duy trì phong trào đấu tranh chính trị, vẫn còn giữ cái thế hợp pháp cho quần chúng để tồn tại lâu dài. Và sẽ có cuộc đấu tranh giằng co mà ta tiến lên trong giằng co, tức là ta nổi dậy từng phần, địch sẽ bình định

1. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000, t.III, tr.157.

lại"². Đây là bài toán khó cho cách mạng miền Nam lúc đó, vì khi đấu tranh vũ trang mạnh lên thì "Cái thế hợp pháp, thế đấu tranh chính trị của quần chúng không còn. Cho nên muốn duy trì đấu tranh chính trị là chủ yếu của quần chúng thuận lợi phải phân tán lực lượng"³.

Tại Hội nghị Khu ủy Khu VIII (Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ) được triệu tập tại Hồng Ngự, Khu ủy chủ trương phát động quần chúng khởi nghĩa ở xã, áp theo phương châm: Phát động phong trào rộng khắp và đưa đông đảo quần chúng nhân dân vùng lên đấu tranh với địch nhưng vẫn giữ thế đấu tranh hợp pháp, trực diện của quần chúng. Song, thực hiện thế nào vẫn là vấn đề bàn khoăn của các đồng chí lãnh đạo Khu ủy và các đại biểu tham gia Hội nghị. Sau khi cuộc họp kết thúc, đồng chí Sáu Đường (Nguyễn Minh Đường) - Bí thư Khu ủy Khu VIII vẫn còn hồi dự kiến của bà sẽ tiến hành ra sao⁴. Lúc đó tuy đã thoáng qua hình ảnh đấu tranh trong Cách mạng Tháng Tám và trận thắng quân sự ở Gò Quán Cung của Hồng Ngự nhưng tiến hành cụ thể như thế nào thì bà vẫn còn lúng túng chưa có câu trả lời rõ rệt, chỉ báo cáo được là "Bến Tre phải làm cả chính trị và võ trang thì mới ăn được"⁵. Khi về đến Bến Tre trong cuộc họp ngày 2-1-1960 ở xã Tân Trung, bà truyền đạt Nghị quyết 15, đồng thời trình bày kế hoạch triển khai Đồng khởi. Hội nghị đã thảo luận sôi nổi và quyết định nhiều vấn đề quan trọng về phương pháp cách mạng, chủ trương gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị, thực hiện đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, phát động quần chúng rộng rãi. Hội nghị còn đề ra yêu cầu kết hợp hoạt động giữa nông thôn và đô thị và

1, 2. Nguyễn Văn Linh: *Những bài học kinh nghiệm từ Đồng khởi Bến Tre 1960*, in trong sách *Huyền thoại quê hương Đồng khởi*, Sđd, tr.15.

3, 4. Xem Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác*, Sđd, tr.85, 86.

ra quyết định về binh vận. Như vậy, phương pháp tiến hành Đồng khởi ở Bến Tre về cơ bản đã hình thành. Đó là đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh quân sự và binh vận; đánh địch cả ở nông thôn và thành thị. Diễn biến của phong trào Đồng khởi ở Bến Tre năm 1960 đã cho thấy phương pháp cách mạng đúng đắn của Hội nghị mà người chỉ đạo là Nguyễn Thị Định. Đợt 1 của Đồng khởi, bà chủ trương quân sự phải đi trước một bước vì muốn quần chúng nổi dậy thì trước hết phải diệt được tổng đoàn dân vệ. Nhưng Đồng khởi đợt 2 bà lại chủ trương đấu tranh quân sự vì lúc này khí thế của quần chúng đang lên rất cao mà địch thì sợ không dám khủng bố. Có thể nói, phương pháp đánh địch mà nhân dân Bến Tre sáng tạo ra trong Đồng khởi năm 1960 là một đóng góp to lớn cho cách mạng miền Nam chống lại chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Ngay sau khi Đồng khởi đợt 1 ở Bến Tre thành công, tháng 4-1960 Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng họp tại căn cứ Châu Bình, Giồng Trôm đã tổng kết kinh nghiệm Đồng khởi và khẳng định: "Phương châm đánh địch bằng ba mũi chính trị, vũ trang, binh vận được hội nghị khẳng định là cách đánh thích hợp nhất đảm bảo thắng lợi"¹. Sau đó tỉnh cử một đoàn đại biểu lên Khu ủy báo cáo tình hình Đồng khởi ở Bến Tre và xin chỉ thị mới. Khi Xứ ủy Nam Bộ nhận được báo cáo của tỉnh Bến Tre, lập tức rút kinh nghiệm và phổ biến cho các địa phương. Đồng chí Nguyễn Văn Linh hồi tưởng: "Ba xã căn cứ của Tỉnh ủy Bến Tre hồi đó đóng ở Mỏ Cày mà làm như kiểu này vẫn giữ được thế hợp pháp của quần chúng, mà lại càng có khả năng giữ thế hợp pháp nữa, một cái thứ hợp pháp không phải thụ động mà là thứ hợp pháp tấn công, mà đưa lên một phong trào chính trị và binh vận mạnh mẽ tấn công kẻ địch song song với tấn công quân sự,

1. Nguyễn Thị Định: *Bến Tre Đồng khởi năm 1960*, in trong sách *Huyền thoại quê hương Đồng khởi*, Sđd, tr.73.

mà không phải tấn công rời rạc, mà chính trị, quân sự và binh vận lại phối hợp với nhau tấn công ở trong một cuộc đấu tranh, một đợt đấu tranh. Lúc bấy giờ Xứ ủy chúng tôi rất vui mừng mà nói, bản khoán thì bây giờ Bến Tre đã tìm ra được cái phương thức này đây! Lập tức chúng tôi đem cái kinh nghiệm này phổ biến chỉ đạo các nơi áp dụng để làm... Chính Trung ương về sau nêu vấn đề tổng công kích, tổng khởi nghĩa trên cơ sở ba mũi giáp công này, cũng là trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn của phong trào, mà trong đó cái phần đóng góp của Bến Tre là rất quan trọng"². "Sáu tháng sau khi Đồng khởi thì lập tức căn cứ vào những kinh nghiệm của Bến Tre và sau đó phổ biến ra cho khắp các nơi, thì Trung ương đã tổng kết mới có một nghị quyết chỉ đạo về phương châm, phương thức đấu tranh của cách mạng miền Nam để thể hiện Nghị quyết 15"².

3. Tổ chức ra "đội quân tóc dài" - một lực lượng quan trọng, một đội quân độc đáo, một nét sáng tạo trong hình thức tổ chức chính trị của nhân dân tỉnh Bến Tre

Quá trình hình thành và phát triển của đội quân tóc dài ở Bến Tre trong Đồng khởi bắt nguồn từ truyền thống đấu tranh của nhân dân Bến Tre, đặc biệt trong giai đoạn 1954-1958. Ở thời kỳ này, thực hiện chủ trương của Đảng, nhân dân Bến Tre chủ yếu đấu tranh chính trị với địch. Mặc dù địch khủng bố ác liệt nhưng nhân dân Bến Tre vẫn tổ chức nhiều cuộc đấu tranh chính trị có quy mô to lớn.

Trong Đồng khởi đợt 1 đấu tranh chính trị đã được sử dụng linh hoạt, đặc biệt cuộc đấu tranh chính trị chống lại tiểu đoàn thủy quân lục chiến ở xã Phước Hiệp đã cho thấy một khả năng

1, 2. Nguyễn Văn Linh: *Những bài học kinh nghiệm từ Đồng khởi Bến Tre 1960*, in trong sách *Huyền thoại quê hương Đồng khởi*, Sđd, tr.16-17, 20.

cách mạng mới. Sau một tuần Đồng khởi thắng lợi, địch cho một tiểu đoàn về đóng ở xã Phước Hiệp nhằm giải toả, tiếp tế cho các đồn Định Thủy, Bình Khánh đang bị ta bao vây. Phối hợp với tiến công vũ trang ta tổ chức đấu tranh chính trị trực diện với kẻ thù để phá cuộc càn của địch. Ngày 4-2-1960 một phụ nữ xã Phước Hiệp bị hãm hiếp, Huyện ủy Mỏ Cày tổ chức 20 chị em khiêng nạn nhân lên quận đấu tranh và huy động thêm 200 chị em khác đi theo hỗ trợ. Nhân dân thị trấn và các xã xung quanh đông tới 5.000 người cũng ùn ùn kéo đến hỗ trợ, vây kín trụ sở quận, tố cáo lính bảo an hãm hiếp phụ nữ, cướp bóc tàn sát nhân dân. Tên quận trưởng buộc phải đưa nạn nhân đi chữa bệnh và hứa trừng trị bọn bảo an, hứa không khủng bố, bắn giết nhân dân. Cuộc đấu tranh chính trị thắng lợi đã đưa đến câu trả lời cho bài toán: làm thế nào đấu tranh chính trị mà vẫn giữ được thế hợp pháp của quần chúng. Qua cuộc đấu tranh này, Nguyễn Thị Định suy nghĩ: "sau vụ Phước Hiệp, cả lãnh đạo và nhân dân đều có lỗi ra mới. Ban lãnh đạo chuyển chủ trương từ giữ dân ở lại tại chỗ để giữ thế hợp pháp, nay chuyển hẳn sang chủ trương mới huy động lực lượng quần chúng thật đông đảo xông thẳng vào Mỏ Cày đấu tranh chính trị, tố cáo tội ác của giặc ở Phước Hiệp"¹.

Sự kiện tiếp theo là trận càn của một vạn quân chủ lực của Diệm vào ngày 28-2-1960 với quyết tâm tiêu diệt phong trào cách mạng ở Bến Tre. So sánh lực lượng quá chênh lệch. Lực lượng địch đông lại được trang bị vũ khí hiện đại, ngược lại về phía cách mạng chỉ có hai đại đội với súng bộ binh nhưng lại chưa đủ trang bị cho từng người. Trước tình hình trên, Tỉnh ủy Bến Tre triệu tập cuộc họp bất thường và quyết định bằng mọi cách phải chống càn thắng lợi. Để chống càn thắng lợi, Tỉnh ủy chủ trương phát động toàn dân đánh giặc, kết hợp cả đấu tranh

quân sự và đấu tranh chính trị. Lực lượng vũ trang nhỏ bé chọn chỗ hiểm yếu của địch để tiến công. Nhân dân cũng tiến công địch bằng nhiều cách: chông, mìn, sùng... tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang đánh một số trận lớn, bẻ gãy cuộc càn của địch, mặt khác vận động nhân dân ở lại đấu tranh chính trị, binh vận chống càn, phân hoá gây rối hàng ngũ địch. Đây là mũi chủ lực chống càn. Bà Nguyễn Thị Định được phân công lãnh đạo mũi đấu tranh chính trị vận động nhân dân ở lại giữ thế hợp pháp và phát động phong trào đấu tranh chính trị. Bà trực tiếp vận động, thuyết phục và tổ chức, hướng dẫn nhân dân đấu tranh như đào hầm hố ẩn nấp, cất giấu đồ đạc. Khi địch ném bom bắn phá thì xuống hầm. Khi địch càn vào làng thì trỗi lên đấu tranh. Bà còn tổ chức một số người có người nhà ở thị xã vờ tản cư lên thị xã, Sài Gòn tố cáo tội ác của giặc và phao tin ta sắp đánh lớn vào Mỏ Cày, Bến Tre. Địch buộc phải bỏ dở trận càn kéo đại bộ phận quân về Mỏ Cày. Tuy nhiên, địch vẫn để lại một tiểu đoàn ở xã Phước Hiệp gây tội ác đối với nhân dân. Tình hình trên đặt ra là phải đẩy mạnh đấu tranh chính trị hơn nữa để đánh bại hoàn toàn trận càn của địch. Ngày 27-3-1960, cuộc tản cư ngược của hàng nghìn người từ các xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy và một vài xã khác đi xuống kín cả mặt sông, tràn về thị trấn Mỏ Cày, tố cáo tội ác của giặc và đòi giúp đỡ chỗ ăn, chỗ ở. Nhân dân thị trấn cũng tham gia đấu tranh. Họ tự động tổ chức ủng hộ cơm nước cho quân chúng tản cư. Liên tiếp mấy ngày sau, ta lại tiếp tục đưa quân chúng các xã lên tiếp viện làm cho lực lượng đấu tranh thêm đông đảo. Chị em còn tung tin sẽ kéo lên tận tỉnh, lên Sài Gòn đấu tranh. Trước làn sóng đấu tranh ngày càng kiên quyết, địch buộc phải hứa rút quân và ra lệnh cho quân lính không được cướp bóc nhân dân. Lợi dụng địch giảm hoạt động càn quét, bộ đội ta thừa cơ rút khỏi vòng vây, phát động các xã khác của huyện Minh Tâm Đồng khởi. Trước tình hình đó, địch phải rút quân về

1. Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác*, Sđd, tr.120.

đối phó. Cuộc đấu tranh chính trị của chị em làm địch khiếp sợ và chúng đã gọi đây là "đội quân tóc dài" làm mất trật tự an ninh quốc gia.

Sau cuộc đấu tranh chính trị chống càn thẳng lợi, uy tín của bà được nâng cao. Điều đó được thể hiện ở Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tháng 4-1960. Hội nghị đã bầu bà Nguyễn Thị Định làm Bí thư Tỉnh ủy. Sợ mình không hoàn thành nhiệm vụ, bà xin rút lui nhưng tập thể không chấp nhận: "Ta bây giờ đánh địch bằng quân sự lẫn chính trị. Phong trào phụ nữ bây giờ lên mạnh mà chị em cũng là đạo quân rất hùng hậu. Chị đại diện chung là xứng đáng. Chị cứ mạnh dạn làm, tập thể tiếp tay là chạy hết"¹. Tiếp đó, Tỉnh ủy tổ chức đợt Đồng khởi thứ hai với màn mở đầu bằng cuộc đấu tranh chính trị mạnh mẽ, thống nhất trong toàn tỉnh. Lúc này khí thế của quần chúng lên rất cao. Cần bao nhiêu lực lượng là có ngay. Chị em tự nguyện xin tham gia đấu tranh chứ không cần vận động như trước nữa. Trước tình hình trên, bà đã suy nghĩ phải xây dựng một đội quân chính trị như xây dựng lực lượng vũ trang "dù là quân tóc dài cũng phải có tổ chức thành đội ngũ hăn hoi, có rèn luyện bản lĩnh thành thạo như bộ đội thì mới đánh thắng được"².

Việc đầu tiên là bà đề nghị thành lập đội quân đấu tranh thường trực ở huyện, ấp, xã. Mỗi người trong đội quân thường trực lại có các tổ quần chúng làm chân rết. Vì vậy khi cần là huy động lực lượng ngay.

Khi xung trận, lực lượng chính trị cũng phải được tổ chức chặt chẽ như quân đội, phải xây dựng ba lực lượng đấu tranh chính:

- Lực lượng đấu tranh trực diện. Trong lực lượng này có lực lượng xung kích. Bên cạnh lực lượng xung kích có lực lượng bảo vệ để đề phòng khi địch đàn áp mạnh. Lực lượng này bao gồm những gia đình bình sĩ giác ngộ, những gia đình khổ chủ và lực lượng nông cốt của ta.

1, 2. Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác*, Sđđ, tr.124, 126.

- Lực lượng tiếp viện: Là lực lượng dự bị có nhiệm vụ khi lực lượng chính bị khủng bố thì kéo đến hỗ trợ.

- Lực lượng hậu cần chủ yếu trông nom con cái, giúp đỡ gia đình có chị em đi đấu tranh để họ yên tâm chiến đấu.

Khi đưa chị em ra đấu tranh phải đưa khẩu hiệu từ thấp đến cao. Lúc đầu đưa khẩu hiệu dân sinh dân chủ, chủ yếu là để tập hợp đông đảo quần chúng tham gia rồi sau đó nâng dần khẩu hiệu đấu tranh thành khẩu hiệu chính trị.

Theo bà, mấu chốt của việc xây dựng lực lượng chính trị là phải tin tưởng vào vai trò, khả năng của phụ nữ, mạnh dạn đưa chị em tham gia đấu tranh.

Từ đó lực lượng chính trị của Bến Tre không ngừng lớn mạnh mà trong đó chủ yếu là chị em phụ nữ. Xã nào cũng có sẵn một lực lượng từ 300 đến 1.000 người đi đấu tranh. Đến mùa Thu năm 1960, Bến Tre có thể huy động từ 5.000, 10.000 đến 20.000 người cho một cuộc đấu tranh và có khả năng hợp đồng tiến công địch trên diện rộng¹. Từ đội quân tóc dài của Bến Tre, đội quân tóc dài của miền Nam dần hình thành và trở thành một trong những mũi tiến công sắc bén chống lại chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Với những đóng góp như trên, bà xứng đáng được coi như là linh hồn của cuộc Đồng khởi ở Bến Tre năm 1960. Tài năng của bà sau này càng được khẳng định với việc bà được giao giữ các chức vụ quan trọng như Khu ủy viên Khu VII, Bí thư Đảng đoàn phụ nữ Khu VIII, Chủ tịch Hiệp hội Phụ nữ giải phóng miền Nam, Phó Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Ủy viên quân sự miền. Hoà bình lập lại bà là Thứ trưởng Bộ Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Phó Chủ tịch Liên đoàn Phụ nữ

1. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bến Tre: *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Bến Tre*, Sđđ, tr.59.

thế giới, Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam - Cuba. Với tài năng đức độ của mình, bà được nhân dân, cán bộ, chiến sĩ trong nước và đông đảo bạn bè, nhân dân thế giới tin yêu và kính trọng. Bà được tặng thưởng nhiều huân, huy chương của Nhà nước Việt Nam, Nhà nước Lào, Hunggari, Cuba. Năm 1995, bà được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang. Những thành tích sau này của bà chắc chắn có cội nguồn từ những chiến công trong phong trào Đồng khởi ở Bến Tre năm 1960.

PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI QUA NHỮNG TRANG VIẾT TRÊN TẠP CHÍ LỊCH SỬ QUÂN SỰ

Đại tá, TS. TRẦN NGỌC LONG*

Nửa thế kỷ trước, nhân dân miền Nam đã vùng lên Đồng khởi; tạo ra bước ngoặt lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công với sự kết hợp cả hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

Đồng khởi được xem như một đợt phá khẩu làm rung chuyển toàn bộ chiến trường miền Nam. Nó nổ ra vào thời điểm mà theo như đánh giá của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta là chính quyền Ngô Đình Diệm đã tương đối ổn định.

Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã từng ghi dấu rất nhiều sự kiện quan trọng mà tác động và sức lan tỏa của nó không chỉ bó gọn trong những con số đong đếm về hiệu quả tiêu diệt sinh lực địch, về diện tích đất đai giành được, số dân được giải phóng mà còn vượt ra khỏi cái khoảng giới hạn thuần túy về không gian và thời gian. Khi xem xét, nhìn nhận, đánh giá vai trò, tác dụng cũng như sức lan tỏa của những sự

* Tổng Biên tập Tạp chí Lịch sử quân sự - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

kiện đó cần phải đặt trong bối cảnh tổng thể của cuộc chiến tranh. Phong trào Đồng khởi 1959-1960 cũng là một trong những sự kiện như vậy.

Năm mươi năm sau sự kiện Đồng khởi và gần 30 năm sự hiện diện của Tạp chí *Lịch sử quân sự* với tư cách là một diễn đàn khoa học, đã có không ít bài viết về Đồng khởi được đăng tải trên diễn đàn. Hầu hết các bài viết liên quan đến đề tài này đều xem xét, đánh giá sự kiện Đồng khởi trong bối cảnh tổng thể có liên quan và dù cách tiếp cận của các tác giả có sự khác nhau song đều hướng tới một điểm chung, đó là xác định rõ hơn tầm vóc của Đồng khởi đối với cách mạng Việt Nam ở miền Nam và đều thống nhất khẳng định *Đồng khởi là cột mốc đánh dấu bước ngoặt lớn, đặc biệt quan trọng của cách mạng miền Nam*.

Mặc dù vậy, trong hơn 30 bài "thuộc về" Đồng khởi và hàng trăm bài "liên quan" đến Đồng khởi được đăng rải rác trên Tạp chí *Lịch sử quân sự*, ngoài những vấn đề chung còn có những vấn đề cần tiếp tục được tập trung vào một số vấn đề lớn như: *Bối cảnh lịch sử; thời điểm nổ ra Đồng khởi; phương thức Đồng khởi*.

1. Về bối cảnh lịch sử nổ ra Đồng khởi

Đồng khởi hiểu theo một cách chung nhất thì đó là những cuộc nổi dậy đồng loạt, những cuộc "khởi nghĩa từng phần" của quần chúng cách mạng nhằm lật đổ chính quyền phản động lập nên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Bằng nhiều cách tiếp cận, phân tích, khái quát khác nhau, nhưng hầu như các tác giả đều thống nhất đánh giá là những năm cuối thập kỷ 50 thế kỷ XX, tình hình xã hội miền Nam đã trở nên hết sức căng thẳng bởi những chính sách thống trị tàn bạo của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm. Chính sách "tố

cộng", "diệt cộng", "trù mật", "dinh diễm", càn quét, bắt bớ... của chính quyền Diệm - Nhu được triển khai và thực thi từ nam vĩ tuyến 17 vào đến đất Mũi Cà Mau đã đẩy hàng chục vạn người dân, những người kháng chiến cũ, những người cộng sản, người yêu nước và cả những người dân vô tội vào chốn lao tù và chết chóc. Nhiều vùng nông thôn rộng lớn, kể cả nông thôn miền núi hẻo lánh đều bị kìm kẹp, kiểm soát gắt gao. Những năm 1955-1956, đây đó ở Nam Bộ còn rộ lên hoạt động chống đối của những nhóm thế lực thân Pháp nhưng rồi cũng nhanh chóng bị dập tắt. Cách mạng miền Nam đứng trước bức xúc là phải xác định cho được hướng đi nhằm thích ứng với thời cuộc. Trong bối cảnh đó thì Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời như một luồng sinh khí thổi vào xã hội miền Nam, làm bùng lên phong trào Đồng khởi. Tinh thần cốt lõi trong Nghị quyết 15 là *chủ trương đẩy mạnh đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ, đưa mặt trận đấu tranh quân sự từng bước lên ngang tầm với đấu tranh chính trị*. Nghị quyết 15 đã vạch ra nhiệm vụ và phương hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam ở miền Nam phù hợp với yêu cầu cấp bách của tình hình lúc bấy giờ.

Bản về bối cảnh bùng nổ Đồng khởi cũng như mối liên hệ giữa Nghị quyết 15 với Đồng khởi còn có ý kiến cho rằng tình hình ở miền Nam trong những năm 1957-1958 đã khác xa những năm 1954-1956 mà mãi đến đầu năm 1959 mới có Nghị quyết 15 là quá muộn. Nghị quyết ra như thế chưa phản ánh đúng tình hình thực tiễn lúc bấy giờ cho nên tác dụng của nó cũng chỉ ở mức độ vừa phải.

Thực tế cho thấy, đúng là Nghị quyết 15 ra đời khi mà ở miền Nam đã xuất hiện những cuộc nổi dậy giành quyền làm chủ của nhân dân và một số trận đánh của lực lượng vũ trang cách mạng. Thậm chí ở đồng bằng sông Cửu Long lúc bấy giờ đã xuất hiện những cuộc nổi dậy từ quy mô vừa đến quy mô lớn;

liên xã, liên huyện. Trong năm 1958, hoạt động vũ trang tự vệ, trừ gian diệt ác đã diễn ra hầu khắp các địa phương; một số trận đánh của lực lượng vũ trang cách mạng tuy quy mô còn hạn chế nhưng đều giành được thắng lợi, hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị của quần chúng. Năm 1959, các cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tiếp ở các địa phương trên khắp miền Nam đều có sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và sự liên kết giữa các địa phương, các vùng. Trong số đó có thể kể đến một số cuộc nổi dậy tiêu biểu như: Vĩnh Thạnh - Bình Định, Bác Ái - Ninh Thuận (2-1959), Khánh An - Cà Mau, Trà Bồng - Quảng Ngãi (8-1959), Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung (9-1959), Tây Ninh (10-1959)...

Về vấn đề này, Trung ương và Xứ ủy Nam Bộ cũng đều cho rằng chủ trương, đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam ở miền Nam có phần thay đổi chậm so với thực tế. Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa là Nghị quyết 15 không đúng và không có tác dụng gì như cách hiểu của một số người.

Mặc dù Nghị quyết 15 ra đời chậm và chưa đầy đủ so với sự phát triển của thực tiễn đấu tranh miền Nam (sau đó đã được bổ sung), song với sự phát triển của tình hình, Nghị quyết 15 vẫn có những tác dụng rất quan trọng. Nhờ có Nghị quyết 15 mà nhân dân miền Nam có được "chiếc gậy" trong tay để vững tin nhất tể nổi dậy, vững tin tổ chức đấu tranh vũ trang.

Tim hiểu mối liên hệ giữa Nghị quyết 15 với Đồng khởi cần phải được đặt trong cái nhìn tổng quan của tình hình trong nước cũng như bối cảnh quốc tế. Tình hình sau Hiệp định Giơnevơ diễn biến cực kỳ phức tạp, trong khi Trung ương thì ở xa, đất nước bị chia cắt. Trung ương và các đồng chí lãnh đạo cao nhất không dễ gì nắm bắt được thực tiễn ở miền Nam một cách chính xác. Phải đến khi người trực tiếp phụ trách miền Nam là đồng chí Lê Duẩn ra báo cáo, Bộ Chính trị và Ban Chấp

hành Trung ương Đảng mới có được thông tin đầy đủ về tình hình miền Nam để làm cơ sở cho sự ra đời của Nghị quyết 15. Hơn nữa, trong quá trình tìm đường giải phóng miền Nam, Đảng ta còn phải cân nhắc, tính toán thâm dò phản ứng của đối phương và kể cả các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là hai đồng minh lớn là Liên Xô và Trung Quốc. Trong bối cảnh đó thì việc Nghị quyết 15 ra đời có phần chậm và chưa đầy đủ so với sự phát triển của thực tiễn đấu tranh ở miền Nam lúc bấy giờ cũng là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, xét toàn cục, với Nghị quyết 15, chúng ta đã nhận thức được tình hình, kịp thời chuyển hướng chiến lược để đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

2. Về thời điểm nổ ra Đồng khởi

Lâu nay, khi đề cập tới Đồng khởi, người ta thường nghĩ ngay tới Bến Tre. Cái tên Đồng khởi gắn với địa danh Bến Tre. Trong khi đó cũng có tác giả tự nhận nơi này, nơi kia (địa phương của mình) là "quê hương" của Đồng khởi, là nơi mở đầu cho phong trào Đồng khởi. Điều đó cũng dễ hiểu bởi mỗi người đều có cách tiếp cận sự kiện Đồng khởi khác nhau, vả lại phần lớn các tác giả đều là người địa phương hoặc chuyên nghiên cứu về địa phương nên thiếu cái nhìn toàn cục một cách thấu đáo. Do đó nên mới có chuyện ngộ nhận "quê hương mình" - tỉnh A, tỉnh B mới là "quê hương của Đồng khởi", là nơi mở đầu cho phong trào Đồng khởi.

Nhắc đến Đồng khởi là người ta liền tưởng ngay tới Bến Tre. Nhưng, cùng với Bến Tre còn có nhiều địa phương khác. Như đã nêu ở phần đầu bài viết, năm 1959 đã có cuộc nổi dậy cục bộ giành quyền làm chủ có tính chất khởi nghĩa từng phần ở 18 xã của Cầu Mầu; cuộc tiến công vào chi khu Xẻo Rô ở Rạch Giá; các cuộc tiến công chống địch càn quét ở Kiến Phong - Kiến Tường (Trung Nam Bộ); cuộc khởi nghĩa Trà Bồng ở Khu V... Cùng

không để cho chúng kéo dài sự chia xẻ đất nước ta, kéo dài chế độ đế quốc phong kiến tàn ác của chúng trên đất miền Nam yêu quý của chúng ta.

A- BA NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA TOÀN QUỐC HIỆN NAY

Để đối phó với tình hình do Mỹ - Diệm gây nên, để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc phong kiến, Trung ương Đảng đã nêu ra ba nhiệm vụ chính làm đường lối chung cho toàn bộ công tác cách mạng hiện nay của toàn quốc.

Ba nhiệm vụ ấy là:

1. Củng cố thật vững chắc miền Bắc,
2. Đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam,
3. Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, dân chủ, độc lập dân tộc trên thế giới.

Vì sao phải củng cố thật vững chắc miền Bắc?

Vì miền Bắc là một nửa nước đã hoàn toàn giải phóng khỏi ách đế quốc phong kiến, đã có chính quyền độc lập và dân chủ của nhân dân, miền Bắc độc lập dân chủ là sự nghiệp thắng lợi của cách mạng, do toàn dân từ Bắc chí Nam đã chiến đấu anh dũng trong chín năm với đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ; miền Bắc hiện nay phải là cơ sở thật vững mạnh của toàn quốc để làm hậu thuẫn cho phong trào cách mạng giải phóng miền Nam.

Vì vậy phải củng cố thật vững chắc miền Bắc.

Tại sao phải đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam?

Vì miền Nam hiện nay còn ở dưới ách thống trị của đế quốc phong kiến. Bọn đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm đang dùng chính sách độc tài phát xít của đế quốc thống trị, giai cấp thống trị để chiếm cứ miền Nam, đang phá hoại hòa bình, thống

nhất đất nước ta, đang áp bức bóc lột nhân dân ta, đang âm mưu gây lại chiến tranh, mong xâm chiếm cả Tổ quốc ta. Để chống lại Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác.

Vì vậy phải đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam.

Tại sao phải tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình dân chủ độc lập dân tộc trên thế giới?

Vì sự nghiệp giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ của chúng ta hiện nay là một bộ phận của phong trào nhân dân tiến bộ trên thế giới, đang tranh đấu thực hiện hòa bình dân chủ, độc lập dân tộc chung cho cả nhân loại; vì sự nghiệp hòa bình thống nhất đất nước ta là hợp với pháp lý mà Hội nghị quốc tế Giơnevơ đã thừa nhận, cho nên mọi hành động chống lại hòa bình, thống nhất đất nước ta, đều là phi pháp, đều bị nhân dân thế giới lên án. Cho nên ta nắm lấy chính nghĩa, ta nắm lấy pháp lý để chống lại Mỹ - Diệm, tức nhiên được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới. Do đó mà ta được thêm sức mạnh, địch sẽ bị cô lập và yếu thế, ta có thêm điều kiện thuận lợi để thắng địch, để hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn dân tộc ta.

Đó là ba nhiệm vụ của toàn bộ đường lối cách mạng của toàn thể nhân dân toàn quốc ta hiện nay. Ba nhiệm vụ ấy không thể tách rời nhau được, ba nhiệm vụ ấy liên quan mật thiết với nhau. Có làm tròn ba nhiệm vụ ấy, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta mới đi đến thành công.

Toàn thể Đảng bộ Nam Bộ cũng như toàn thể nhân dân Nam Bộ cần phải nhận rõ đường lối cách mạng chung ấy của toàn quốc.

Để làm tròn nhiệm vụ của mình, Đảng bộ Nam Bộ phải nắm vững đường lối cách mạng miền Nam để giữ gìn và đẩy mạnh phong trào cách mạng tiến lên.

B. MỤC ĐÍCH, VỊ TRÍ VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG MIỀN NAM

Phong trào cách mạng miền Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng chung của toàn quốc. Công tác đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam là để thực hiện một nhiệm vụ trong ba nhiệm vụ chiến lược chung của toàn quốc để nhằm thực hiện mục đích chung của toàn quốc là: giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ chung cho cả toàn quốc.

Vị trí của phong trào cách mạng miền Nam là cùng với toàn quốc tranh đấu thực hiện mục đích chung ấy của toàn quốc.

Nhưng nhân dân miền Nam hiện nay không những chỉ nằm trong cái cảnh đất nước bị chia xẻ, chiến tranh hăm dọa mà hằng ngày đương bị chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm áp bức bóc lột, tù tội chém giết ghê gớm, thợ thuyền đương ở trong cảnh chết đói, công ăn việc làm không có, nạn thất nghiệp nguy ngập không có lối ra, dân cày đương bị cướp đất tưng tưng thuế, bị ruồng bỏ, bị bắt lính, công thương nghiệp bị phá sản, v.v., nhân dân không có một chút quyền tự do dân chủ nào, chính sách khủng bố trả thù, tù tội, chém giết lan tràn khắp thôn quê đến thành thị.

Tình hình ấy nhất định thúc đẩy nhân dân miền Nam phải đứng lên đập tan chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm để tự cứu mình.

Vì vậy, mục đích cách mạng của miền Nam còn phải đánh đổ chính quyền độc tài, phát xít Mỹ - Diệm, thực hiện một chính quyền liên hiệp dân chủ có tính chất dân tộc độc lập, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc phong kiến độc tài phát xít Mỹ - Diệm để cùng với toàn quốc thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc.

Vì vậy, vị trí của phong trào cách mạng miền Nam không những là cùng với toàn quốc tranh đấu thực hiện mục đích

chung của toàn quốc mà còn phải tranh đấu để thực hiện mục đích riêng của mình, tức là tranh đấu tự giải phóng ra khỏi chính quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm.

Hai mục đích ấy dính chặt với nhau làm một.

Vì chỉ trong quá trình tranh đấu của phong trào cách mạng chung của toàn quốc chống Mỹ - Diệm để thực hiện hòa bình thống nhất mới tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân miền Nam tranh đấu chống lại những chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm; và đồng thời cùng trong quá trình tranh đấu của phong trào cách mạng miền Nam chống lại chính sách đế quốc phong kiến của Mỹ - Diệm để tự giải phóng cho mình, mới tạo những điều kiện thuận lợi cho công cuộc tranh đấu hòa bình thống nhất đất nước.

Chúng ta phải nhận rằng: chính quyền miền Nam hiện nay không phải chỉ là một chính quyền của đế quốc phong kiến bại trận để lại, nó là một chính quyền thực dân kiểu mới của một đế quốc xâm lược đương muốn gây chiến tranh, là đế quốc Mỹ. Bọn đế quốc Mỹ mặc dù bị hết thất bại này qua thất bại khác, đương bị dần dần cô lập trên thế giới, mộng xâm lăng thế giới của chúng đã bị tan vỡ trước sức mạnh của phe xã hội dân chủ hòa bình trên thế giới, trước sự phát minh tiến triển của Liên Xô về nguyên tử và khinh khí để bảo vệ hòa bình, nhưng bọn tài phiệt của chúng vẫn đeo đuổi chính sách chiến tranh để mong giải quyết nguy cơ khủng hoảng của chúng.

Chính bọn đế quốc xâm lược muốn gây chiến tranh này đương cầm đầu bọn phong kiến Ngô Đình Diệm hiếu chiến, trả thù, sự cấu kết ấy đã phát sinh ra một chế độ độc tài phát xít tàn ác thâm độc.

Phong trào cách mạng miền Nam phải nhận rõ đối tượng của mình là đế quốc xâm lược phát xít Mỹ và phong kiến độc tài trả thù hiếu chiến Diệm. Chính quyền đế quốc phong kiến ấy đương hung hăng trả thù và muốn gây chiến, đương áp bức bóc

Cuộc tranh đấu của nhân dân miền Nam chống lại chính quyền Mỹ - Diệm để đòi các quyền tự do dân chủ để đảm bảo tính mạng tài sản, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mình, là việc tất nhiên phải có, không thể khác được.

Hơn nữa, hiện nay khắp thế giới, trong các nước thuộc địa và bán thuộc địa cũ đã giải phóng hay chưa, ý thức dân tộc và dân chủ đang được phát triển mạnh mẽ, đó là một sự kiện lịch sử khách quan đương tiền triển, do sự thắng lợi của phe xã hội và dân chủ, hòa bình, độc lập dân tộc trên thế giới.

Tình hình ấy càng xúi dẩy các tầng lớp dân chủ miền Nam quyết tâm đứng dậy chống lại chính sách độc tài phát xít Mỹ - Diệm.

Sự mâu thuẫn ấy giữa nhân dân và chính quyền Mỹ - Diệm, nhất định không thể tồn tại được, nhân dân miền Nam nhất định tìm đủ mọi cách để giải quyết nó, để bảo vệ đời sống của mình.

3. Phải có công ăn việc làm, tiền lương đủ sống cho thợ thuyền; không được cướp giựt lại ruộng đất của dân cày, giảm tô, hạ thuế, hạ giá sinh hoạt, bảo vệ mở mang các ngành công thương nghiệp dân tộc là nguyện vọng thiết tha chung của nhân dân miền Nam để cải thiện đời sống cho nhân dân

Do chính sách kinh tế tài chính, tăng binh bị gây chiến tranh, do kế hoạch viện trợ Mỹ, do chế độ độc quyền phụ thuộc Mỹ, hàng ngoại hoá của phe Mỹ tràn ngập vào, hàng hoá trong nước cạnh tranh không lại, sản phẩm của nông dân bị ứ đọng mất giá không xuất cảng được; do chính sách thuế má nặng nề đập mạnh vào các thực phẩm cần thiết của đa số nhân dân như gạo, cá, thịt, mắm, vải, v.v., do chính sách lạm phát đồng bạc ngày càng mất giá, do chế độ đấu cơ tranh giành quyền lợi của các bọn có quyền thế, kết quả là công thương nghiệp trong nước

bị phá sản không phát triển lên được, thợ thuyền thất nghiệp, đồng lương chết đói, dân cày phải mua mắc bán rẻ, thuế má nợ nần ngập đầu, nạn mả mủ nhầy lên vùn vụt, cảnh bán cùng đói khổ diễn ra khắp nơi.

Ở thôn quê, bọn địa chủ ngoan cố dựa vào chính quyền, tìm đủ mọi cách giành giựt, lấy lại đất đai của dân cày, đòi lại nợ nần cũ, ức hiếp dân cày đủ mặt.

Ở thành thị những tiếng kêu cứu về nạn thất nghiệp, vì nạn mả mủ đã vang lên, nổi uất hận của các tầng lớp nhân dân đương ngấm ngấm nổi dậy.

Tình hình điều đứng của nhân dân do chính quyền đế quốc phong kiến của Mỹ - Diệm gây ra, nhất định không thể kéo dài được.

Hơn nữa, đời sống của nhân dân lao động miền Bắc ngày càng được cải thiện, thợ thuyền đã được đảm bảo cơm no áo ấm; dân cày đã có ruộng, công thương nghiệp dân tộc đương trên đà phát triển. Tình hình ấy càng thêm kích thích mạnh lòng uất hận và yêu nước của nhân dân miền Nam.

Nền kinh tế của các nước láng giềng trung lập như Cao Miên, Ai Lao, vị trí trung lập cũng đang tiến triển khả quan, càng làm cho các tầng lớp nhân dân thấy rõ cái tai hại của chính sách gây chiến, vị trí lệ thuộc của chính quyền Mỹ - Diệm, làm cho nhân dân miền Nam càng quyết tâm chống Mỹ - Diệm.

Nguyện vọng tha thiết của nhân dân lao động thành thị là: có công ăn việc làm cho thợ thuyền, tiền lương đủ sống.

Nguyện vọng tha thiết của dân cày là: không được lấy ruộng đất đã tạm chia cho dân cày, phải để nguyên canh, không được tăng tô.

Nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân lao động là: hạ giá sinh hoạt bằng cách bỏ các thứ thuế đảm phụ quốc phòng, an ninh 4% và các thứ thuế chống chất khác, giảm các thứ

thuế và các món hàng cần thiết của nhân dân, chống nạn dầu cơ lạm phát.

Nguyện vọng của các nhà công thương nghiệp là: bảo vệ giúp đỡ các ngành công thương nghiệp dân tộc, xuất nhập cảng phải dựa trên quyền lợi của dân tộc, dựa trên sự bảo vệ công thương nghiệp trong xứ, trên ý thức xây dựng nền kinh tế thống nhất của dân tộc, trên sự bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước khác.

Chính sách kinh tế tài chính của chính quyền Mỹ - Diệm không những đi ngược lại với quyền lợi nguyện vọng của nhân dân, mà còn chống chọi gay gắt với nguyện vọng quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân. Sự mâu thuẫn ấy nhất định không tồn tại được.

Nhân dân lao động nhất định không thể ngồi yên mà chịu cảnh chết đói chết khát.

Dân cày đã chín năm đổ máu để giành lại một ít quyền lợi sinh sống, nay nhất định cũng không thể để cho bọn Mỹ - Diệm cướp lại quyền lợi của họ. Các nhà tư sản cũng nhất định phải tranh thủ quyền sống của họ.

Một cuộc xung đột, đấu tranh gay gắt giữa các tầng lớp nhân dân với chính quyền Mỹ - Diệm không thể tránh được.

Đường lối cách mạng của phong trào cách mạng miền Nam là phải giải quyết ba yêu cầu bức thiết ấy của nhân dân Việt Nam, giải quyết ba mâu thuẫn căn bản ấy giữa nhân dân Việt Nam với chính quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm.

Hoà bình thống nhất dân tộc, ban hành các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống cho nhân dân, nhất là nhân dân lao động, là ba khẩu hiệu tranh đấu của toàn thể nhân dân miền Nam.

Giáo dục, tuyên truyền phổ biến rộng rãi ba khẩu hiệu ấy sâu rộng trong toàn thể nhân dân, là công tác hàng ngày của mọi người cách mạng.

Kịp thời, tuỳ hoàn cảnh cụ thể từng lúc từng địa phương, quyết tâm lãnh đạo quần chúng tranh đấu bảo vệ quyền lợi cho quần chúng, bảo vệ sinh mạng, tài sản, đòi tự do, đòi hòa bình, thống nhất đất nước là công tác thường xuyên của phong trào cách mạng, để giữ vững và phát triển phong trào đi đến thắng lợi.

Ba khẩu hiệu ấy là ba yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Nhưng không phải tất cả mọi người đều giác ngộ rõ ràng, đầy đủ sâu sắc nguyện vọng của mình. Cũng không phải mọi người đều quyết tâm đứng lên tranh đấu để thực hiện nguyện vọng của mình, nếu không có một sự giáo dục tuyên truyền sâu rộng, bền bỉ trong quần chúng nhân dân, nếu không biết phương pháp phát động tư tưởng quần chúng làm cho quần chúng tự bản thân thiết tha, quyết tâm tranh đấu để thực hiện những yêu cầu nguyện vọng của họ thì những khẩu hiệu ấy không thể biến thành những sức mạnh để đập tan chính quyền độc tài phát xít Mỹ - Diệm được.

D- HÌNH THỨC TRANH ĐẤU VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG MIỀN NAM

Đã nhận rõ mục đích và yêu cầu của phong trào cách mạng miền Nam, đã nhận rõ vị trí và đối tượng của phong trào, cần phải có đường lối phương pháp đấu tranh đúng mới phát triển được khả năng của cách mạng, mới đưa phong trào cách mạng đến thành công.

Để có đường lối, phương pháp tranh đấu đúng, chúng ta cần phải nhận rõ tình hình cụ thể trên thế giới và trong nước, với những khả năng phát triển của nó, chúng ta phải nhận rõ tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng hiện nay, với những khả năng phát triển của nó.

Tình hình thế giới hiện nay như thế nào?

Hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện nay đã lớn mạnh, bao gồm hàng ngàn triệu người từ Âu sang Á, với những nước rộng lớn nhất và đông người nhất trên thế giới như Liên Xô và Trung Hoa. Thế giới không còn ở dưới độc quyền duy nhất của tư bản chủ nghĩa nữa, mà đã chia hẳn làm hai hệ thống song song tồn tại.

Phương thức sinh sản của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đã hơn hẳn phương thức sinh sản của tư bản chủ nghĩa. Bằng chứng là Liên Xô trước kia là một nước kinh tế còn lạc hậu nay đã đứng bậc nhất trong các nước Âu châu.

Với mục đích phát triển của kinh tế xã hội chủ nghĩa là phụng sự nhu cầu vật chất và tinh thần cho nhân dân, cho nên nó có tính chất hòa bình, dân chủ, tiến bộ, tương trợ lẫn nhau, cùng chung sống có lợi.

Tính chất hòa bình, dân chủ và tiến bộ của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phù hợp với sự yêu cầu và tiến hoá chung của nhân loại. Do đó phạm vi liên hệ của nó với các nước khác nhất là các nước mà nền kinh tế còn thấp kém, ngày càng mở rộng, và kết quả tạo ra một vùng hòa bình rộng lớn, bao gồm đại đa số trong nhân loại, như sự liên hệ của phe xã hội chủ nghĩa với Ấn Độ, Nam Dương, Điện Biên, Ai Cập, v.v..

Trái lại nền kinh tế của tư bản chủ nghĩa, với mục đích bóc lột nhân dân lao động trong nước chúng, chiếm đoạt lợi quyền của các nước nhỏ yếu, làm cho các nước nhỏ yếu đi vào con đường nghèo khổ, để lệ thuộc các nước nhỏ yếu vào tư bản chủ nghĩa để thu đoạt thật nhiều lợi tức kén sù cho nhóm tư bản tài phiệt quốc tế, nhất là tư bản tài phiệt Mỹ. Với bản chất cướp cho được nhiều lợi tức và tranh giành quyền lợi lẫn nhau, các nước tư bản Anh, Pháp và Mỹ, nhất là đế quốc Mỹ đang tìm đủ cách để thôn tính các nước nhỏ yếu, gây chiến tranh và tranh giành lẫn nhau.

Tình hình ấy làm cho bọn đế quốc càng ngày càng bị cô lập trên thế giới, phạm vi ảnh hưởng của chúng ngày càng bị thu hẹp lại.

Một mặt khác, lực lượng chính trị của phong trào hòa bình dân chủ, độc lập dân tộc ngày càng phát triển rộng lớn, bao gồm hàng ngàn triệu nhân dân khắp thế giới. Sự phát triển khí giới nguyên tử và khinh khí có thể giết người hàng loạt một cách ghê gớm, thì hiện nay không còn là độc quyền của đế quốc gây chiến nữa, mà Liên Xô, người đại biểu cho phong trào hòa bình trên thế giới lại có những phát minh về nguyên tử và khinh khí tiên tiến hơn đế quốc Mỹ.

Tình hình ấy làm cho bọn hiếu chiến như Mỹ, Anh phải thấy rằng nếu chúng mạo hiểm gây ra một cuộc chiến tranh thế giới thì chính chúng sẽ bị tiêu diệt trước nhất, do đó mà phong trào đòi hòa bình trong các nước đế quốc ấy cũng đang phát triển mạnh.

Gần đây trong cuộc tranh cử Tổng thống Mỹ, bọn Cộng hòa cầm quyền ở Mỹ hiện nay đã mua chuộc lòng dân đã nêu khẩu hiệu "hòa bình và thịnh vượng". Điều đó chứng minh rằng chính nhân dân của một nước hiếu chiến nhất là đế quốc Mỹ cũng đang mong muốn hòa bình.

Tình hình chung ấy cho ta thấy rằng: lực lượng hòa bình và dân chủ độc lập dân tộc trên thế giới đã nghiêng hẳn về hòa bình dân chủ. Do đó chúng ta có thể nhận định rằng thế giới hiện nay có thể duy trì hòa bình lâu dài được.

Nhưng một mặt khác, chúng ta cũng phải nhận rằng nền kinh tế đế quốc chủ nghĩa còn thì luôn luôn âm mưu gây chiến tranh vẫn còn, nguy cơ chiến tranh vẫn còn.

Căn cứ vào tình hình chung trên thế giới, Đại hội lần thứ XX của Đảng Cộng sản Liên Xô đã đưa ra hai nhận định rất quan trọng là:

1. Tất cả các cuộc xung đột hiện nay trên thế giới đều có thể giải quyết bằng cách thương lượng hòa bình.

2. Phong trào cách mạng trong nhiều nước hiện nay có thể tiến triển hòa bình được (cố nhiên trong những nước mà giai cấp thống trị có một bộ máy quán sự cảnh sát mạnh dương dùng chính sách phát xít để đàn áp phong trào thì đảng cách mạng trong các nước ấy cần phải thấy rõ tình hình cụ thể của nước mình để có phương pháp đấu tranh thích hợp).

Căn cứ vào tình hình chung và sự nhận định ấy, chúng ta kết luận rằng, nếu trên thế giới hiện nay tất cả các cuộc xung đột đều có thể giải quyết bằng phương pháp thương lượng hòa bình được, thì việc thống nhất nước Việt Nam ta bằng phương pháp hòa bình có thể thực hiện được.

Vì quyền lợi và nguyện vọng hòa bình thống nhất đất nước ta là quyền lợi và nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân hai miền Bắc và Nam, nhân dân hai miền không có lý do gì mà gây chiến tranh, không có lý do gì mà kéo dài việc chia xẻ đất nước. Ngược lại, nhân dân cả hai miền dương càng ngày càng quyết tâm hành động chống lại âm mưu chia xẻ và gây chiến của Mỹ - Diệm để tạo những điều kiện thuận lợi đi đến hiệp thương, thương lượng giữa hai miền để hòa bình thống nhất đất nước.

Tình hình chia xẻ hiện nay chỉ là do Mỹ - Diệm độc đoán gây nên. Cho nên vấn đề căn bản là làm thế nào đập tan âm mưu chia xẻ và gây chiến ấy của Mỹ - Diệm.

Như trên kia đã nhận định, muốn chống Mỹ - Diệm, ngoài con đường cách mạng nhân dân miền Nam không có con đường nào khác.

Thế thì đường lối phương pháp đấu tranh của phong trào cách mạng miền Nam là đường lối phương pháp đấu tranh nào?

Nếu tình hình thế giới có thể duy trì hòa bình được, do tương quan lực lượng trên thế giới đã thay đổi có lợi cho phe

hòa bình và dân chủ, nếu trong nhiều nước phong trào cách mạng có thể phát triển hòa bình được, thì phong trào cách mạng miền Nam cũng có thể phát triển theo đường lối hòa bình được.

Trước hết chúng ta cần nhận định: thế nào là phong trào cách mạng tranh đấu theo đường lối hòa bình?

Phong trào cách mạng tranh đấu theo đường lối hòa bình, nghĩa là phong trào ấy lấy lực lượng chính trị của nhân dân làm căn bản, không phải lấy lực lượng vũ trang của nhân dân để tranh đấu với chính quyền hiện hữu, để đạt mục đích cách mạng của mình. Phong trào cách mạng tranh đấu theo đường lối hòa bình cũng khác với phong trào cải lương ở chỗ phong trào cải lương thì căn bản dựa vào pháp luật, hiến pháp để tranh đấu, còn phong trào cách mạng thì dựa vào lực lượng cách mạng chính trị của quần chúng làm căn bản¹. Một mặt khác nữa phong trào cách mạng tranh đấu để thực hiện mục đích cách mạng, còn phong trào cải lương tranh đấu với mục đích cải lương.

Thế thì với một chính quyền đế quốc phong kiến độc tài phát xít Mỹ - Diệm, đường lối tranh đấu chính trị hòa bình có khả năng đạt được mục đích không?

Chúng ta phải nhận rằng, tất cả sự nghiệp trong mỗi nước đều do nhân dân làm nên, đó là một quy luật nhất định, không thể khác được. Cho nên đường lối phong trào cách mạng phải đi đúng theo khuynh hướng nguyện vọng nhân dân thì mới phát động được phong trào cách mạng, thì cách mạng mới thành công được.

1. Dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng làm căn bản không có nghĩa là không dựa vào pháp luật, hiến pháp. Trái lại, phải biết triệt để lợi dụng pháp luật, hiến pháp có lợi cho nhân dân để đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân.

Nguyện vọng thiết tha của nhân dân miền Nam là giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước. Chúng ta phải thấy rõ nguyện vọng hòa bình ấy của nhân dân. Chính phong trào cách mạng miền Nam có thể phát động lên và đi đến thành công được căn bản là do ta nắm chặt ngọn cờ hòa bình hợp với lòng dân. Ngược lại, bọn Mỹ - Diệm đương dùng bạo lực, phát xít gây chiến tranh trái với lòng dân, nên nhất định chúng sẽ thất bại.

Với chính sách bạo lực, độc tài phát xít, Mỹ - Diệm có thể gây được một lực lượng mạnh để chống lại phong trào cách mạng, dập tắt phong trào cách mạng không?

Nhất định không thể được.

Căn bản là vì chế độ Mỹ - Diệm không dựa vào một lực lượng chính trị nào đáng kể trong nước, trái lại, hầu hết các tầng lớp nhân dân đều chống lại chúng. Vì vậy, chính quyền Diệm không phải là một chính quyền mạnh. Nó chỉ là một chính quyền hèn yếu và hung bạo. Tính chất hèn yếu và hung bạo của chính quyền Mỹ - Diệm không những không có một cơ sở quần chúng nào trong nước mà còn đương bị cô lập trên quốc tế. Sự tàn bạo của nó nhất định không thể làm lay chuyển được phong trào cách mạng, không thể tồn tại lâu dài được.

Bằng chứng là trong hai năm nay, khắp thôn quê không lúc nào ngớt tiếng súng đàn áp của Mỹ - Diệm, không ngày nào mà chúng không tàn sát những người yêu nước. Nhưng tinh thần cách mạng vẫn vững vàng, cơ sở cách mạng của nhân dân vẫn không bị lay chuyển.

Một khi mà toàn thể nhân dân đã quyết tâm bảo vệ cách mạng thì không có một sức tàn bạo nào có thể làm lay chuyển được.

Nhưng tại sao phong trào cách mạng hiện nay chưa phát triển mạnh lên?

Đây cũng là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nhất định.

Về khách quan của phong trào chúng ta thấy, sau chín năm tranh đấu vũ trang mạnh mẽ, phong trào nhân dân hiện nay nói chung, có tính chất tạm yên, là một trạng thái biến chuyển của phong trào từ hình thức bạo lực qua hình thức hòa bình. Nó có tính chất đứng dừng lại để rồi tiến lên. Với sự đàn áp bóc lột tàn nhẫn của Mỹ - Diệm, phong trào cách mạng của nhân dân nhất định sẽ nổi lên. Nhân dân miền Nam đã quen với máu lửa chín năm kháng chiến, những tàn bạo của Mỹ - Diệm không thể dập được tinh thần tranh đấu của nhân dân.

Một mặt khác, về chủ quan chúng ta phải nhận rằng: một số đông cán bộ, những người có trách nhiệm hướng dẫn phong trào cách mạng, vì sự biến chuyển của phương thức tranh đấu, vì tình hình công tác từ công khai qua bí mật, các đồng chí ta chưa nắm vững đường lối chính trị của Đảng, chưa nắm vững phương pháp tranh đấu chính trị, chưa đi đúng đường lối quần chúng nên đã hạn chế nhiều khả năng phát triển của phong trào.

Hiện nay, sở dĩ phong trào tranh đấu chính trị chưa phát triển đồng đều trong nhân dân một nguyên nhân chính khác là vì một số cán bộ và quần chúng chưa giác ngộ được rằng sức mạnh của lực lượng chính trị của nhân dân nhất định có thể đánh lui được sự tàn bạo áp bức bóc lột của Mỹ - Diệm, do đó mà còn có thái độ lừng chừng, không tin tưởng vào sức mạnh của lực lượng chính trị của mình.

Chúng ta cần phải nhận rằng, bất cứ phong trào cách mạng nào cũng có khi xuống, khi lên, bất cứ phong trào cách mạng nào cũng có lúc tuân tụt tiến triển, có lúc bật khởi tiến triển. Căn bản là cán bộ phải thấy rõ tính chất phát triển của phong trào để lãnh đạo đúng mức quần chúng đấu tranh, làm thế nào cho quảng đại quần chúng quyết tâm tham gia phong trào, quyết tâm tranh đấu từ thấp đến cao, thì nhất định không thể có một lực lượng nào chống lại được với lòng quyết tâm của quảng đại quần chúng.

Phong trào tranh đấu chính trị trong hai năm qua ở thôn quê và thành thị, hoặc bằng hình thức này hoặc bằng hình thức khác, chứng minh rằng quần chúng có rất nhiều khả năng để tranh đấu chính trị với Mỹ - Diệm. Trong những cuộc tranh đấu ấy, nếu chúng ta nắm vững đường lối và phương pháp đấu tranh hơn, thì phong trào còn có thể tiến triển thuận lợi hơn cho cách mạng. Chính sách tàn bạo của Mỹ - Diệm rõ ràng không dập tắt được phong trào, không làm nhụt được ý chí đấu tranh của nhân dân.

Có người cho rằng: bọn Mỹ - Diệm dùng bạo lực hiện nay căn bản là để tàn sát những người lãnh đạo phong trào cách mạng, để tiêu diệt Đảng Cộng sản, Đảng Cộng sản bị bào mòn dẫn đi đến không còn khả năng lãnh đạo cách mạng; phong trào tranh đấu chính trị của quần chúng do đó không thể phát triển lên được.

Nhận định như vậy không đúng.

Những người cộng sản lãnh đạo phong trào cách mạng, quyết tâm hoà mình trong quần chúng, quyết tâm bảo vệ phụng sự quyền lợi quần chúng, quyết tâm đi đúng đường lối quần chúng, giữa quần chúng và người cộng sản không còn có phân biệt gì nữa, thì làm thế nào bọn Mỹ - Diệm có thể tiêu diệt được những người lãnh đạo cách mạng? Vì bọn Mỹ - Diệm không thể nào tiêu diệt được quần chúng, cho nên chúng cũng không thể nào tiêu diệt được những cán bộ lãnh đạo phong trào quần chúng.

Sự thực, hơn 30 năm nay, đế quốc Pháp quyết tâm tiêu diệt cộng sản để tiêu diệt phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, nhưng phong trào cách mạng đã chiến thắng. Không phải những người cộng sản bị tiêu diệt, mà chính là bọn đế quốc Pháp đã bị tiêu diệt ở trên đất này.

Sự thực, hai năm nay Mỹ - Diệm quyết tâm tiêu diệt cộng sản ở miền Nam, nhưng phong trào cách mạng vẫn vững vàng, người cộng sản vẫn quyết tâm làm tròn nhiệm vụ của mình và nhất định phong trào cách mạng sẽ tiến lên tiêu diệt chính

quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm, và cũng không phải những người cộng sản sẽ bị tiêu diệt mà chính là đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm sẽ bị tiêu diệt, cũng như đế quốc Pháp và phong kiến tay sai đã bị tiêu diệt.

Chúng ta tin tưởng rằng ý chí hòa bình và lực lượng hòa bình dân chủ độc lập dân tộc của nhân dân miền Nam sẽ đánh lui chính sách tàn bạo độc tài phát xít Mỹ - Diệm, sẽ tiến lên đập tan chính quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm.

Lấy nhân nghĩa để chiến thắng cường bạo là một truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Nguyện vọng hòa bình đã là nguyện vọng chung của nhân dân trên thế giới và trong nước, kể cả nhân dân miền Nam, thì đường lối tranh đấu của chúng ta cũng không thể ra ngoài đường lối hòa bình được.

Chính đường lối tranh đấu hòa bình ấy mới tạo được lực lượng chính trị mạnh mẽ để chiến thắng âm mưu gây chiến và chính sách tàn bạo của Mỹ - Diệm.

Đường lối cách mạng phải tuyệt đối tin tưởng vào khả năng của nhân dân, tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân.

Năng lực của nhân dân, sức mạnh của nhân dân và ý nguyện sinh tồn của nhân dân kết tinh trong yêu cầu bức thiết nhất của nhân dân là hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc, là có các quyền tự do dân chủ, là cải thiện đời sống của nhân dân.

Quá trình đấu tranh của nhân dân để thực hiện những nguyện vọng của nhân dân, là quá trình tập hợp lực lượng của nhân dân, là quá trình xây dựng phương tiện tranh đấu của nhân dân, là quá trình tự giải phóng của nhân dân về chính trị, kinh tế, văn hoá từ thấp đến cao, từ ít đến nhiều, từ những bước tuần tự đến bước nhảy vọt và cũng là quá trình lay chuyển của chính quyền phát xít đen tối của Mỹ - Diệm. Chính quyền ấy lay chuyển từng phần hay toàn thể là song song với lực lượng tương quan của phong trào, song song với tình hình phát triển

cụ thể trong nước và ngoài nước, và nhất định nó phải lay chuyển đến tận gốc trong cái thế giằng co lâu dài phức tạp do phong trào cách mạng của nhân dân đòi hòa bình và dân chủ, chống lại chính sách gây chiến và phát xít của Mỹ - Diệm.

Chúng ta tin tưởng và sự thực cũng có thể cho phép chúng ta tin tưởng là hòa bình có thể thắng âm mưu gây chiến, thì chúng ta cũng có thể tin tưởng là dân chủ phải thắng phát xít. Nhận định rằng dưới chính quyền phát xít của Mỹ - Diệm không thể dùng lực lượng chính trị của nhân dân tranh đấu đòi thực hiện dân chủ được, cũng như cho rằng trước âm mưu gây chiến của Mỹ - Diệm không thể tranh đấu giữ gìn và thực hiện hòa bình được là những nhận định hoàn toàn sai lạc không có bằng cứ.

Dành rằng các quyền tự do dân chủ không thể tranh đấu dễ dàng mà có được. Trên lịch sử tranh đấu đòi các quyền tự do dân chủ của nhân dân trong các nước tư bản cũng không có một quyền tự do nào mà nhân dân tranh thủ được một cách dễ dàng. Tỷ như để giành quyền tranh đấu ngày 1-5 giai cấp thợ thuyền đã đổ biết bao nhiêu máu, đã phải giành đi giành lại biết bao lần mới thu được.

Thế thì việc khó khăn gian khổ để tranh thủ các quyền tự do dân chủ là một việc tất nhiên phải có, nhưng không phải khó khăn gian khổ mà không làm được.

Bọn Mỹ - Diệm đã từng hô hào phải Bắc tiến, phải gây chiến tranh, nhưng nay chúng phải nói đến hòa bình (mặc dù là chúng gian trá) nhưng đó cũng là một bước thụt lùi của chúng.

Tranh đấu đòi thực hiện ba yêu cầu của quần chúng là quá trình tất nhiên để tạo những phương tiện cần thiết để đánh đổ Mỹ - Diệm.

Có thể có nhiều hình thức để đánh đổ một chính quyền phản động mà sự sụp đổ của nó cũng phải trải qua nhiều giai đoạn, tùy theo tình hình cụ thể của quá trình tranh đấu giữa

nhân dân và chính quyền phản động ấy, và tình hình cụ thể trong nước ấy¹.

Nhưng có một quy luật cho mọi chính quyền phải đổ là khi đa số nhân dân không thể sống với chính quyền ấy được nữa, khi mà đa số nhân dân quyết tâm đánh đổ nó và tất nhiên, trong lúc đó chính quyền ấy cũng không tránh khỏi sự khủng hoảng nội bộ của nó về mọi mặt và nhất là về chính trị, do sự xung đột giữa nhân dân với nó, giữa nội bộ của nó với nó và tình hình thế giới không thuận tiện cho nó.

Chúng ta quyết tâm làm đúng đường lối của chúng ta, rồi sự phát triển của tình hình sẽ cho phép chúng ta làm.

Đế quốc chủ nghĩa và phong kiến đương đi vào con đường chết.

Thắng lợi thuộc về sự nghiệp vinh quang thống nhất, độc lập của dân tộc ta, thuộc về cộng sản chủ nghĩa vĩ đại của chúng ta.

Chúng ta tin tưởng rằng chúng ta nhất định chiến thắng.

Đ. BÀI HỌC LỊCH SỬ VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ CHUNG CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM

Nhiệm vụ của chúng ta hiện nay là hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng phản đế và phản phong. Cuộc cách mạng của chúng ta mới thành công được một nửa nước, một nửa nước chưa thành công, cuộc cách mạng đương tiếp

1. Tỷ như do sự tranh đấu của nhân dân mà chính quyền ấy buộc phải thay đổi từng phần, như phải kêu gọi các phần tử tiến bộ dân chủ tham gia vào rồi do đó mà biến chuyển chính quyền của nó.

Cũng có thể quần chúng tranh đấu buộc phải bầu cử lại quốc hội, tổ chức lại chính phủ.

Cũng có thể những cuộc nổi dậy của một bộ phận chính quyền với nhân dân để đánh đổ chính quyền ấy.

Cũng có thể có cơ hội thuận tiện như cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của ta, v.v..

điển. Chúng ta cần phải học hỏi những bài học kinh nghiệm lịch sử cũ đã đưa ta đến thành công, biết áp dụng nó trong tình hình cụ thể hiện tại để hoàn thành sự nghiệp của chúng ta.

Bài học kinh nghiệm từ khi Đảng ta ra đời đến cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công là bài học kinh nghiệm quý báu, thiết thực nhất, soi sáng cho chúng ta con đường cần đi, phải đi để đạt tới mục đích cách mạng.

Từ năm 1930 đến năm 1945, Đảng ta đã tiến hành một phong trào cách mạng tranh đấu chính trị giằng co lâu dài, khi âm thầm khi bùng nổ, lúc bí mật lúc công khai, có khi tranh đấu trên nghị trường, trong báo chí, phối hợp đấu tranh ngoài đường phố, trong hương thôn, có khi võ trang khởi nghĩa từng phần. Kết quả đến tháng 8-1945, thích ứng thời cơ nhân dân từ Bắc chí Nam nổi lên, vùng dậy đánh đổ chế độ đế quốc phong kiến độc tài phát xít đem lại nền độc lập cho dân tộc.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công không phải là một chuyện tình cờ. Nó là kết quả tất nhiên của một công trình cách mạng của toàn dân, toàn Đảng ta.

Nhưng nguyên nhân nào đưa Cách mạng Tháng Tám đến thành công?

Bất cứ cuộc cách mạng nào cũng phải tiến triển theo những quy luật của nó. Biết sử dụng đúng đắn những quy luật của cách mạng, biết linh hoạt sáng tạo kịp thời áp dụng nó trong quá trình phát triển của cách mạng cũng như trong giờ phút quyết định của cách mạng thì cách mạng mới thành công.

Dưới đây là bài học kinh nghiệm:

1. Không có lực lượng bên trong không nắm được thời cơ bên ngoài

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của chúng ta không phải chỉ có tính chất giải phóng cho dân tộc chung mà còn có tính chất giải phóng cho nhân dân lao động ở trong một nước

thuộc địa nhỏ yếu. Một cuộc cách mạng như vậy, nếu không có một tinh thế quốc tế thuận lợi thì cách mạng khó mà thành công.

Thời cơ thuận lợi nhất cho cách mạng Việt Nam trong thời kỳ ấy là thời cơ nào?

Là lúc lực lượng xã hội chủ nghĩa, lực lượng Hồng quân Liên Xô cùng với Đồng minh đánh bại bọn phát xít, tức là lúc chủ nghĩa xã hội và dân chủ đương thắng thế chủ nghĩa đế quốc nói chung bị yếu thế.

Do Đảng ta đã nắm vững thời cơ ấy, do phong trào cách mạng đã đi đúng thời cơ ấy mà cách mạng đã thành công tương đối dễ dàng.

Nhưng, nếu thời cơ bên ngoài có mà lực lượng cách mạng bên trong không có hoặc còn yếu thì thời cơ ấy chạy qua và không thể đem lại kết quả nào cho cách mạng.

Cho nên, trước hết, cần bản là phải có một thực lực cách mạng bên trong, thì mới kịp thời sử dụng được có hiệu quả thời cơ bên ngoài.

Chúng ta há chẳng thấy một số nước thuộc địa khác cũng trong thời cơ ấy mà không có cách mạng thành công sao? Căn nguyên là vì trong các nước ấy chưa có lực lượng cách mạng đầy đủ, nên dẫu cơ hội bên ngoài có thuận lợi cũng không thể sử dụng được.

Đó là một bài học kinh nghiệm.

Một số đồng chí chúng ta hiện nay ở miền Nam, trong lúc tranh đấu chống chính quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm để hoàn thành độc lập dân chủ giải phóng cho nhân dân miền Nam, mà chỉ ngó đến tình hình quốc tế, chỉ ngó đến những biện pháp quốc tế. Các đồng chí ấy đã phạm một lỗi lầm, không thấy rõ con đường phát triển của cách mạng. Do đó mà phong trào cách mạng không những không phát triển lên được, mà còn đi vào con đường bị động.

Nếu không có một thực lực cách mạng bên trong thì dù cơ hội bên ngoài có thuận tiện, mục đích cách mạng cũng chưa thể đạt được.

Làm thế nào để xây dựng thực lực bên trong, để có thể kịp thời sử dụng cơ hội thuận tiện bên ngoài?

2. Phải có một đảng cách mạng đứng trên lập trường giai cấp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, theo chủ nghĩa Mác - Lênin, lãnh đạo phong trào cách mạng dân tộc giải phóng thì cách mạng mới thành công

Phát xít Nhật lật đổ đế quốc Pháp cướp Đông Dương. Với danh nghĩa độc lập giả hiệu của phát xít Nhật ban cho, dựa vào thế lực của Nhật, các đảng phái gọi là "quốc gia" mọc ra như nấm. Chúng cũng nói "độc lập dân chủ" cũng nói "yêu nước thương nòi", "vì quần chúng, vì dân tộc", chúng phát cờ giông trống khắp thành thị, thôn quê cơ hồ như nhân dân cả nước đều rầm rập theo chúng hết!

Nhưng khi Nhật bại trận, cách mạng nổi dậy, thì các đảng phái gọi là "quốc gia" đều tan rã hết chẳng khác gì bọt trôi mặt nước! Tất cả quần chúng nhân dân, từ thôn quê đến thành thị đều theo ngọn cờ của Đảng ta, nhất tề đứng dậy từ Bắc chí Nam, đập đổ chính quyền đế quốc phong kiến, đem lại độc lập thực sự cho dân tộc.

Tại sao vậy?

Đó nhất định cũng không phải là chuyện tình cờ.

Đó chính là sự nghiệp vận động cách mạng của Đảng ta trong 15 năm.

Với đường lối chính trị cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng, với lòng sắt đá của Đảng quyết tâm phụng sự dân tộc, quyết tâm bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động, với uy thế chính trị lớn lao của Đảng, nhất là khi Đảng phát động du kích, lập căn cứ Việt Bắc, Đảng đã làm cho quần chúng nhân

dân tự bản thân kinh nghiệm, thấy rõ Đảng ta là người lãnh đạo đúng đắn và trung thành của dân tộc và nhân dân lao động.

Vì Đảng ta là đảng của công nhân và nhân dân lao động đã đứng trên quan điểm giai cấp theo đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà có một nhận định khoa học về đường lối giải phóng dân tộc và mặt trận dân tộc.

Đảng đã nhận rõ đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của ta là đường lối cách mạng phản đế và phản phong, nên đã nêu cao khẩu hiệu "dân tộc độc lập, dân cày có ruộng".

Cách mạng phản đế và phản phong phải dính liền với nhau.

Mặt trận Dân tộc phải dựa trên cơ sở công nông liên minh, đoàn kết liên hiệp với các tầng lớp tư sản dân tộc, dưới quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân, mà người đại biểu là Đảng Cộng sản.

Chính đường lối chính trị đúng ấy của Đảng đã quyết định sự thành công của Cách mạng Tháng Tám.

3. Phải xây dựng khối công nông liên minh sâu rộng vững chắc

Từ khi cách mạng vô sản thành công ở Liên Xô, cách mạng tư sản ở Trung Hoa do bọn Quốc dân Đảng lãnh đạo đã đầu hàng đế quốc, di ngược lại quyền lợi dân tộc Trung Hoa, Đảng Cộng sản Trung Hoa đã đứng ra lãnh đạo phong trào cách mạng giải phóng dân tộc để thực hiện chính quyền dân chủ nhân dân cách mạng, thì cách mạng Việt Nam không còn đi theo con đường cũ được.

Tinh thần giải phóng dân tộc nổi dậy ở Việt Nam, đồng thời sự giác ngộ giai cấp cũng bùng lên. Đó là một sự kiện khách quan lịch sử, không thể khác được.

Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương chỉ biết đánh Tây, không nói đến quyền lợi giai cấp. Họ cho rằng nói đến quyền lợi các giai cấp trong nước là một tội ác đối với dân tộc cho nên một

số lãnh tụ của họ, có lúc đã chủ trương: trước phải tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương rồi sau mới đánh Tây, vì Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương chia ruộng đất cho dân cày, như vậy là chia rẽ dân tộc.

Họ không nói đến giai cấp, nhưng kỳ thực họ chỉ là đại biểu cho quyền lợi của giai cấp tư sản và địa chủ trong nước. Họ không thấy hoặc không muốn nói chính bọn phong kiến phản quốc đã cấu kết với đế quốc, bám gót đế quốc, đã chia xẻ dân tộc để giữ quyền lợi ích kỷ của chúng. Họ đã tách rời quần chúng nhân dân nên họ đã thất bại và hoàn toàn bị phá sản, không còn cái đầu lên nổi được! Các đảng phái gọi là "quốc gia" trong thời kỳ Nhật thuộc cũng không thể khác hơn. Khi phong trào nhân dân nổi dậy, thì các đảng phái gọi là quốc gia này đều phải tan rã, phá sản hết, chính vì bản chất giai cấp thoái bộ, phản động của họ, họ đã tách rời quần chúng công nông và các tầng lớp lao động khác.

Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930 đã thành người lãnh đạo duy nhất của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, đã lãnh đạo nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công, nguyên nhân chính là trong phong trào vận động cách mạng, trong việc xây dựng mặt trận dân tộc, Đảng đã lấy công nông liên minh làm nền tảng cho mặt trận nên đã xây dựng được một mặt trận mạnh mẽ và sâu rộng, đã đưa cách mạng đến thành công.

Ai đã sống trong phong trào cách mạng, tất phải thấy rằng từ khi có Đảng ta nêu cao khẩu hiệu "Dân tộc Việt Nam phải được độc lập, giai cấp công nông phải được giải phóng; công nhân là đội tiên phong của cách mạng, dân cày là chủ lực của cách mạng; có giải phóng được dân cày mới đánh đuổi được đế quốc, phải đánh đuổi đế quốc để giải phóng dân cày", thì cách mạng dân tộc từ Bắc chí Nam ùn ùn nổi dậy. Lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam từ khi bị đế quốc Pháp xâm lược,

chưa có phong trào nào sâu rộng, bền bỉ từ Bắc chí Nam như phong trào quần chúng do Đảng ta lãnh đạo.

Cái khí thế cách mạng của phong trào công nông trong những năm 1930 - 1931, nhất là ở Nghệ Tĩnh, cái tính chất chính trị sâu rộng, phổ biến của hàng triệu công nông trong phong trào dân chủ 1936 - 1940, cái tính chất quật khởi của công nông trong phong trào 1940 - 1945 là sự tiếp diễn cần thiết để động viên, tổ chức, giáo dục chính trị quảng đại quần chúng nhân dân mà Cách mạng Tháng Tám là một sự tiếp diễn cao nhất, quyết định của phong trào cách mạng quần chúng.

Hàng triệu người đã vùng dậy cướp chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám, là hàng triệu người đã được Đảng ta động viên giáo dục, ảnh hưởng trong 15 năm hoạt động chính trị của Đảng mà căn bản là quần chúng công nông.

Thế thì đặt vấn đề công nông trong mặt trận dân tộc là đúng, hay không nói đến như các đảng phái "quốc gia" kia là đúng?

Sự thật lịch sử cách mạng đã chứng minh: không có công nông liên minh, thì không có lực lượng cách mạng! Điều ấy không còn nghi ngờ gì nữa.

Có đồng chí nhận rằng: nêu rõ khối công nông liên minh tức là đặt vấn đề giai cấp, mà đã đặt vấn đề giai cấp tức là làm tổn thương đến mặt trận dân tộc, tức là làm yếu lực lượng mặt trận dân tộc!

Điều ấy nhất định không đúng!

Chính trong lúc kháng chiến, Đảng ta, vì củng cố và phát triển một mặt trận dân tộc tích cực chiến đấu mà đã đặt vấn đề chia ruộng đất cho dân cày. Do đó, hàng triệu người đi dân công, hàng vạn chiến sĩ hùng dũng đã chiến thắng Điện Biên Phủ.

Mặt trận Liên Việt đã thành công vì đã kịp thời đúng lúc giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày.

Tương điều ấy cũng không còn nghi ngờ gì nữa.

Các đồng chí ta hiện nay dương hoạt động trong nông thôn, đều thấy rằng những miếng đất đã chia cho dân cày là sức

mạnh lớn lao của phong trào cách mạng để chống Mỹ - Diệm, là cái bùa hộ thân cho cán bộ ta. Một mặt khác, chúng ta cũng đã nhận thấy, nơi nào mà đồng chí chưa quyết tâm, tận tụy bảo vệ quyền lợi của dân cày, nhất là vấn đề ruộng đất, tô tức, cày cấy giúp đỡ lẫn nhau, thì phong trào cách mạng những nơi ấy bị sụt xuống.

Có đồng chí căn cứ vào câu: "trong lúc này trung lập được ai thì trung lập, lôi kéo được ai thì lôi kéo" rồi bị số địa chủ lừa bịp. Chúng cũng nói đến nước nhà, nhưng cốt để lấy đất ruộng của dân cày. Đồng chí ta vì muốn trung lập, lôi kéo địa chủ, đã đi ngược lại quyền lợi của dân cày. Muốn trung lập, lôi kéo một vài người, mà chưa chắc đã trung lập lôi kéo được, mà phải bỏ hàng ngàn hàng vạn người là một chuyện không thể hiểu được.

Câu nói "trung lập được ai thì trung lập, lôi kéo được ai thì lôi kéo" là chiến thuật mềm dẻo, chiến thuật ấy phải phụng sự cho những nhiệm vụ chiến lược nhất định.

Nhiệm vụ chiến lược cách mạng của ta ở thôn quê hiện nay là: đoàn kết trung bản cố nông, liên hiệp với phú nông, chống lại đế quốc phong kiến.

Chúng ta chống địa chủ nhưng có phân biệt đối đãi, có trung lập lôi kéo từng người hay từng bộ phận nhỏ, đó chỉ là chiến thuật phân hoá một phần nào giai cấp địa chủ.

Trong nước ta hiện nay, một nửa nước đã làm cách mạng điển địa, một nửa nước chưa, ý thức giai cấp đấu tranh ở thôn quê thật là gay gắt; không phải chúng ta gay gắt mà chính là địa chủ.

Cho nên lập trường giai cấp ở trong đảng bộ cũng như ở trong nông dân cần phải được xây dựng, củng cố vững chắc để quyết tâm vì giai cấp, vì dân tộc mà chiến đấu thì mặt trận dân tộc ở thôn quê mới phát triển được, phong trào cách mạng mới có thể tiến triển được.

Hiện nay, ở thành thị, nhất là Sài Gòn Chợ Lớn và các đồn điền cao su, có cả triệu người lao động dương lâm vào cảnh đói

thiếu, thất nghiệp. Phong trào lao động dương sôi nổi. Một lực lượng chính trị hùng mạnh dương phát triển, đó là một lực lượng chính trị khách quan ở đô thị, chúng ta cần phải thấy rõ.

Chính quyền Mỹ - Diệm và các đảng phái "quốc gia" của chúng dương tìm cách kiềm chế và lung đoạn phong trào. Chúng biết rằng nếu hàng triệu người ấy đến lúc giác ngộ quyết tâm bảo vệ quyền sống của họ, thấy rõ mặt nạ của bọn cướp nước và bọn bán nước đã làm cho họ điêu đứng cực nhục thì nhất định chính quyền của chúng không thể đứng vững được.

Cho nên, có giác ngộ quyền lợi giai cấp công nhân, có đẩy mạnh phong trào tranh đấu của công nhân đứng dậy chống Mỹ - Diệm, có dựa trên phong trào công nhân để mở rộng mặt trận dân tộc ở đô thị, mặt trận mới phát triển được.

Vì vậy chúng ta nhất định không sợ nói đến giai cấp mà làm tổn thương đến mặt trận dân tộc. Vì thực ra công nông có giác ngộ quyền lợi của công nông, các tầng lớp tiểu tư sản và tư sản có giác ngộ quyền lợi của họ thì tất cả mới quyết tâm đánh đổ đế quốc và phong kiến. Mà trong các giai cấp có tính chất dân tộc và dân chủ ấy, quyền lợi công nông là nhất trí hơn hết với quyền lợi giải phóng dân tộc, do đó mà lực lượng cách mạng của công nông thành lực lượng căn bản của phong trào cách mạng của mặt trận dân tộc.

Một mặt khác, Đảng có xây dựng khối công nông liên minh thật vững chắc sâu rộng, thì Đảng mới duy trì và củng cố vị trí chính trị và uy thế chính trị của Đảng được. Vì vị trí, uy thế chính trị của Đảng chỉ có thể duy trì, củng cố phát triển lên được, căn bản là khi Đảng biết củng cố và phát triển vị trí chính trị của giai cấp công nông trong phong trào cách mạng, căn bản là khi Đảng biết nâng cao uy thế chính trị của giai cấp công nhân và nông dân trong phong trào cách mạng.

Nếu vị trí và uy thế chính trị mà lọt vào giai cấp tư sản hay các tầng lớp đại biểu cho tư sản, thì sự lãnh đạo của Đảng nhất định sẽ bị tổn thương và có thể nguy hại cho cách mạng.

Cho nên, xây dựng khối công nông liên minh, không những vì khối công nông liên minh là lực lượng căn bản của cách mạng, mà còn là để giữ vững vị trí lãnh đạo của Đảng, uy thế chính trị của Đảng.

Hiện nay ở miền Nam, Mỹ - Diệm muốn tiêu diệt Đảng ta, muốn đập vào vị trí và uy thế chính trị của Đảng ta, để đè bẹp phong trào cách mạng.

Để đối phó lại, Đảng ta lại càng phải đặc biệt chú ý đến nhiệm vụ xây dựng khối công nông liên minh, giữ vững vị trí chính trị của giai cấp công nông, nêu cao uy thế chính trị của giai cấp công nông.

Vì Đảng ta là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên sự tồn tại của Đảng không thể ra ngoài phong trào chính trị của công nông.

Một mặt khác, có xây dựng khối công nông liên minh, mới phát triển mở rộng được mặt trận dân tộc.

Kinh nghiệm phong trào cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ điều ấy.

Chỉ khi nào phong trào công nông phát triển mạnh mẽ, thì các tầng lớp bên trên mới có ý thức, mới có hành động chính trị. Các phong trào 1930 - 1931, 1936 - 1939, 1940 - 1945, v.v. đều chứng tỏ điều ấy.

Chúng ta phải xây dựng khối công nông liên minh vì:

- Công nông là lực lượng căn bản của phong trào cách mạng.
- Vị trí uy thế của công nông có củng cố, phát triển thì vị trí uy thế chính trị của Đảng mới vững.
- Vì có củng cố xây dựng khối công nông liên minh, mới củng cố phát triển mặt trận dân tộc chống đế quốc phong kiến.

4. Xây dựng, củng cố, phát triển mặt trận dân tộc

Đảng ta lãnh đạo phong trào dân tộc giải phóng từ năm 1930, nhưng đến khi Đại chiến lần thứ hai bùng nổ, Đảng ta

mới có một chương trình mặt trận dân tộc cụ thể và đến năm 1941, hình thức mặt trận mới được rõ ràng.

Kiểm điểm lại chúng ta nhận thấy: trong phong trào 1930 - 1931 nội dung mặt trận phản đế nặng về giai cấp hơn là dân tộc; phong trào 1936 - 1939 mặt trận có tính chất dân chủ chung hơn là dân tộc; cuối năm 1939 thì Đại chiến lần thứ hai bùng nổ, đường lối mặt trận của Đảng mới có nội dung giai cấp, dân chủ, dân tộc thực tế, đầy đủ và đến năm 1941, hình thức mặt trận lại có ý nghĩa mặt trận dân tộc rõ ràng hơn, tức là Mặt trận Việt Minh.

Xây dựng, củng cố, phát triển mặt trận dân tộc, tức là bố trí các lực lượng trong dân tộc để đánh bại kẻ thù của dân tộc.

Kẻ thù của dân tộc chúng ta là đế quốc và phong kiến.

Mặt trận Dân tộc của chúng ta là để chống lại kẻ thù chung ấy.

Vì chiến thuật tập trung mũi nhọn vào đế quốc, phân hoá giai cấp phong kiến, ta nêu khẩu hiệu đánh đổ đế quốc và tịch thu ruộng đất của bọn phản quốc, nghĩa là chỉ đánh đuổi những địa chủ cấu kết với đế quốc, lấy ruộng đất chia cho dân cày.

Mặt trận Dân tộc có nhiệm vụ đánh đổ đế quốc phong kiến, ban hành các quyền tự do dân chủ, bảo đảm đời sống cho quần chúng lao động, chia đất cho dân cày, mở mang công thương nghiệp, giải phóng hoàn toàn cho đất nước, thành lập chính quyền liên hiệp dân chủ, thành lập quân đội dân tộc dưới quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Mặt trận của ta có tính chất giai cấp rõ ràng, bao gồm các lực lượng dân chủ trong nước, đặt quyền lợi Tổ quốc lên trên hết.

Một mặt trận như vậy là đúng với tình hình khách quan tiến bộ của dân tộc ta. Do đó, mặt trận đã động viên được tất cả các lực lượng yêu nước, dân chủ, tiến bộ và đưa Cách mạng Tháng Tám đến thành công.

Xây dựng, củng cố, phát triển mặt trận dân tộc thống nhất là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng ta hiện nay để chiến thắng quân thù.

Các đồng chí chúng ta cần phải nhận rõ những kinh nghiệm về việc xây dựng mặt trận.

Có lúc chúng ta đã phạm phải biệt phái tả khuynh như phong trào 1930 - 1931, do đó mà phong trào xa lìa các bạn đồng minh cần thiết làm cho phong trào bị cô độc, dễ bị tan rã. Cũng có lúc chúng ta phạm phải biệt phái hữu khuynh, như Trung ương đã nhận định trong vấn đề nông dân và ruộng đất.

Hiện nay, nước ta đang ở trong một tình thế đặc biệt: một nửa nước độc lập và một nửa nước lại nằm dưới quyền thống trị của đế quốc và phong kiến. Việc xây dựng, củng cố, phát triển mặt trận dân tộc chống đế quốc và phong kiến có nhiều thuận lợi, nhưng đồng thời cũng có nhiều phức tạp.

Cương lĩnh và chương trình Mặt trận Tổ quốc, về nội dung cũng như về hình thức của mặt trận rất thích hợp với tình hình hiện tại do đẩy mạnh phong trào cách mạng ở miền Nam chống Mỹ - Diệm để hòa bình thống nhất đất nước, hoàn thành độc lập dân chủ chung cho cả toàn quốc.

Để thực hiện đúng đắn nhiệm vụ xây dựng, củng cố phát triển Mặt trận Tổ quốc, chúng ta cần phải nhận rõ mấy điểm sau đây:

- Một là phải xây dựng khối công nông liên minh chặt chẽ, vững chắc như trên kia đã nói.

- Hai là phải đẩy mạnh lòng yêu nước chân chính trong các tầng lớp tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, trí thức.

Kinh nghiệm vận động cách mạng Việt Nam, phong trào học sinh, sinh viên, trí thức đã đóng một vai trò cách mạng có tính chất quyết định quan trọng trong những cuộc đấu tranh chính trị.

Tình hình học sinh, sinh viên và trí thức ở miền Nam hiện nay trừ một số tiến bộ tích cực đã thấy rõ nhiệm vụ của họ phải

tranh đấu cho chính nghĩa, cho dân tộc, phần đông còn lòng căm thù, lòng yêu nước của họ chưa được khai thông, họ chưa vững vàng đứng lên bảo vệ quyền lợi của họ.

Cho nên cần phải có một sự tuyên truyền giáo dục, tranh đấu về mặt nhận thức, về lý luận, về tư tưởng sâu rộng trong quần chúng học sinh, sinh viên, trí thức, cần cứ vào những biến cố thực tế trong nước và trên thế giới, làm cho họ thấy rõ bước đường tiến triển ngày càng thuận lợi của cách mạng, thấy rõ tương lai tươi sáng vinh quang của đời sống vật chất và tinh thần của họ là ở bên mặt trận cách mạng, mặt trận hòa bình thống nhất độc lập dân chủ trong nước và mặt trận hòa bình dân chủ trên thế giới, chứ không phải ở bên mặt trận của phe đế quốc và tay sai mà Mỹ - Diệm thường gọi là "thế giới tự do" và "quốc gia" gian trá của chúng. Cần phải hướng dẫn họ tranh đấu thực hiện một mặt trận văn hoá thực sự dân tộc dân chủ chống lại văn hoá gian trá, thù hằn lệ thuộc và độc tài của Mỹ - Diệm.

- Ba là phải xây dựng, phát triển ý thức chính trị, tinh tích cực chiến đấu trong các tầng lớp tư sản dân tộc công thương nghiệp làm cho họ nhận thức đầy đủ rằng: nếu họ không tích cực đứng lên tranh đấu chính trị với Mỹ - Diệm, không tích cực tham gia vào những cuộc tranh đấu chính trị của nhân dân thì nhất định họ không thể nào bảo vệ được quyền lợi của họ.

Giai cấp tư sản dân tộc, về số lượng không phải là một lực lượng lớn, nhưng với vị trí kinh tế, văn hoá của nó trong sự sinh hoạt của dân tộc, họ có một vị trí quan trọng.

Hiện nay, nền kinh tế của miền Nam bị độc quyền kinh tế Mỹ và độc tài chính trị Diệm đè ép không có đường ra.

Sự công phản của tầng lớp tư sản đối với chính quyền Mỹ - Diệm ngày càng phát triển, chúng ta cần phải tích cực trong việc tổ chức-hộ cùng với các tầng lớp nhân dân khác tranh đấu đòi các quyền tự do dân chủ, đi đến thực hiện một chính quyền có tính chất dân chủ, dân tộc ở miền Nam, cùng với nhân dân

tranh đấu đòi đặt quan hệ hai miền đòi hòa bình thống nhất đất nước để hoàn thành độc lập dân chủ trong toàn quốc. Đó là con đường vinh quang nhất của họ để làm tròn nhiệm vụ người dân yêu nước.

Ngoài ra chúng ta còn phải tranh thủ những nhân vật có tên tuổi, những thân sĩ yêu nước vào mặt trận. Họ có tác dụng động viên quần chúng và phân hoá quân thù, làm tăng thêm lực lượng của mặt trận.

- Bốn là siết chặt sự đoàn kết với các tôn giáo Cao Đài, Hòa Hảo, Phật giáo, Công giáo, cả bên dưới và bên trên. căn bản là bên dưới.

Hiện nay mặt trận cũng đã có nhiều thành tích đáng kể trong sự vận động hợp tác với các tôn giáo, nhưng đồng thời cũng có nhiều khuyết điểm. Cho nên cần phải tổng kết kinh nghiệm riêng từng vấn đề trong công tác mặt trận với Cao Đài, Hòa Hảo, Phật giáo, Công giáo, để có kế hoạch xúc tiến công tác thu được nhiều kết quả hơn.

- Năm là phải đi sâu đoàn kết với các dân tộc thiểu số trong sinh hoạt vật chất hàng ngày, trong sự kiên nhẫn giáo dục chính trị, văn hoá. Chúng ta phải nhận rõ đồng bào thiểu số ở vùng đồng bằng cũng như rừng núi đều có sự quan trọng lớn lao trong phong trào chống Mỹ - Diệm. Chúng ta cần có những tổ chức chuyên trách, căn bản là đào tạo cán bộ trong các dân tộc thiểu số để đẩy mạnh phong trào cách mạng của các dân tộc ấy.

- Sáu là phải nhận rõ sức mạnh và năng lực của giới thanh niên và phụ nữ, phải xây dựng mặt trận thanh niên, mặt trận phụ nữ tùy theo hình thức hợp pháp cụ thể từng địa phương để tập hợp đông đảo thanh niên, phụ nữ trong phong trào đấu tranh chung của công nông, của Mặt trận Tổ quốc và riêng của giới họ.

Cần phải tranh đấu tư tưởng không nhận thấy lực lượng, vai trò quan trọng lớn lao của phụ nữ trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

- Bảy là tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của những phần tử, những bộ phận trong bộ máy chính quyền của Mỹ - Diệm, đặc biệt trong các tổ chức có tính chất quần chúng.

Xây dựng, củng cố, phát triển mặt trận dân tộc là một nhiệm vụ rất quan trọng để chiến thắng quân thù. Vì trong cuộc chiến đấu ác liệt ai mạnh thì được, ai yếu thì thua, đó là lẽ tất nhiên. Cho nên chúng ta cần phải biết để tổ chức tất cả khả năng cách mạng vào mặt trận dân tộc. "Thêm bạn bớt thù" là phương châm xây dựng mặt trận.

Chúng ta càng mạnh địch càng yếu, chúng ta càng có điều kiện thuận lợi để chiến thắng quân thù.

5. Phải biết khai thác những mâu thuẫn nội bộ địch, để làm yếu địch, để gây lực lượng của ta ngay trong lòng địch, để cô lập địch

Nội bộ của địch không thể có tính chất đoàn kết nhất trí được. Sự cấu kết giữa Mỹ - Diệm không phải là một sự cấu kết bình đẳng, mà chính là một sự cấu kết có tính chất bảo hộ và lệ thuộc. Do tính chất bảo hộ và lệ thuộc ấy mà các phần tử bên dưới của chính quyền Mỹ - Diệm, nhất là những phần tử tiểu tư sản trí thức, những phần tử thuộc về các tầng lớp nhân dân lao động đều có những mâu thuẫn đối với chính quyền Mỹ - Diệm, nhất là trong lúc phong trào cách mạng dân tộc và dân chủ càng ngày càng phát triển mạnh.

Với tính chất gia đình, cá nhân độc tài của Diệm, với chính sách dô hộ, viện trợ lưng đoạn của đế quốc Mỹ, với tình hình khủng hoảng không tránh khỏi về chính trị, kinh tế tài chính của nội bộ chính quyền miền Nam, những bọn đã ở trong chính quyền hay còn ở bên ngoài, không thể tránh khỏi những sự tranh chấp giữa bọn này với bọn kia, giữa cá nhân này với cá nhân khác.

Phải khai thác hết những mâu thuẫn ấy để phân hoá, tranh thủ các phần tử có thể tiến bộ, để gây lực lượng của ta ngay

trong lòng địch, để cô lập Mỹ - Diệm ngay với những phần tử phụ thuộc với chúng, ngay trong những tổ chức phụ thuộc với chúng là một nhiệm vụ quan trọng để đưa cách mạng đến thành công.

Kinh nghiệm phong trào cách mạng của ta cho ta thấy: sự mâu thuẫn của nội bộ địch, sự tan rã của khối cấu kết của chúng là một điều kiện hết sức quan trọng cho sự thành công của phong trào cách mạng.

Tình hình hiện nay của ta cho phép ta có những điều kiện thuận lợi để có thể khai thác một cách chủ động, linh hoạt các mâu thuẫn của nội bộ địch.

Mâu thuẫn ấy nằm trong các làng mạc, các trại lính, các công sở, các tổ chức, đảng phái chính trị của đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm.

Chúng ta cần phải triệt để tìm hiểu, khai thác có lợi cho phong trào cách mạng (vấn đề này sẽ có nhận xét riêng).

E. KẾT LUẬN

Để giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam phát triển, chúng ta cần phải đi đúng đường lối chính trị của Đảng, cần phải học tập kinh nghiệm lịch sử cách mạng của Đảng.

Căn cứ vào kinh nghiệm lịch sử và sự cần thiết của phong trào cách mạng miền Nam hiện nay, chúng ta có thể nhận định rằng: muốn giữ vững và phát triển phong trào cách mạng miền Nam đến thành công, chúng ta phải làm tròn mấy nhiệm vụ sau đây:

1. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và phát huy uy thế chính trị của Đảng sâu rộng trong quần đại quần chúng.

2. Xây dựng khối công nông liên minh sâu rộng, vững chắc.

3. Xây dựng, phát triển một mặt trận dân tộc thật mạnh mẽ, rộng rãi. Tích cực phổ biến Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc trong các tầng lớp nhân dân, ngay trong hàng ngũ địch.

4. Tích cực khai thác mâu thuẫn nội bộ địch, làm yếu địch, gây thêm lực lượng ta, cô lập địch.

Muốn cho phong trào cách mạng phát triển, tất cả đảng viên chúng ta cần thiết phải có một nhận thức tối thiểu về cơ sở lý luận cách mạng để hướng dẫn công tác hàng ngày của chúng ta.

Căn bản lý luận và kinh nghiệm trên đây là dựa vào thực tế cách mạng Việt Nam và cũng dựa trên phương thức cách mạng đúng đắn là "đẩy mạnh các lực lượng tích cực, tranh thủ các lực lượng trung gian, cô lập quân thù".

Phương thức ấy đối với phong trào cách mạng Việt Nam vẫn là phương châm chỉ đạo cho công tác cách mạng hiện tại của chúng ta. Với tình hình cụ thể miền Nam, chúng ta đặt vấn đề cô lập quân thù một cách cụ thể hơn tức là: "đẩy mạnh các lực lượng tích cực, tranh thủ các lực lượng trung gian, phân hoá, tranh thủ và cô lập quân thù".

Có như vậy, chúng ta mới có điều kiện thuận lợi để thực hiện hòa bình thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong cả nước ta trong giai đoạn hiện tại.

Kinh nghiệm 15 năm vận động chính trị của Đảng từ năm 1930 đến năm 1945 cho chúng ta thấy rằng với lực lượng chính trị chúng ta có thể thực hiện mục đích cách mạng của ta.

Chúng ta nhận rằng: trong khi giải phóng quân của ta còn ít, còn ở trên Việt Bắc thì cả nước, từ Bắc chí Nam, quân chúng đã đứng dậy cướp chính quyền. Quân chúng ấy tức là lực lượng chính trị của Đảng ta đã động viên, tập hợp trong quá trình tranh đấu, từ những cuộc tranh đấu đòi tăng các bậc, đồng lương cho thợ, cướp lại từng hột thóc cho nhân dân, đến những cuộc tranh đấu đòi những quyền dân chủ, giành giật từng quyền lợi nhỏ nhất một để ra báo chí, để đưa người vào viện dân biểu, hội đồng thành phố, v.v.. Với những thắng lợi từng bước ấy, chúng ta đã biết động viên giáo dục tổ chức quần chúng mà

thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là kết quả tất nhiên của những phong trào ấy.

Chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa, đường lối công tác đấu tranh chính trị hiện nay nhất định có thể đem lại kết quả, có thể đạt được mục đích cách mạng của chúng ta. Lý luận cách mạng hiện tại trên thế giới đã chứng minh điều đó, kinh nghiệm cách mạng Việt Nam cũng đã chứng minh điều đó.

Ngày nay, chúng ta tiến hành phong trào đấu tranh chính trị với những điều kiện mới, tất nhiên có khó khăn mới. Nhưng chúng ta có thuận lợi mới là: lực lượng của chúng ta vững chắc ở miền Bắc; đồng bào miền Nam đã từng đấu tranh gian khổ, anh dũng, lòng yêu nước tràn ngập trong mọi tầng lớp nhân dân, tình hình thế giới đang phát triển thuận lợi cho ta, kẻ thù của dân tộc ta ngày càng suy yếu và cô lập, ta dựa trên một pháp lý vững chắc là Hiệp nghị Giơnevơ.

Chúng ta nhất định thắng vì chúng ta đi đúng với sự tiến hoá tất nhiên của dân tộc ta, của nhân loại.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương và Hồ Chủ tịch, với lòng quyết tâm chiến đấu của toàn thể đảng viên chúng ta, nhất định chúng ta sẽ làm tròn nhiệm vụ vinh quang của người cộng sản, đem lại hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ cho Tổ quốc yêu quý của chúng ta.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TẠI HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 15 (MỞ RỘNG)*

Về tình hình miền Nam

I- ÁM MƯU CỦA ĐẾ QUỐC MỸ VÀ QUÁ TRÌNH DỰNG LÊN CHÍNH QUYỀN MIỀN NAM

a) Mỹ đã dựng lên chính quyền miền Nam như thế nào?

Từ năm 1950, đế quốc Pháp ngày càng lệ thuộc vào viện trợ Mỹ để tiếp tục cuộc chiến tranh Đông Dương. Đến năm 1954 nhân lúc Pháp bị thất bại quân sự liên tiếp, Mỹ thúc ép Pháp phải đưa Ngô Đình Diệm thay Bửu Lộc làm Thủ tướng chính quyền bù nhìn.

Tuy bị bắt buộc để Diệm làm Thủ tướng, Pháp vẫn mong nắm được chính quyền bù nhìn đó bằng các tay sai khác của Pháp đang còn thế lực trong các cấp hành chính, nhất là trong quân đội và công an.

Nhưng từ sau đình chiến, Mỹ viện trợ trực tiếp cho Ngô Đình Diệm, dùng vị trí chủ chốt và cơ động của Diệm với cương vị Thủ tướng trong chính quyền, lợi dụng chính sách đầu hàng của Pháp, dựa vào hình thức độc lập giả hiệu mà trước đây do cuộc kháng chiến của nhân dân ta, Pháp phải nhân nhượng về

* Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Số 1*, t.20, tr.1-56.

hình thức cho chính quyền bù nhìn, dựa vào sức mạnh của đôla để gây dựng thực lực của chúng trong quân đội và bộ máy hành chính trung ương, rồi phát triển rộng ra.

Muốn thực sự nắm chắc chính quyền miền Nam, cần bản phải nắm quân đội và công an. Sau khi mua chuộc một số tướng tá có thế lực trong một bộ phận quân đội, Mỹ - Diệm trước hết bắt tướng Nguyễn Văn Hinh của Pháp, nắm cơ quan Tổng chỉ huy quân đội, rồi dẹp Bình Xuyên, nắm công an, đánh Hòa Hảo, giải tán Cao Đài để thống nhất quân đội. Kế đó chúng dùng mua chuộc và thế lực quân đội để gạt dần tay chân của Pháp trong chính quyền từ trung ương xuống tỉnh, huyện, dưới chiêu bài "thanh trừng tham quan ô lại" hay "bắt hãm". Chính quyền Pháp - Bảo Đại phản ứng một cách yếu ớt, bởi vì thành phần bộ máy này từ quân đội, công an đến cơ quan hành chính gồm toàn những người làm thuê cho đế quốc, không có lập trường chính trị, muốn sống yên thân. Đế quốc Mỹ có nhiều đôla hơn Pháp, trả đất hơn thì mua được họ, họ quay làm tay sai cho Mỹ.

Nhưng khi đến chính quyền xã thì không còn là vấn đề giữa Mỹ - Diệm và Pháp - Bảo Đại mà là vấn đề giữa Mỹ - Diệm cướp nước và bán nước với quần chúng nhân dân có yêu cầu độc lập, dân chủ có sự lãnh đạo của Đảng ta. Cuộc đấu tranh ở nông thôn giữa Mỹ - Diệm và ta diễn ra giằng co triền miên cho đến nay.

Quá trình hình thành chính quyền Mỹ - Diệm, cho thấy rõ nó không phải là một chính quyền đẻ ra trên cơ sở một phong trào quốc gia chống cộng nào ở trong nước mà nó là một chính quyền thay thay đổi chủ. Đế quốc Mỹ và phong kiến họ Ngô thay chân cho đế quốc Pháp và phong kiến Bảo Đại.

Chính quyền đó là kết quả của sự thất bại của đế quốc Pháp về quân sự và chính trị trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, cũng là kết quả của sự đầu hàng của đế quốc Pháp đối với đế quốc Mỹ, nó thể hiện cụ thể trên đất nước ta chính sách xâm

lược và thực dân kiểu mới của Mỹ. Nó cũng là kết quả của thế giằng co trong cuộc đấu tranh giữa phe xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc và hòa bình dân chủ với phe đế quốc thực dân gây chiến ở khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương.

b) Chính quyền Mỹ - Diệm được duy trì trên một chế độ cảnh sát và mật thám

Để che đậy bản chất thuộc địa dã loài thời, lừa phỉnh nhân dân và dư luận thế giới, Mỹ đã khoác cho chính quyền Diệm một hình thức độc lập quốc gia giả hiệu, có quốc hội, có hiến pháp, có quân đội quốc gia, có ngoại giao riêng, tìm cách để cao vị trí quốc tế của chính quyền Diệm trong các nước của phe Mỹ. Chúng ra sức tuyên truyền lừa bịp quần chúng, tự gán cho chúng là chính quyền cách mạng quốc gia, nêu lên khẩu hiệu "Bài phong, dả thực, diệt cộng".

Đả thực bài phong là nhằm giật chính quyền trong tay Pháp và Bảo Đại, giải tán các lực lượng giáo phái và đánh vào số tay chân của Pháp trong chính quyền và quân đội miền Nam. Với nhân hiệu diệt cộng, chúng tìm cách "chính trị hoá" bộ máy chính quyền, nhồi cho bộ máy đó một lý tưởng quốc gia, chống cộng để biến chính quyền ấy thành công cụ đắc lực đàn áp phong trào cách mạng miền Nam để thực hiện chính sách nô dịch và xâm lược của đế quốc Mỹ.

Để lừa bịp công nhân và nhân dân lao động thành thị, chúng tuyên truyền "thăng tiến cần lao", cho bọn tay chân tổ chức các nghiệp đoàn vàng.

Để gây cơ sở trong nông dân, chúng lập lại thủ đoạn của Mỹ đã dùng ở Nhật Bản, Triều Tiên là bày trò "cải cách điền địa" giả hiệu.

Từ đó, từng lúc, chúng đưa ra những thủ đoạn mị dân như "chống úr đồ tường, diệt dốt, phục hồi văn hóa Á Đông, cộng đồng hương thôn", v.v..

Nhưng vì Ngô Đình Diệm bán nước trong lúc nhân dân và quân đội ta đánh bại thực dân Pháp và can thiệp Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, phong trào dân tộc và hòa bình dân chủ ở các nước Đông Nam Á và thế giới lên cao, nên các thủ đoạn gian dối của Mỹ - Diệm không che giấu nổi bộ mặt phản dân tộc của một chính quyền ngoại lai bán nước. Những luận điệu tuyên truyền của chúng trái ngược với thực tế của một xã hội thối nát bày ra hàng ngày trước mắt quần chúng. Do đó chính quyền Mỹ - Diệm không thể tìm được chỗ dựa rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, trái lại quảng đại quần chúng chống lại chính sách lệ thuộc bán nước của chính quyền Mỹ - Diệm.

Muốn duy trì chính quyền, Mỹ - Diệm phải dùng vũ lực khủng bố đàn áp phong trào quần chúng đòi độc lập dân chủ hòa bình và thống nhất. Trong bốn năm qua, chính sách căn bản nhất của địch là tố cộng. Chúng mở liên tiếp những đợt tố cộng, dùng lực lượng vũ trang càn quét, bắt bớ, tàn sát, tra tấn đồng bào hàng loạt, truy tầm để tiêu diệt những tổ chức cách mạng của quần chúng và các cơ sở của Đảng. Do đó ở nông thôn tình hình luôn luôn căng thẳng không ổn định, có lúc, có vùng có trạng thái gần như hồi chiến tranh. Bọn tay chân của chúng lộng quyền trả thù, cướp bóc, tống tiền, bắn giết không cần xét xử, không cần luật pháp. Nhiều vùng ở Liên khu V như một số huyện ở Quảng Trị, quần chúng có liên quan ít nhiều đến kháng chiến như tham gia thanh niên, phụ nữ, nông hội, liên việt, du kích, v.v. không có người nào là không bị bắt, giam cầm, đánh đập tra tấn ít nhiều.

Từ năm 1957 lại đây, chúng đặc biệt chú trọng tăng cường khủng bố đàn áp ở Nam Bộ, đem kinh nghiệm tàn sát khủng bố ở trung châu Liên khu V áp dụng ở Nam Bộ, nhằm vào các vùng căn cứ cũ của ta và vùng có phong trào khá. Chúng tập trung

lực lượng phản động về đóng một thời gian lâu ở địa phương, càn đi càn lại ở từng nơi một, gây cho nhân dân và cơ sở ta nhiều thiệt hại hơn mấy năm trước. Ở những vùng chúng có cơ sở phản động, nắm được khá chính quyền xã, ấp thì chúng bớt dùng biện pháp khủng bố tràn lan mà chú trọng dùng mật thám đi sâu tìm cơ sở ta để đánh cho trúng đích. Ở các vùng cơ sở phản động địa phương của chúng kém như nhiều vùng căn cứ cũ của ta ở Nam Bộ, chúng vẫn phải mở những "chiến dịch bình định" hàng trung đoàn đi càn quét. Chúng chú trọng đặc biệt Tây Nguyên là nơi chúng đang ra sức xây dựng thành căn cứ quân sự.

Mặc dù Mỹ - Diệm đã đưa ra một hiến pháp phản dân chủ theo kiểu Mỹ, tập trung quyền bính vào tay Tổng thống, nhưng chúng vẫn không dám làm theo đúng hiến pháp đó. Chúng phải dùng những biện pháp đặc biệt như Dự số 6 về trại tập trung, Dự số 13 về trưng trị báo chí, chúng chuẩn bị đưa ra quốc hội chúng thông qua dự luật "đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật". Chúng thủ tiêu các quyền tự do dân chủ, nhất là thi hành độc quyền chính trị và bưng bít dư luận, chúng chỉ huy và kiểm soát gắt gao các báo chí, trưng trị, khủng bố tờ nào dụng ý chỉ trích chính sách phát xít của chúng. Từ năm 1954 đến nay có đến hơn 20 tờ báo bị đóng cửa.

Mỹ - Diệm dùng chính sách lừa bịp, mị dân để tạo cho chúng một cơ sở chính trị trong quần chúng, dùng chính trị để lãnh đạo chính quyền, nhưng dư luận rộng rãi quần chúng phản đối chúng. Chúng không thể rời được phương pháp căn bản của chúng là dựa vào khủng bố, dùng công an, mật thám uy hiếp quần chúng, nhằm làm cho quần chúng khiếp sợ, bị động theo chế độ thống trị của chúng. Phương pháp này càng làm lộ rõ bộ mặt gian ác của chúng, và càng làm cho nhân dân chống lại chúng rộng rãi hơn.

c) Bộ máy cai trị và các tổ chức chính trị của Mỹ - Diệm

1- Bộ máy từ trung ương đến tỉnh, huyện:

- Thành phần bộ máy chính quyền trung ương miền Nam phản ánh tính chất độc tài gia đình trị của chính quyền đó. Để mị dân, chúng cố đưa vào chính quyền trung ương một số trí thức chuyên môn, lịch sử ít xấu như Trần Lê Quang, Trần Hữu Thế, Trần Vỹ, Vũ Văn Mẫu hoặc người có tính chất hoàn toàn công chức như Đỗ Văn Công, toàn là những người mà Diệm dễ lợi dụng, nhưng quyền hành thực sự đều vào tay anh em họ hàng gia đình Diệm. Ngô Đình Nhu nắm Tổng thống phủ, Ngô Đình Cẩn nắm cả bộ máy công an, tình báo miền Nam và có đủ mọi quyền hành ở Trung Việt, Ngô Đình Luyện giữ ngoại giao, Trần Trung Dung giữ quốc phòng, Trần Văn Chương đại diện cho Diệm ở Mỹ, v.v..

Tất cả mọi quyền tập trung ở Tổng thống phủ do Nhu khống chế. Các bộ không có thực quyền, chỉ làm việc hành chính. Ngân sách hàng năm của Tổng thống phủ chiếm hơn 1.000 triệu, Bảo an, công dân vụ là hai tổ chức đàn áp với những chi phí to lớn gần 1 tỷ rưỡi cũng trực thuộc Tổng thống phủ.

Ngoài việc sử dụng tổ chức tập trung quyền hành vào anh em Diệm, chúng còn dùng một quỹ đen hàng trăm triệu để nắm các bộ phận và người cần thiết. Chúng sử dụng Đảng cần lao nhân vị, phong trào cách mạng quốc gia để nắm công chức, bắt buộc họ phải làm chính trị phản động theo chúng. Vì sinh kế và gia đình, họ phải ít nhiều làm hòa theo Mỹ - Diệm. Nhiều chủ sở, công chức nhảy ra hoạt động "chính trị" theo chúng để tìm địa vị. Có những bọn lưu manh còn đổ nhân cơ hội nhảy ra cướp bóc, tàn sát nhân dân và trở thành những tay sai đắc lực của chúng.

- Để quốc Mỹ đặt bên cạnh chính quyền Diệm một phái đoàn gián điệp là phái đoàn MSU chuyên đào tạo và kiểm soát

các cán bộ hành chính từ trên xuống dưới và tổ chức lưới gián điệp ở miền Nam. Tên trùm gián điệp Mỹ Lans' Dale làm cố vấn chính trị của Diệm thực sự lèo lái công việc của Tổng thống phủ.

Ở các cấp tỉnh và huyện, chúng cố tăng cường chất lượng phản động trong bộ máy. Tỉnh trưởng, tỉnh phó, quận trưởng, quận phó cũ phần lớn bị thay bằng người mới, một số chọn trong Công giáo phản động địa phương, trong di cư, một số lấy trong quân đội, công an, một số là công chức cũ chịu khuất phục Diệm. Tuy thế, vì cơ sở xã hội của chính quyền Mỹ - Diệm rất hẹp nên chúng cũng không đủ tay chân đắc lực để bố trí khắp nơi; một số tỉnh trưởng, quận trưởng hiện nay theo Diệm nhưng bên trong chưa tin ở sự bền vững của chế độ Diệm. Một mặt bị áp lực của dư luận và phong trào đấu tranh của quần chúng, mặt khác vì nội bộ gièm pha chèn ép nhau, vì bị bọn công an lấn quyền, từng lúc, từng nơi có bọn kém tích cực, có khi chán nản. Vì thế trong mấy năm nay, Mỹ - Diệm cứ phải thanh trừng số lưng chừng để củng cố chất lượng phản động trong bộ máy chính quyền của chúng. Điều đó càng gây thêm mâu thuẫn, bất mãn, nghi kỵ và chia rẽ trong bộ máy của chúng, làm cho chúng thêm bị cô lập.

2- Các tổ chức chính trị Mỹ - Diệm dựng ra để làm hậu thuẫn cho chính quyền chúng

Tổ chức có thế lực nhất trong chính quyền miền Nam hiện nay là *Cần lao nhân vị* do Ngô Đình Nhu lập ra tập hợp những phần tử phản động, con cái địa chủ di cư có thù hằn sâu sắc với ta để làm nòng cốt khống chế bộ máy chính quyền trong tay gia đình Diệm. Chúng nhằm tổ chức các thủ trưởng cơ quan chính quyền vào Cần lao nhân vị hoặc đưa bọn Cần lao nhân vị nắm các vị trí quan trọng trong chính quyền từ trên xuống dưới nhất là nắm công an, mật thám. Bọn này dựa vào

thân thế anh em Diệm lỏng quyền trấn áp nhân dân và cả trong nội bộ chính quyền chúng. Ở thành phố chúng có tổ chức vào các nghiệp đoàn và các xí nghiệp quan trọng. Ở thôn quê chúng chưa có cơ sở bao nhiêu. Do bản chất phản động, lỏng quyền, lưu manh, Cần lao nhân vị không có ảnh hưởng gì trong nhân dân và cả trong từng lớp trên, trái lại người ta căm ghét, nhưng sợ quyền lực và các thủ đoạn khủng bố âm mưu của bọn chúng, cho nó là một tổ chức khủng bố, gián điệp hơn là một tổ chức chính trị.

Ngoài Cần lao nhân vị, có hai tổ chức khác là Phong trào cách mạng quốc gia và Tập đoàn công dân. *Phong trào cách mạng quốc gia* phát triển tới xã, dùng khủng bố và uy hiếp bắt đồng bào vào hàng loạt. Với tổ chức này, bọn phản động có huy động được người di tản cộng, di họp mít tinh, di canh gác... Những nơi nào tình hình có phần dịu, bọn phản động ở trên không xuống thúc ép thì phong trào tan rã không có sinh hoạt gì. Ở Liên khu V có tổ chức chi bộ cách mạng quốc gia, ở những xã đông đảng viên thường có từ 100 đến 150, hầu hết số phản động ở trong ban chấp hành, còn đảng viên thường phần lớn lừng chừng, cũng có một số quần chúng tốt vào vì bị bắt buộc.

Tập đoàn công dân dựa vào cha cố, chủ yếu phát triển trong Công giáo. Ở Liên khu V, cha cố cũng thông qua Tập đoàn công dân để phát triển Công giáo. Trong những vùng bị khủng bố nặng, quần chúng có một số vào Công giáo để mong được che chở, nhưng khi tình hình dịu lại thì họ tìm cách ra đạo. Nói chung Tập đoàn công dân phát triển chậm, ở Nam Bộ không có vai trò đáng kể.

Bọn Diệm - Nhu lúc đầu cho hai tổ chức này ra để làm hậu thuẫn cho chúng nhưng dần dần chúng sợ bọn Trần Chánh Thành nắm Phong trào cách mạng quốc gia và bọn Trần Văn Lâm nắm Tập đoàn công dân sẽ có thế lực mạnh, nên chúng đã

loại Trần Chánh Thành, đưa người thân cận của chúng làm Chủ tịch Phong trào cách mạng quốc gia rồi sáp nhập luôn Tập đoàn công dân vào Phong trào để nắm hết quyền về tay chúng.

Thành phần các tổ chức trên đều rất phức tạp, đa số vào vì bắt buộc, vì muốn tìm chỗ dựa cho yên hoặc muốn tìm địa vị, chứ không phải vì một lập trường chính trị nào. Có những người kháng chiến cũ cũng vào núp trong đó. Nhiều chỗ ở cơ sở ta cũng nắm được.

Ở miền Nam, bọn Mỹ còn ủng hộ một số Đại Việt hoạt động chống chính sách gia đình trị của Diệm như nhóm Phan Quang Dân. Bọn này hoạt động theo lối tranh thủ cá nhân, kéo bè kéo cánh chờ không có ảnh hưởng đáng kể trong quần chúng. Mỹ dùng họ trước mắt làm áp lực thúc ép Diệm thi hành các chính sách của Mỹ, đồng thời cũng chuẩn bị những con bài để khi cần có thể sử dụng để thay thế Diệm.

3- Giằng co giữa Mỹ - Diệm và ta để nắm hương thôn

Trong mấy năm qua, Mỹ - Diệm rất tích cực đặt cơ sở chính quyền của chúng ở xã. Chúng tìm cách phát xít hoá bộ máy chính quyền đó, củng cố bộ máy tế xã, kiểm soát ấp, liên gia, bố trí lưới do thám, kềm nhân dân vào thế kiểm soát của chúng để bắt phu bắt lính, phục vụ kế hoạch gây chiến đồng thời dùng bộ máy đó tiêu diệt cơ sở của ta.

Đối với ta, vấn đề dựa vào lực lượng quần chúng đấu tranh chống phát xít hoá chính quyền ở từng xã, từng thôn là tạo điều kiện căn bản gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng tiến lên giành lấy dân chủ ở nông thôn, lôi kéo chính quyền xã về phía nhân dân, tạo một thế đứng cho cách mạng, tiến lên lật đổ Mỹ - Diệm. Do đó cuộc đấu tranh giữa nhân dân và thế lực phát xít Mỹ - Diệm diễn ra giằng co và còn sẽ giằng co lâu dài ở khắp nơi, khi thì dùng thế hợp pháp, khi thì dùng bán hợp pháp, có khi quyết liệt đổ máu.

Ở trung châu Liên khu V vì từ đầu ta vận dụng phương châm không đúng, cơ sở của ta bị đánh bật, tác dụng lãnh đạo của ta bị thu hẹp, uy thế của quân chúng bị giảm sút, địch có củng cố được bộ máy phản động ở xã và có nơi ở thôn, bố trí được lưới do thám, kiểm soát gắt gao địa phương gây cho ta nhiều khó khăn.

Chúng thanh trừng nhiều lần và hàng loạt những người lưng chừng trong các uỷ ban hành chính xã. Hiện nay thành phần uỷ ban hành chính từ ba đến năm người, phần nhiều con em phú nông, địa chủ, bọn cường hào gian ác, một số công chức cũ và binh lính cũ thời Pháp, nơi Công giáo thì đều do người Công giáo làm. Số lưu manh hung ác bị nhân dân oán ghét chúng rút ra dần chuyển sang làm công an. Ở các thôn, hầu hết đều có ban cán sự hành chính thôn gồm trưởng thôn, phó thôn và công an kiêm cảnh sát, có nhiều thôn không đủ ba người.

Nói chung hầu hết ra làm vì địa vị, vì quyền lợi. Mỹ - Diệm cho lương bổng hậu, dung túng cho bọn chúng hối lộ, cắt xén các quỹ làm giàu. Mục đích tạc thành một tầng lớp mới quyền lợi gắn liền với chế độ Mỹ - Diệm, phục vụ đắc lực cho chế độ đó. Nhưng khó khăn của họ là bị kẹt giữa sự thúc ép của bọn trên và sức phản ứng hàng ngày của quần chúng, nên hiện tượng phổ biến là bề ngoài tỏ ra sốt sắng, nhưng căn bản là hay dao động, mỗi khi đấu tranh căng, hay mỗi khi nghe có tình hình gì hay tin tức gì bất lợi cho chúng.

Ở các xã thượng du miền tây các tỉnh, và ở Tây Nguyên, bộ máy hành chính xã chỉ mới tổ chức được ở những nơi gần thị trấn, dọc đường giao thông quan trọng và vùng tạm bị chiếm cũ, còn các nơi khác thì chưa có.

Ở Nam Bộ trong năm qua địch có củng cố được bộ máy ở xã hơn trước. Nói chung chính quyền xã hiện nay bản chất là phản động nhưng chúng bị cô lập, còn e dè trước uy thế của quần

chúng, nên từng nơi, từng lúc tỏ ra lưng chừng. Số lưu manh ngoan cố khát máu chưa nhiều, có tên nào lên thì ta tìm cách hạ xuống bằng nhiều cách, trong trường hợp tối cần thiết cũng hạ bằng vũ lực. Chính sách của ta đối với chính quyền xã là phải biết thừa nhận nó làm cho địch thấy chính quyền ấy là chính quyền của nó, nhưng mặt khác vừa đấu tranh với nó, vừa tranh thủ nó, khéo hướng dẫn nó để không làm hại cơ sở và phong trào cách mạng. Đấu tranh căn bản là vận dụng lực lượng chính trị, nhưng ở vùng có địa thế và cơ sở ta khá cũng có dùng hình thức vũ trang tuyên truyền để làm áp lực cho đấu tranh chính trị, giữ uy thế cách mạng của quần chúng và mở rộng cơ sở.

Ở cấp ấp phần lớn ta nắm được chủ động hơn, các lực lượng vũ trang dân vệ nói chung ta tranh thủ được, không chống lại nhân dân. Ở những nơi cán cứ cũ như ở vùng Cà Mau, ta giảng co với địch hàng năm chúng mới lập được chính quyền theo lối chỉ định một số người. Có nơi như ở Đồng Tháp Mười, có trên 80 xã tuy có chính quyền nhưng hoạt động rất hạn chế, ban đêm phải vào ngủ trong đồn bốt.

d) Âm mưu quân sự của Mỹ ở miền Nam

1- Viện trợ Mỹ căn bản là viện trợ quân sự

Bản thống kê sau đây về viện trợ của Mỹ cho chính quyền miền Nam từ năm 1955 đến năm 1958 (lấy đơn vị là triệu đôla):

Năm	Quân sự	Kinh tế	Di cư	Cộng
1955 - 1956	320	84	93	497
1957	162	85	0	247
1958	144	77	0	221
	626	246	93	965

CATO³ ngành kiểm tra, ngành không quân, ngành thủy quân, ngành viện trợ trực tiếp. Hệ thống cố vấn và chuyên viên quân sự Mỹ được tăng cường: lúc đình chiến có 20 sĩ quan cao cấp nay lên đến 280 sĩ quan từ cấp tá trở lên nghĩa là nhiều hơn hẳn số sĩ quan cùng cấp của miền Nam. Với bộ máy đó, Mỹ kiểm soát từ Bộ Quốc phòng, Tổng tham mưu đến các quân đoàn, sư đoàn, các trung tâm huấn luyện. Chúng quyết định kế hoạch trang bị, huấn luyện và các chế độ trong quân đội, chúng quyết định cách bố trí quân đội trên chiến trường miền Nam, chỉ huy các cuộc diễn tập, v.v..

Tất cả các hoạt động trên đây cho thấy mục đích của Mỹ là ráo riết xây dựng miền Nam thành một trong những căn cứ quân sự quan trọng của đế quốc Mỹ gắn liền với các căn cứ khác của Mỹ ở Thái Bình Dương, hình thành một phòng tuyến chung một mặt mưu đồ xâm chiếm miền Bắc, đặt cả nước ta dưới ách thống trị của chúng làm bàn đạp xâm nhập và phá hoại Trung Quốc, mặt khác dùng thế lực quân sự ở đây để khống chế khu vực Đông Nam Á, chống lại phong trào độc lập và dân chủ đang lên mạnh trong các nước ở vùng này.

3. Nhưng chúng đang có một nhược điểm rất lớn: quân đội chúng xây dựng có thể có một phần về kỹ thuật nhưng tinh thần thấp kém, sợ chiến tranh, sợ phải đánh với quân đội ta

Phong trào quần chúng chống chính sách gây chiến nô dịch của Mỹ, nguyện vọng độc lập và dân chủ trong quần chúng rộng rãi ảnh hưởng đến hàng ngũ binh lính. Kế hoạch tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền Bắc tiến, kế hoạch gây một tâm lý

1. MAAG: Đoàn cố vấn quân sự Mỹ (B.T).

TERM: Phái đoàn tam thời thu hồi dụng cụ (B.T).

TRIM: Phái đoàn tổ chức huấn luyện kiểm tra (B.T).

CATO: Cơ quan huấn luyện tác chiến (B.T).

háo chiến trong quân đội đã thất bại, binh lính không theo chính trị của chúng mà phản ứng lại, ý thức chống Mỹ bắt đầu phát triển trong quân đội. Do đó Mỹ - Diệm không thể hô hào Bắc tiến, phải nói đến thống nhất bằng phương pháp hòa bình. Đó là một thắng lợi của phong trào miền Nam trong cuộc đấu tranh chống chính sách hiếu chiến, bảo vệ hòa bình cho cả nước, bảo vệ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

e) Sự suy sụp của nền kinh tế miền Nam dưới chế độ Mỹ - Diệm

1- Viện trợ Mỹ phá hoại nền sản xuất của miền Nam

Viện trợ Mỹ chẳng những phục vụ cho âm mưu quân sự và chính trị của chúng mà trước mắt còn là biện pháp tiêu thụ hàng hoá ồ ạt của Mỹ. Viện trợ đó về tính chất là viện trợ quân sự, đưa vào miền Nam theo con đường "thương mại hoá" nghĩa là viện trợ một phần rất nhỏ bằng ngoại tệ còn phần lớn viện trợ bằng hàng hoá. Chính quyền miền Nam bán số hàng hoá đó ở thị trường miền Nam thu tiền miền Nam chi tiêu cho quân sự dưới sự kiểm soát của Mỹ. Như thế Diệm chỉ có tiền khi bán được hàng Mỹ.

Tỷ lệ hàng hoá nhập vào miền Nam trong khuôn khổ "viện trợ thương mại hoá" đó chiếm trên 80% tổng số viện trợ Mỹ hàng năm. Đại bộ phận hàng nhập của Mỹ lại là hàng tiêu dùng trong đó có nhiều loại miền Nam sản xuất được, thậm chí cả gạo, rau cải, trứng là những thứ miền Nam có thừa để xuất cảng.

Trong quan hệ buôn bán Mỹ buộc miền Nam phải hạ mức thuế nhập khẩu đảm bảo ưu tiên cho hàng Mỹ, phải để Mỹ kiểm soát cả nội, ngoại thương, kiểm soát các cơ quan tài chính và kinh doanh của chính quyền miền Nam.

Phái đoàn viện trợ Mỹ USOM đặt cơ quan ở Sài Gòn có bộ phận chuyên môn trong từng Nha, có chi nhánh ở các đô thị,

quyết định việc phân phối tiền và hàng viện trợ, kiểm soát chặt việc sử dụng các khoản viện trợ. Chính cơ quan này đã trực tiếp ký hợp đồng với các công ty Mỹ trong việc cho thuê các công cuộc xây dựng như làm đường, làm cầu, làm sân bay, v.v. ở miền Nam.

Công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam phá sản:

Hàng hoá Mỹ và khối Mỹ tràn vào thị trường miền Nam, cuối năm 1957 số hàng ngoại hoá ứ đọng chưa bán được lên tới 50 triệu đôla. Đến tháng 9-1958 tính riêng hàng vải nhập ứ đọng gần 37 triệu thước. Tình trạng đó làm cho sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp phá sản. Hơn 60% trong số 32.000 khung dệt ngừng sản xuất, ngành làm đường phá sản lồi theo sự phá sản của ngành trồng mía, các ngành kinh doanh khác đều gặp khó khăn.

Tình hình sản xuất công nghệ đình đốn dễ ra nạn thất nghiệp ngày càng trầm trọng, gây khó khăn ngày càng tăng cho đời sống của hàng chục vạn nhân dân lao động ở thành thị. Hiện nay số người thất nghiệp riêng ở Nam Bộ ước lượng đến trên nửa triệu.

Trước phản ứng rộng rãi của nhân dân, kể cả các tầng lớp tư sản, Mỹ - Diệm tuyên truyền chương trình phục hưng kinh tế kêu gọi tư bản tư nhân Mỹ đầu tư vào miền Nam để phát triển kỹ nghệ, dành cho tư bản Mỹ nhiều điều kiện thuận lợi. Nhưng chính sách của đế quốc Mỹ chủ yếu là sử dụng miền Nam cho âm mưu quân sự, tình hình kinh tế của chúng và tình hình chính trị ở nước ta làm cho chúng còn dè dặt, chưa có một kế hoạch đầu tư to lớn ở miền Nam. Việc đầu tư chỉ làm trong vài ngành nào đặc biệt có lợi trước mắt.

Nông nghiệp đình đốn:

Chính sách độc quyền kinh tế của Mỹ - Diệm, chính sách ép giá lúa, sự cạnh tranh của nông phẩm Mỹ cộng với tình hình không ổn định ở nông thôn làm cho nông nghiệp miền Nam chẳng những không phát triển được mà còn sa sút.

Nông nghiệp ở miền Nam vẫn chưa khôi phục được mức trước chiến tranh: 900.000 ha còn bỏ hoang, sản lượng lúa cao nhất mới đạt được 3.500.000 tấn so với 4 triệu tấn trước chiến tranh, bình quân nhân khẩu năm 1957 chỉ được 265 kg so với 681 kg trước chiến tranh, năng suất bình quân mỗi ha từ 11 đến 13 tạ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân có ý thức sản xuất tự cấp và tiết kiệm, nhưng vì nạn vỡ vét và khủng bố, bắt phu, bắt lính liên miên, việc làm ăn đình trệ lại bị mất mùa, nói chung đời sống nông dân khó khăn hơn hồi kháng chiến, hiện nay rải rác có nơi bị đói kém.

Cao su và cây công nghiệp khác phần lớn còn ở trong tay thực dân Pháp, Mỹ bắt đầu bỏ vốn chen vào. Số ít của tư sản Việt Nam vì vốn ít, sản xuất với phương tiện không tối tân bằng của Pháp nên chất lượng kém, giá thành cao, lại bị chèn ép trên thị trường quốc tế do cạnh tranh của cao su nhân tạo của Mỹ, Đức, Nhật nên không phát triển nổi, và có chiều đình đốn.

Trong thời gian qua Mỹ - Diệm ráo riết xây dựng các trung tâm định cư và các dinh điền, tạo chỗ dựa và dự trữ cho các căn cứ quân sự. Chúng ra vốn nhiều, cấp phương tiện cơ giới, tráng trợn đuổi nhà, đốt nhà, cướp đất, dồn dân, bắt phu, công việc còn đang tiến hành. Trừ Cái Sắn có sản xuất nhưng chưa đủ ăn, các nơi khác thì Mỹ - Diệm mới tập trung được người, nhưng một mặt khác nhân dân phản đối và trốn tránh vì khổ cực, bệnh hoạn và chết chóc.

3.1 Thương nghiệp và tài chính

Từ năm 1954 đến nay, tỷ lệ xuất cảng so với nhập tuy có nhích lên chút ít (18% năm 1954, 27% năm 1957, 24% năm 1958), nhưng chênh lệch giữa xuất, nhập còn rất xa.

Tạm tháng đầu năm 1958 nhập: 5 tỷ 407 triệu.

Xuất: 1 tỷ 319 triệu.

1. Tài liệu gốc không có mục 2 (B.T).

Tình hình nội thương trong lúc chiến tranh các ngành phục vụ cho chiến tranh có phát triển một phần. Sau khi Pháp rút bắt đầu suy sụp, hàng hoá Mỹ ứ đọng không bán được. Thị trường nội địa rối ren. Đồng bạc miền Nam sụt giá, tỷ lệ chính thức 1 đôla 35 đồng miền Nam, tỷ giá thị trường tự do do chính quyền miền Nam quy định lên xuống từ 75 đến 78 đồng, giá chợ đen thì lên trên 100 đồng. Chính sách độc quyền kinh tế của Mỹ - Diệm làm giàu cho gia đình họ Ngô và một số mại bản đầu cơ. Các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân lao động ở thành thị, làm ăn khó khăn, buôn bán ế ẩm, giá sinh hoạt tăng lên từ 100 đến 200%, sức mua của nhân dân theo báo cáo của Nguyễn Ngọc Thơ giảm 70%, đời sống ngày càng chật vật.

Ngân sách của miền Nam dành trên 70% cho quân sự và các khoản phục vụ trực tiếp cho quân sự trong lúc kinh tế và văn hoá chỉ được 8%. Để cung cấp cho một ngân sách như thế, Mỹ - Diệm có cả một kế hoạch cướp bóc, vơ vét đồng bào bằng tăng thuế, tăng phạt vạ và nhiều hình thức khác, nhất là từ 1957 lại đây phần viện trợ Mỹ cho ngân sách hàng năm bị rút bớt.

Ngoài các sắc thuế chung, các địa phương, thành phố có thể tùy tiện đặt nhiều loại thuế khác, có những thứ thuế rất kỳ quái để thu vào quỹ riêng của tỉnh, của địa phương. Chúng còn bày nhiều thứ lạc quyền, xô số (số kiến thiết trước một tháng xô một lần, sau này mỗi tuần một lần), tổ chức hội chợ để thu tiền. Ở nông thôn việc bắt đi làm xâu đắp đường cũng là hình thức bóc lột nhân công, phổ biến. Mặc dù vơ vét như thế, thu chi của chúng không thể nào thăng bằng được vì chi phí bộ máy ăn bám quá lớn lao, chúng không có biện pháp nào khác hơn là tiếp tục tăng thuế vơ vét nhân dân nhất là nhân dân lao động làm ăn đã khó khăn mà ngày càng phải chịu chống chọi nhiều thứ đóng góp nặng nề.

4- Thế lực của tư bản Pháp, Hoa kiều

Tuy Mỹ - Diệm gạt dần Pháp ra khỏi miền Nam nhưng với nền kinh tế thực dân lâu đời ở nước ta, Pháp vẫn còn nắm những

vị trí kinh tế quan trọng ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế miền Nam. Số vốn kinh doanh thương mại của Pháp ở miền Nam ước lượng từ 200 đến 300 tỷ quan, hàng năm Pháp đóng 80% thuế kinh doanh, vị trí của Pháp trong việc buôn bán với miền Nam tuy sụt dần nhưng vẫn còn quan trọng (sau Mỹ, Nhật).

Cơ sở sản xuất của Pháp ở miền Nam hiện còn: ruộng lúa 200.000 ha trong số 400.000 ha trước kháng chiến; trà, cà phê 6.000 ha chiếm 50% diện tích và sản xuất của miền Nam; cao su 63.000 ha, tháng 7-1956 chiếm 88% số xuất cảng. Về công nghiệp còn nhà máy điện nước, nhà máy gạo, hãng bia, đá, hãng rượu Bình Tây, hàng hoá chất, dệt bố, thủy tinh, diêm, v.v. Pháp cũng còn một số cơ sở giao thông vận tải xe hơi và đường sông.

Chính sách Mỹ - Diệm là vừa gạt Pháp dần, bắt kinh tế Pháp ở miền Nam phụ thuộc vào Mỹ, vừa lợi dụng kinh tế Pháp để ổn định tình hình kinh tế miền Nam, đồng thời nắm chỗ yếu của Pháp, dùng Pháp phá hoại Hiệp nghị Giơnevơ.

Đối với tư bản Hoa kiều, chính quyền Diệm dùng thủ đoạn cấm 11 nghề một mặt để mị dân, một mặt nhằm tước đoạt một số quyền lợi kinh tế đưa về cho phe cánh Diệm. Nhưng thực tế chúng không đạt được kết quả mấy, một số cơ sở Hoa kiều trả môn bài, chuyển vốn gây thêm khó khăn cho chúng.

5- Kinh tế miền Nam là một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lệ thuộc vào chính sách kinh tế chuẩn bị chiến tranh của Mỹ nên đi vào con đường bế tắc.

Tình trạng bế tắc về kinh tế đưa đến những hỗn loạn về mặt xã hội. Nạn thất nghiệp hiện nay trầm trọng. Các tệ hại xã hội khác như trộm cướp, cao bồi, bắt cóc, lừa đảo, mại dâm, giết người, tự sát xảy ra ngày càng nhiều.

Để lừa bịp, Mỹ - Diệm phải tuyên truyền "chương trình phục hưng kinh tế", rồi đến "kế hoạch kinh tế 5 năm", nhưng nhân dân miền Nam ngày càng khó khăn trong công ăn việc

làm, khó khăn trong đời sống càng ngày càng nhận rõ nguyên nhân của tình hình bế tắc đó. Phong trào đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế ngày càng rộng rãi, bao hàm một nội dung chính trị rất sâu sắc là chống can thiệp Mỹ, chống chính sách lệ thuộc Mỹ của chính quyền miền Nam.

II- TÍNH CHẤT CỦA CHÍNH QUYỀN MIỀN NAM VÀ THỂ LỰC CỦA MỸ - DIỆM HIỆN NAY

a) Tính chất của chính quyền miền Nam

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, phe xã hội chủ nghĩa lớn mạnh và phát triển nhanh chóng, phong trào dân tộc chủ nghĩa của các dân tộc thuộc địa và chậm tiến ở Á - Phi và trung Nam Mỹ vùng lên làm tan rã chủ nghĩa thực dân không gì ngăn cản nổi, phong trào hòa bình lớn mạnh hơn bao giờ hết. Đó là những sự kiện vô cùng lớn lao trong tình hình quốc tế ngày nay.

Đế quốc chủ nghĩa không thể duy trì nền thống trị của chúng trên các thuộc địa dưới hình thức cổ điển đã bị nhân dân toàn thế giới lên án. Chúng phải đưa ra một hình thức thuộc địa trá hình để lừa bịp và làm dịu sức đấu tranh của quần chúng, chia rẽ các lực lượng phản đế ở các thuộc địa. Chúng khoác cho các nước đó một hình thức quốc gia độc lập giả hiệu để duy trì trên thực tế quyền lực của chúng bằng cách nắm độc quyền kinh tế, khống chế về quân sự và chính trị.

Ở miền Nam hiện nay, tuy đế quốc Mỹ không có quân đội và bộ máy cai trị như Pháp trước đây, nhưng chúng thực sự điều khiển mọi mặt hoạt động của chính quyền miền Nam: quân sự, kinh tế và chính trị. Miền Nam hiện nay rõ là một thuộc địa (kiểu mới) của đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ đang ra sức xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự, một tiền đồn của phe đế quốc ở Đông Nam Á để một mặt đối phó với phong trào độc lập dân tộc trong khu vực này, mặt khác gắn liền với các căn cứ

quân sự khác của Mỹ ở Thái Bình Dương, hình thành một thế bao vây miền Bắc nước ta và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, để chống phe xã hội chủ nghĩa.

Để duy trì và củng cố sự thống trị của chúng ở miền Nam, đế quốc Mỹ dựa vào bọn phong kiến quan liêu phản động nhất và nhóm tư sản mại bản thân Mỹ mà gia đình Ngô Đình Diệm là tiêu biểu.

Như vậy, chính quyền miền Nam là một chính quyền đế quốc xâm lược và phong kiến độc tài hiếu chiến.

- Nó là đế quốc xâm lược vì đế quốc Mỹ là tên trùm đế quốc xâm lược và gây chiến.

- Nó là phong kiến vì bản chất lệ thuộc bán nước của nó là bản chất của giai cấp thoái bộ nhất, phản động nhất trong xã hội ta hiện nay.

- Nó là *hiếu chiến* vì ý đồ của nó là muốn thống trị cả nước ta, nhưng vì bản chất phản động, phi nghĩa của nó, bị nhân dân cả nước phản đối và chống lại, cho nên nó âm mưu gây chiến tranh chống lại chính sách hòa bình và chính nghĩa của nhân dân ta.

- Nó là *độc tài phát xít* vì chính quyền đó mọc ra trong lúc dân tộc ta kháng chiến thắng lợi, phong trào độc lập dân tộc và hòa bình dân chủ ở Đông Nam Á lên cao, bộ mặt bán nước phản dân của nó quá rõ rệt nên bị quảng đại nhân dân thù ghét. Bản chất phi nghĩa của nó buộc nó phải dựa vào lực lượng vũ trang, dựa vào chính sách bạo lực tàn khốc, phải thi hành độc tài phát xít để tồn tại. Nhưng chế độ phát xít Mỹ - Diệm ở miền Nam có khác với các chế độ phát xít ở nơi khác. Phát xít Hítler, phát xít Nhật còn có cơ sở quần chúng nhất định, nên lừa gạt được quần chúng, nhồi sọ được hàng chục vạn thanh niên làm công cụ thi hành chính sách phát xít của chúng. Còn Mỹ - Diệm thì cơ sở xã hội rất hẹp, chỉ dựa vào bọn phong kiến và tư sản mại bản phản động nhất, một số con cái địa chủ bị ta đánh đổ trong cải cách

ruộng đất có thù hằn sâu sắc với ta, một số lưu manh côn đồ và một ít đầu hàng phản bội. Do đó Mỹ - Diệm rất muốn thực hiện một chế độ độc tài phát xít, như một số nước khác, nhưng vì cơ sở xã hội và ảnh hưởng chính trị của chúng rất hẹp, cho nên chúng chỉ có thể thi hành một số chính sách và biện pháp tàn bạo, hung ác chứ không có đủ thực lực trong nhân dân để thực hiện hết ý đồ phát xít của chúng.

b) Đánh giá thế lực của Mỹ - Diệm ở miền Nam hiện nay như thế nào?

Sau khi Mỹ - Diệm dẹp được các giáo phái, chúng thống nhất quân đội, ráo riết tăng cường quân lực và bộ máy công an mật thám, nắm lấy bộ máy chính quyền từ trên xuống; như thế, chính quyền Mỹ - Diệm có được vững vàng hơn, và đứng về một phương diện nào đó, chính quyền Mỹ - Diệm có được củng cố hơn.

Nhưng với một chính sách độc tài phát xít, gia đình trị, quá trình củng cố chính quyền đó lại gây ra trong bản thân nó những mâu thuẫn tất yếu ngày càng gay gắt, làm cho nó không ổn định để rồi càng suy yếu hơn.

Các mâu thuẫn đó là:

- *Bọn địa chủ phản động và tư sản mại bản quan liêu thân Mỹ có địa vị trong chính quyền như bọn Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Văn Lắm, Vũ Văn Mẫu, Bùi Văn Thịnh không có thực quyền, bất mãn với chính sách gia đình trị của Diệm. Những tướng tá không ăn cánh với Diệm, hay bị nghi ngờ đều bị thay đổi công tác hoặc bị loại ra khỏi quân đội bằng cách đưa đi nước ngoài, làm cho số tướng tá đương chức cũng như nhân viên cao cấp trong chính quyền luôn luôn có sự nghi kỵ và chia rẽ.*

- *Giữa Diệm và các tay sai khác của Mỹ như Phan Quang Đán, Trần Chánh Thành tranh giành thế lực với Diệm, mà Diệm thì tìm đủ mọi cách không cho bọn này gây thế lực.*

- *Giữa Mỹ và Diệm, vì chính sách cá nhân gia đình trị của Diệm không làm vừa lòng đế quốc Mỹ muốn có một tập đoàn thống trị theo tính chất giai cấp như kiểu Mỹ.*

- *Giữa hành chính, quân đội và công an, nhất là giữa quân đội và công an tranh giành quyền hành, có khi công khai xung đột bằng vũ khí.*

Tình hình trên chưa phải là chỗ yếu căn bản của chính quyền Mỹ - Diệm, chỗ yếu căn bản là vì chúng thất bại về chính trị và ngày càng bị cô lập:

- Từ năm 1954 Mỹ - Diệm cố động cho chính sách hiếu chiến, tuyên truyền "Bác tiến", "lấp sông Bến Hải", v.v. nhưng bị quần chúng phản đối, binh lính thì lo sợ, không đồng tình. Chúng bắt buộc phải bỏ khẩu hiệu Bác tiến, phải nói đến thống nhất bằng phương pháp hòa bình.

Chúng dùng chính sách khủng bố, đàn áp trắng trợn để làm cho nhân dân khiếp sợ phải khuất phục chúng, để đập tan uy thế của kháng chiến và xóa bỏ danh nghĩa kháng chiến của nhân dân. Nhưng chúng thất bại, chúng buộc phải nói kháng chiến là yêu nước. Không những chúng không đàn áp được ý chí hòa bình thống nhất, độc lập và dân chủ của nhân dân ta mà trái lại các lực lượng yêu nước đều chống lại chúng ngày càng rộng rãi hơn. Ảnh hưởng của Đảng nói chung không bị giảm sút mà nhiều nơi ở Nam Bộ và Thượng du Liên khu V càng được lan rộng hơn, vững vàng hơn. Ngay ở những nơi Mỹ - Diệm có thể mua chuộc được bọn tay sai, chia rẽ và đàn áp khốc liệt, uy thế của quần chúng tạm bị sa sút, nhưng nhân dân sống trong cam hờn chờ có cơ hội là tập hợp lại và đấu tranh.

- Chúng định lừa bịp quần chúng với cái vỏ độc lập quốc gia giả hiệu, tự cho chúng là cách mạng quốc gia, hô hào "thăng tiến cần lao", "bày trò cải cách điền địa. Với tất cả những thủ đoạn đó, chúng muốn tranh về chúng ngọn cờ dân tộc mà Đảng ta đã nêu cao từ mấy mươi năm nay, nhưng Mỹ - Diệm cũng

thất bại vì những hành động bán giết, khủng bố hàng ngày đã vạch trần bộ mặt tàn bạo của chúng, cho nên chúng không thể nào che giấu được bản chất bán nước hại dân của chúng. Dưới con mắt của quần chúng, rõ ràng chúng là kẻ thù địch, điều đó quần chúng không thể nào làm lẩn được. Bọn chúng đang sống và làm giàu trên căm hờn của hàng triệu nhân dân lao động, trên sự bức tức, sự bất bình của các tầng lớp nhân dân.

Chính đó là chỗ yếu căn bản của Mỹ - Diệm. Bọn đế quốc ca tụng sự trưởng thành và cái gọi là "phồn vinh" của chế độ miền Nam, nhưng chúng không thể che giấu được sự lo ngại của chúng, vì đó là một sự phồn vinh giả tạo chứa đầy mâu thuẫn trong bản thân của nó để rồi suy sụp nặng nề hơn không thể tránh khỏi.

Nếu so sánh thực lực của Mỹ - Diệm ở miền Nam hiện nay với thực lực của đế quốc và phong kiến Pháp - Bảo Đại trong lúc kháng chiến thì ta thấy rằng: một mặt đế quốc Mỹ là tên trùm đế quốc nhiều lần mạnh hơn đế quốc Pháp, có khả năng xâm lược hơn Pháp, nhưng mặt khác trong tình hình hiện nay chúng không thể tráng trợn đưa quân đội Mỹ đến chiếm đóng miền Nam mà phải dùng một số cố vấn nắm quân đội miền Nam. Cho nên thực lực của Mỹ - Diệm ở miền Nam không mạnh hơn Pháp, Bảo Đại trước đây vì quân đội viễn chinh Pháp là một quân đội xây dựng với một ý thức quân đội của một cường quốc đi xâm lược, còn quân đội miền Nam mặc dù Mỹ ráo riết huấn luyện kỹ thuật, cố gắng "tác động tinh thần" nhằm biến nó thành một quân đội hiếu chiến có ý thức xâm lược nhưng trong hoàn cảnh lịch sử nước ta ngày nay, với thành phần binh lính là người Việt Nam, quân đội đó không thể trở thành một công cụ xâm lược đắc lực của đế quốc Mỹ. Phong trào dân tộc dân chủ trên thế giới, phong trào quần chúng rộng rãi trong nước đấu tranh chống Mỹ - Diệm, đòi hòa bình thống nhất, đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh hàng ngày tác động đến họ làm cho tinh

thần và tư tưởng họ chuyển biến bất lợi cho bọn xâm lược Mỹ. Đó là chỗ khác biệt giữa miền Nam và các căn cứ quân sự khác của Mỹ như ở Phi Luật Tân¹, Nam Triều Tiên, vì ở những nơi này chúng có quân đội Mỹ chiếm đóng và có thể hợp pháp tăng viện khi cần thiết để tiếp tay với chính quyền bù nhìn đàn áp phong trào cách mạng.

Từ các nhận định trên, chính quyền Mỹ - Diệm ở miền Nam về mặt chính trị căn bản là yếu. Nhưng vì sao mấy năm nay nó vẫn tồn tại? Nó tồn tại là vì sau đình chiến ta tập kết lực lượng vũ trang của ta ra miền Bắc, như vậy là tương quan lực lượng giữa ta và địch, địch hơn ta ở miền Nam. Trong khi ấy ta có miền Bắc hoàn toàn giải phóng để xây dựng thành căn cứ cách mạng vững chắc và rộng lớn để tiếp tục sự nghiệp cách mạng của toàn dân ta.

Lực lượng Mỹ - Diệm là dựa vào quân sự, lấy quân sự tấn công ta, đàn áp để tiêu diệt phong trào miền Nam. Còn ta thì từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị. Như thế nghĩa là ta hạ thấp hình thức đấu tranh, từ thế công chuyển sang thế thủ. Mặc dù trong đấu tranh chính trị ở miền Nam, từng lúc, từng nơi và từng phần ta có tấn công chúng, nhưng đó cũng chỉ là tấn công trong thế thủ chung. Trong tình hình ấy, ta dùng lực lượng chính trị của quần chúng, địch dùng vũ lực, đứng về thế hiện nay mà nói, lực lượng chính trị của ta chưa có thể biến ngay thành sức mạnh vật chất để chọi lại chúng và đánh đổ chúng. Vì thế mà chính quyền Mỹ - Diệm đến nay vẫn tồn tại và còn giữ được địa vị thống trị của chúng. Nhưng chúng không thể tồn tại mãi mãi khi quần chúng đoàn kết đứng lên và quyết tâm đánh đổ chúng.

Phân tích tính chất của chính quyền miền Nam và đánh giá thế lực của Mỹ ở miền Nam là để nhận rõ đối tượng của

1. Phi Luật Tân: Philippin (B.T).

cách mạng và khả năng tiến lên của phong trào cách mạng miền Nam.

Đối tượng của cách mạng miền Nam là đế quốc và phong kiến. Kẻ thù cụ thể trước mắt là đế quốc Mỹ và tay sai Ngô Đình Diệm.

Thế lực của đế quốc Mỹ ngày nay trên thế giới ngày càng sa sút, thế lực của chúng ở miền Nam căn bản không phải mạnh. Tình hình ngày càng biến chuyển bất lợi cho chúng, có lợi cho ta. Việc xây dựng thực lực của chúng ta trong quân chúng và trong quân đội miền Nam sẽ là những cơ sở căn bản đảm bảo cho chúng ta giành lấy thắng lợi cuối cùng.

III. TÌNH HÌNH BIẾN CHUYỂN CÁC GIAI CẤP Ở MIỀN NAM

Dân tộc ta đã chịu ách đô hộ của đế quốc thực dân gần một thế kỷ. Trong suốt thời gian đó luôn luôn có những cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta và đế quốc thực dân rất sâu sắc.

Nhân dân miền Nam đã cùng nhân dân toàn quốc làm Cách mạng Tháng Tám thành công và đã trải qua hơn chín năm kháng chiến chống đế quốc rất anh dũng, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Trong kháng chiến, nhân dân miền Nam đã đem xương máu ra xây dựng chế độ dân chủ nhân dân và đã được hưởng những quyền lợi kinh tế, chính trị và văn hoá xã hội mà chế độ đó đem lại. Vì vậy đến nay, nhân dân miền Nam vẫn nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Chính phủ của mình. Nhân dân miền Nam được rèn luyện về chính trị trong quá trình kháng chiến, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng và nhận rõ tiền đồ của cách mạng.

Việc tập kết chuyển quân được tiến hành giữa lúc ở chiến trường chính và cả ở các chiến trường miền Nam đang thắng lợi

lớn về mặt chính trị và quân sự, nhân dân đang trong khí thế chiến thắng đế quốc thực dân.

Sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào miền Nam đã đẩy lùi xã hội miền Nam từ một chế độ dân chủ nhân dân đang tiến lên trở lại một chế độ thuộc địa với một chính quyền đế quốc phong kiến độc tài phát xít tàn bạo. Điều đó làm nổi bật mâu thuẫn sâu sắc giữa một bên là dân tộc Việt Nam vùng lên giành lại độc lập và dân chủ trong cả nước còn một bên là đế quốc Mỹ và bọn tay sai cướp nước và bán nước. Đó là đặc điểm hết sức quan trọng chi phối thái độ chính trị của các giai cấp ở miền Nam.

Từ hòa bình đến nay việc xây dựng miền Bắc hoàn toàn giải phóng đã đem lại những thắng lợi chưa từng có trên đất nước ta, sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa và sự phát triển của phong trào độc lập dân chủ trên thế giới là những yếu tố mới tác động hằng ngày vào tình hình miền Nam, ảnh hưởng đến thái độ của các giai cấp đối với cách mạng.

1. Về giai cấp địa chủ

Lúc hòa bình lập lại, ý thức chung của giai cấp địa chủ là dựa vào chính quyền Mỹ - Diệm để phục hồi địa vị và quyền lợi kinh tế chính trị đã bị tổn thất trong kháng chiến. Nhưng trên tương quan lực lượng giữa phong trào cách mạng và chủ nghĩa đế quốc thực dân trên thế giới và trong nước hiện nay, họ chưa tin tưởng ở tương lai của chính quyền Mỹ - Diệm. Chính sách cải cách điền địa mị dân, chính sách thuế điền thổ, chính sách độc quyền lúa gạo, đim giá lúa của Mỹ - Diệm đã đụng chạm đến quyền lợi của họ, việc Mỹ - Diệm đã kích vào bọn thân Pháp trong số đó hầu hết là đại địa chủ đã làm cho họ không thoả mãn. Thêm vào đó, nông dân vẫn tiếp tục đấu tranh để bảo vệ các quyền lợi về ruộng đất.

Do các yếu tố ấy, đại bộ phận giai cấp địa chủ có thái độ lưỡng chủng. Tình hình đã diễn ra như sau: lúc chính quyền ta

mới rút đi, một số địa chủ dựa vào chính quyền Mỹ - Diệm hống hách trở về hăm dọa đòi đất, đòi tô, v.v. nhưng chúng đụng phải sức phản ứng mạnh của nông dân, một số tên bị nông dân dùng vũ lực đối phó lại. Qua các phong trào đấu tranh chính trị lớn: đòi hiệp thương, chống trưng cầu dân ý, chống bầu cử quốc hội bù nhìn, uy thế chính trị của quân chúng làm cho chúng phải dè dặt.

Mặt khác nông dân đối với họ cũng có nhân nhượng: đối với đất tạm cấp, nông dân không đòi giữ quyền sở hữu, chỉ đòi giữ nguyên canh với mức tô trong kháng chiến. Điều đó làm cho địa chủ bớt găng với nông dân. Khuynh hướng chung là tìm cách thương lượng với nông dân để thu được tô ít nhiều, rồi dần dần tìm cách tăng tô lên.

Hiện nay đại thể có ba loại địa chủ:

a) Một số ít phản động ngoan cố dựa hẳn vào thế lực Mỹ - Diệm để bóc lột đàn áp nông dân, ngoài số ra mặt phản động, còn có số bề ngoài tỏ thái độ êm dịu với nông dân nhưng bí mật điếm chỉ bắt bớ cơ sở cách mạng. Số địa chủ phản động ngoan cố không nhất thiết là địa chủ lớn, có một số địa chủ nhỏ nắm lều lái chính quyền xã, liên xã, dựa vào đó di cướp bóc, tống tiền, cướp của, cướp đất nên gắn bó với chế độ Mỹ - Diệm. Số này nổi lên ở những nơi phong trào ta yếu như nhiều vùng ở Liên khu V có thể hình thành một tầng lớp địa chủ quan liêu mới làm chỗ dựa đắc lực cho Mỹ - Diệm ở nông thôn.

Ngoài số này ra, còn có số địa chủ di cư và con cái chúng bị ta đánh đổ ở miền Bắc có thù hằn sâu sắc với ta. Nhưng vào Nam chúng chưa có cơ sở ruộng đất, đang biến thành một bọn lưu manh làm tay chân đắc lực cho chính quyền Mỹ - Diệm đàn áp quần chúng.

b) Số đông thuộc hạng lưng chừng, không găng với nông dân, ít nhiều có thái độ thương lượng với nông dân để khôi phục quyền lợi. Trong hạng này cũng có nhiều địa chủ lớn... ở Liên

khu V đến nay còn lờ, chưa đòi đất lại (đất dā tạm cấp). Hạng này không theo Mỹ - Diệm nhưng không muốn thống nhất.

c) Số ít địa chủ yêu nước trước đây hiến điền tham gia kháng chiến ít nhiều, có con em đi tập kết, đối với nông dân có thái độ thoả thuận, thu tô một phần nào. Họ tán thành thống nhất nhưng sợ đấu tố.

Trong hạng này có những nhân sĩ tiến bộ, có màu sắc tư sản dân tộc, có tinh thần chống Mỹ, muốn nước nhà được độc lập.

Nói chung, với sự củng cố chính quyền Mỹ - Diệm ở địa phương, số địa chủ phản động có phần tăng lên so với khi hòa bình mới lập lại, nhất là ở những vùng phong trào ta yếu.

Nhưng hiện nay ở nông thôn mâu thuẫn giữa nhân dân với bọn tay chân trong chính quyền Mỹ - Diệm là gay gắt, còn giữa nông dân và địa chủ từng nơi có thể không căng thẳng. Với sách lược hiện nay là: đoàn kết bản cổ trung nông, liên hiệp với phú nông, lôi kéo những phần tử địa chủ muốn chống Mỹ, trung lập bộ phận lưng chừng, cô lập bọn địa chủ ngoan cố, đánh bại tư tưởng chính trị làm tay sai cho Mỹ - Diệm ở nông thôn, ta có khả năng trung lập hoá một bộ phận lớn trong giai cấp địa chủ.

2. Về giai cấp tư sản

Trong cả thời kỳ Pháp thuộc, chính sách thực dân chèn ép của thực dân Pháp làm cho giai cấp tư sản Việt Nam không ngóc đầu được. Trong thời kỳ kháng chiến, nhờ chạy theo nhu cầu của quân đội viễn chinh, một số tiểu công nghệ cơ khí hoá ít nhiều có phát triển khá, thương nghiệp cũng có phát triển, giai cấp tư sản làm ăn phát đạt hơn trước, sản xuất và kinh doanh có được mở rộng hơn. Nhưng sau hòa bình, khi quân đội Pháp rút khỏi miền Nam, nhiều ngành phải đình đốn, suy sụp hoặc chuyển hướng một cách khó khăn. Một số xí nghiệp Pháp bị Mỹ - Diệm chèn ép đóng cửa, kéo theo một số tư sản miền Nam phụ thuộc vào họ. Tuy vậy, họ vẫn hy vọng rằng, không còn sự dè ép

của Pháp, chính quyền Mỹ - Diệm sẽ giúp đỡ họ mở rộng và phát triển kinh doanh và họ cũng có thể có cương vị của họ trong xã hội miền Nam và trong chính quyền miền Nam. Nhưng tình hình thực tế đã diễn ra không đúng với mơ ước của họ làm cho phần đông ngày càng thất vọng. Chính sách độc quyền kinh tế của Mỹ chỉ làm giàu cho một số ít tư sản mại bản lớn trong phe cánh họ hàng của Diệm. Số tư sản miền Bắc chạy vào Nam lúc đầu được Mỹ - Diệm nâng đỡ, cho nhiều đặc quyền nhưng dần dần họ không được hưởng nhiều chế độ ưu đãi ấy nữa, nên họ cũng không thoát được cảnh bẽ tắc chung của tư sản miền Nam. Các ngành công thương nghiệp ngày càng đình đốn, một số phá sản. Chính sách gia đình trị của Diệm cũng không cho họ có địa vị gì trong chính quyền, chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm chạm đến ý thức dân tộc ít nhiều của họ.

Trước tình hình kinh doanh khó khăn, một số chạy hùn vốn với tư sản ngoại quốc, nhưng một số tư sản dân tộc vẫn tự lực làm ăn hoặc tập hợp lại kinh doanh. Họ tổ chức ra Liên đoàn công kỹ nghệ và Việt Nam công thương hội.

Tình hình trên đây làm cho giai cấp tư sản miền Nam bất mãn chế độ Mỹ - Diệm. Phong trào đấu tranh rộng rãi của công nông miền Nam hằng ngày, lần lần ảnh hưởng đến họ. Họ thấy nguy cơ của viện trợ Mỹ, nhưng bản chất của họ là cải lương, phản ứng của họ đối với Mỹ - Diệm (phong trào bảo vệ nội hoá, giảm thuế, phân phối ngoại tệ, v.v.) là do động cơ về quyền lợi kinh tế chứ chưa phải do ý thức chính trị rõ ràng của giai cấp họ.

Đối với miền Bắc, họ thấy rõ khả năng tiến lên của chúng ta nhưng họ sợ cách mạng xã hội chủ nghĩa tước đoạt tài sản, quyền lợi của họ cho nên họ muốn hòa bình, độc lập dân tộc, nhưng không muốn thống nhất ngay. Ngọn cờ hòa bình trung lập có khả năng tập hợp giai cấp tư sản thành một lực lượng

chống Mỹ. Con đường biến chuyển đó của giai cấp tư sản có lợi cho ta. Cho nên dựa vào phong trào công nông và các tầng lớp lao động khác, với một hình thức mặt trận thích hợp với các tầng lớp tư sản dân tộc, ta có khả năng tập hợp một mặt trận thật rộng rãi ở miền Nam.

Trong số tư sản mại bản và địa chủ phong kiến thân Pháp trước đây, hiện nay cũng có một số đáng kể còn muốn dựa vào Pháp, đại biểu cho họ là lực lượng chính trị thân Pháp trong đó có những tên như Trần Văn Hữu, Nguyễn Phan Long, Nguyễn Xuân Chử, Trần Văn Lý, Nguyễn Mạnh Hà, v.v. có hoạt động ít nhiều ở miền Nam và ở Pháp. Họ chống Mỹ - Diệm và căn bản cũng chống ta, nhưng muốn "lợi dụng" ta để gây ảnh hưởng và thế lực. Chính sách của ta là lợi dụng mâu thuẫn của họ với Mỹ - Diệm làm mặt trận với họ để tập trung lực lượng chống Mỹ - Diệm, nhưng đấu tranh về mặt lương chũng và chống cộng của họ.

3. Giai cấp tiểu tư sản thành thị

Giai cấp tiểu tư sản thành thị ở miền Nam là một lực lượng tương đối đông. Sự bẽ tắc của nền kinh tế miền Nam làm cho đời sống họ khó khăn hơn trước, công việc làm ăn bấp bênh. Họ có tinh thần dân tộc khá, chống chế độ nô dịch và thối nát của Mỹ - Diệm. Trong từng lúc, họ tham gia phong trào khá rộng rãi như phong trào hòa bình, phong trào cứu tế nạn nhân.

Họ có cảm tình với cách mạng, thấy được chính nghĩa, sức mạnh của ta, nhưng còn sợ chế độ ta khát khe, sợ mất tự do, sợ sống khắc khổ, sợ ta quá chú trọng công nông. Họ có ý thức chính trị, quan tâm đến thời cuộc hơn những tầng lớp tư sản, nhưng họ chưa tin tưởng ở nhân dân, chưa tin ở bản thân họ; trước tình hình khó khăn và phức tạp, một bộ phận khá lớn tỏ ra tiêu cực hoang mang chờ đợi như đứng ở ngã ba đường.

Nông dân:

Nông dân chiếm 3/4 dân số ở miền Nam, là lớp người được nhiều quyền lợi trong kháng chiến và cũng đóng góp nhiều nhất cho kháng chiến (ở Nam Bộ ta đã tạm cấp 320.000 ha cho bản cố nông, mức tô trong vùng tự do được giảm theo quy định của Chính phủ Trung ương, có nơi nông dân đấu tranh hạ thấp hơn). Nông dân miền Nam do đó giác ngộ về quyền lợi giai cấp của họ và quyết tâm đi với cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Chính sách khủng bố tàn khốc của Mỹ - Diệm, nạn cướp bóc, vơ vét thuế má nặng nề, bắt phu bắt lính cộng với việc địa chủ tìm cách lấy đất, tăng tô, làm cho tình hình nông thôn càng thảng, không thể ổn định. Nói chung đời sống của nông dân hiện nay khó khăn hơn hồi kháng chiến. Ngay như ở Nam Bộ hiện nay có một số vùng bị nạn đói kém. Những nơi phong trào sút kém như trung châu Liên khu V, đời sống nông dân nhất là bản cố nông rất khó khăn. Không sống nổi ở địa phương, một số ra thành thị tìm việc làm ăn, hàng mấy vạn người bị bắt đưa đi Tây Nguyên làm phu ở các dinh điền của Mỹ - Diệm. Các gia đình cán bộ thoát ly và tập kết bị bao vây khủng bố, đời sống rất khốn khổ.

Chính sách khủng bố, đàn áp, bóc lột của Mỹ - Diệm làm cho nông dân miền Nam càng thiết tha với chế độ dân chủ nhân dân. Công cuộc cải cách ruộng đất và kiến thiết miền Bắc có ảnh hưởng sâu sắc đến họ và đã cổ vũ tinh thần đấu tranh của họ. Mỹ - Diệm cũng đưa ra cải cách điền địa mong lừa bịp, lôi kéo về chúng lực lượng nông dân, nhưng chúng đã thất bại, nông dân miền Nam tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, họ thấy chỉ có đi theo sự lãnh đạo của Đảng thì mới có thể thoát khỏi xiềng xích của đế quốc phong kiến, cho nên mấy năm qua mặc dầu bị khủng bố uy hiếp, phong trào đấu tranh ở nông thôn căn bản được giữ vững. Tuy nhiên, gặp lúc tình hình căng và nếu

Đảng lãnh đạo không kịp thời, thì một số khá đông sinh câu an, chờ đợi ngại đấu tranh với địch. Một số cũng khá đông nhất là thanh niên gặp lúc khó khăn muốn vũ trang chống lại địch, không tin tưởng ở đấu tranh chính trị.

Giai cấp công nhân và lao động nghèo thành thị:

Giai cấp công nhân miền Nam và lao động nghèo thành thị rất đông. Tình hình kinh tế bế tắc ở miền Nam làm cho đời sống của họ ngày càng bấp bênh, khổ cực: nạn thất nghiệp, khủng bố, đốt nhà, đuổi nhà, bắt phu, bắt lính, thiếu nước, thiếu đèn, đủ các thứ thuế, phạt vạ. Mấy năm qua mặc dầu Mỹ - Diệm dùng nhiều thủ đoạn lừa bịp, mua chuộc để chia rẽ lực lượng giai cấp công nhân, nhưng giai cấp công nhân và nhân dân lao động nghèo thành thị đều hướng về chế độ miền Bắc, ý thức chống Mỹ - Diệm và lực lượng đoàn kết đấu tranh càng ngày càng phát triển rộng rãi hơn lúc kháng chiến.

Trong mấy năm qua giai cấp công nhân miền Nam đã huy động lực lượng mình đứng lên kiên quyết đấu tranh. Có những cuộc đấu tranh gồm toàn ngành như ngành khuôn vác ở bến tàu, ngành đồn điền cao su và cà phê ở miền Nam, ngành vận tải như lái xe tắc xi và xích lô có hàng vạn công nhân tham gia. Họ là lực lượng đi đầu trong các cuộc biểu tình 1-5 năm 1957, 1958 ở miền Nam nêu cao khẩu hiệu hòa bình thống nhất cùng các khẩu hiệu về ruộng đất hỗ trợ cho nông dân, các khẩu hiệu về bảo vệ nội hoá hỗ trợ cho giai cấp tư sản dân tộc, v.v.. Đó là đặc điểm nổi nhất của tình hình giai cấp công nhân và lao động nghèo ở thành thị trong mấy năm sau hòa bình.

Nhưng vì trong kháng chiến, cơ sở của Đảng ở thành thị yếu, Đảng chưa có hoàn cảnh giáo dục họ rộng rãi và sâu sắc, cho nên mặc dù họ thiết tha yêu nước, tin tưởng ở Đảng, tin tưởng ở chế độ ta, nhưng trình độ chính trị và tổ chức nói chung chưa được nâng cao kịp với tình hình. Đó là nhược điểm lớn của phong trào thành thị hiện nay.

a) Tình hình các tôn giáo

Lực lượng các tôn giáo ở miền Nam là một lực lượng khá đông, bao gồm gần 2 triệu người. Thái độ chính trị của họ ngã về chế độ Mỹ - Diệm hay về ta có một ý nghĩa quan trọng.

Công giáo: Trước hòa bình tổng số đồng bào Công giáo chỉ khoảng 324.630, nay cộng thêm vào số đồng bào miền Bắc di cư vào có khoảng 711.714 (theo tài liệu của báo chí miền Nam).

Mấy năm qua Mỹ - Diệm cố gắng phát triển Công giáo để làm hậu thuẫn cho chúng. Chúng đạt được một số kết quả ở vài nơi ở Liên khu V; trong những vùng bị khủng bố nặng nề, có nhiều người vào Công giáo để tránh khủng bố; ở Nam Bộ cũng làm như thế, nhưng Công giáo không phát triển nổi.

Số Công giáo người miền Nam, nhất là ở Nam Bộ, trước đây đoàn kết tốt với đồng bào lương và tham gia kháng chiến, đến nay nói chung quan hệ tốt đó vẫn được duy trì. Những cha cố Công giáo di cư vào không lôi kéo được họ.

Công giáo di cư khi mới vào nói chung đều ủng hộ Diệm, tích cực chống ta. Nhưng Diệm không đem lại quyền lợi cho họ như đã hứa, trái lại hàng trăm ngàn bị thất nghiệp, họ bị bắt đi làm đồn điền, lên Tây Nguyên bị đốt nhà, cúp phụ cấp, đời sống rất cơ cực. Sự tranh giành giữa Ngô Đình Thục với các giám mục khác như Lê Hữu Từ, Phạm Ngọc Chi, Nguyễn Văn Hiến, sự tranh giành địa phận con chiên giữa linh mục di cư và địa phương làm cho nội bộ bọn cầm đầu Công giáo mâu thuẫn nhau. Số lớn Công giáo di cư bất mãn, thán oán chế độ Mỹ - Diệm và có xảy ra những cuộc đấu tranh khá mạnh mẽ như vụ chống ký kế ước ở Cái Sắn, chống đuổi nhà ở Sài Gòn...

Tình hình Công giáo di cư đối với Diệm tuy có lúc gượng, nhưng họ bị bưng bít nỗi sợ không hiểu chính sách của ta nên vẫn nghi ngờ ta và chống ta. Khả năng cộng tác của ta trong Công giáo di cư còn rất yếu trong các vùng tập trung di cư.

Hòa Hảo: Tín đồ Hòa Hảo đa số là nông dân, đông nhất ở vùng Long Xuyên, Châu Đốc (độ 500.000). Bộ đội Hòa Hảo trong kháng chiến theo Pháp đánh với ta. Đồng bào Hòa Hảo một thời gian cũng chống ta gay gắt về sau quan hệ với ta được cải thiện dần nhưng cơ sở của ta trong vùng Hòa Hảo còn rất ít.

Sau hòa bình, Diệm giải tán lực lượng quân sự của Hòa Hảo.

Bọn tướng cầm đầu bộ đội Hòa Hảo lần lượt đầu hàng Mỹ - Diệm (Lừa, Ngô, Ngoán, Ba Cụt), và quân đội của chúng cũng tan rã.

Một số đơn vị được ta giúp đỡ duy trì lực lượng chống lại Mỹ - Diệm. Bọn chỉ huy vừa dựa vào ta vừa sợ ta nắm bộ đội chúng nên lưng chừng, Mỹ - Diệm một mặt dùng quân sự tấn công tiêu diệt, mặt khác tìm cách mua chuộc bọn chỉ huy. Vì bản chất lưu manh, cướp bóc của bọn chỉ huy, không thể được nhân dân ủng hộ, nên phần lớn dần dần cũng đầu hàng Mỹ - Diệm. Nhưng chính sách đàn áp, cướp bóc của Mỹ - Diệm trong các vùng Hòa Hảo làm cho đồng bào Hòa Hảo thấy rõ bộ mặt bán nước và gian ác của chúng, và cùng với ta chống Mỹ - Diệm. Nhờ vậy mà ta có hoàn cảnh thanh toán những thành kiến cũ, và mở rộng cơ sở và mặt trận chống Mỹ - Diệm trong vùng Hòa Hảo, điều mà trong thời kỳ kháng chiến ta chưa làm được.

Cao Đài:

Cao Đài chia làm 12 phái với 70 vạn tín đồ, trong đó có bốn phái quan trọng:

- Phái Cao Đài Hậu Giang của cụ Cao Triều Phát tham gia kháng chiến, nay vẫn hăng hái tham gia phong trào chung.

- Phái Chính đạo ở Bến Tre, trong kháng chiến đứng trung lập, một số ít tham gia kháng chiến. Hòa bình trở lại họ gần gũi ta hơn. Mỹ - Diệm cố mua chuộc chức sắc nhưng không làm được, nên vu khống cho là Việt cộng và cấm hành đạo. Hầu hết tín đồ và chức sắc đều đoàn kết với nhân dân chống Mỹ - Diệm.

- Phái Tiên Thiên (3.000 tín đồ) bọn cầm đầu theo Mỹ - Diệm, nhưng bị quần chúng tín đồ chống lại.

- Phái Tây Ninh do Phạm Công Tác cầm đầu (30 vạn tín đồ) trong kháng chiến theo Pháp, tổ chức bộ đội, chiếm đóng vùng Toà thánh Tây Ninh chống lại ta, ý thức chống cộng gay gắt. Lúc mới hòa bình Mỹ - Diệm lợi dụng bộ đội Cao Đài tiêu diệt cơ sở của ta. Nhưng sau đó Mỹ - Diệm dẹp các giáo phái, quân đội Cao Đài bị bao vây và phân tán. Một số cầm đầu quân sự theo Mỹ - Diệm (Nguyễn Thành Phương) bao vây Toà thánh, giải tán các tổ chức chính trị, kinh tế. Phạm Công Tác phải chạy sang Miên. Diệm đưa Cao Hoài Sang thay thế Phạm Công Tác và để lừa gạt tín đồ Cao Đài, hai bên cam đoan: Cao Đài không làm chính trị, Diệm bảo đảm tự do tín ngưỡng.

Những chức sắc và tín đồ Cao Đài oán ghét Mỹ - Diệm vẫn tiếp tục hoạt động chính trị dưới sự điều khiển bí mật của Phạm Công Tác theo hướng hòa bình trung lập. Cũng như đồng bào Hòa Hảo, quần chúng tín đồ bên dưới ngày càng đoàn kết rộng rãi với ta đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Ở Liên khu V, nhất là Quảng Ngãi, cũng có những vùng Cao Đài trong kháng chiến có thù hằn với ta, sau hòa bình lập lại, lúc đầu tuyên truyền cho Diệm nhưng ngày càng chuyển sang chống Diệm và bị Diệm đàn áp. Họ có liên lạc với một số Cao Đài ở Bến Tre, Tây Ninh ra hoạt động về "Hoà bình chung sống". Thành kiến giữa quần chúng Cao Đài và quần chúng ngoài đạo cũng được giảm bớt nhiều so với trước.

Phật giáo:

Phật giáo có cơ sở từ lâu trong nhân dân. Trong lúc kháng chiến ở các vùng tạm chiếm Phật giáo có phát triển khá, tín đồ có khuynh hướng cầu an, nhưng nói chung quan hệ tốt đối với ta. Sau hòa bình ở Liên khu V trong những vùng địch khủng bố đàn áp nặng, các tổ chức Phật giáo tương đối ít bị uy hiếp, lại không có thái độ chính trị xấu nên quần chúng vào Phật giáo cũng khá đông, đồng bào ở vùng tự do cũ, một số đảng viên cũng vào Phật giáo. Do đó Phật giáo ở Liên khu V phát

triển, có những tổ chức tương trợ, hộ táng, lập thêm chùa, trường học, v.v.. Xu hướng của Phật giáo chống Mỹ - Diệm và tán thành thống nhất. Hầu hết các lãnh tụ ủng hộ ta, quần chúng tín đồ cùng nhân dân đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Lúc sau này địch khủng bố mạnh, phong trào chung khó khăn, những người cầm đầu trong đạo ở các địa phương nằm yên không biểu thị thái độ như trước, trong quần chúng tín đồ thì phát triển việc cầu nguyện, ăn chay làm lành. Họ có cảm tình với ta, và ta có khả năng tranh thủ họ chống Mỹ - Diệm, mặc dù họ có những hình thức tiêu cực.

b) Tình hình các dân tộc miền núi

Ở miền Nam đáng chú ý nhất là vùng dân tộc ít người Liên khu V từ miền tây Quảng Trị vào tới đông bắc Nam Bộ rộng bằng 2 phần 3 diện tích toàn miền Nam, trong đó riêng Tây Nguyên rộng 6 vạn cây số vuông có một vị trí chiến lược quan trọng đối với Đông Dương.

Đây là một vùng núi non và cao nguyên rộng lớn, địa thế hiểm trở, nguồn lợi thiên nhiên phong phú, có trên 20 dân tộc gồm gần 1 triệu người, sinh sống mỗi dân tộc trong một vùng, ít xen kẽ lẫn lộn với nhau, xã hội chưa phân hoá rõ rệt, đoàn kết giữa các tầng lớp trong một dân tộc chặt chẽ, các dân tộc đều có truyền thống tự vệ, chống ngoại xâm. Trong kháng chiến, với chính sách đoàn kết dân tộc đúng đắn với những thắng lợi quân sự giải phóng được một phần Tây Nguyên, ta đã gây được lòng tin tưởng sâu sắc của đồng bào Thượng đối với Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch.

Từ ngày hòa bình lập lại, địch âm mưu xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ quân sự vừa để tấn công, vừa để thoái thủ. Chúng dùng những thủ đoạn vừa khủng bố, vừa lừa bịp mua chuộc nhằm chia rẽ các dân tộc, chia rẽ giữa Đảng và quần chúng. Chúng tuyên truyền những khẩu hiệu: Kinh Thượng

binh quyền, Kinh Thượng đoàn kết, cải tiến xã hội, v.v.. Chúng bắt dồn các làng nhỏ về làng lớn, làng xa về gần cứ điểm quân sự, các đô thị, các đường giao thông để khống chế nhân dân, bóc lột nhân công, phá cơ sở cách mạng. Ở vùng giáp ranh trung châu, chúng liên tiếp càn quét trấn áp quần chúng để phá chỗ dựa của phong trào ở trung châu, để cắt đứt giữa Tây Nguyên và trung châu.

Mỹ - Diệm không giấu được bản chất xấu xa, tàn bạo của chế độ chúng. Ảnh hưởng của chúng ngay cả trong từng lớp trên người Thượng còn kém hơn Pháp trước đây nhiều. Hiện nay địch đã lập được chính quyền đến xã, áp gần khắp hết Tây Nguyên, chỉ còn độ 30 xã chưa có chính quyền, những nhân viên chính quyền ở thôn, xã phần lớn do ta nắm được, chịu sự lãnh đạo của cơ sở ta và có lúc họ tham gia cùng nhân dân đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Những nhân viên ở cấp tổng, huyện, tỉnh chịu ảnh hưởng chính sách dân tộc của ta bị tay chân của Diệm chèn ép khinh miệt nên ghét Mỹ - Diệm. Gần đây có một số cảm đấu phong trào chống Mỹ - Diệm đòi tự trị.

Bên cạnh người Thượng, còn có 18 vạn người Kinh. Vì địch đang dồn dân di cư ở trung châu lên lập các dinh điền, số người Kinh sẽ ngày càng tăng thêm nữa và trở thành một yếu tố mới làm cho tình hình chính trị ở Tây Nguyên thêm phức tạp.

Điều kiện địa thế và nhân dân hiện nay nói chung có nhiều thuận lợi cho ta nhưng tình hình cũng sẽ đưa lại những khó khăn mới. Việc xây dựng Tây Nguyên và cả miền núi Liên khu V đối với ta là vấn đề rất trọng yếu vì vừa là phá âm mưu xây dựng căn cứ quân sự quan trọng của Mỹ ở miền Nam, vừa là tạo chỗ dựa rộng lớn cho phong trào cách mạng ở miền Nam.

c) Phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam

Trong mấy năm qua phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam chống Mỹ - Diệm đã diễn ra liên tục ở khắp nơi, khi

cao khi thấp, với nhiều hình thức phong phú, cũng có nơi, có lúc quyết liệt. Phong trào đó phản ánh mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa Mỹ - Diệm và các tầng lớp nhân dân miền Nam.

Một mặt đó là yêu cầu chính trị của quần chúng đang rất khao khát độc lập, tự do, và thống nhất nước nhà và đó cũng là yêu cầu tiếp tục nhiệm vụ cách mạng của quần chúng đang làm trong kháng chiến.

Một mặt khác đó là phản ứng tất yếu của nhân dân để bảo vệ quyền sống hằng ngày đang bị chà đạp dưới chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm.

Khi hòa bình mới lập lại đã bắt đầu có những cuộc đấu tranh về ruộng đất, về tự do dân chủ, phong trào nói chung nặng về những khẩu hiệu và yêu cầu chính trị nhằm làm áp lực cho việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ và chống âm mưu Mỹ - Diệm chia cắt đất nước. Ở khắp miền Nam có những phong trào chính trị sôi nổi và rộng lớn đòi hiệp thương, chống trưng cầu dân ý, chống bầu cử quốc hội bù nhìn. Các phong trào đó đã huy động hàng triệu người từ Quảng Trị đến Cà Mau, lôi kéo cả đồng bào Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo, phối hợp giữa thành thị và nông thôn, đấu tranh với đủ hình thức từ hợp pháp đến bất hợp pháp như mít tinh hàng ngàn người, biểu tình tuần hành, bãi công, bãi thị, kiến nghị, truyền đơn, băng, cờ, biểu ngữ, thảo luận mạn đàm, v.v.. Đó là những phong trào chính trị rộng lớn và sôi nổi nhất trong lịch sử đấu tranh của dân tộc ta từ trước đến nay. Các phong trào đó trong một lúc làm hạ uy thế của bọn phản động, lưu manh đang ngóc đầu dậy ở nông thôn, làm cho nhiều người trong chính quyền Mỹ - Diệm dâm ra lưng chừng.

Nhưng khuyết điểm của ta trong lúc ấy là thiếu chuẩn bị đầy đủ tư tưởng trong cán bộ và quần chúng cho một cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ và lâu dài làm cho quần chúng và cán bộ ỷ lại vào cái mốc thời gian đã quy định trong Hiệp nghị

Giơnevơ. Nhiều nơi lãnh đạo đấu tranh với tất cả khí thế của kẻ chiến thắng, không chuẩn bị thế thủ thích hợp với tương quan lực lượng mới, đã để phong trào kéo dài, không biết kết thúc đúng lúc làm cho quần chúng đấu tranh gắng với địch, cơ sở ta bị bộc lộ. Do đó, như ở trung châu Liên khu V, khi địch tấn công lại ta, chúng đánh trúng cơ sở của ta, cán bộ và quần chúng hoang mang, phong trào sa sút.

Cũng trong khoảng thời gian này, ở Nam Bộ có phong trào chống khủng bố, chống bắt bớ, chống cướp bóc, bảo vệ cán bộ, v.v. diễn ra quyết liệt. Nhân dân chống bắt bớ bằng bao vây, ngán cản, níu kéo, cản xe, cản tàu, nhiều nơi huy động hàng bốn, năm ngàn người giằng co với địch, giải thoát người bị bắt. Ta có tổ chức các đội "dân canh chống cướp", đội thông tin để canh gác, tuần tiễu, chống địch đột kích bao bắt ban đêm. Các hình thức đấu tranh này, trong một thời gian ngăn chặn được khủng bố của địch, nhưng không thể duy trì được mãi, nên về sau ta chuyển dần sang các hình thức mềm dẻo hơn, sử dụng thế hợp pháp nhiều hơn.

Từ giữa năm 1956 về sau, phong trào dần dần đi về hướng đấu tranh hợp pháp và bán hợp pháp một cách linh hoạt xoay quanh các khẩu hiệu dân sinh và dân chủ, là những vấn đề bức thiết trước mắt của quần chúng. Hoà bình thống nhất trở thành những khẩu hiệu tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý thức chống Mỹ và ý thức cách mạng của quần chúng, thường xuyên lồng vào trong các cuộc đấu tranh cho quyền lợi dân sinh và dân chủ.

Trong năm 1958, phong trào so với mấy năm trước đã đi vào các mặt đấu tranh về quyền lợi thiết thực của quần chúng hơn, do đó động viên được các tầng lớp quần chúng, các tôn giáo, các dân tộc tham gia rộng rãi.

Trong phong trào miền Nam cần đáng chú ý các phong trào sau đây:

1- Cuộc đấu tranh gay go, ác liệt nhất giữa ta và địch là cuộc đấu tranh chống "tố cộng". Địch tập trung lực lượng, phương tiện và cán bộ, phối hợp lực lượng công an, quân sự, gián điệp và hành chính từ trung ương đến địa phương theo một chương trình quy mô, mở những đợt "tố cộng" quyết liệt đánh vào cơ sở Đảng ta, trả thù những người kháng chiến, nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng miền Nam. Chúng dùng đủ mọi thủ đoạn: lừa phỉnh, mua chuộc, chia rẽ, khủng bố và tàn sát rất dã man. Cán bộ và nhân dân ta đã phấn đấu, hy sinh vô cùng anh dũng trong các đợt tố cộng. Qua các đợt "tố cộng", chúng gây cho ta những thiệt hại nặng nề ở Khu V cũng như ở Nam Bộ, nhưng ở Nam Bộ chúng không đánh vỡ được các cơ sở của ta. Đến nay, chúng phải thừa nhận là không thể nào tiêu diệt được cộng sản, không tiêu diệt được phong trào của quần chúng, mà trái lại phong trào vẫn liên tục và phát triển dưới nhiều hình thức. Chính ngay trong khi "tố cộng", nhân dân xã Đại Lộc (huyện Điện Bàn, Quảng Nam) đã đấu tranh quyết liệt buộc địch phải rút bọn chỉ huy tố cộng và giải tán trại tập trung. Vì việc khủng bố trắng trợn, ở ạt không có kết quả mà lại còn bất lợi về chính trị nên hiện nay chúng thay đổi phương pháp làm êm dịu hơn, dùng bọn công dân vụ và gián điệp mở những phong trào có tính cách xã hội, nhằm đi sâu vào quần chúng và tìm cách tiêu diệt cho được cán bộ lãnh đạo của ta.

2- Sôi nổi, mạnh mẽ và rộng rãi nhất là phong trào chống quân địch, chống bắt lính. Xứ ủy Nam Bộ trong năm qua, xem việc lãnh đạo chống bắt lính là công tác trung tâm nên đã cố gắng đưa phong trào lên. Việc địch bắt lính động chạm trực tiếp đến đời sống và tình cảm của các gia đình nên ý thức nhân dân chống lại khá mạnh. Vì quần chúng cũng nhận được âm mưu gây chiến của địch nên phong trào có ý thức chính trị rõ rệt. Ta

lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành cơ với địch gây cho chúng nhiều khó khăn: ta kết hợp trốn tránh của thanh niên với đấu tranh hợp pháp của gia đình, kêu xin miễn hoãn dịch. Nhiều nơi quần chúng tranh thủ được sự đồng tình của binh lính tại ngũ. Có vài nơi huy động hàng ngàn người kéo lên huyện, tỉnh đấu tranh. Mặt khác ta cũng giáo dục trước cho thanh niên nếu họ bị bắt lính.

Ở Liên khu V, tuy cơ sở ta yếu, nhưng phong trào chống bắt lính cũng diễn ra khắp nơi dưới nhiều hình thức như công khai chửi vắn, phản đối, từng đoàn kéo lên quận kêu xin, hoặc có nơi kéo niu, càn xe địch, v.v..

Nhìn chung tuy ta không thể ngăn được địch bắt lính, nhưng ta đã gây cho chúng nhiều khó khăn, kết quả quan trọng nhất là làm cho địch thất bại về chính trị vì ta đã biến được âm mưu "quân dịch" của địch thành một cuộc vây ráp, bắt lính cưỡng bức, bị quần chúng rộng rãi phản đối.

3- Giằng co, gay go và quyết liệt là những cuộc đấu tranh chống duổi làng, chiếm đất, dồn dân để lập căn cứ quân sự, làm đường chiến lược, hoặc phá căn cứ cũ của ta. Nhiều cuộc đấu tranh đang tiếp diễn rất gay go như hiện nay đấu tranh của đồng bào Thị Nghè chống duổi nhà để làm con đường Sài Gòn - Biên Hoà, đấu tranh của đồng bào chống duổi nhà để mở rộng các sân bay như sân bay Biên Hoà, Tân Sơn Nhất. Cuộc đấu tranh chống duổi làng để mở rộng trại huấn luyện Quang Trung ở Hóc Môn (Gia Định) trong ba năm qua đã diễn ra giằng co, quyết liệt. Địch thường xuyên khủng bố bắt bớ, mỗi ngày 8 tiếng bắn vào làng để uy hiếp tinh thần đồng bào, nhưng đồng bào trong vùng đoàn kết đấu tranh, kiên quyết bám đất, đến nay chúng vẫn không duổi được.

Ở Liên khu V đấu tranh chống dồn làng cũng rất căng thẳng ở nhiều nơi nhất là ở Tây Nguyên và miền tây các tỉnh.

4- Phổ biến, bền bỉ và liên tục, khắp các nơi, thỉnh thoảng có những vụ đột xuất mạnh mẽ, là phong trào đấu tranh cho các quyền lợi dân sinh, dân chủ thông thường, như:

- Ở thành thị, chống khủng bố nghiệp đoàn, chống sa thải, đòi tăng lương, cải thiện chế độ làm việc, đòi vệ sinh, đèn nước, đòi giải quyết công ăn việc làm của thợ thuyền và lao động. Ngoài ra còn có phong trào rộng rãi của các tầng lớp khác: tư sản dân tộc, ký giả tiến bộ, sinh viên, học sinh, v.v. có ý nghĩa chính trị chống Mỹ rõ rệt như đòi hạn chế ngoại hoá, bảo vệ nội hoá, đòi chương trình học bằng tiếng mẹ đẻ, chống văn hoá cao bồi, phim ảnh khiêu dâm, v.v..

- Ở thôn quê, chống giứt đất, tăng tô, xáo canh, chống bắt xấu, bắt phu, chống tăng thuế, vợ vét bóc lột, chống luật lệ hà khắc.

Âm mưu của Mỹ - Diệm là xáo trộn đất đai để phá hoại đoàn kết ở nông thôn, phá cơ sở của ta, tạo cơ sở cho chúng. Yêu cầu đấu tranh ta đề ra là giữ nguyên canh và chống tăng tô. Hiện nay, ở Nam Bộ nông dân giữ được nguyên canh trên hầu hết đất tạm cấp, trừ vài nơi phong trào ta kém. Trên đất đó, nông dân phải làm kế ước động tô cho địa chủ, nhưng giằng co với địa chủ chỉ đóng tô chút ít, không đúng với kế ước. Ở những vùng căn cứ cũ, hẻo lánh, có nơi nông dân vẫn giữ nguyên sở hữu, hoặc giằng co đóng chút ít tô mùa này, mùa khác không đóng. Đối với đất của thực dân Pháp và đất nông dân khai phá nói chung nông dân còn giữ được quyền sở hữu. Riêng đối với loại đất khai phá nông dân đang đấu tranh giằng co với địch để không lập bộ số, nhưng ở một ít địa phương chúng cũng đã bắt đầu lập được bộ số.

Đối với đất đai của địa chủ cho mượn từ trước tới nay, nông dân cũng đấu tranh giữ nguyên canh và giữ mức tô hồi kháng chiến. Yêu cầu này căn bản đã đạt được, trừ một số địa phương ở miền đông đất hẹp người đông, địa chủ tăng tô rất cao. Đồng bào di cư ở Cái Sắn đấu tranh chống làm kế ước, đòi làm chủ

vĩnh viễn số ruộng mà chính quyền miền Nam hứa cấp cho họ. Cuộc đấu tranh này có lúc cũng quyết liệt; tuy vậy, hiện nay đã có một số phải làm khế ước.

Về âm mưu cải cách điền địa, dịch chỉ mới thi hành lẻ tẻ ở mỗi tỉnh một số điểm. Nông dân nói chung cũng đấu tranh giữ được nguyên canh. Thái độ phổ biến của nông dân là không muốn mua, họ giăng co từng mùa vì họ tin rằng cách mạng nhất định thành công.

Ở Liên khu V, vì cơ sở của Đảng ở nông thôn sa sút, nên quyền lợi ruộng đất của nông dân bị cướp giật nặng hơn. Nhưng nông dân đấu tranh rất gắng chống xáo cấp công điền và trích trí công điền. Vì vậy mà gần đây dịch đã phải hạ mức trích trí công điền, có nơi chúng phải chia cho phụ nữ.

Ở Tây Nguyên từ cuối tháng 9 đến nay, công chức, sĩ quan người Thượng cầm đầu phong trào đòi tự trị nổ ra ở một số thị xã, thị trấn thuộc Ban Mê Thuột và Plâycu, lôi kéo hàng ngàn người tham gia mít tinh, hội họp, chống chính sách khủng bố, bóc lột, dồn dân, bắt phu của Mỹ - Diệm và đòi dân tộc tự trị.

Từ khi hòa bình lập lại, nhân dân miền Nam từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị dưới một chế độ độc tài phát xít sau khi đã trải qua hơn chín năm có chính quyền cách mạng và kháng chiến thắng lợi. Quân chúng đã có trình độ giác ngộ chính trị tương đối cao. Cho nên hiện nay, trong khi đấu tranh dưới những khẩu hiệu dân sinh dân chủ, yêu cầu của nhân dân không phải chỉ nhằm giải quyết một số quyền lợi trước mắt mà yêu cầu của nhân dân là tiến lên đánh đổ Mỹ - Diệm ở miền Nam, để cùng với miền Bắc thực hiện thống nhất nước nhà. Các hình thức đấu tranh cho quyền lợi thiết thân trước mắt đều bao hàm một nội dung chính trị sâu sắc là chống chiến tranh, chống chính sách nô dịch của đế quốc Mỹ, chống chế độ độc tài, đòi hòa bình thống nhất, độc lập và dân chủ.

IV. KẾT LUẬN

Từ khi hòa bình lập lại đến nay, Mỹ - Diệm ra sức đàn áp khủng bố ác liệt hàng đê bẹp ý chí đấu tranh của nhân dân miền Nam để dập tắt phong trào cách mạng miền Nam. Chúng chú trọng trước hết tấn công vào Đảng ta nhằm tiêu diệt các cơ sở của Đảng là những hạt nhân tổ chức và lãnh đạo phong trào để thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa và căn cứ quân sự Mỹ và chuẩn bị chiến tranh.

Nhưng các đảng bộ ở miền Nam đã phấn đấu vô cùng anh dũng. Không biết bao nhiêu đồng chí đã bị tra tấn, tù đầy và hy sinh anh dũng trong phong trào để bảo vệ quyền lợi của nhân dân, quyết tâm hoàn thành sự nghiệp cách mạng của dân tộc, quyết tâm phấn đấu cho lý tưởng cao cả của Đảng ta. Những gương hy sinh phấn đấu anh dũng của các đảng bộ miền Nam đã nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của đồng bào miền Nam. Tuy lực lượng của Đảng có bị tổn thất ở trung châu Liên khu V nhưng ở Tây Nguyên cơ sở của Đảng được giữ vững, củng cố và phát triển, ở Nam Bộ chất lượng của Đảng được tăng cường, tổ chức của Đảng tương đối ổn định và vững mạnh hơn khi hòa bình mới lập lại, Đảng đã phát triển cơ sở rộng hơn ở thành thị và trong những vùng tôn giáo. Như vậy là nhìn chung cả miền Nam, ta bảo tồn được cơ sở đảng, phong trào miền Nam căn bản được giữ vững và phát triển.

Đó là thành tích rất vẻ vang của các đảng bộ và của đồng bào miền Nam. Hội nghị Trung ương hôm nay nhiệt liệt hoan nghênh tinh thần khắc phục khó khăn gian khổ, bền bỉ phấn đấu và hy sinh anh dũng của đồng bào miền Nam và các đảng bộ miền Nam.

Tuy nhiên, từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị, từ hoạt động công khai chuyển sang hoạt động bí mật, các đảng bộ miền Nam đứng trước tình hình rất khó khăn phức

tạp nên cần khắc phục một số khuyết điểm chính sau đây, để đưa phong trào miền Nam tiến lên:

1. Chưa chú trọng xây dựng cho cán bộ và đảng viên tư tưởng cách mạng trường kỳ gian khổ, quyết tâm đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm

Sau hòa bình lập lại, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi hiệp thương, đòi tổng tuyển cử theo Hiệp nghị Giơnevơ để thống nhất nước nhà là đúng, vì tuy khả năng đó rất ít nhưng chúng ta không thể bỏ, chúng ta phải hết sức tranh thủ để đẩy khả năng đó lên. Trong khi tranh thủ khả năng đó chúng ta cần làm cho toàn Đảng nhận rõ vấn đề mâu thuẫn giữa đế quốc và phong kiến với nhân dân ta cần bản không phải giải quyết bằng pháp lý mà phải giải quyết bằng cách mạng. Làm cách mạng đánh đổ một kẻ thù hung ác và đang nắm quyền thống trị như Mỹ - Diệm phải là đấu tranh cách mạng gian khổ lâu dài, nhưng nhất định thắng lợi. Các đảng bộ miền Nam trong mức độ khác nhau, chưa thấm nhuần tư tưởng đó nên trong một thời gian có tư tưởng ý lại vào pháp lý Giơnevơ, nên có nơi chưa chú trọng đầy đủ việc xây dựng thực lực cách mạng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh lâu dài, tiến lên đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm.

Chính vì không nhận rõ như thế nên khi gặp khó khăn, nhất là 20-7-1956 không có tổng tuyển cử, địch lại tăng cường đàn áp phong trào thì một số bị quan, chán nản, một số khác không tin tưởng ở đấu tranh chính trị, muốn trở lại đấu tranh vũ trang.

Sự nhận định về Hiệp nghị Giơnevơ và vấn đề tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam không được rõ ràng là do lập trường dân tộc độc lập và giai cấp đấu tranh trong Đảng không vững, nên không thấy được hết địch mà cũng không thấy hết ta. Đó là cơ sở chính của tư tưởng hữu khuynh biểu hiện trong việc lãnh đạo phong trào miền Nam vừa qua.

Ở Nam Bộ hữu khuynh rõ nhất là sự lãnh đạo của Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, có phần thoả mãn với phong trào công khai hợp pháp tương đối được rộng rãi; chỉ đấu tranh cho các khẩu hiệu về dân sinh và dân chủ mà không biết kết hợp với việc tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức chống Mỹ, và trong một thời gian khá dài việc xây dựng thực lực cách mạng qua phong trào công khai hợp pháp đó cũng không được chú ý, nên cơ sở phát triển chậm, phong trào bị hạn chế và chưa được vững chắc.

Ở Liên khu V, tư tưởng ý lại vào Hiệp nghị Giơnevơ đã làm giảm sút khả năng cách mạng của đảng viên và quần chúng, làm giảm ý chí quyết tâm đối phó với sự tấn công của địch, làm cho sự vận dụng phương châm và phương pháp đấu tranh thiếu sắc bén và sáng tạo.

Hiện nay vấn đề trọng yếu là phải ra sức củng cố lập trường cách mạng cho cán bộ và đảng viên. Kinh nghiệm cho thấy ở Nam Bộ sau khi học tập đường lối cách mạng miền Nam, tư tưởng đảng viên được ổn định và phấn khởi. Ở Liên khu V việc phổ biến đường lối cách mạng miền Nam gần đây trong một số cán bộ, đã bước đầu đem lại tin tưởng và phấn khởi.

2. Không nhận rõ ta đang ở "thế" nào trong cuộc đấu tranh với địch hiện nay ở miền Nam

Từ sau hòa bình ở miền Nam tương quan lực lượng giữa ta và địch đã đổi mới. Địch dùng vũ lực tấn công ta còn ta thì dùng lực lượng quần chúng đấu tranh chính trị mà phòng ngự.

Cho nên phải biết thủ như thế nào để ít tổn thất và có lợi nhất để bảo tồn cơ sở, đồng thời có thể phát triển lực lượng của ta. Đó là phương hướng tiến lên của chúng ta để xây dựng thực lực cách mạng. Về mặt đấu tranh nói chung phải đứng trên cơ sở của thế thủ nghĩa là triệt để sử dụng thế công khai hợp pháp. Phải nhận rõ trong giai đoạn thế thủ phải tranh đấu thế nào để

giữ mình, nhưng trong thế thủ phải biết từng mặt, từng lúc giành lại chủ động, tấn công địch bằng tuyên truyền cho sắc bén và đúng đích. Không biết tấn công địch giành lại chủ động thì không thể giữ vững phong trào.

Về mặt tổ chức thì phải biết bố trí lực lượng cán bộ lại theo thế thủ, nghĩa là chủ động thu hẹp, thu gọn tổ chức lại, sắp xếp cán bộ cho hợp với khả năng và hoàn cảnh của mỗi người, triệt để che giấu lực lượng. Không làm đúng phương hướng ấy thì phong trào sẽ bị tổn thất, để bộc lộ lực lượng phiêu lưu tấn công địch, dễ bị địch đánh phá trúng cơ sở gây thiệt hại cho phong trào.

Ở Nam Bộ, một số đồng chí lãnh đạo các địa phương vì không nhận rõ phương hướng trên đây nên có nơi đã làm tổn hại đến lực lượng cách mạng. Ở Liên khu V cũng vì không nhận rõ phương hướng đó nên về mặt tổ chức lúc đầu không kiên quyết và kịp thời đổi mới, không đảm bảo bí mật; về mặt đấu tranh không tạo được thế hợp pháp cho quần chúng để che giấu lực lượng của Đảng, và trong một thời gian khá dài đã lãnh đạo quần chúng đấu tranh dưới những khẩu hiệu chính trị cao, ra mặt đối lập với địch làm bộc lộ lực lượng nên đã gây tổn thất cho phong trào ở trung du.

3. Không nhận rõ chỗ mạnh và chỗ yếu của địch để biết hướng phòng ngự và biết hướng tấn công

Lúc đầu ta chưa thấy hết tính chất độc tài phát xít của chính quyền Mỹ - Diệm, nhận không đúng mức sự tàn bạo và hung ác của chúng nên sự chuẩn bị đối phó với địch ta làm không đúng mức. Dựa vào quân đội, cảnh sát và bộ máy chính quyền, chúng dùng vũ lực đàn áp quần chúng, cho nên ta chưa có thể đưa quần chúng chống lại chúng ngay bằng những khẩu hiệu chính trị và những hình thức cao. Muốn chống lại chúng phải xoay quanh các vấn đề về dân sinh và dân chủ để tập hợp

quần chúng đi từ thấp và dần dần mở rộng và nâng cao phong trào. Qua các phong trào ta mới có thể xây dựng lực lượng làm cơ sở vững chắc đưa phong trào ngày càng lên cao. Vì chưa nhận thức đúng như thế nên trong lãnh đạo đấu tranh có khi ta phiêu lưu đưa quần chúng đấu tranh với khẩu hiệu chính trị cao bị địch đàn áp, cơ sở bị tan vỡ.

Mặt khác chúng ta cũng không thấy hết chỗ yếu của địch. Bản chất phi nghĩa cướp nước bán nước của Mỹ - Diệm trong tình hình hiện nay làm cho chúng ở vào thế cô lập. Vì bản chất phi nghĩa của chúng như thế nên chúng không được các tầng lớp nhân dân đồng tình. Càng khủng bố, đàn áp, uy thế chính trị của chúng ngày càng sa sút. Đó là chỗ yếu căn bản của địch. Phải luôn luôn chủ động tấn công địch bằng tuyên truyền, để thắng địch hằng ngày, hằng giờ, giành lấy dư luận và chính nghĩa về ta, làm cho nội bộ chúng phân hoá, tê liệt. Qua quá trình vận động ấy mà mở rộng mặt trận chống Mỹ - Diệm và phát triển cơ sở trong quần chúng, đưa phong trào tiến lên vững chắc. Đó là phương pháp phòng ngự tốt nhất.

Kinh nghiệm ở Nam Bộ, chúng ta đã biết dùng tuyên truyền tấn công địch, làm tê liệt từng tiểu đoàn di càn quét đánh phá vào vùng căn cứ của ta. Địch đã không sử dụng được quân đội để đánh phá ta mà trái lại tư tưởng binh lính chúng lại biến đổi có lợi cho ta.

Chính vì không nhận rõ chỗ yếu của địch, chỉ thấy mặt hung ác của chúng nên có khi rụt rè không dám đấu tranh, không quyết tâm tạo hoàn cảnh và điều kiện để tấn công địch, có khi lại đấu tranh phiêu lưu, nên sau đấu tranh cơ sở bị vỡ, phong trào sa sút.

Những khuyết điểm trên đây bắt đầu được sửa chữa từ năm 1957. Sự phổ biến và học tập đường lối cách mạng miền Nam ở Nam Bộ đến tận chi bộ và ở Liên khu V trong một số cán bộ đã có tác dụng củng cố lập trường tư tưởng trong Đảng. Phong trào

hiện nay tương đối phát triển đúng phương hướng hơn và cơ sở có phần vững chắc hơn trước. Ở trung châu Liên khu V trước mắt tuy có nhiều khó khăn nhưng từ Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi đến Phú Yên cơ sở đảng bắt đầu phục hồi dần, phong trào quần chúng cũng bắt đầu trở lại.

Tình hình giữa ta và địch trong thời gian tới sẽ còn diễn ra phức tạp và quyết liệt hơn. Địch sẽ tăng cường khủng bố, đàn áp hơn nữa và quần chúng dưới sức ép của địch sẽ đấu tranh rộng rãi, mạnh mẽ và quyết liệt hơn nữa.

Tình hình đó đề ra cho toàn Đảng ta nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi ở Đảng ta một sự lãnh đạo vững chắc, kịp thời và sắc bén đối với phong trào miền Nam.

Hội nghị Trung ương lần này quyết định đường lối đấu tranh thống nhất và đường lối cách mạng miền Nam, sẽ soi sáng phương hướng cho phong trào cách mạng miền Nam, tăng thêm tin tưởng và ý chí phấn đấu anh dũng của các đảng bộ miền Nam tiến lên làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình.

Toàn Đảng ta sẽ vô cùng phấn khởi, vì Hội nghị Trung ương mở rộng lần thứ 14¹ đã đề ra nhiệm vụ ba năm cho các đảng bộ miền Bắc, và Hội nghị Trung ương mở rộng lần này quyết định về đường lối đấu tranh thống nhất và đường lối cách mạng miền Nam. Toàn Đảng ta sẽ tăng cường đoàn kết, nâng cao ý chí phấn đấu cách mạng hơn nữa để đẩy mạnh công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam để hoàn thành sự nghiệp dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, đem lại cuộc đời độc lập, tự do và hạnh phúc cho toàn dân ta, góp phần củng cố phe ta và bảo vệ hòa bình thế giới.

1. Xem Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.19.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ 15 (MỞ RỘNG)

Về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh
giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà

Phần thứ nhất

NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

I- ĐẶC ĐIỂM CỦA TÌNH HÌNH VIỆT NAM TỪ KHI HÒA BÌNH ĐƯỢC LẬP LẠI

Trước khi hòa bình được lập lại ở Đông Dương, cách mạng trong cả nước Việt Nam là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhiệm vụ cơ bản của nó là đánh đổ sự thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, do đó mở đường cho nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, nhân dân cả nước ta đã vùng dậy làm Cách mạng Tháng Tám thành công, giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân và chế độ vua quan phong

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.20, tr.57-92.

kiến, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa; để bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc, toàn dân ta đã anh dũng tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ. Nhờ sự nỗ lực lớn lao của khối đại đoàn kết dân tộc dựa trên cơ sở liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự ủng hộ tích cực của các lực lượng xã hội chủ nghĩa và hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhân dân ta cuối cùng đã đánh bại thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và bọn tay sai, phá tan kế hoạch của đế quốc Mỹ âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương. Chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử đã kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược trên đất nước ta. Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, hòa bình được lập lại ở Đông Dương và miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Đó là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta, của phe ta và của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Thắng lợi đó là kết quả của gần một trăm năm đấu tranh giải phóng dân tộc gay go và liên tục, của chín năm kháng chiến gian khổ và anh dũng. Thắng lợi đó tiêu biểu cho ý chí và nguyện vọng hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ của nhân dân ta và đánh dấu một bước ngoặt của cách mạng Việt Nam.

Trên miền Bắc hoàn toàn giải phóng, chế độ chính trị và kinh tế thuộc địa và nửa phong kiến từ lâu trời buộc sức sản xuất xã hội đã bị đánh đổ, cách mạng dân tộc dân chủ đã hoàn thành: miền Bắc đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là yêu cầu khách quan của xã hội miền Bắc trên bước đường phát triển của mình, đồng thời cũng là yêu cầu khách quan của cách mạng cả nước. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc tức là xây dựng cuộc sống mới, hòa bình, tự do, hạnh phúc của nhân dân miền Bắc, đồng thời cũng là củng cố miền Bắc thành cơ sở vững chắc về mọi mặt cho việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Do lực lượng so sánh giữa ta và địch, nhân dân ta chỉ mới giải phóng được miền Bắc. Ở miền Nam chưa được giải phóng, đế quốc Mỹ đã lấn dần và hất cẳng thực dân Pháp, tập hợp các thế lực phản động, sử dụng chính quyền Ngô Đình Diệm làm công cụ để khôi phục và duy trì ách thống trị của đế quốc và phong kiến. Nhân dân miền Nam ngày càng lâm vào cảnh cùng khốn và mất hết quyền tự do. Vì vậy, nhân dân miền Nam còn phải tiếp tục làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đánh đổ ách thống trị đế quốc và phong kiến, chủ yếu là đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm.

Do sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào miền Nam, nước ta bị tạm thời chia làm hai miền: miền Bắc đã được giải phóng và độc lập hoàn toàn, còn miền Nam vẫn là một thuộc địa (kiểu mới) của đế quốc Mỹ. Nhưng nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Nhân dân Việt Nam chẳng những phải củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được, phải củng cố miền Bắc đã được độc lập, mà còn phải giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng con đường hòa bình.

Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai chẳng những xâm chiếm miền Nam, ngăn cản sự phát triển của xã hội miền Nam, mà còn ráo riết chuẩn bị chiến tranh hồng xâm chiếm cả nước ta, phá hoại toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Vì vậy, Mỹ - Diệm chẳng những là kẻ thù của nhân dân miền Nam đang bị chúng thống trị, mà còn là kẻ thù của cả dân tộc Việt Nam, của nhân dân miền Bắc đã được giải phóng. Chẳng những giữa Mỹ - Diệm và nhân dân miền Nam có mâu thuẫn sâu sắc, mà giữa bọn chúng và nhân dân cả nước, nhân dân miền Bắc, cũng có mâu thuẫn sâu sắc. Giải quyết mâu thuẫn đó không phải chỉ là nhiệm vụ riêng, vì lợi ích và yêu cầu riêng của nhân dân miền Nam, mà còn là nhiệm vụ chung, vì lợi ích và yêu cầu chung của nhân dân cả nước.

Những đặc điểm tình hình trên đây làm nổi bật lên hai mâu thuẫn cơ bản mà cách mạng Việt Nam hiện nay phải giải quyết:

1. Mâu thuẫn giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, giai cấp địa chủ phong kiến, và bọn tư sản mại bản quan liêu thống trị ở miền Nam và một bên là dân tộc Việt Nam, nhân dân cả nước Việt Nam, bao gồm nhân dân miền Bắc và nhân dân miền Nam.

2. Mâu thuẫn giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc.

Đó là hai mâu thuẫn tính chất khác nhau, quan hệ biện chứng với nhau và tác động mạnh mẽ lẫn nhau.

Những mâu thuẫn trên đây thể hiện sự đối kháng rất gay gắt giữa một bên là lực lượng của dân tộc ta mong muốn hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ và một bên là thế lực của chủ nghĩa đế quốc và tay sai, cụ thể là bè lũ Mỹ - Diệm xâm lược, gây chiến và chia cắt nước ta. Đồng thời, những mâu thuẫn trên đây cũng thể hiện sự đối kháng rất gay gắt giữa lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc và hòa bình dân chủ trên thế giới với thế lực đế quốc hiếu chiến và xâm lược do đế quốc Mỹ cầm đầu ở khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Chính vì để phá hoại sự nghiệp hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ của nhân dân ta, chống lại phong trào độc lập, hòa bình, dân chủ ở Đông Nam Á, cho nên liền sau khi Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, đế quốc Mỹ tập hợp bọn tay sai thành lập ngay khối quân sự xâm lược Đông Nam Á. Chúng sử dụng chính quyền Ngô Đình Diệm làm công cụ tích cực biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự để phục vụ cho âm mưu của chúng chuẩn bị chiến tranh xâm lược mới. Nhờ sức mạnh đoàn kết đấu tranh của nhân dân ta, của phe xã hội chủ nghĩa, của lực lượng độc lập, hòa bình và dân chủ trên thế giới, nhờ chính sách đúng đắn của Đảng và Chính phủ ta và của phe ta do Liên Xô đứng đầu, nền hòa bình lập lại trên đất nước Việt Nam được duy trì, và hiện nay có khả năng tiếp tục được duy

trì. Giữ gìn hòa bình là nhiệm vụ cấp bách hiện nay của nhân dân cả nước ta. Chỉ trong điều kiện hòa bình, chúng ta mới có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho lực lượng cách mạng của cả nước, đẩy mạnh phong trào cách mạng ở miền Nam, tăng cường lực lượng đấu tranh của nhân dân cả nước, đánh bại chính sách của Mỹ - Diệm là gây chiến, nô dịch, chia cắt đất nước, đảng tiến lên tranh thủ hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Trong tình hình lực lượng so sánh hiện nay trên thế giới, lực lượng hòa bình đã mạnh hơn thế lực chiến tranh, phe xã hội chủ nghĩa đã mạnh hơn phe đế quốc chủ nghĩa, chúng ta có những thuận lợi rất căn bản để giữ gìn hòa bình, giành lấy thắng lợi cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà bằng con đường hòa bình. Để đạt được yêu cầu cách mạng ấy, một mặt nhân dân ta phải ra sức củng cố miền Bắc, tích cực đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; mặt khác, nhân dân ta phải kiên quyết làm cách mạng đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến ở miền Nam. Nếu không ra sức củng cố miền Bắc và tích cực đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội thì không thể có chỗ dựa vững chắc để tranh thủ hòa bình thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ. Không kiên quyết đánh đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến ở miền Nam, cụ thể là chế độ Mỹ - Diệm, thì cũng không thể tạo điều kiện thuận lợi nhất là để hòa bình thống nhất Tổ quốc. Đó là quan hệ biện chứng giữa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và việc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, giữa sự nghiệp hòa bình thống nhất nước nhà và cuộc đấu tranh cách mạng đánh đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm ở miền Nam.

Sự nghiệp đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà chẳng những phù hợp với lợi ích sống còn của

nhân dân, dân tộc ta, mà còn phù hợp với lợi ích chung của phong trào hòa bình dân chủ thế giới.

II. NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

Căn cứ vào sự phân tích trên đây, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 nhận định rằng hiện nay, cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo bao gồm hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu cơ với nhau, song song tiến hành, ảnh hưởng sâu sắc lẫn nhau, trợ lực mạnh mẽ cho nhau, nhằm phương hướng chung là giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà, tạo điều kiện thuận lợi để đưa cả nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Hội nghị Trung ương đề ra nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là: *Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh để giữ vững hòa bình; thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; ra sức củng cố miền Bắc và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.*

1. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được, là xây dựng cơ sở vững chắc để thực hiện thống nhất nước nhà

Miền Bắc nước ta hiện nay là kết quả của hàng bao thế kỷ đấu tranh dựng nước và cứu nước của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là của mấy mươi năm tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ và chín năm kháng chiến dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng.

Tích cực đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được, là xây dựng cơ sở vững chắc để thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội một mặt là theo quy luật phát triển khách quan của xã hội miền Bắc, vì mục đích nâng cao không ngừng đời sống của nhân dân miền Bắc; mặt khác là tích cực gánh vác phần trách nhiệm đối với phong trào cách mạng của cả nước. Kinh tế, văn hoá miền Bắc ngày càng phát triển, đời sống nhân dân miền Bắc ngày càng được cải thiện, lực lượng quốc phòng của miền Bắc ngày càng được vững mạnh, miền Bắc ngày càng thịnh vượng và tươi vui, thì sẽ tăng thêm sức mạnh của cách mạng và uy thế chính trị của nhân dân ta, tăng thêm tin tưởng và tính tích cực cách mạng của đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm. Trong khi tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc còn phải tiếp tục quét sạch những tàn dư phản cách mạng và phải tích cực tham gia cuộc đấu tranh chính trị của cả nước chống ách thống trị của Mỹ - Diệm ở miền Nam, ra sức cổ vũ và ủng hộ phong trào đấu tranh của đồng bào miền Nam, đề cao cảnh giác sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu thâm độc của Mỹ - Diệm.

Trong quá trình tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc cần chống những khuynh hướng sai lầm tách rời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, với nhiệm vụ đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Một mặt, cần phê phán những khuynh hướng như xem nhẹ nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân còn phải tiếp tục ở miền Nam, hoặc coi cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là chỉ riêng cho miền Bắc, không nắm vững phương châm "củng cố miền Bắc, chiếu cố miền Nam", không thấu suốt nhiệm vụ thống nhất nước nhà trong mọi chính sách và chủ trương công tác ở miền Bắc. Mặt

khác, cần phê phán những khuynh hướng chỉ thấy đấu tranh thống nhất, xem nhẹ nhiệm vụ củng cố miền Bắc, không thấu suốt ý nghĩa xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, và trong bất cứ tình hình nào miền Bắc cũng phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đảng vừa phải tăng cường giáo dục chủ nghĩa xã hội, vừa phải nâng cao tinh thần yêu nước và ý thức chống Mỹ - Diệm trong nhân dân miền Bắc. Cần nhận thức sâu sắc rằng công cuộc kiến thiết trong hòa bình của mình là một cống hiến to lớn cho sự nghiệp giải phóng hoàn toàn đất nước thì nhiệt tình xã hội chủ nghĩa, tinh thần trách nhiệm và ý thức cảnh giác cách mạng của nhân dân miền Bắc càng được đề cao.

2. Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ chế độ đế quốc và nửa phong kiến ở miền Nam để thực hiện thống nhất nước nhà

Cách mạng ở miền Nam hiện nay đang tiếp tục phát huy ý chí quật cường, truyền thống bất khuất của cả dân tộc Việt Nam. Bê lũ Mỹ - Diệm thống trị miền Nam đang ra sức nô dịch, khủng bố nhân dân miền Nam, và tích cực chuẩn bị chiến tranh hòng mở rộng sự xâm lược của chúng ra phạm vi cả nước. Vì vậy, miền Nam đấu tranh đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm là theo yêu cầu khách quan của cách mạng Việt Nam ở miền Nam, là giải phóng nhân dân miền Nam, đồng thời cũng là vì yêu cầu của cách mạng cả nước là phải tích cực chống Mỹ - Diệm để bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cơ sở vững chắc của công cuộc thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Phong trào yêu nước của nhân dân miền Nam càng được giữ vững và phát triển thì một mặt càng tăng cường lực lượng cách mạng để đánh bại chính sách nô dịch, gây chiến và chia cắt của Mỹ - Diệm, đi đến đánh đổ sự thống trị tàn khốc của chúng,

thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ. Mặt khác, đó cũng chính là thiết thực bảo vệ miền Bắc, tạo điều kiện cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được tiến hành thuận lợi. Trái lại, nếu phong trào yêu nước ở miền Nam suy yếu thì chẳng những cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam gặp khó khăn, mà cả cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc cũng chịu ảnh hưởng không tốt.

Trong quá trình đấu tranh để giải phóng miền Nam, nhân dân miền Nam phải có đầy đủ ý thức chống chính sách chuẩn bị chiến tranh của Mỹ - Diệm, chống âm mưu của chúng đưa miền Nam vào khối xâm lược Đông Nam Á, nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng miền Nam phát triển, đồng thời bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Miền Nam có nhiệm vụ tuyên truyền sâu rộng và phát huy mạnh mẽ ảnh hưởng của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nêu cao khẩu hiệu "Giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thành trì cách mạng của cả nước".

3. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á. Đế quốc Mỹ chiếm cứ miền Nam, âm mưu xâm lược miền Bắc là để tấn công phe xã hội chủ nghĩa. Cho nên, thắng lợi của cách mạng Việt Nam quan hệ trực tiếp đến phe xã hội chủ nghĩa, làm cho phe xã hội chủ nghĩa càng rộng lớn, vững mạnh và càng tạo thêm nhiều khả năng mới để phe ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống chủ nghĩa thực dân và chính sách chuẩn bị chiến tranh của bọn đế quốc hiếu chiến do Mỹ cầm đầu. Ngược lại, sự hùng mạnh của phe xã hội chủ nghĩa ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Vấn đề thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước ta

trước hết là vấn đề đấu tranh giữa dân tộc ta chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai, đồng thời cũng là vấn đề đấu tranh giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa. Phe xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên Xô, càng tranh thủ giữ vững hòa bình được lâu dài thì càng có điều kiện thuận lợi để tăng cường mau chóng lực lượng của mình về mọi mặt trên toàn thế giới, càng làm suy yếu mau chóng thế lực của chủ nghĩa đế quốc. Chủ trương của Đảng ta giữ vững hòa bình ở Việt Nam, thực hiện thống nhất nước nhà bằng con đường hòa bình, chủ trương ấy gắn liền với chủ trương chung nói trên của phe xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải nắm vững chủ trương ấy, đồng thời phải tiếp tục củng cố và tăng cường sự đoàn kết nhất trí không gì lay chuyển nổi giữa nước ta với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Đó là nghĩa vụ quốc tế của Đảng ta và nhân dân ta, và cũng là bảo đảm chắc chắn cho việc hoàn thành nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam có tác dụng cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, Mỹ latin, thúc đẩy quá trình tan rã của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới. Ngược lại, mọi thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hòa bình dân chủ thế giới sẽ làm suy yếu thế lực của chủ nghĩa đế quốc, và có lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nhân dân ta đồng tình sâu sắc và hết sức ủng hộ phong trào đấu tranh chống thực dân và bảo vệ độc lập dân tộc của tất cả các dân tộc bị áp bức và các nước bị xâm lược, trước hết là của các nước láng giềng Campuchia và Lào, Việt Nam, Lào, Campuchia có biên giới chung và cùng là những bên ký kết Hiệp nghị Giơnevơ về Đông Dương, đều có trách nhiệm bảo vệ Hiệp nghị Giơnevơ, bảo vệ hòa bình và an ninh ở Đông Dương. Vì vậy, chúng ta cần tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hòa bình với các nước Á - Phi, trước hết là với các nước láng giềng, tranh thủ sự đồng tình

và ủng hộ của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất Việt Nam.

Để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn này, ngoài việc động viên tất cả mọi nhân tố tích cực trong cả nước, chúng ta phải biết vận dụng mọi điều kiện thuận lợi trên thế giới có lợi cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của toàn dân ta.

4. Thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng con đường hòa bình

Muốn thống nhất nước nhà cần phải xây dựng củng cố và phát triển lực lượng để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước dựa trên cơ sở miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở miền Nam. Quá trình hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước là quá trình tích cực phát huy tính hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời cũng là quá trình tập hợp rộng rãi mọi lực lượng yêu nước, tiến bộ ở miền Nam để đấu tranh chống Mỹ - Diệm, tiến lên làm thất bại chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để hòa bình thống nhất nước nhà.

Chúng ta chủ trương tích cực tranh thủ giải quyết vấn đề thống nhất nước nhà bằng con đường hòa bình.

Trong quá trình chuyển biến cách mạng, do sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân ở hai miền, có thể thực hiện những hình thức đầu tiên về quan hệ giữa hai miền, như quan hệ kinh tế, văn hoá, di lại, v.v. cùng có thể nảy ra những hình thức thống nhất từng bước. Chúng ta phải biết triệt để sử dụng và phát triển những hình thức ấy, vì nó có một ý nghĩa chính trị rất quan trọng trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta tiến tới hoàn toàn thống nhất Tổ quốc. Bản Cương lĩnh

của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, xuất phát từ tình hình thực tế của nước ta, đã đề ra cách giải quyết vấn đề thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, theo nguyên tắc hai miền cùng bàn bạc, cùng thoả thuận với nhau, "không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào". Đó là một chủ trương hết sức hợp lý, hợp tình, hợp với ý nguyện và lợi ích của nhân dân ta và lợi ích của phong trào hòa bình thế giới.

Song, đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, vẫn cố tình xâm chiếm miền Nam, cố tình chuẩn bị chiến tranh xâm lược miền Bắc, hòng đặt cả dân tộc Việt Nam dưới ách thống trị của chúng. Chúng nào còn Mỹ - Diệm ở miền Nam thì tình trạng đất nước bị chia cắt và khả năng xảy ra chiến tranh vẫn tồn tại. Vì vậy để thực hiện thống nhất nước nhà và giành hòa bình lâu dài ở Việt Nam, nhân dân ta không thể có con đường nào khác hơn là phải tích cực xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và tiến hành đấu tranh cách mạng gian khổ ở miền Nam để bảo vệ quyền sống hằng ngày và tiến lên đánh đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm ở miền Nam khi có điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi. Vì Mỹ - Diệm là độc tài, hung bạo và hiếu chiến, cho nên nhân dân ta từ Bắc chí Nam phải luôn luôn nâng cao tinh thần cảnh giác, tỉnh táo để phòng. Nếu Mỹ - Diệm liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược miền Bắc, thì toàn dân từ Bắc chí Nam sẽ kiên quyết đứng lên bảo vệ miền Bắc, thành trì cách mạng của cả nước, đồng thời tiêu diệt chế độ Mỹ - Diệm ở miền Nam, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước, thực hiện thống nhất Tổ quốc.

Hiệp nghị Giơnevơ có tác dụng hạn chế một phần âm mưu gây chiến của địch và có lợi cho công cuộc đấu tranh chính trị để thống nhất nước nhà, có lợi cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Chúng ta phải biết triệt để sử dụng nó. Song cần nhận rõ nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng không phải là Hiệp nghị Giơnevơ mà là lực lượng đấu tranh của quần chúng nhân

dân cả nước, được sự đồng tình, ủng hộ ngày càng rộng rãi của nhân dân thế giới. Những tư tưởng ỷ lại vào Hiệp nghị Giơnevơ, hoặc coi thường giá trị pháp lý của Hiệp nghị Giơnevơ, đều là sai lầm.

*
* * *

Phần thứ hai

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM Ở MIỀN NAM

I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA TÌNH HÌNH MIỀN NAM

1. Tinh chất xã hội miền Nam

a) Đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp, đặt ách thống trị thực dân (kiểu mới) ở miền Nam nước ta. Âm mưu của chúng là xâm chiếm cả nước ta làm thuộc địa và căn cứ quân sự, nhằm phá hoại phong trào độc lập dân tộc và hòa bình dân chủ ở Đông Nam Á.

Trước đây, đế quốc Mỹ tích cực giúp sức cho thực dân Pháp kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương. Nhưng cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc ta đã đánh bại thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Từ khi hòa bình được lập lại, đế quốc Mỹ lại nắm lấy bè lũ Ngô Đình Diệm, hất cẳng thực dân Pháp, giành độc quyền thống trị miền Nam, hòng chuẩn bị chiến tranh mới, phá hoại sự nghiệp hòa bình, thống nhất của toàn dân ta. Nhưng đế quốc Mỹ không thể dùng hình thức nô dịch trắng trợn cũ của thực dân Pháp, mà phải che đậy chủ nghĩa thực dân của chúng bằng một hình thức mới. Chúng không đặt bộ máy cai trị như thực dân Pháp trước đây, mà dùng chính quyền tay sai, đại lý cho lợi ích của địa chủ phong kiến và tư

sản mại bản phản động nhất ở miền Nam, cho chính quyền ấy đội lốt "quốc gia độc lập" để làm công cụ thực hiện chính sách nô dịch và chuẩn bị chiến tranh của chúng.

Với một hệ thống "cố vấn" chặt chẽ, dựa vào quyền lực của vũ khí dõla và hàng "viện trợ", đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào miền Nam; chúng quyết định từ đường lối, chính sách đến các công việc cụ thể của chính quyền miền Nam trên các mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao. Chính quyền miền Nam muốn tồn tại phải bám chặt vào đế quốc Mỹ. *Miền Nam đã trở thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ.*

b) Chính quyền Ngô Đình Diệm là chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ, chế độ thực dân và nửa phong kiến ở miền Nam là một chế độ phản động, tàn bạo và đen tối.

Chính quyền miền Nam hiện nay là một chính quyền phản bội lợi ích dân tộc; nó đại biểu cho lợi ích của đế quốc Mỹ, của bọn phong kiến và bọn tư sản mại bản thân Mỹ phản động nhất ở miền Nam.

Thành phần cốt cán trong chính quyền đó gồm những phần tử phong kiến và tư sản mại bản phản động nhất và những phần tử lưu manh, côn đồ và phản bội, quyết tâm làm tay sai cho đế quốc Mỹ, do gia đình và phe cánh họ Ngô cầm đầu.

Chính quyền đó là một chính quyền độc tài hiếu chiến. Nó là công cụ xâm lược của đế quốc Mỹ, đế quốc cầm đầu các lực lượng hiếu chiến trên thế giới hiện nay; đồng thời, nó cũng mang nặng tính chất phục thù của giai cấp địa chủ đã bị đánh đổ ở miền Bắc nước ta. Do bản chất phi nghĩa, thế cô lập và chỗ yếu căn bản của nó, nó thực hiện một chế độ độc tài, hung bạo, dùng chính sách đàn áp bằng vũ lực, và dựa vào bộ máy cảnh sát mật thám để tồn tại.

Chính sách nô dịch và gây chiến của đế quốc Mỹ và chính sách bán nước, ăn cướp và khủng bố của bè lũ Ngô Đình Diệm,

tay sai của Mỹ, đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào ta ở miền Nam. Mặc dù phải dùng những thủ đoạn tàn ác và lừa bịp, gian xảo, chính quyền miền Nam vẫn không thể xây dựng được một cơ sở xã hội rộng rãi và vững chắc; trái lại, đông đảo các tầng lớp nhân dân ở miền Nam ngày càng đấu tranh kiên quyết chống chính sách cướp nước của đế quốc Mỹ và chính sách bán nước của bè lũ Ngô Đình Diệm.

c) Trong xã hội miền Nam thuộc địa và nửa phong kiến, có hai mâu thuẫn cơ bản:

1- Mâu thuẫn giữa nhân dân ta ở miền Nam và bọn đế quốc xâm lược, chủ yếu là đế quốc Mỹ.

2- Mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam, trước hết là nông dân, và giai cấp địa chủ phong kiến.

Và, trong giai đoạn hiện nay, *mâu thuẫn chủ yếu ở miền Nam là mâu thuẫn giữa dân tộc ta, nhân dân ta ở miền Nam và bọn đế quốc xâm lược Mỹ cùng tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, đại diện cho bọn địa chủ phong kiến và tư sản mại bản thân Mỹ phản động nhất.*

2. Thái độ các giai cấp ở miền Nam

Đồng bào miền Nam đã cùng với đồng bào cả nước trải qua một quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc lâu dài và anh dũng, làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên chính quyền dân chủ nhân dân. Trong chín năm kháng chiến, đồng bào đã cầm vũ khí chiến đấu bảo vệ chính quyền nhân dân, bảo vệ và phát triển những quyền lợi chính trị và kinh tế đã giành được. Đồng bào miền Nam trải qua đấu tranh lâu dài, đã thấm nhuần bài học lịch sử là chỉ có thực hiện đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng thì mới có thể triệt để chiến thắng kẻ thù của dân tộc, của nhân dân. Đó là một đặc điểm cực kỳ quan trọng, đó là cái vốn rất quý báu của cách mạng. Mặc dù Mỹ -

Diệm ra sức đàn áp, khủng bố, chúng không thể dập tắt nổi ngọn lửa đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam. Qua bao thử thách, phong trào vẫn được giữ vững và phát triển.

Cách mạng Việt Nam ở miền Nam ngày nay tiến hành trong điều kiện một nửa nước (miền Bắc) đã được hoàn toàn giải phóng và đang vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sự kiện đó làm cho phong trào cách mạng ở miền Nam có một chỗ dựa vững chắc, nó càng cổ vũ ý chí phấn đấu của nhân dân miền Nam, tăng cường lực lượng cách mạng ở miền Nam.

Cách mạng Việt Nam ở miền Nam nằm trong thế thuận lợi của cách mạng thế giới đang phát triển mạnh mẽ. Lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, và xã hội chủ nghĩa đã mạnh hơn thế lực của chủ nghĩa đế quốc, và có khả năng "loại trừ chiến tranh ra khỏi đời sống xã hội". Nhưng bọn đế quốc hiếu chiến do Mỹ cầm đầu vẫn ngoan cố chuẩn bị gây chiến tranh thế giới mới, hòng cứu vãn tình thế nguy ngập của chúng; cũng như đối với nhiều vùng khác trên thế giới, chúng ra sức bám lấy miền Nam hòng chống lại hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và phong trào độc lập dân tộc đang làm lay chuyển tận gốc chủ nghĩa đế quốc.

Hoàn cảnh trên đây làm cho cách mạng Việt Nam ở miền Nam có những thuận lợi căn bản và cũng có nhiều khó khăn; đồng thời nó chi phối thái độ chính trị của các giai cấp ở miền Nam.

Giai cấp công nhân là lực lượng sản xuất trong các xí nghiệp, đồn điền, các cơ sở kinh tế quan trọng của địch, sống tập trung trong các đô thị là những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của địch. Họ bị áp bức, bóc lột nặng nề hơn cả cho nên dưới ngọn cờ của Đảng ta, phong trào công nhân đang ngày càng lớn mạnh, làm cho bọn đế quốc và phong kiến phải đặc biệt chú ý. Đó là một phong trào đấu tranh có tác dụng làm suy yếu địch và cuối cùng sẽ tiến lên làm nguy khốn địch ngay trong những nơi xung yếu nhất của chúng. Phong trào công

nhân đã thúc đẩy mạnh phong trào dân nghèo thành thị, và có lúc đã thúc đẩy được học sinh, trí thức và ngay cả một số nhà tư sản dân tộc tham gia đấu tranh chống Mỹ - Diệm, mặc dù phong trào của các tầng lớp này hiện nay còn yếu. *Khối liên minh công nông ở miền Nam là cơ sở vững mạnh nhất cho Mặt trận thống nhất dân tộc và dân chủ ở miền Nam.* Sự liên minh ấy đã bắt đầu có trong phong trào công nhân song còn yếu. Phong trào công nhân cũng bắt đầu tranh thủ được sự đồng tình của một số binh lính trong những cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Mỹ - Diệm cố đầu độc quần chúng công nhân về chính trị, cố làm lu mờ ý thức giai cấp của họ, cố gây chia rẽ để làm yếu phong trào công nhân, bắt bớ cán bộ và giải tán một số nghiệp đoàn, lập công đoàn vàng, cho bọn tay sai chui vào các nghiệp đoàn để phá hoại, v.v.. Mặc dù gặp phải sự phá hoại đó, nhìn chung phong trào giai cấp công nhân đã phát triển khá mạnh. Để giữ vững vai trò của *công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng ở miền Nam*, phong trào công nhân phải được phát triển mạnh mẽ, sâu rộng và liên tục hơn nữa. Đảng phải đưa phong trào công nhân, trên bước đường hoạt động công khai hợp pháp của nó, tiến lên thành một lực lượng cách mạng chính trị quyết định trong các đô thị, nhất là Sài Gòn - Chợ Lớn, chống lại mọi khuynh hướng cải lương và phiêu lưu mạo hiểm.

Giai cấp nông dân là lực lượng cách mạng to lớn ở nông thôn, từ trước đến nay đã đi theo Đảng trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến, đã góp phần to lớn cho công cuộc kháng chiến thắng lợi, đã được hưởng những quyền lợi ruộng đất do chính quyền dân chủ nhân dân đưa lại. Ngày nay, lại sống dưới ách thống trị của Mỹ - Diệm, họ bị Mỹ - Diệm và bọn tay sai ở nông thôn cướp giật ruộng đất và áp bức bóc lột nặng nề, cho nên đời sống của họ ngày càng bản cùng; họ rất căm thù chế độ Mỹ - Diệm và thiết tha với độc lập dân tộc, muốn có ruộng đất, muốn hòa bình và thống nhất. Ở những nơi địch

khủng bố ác liệt, chúng có thể dồn dân, cướp đất, tăng tô, bắt lính và tổ chức dinh điền, v.v. nhưng phong trào nông dân trong mấy năm qua vẫn là phong trào rộng rãi, mạnh mẽ nhất, tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc ta ở nông thôn. Do đó, nông dân vẫn là *quân chủ lực cách mạng* ở miền Nam, luôn luôn tin theo Đảng. Không có sự liên minh vững chắc giữa nông dân với công nhân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thì cách mạng ở miền Nam không thể thành công. Vì vậy, trong khí đoàn kết nhân dân đấu tranh chống Mỹ - Diệm, Đảng phải lãnh đạo nông dân bên bị đấu tranh nhằm bảo vệ và mở rộng quyền lợi về ruộng đất, và các quyền lợi cấp bách khác của nông dân (chống sưu cao, thuế nặng, chống chính sách bắt lính, chính sách dinh điền, v.v.). Trước chính sách khủng bố và bản cứng hoá của địch, nông dân cần phải hết sức đoàn kết, giúp đỡ nhau trong sản xuất cũng như trong sinh hoạt đảng cần phải thấy hết những khó khăn, phức tạp hiện nay của phong trào để giữ vững, củng cố và phát triển cơ sở, đưa phong trào tiến lên. Đó là những điều rất cần bản không thể thiếu sót để động viên, tổ chức lực lượng nông dân trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Tiểu tư sản và trí thức, gồm có người làm nghề thủ công, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức, người làm nghề tự do, v.v.. Những tầng lớp này vốn bị đế quốc, phong kiến áp bức bóc lột. Sau Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, tinh thần yêu nước của họ được phát triển mạnh, đồng thời trình độ giác ngộ chính trị của họ được nâng cao. Ngày nay, một nửa nước đã được giải phóng, và chế độ Mỹ - Diệm hết sức tàn ác, làm kích động ý thức dân tộc của họ, nhưng họ cũng dễ dao động khi có tình hình khó khăn. Nói chung, họ hàng hái đấu tranh chống Mỹ - Diệm, mong muốn hòa bình, thống nhất. Họ là một động lực của cách mạng ở miền Nam, là *bạn đồng minh đáng tin cậy của giai cấp công nhân*. Song trong tình hình

khủng bố ác liệt của Mỹ - Diệm, có thể có một bộ phận giữ thái độ tiêu cực, bàng quan, hoặc hoang mang, dao động và số ít có thể thoả hiệp, đầu hàng. Cần phải làm cho thái độ tích cực của họ phát triển lên một cách có mức độ theo từng nơi, từng thời kỳ, nhưng phải đưa họ theo kịp phong trào công nông, mở rộng mặt trận chống Mỹ - Diệm. Vì bản chất của họ là thường hay dao động, cho nên dưới chế độ độc tài phát xít, cần phải có một phong trào quần chúng công nông thật mạnh mẽ thì mới lôi cuốn họ được.

Những người trí thức xuất thân từ giai cấp địa chủ, giai cấp tư sản, trừ một số theo Mỹ - Diệm, số còn lại hầu hết ít nhiều có tinh thần dân tộc và dân chủ, ghét chế độ Mỹ - Diệm, muốn hòa bình thống nhất nước nhà, và do lực lượng so sánh giữa hai phe trên thế giới thay đổi theo hướng có lợi cho phe xã hội chủ nghĩa, họ dần dần bớt sợ Mỹ. Nhưng với bản chất giai cấp của họ, họ tỏ ra e ngại phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, họ sợ "mất tự do", sợ chế độ miền Bắc khắt khe và gian khổ, v.v.; trong tình hình khủng bố dữ dội, họ dễ hoang mang, nằm im chờ thời hoặc tạm thời chịu khuất phục.

Đảng phải chú trọng nâng cao tinh thần yêu nước của trí thức, tranh thủ họ dần dần tham gia mặt trận chính trị, văn hoá mở rộng lực lượng đoàn kết chống Mỹ - Diệm.

Giai cấp tư sản dân tộc một mặt có tinh thần chống đế quốc và phong kiến, mặt khác lại có thái độ tiêu cực và có xu hướng cải lương chủ nghĩa. Lúc đầu họ hy vọng chế độ Mỹ - Diệm sẽ đem lại cho họ ít nhiều quyền lợi, nhưng Mỹ - Diệm vẫn chèn ép họ, đứng trước sự đối lập của hai phe đế quốc chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trong nước và trên thế giới, trước tình trạng đế quốc Mỹ ngày càng gặp nhiều khó khăn, một bộ phận tư sản dân tộc muốn theo con đường hòa bình trung lập. Cũng có một bộ phận tán thành thống nhất theo tinh thần của Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc. Do thế lực kinh tế và chính trị

nhỏ bé và bản chất hai mặt của họ, tự họ không đủ năng lực đứng lên chống Mỹ - Diệm nhưng họ vẫn mong muốn có một chính quyền của giai cấp tư sản. Khi phong trào quần chúng chống Mỹ - Diệm lên mạnh, họ có thể tham gia phong trào, đồng thời cũng muốn nhân cơ hội trỗi lên giành quyền lãnh đạo chính trị. Tuy thái độ của giai cấp tư sản dân tộc là như vậy, nhưng ta không thể coi nhẹ vai trò của họ mà cần nhận rõ họ vẫn là một lực lượng không thể thiếu được trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến, là *bạn đồng minh có điều kiện của giai cấp công nhân*.

Tư sản mại bản có quyền lợi dính liền với đế quốc và phong kiến, chúng chống lại lợi ích của nhân dân. Ở miền Nam, bọn tư sản mại bản thân Mỹ ngày càng có thế lực, chúng ra sức lũng đoạn kinh tế, kịch liệt chống lại phong trào cách mạng của nhân dân. Còn bọn tư sản mại bản thân Pháp thì bị chèn ép, cho nên cũng có ít nhiều mâu thuẫn với Mỹ - Diệm. Ta phải biết lợi dụng mâu thuẫn đó để cô lập và làm suy yếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai của Mỹ hơn nữa.

Giai cấp địa chủ căn bản được chế độ Mỹ - Diệm khôi phục địa vị kinh tế và chính trị ở miền Nam. Đứng về giai cấp mà nói, giai cấp địa chủ là lực lượng phản động, là *đối tượng của cách mạng* dân tộc dân chủ nhân dân. Nhưng hiện nay ở miền Nam, một số địa chủ tỏ ra hoài nghi ít nhiều về tương lai của chế độ Mỹ - Diệm; chính sách kinh tế và chính trị của Mỹ - Diệm có một phần không thoả mãn quyền lợi của họ, có khi còn động chạm đến quyền lợi của một số ít địa chủ. Thêm vào đó, nông dân vẫn kiên quyết tiếp tục đấu tranh để bảo vệ những quyền lợi về ruộng đất đã giành được trong kháng chiến. Cho nên, trừ một số địa chủ phản động ngoan cố dựa hẳn vào thế lực Mỹ - Diệm để bóc lột, đàn áp nông dân, phá hoại cơ sở cách mạng, và một số địa chủ di cư không có ruộng đất đang biến thành một bọn lưu manh, làm tay chân đắc lực cho Mỹ - Diệm,

còn số khác trong giai cấp địa chủ tuy vẫn muốn duy trì quyền lợi của mình, không muốn thống nhất nước nhà, nhưng lại tỏ thái độ lung chừng, không dám theo hẳn Mỹ - Diệm. Ở những nơi phong trào kém, chúng câu kết với bọn tay sai của Mỹ - Diệm ở nông thôn và dựa vào lực lượng quân đội miền Nam để thu tô và tăng tô, lấy lại ruộng đất. Một số địa chủ trước đây tham gia kháng chiến hoặc có con em đi tập kết, nay ít nhiều vẫn có tinh thần chống Mỹ - Diệm, tán thành thống nhất. Một số ít địa chủ muốn theo con đường hòa bình trung lập. Một số địa chủ thân Pháp cũng không tán thành chính sách của Mỹ - Diệm.

Thái độ các giai cấp như trên, quyết định việc sắp xếp lực lượng cách mạng ở miền Nam và phương pháp tiến hành vận động cách mạng trong các tầng lớp ấy. Ngoài ra, trong quá trình vận động cách mạng, Đảng cần có chính sách đúng đắn đối với những lực lượng đặc biệt nói sau đây. Tuy những lực lượng này không phải ở ngoài các giai cấp đã phân tích, nhưng việc chú ý đến họ có một ý nghĩa chính trị rất quan trọng trong chính sách đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng yêu nước ở miền Nam để chống Mỹ - Diệm.

Các dân tộc thiểu số bao gồm trên một triệu người, sống trên một vùng rừng núi rộng lớn (2/3 của đất đai miền Nam), ở vào một vị trí chiến lược rất quan trọng. Họ có truyền thống chống ngoại xâm, trước đây đã cùng với toàn dân đoàn kết, đấu tranh trong Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng; ngày nay, trừ một số ít thuộc tầng lớp trên bị mua chuộc, và một số ít sống trong đôn bốt làm tay sai cho bọn Mỹ - Diệm, còn nói chung các dân tộc vẫn một lòng tin tưởng ở Hồ Chủ tịch, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng và kiên quyết chống Mỹ - Diệm. Đảng phải có chính sách dân tộc đúng đắn để đoàn kết các dân tộc thiểu số đấu tranh chống đế quốc và phong kiến ở miền Nam, nâng cao tinh thần của họ chống Mỹ - Diệm.

Các tín đồ tôn giáo (Cao Đài, Hòa Hảo, Phật giáo, v.v.), đại đa số là nông dân, đều có mâu thuẫn với chính quyền Mỹ - Diệm về quyền lợi dân tộc, quyền lợi tôn giáo và quyền lợi giai cấp. Ngay cả trong Công giáo, cũng có bộ phận theo Diệm và có bộ phận chống Diệm. Trong mấy năm qua, chúng ta thu kết quả tốt trong việc đoàn kết và tranh thủ các lực lượng tôn giáo, cần phải tiếp tục tăng cường đoàn kết rộng rãi trong các vùng tôn giáo, vận động các tín đồ tôn giáo đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Bình lính trong quân đội miền Nam hiện nay là công cụ của địch, nằm trong bộ máy đàn áp khủng bố của chúng, nhưng binh lính hầu hết xuất thân từ nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân. Chính sách cướp giết, khủng bố, đàn áp của Mỹ - Diệm, chế độ quân dịch hà khắc của chúng, dần dần làm cho họ không đồng tình với chính sách gây chiến và nô dịch của Mỹ - Diệm. Do phong trào cách mạng của quần chúng công nông ngày càng phát triển, ý thức chống Mỹ - Diệm, tinh thần dân tộc dân chủ, ý muốn hòa bình và thống nhất có thể nảy nở và phát triển trong quân đội miền Nam. Tuy nhiên, phải thấy rõ tính chất rất phản động của bọn lưu manh, côn đồ và bọn con cái địa chủ và tư sản mại bản thù hằn với cách mạng đã được Mỹ - Diệm rèn luyện trong quân đội đó.

Vì quân đội là chỗ dựa chủ yếu của Mỹ - Diệm để bảo tồn chế độ của chúng, và đồng thời cũng là lực lượng mà cách mạng cần phải tranh thủ, cho nên binh vận là công tác hết sức quan trọng để tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp.

Đông bào miền Bắc di cư vào Nam (trừ bọn địa chủ đã bị đánh đổ ở miền Bắc, chạy vào Nam, và bọn phản động đội lốt Công giáo) nói chung ngày càng thấy rõ bộ mặt lừa phỉnh và gian ác của Mỹ - Diệm, đều mong muốn hòa bình thống nhất nước nhà để trở về miền Bắc.

Sự phân tích thái độ chính trị của các giai cấp trên đây để ra khả năng tập hợp ngày càng đông đảo các lực lượng yêu nước

và dân chủ ở miền Nam trong một mặt trận dân tộc thống nhất thật rộng rãi, lấy liên minh công nông làm cơ sở và do Đảng ta lãnh đạo, để có lập đến cao độ và đánh đổ chế độ độc tài tàn bạo của Mỹ - Diệm, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Lực lượng của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là bốn giai cấp trong nhân dân ở miền Nam: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc và những nhân sĩ yêu nước.

Động lực của cách mạng ở miền Nam là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, lấy khối liên minh công nông làm cơ sở, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Miền Bắc xã hội chủ nghĩa là *cơ sở vững chắc* của phong trào cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

II. NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM Ở MIỀN NAM

Căn cứ vào các đặc điểm tình hình hiện nay và thái độ chính trị của các giai cấp ở miền Nam, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đề ra nhiệm vụ cách mạng Việt Nam ở miền Nam như sau:

1. *Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.*

2. *Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải*

thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

3. Phương hướng phát triển của cách mạng ở miền Nam.

Vì chế độ miền Nam là một chế độ thực dân và nửa phong kiến cực kỳ phản động và tàn bạo, vì chính quyền miền Nam là chính quyền đế quốc và phong kiến độc tài, hiếu chiến, cho nên ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Chỉ có sự thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt cảnh cùng khổ của nhân dân miền Nam, mới triệt để đánh bại mọi chính sách nô dịch, chia cắt và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam. Cách mạng Việt Nam ở miền Nam nói chung không thể đi ra ngoài quy luật chung của cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa từ trước đến nay, cho nên con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Đó là mục tiêu phấn đấu của nhân dân miền Nam hiện nay. Vì chế độ thống trị của Mỹ - Diệm dựa vào vũ lực để tồn tại, mà chúng ta thì phải dựa vào lực lượng quần chúng, lấy lực lượng quần chúng đánh đổ chúng, cho nên muốn đạt được mục tiêu đó, cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, thì mới có thể có điều kiện nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Tuy vậy, cần thấy rằng cách mạng ở miền Nam vẫn có khả năng hòa bình phát triển, tức là khả năng dần dần cải biến tình thế, dần dần thay đổi cục diện chính trị ở miền Nam có lợi cho

cách mạng. Khả năng đó hiện nay rất ít, song Đảng ta không gạt bỏ khả năng đó, mà cần ra sức tranh thủ khả năng đó. Nhưng đồng thời, vì Mỹ - Diệm quyết tâm bám lấy miền Nam, chúng không thể tự nguyện từ bỏ chính quyền, từ bỏ hành động bạo lực nhằm tiêu diệt cách mạng ở miền Nam và xâm lược miền Bắc, cho nên Đảng ta vẫn phải tích cực chuẩn bị về mọi mặt theo phương hướng căn bản là khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm.

Quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam hiện nay là quá trình xây dựng, củng cố và phát triển phong trào quần chúng đấu tranh về chính trị, kinh tế, văn hoá và bảo đảm cho phong trào đi đúng đường lối của Đảng, tiến từ những hình thức thấp, từ đẩy lùi chính quyền địch từng bước đến những hình thức cao với những chuyển biến làm lay chuyển tận gốc chính quyền đó, và cuối cùng phát động quần chúng khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm, khi có thời cơ thuận lợi ở trong nước và trên thế giới. Cuộc khởi nghĩa ấy đổ máu nhiều hay ít là tùy ở mức độ chống trả của địch đối với cách mạng, tùy ở lực lượng so sánh giữa ta và địch. Quá trình đó là quá trình đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp giữa ta và địch để thực hiện những nguyện vọng hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và cải thiện đời sống của nhân dân miền Nam. Trong quá trình đó, cần kết hợp sử dụng những hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp, cần phối hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị với phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ.

Trong quá trình đấu tranh lâu dài, gay go, gian khổ, phức tạp đó, hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu. Song do quần chúng quyết định cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu của phong trào cách mạng ở miền Nam, cho nên trong một chừng mực nhất định và ở những địa bàn nhất định, đã xuất hiện những lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để trợ lực cho đấu tranh chính trị. Đó là một điều cần thiết. Tuy nhiên, khi sử

dụng lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền, cần phải thấu suốt nguyên tắc phục vụ cho đấu tranh chính trị, và phục tùng lợi ích của đấu tranh chính trị, phải làm cho cán bộ và nhân dân nắm vững khẩu hiệu chính trị, nắm vững công tác động viên và tổ chức lực lượng chính trị của quần chúng làm cơ bản. Trừ gian phải phục vụ lợi ích của đấu tranh chính trị, và phải phục tùng lợi ích của phong trào, phải làm có trọng điểm và hết sức thận trọng, phải hết sức che giấu lực lượng và giữ gìn cơ sở. Phải kiên quyết khắc phục thiên hướng lấy khủng bố cá nhân thay cho đấu tranh của quần chúng.

Trong quá trình tiến hành đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm, cũng có thể nảy ra những hình thức quá độ nhằm phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, như đặt quan hệ kinh tế, văn hoá, đi lại, v.v. giữa hai miền Nam - Bắc mà Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đề ra. Chúng ta cần tranh thủ và triệt để sử dụng các hình thức ấy để đưa cách mạng tiến lên, thực hiện thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ.

Tình hình cũng có thể diễn biến phức tạp khi phong trào cách mạng đã đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Để tránh bớt những khó khăn không cần thiết cho cách mạng, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong phe đế quốc, phân hoá hàng ngũ kẻ thù và cô lập cao độ đế quốc Mỹ, thì trên bước đường tiến lên của cách mạng việc thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ rộng rãi bao gồm đại biểu các giai cấp và tầng lớp chống Mỹ - Diệm là cần thiết. Nhưng điều cần bản là Đảng phải giữ vững vai trò lãnh đạo và nắm chặt cơ sở quần chúng. Các chính sách nội trị và ngoại giao của chính quyền đó cần một mặt nhằm đưa cách mạng tiến lên, mặt khác phải nhằm triệt để cô lập đế quốc Mỹ và tay sai.

Nhưng đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân

miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta. Trong khi lãnh đạo, Đảng ta phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó trong mọi tình thế.

*
* *

Để đảm bảo cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam thành công, sự lãnh đạo của một đảng *Mác-Lênin vững mạnh* là một nhân tố quyết định. Không ngừng củng cố và phát triển Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và quần chúng, đó là vấn đề chủ yếu có tính chất quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng.

Đảng phải đẩy mạnh công tác dân vận, tiến tới thành lập một *Mặt trận Dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm thật rộng rãi* lấy liên minh công nông làm cơ sở, bao gồm tất cả những lực lượng yêu nước ở miền Nam, tranh thủ mọi người có thể tranh thủ được, ngay cả những phân tử có khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền của đối phương. Đảng phải xúc tiến đặc biệt *công tác binh vận*, kiên trì, bí mật và khéo léo đi sâu tranh thủ cho được đa số binh lính đồng tình với cách mạng, tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp.

Về mặt sách lược, trong tình hình phức tạp của cách mạng ở miền Nam, Đảng phải theo dõi sát phong trào, nắm vững tình hình, đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, dự đoán đúng chuyển biến của phong trào, để định hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức cho thích hợp và kịp thời. *Phải biết triệt để lợi dụng mâu thuẫn nội bộ của chế độ Mỹ - Diệm*, luôn luôn chủ động và tranh thủ thêm bạn, bớt thù, làm cho hàng ngũ cách mạng ngày càng lớn mạnh, thế lực của địch ngày càng suy yếu và bị động.

Trong công tác, phải làm cho tổ chức của Đảng không ngừng ăn sâu trong quần chúng, bám chặt vào quảng đại quần chúng; nắm vững các phương châm; *khéo công tác, khéo che giấu lực lượng, bảo tồn cơ sở và tích trữ lực lượng để có thể đấu tranh lâu dài và giành thắng lợi cuối cùng, càng đấu tranh càng mở rộng cơ sở và mở rộng phong trào*, chứ không thể làm tiêu hao lực lượng và bó hẹp phong trào, phải khéo kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp; tùy nơi tùy lúc phải biết khéo kết hợp các khẩu hiệu kinh tế, văn hoá với khẩu hiệu chính trị; khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị với vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ; phải phối hợp chặt chẽ phong trào ở thành thị, ở nông thôn và vùng căn cứ, phong trào ở miền Nam và ở miền Bắc, phong trào trong nước với phong trào cách mạng thế giới. Việc nắm lấy thời cơ cách mạng là vấn đề rất quan trọng cho sự thành công của cách mạng, nắm không kịp thời cơ hoặc đi quá sớm cũng đều đưa đến tổn thất cho cách mạng. Để có thể sử dụng được thời cơ, vấn đề căn bản là phải tích cực xây dựng cơ sở, bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng, phát triển phong trào và cô lập kẻ địch.

Trong các công tác và phương châm nói trên, cần phải nắm vững mấy công tác chính là: không ngừng củng cố và phát triển đảng, đẩy mạnh công tác dân vận, không ngừng củng cố và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất, xúc tiến đặc biệt công tác binh vận.

III- VẤN ĐỀ MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT Ở MIỀN NAM

Củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước là nhiệm vụ chung của toàn Đảng và toàn dân ta. Nhưng vì nhiệm vụ cơ bản của mỗi miền khác nhau, cho nên nhiệm vụ, tính chất, thành phần mặt trận

ở mỗi miền có chỗ khác nhau. Vì vậy, cần có mặt trận riêng cho miền Nam.

Cách mạng Việt Nam ở miền Nam hiện nay là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cho nên mặt trận ở miền Nam hiện nay có tính chất dân tộc dân chủ, nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống đế quốc và phong kiến. Thành phần của nó bao gồm bốn giai cấp trong nhân dân miền Nam (giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc) và những nhân sĩ yêu nước, lấy liên minh công nông làm cơ sở, và do Đảng ta lãnh đạo. Đối với địa chủ và tư sản mại bản, cần phải phân hoá cao độ, lôi kéo những phần tử chống Mỹ - Diệm, trung lập những phần tử lừng chừng, để cô lập hơn nữa bọn tư sản mại bản thân Mỹ và bọn địa chủ phản động nhất, ngoan cố theo Mỹ - Diệm.

Trong tình hình cụ thể hiện nay, để phân hoá triệt để, cô lập và đánh bại kẻ thù cụ thể trước mắt và nguy hiểm nhất là Mỹ - Diệm, Mặt trận Dân tộc thống nhất ở miền Nam phải rất rộng rãi, phải đoàn kết tất cả các dân tộc đa số và thiểu số, các đảng phái, các tôn giáo và những cá nhân yêu nước, đoàn kết với ngoại kiều, đặc biệt là Hoa kiều; không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chính kiến, điều cốt yếu là chống Mỹ - Diệm, tán thành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và hòa bình thống nhất Việt Nam. Phải tranh thủ đoàn kết mọi người có thể đoàn kết được, phải trung lập mọi người có thể trung lập được, kể cả những người có ít nhiều khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền miền Nam, đặc biệt chú ý những tầng lớp bên dưới trong các cơ quan hành chính và quân đội miền Nam.

Khuynh hướng hòa bình trung lập là một khuynh hướng chính trị đang bắt đầu nảy nở trong một số tư sản dân tộc và trí thức lớp trên ở miền Nam, cho nên cần phải chú ý tranh thủ và sử dụng khuynh hướng chính trị này để mở rộng mặt trận chống Mỹ - Diệm. Đảng ta phải theo dõi sát tình hình

trong nước và các mặt phát triển hiện nay của thế giới, để có thể chủ động sử dụng khuynh hướng ấy một cách có lợi nhất cho cách mạng.

Cách mạng ở miền Nam phải có chính sách đúng đắn đối với các dân tộc thiểu số để phá âm mưu xây dựng căn cứ quân sự của địch và phá chính sách chia rẽ dân tộc của địch, để mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất ở miền Nam.

Mặt trận ở miền Nam phải nhằm tập hợp mọi lực lượng nhân dân miền Nam chung quanh các yêu cầu cấp bách nhất ở miền Nam hiện nay là:

- Đòi hòa bình, chống chính sách gây chiến của Mỹ - Diệm.
- Đòi thống nhất nước nhà, chống chính sách chia cắt của Mỹ - Diệm.
- Đòi độc lập, dân chủ, chống chính sách nô dịch và độc tài hung bạo của Mỹ - Diệm.
- Đòi an ninh, đòi tôn trọng tính mạng, tài sản của nhân dân, chống chính sách tàn sát, khủng bố của Mỹ - Diệm.
- Đòi cải thiện đời sống nhân dân: công nhân có công ăn việc làm, nông dân được giảm tô, giảm tức và tiến tới người cày có ruộng, binh lính được tăng lương và đổi đãi tử tế; chống chế độ độc quyền công thương nghiệp của tập đoàn thống trị, bảo vệ nội hoá, đòi xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Để nêu rõ những yêu cầu trên đây, Mặt trận ở miền Nam cần phải có một bản cương lĩnh cụ thể, và phải đề ra những khẩu hiệu thiết thực, phù hợp với tình hình từng nơi, từng lúc để động viên và tập hợp quảng đại quần chúng, thống nhất hành động chống Mỹ - Diệm trong mọi trường hợp cụ thể, từ thấp đến cao.

Mặt trận miền Nam tuy là riêng cho miền Nam, không nằm trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhưng phải cùng thực hiện mục tiêu chung với Mặt trận Tổ quốc là nhằm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và thực tế phải do Đảng ta lãnh đạo.

IV- VẤN ĐỀ ĐẢNG

Hơn bốn năm qua, Đảng bộ miền Nam chuyển vào cuộc đấu tranh chính trị phức tạp dưới một chế độ độc tài hết sức tàn bạo. Bọn Mỹ - Diệm đã không từ một thủ đoạn gian ác, xảo quyệt nào để tiêu diệt Đảng bộ miền Nam. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, toàn Đảng bộ đều đoàn kết thành một khối, đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ, đã và đang lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh anh dũng chống mọi âm mưu thâm độc của địch để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Sự tồn tại và sự trưởng thành của Đảng bộ miền Nam là một thắng lợi rất cần bán của phong trào cách mạng ở miền Nam. Hiện nay vấn đề củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp đảng bộ và nhất là của chi bộ là điểm mấu chốt, nó có một ý nghĩa hết sức cấp bách đối với sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Trước hết, cần đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng, nâng cao không ngừng trình độ tư tưởng và trình độ chính trị của đảng viên, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí và sự trong sạch của hàng ngũ Đảng. Phải giáo dục rèn luyện cho mỗi đảng viên trở thành một chiến sĩ kiên cường, bất khuất, luôn luôn nắm vững và biết chủ động vận dụng đường lối chính sách của Đảng, luôn luôn anh dũng đấu tranh chống kẻ thù và sẵn sàng hy sinh vì cách mạng, luôn luôn liên hệ mật thiết với quần chúng, tin tưởng sát đá vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Phải thấy công tác xây dựng chi bộ ở nông thôn, xí nghiệp, đường phố, cơ quan giao thông, vận tải, v.v. là khâu hết sức quan trọng. Phải thấu suốt phương châm bí mật, nhỏ, gọn, trọng chất hơn lượng, nhằm bảo đảm cho mỗi chi bộ thật sự trở thành một đình lũy chiến đấu của Đảng, được lực lượng quần chúng bao bọc, che chở, và có đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức quần chúng thực hiện những khẩu hiệu của Đảng. Phải bảo

dảm cho mỗi đảng viên có thể thường xuyên thông qua cốt cán mà liên hệ mật thiết với quần chúng, nắm vững tình hình quần chúng. Ở các đường giao thông yết hầu, các vùng dân tộc thiểu số, cần chú ý xây dựng và phát triển Đảng. Tùy theo nhu cầu công tác của Đảng, bên cạnh chi bộ, cần phát triển một cách mạnh mẽ và chắc chắn những chi đoàn thanh niên lao động, trên cơ sở nhận thức đầy đủ Đoàn là cánh tay, là đội hậu bị của Đảng, có trách nhiệm xung phong thực hiện tất cả những nhiệm vụ mà Đảng giao cho.

Hết sức tranh thủ điều kiện giáo dục, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ để bổ sung cho đội ngũ chiến đấu của Đảng. Trong công tác cán bộ, cần đặc biệt chú ý bảo vệ cán bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đặc biệt chú ý những cán bộ xuất thân trong các thành phần cơ bản.

Trong việc xây dựng Đảng về mặt tổ chức, phải hết sức đề cao công tác bí mật. Từ việc đi lại, ăn ở, giấy tờ, tổ chức cơ quan, tổ chức giao thông, liên lạc, sử dụng cán bộ, v.v. đều phải triệt để tôn trọng nguyên tắc bí mật của Đảng. Đồng thời phải biết triệt để sử dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để khéo léo che giấu lực lượng của Đảng. Không ngừng nâng cao cảnh giác, tinh táo để phòng mọi sự xâm nhập, phá hoại của bọn gián điệp và những phần tử đầu hàng, phản bội.

Trong công tác, phải luôn luôn đi sát, nắm vững tình hình để kịp thời đổi phó. Công tác giao thông liên lạc là công tác mấu chốt thường xuyên của các cấp ủy đảng. Cần đề cao ý thức, trách nhiệm đối với công tác này. Cần tổng kết kinh nghiệm để phổ biến kịp thời, tránh tổn thất cho phong trào.

Để bảo vệ các cơ quan đầu não và che giấu cán bộ, cần xây dựng ở các địa phương những cơ sở an toàn và khu an toàn.

Hiện nay, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ta, nhân dân ta đang tiến hành một cuộc cách mạng với hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau. Vì hoàn cảnh khó khăn, phức tạp của

cách mạng ở miền Nam, Trung ương cần phải tăng cường sự lãnh đạo về các mặt chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện đối với các đảng bộ miền Nam.

*
* *

Đảng ta đang đứng trước những nhiệm vụ cách mạng rất nặng nề nhưng rất vẻ vang: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tạo điều kiện cho cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị Trung ương lần thứ 15 kêu gọi toàn Đảng, ở cả miền Bắc và miền Nam, tăng cường đoàn kết nhất trí, bồi dưỡng chí khí chiến đấu, nâng cao tinh thần cảnh giác, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng và đông đảo quần chúng nhân dân cả nước, ra sức phấn đấu giành thắng lợi trong giai đoạn mới.

Hội nghị tin tưởng sắt đá rằng, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương đứng đầu là Hồ Chủ tịch, Đảng ta nhất định sẽ khắc phục được mọi khó khăn, tiến lên hoàn thành nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ XỨ ỦY NAM BỘ LẦN THỨ IV

I- TÌNH HÌNH

Trong mấy năm qua, Mỹ - Diệm dùng chính sách vũ lực đánh phá phong trào cách mạng và xúc tiến âm mưu quân sự chuẩn bị chiến tranh. Chúng tiến hành chính sách vũ lực tàn bạo ngày càng quy mô rộng lớn và phổ biến, quyết đìm phong trào trong máu lửa. Chúng đặc biệt ra sức càn quét đánh phá các vùng căn cứ kháng chiến cũ một cách ác liệt nhằm tiêu diệt Đảng, tiêu diệt cơ sở cách mạng của quần chúng, tiêu diệt lực lượng vô trang, dè bẹp uy thế cách mạng của quần chúng ở vùng này, tích cực thay đổi địa hình, địa vật ở khu căn cứ cách mạng cũ của ta, xây dựng căn cứ quân sự của chúng.

Nhằm mục đích đó, địch ngày càng tăng cường chính sách khủng bố vừa trắng trợn và sâu độc. Một mặt đánh phá uy thế Đảng, uy thế cách mạng bằng chính sách "tố cộng" bắt ép quần chúng tách rời Đảng, đặt ra Luật 10/59, điều tra phân loại quần chúng, sử dụng bọn đầu hàng đầu thú; một mặt tích cực phát triển gián điệp xã, sử dụng tế dân vệ xū một cách đặc lực hơn,

^{*} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr.977-1006.

phối hợp do thám và biệt kích; mặt khác chúng cường ép quần chúng vô các tổ chức phản động như phong trào cách mạng quốc gia, nhân dân tự vệ đoàn, hiệp hội nông dân, v.v., sử dụng một thiểu số tay sai lưu manh, gian ác đặc lực, kìm kẹp quần chúng trong các hình thức ấy, bắt ép quần chúng tuân theo luật lệ của chúng chống lại cách mạng. Nói chung, nơi nào địch cũng tăng cường khủng bố đàn áp, nhưng ở các vùng căn cứ kháng chiến cũ địch càn quét đánh phá một cách táo bạo và ác liệt hơn, chúng giết người hàng loạt, dùng mọi thủ đoạn tàn bạo ép buộc quần chúng bỏ ruộng vườn, nhà cửa ra ở khu tập trung mà chúng gọi là "khu trù mật", trắng trợn tàn bạo trả thù những người trước đây tham gia kháng chiến.

Địch chẳng những ráo riết tăng cường chuẩn bị chiến tranh, tăng cường khủng bố đàn áp mà còn thẳng tay bóc lột, vơ vét nhân lực, tài lực, vật lực bằng đủ mọi cách, bản cùng hoá đời sống nhân dân, đưa quần chúng vào cảnh nghèo đói, khốn khổ ngày càng nghiêm trọng...

Chính sách gây chiến khủng bố đàn áp và cướp bóc vơ vét của Mỹ - Diệm đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng. Nhân dân bị thiệt hại nặng nề về tài sản, mùa màng, ruộng vườn nhà cửa, công ăn việc làm bị đình đốn, mùa màng bị tàn phá, sanh mạng luôn luôn bị uy hiếp, đời sống không có một chút an ninh, trật tự, đen tối như trong một nhà ngục.

Mặc dù địch dùng những thủ đoạn tàn ác và lừa bịp xảo quyệt nhưng đông đảo các tầng lớp nhân dân ngày càng căm thù địch, nhận rõ bộ mặt cướp nước và bán nước của chúng và ngày càng kiên quyết đấu tranh chống lại chúng.

Trong thời gian qua, với chính sách vũ lực tàn bạo của địch, xét về mặt nào đó, địch đã chủ động trong việc thực hiện âm mưu của chúng, ta phải bị động đối phó hằng ngày với địch. Nhưng xét về căn bản thì tuy ta có gặp một số khó khăn

mới, tuy từng nơi từng lúc ta phải bị động đối phó với địch, nhưng về toàn cục thì đường lối chính trị hòa bình dân tộc và dân chủ của ta ở thế chủ động, ta ngày càng tranh thủ được đông đảo các tầng lớp nhân dân theo đường lối chính trị của ta. Trái lại địch bị động về toàn cục, chúng không thể cai trị được theo ý muốn của chúng. Chính do lực lượng chính trị đông đảo của quần chúng, chủ yếu là công nông đã làm thất bại về căn bản chính sách phản động của địch trong mấy năm qua. Thắng lợi căn bản ấy của phong trào cách mạng miền Nam làm cho tình hình chính trị, kinh tế, xã hội miền Nam ngày càng khủng hoảng trầm trọng hơn, nội bộ địch càng mâu thuẫn hơn, địch sẽ gặp nhiều khó khăn mà không sao chúng thoát ra được. Tình hình ấy sẽ làm cho địch càng bị động, càng bị cô lập hơn.

Nhưng cũng cần phải thấy chính sách khủng bố tàn bạo của Mỹ - Diệm đã gây cho ta một số tổn thất khá quan trọng, làm cho Đảng bộ ta có gặp nhiều khó khăn trong việc giữ vững và phát triển phong trào. Mặt khác chúng ta cũng cần phải thấy chủ quan của ta còn có nhiều thiếu sót, lệch lạc để nghiêm chỉnh kiểm điểm, tìm ra nguyên nhân chính như sau:

a) Đảng bộ ta tuy có tiến bộ hơn trước nhiều mặt, nhưng vẫn còn thiếu sót nhiều về mặt đi sâu, đi sát tìm hiểu yêu cầu, nguyện vọng và quyền lợi thiết thân hàng ngày của quần đại quần chúng nhân dân trước áp bức, bóc lột nặng nề hiện nay của địch để phát động tư tưởng đúng mức, tập hợp lực lượng đông đảo và lãnh đạo quần chúng đấu tranh về quyền lợi dân sinh kinh tế thiết thực và dân chủ hợp thời, tạo điều kiện thuận lợi đưa cách mạng miền Nam tiến lên.

b) Tư tưởng của Đảng bộ còn nặng co thủ, chưa thật quyết tâm, mạnh dạn đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng quyết liệt, rộng mạnh, tấn công địch vì chưa tuyệt đối tin tưởng vào tinh thần, khả năng, sức mạnh đấu tranh của quần

chúng chặn được bàn tay dẫm máu của địch và tiến lên đánh bại mọi âm mưu của địch.

c) Cơ sở tổ chức của Đảng bộ, chủ yếu là chi bộ, qua các đợt củng cố, số lượng đảng viên, cán bộ còn ít ỏi, non yếu và cũng chưa thật bí mật, gọn nhẹ, ngăn cản, chưa thật hoà mình trong đông đảo quần chúng để tồn tại lâu dài. Nguyên tắc xây dựng Đảng bí mật, tác phong, lề lối làm việc chưa thật nắm vững, còn nhiều thiếu sót. Khi địch đánh mạnh nên có số chi bộ tan rã hay tê liệt hoạt động, không bám sát quần chúng, cơ sở để lãnh đạo phong trào quần chúng chiến đấu chống địch hàng ngày liên tục.

d) Có số đảng viên, cán bộ (số ít) vì không giữ vững được khí tiết cách mạng, địch bắt động giao sự chết khai báo, đầu thú đầu hàng đã làm hại đến uy thế Đảng, quần chúng, đã làm tổn thất không ít đến phong trào, cho tổ chức của Đảng bộ.

Sắp tới Mỹ - Diệm sẽ điên cuồng đánh phá Đảng hơn nữa, dìm phong trào trong máu lửa dã man tàn khốc hơn. Để đảm bảo cho phong trào được giữ vững và phát triển, chúng ta một mặt phải biết đi sâu tìm nguyên nhân, rút ra bài học và quyết tâm khắc phục, sửa chữa sai lầm chủ quan để vượt khó khăn, hạn chế tổn thất, mặt khác cũng phải thấy được những ưu điểm để phát huy thắng lợi.

*
* * *

Nhìn chung phong trào năm rồi, căn bản ta giữ vững, có tiến bộ hơn năm 1958 nhiều mặt - ở đô thị, nhất là ở S/C¹. Đảng bộ ta tuy có bị tổn thất nặng nề nhưng phong trào cũng được duy trì và cũng có tiến bộ.

1. S/C: Sài Gòn - Chợ Lớn (B.T).

Trong năm qua Đảng bộ ta đã có chú trọng nhiều hơn đến quyền lợi dân sinh kinh tế thiết thực và dân chủ hợp thời, biết bình vực quyền lợi hàng ngày của đông đảo quần chúng. Kết quả đã thu được những thành tích và thắng lợi đáng kể. Nhất là ở miền Tây, Đảng bộ đã nêu ra được hướng đấu tranh về quyền lợi dân sinh kinh tế, cụ thể là quyền lợi ruộng đất, chống thuế, xấu, chống thất mùa, đòi cứu đói... và biết kết hợp chặt chẽ các khẩu hiệu chống đàn áp khủng bố ở địa phương, chống lập ác ôn, ác bá..., mặc dầu địch rất hung hăng chém giết dã man, phong trào vẫn tập hợp được rộng rãi quần chúng tham gia, đấu tranh liên tục, mạnh mẽ. Theo những con số báo cáo không đầy đủ, toàn miền nông dân giành cơ giữ được lối 150.000 mẫu tây ruộng đất. Tỉnh Cần Thơ giữ được 77.500 mẫu trong tổng số 93.500 mẫu ruộng đất cày cấy, đã đấu tranh giành cơ không chịu làm khế ước đóng tô. Trong số diện tích giữ được nói trên có 22.700 mẫu nông dân hoàn toàn làm chủ không đóng thuế, nạp tô.

Các miền khác, tuy đã có chú ý nhiều hơn đến quyền lợi thiết thân của quần chúng, nhưng vẫn còn thiếu sót về mặt liên kết chặt chẽ các khẩu hiệu kinh tế thiết thực và dân chủ hợp thời; vẫn còn nặng về đấu tranh khẩu hiệu chính trị, các cuộc đấu tranh lớn, đột xuất như các vụ chống thám sát Phú Lợi, chống đàn áp khủng bố, kỷ niệm đảng, bầu quốc hội...

Phong trào cũng đã được nâng cao với những khẩu hiệu có tính chất chính trị chống Mỹ - Diệm tương đối rõ ràng hơn, như đấu tranh đòi bầu lại quốc hội, chống vụ thám sát Phú Lợi, đòi độc lập kinh tế, chống đầu hoá...

Hình thức đấu tranh thì rất phong phú, số cuộc đấu tranh lớn nhỏ đều có tăng lên, tánh chất đấu tranh có mạnh mẽ quyết liệt hơn và số người tham gia càng đông đảo hơn.

Các cuộc đấu tranh dư luận, chất vấn, đưa ý kiến nguyện vọng có xảy ra thường xuyên, rộng rãi khắp nơi và cũng đã có

chú ý dẫn dư luận về các đô thị xung yếu của địch. Biểu tình quần chúng thì có rất nhiều cuộc tập hợp hàng chục người hàng 300, 500 người, hàng ngàn người đấu tranh trực diện với tế xã, tế ấp. Nhiều nhất là ở miền Tây. Có một số cuộc tập hợp hàng trăm, hàng ngàn người đấu tranh tại quận, tỉnh và một ít cuộc đấu tranh đến chánh quyền Trung ương của địch. Có những cuộc đấu tranh giành cơ đến 2, 3 năm gồm hàng ngàn người như nông dân đồn điền Cờ Đỏ đòi cấp ruộng Tây, chống làm khế ước, chống thu tô, thu thuế, như cuộc đấu tranh của đồng bào xung quanh trại Quang Trung đòi giữ nhà, giữ đất. Có những cuộc đấu tranh rất quyết liệt, đổ máu giữ đất, giữ nhà ở Thổ Sơn, Long Mỹ...

Ở đô thị và vùng tập trung công nhân, dân nghèo có các cuộc đấu tranh quan trọng. Trong ngày 1-5, có hàng chục vạn nhân dân lao động biểu tình tuần hành đưa yêu sách bình vực quyền lợi giai cấp, dân tộc, có những khẩu hiệu đòi tăng lương, phụ cấp, công ăn việc làm, chống thất nghiệp sa thải, đòi các quyền tự do dân chủ, tự do nghiệp đoàn; đòi bảo vệ công kỹ nghệ, nông nghiệp bản xứ, đòi thống nhất Việt Nam bằng phương pháp hòa bình... Có những cuộc bãi công ở hãng lave, nước đá, hãng dầu, sở hoá xa, nhà đèn có hàng trăm thợ tham gia. Các cuộc đấu tranh khác của hàng 300.000 bạn hàng chợ chống thuế biểu đấu thầu, 200.000 người lái xe tắcxi chống quy chế mới; hàng vạn người đấu tranh giành cơ chống đốt nhà, đuổi nhà. Đồn điền cao su liên tiếp có nhiều cuộc bãi công gồm hàng vạn người tham gia giới tư sản trí thức, học sinh cũng có phong trào đấu tranh tương đối khá...

Phong trào đã tiến theo chiều hướng tốt, thuận lợi, do đó mà mặt trận đấu tranh đã được mở rộng thêm bao gồm mọi tầng lớp nhân dân, kể cả các tầng lớp trên, đồng bào di cư, tôn giáo, các dân tộc thiểu số... Đã có hành động thống nhất liên kết khẩu hiệu đấu tranh giữa thành thị và thôn quê;

giữa vùng này với vùng khác, giữa xí nghiệp này với xí nghiệp khác, chợ này với chợ nọ. Tuy vậy phong trào cũng chưa phát triển được đều, mạnh, mặt trận đấu tranh cũng chưa rộng rãi. Ở đô thị phong trào còn yếu. Ở nông thôn có số vùng bị giảm sút hơn trước vì cơ sở bị đánh mạnh có thiệt hại, quần chúng bị thế kìm kẹp gắt gao của địch có núng thẽ, tinh thần có sa sút hơn. Có chỗ phong trào có vượng lại chút ít, so với mức cũ vẫn còn yếu hơn. Khẩu hiệu công nông binh liên tiếp chưa thực hiện rộng khắp.

Kiểm điểm phong trào, Hội nghị X.U nhận thấy: do đường lối đúng đắn của Đảng, do tinh thần đấu tranh bất khuất của đảng viên và cán bộ, do sức mạnh đấu tranh cách mạng anh dũng và bền bỉ của quần chúng nên căn bản ta đã duy trì được phong trào, tổ chức và lực lượng VT³¹ vẫn tồn tại. Máy năm qua, trong đấu tranh chính trị ta biết kết hợp hoạt động VT³ để hỗ trợ, thúc đẩy phong trào, trong một số vùng hoạt động VT³ đã hạ uy thế địch và nâng uy thế ta, mở rộng ảnh hưởng và cơ sở cách mạng ở vùng yếu kém, tan rã, có tác dụng hạn chế hung hăng của bọn gian ác địa phương và phân hoá bọn này. Nhưng sử dụng VT³ thời gian qua trong phạm vi chiến thuật hỗ trợ thúc đẩy phong trào, ta cũng chưa sử dụng đúng mức và cũng chưa phát huy danh nghĩa, ảnh hưởng của VT³ tấn công chính trị vào địch. Có nơi cơ thủ quá, đối phó địch chưa tương xứng, có nơi không dám sử dụng cho nên địch có lấn lướt uy thế đấu tranh của quần chúng, làm thiệt hại cơ sở cách mạng khá quan trọng.

Tuy nhiên Hội nghị X.U cũng đã xác nhận bài học thắng lợi trong mấy năm qua là: ta đã biết dựa vào lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng là chủ yếu, lấy đấu tranh chính trị rộng rãi của quần chúng làm chính và giữ thế công khai hợp

pháp của phong trào. Điều đó có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong cuộc đấu tranh chống các chính sách của địch để đưa cách mạng tiến lên.

Nói chung giữ thế đấu tranh hợp pháp của quần chúng ta đã làm được. Riêng đối với vùng căn cứ kháng chiến cũ do chính sách vũ lực tàn bạo của địch, do quyền lợi sống còn của quần chúng mà quần chúng đã tỏ ra dám chết sống đấu tranh đối địch, quyết liệt chống lại địch. Đáng lý Đảng bộ địa phương phải kịp thời lãnh đạo phong trào này để giữ thế đấu tranh của quần chúng, trái lại, trước tình hình ấy chỉ thuyết phục quần chúng trở về thế hợp pháp đơn thuần làm thiệt hại đến phong trào, địch đánh phá mạnh tổ chức, đưa quần chúng vào thế bị kìm kẹp của địch. Trong các cuộc đàn áp khủng bố dã man của địch, đã xuất hiện một số ít quần chúng sinh sống bất hợp pháp với địch, tự động vũ trang tự vệ chiến đấu chống địch. Như ở Cà Mau có trên mười nhóm quần chúng có vũ trang. Đảng bộ địa phương tìm cách hạn chế, ngăn cản hình thức đấu tranh cao này, tìm cách sáp nhập vào VT³, họ sợ mất thế nên lẩn tránh ta. Tóm lại giữ thế hợp pháp cho phong trào đấu tranh của quần chúng, nhưng cũng phải mạnh dạn sử dụng các hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng đưa phong trào quần chúng tiến lên đúng mức, đúng phương châm, hợp tình hình mới có lợi.

Để đảm bảo sự thắng lợi cuối cùng, cần phải thấy hết những khó khăn phức tạp của tình hình và đánh giá đúng mức tương quan lực lượng giữa ta và địch hiện nay và nắm vững đường lối phương châm sách lược của Đảng. Cần phải nhận rõ phong trào cách mạng miền Nam hiện nay "chưa phải là thời kỳ trực tiếp cách mạng". Cho nên điều quan trọng của cách mạng miền Nam hiện nay là nên giữ vững được phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng và giữ vững được lực lượng lãnh đạo của Đảng tồn tại trong phong trào, để tranh

1. VT³: Vũ trang tuyên truyền (B.T).

thủ tích cực tích trữ lực lượng là tạo điều kiện căn bản cho cách mạng tiến lên thắng lợi.

*
* * *

II- NHIỆM VỤ

Căn cứ vào tình hình trên, nhiệm vụ cơ bản trước mắt của Đảng bộ ta hiện nay là:

1. Giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, lấy đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ của quần chúng làm chính, đồng thời kết hợp hoạt động VT³ để: chống chính sách khủng bố tàn bạo, chính sách bóc lột vơ vét, chính sách cướp nước và bán nước nô dịch dân tộc và gây chiến của Mỹ - Diệm. Ngăn chặn và đẩy lùi từng bước mọi chính sách của địch, đẩy địch vào thế bị động và cô lập hơn nữa về chính trị, tạo điều kiện thuận lợi tiến tới đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ.

2. Ra sức xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng tồn tại trong phong trào, tích cực tích trữ và bảo tồn lực lượng cách mạng để khi có điều kiện nắm lấy thời cơ chiến thắng hoàn toàn kẻ địch giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam hiện nay là quá trình xây dựng củng cố và phát triển phong trào quần chúng đấu tranh về chính trị, kinh tế, văn hoá, tiến từ những hình thức thấp đến những hình thức cao, từ đẩy lùi từng bước đến những chuyển biến làm lay chuyển đến tận gốc chính quyền địch và cuối cùng phát động quần chúng khởi nghĩa đánh đổ Mỹ - Diệm khi có thời cơ thuận lợi ở trong nước

và trên thế giới. Quá trình đó là quá trình đấu tranh gay go gian khổ, phức tạp giữa ta và địch để thực hiện những nguyện vọng hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và cải thiện đời sống của nhân dân.

Trong quá trình đấu tranh ấy phải nắm vững phương châm: khéo che giấu lực lượng, bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng để có thể đấu tranh lâu dài và giành thắng lợi cuối cùng; càng đấu tranh càng mở rộng cơ sở mở rộng phong trào, chớ không làm tiêu hao lực lượng bó hẹp phong trào. Quá trình đấu tranh và quá trình tập hợp lực lượng, là quá trình củng cố và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm.

Trong quá trình đó, phải biết kết hợp sử dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp một cách linh hoạt, phối hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị và phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ thì mới tạo được cái thế vững mạnh để đẩy phong trào cách mạng tiến lên.

Trong quá trình đấu tranh hiện nay phương châm chính là: lấy đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ của quần chúng làm chính có kết hợp đúng mức với hoạt động võ trang và giữ thế công khai hợp pháp cho phong trào nói chung. Địch dùng bạo lực, ta cũng phải giữ vững vị trí hợp pháp của quần chúng đấu tranh hàng ngày với địch, làm mất thế công khai hợp pháp lúc nấy thì sẽ bị động và gặp nhiều khó khăn nguy hiểm mới.

Trong thực tế quá trình đấu tranh với địch hiện nay trong các vùng căn cứ kháng chiến cũ, ở rải rác trong các tỉnh đã xuất hiện một số người bất hợp pháp đối địch với chính quyền Mỹ - Diệm, có những cái "túi" gồm có hàng trăm hàng ngàn người lẩn tránh địch và chiến đấu chống địch để tồn tại. Ta phải có kế hoạch giải quyết hợp lý, hợp tình có lợi cho phong trào chung, không cho đó là một chướng vật cản ngại phong trào. Không vì thế hợp pháp mà thúc ép quần chúng cơ thủ ngăn cản không để cho họ dùng võ trang chống địch để tự vệ. Do đó phải tập hợp họ

lại, có kế hoạch bồi dưỡng giáo dục đường lối, chủ trương chính sách để cho hoạt động của họ có kết hợp chặt chẽ với đông đảo quần chúng đang còn có thể hợp pháp. Cũng không vì cách giải quyết như vậy mà khuyến khích, cho số người bất hợp pháp ngày càng đông đảo và nặng nề thêm bất lợi, bị động cho tình hình chung.

Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ cần bản trước mắt cần phải tích cực khắc phục kịp thời những khuynh hướng sai lầm của tư tưởng bị quan, dao động, hữu khuynh, rụt rè, co rút, không dám đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng, đồng thời chống tư tưởng manh động phiêu lưu, nôn nóng muốn dốc lực lượng ra đấu tranh, hoặc muốn phát động du kích chiến tranh, coi thường khả năng đấu tranh chính trị của quần chúng. Những khuynh hướng cho rằng "đấu tranh chính trị chỉ có cửa thua hay huê" hoặc "giữ thế hợp pháp của quần chúng là đầu hàng", là thể hiện khuynh hướng nôn nóng tả khuynh, sẽ đưa phong trào đi đến bị động và gặp nhiều khó khăn phức tạp hơn.

Cần phải nhận rõ rằng: mọi hoạt động võ trang hiện nay đều nhằm phục vụ cho phong trào đấu tranh chính trị, hỗ trợ thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền khi có đủ điều kiện và thời cơ thuận lợi. Do đó cần thấu suốt nguyên tắc "sử dụng lực lượng võ trang hiện nay chỉ là một chiến thuật để phục vụ chiến lược đấu tranh chính trị của quần chúng, mở rộng sự sử dụng này có tính chất chiến lược là sai lầm nhưng không sử dụng theo phương châm chiến thuật kịp thời có mức độ thì cũng không đúng". Nhưng đồng thời "phải tránh sự khiêu khích của địch, biến cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng thành cuộc bạo động non, kết quả phong trào sẽ lâm vào thế bị động, tức là sẽ mất những điều kiện thuận lợi động viên chính trị, xây dựng lực lượng chính trị chống Mỹ - Diệm để có thời cơ thuận lợi tiến lên đánh đổ địch và đánh bại địch!

III. MẤY CÔNG TÁC CỤ THỂ

1. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng mạnh mẽ, sâu rộng hơn để đẩy địch vào thế bị động và cô lập hơn nữa

Địch dùng chính sách quân sự phản động quy mô hơn. Để chống lại, ta càng phải động viên các lực lượng chính trị mạnh mẽ rộng rãi hơn, với những hình thức đấu tranh phong phú và có tính chất cách mạng mạnh mẽ hơn.

Để phát động một phong trào sâu rộng hơn, và làm cho địch bị động hơn, phong trào đấu tranh của quần chúng hiện nay phải là một phong trào đấu tranh với những yêu sách kinh tế thiết thực. Khẩu hiệu của yêu sách là kinh tế nhưng hình thức đấu tranh phải có tính chất cách mạng càng mạnh mẽ càng có lợi. Chính những yêu sách kinh tế trong điều kiện hiện nay, càng có khả năng tập hợp được rộng rãi quần chúng hơn càng làm cho địch bị động hơn. Đồng thời phải biết kịp thời đúng lúc đưa những yêu sách chính trị hợp thời trong quá trình đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế chống chính sách chuẩn bị gây chiến, chính sách độc tài phát xít, đàn áp khủng bố tàn bạo của địch. Trong tình hình hiện nay những yêu sách chính cũng đã đặt ra một cách trực tiếp, cho nên trong đấu tranh không phải chỉ chú trọng yêu sách kinh tế mà cũng phải và rất cần thiết có phong trào đấu tranh với những yêu sách chính trị hợp thời, như phong trào chống thuế, chống tập trung dân, chống ngân sách chiến tranh, chống bắt lính, bắt sưu, đòi thực hiện dân chủ, chống khủng bố đòi an ninh trật tự, đòi quan hệ Bắc Nam, chống viện trợ lũng đoạn của Mỹ, đòi bảo vệ nội hoá, v.v. đều là những yêu sách thiết thực hiện nay.

Những khẩu hiệu đấu tranh bức thiết hiện nay là:

- Chống chính sách vô lực khủng bố tàn sát dã man, đòi an ninh, đòi đảm bảo tính mạng tài sản của nhân dân, đòi bồi thường thiệt hại tánh mạng tài sản do địch gây ra.

Đĩ nhiên, giai đoạn giằng co hiện nay có những đặc điểm của nó. Chúng ta giằng co với địch trong khi nhân dân ta đã trải qua cuộc Cách mạng Tháng Tám, cuộc kháng chiến 5 năm và cuộc đấu tranh chính trị 6 năm, trong khi Đảng bộ miền Nam đã có uy thế lớn lao và tổ chức khá vững mạnh, trong khi kẻ thù đang thất bại liên miên, trong thế phong trào cách mạng hiện tại đang lên mau chóng, và trong hoàn cảnh thuận lợi của tình hình miền Bắc và thế giới. Chính vì thế mà giai đoạn giằng co hiện nay sẽ không phải quá lâu dài và tiền đồ của cách mạng không phải quá xa lơ xa lắc.

Trong một thời gian ngắn, từ cuối năm 1959 đến nay, bao nhiêu biến chuyển trọng đại đã xảy ra. Qua những biến chuyển ấy, chúng ta càng thấy rõ khả năng cách mạng vô cùng của quần chúng, càng thấy rõ đường lối đúng đắn của Đảng, để vững lòng tiếp tục nhiệm vụ cách mạng trong thời gian trước mắt.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC TRƯỚC MẮT CỦA ĐẢNG BỘ

Căn cứ vào những đặc điểm của tình hình trong thời gian qua, chúng ta đã xác định là cuộc đấu tranh của chúng ta hiện nay còn ở trong giai đoạn giằng co. Yêu cầu của chúng ta hiện nay, nói chung là tích cực biến chuyển tương quan lực lượng có lợi cho chúng ta hơn nữa, làm suy yếu địch hơn nữa. Các nhiệm vụ và công tác dưới đây nhằm đạt yêu cầu ấy. Nói một cách khác, các nhiệm vụ và công tác của chúng ta để ra là để chấp hành Nghị quyết của hội nghị Trung ương lần thứ 15 và các chỉ thị khác của Trung ương trong tình hình cụ thể hiện nay.

A- Nhiệm vụ bao quát trước mắt của chúng ta

1. Phát động các tầng lớp nhân dân ở nông thôn cũng như ở thành thị một phong trào đấu tranh rộng rãi mạnh mẽ để giữ

vững những thắng lợi và tiếp tục tấn công chính trị làm cho địch càng thất bại và bị động hơn nữa trên mọi mặt, nhằm đánh lui từng bước âm mưu chính sách của địch, đưa phong trào tiến lên từng bước, dần dần tạo điều kiện và thời cơ cho cuộc khởi nghĩa đánh đổ toàn bộ chính quyền Mỹ - Diệm.

Cụ thể trước mắt nhằm chống các chính sách của địch như: chống chính sách vũ lực khủng bố tàn bạo giết hại nhân dân, chống bắt xâu, dồn dân lập khu trù mật dinh điền, chống can thiệp và lệ thuộc Mỹ, chống độc quyền kinh tế và độc tài chính trị, chống bóc lột vợ vét, đòi thực hiện các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống, bảo vệ quyền lợi ruộng đất, đòi hủy bỏ Luật 10/59 và giải tán các toà án quân sự đặc biệt; đòi thủ tiêu chế độ độc tài phát xít gia đình trị Ngô Đình Diệm, thành lập một chính quyền dân chủ tiến bộ, thực hiện độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trung lập, tiến tới thực hiện thống nhất đất nước theo tinh thần của Hội nghị Giơnevơ.

2. Ra sức tích cực xây dựng lực lượng vũ trang và bố trí rộng khắp để đủ sức ứng phó với mọi tình thế. Tích cực xây dựng căn cứ cách mạng.

3. Tích cực đẩy mạnh công tác dân vận. Ra sức xây dựng củng cố phát triển Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác binh vận trên cơ sở công nông binh liên hiệp để hạn chế khả năng đàn áp của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng đấu tranh chống khủng bố, chống áp bức bóc lột. Tích cực khẩn trương xây dựng củng cố phát triển Đảng, đoàn và tổ chức quần chúng.

B- Các công tác cụ thể:

1. *Tích cực đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị có kết hợp vũ trang đúng mức để tiếp tục phá thế kim kẹp, giữ vững và mở rộng thế chủ động ở nông thôn, đồng thời phải hết sức chú trọng đẩy mạnh phong trào đô thị:*

Để thực hiện yêu cầu trên cần chú trọng những điểm sau đây:

Ở nông thôn:

- Phải hết sức kiên trì đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống bắt lính, chống tập trung dân võ các khu trừ mật một cách rộng rãi và quyết liệt hơn nữa. Cần nhận rõ đúng mức tầm quan trọng và tính chất giằng co quyết liệt với địch của cuộc đấu tranh này. Đồng thời phải tích cực đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống khủng bố, đòi đảm bảo tính mạng tài sản, đảm bảo an ninh trật tự, chống cưỡng bách nhân dân võ các tổ chức phản động và bán quân sự; đòi thực hiện dân chủ ở nông thôn, chống những luật lệ hà khắc ràng buộc nhân dân, chống bọn làng lính và cường hào gian ác, đòi bầu cử chính quyền xã trong những vùng tương quan ta yếu (ở những vùng ta mạnh chính quyền xã của địch bị tan rã, tê liệt, địch không rún ép nhân dân lập lại tế được thì ta không cần nêu). Phải hết sức chú trọng đấu tranh cho các khẩu hiệu ruộng đất, chống bóc lột vợ vệt kết hợp với chống khủng bố tố cộng.

- Kiên quyết làm tan rã tế ấp, liên gia, các tổ chức phản động và do thám gián điệp, dân vệ trong các vùng nông thôn rộng lớn. Đòi với tế xã thì nói chung là ta chưa chủ trương xóa bỏ, ở vùng căn cứ cũng như vùng xôi đậu, để giữ thế hợp pháp cho quần chúng, nhưng phải làm cho tế xã khập khểnh, sút mẻ, bất lực hình thức và tổ chức của địch, mà nội dung thì ngăn sự uy thế quần chúng, không dám và không thể thi hành triệt để chủ trương của địch, thậm chí còn làm lợi cho quần chúng.

Muốn có một phong trào mạnh mẽ và bền bỉ đấu tranh chống địch, cần bản phải phát động quần chúng nông dân. Phát động quần chúng là tuyên truyền, giáo dục ý thức giai cấp và lòng yêu nước và căm thù địch của quần chúng, đưa quần chúng ra đấu tranh chống địch.

Bên cạnh đẩy mạnh hình thức đấu tranh chính trị mạnh mẽ với địch còn phải biết kết hợp hoạt động vũ trang đúng mức và

hình thức bạo lực của quần chúng trong những trường hợp cần thiết (vận dụng phương châm hình thức đấu tranh phải hết sức linh hoạt, tùy theo tình hình cụ thể của từng nơi, từng lúc mà chỉ đạo cho thích ứng).

Ở vùng nông thôn đông dân, vì tương quan ta địch hiện nay, nên cần phải kiên quyết giữ vững phong trào quần chúng bền bỉ đấu tranh với địch, trên cơ sở đó đưa phong trào tiến lên từng bước vững chắc. Do tính chất giằng co tương đối lâu dài ở những vùng ấy, nên cần bản phải giữ vững phong trào ở thế hợp pháp. Phải ra sức xây dựng và xúc tích lực lượng, phải tích cực và bền bỉ đấu tranh, khéo công tác, khéo che giấu lực lượng, đồng thời phải biết kết hợp đúng đắn và linh hoạt các hình thức đấu tranh. Đảm bảo chi bộ không bị lộ mặt, tồn tại vững chắc và gắn chặt trong quần chúng.

Hiện nay tuy các hình thức đấu tranh ở nông thôn có cao hơn và quyết liệt hơn ở đô thị nhưng phong trào nông thôn hiện nay cũng phải nêu cao những khẩu hiệu chính trị đòi địch phải chấm dứt chính sách tàn bạo bóc lột vợ vệt khủng bố tàn sát, đòi địch phải thay đổi chính sách, đòi phải có chế độ dân chủ, v.v. tức là đấu cho dùng bất cứ hình thức đấu tranh nào, đến cả hình thức đấu tranh vũ trang tự vệ, thì cũng phải nhằm tấn công chính trị địch, làm cho địch bị động hơn nữa.

Ở đô thị:

Biết nắm lấy cơ hội trong lúc phong trào nông thôn đang chuyển lên và tình hình chính trị có nhiều thuận lợi mà cố gắng hơn nữa để đẩy mạnh phong trào đấu tranh cho các khẩu hiệu kinh tế, văn hóa, chính trị thiết thân trước mắt hiện nay. Phải hết sức chú trọng khẩu hiệu kinh tế thiết thân như đòi công ăn việc làm, chống sa thải, đòi tăng lương giảm thuế, chống thuế, chống phạt, chống giá sanh hoạt đắt đỏ, đồng thời liên kết chống các chính sách kìm kẹp của địch (liên gia, khủng

bổ, v.v.), v.v. Trong các tầng lớp học sinh, sinh viên, trí thức chú trọng về yêu sách văn hóa.

- Về yêu sách trước mắt nói chung là đòi cải cách dân sinh dân chủ nhưng hình thức đấu tranh càng có tính chất cách mạng mạnh mẽ thì càng có lợi, để thúc đẩy phong trào đấu tranh chung. Ở đô thị, nhất là ở S/C¹, cần kết hợp khéo léo các mặt đấu tranh hợp pháp với bất hợp pháp và bán hợp pháp, đặc biệt là phải lấy sức đấu tranh của quần chúng mà tranh thủ lợi dụng các tổ chức công khai (như nghiệp đoàn, v.v.) để hoạt động.

- Bên cạnh việc đẩy mạnh phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ với những khẩu hiệu bức thiết trước mắt, còn phải biết nhân tình hình chính trị có lợi hiện nay để tiến công chính trị địch, nhằm chống các chính sách của Mỹ - Diệm và đòi phải thay đổi các chính sách kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa hiện hành, đòi huỷ bỏ Luật 10/59 và giải tán các toà án quân sự đặc biệt, đòi đình chỉ và huỷ bỏ việc thành lập các khu trừ mật dinh điền, phản đối sự can thiệp và lệ thuộc Mỹ, đòi tống cổ cố vấn Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, đòi hòa bình thống nhất đất nước theo tinh thần Hiệp nghị Giơnevơ, đòi thủ tiêu chế độ độc tài phát xít gia đình trị, thành lập một chính quyền dân chủ tiến bộ, v.v..

- Phải gây một phong trào dư luận ủng hộ đồng tình với phong trào nông thôn, đòi chấm dứt những cuộc hành quân bắn giết nhân dân nông thôn.

- Những khẩu hiệu chính trị trên đây, bước đầu nhằm gây thành dư luận bàn tán rộng rãi và mạnh mẽ. Đó cũng là yêu cầu trước mắt và rất quan trọng hiện nay đối với đô thị. Trên đà dư luận mạnh mẽ sôi nổi ấy, biết kịp thời lãnh đạo biến thành hành động đấu tranh cho các khẩu hiệu chính trị nêu trên. Làm

cho các tầng lớp nhân dân ở đô thị thấy những thắng lợi của phong trào nông thôn để tăng thêm phần khởi và quyết tâm đấu tranh chống địch trong đô thị.

- Để mở rộng mặt trận đấu tranh ở đô thị, phải dựa chặt chẽ vào phong trào công nhân và quần chúng lao động nghèo, liên hiệp với học sinh, sinh viên, tiểu tư sản và các tầng lớp bên trên. Phải ra sức tranh thủ những phe phái, những phần tử có ít nhiều khuynh hướng chống Mỹ - Diệm, triệt để lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, phải hết sức tranh thủ binh lính và cảnh sát để trung lập hoặc đồng tình ủng hộ đấu tranh, làm cho phong trào đấu tranh có tính chất mặt trận rộng rãi, nhằm đẩy lùi từng bước một những chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm, đánh đổ chính quyền phản động thân Mỹ từng phần.

- Để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, trong phong trào đô thị cần phải hết sức bảo toàn cơ sở cách mạng hiện có, ra sức củng cố phát triển lực lượng cách mạng. Phải tích cực xây dựng chi bộ nhỏ, gọn, ở các xí nghiệp, các khu lao động, các chợ, các trường học, đường phố, v.v..

- Cần đặc biệt chú ý đến công tác ở các vùng nông thôn quanh đô thị. Phong trào cách mạng các vùng này mạnh mẽ có ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt phong trào trong đô thị.

Tóm lại:

Để thực hiện yêu cầu đẩy mạnh phong trào nông thôn và đô thị, trong chỉ đạo cần chú trọng những điểm sau đây:

1) Phải hết sức đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, thực hiện mặt trận đấu tranh rộng rãi. Phải ra sức lợi dụng từng thời cơ để chiến thắng từng bước một, kiên trì vững vàng vươn lên. Phải biết nuôi dưỡng, duy trì tinh thần cách mạng của quần chúng, hướng lòng hăng hái cách mạng của quần chúng vào phong trào đấu tranh tấn công chính trị địch một cách quyết liệt hơn nữa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và củng cố lực lượng cách mạng.

1. S/C: Sài Gòn - Chợ Lớn (B.T).

Một mặt khác cần nhận rõ phong trào nông thôn là trung tâm cách mạng, là lực lượng thúc đẩy phong trào chung, nhưng phong trào đô thị hết sức quan trọng và khi chuyển lên mạnh thì có tác dụng rất cơ động. Nếu phong trào ở nông thôn mạnh và đô thị yếu thì không thể khởi nghĩa giành chính quyền được.

2) Đặc biệt chú trọng việc phát động quần chúng và tổ chức quần chúng nhất là trong số quần chúng lạc hậu và quần chúng các tôn giáo, di cư, thiểu số, v.v.. Phải tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng, kịp thời bẻ gãy những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc và lừa bịp của địch và của bọn đầu cơ chính trị. Phải làm cho quần chúng giác ngộ sâu sắc và đầy đủ rằng, tất cả những tội ác đang gây ra hiện nay đều do các chính sách của Mỹ - Diệm và nuôi dưỡng khơi sâu lòng căm thù ấy, kiên quyết giành thắng lợi hàng ngày về mặt tư tưởng và chính trị trong quần chúng. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phong trào đấu tranh thắng lợi của nhân dân miền Nam, phong trào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, sự lớn mạnh của phe ta, của phong trào cộng sản, công nhân, hòa bình, dân chủ và độc lập dân tộc trên thế giới trong các tầng lớp nhân dân.

3) Chú trọng đẩy mạnh mọi mặt công tác trong ba vùng. Nắm vững phương châm ba vùng, đứng vững ba chân trên ba vùng mà tích cực hơn nữa việc xây dựng lực lượng cách mạng và phát triển đấu tranh. Cần nhận rõ mỗi vùng có một vị trí khác nhau nhưng quan hệ chặt chẽ với nhau. Do đó trong chỉ đạo phải chú trọng đúng mức cả ba vùng để có sự hỗ trợ giữa ba vùng trong quá trình phát triển.

4) Kết hợp hai hình thức đấu tranh chính trị và võ trang một cách chặt chẽ và linh hoạt để phù hợp với tình hình cụ thể của từng nơi từng lúc, nhằm hỗ trợ và thúc đẩy phong trào tiến lên. Trước mắt hiện nay đẩy mạnh hoạt động vũ trang nhằm hỗ trợ thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị. Đấu tranh chính

trị so với đấu tranh võ trang là hình thức thấp hơn, nhưng trước mắt lại là hình thức đấu tranh chủ yếu, là thế mạnh của phong trào để tấn công địch. Nếu chỉ nặng về đấu tranh võ trang, nhẹ đấu tranh chính trị trong lúc này là biểu lộ thế tự vệ nhiều hơn thế tấn công của phong trào. Do chỗ địch giữ ưu thế về quân sự, và ta giữ ưu thế về chính trị, nếu ta chỉ chú trọng về võ trang, chuyển biến cuộc đấu tranh hiện tại thành đấu tranh võ trang là chủ yếu thì ta sẽ đứng về chỗ yếu nhất mà chống lại mặt mạnh nhất của địch.

Trước mắt hiện nay một số vùng trong nông thôn có xuất hiện hình thức đấu tranh võ trang tự vệ của một số quần chúng, nhưng không vì thế mà không tranh thủ hình thức đấu tranh chính trị và thế hợp pháp là hình thức và thế đấu tranh chủ yếu hiện nay.

Trong chỉ đạo phải nắm vững đường lối, phương châm, sách lược của Đảng. Phải biết kiên trì linh hoạt, sáng tạo, tích cực khẩn trương nhưng phải thận trọng khéo léo. Để phòng tư tưởng chủ quan, phiêu lưu, cục bộ; chống cố thủ chần chừ, thiếu tích cực khẩn trương làm hạn chế phong trào, đồng thời phải khắc phục những khuynh hướng tư tưởng đơn thuần võ trang xem nhẹ đấu tranh chính trị, hoặc coi như khởi nghĩa đã đến, những tư tưởng nóng vội, chủ quan khinh địch, thiếu cảnh giác, v.v..

5) Nắm vững sách lược của Đảng. Tăng cường việc mở rộng mặt trận. Trong phong trào, phải biết dựa vào lực lượng công nông là nền tảng của mặt trận, đoàn kết với tiểu tư sản và tư sản dân tộc là hai lực lượng cách mạng để lôi kéo các phần tử, lực lượng khác. Trong đấu tranh chính trị cũng như trong hoạt động vũ trang phải biết phân hóa, cô lập, tranh thủ từng tên, từng bộ phận một. Không phân hóa tranh thủ thì đấu tranh sẽ gặp khó khăn, ngược lại, không đấu tranh đúng mức thì không phân hóa được tốt. Cần hết sức chú ý công tác binh vận, chính

quyển vận và kịp thời lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ địch, lợi dụng bọn thân Pháp, thân Mỹ chống Diệm để mở rộng phong trào.

6) Tích cực khẩn trương xây dựng củng cố phát triển Đảng trong các vùng. Đảm bảo cơ sở Đảng tồn tại và bám sát quần chúng để lãnh đạo phong trào. Phải tích cực lực lượng bảo tồn cơ sở. Tích cực phát triển Đoàn, hệ thống bí mật và các tổ chức quần chúng khác.

7) Để gây dư luận mạnh mẽ ở Sài Gòn - Chợ Lớn ngoài khả năng của Đảng bộ S/C, các tỉnh cần hỗ trợ bằng cách sử dụng những quan hệ sẵn có để hướng dẫn dư luận đồn về đô thị và hỗ trợ cho S/C về mặt xây dựng tổ chức.

2. Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh và bố trí rộng khắp để đủ sức ứng phó với mọi tình thế:

- Tích cực xây dựng căn cứ

- Về xây dựng và hoạt động vũ trang

Cần chú trọng mấy điểm:

1) Xây dựng phải tích cực khẩn trương nhưng tiến hành phải có kế hoạch từng bước và vững chắc. Xây dựng lực lượng lớn mạnh không có nghĩa là chỉ tập trung quy mô, làm mất tác dụng hỗ trợ cho phong trào mà còn bị động về nhiều mặt khác. Cần nhận rõ yêu cầu của địa phương để giải quyết vấn đề trang bị. Những hoạt động của tự vệ xã phải theo đúng đường lối phương châm của Đảng. Chú trọng xây dựng lực lượng ngầm trong các vùng xung yếu chiến lược. Kết hợp hoạt động vũ trang ở vùng đô thị, tôn giáo, v.v. phải hết sức thận trọng cân nhắc kỹ.

2) Tích cực tăng cường chất lượng chính trị và tư tưởng cũng như về kỹ, chiến thuật để bảo đảm chiến đấu. Phải làm cho cán bộ và đội viên thông suốt tính chất cách mạng quân đội công nông và là lực lượng vũ trang của Đảng, do Đảng lãnh đạo và giáo dục, và nắm vững đường lối phương châm sách lược của

Đảng, cũng như nhận rõ nhiệm vụ, phương châm hoạt động, phương châm tác chiến của lực lượng vũ trang trong cuộc đấu tranh hiện tại.

Đặc biệt chú trọng tăng cường công tác Đảng, đề cao vai trò Chi bộ trong đơn vị, đề cao hơn nữa tính dân chủ và tập thể trong các đơn vị để phát huy hết khả năng lực lượng vũ trang của Đảng. Các cấp Đảng bộ phải lãnh đạo chặt chẽ về mọi mặt các lực lượng vũ trang. Phải tích cực xây dựng Chi đoàn Thanh niên Lao động trong các đơn vị vũ trang.

Ngoài ra cần chú trọng tăng cường công tác Tham mưu, hậu cần, y tế, công xưởng, v.v., đặc biệt chú trọng công tác địch tình quân báo.

3) Về mặt hoạt động và tác chiến: để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị trước mắt, các lực lượng vũ trang cần mở rộng địa bàn hoạt động và tạo thế liên hoàn hỗ trợ lẫn nhau. Diện hoạt động phải được mở rộng và thọc sâu ra vùng ngoài, vừa để thực hiện hỗ trợ phong trào và tạo điều kiện để xây dựng phát triển lực lượng, vừa tạo trận thế linh động và chủ động trong hoạt động cũng như tác chiến.

Về tác chiến hiện nay cũng cần nhắc bọn ác ôn các cấp và bọn cố vấn Mỹ, đồng thời trong những trường hợp nhất định, phải biết lợi dụng sơ hở và các nhược điểm của địch mà tấn công tiêu diệt địch để bồi dưỡng ta. Có tiêu diệt được bọn bên trên (nhất là các đội công an, bảo an, biệt kích và các đội biệt kích) thì mới thổi động phong trào và làm mất chỗ dựa của bọn bên dưới, đồng thời phải tiếp tục uy hiếp bọn bên dưới (tế, dân vệ, đo thám, gián điệp xã) thì mới làm cho bọn bên trên mất cơ sở tai mắt, mất phương tiện. Phải hết sức thận trọng đối với các đơn vị vũ trang mang danh nghĩa tôn giáo do địch lập ra (TN thánh nghiệp, v.v.). Đánh bọn này phải dựa trên cơ sở nhận thức và giác ngộ của tín đồ, phải có công tác tuyên truyền giáo dục trong tín đồ. Đối với các đồn bốt đóng trong chùa, nhà thờ cũng vậy.

Công tác trừ gian phải thận trọng, nhất là trong các vùng tôn giáo, di cư, thiếu số.

Trong tác chiến phải hết sức tránh tiêu hao lực lượng, đánh chắc ăn thì đánh, không chắc kiên quyết không đánh, tránh đánh những trận lớn trong những trường hợp bị động, phải thường xuyên di chuyển, ăn ở bí mật, để phòng biệt kích.

4) Phải kiên quyết và kịp thời khắc phục tư tưởng chủ quan, khinh địch, ham ăn to đánh lớn, phiêu lưu, quân sự đơn thuần, tác phong lộ liễu, phô trương lực lượng, ăn ở bừa bãi, hoạt động không thận trọng, đẩy đồng đảo quần chúng vào thế bất hợp pháp, v.v. của các lực lượng vũ trang. Đồng thời phải đề phòng các tư tưởng cá nhân, anh hùng, tư tưởng quân phiệt, biệt phái, cục bộ, lẩn lút hoặc qua mặt Đảng, tự do vô kỷ luật, sanh hoạt bừa bãi trong các cán bộ chỉ huy quân sự.

5) Phải biết phát huy ảnh hưởng chính trị của tác chiến, phải nắm vững yêu cầu của hoạt động võ trang hiện nay để tạo thêm điều kiện thuận lợi đưa uy thế phong trào tiến lên.

Do đó, càng đánh mạnh thì càng phân hóa địch, vừa đánh vừa tuyên truyền kêu gọi binh lính địch.

Chú trọng đúng mức hơn nữa chính sách tù hàng binh. Nói chung tù binh được khoan hồng phóng thích sau khi tuyên truyền giáo dục; nhưng đối với những tên ác ôn có nhiều nợ máu phải trừng trị, và những tội ác của chúng phải được giải thích cho binh lính và sĩ quan khác hiểu rõ chánh sách ta để phân hóa trong bọn chúng.

Về xây dựng căn cứ:

Cần quan niệm đầy đủ ý nghĩa quan trọng của việc xây dựng căn cứ trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay để ra sức đẩy mạnh mọi mặt công tác trong những vùng có khả năng chuyển thành căn cứ. Đặc biệt xây dựng và mở rộng vùng rừng núi là vùng căn cứ có tính chất chiến lược.

Cần quan niệm rõ xây dựng căn cứ không có nghĩa chỉ chú trọng những vùng không dân hoặc bảo vệ bằng cách phòng thủ một cách thụ động. Do đó, việc xây dựng và bảo vệ căn cứ không thể tách rời việc đẩy mạnh mọi mặt công tác, đẩy mạnh phong trào ở các vùng khác, phải tạo thành thế dính liền giữa các vùng căn cứ với nhau.

Trong những vùng căn cứ, phải hết sức chú trọng lãnh đạo sản xuất và bảo vệ sản xuất cũng như bảo vệ tính mạng tài sản của nhân dân.

Ở vùng căn cứ rừng núi, cần chú trọng công tác vận động thiếu số và vấn đề lương thực. Thực hiện khẩu hiệu "đi đâu sản xuất đó, có đất có ăn, không người tăng người".

Những vùng đồng bằng đông dân có khả năng chuyển thành vùng căn cứ phải có kế hoạch cụ thể và tiến hành từng bước. Kế hoạch chuyển những vùng này trở thành căn cứ không thể tách rời kế hoạch đẩy mạnh phong trào nông thôn hiện nay và tùy thuộc ở sự lớn mạnh và trưởng thành của lực lượng quần chúng, cơ sở Đảng và lực lượng vũ trang nữa; ngoài ra lại còn phải tùy theo tình hình tương quan chung. Tránh chủ quan nôn nóng.

Chú trọng công tác vùng biên giới Khơme. Cố tranh thủ và giữ quan hệ tốt với chính quyền trung lập Khơme.

3. Tích cực đẩy mạnh công tác mặt trận:

Tình hình hiện nay có nhiều thuận lợi để mở rộng mặt trận tạo thêm điều kiện thuận lợi cho cách mạng. Do đó ngoài việc củng cố khối công nông liên minh, các cấp còn phải đặc biệt chú trọng đúng mức công tác vận động các tầng lớp bên trên, trong các tôn giáo, di cư và thiếu số, trong ngoại kiều, nhất là Hoa kiều. Cần tranh thủ rộng rãi đến cả những phần tử địa chủ, những phe phái, những cá nhân có ít nhiều chống Mỹ - Diệm, có xu hướng hòa bình hoặc chỉ có nguyện vọng cải cách dân chủ.

Trong quá trình vận động phải dựa hẳn vào lực lượng công nông, nếu coi nhẹ việc củng cố công nông liên minh thì sẽ không có

trợ sản xuất và công tác văn hóa xã hội. Làm cho quần chúng nhận thấy cách mạng đưa lại cho họ những tiến bộ về đời sống vật chất cũng như tinh thần. Thực tế ấy sẽ làm cho họ giác ngộ chính trị và tăng thêm nhiệt tình đối với cách mạng và quyết tâm đoàn kết đấu tranh chống Mỹ - Diệm. Cán bộ di công tác phải thực sự thâm nhập trong quần chúng, phải thực hiện phương pháp "ba cùng" để vận động quần chúng, khắc phục những tác phong chính trị suông, xa rời quần chúng, hoặc khinh thường dân tộc thiểu số.

- Tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc. Nắm chặt các lãnh tụ tiêu biểu. Tích cực đào tạo cán bộ người thiểu số và có kế hoạch bảo vệ số lãnh tụ tiêu biểu của các dân tộc mà ta đã nắm được. Tích cực phát triển Đảng, Đoàn rộng khắp trong các vùng dân tộc để đảm bảo lãnh đạo quần chúng, lãnh đạo phong trào. Chú ý xây dựng vô trang tự vệ của quần chúng trong các vùng có điều kiện.

- Trừ gian phải hết sức thận trọng và hạn chế. Kiên quyết không làm thay quần chúng.

b- Đối với đồng bào thiểu số (người Khơme) cần phải làm cho đồng bào người Khơme nhận rõ vị trí và nhiệm vụ của họ đối với công cuộc cách mạng dân tộc giải phóng ở miền Nam, đối với Tổ quốc Việt Nam.

...
Ngoài ra, trước mắt hiện nay cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện đoàn kết Miên - Việt đấu tranh chống các chính sách của Mỹ - Diệm. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ văn hóa và phong tục tập quán của dân tộc Khơme bị Mỹ - Diệm chà đạp. Ngoài ra, người Khơme ở miền Nam; đại bộ phận cũng là nông dân, họ cùng chung quyền lợi, số phận như người nông dân và người dân Việt Nam. Do đó phải đứng về quyền lợi giai cấp nông dân, quyền lợi ruộng đất, chống khủng bố, chống bóc lột, vợ vét, đòi hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, chống Mỹ, chống Diệm mà vận động họ.

Tích cực tranh thủ nắm sự sôi, trí thức. Tích cực đào tạo cán bộ người Khơme trong các giới. Tích cực phát triển Đảng, Đoàn rộng khắp trong các vùng.

5) Chú trọng công tác vận động ngoại kiều, nhất là Hoa kiều. Đặc biệt chú trọng số Hoa kiều đã bị chính quyền miền Nam cưỡng ép nhập Việt tịch, họ cũng bị mọi áp bức bóc lột như đồng bào Việt Nam. Chú ý đến công tác tuyên truyền giáo dục, giới thiệu nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong Hoa kiều.

6) Chú trọng công tác di cư. Đặc biệt đồng bào di cư Quảng Nam, Quảng Ngãi (Liên khu V nói chung) có truyền thống và ý thức đấu tranh rất mạnh, để tuyên truyền và phát động.

4. Tích cực khẩn trương củng cố phát triển Đảng, Đoàn. Gấp rút đào tạo cán bộ:

- Về củng cố phát triển Đảng, Đoàn:

a) Trước tình hình thuận lợi cần ra sức xây dựng phát triển Đảng rộng khắp trong các vùng. Ra sức khôi phục những chi bộ tan rã, chú trọng xây dựng chi bộ những vùng quan trọng như đô thị, vùng có tính chất chiến lược, vùng tôn giáo, di cư, thiểu số.

Mạnh dạn phát triển đảng viên mới trong phong trào, đặc biệt chú trọng phát triển đảng viên phụ nữ. Tích cực phát triển Đoàn thanh niên lao động, cần nhận thức đầy đủ đoàn là lực lượng hậu bị, là cánh tay đắc lực của Đảng, kịp thời khắc phục những thiên hướng lệch lạc vừa qua trong việc xây dựng phát triển Đoàn.

b) Phải có kế hoạch cụ thể củng cố chi bộ trong từng đợt đấu tranh và trong từng vùng một. Chi bộ phải được gọn nhẹ, gồm những phần tử trung kiên nhất trong phong trào, đảm bảo cho mỗi chi bộ thực sự trở thành một dinh lũy chiến đấu của Đảng. Làm cho chi bộ bám chặt vào quần chúng và tiến tới có khả năng tự động công tác.

Tổ chức Đảng phải được chặt chẽ. Để phòng sự xâm nhập của bọn gián điệp, bọn đầu hàng phản bội chui vô chi bộ. Phải hết sức

đề cao và nghiêm chỉnh chấp hành nguyên tắc bí mật từ việc ăn ở, di lại, giấy tờ, tổ chức cơ quan, tổ chức giao thông liên lạc. Việc thụ nhận nhân viên cũng như lấy thanh niên đưa vô lực lượng vũ trang phải được thẩm tra lý lịch kỹ lưỡng. Phải có kế hoạch bảo vệ tài liệu và chủ trương của Đảng.

c) Chấn chỉnh lề lối tác phong làm việc của hai thứ chi bộ (Chi bộ lộ mặt và chi bộ không lộ mặt) để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ công tác. Xác định rõ vai trò của hai thứ chi bộ trong mỗi vùng. Trong vùng đã chuyển thành căn cứ thì vai trò của chi bộ lộ đảm trách mọi công tác lãnh đạo, còn chi bộ không lộ thì là dự bị; trong vùng xôi đậu chi bộ lộ mặt chỉ đóng vai trò hỗ trợ tiếp sức cho chi bộ không lộ mặt lãnh đạo phong trào.

d) Tăng cường củng cố các cấp ủy về tổ chức cũng như tác phong lề lối. Tăng cường bộ máy chuyên môn của các cấp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ công tác.

e) Tăng cường việc giáo dục tư tưởng, đường lối, chính sách và nhiệm vụ cho đảng viên. Làm cho toàn thể đảng viên thông suốt và nắm vững đường lối, phương châm, sách lược hiện tại của Đảng để tin tưởng và tuyệt đối chấp hành. Phải luôn luôn bồi dưỡng tinh thần bền bỉ chiến đấu gan góc chịu đựng. Để phòng tư tưởng chủ quan phiến diện, cục bộ; chống khuynh hướng tư tưởng cố thủ chần chừ thiếu tích cực khẩn trương; kịp thời khắc phục những khuynh hướng đơn thuần vô trang xem nhẹ đấu tranh chính trị, tư tưởng nóng vội chủ quan khinh địch, v.v..

- *Gấp rút đào tạo cán bộ:*

Tích cực đào tạo bồi dưỡng cán bộ các ngành các cấp bằng nhiều cách:

- Mỗi cấp có kế hoạch mở lớp liên tục, mở nhiều lớp, đào tạo được nhiều người. Nội dung chương trình phải thiết thực, cốt yếu nhằm giáo dục nhiệm vụ, đường lối, phương châm, sách lược cách mạng của Đảng. Đối với cán bộ cơ sở cần chú trọng giáo dục các công tác cách mạng cơ bản.

- Có kế hoạch hướng dẫn học tập tại nghiệp (học tập lý luận cũng như kinh nghiệm công tác).

- Mạnh dạn để bạt cán bộ và sử dụng số cán bộ cũ. Để bạt chú trọng thành phần công nông, đặc biệt chú trọng cán bộ phụ nữ.

- Có kế hoạch bảo vệ cán bộ, nhất là trong vùng tạm chiếm và đô thị.

- Chú trọng đào tạo cán bộ quân sự, chủ yếu là lấy cán bộ chính trị có trình độ và lập trường vững bồi dưỡng thành cán bộ quân sự. Trước hết là đào tạo cán bộ trung, tiểu đội và các cán bộ thuộc binh chủng chuyên môn và hậu cần.

5. Đẩy mạnh công tác binh vận:

Gây một phong trào quần chúng rộng rãi làm công tác vận động binh lính để thực hiện khối công nông binh liên hiệp khi khởi nghĩa cướp chính quyền và trước mắt hiện nay để hạn chế công cụ đàn áp của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng đấu tranh chống khủng bố, chống áp bức bóc lột.

Tiến hành công tác tới, cần chú trọng những điểm sau đây:

1) Cần thông suốt đường lối công nông binh liên hiệp trong công tác vận động binh lính. Đường lối ấy phải được giáo dục rộng rãi trong quần chúng bên ngoài cũng như quần chúng binh lính trong hàng ngũ quân đội địch. Phải nắm vững mục đích yêu cầu công tác binh vận là vận động binh lính đứng lên làm cách mạng và làm tan rã hàng ngũ địch.

Đẩy mạnh công tác binh vận căn bản là ở xã. Trong công tác tuyên truyền chú trọng tuyên truyền sâu rộng chính sách ta. Chú trọng vận động sĩ quan.

2) Tích cực đẩy mạnh phong trào đào, giải ngũ trong các binh chủng. Gây ý thức đấu hàng rộng khắp trong binh lính và sĩ quan và làm binh biến chống lại địch, chạy sang hàng ngũ cách mạng. Đồng thời, tích cực đẩy mạnh phong trào chống bắt lính và tổ chức giáo dục đưa thanh niên chui vô hoạt động trong hàng ngũ địch và mai phục chờ thời cơ.

3) Tích cực củng cố và nắm chặt những cơ sở đã có. Ra sức xây dựng phát triển cơ sở trong các đơn vị xung yếu và các vị trí chiến lược. Đặc biệt chú trọng vận động cảnh sát và các đơn vị bảo vệ Thủ đô, chú trọng để phòng phản vận.

Phải nắm vững phương châm hoạt động của nội tuyến là trường kỳ tồn tại, mai phục chờ đợi thời cơ. Nên phân biệt yêu cầu để ra cho nội tuyến với yêu cầu vận động quần chúng binh lính rộng rãi (nói điểm 2 ở trên) có khác nhau. Tuy nhiên, trong lúc cần tấn công một số vị trí, dồn bắt để lấy vũ khí trang bị và hỗ trợ thổi động phong trào, trong những trường hợp ấy phải xử lý nội tuyến phục vụ cho tác chiến và tìm mọi cách để mai phục cơ sở trở lại được càng tốt.

4) Đẩy mạnh công tác vận động gia đình binh sĩ, có kế hoạch nắm và sử dụng đúng mức để tiến hành công tác vận động và nắm chống con họ.

6. Về tổ chức quần chúng:

Căn cứ tình hình biến chuyển vừa qua, trong một số vùng nhất là vùng căn cứ cũ, địch co lại, phong trào quần chúng lên cao. Tình hình ấy đòi hỏi quần chúng tích cực trong nông thôn phải được tập hợp thành tổ chức để đảm bảo cho phong trào đấu tranh hiện tại cũng như sẽ tới.

Nhưng, căn cứ vào tình hình hiện nay tổ chức quần chúng phải tiến hành từng bước. Trước nhất, tổ chức trong vùng căn cứ, trong những vùng địch co lại. Bước đầu cũng chỉ tổ chức nông hội, không nên đặt nhiều tổ chức rườm rà. Tổ chức nông hội cũng phải chặt chẽ, trọng chất hơn lượng. Vì còn trong thế tương quan giằng co nên tổ chức nông hội cũng phải gọn, nhẹ và bí mật, không nên phổ trương bộc lộ sẽ làm mất tác dụng làm nòng cốt trong các cuộc đấu tranh công khai với địch. Chỉ bộ sử dụng tổ chức nông hội để nắm đông đảo chặt chẽ quần chúng nông dân và phát động nông dân đấu tranh về ruộng đất cũng như chống địch.

Về hệ thống tổ chức, bước đầu nơi nào có điều kiện thì thành lập Ban chấp hành Nông hội xã và Ban cán sự.

Trong các đồn điền cao su, các khu vực di cư, các vùng tôn giáo, ta chưa có cơ sở Đảng và nòng cốt (hay có mà còn quá yếu), thì nên lựa những người quần chúng tích cực nhất mà giáo dục, tổ chức họ lại và giao nhiệm vụ cho họ đi tuyên truyền giáo dục, động viên quần chúng khác đấu tranh.

7. Vấn đề ruộng đất và sách lược nông thôn:

Để giành giật và đảm bảo quyền lợi ruộng đất của nông dân, cần đẩy mạnh phong trào đấu tranh ruộng đất trong các vùng, đặc biệt chú trọng các vùng tôn giáo.

Những chủ trương cụ thể về ruộng đất như sau:

a) Tích cực đấu tranh đòi giảm tô, giữ nguyên canh, chống xáo canh tăng tô, giứt đất, giữ sở hữu trên đất Tây, khai hoang, công điền, đất tạm cấp trong thời kỳ kháng chiến.

Những nơi trong thời kỳ kháng chiến chưa thực hiện giảm tô, hoặc trong kháng chiến đã giảm nhưng nay tăng thì đấu tranh thực hiện giảm tô theo mức quy định của thời kỳ kháng chiến (mức này tùy theo mỗi vùng).

b) Những tên địa chủ gian ác làm tay sai cho Mỹ - Diệm khủng bố giết hại nông dân đã bị trừng trị thì ruộng đất của chúng, nông dân vẫn tiếp tục làm nhưng khỏi phải đóng tô và san sẻ cho những nông dân không ruộng cây trên tinh thần đoàn kết tương trợ, ta không tuyên bố tịch thu ruộng đất của những tên này. Quyền lợi của vợ con những tên này được chiếu cố phần nào.

c) Đối với ruộng đất của những địa chủ trong thời kỳ kháng chiến đã bị tịch thu đem chia cho nông dân nhưng từ khi hòa bình đến nay có thái độ trung lập hoặc chống Mỹ - Diệm thì quyền lợi về ruộng đất của họ khi cải cách ruộng đất sau này sẽ được chiếu cố như trong tinh thần Cương lĩnh của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Còn hiện nay những ruộng đất ấy nông dân vẫn giữ quyền sở hữu.

d) Cần phải nắm vững sách lược ở nông thôn hiện nay là: đoàn kết chặt chẽ khối bản cố trung nông liên hiệp phú nông, lôi kéo trung lập những phần tử địa chủ có ít nhiều mâu thuẫn với chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm, cô lập và đánh đổ những tên địa chủ thật gian ác làm tay sai cho Mỹ - Diệm.

Do yêu cầu cách mạng hiện nay chưa phải thời kỳ đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ, cho nên trong đấu tranh với giai cấp địa chủ có phân hóa, có phân biệt đối xử. Hình thức phương pháp phát động nông dân không giống như phương pháp phát động cải cách ruộng đất. Không nên tạo tình hình căng thẳng bất lợi, không nên nêu yêu cầu thoái tở trong đấu tranh hiện tại.

Phải kịp thời giải quyết ổn thoả những mâu thuẫn trong nội bộ nông dân trên nguyên tắc thương lượng và đoàn kết tương trợ. Cố tránh tình trạng mất đoàn kết giữa bản cố trung nông.

Các đồng chí!

Trước tình hình có nhiều thuận lợi, nhưng cũng còn nhiều gay go, phức tạp, Hội nghị Xứ ủy lần thứ V kêu gọi toàn thể Đảng bộ hãy quyết tâm nỗ lực phấn đấu hơn nữa, để khắc phục khó khăn nhược điểm và phát huy ưu điểm, tranh thủ đưa phong trào tiến lên vững chắc, hoàn thành nhiệm vụ công tác tới, lấy thành tích ấy chúc mừng Đại hội Đảng lần thứ III.

Tháng 7 năm 1960

HỘI NGHỊ TOÀN THỂ BAN CHẤP HÀNH XỨ
ĐẢNG BỘ NAM BỘ LẦN THỨ V

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LIÊN KHU ỦY V (MỞ RỘNG)*

Ngày 4 tháng 5 năm 1960

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH LIÊN KHU

1. Vị trí Liên khu V là vị trí bản lề giữa miền Bắc và Nam Bộ, dựa lưng với Hạ Lào, có địa bàn căn cứ chiến lược Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh. Địch đánh phá được phong trào Liên khu V là có điều kiện thuận lợi để khống chế cách mạng ở miền Nam, chuẩn bị đánh miền Bắc, cấu kết chặt chẽ với phản động Lào; nhưng ta có thể dựa vào miền Bắc, thế hỗ trợ của phong trào Nam Bộ, có địa bàn miền núi rộng lớn làm căn cứ tạo thế mạnh chung cho cách mạng ở Liên khu V và cả miền Nam.

Trong Liên khu có ba vùng đặc điểm khác nhau và có quan hệ chặt với nhau:

Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh là nơi địch ngày càng ra sức xây dựng thành trung tâm căn cứ quân sự ở miền Nam, làm chỗ dựa tấn công cách mạng ở miền Nam và chuẩn bị gây chiến; cũng là nơi ta có nhiều điều kiện thuận lợi để ra sức xây dựng thành căn cứ địa cách mạng vững chắc nối liền với miền Bắc và vùng rừng Đông - Bắc Nam Bộ, làm trở lực và tạo thế mạnh cho

* Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.21, tr.1095-1127.

đồng bằng Liên khu, tạo thế mạnh chung cho cách mạng ở miền Nam, tích cực chống và phá âm mưu xây dựng căn cứ của địch, đồng thời là chỗ dựa chân và dự trữ lực lượng của ta để đón thời cơ đánh đổ địch. Mấy năm qua ta đã giữ được và phát triển phong trào Tây Nguyên và miền Tây, gần đây đã bước đầu xây dựng những trung tâm căn cứ trong từng phạm vi nhất định.

Nông thôn đồng bằng dân đông, địa thế dài và hẹp, địch có phần dễ kiểm soát hơn, chính quyền xã thôn đang khống chế phong trào quần chúng, khu vực Nam giới tuyến (Trị, Thiên, Nam...) là vị trí đầu cầu nên địch có chú ý tập trung lực lượng và đánh phá hơn; nhưng có rừng núi xen kẽ và căn cứ miền núi chạy bọc sau lưng đang được xây dựng về các mặt là chỗ dựa trực tiếp rất vững chắc, ảnh hưởng qua lại với thành thị nhiều, quần chúng nông dân đông đảo đã kinh nghiệm qua đấu tranh cách mạng lâu dài, phong trào vẫn được duy trì và gần đây có mở rộng.

Thành thị nhỏ, phần lớn có tính chất quân sự, công nhân tập trung ít, địch kiểm soát ngặt; nhưng có nông thôn bao bọc, có quan hệ với Sài Gòn - Chợ Lớn, ảnh hưởng ở miền núi loang đến nhanh, có nhiều khả năng đấu tranh chính trị và giữ một vai trò quan trọng.

2. Địch hết sức xúc tiến các âm mưu thủ đoạn của chúng ở Liên khu V nhằm tiêu diệt phong trào đồng bằng và kiểm soát toàn bộ miền núi. Chúng đã và còn khả năng gây tổn thất và nhiều khó khăn cho ta; đồng thời đẩy phong trào cách mạng Liên khu vào một thế giằng co gay go và phức tạp hơn:

Ra sức tăng cường lực lượng quân sự về mọi mặt; nắm quân đội về tổ chức, dựa vào một bọn chỉ huy phản động và số lính xấu để khống chế và huy động quân đội vào các cuộc đánh phá, càn quét; tích cực sử dụng lực lượng bảo an đi đàn áp; đặc biệt tăng cường lực lượng bán vũ trang ở đồng bằng, gây cho ta nhiều khó khăn. Ra sức củng cố chính quyền, nhất là chính

quyền xã thôn ở đồng bằng; do bọn trên thúc ép và bọn gian ác ngoan cố địa phương chi phối, gián điệp hoạt động sâu hơn, mặt khác phong trào quần chúng chưa mạnh, việc phân hóa, lôi kéo, uy hiếp của ta còn ít, nên chính quyền xã thôn ở đồng bằng còn đang khống chế phong trào; ở vùng dân tộc, tích cực gây cơ sở gián điệp để đi đến xây dựng lực lượng phản động địa phương và nắm chính quyền xã thôn, hiện ở một số nơi đã có cơ sở điệp thì kiểm soát nhân dân phần nào.

Tiếp tục đánh phá ráo riết phong trào Liên khu bằng mọi cách. "Tố cộng" ở đồng bằng căn bản vẫn là khủng bố ác liệt, lâu dài, đánh vào Đảng ta và cả quần chúng; gần đây khủng bố ác liệt, có nơi còn sâu độc hơn năm 1956-1957, có gây cho ta tổn thất và khó khăn. Dùng lực lượng quân sự lớn càn quét quy mô miền núi, đánh phá dữ dội về các mặt, nhất là về kinh tế, đã gây cho ta một số tổn thất về tính mạng và tài sản nhân dân. Xúc tiến mạnh di dân chiếm đất lập "dinh điển", bằng khủng bố và bắn cùng hóa nhân dân đã tạm thời thành công trong việc bắt người vừa qua ở đồng bằng và chiếm một số đất ở vùng dân tộc. Đồn dân lập "khu trừ mật" ngày càng khẩn trương và bằng những thủ đoạn hết sức trắng trợn, ngoài một số nơi bị đồn trước đây ở miền Tây mà quần chúng đang tích cực bung ra, chúng đã đồn thêm một số thôn ở vùng trọng điểm ở đồng bằng. Dùng những hình thức cướp bóc nặng nề hơn, nhất là đối với nhân dân lao động ở đồng bằng và thành thị; ở nơi chúng kiểm soát được và đánh phá nhiều ở vùng dân tộc, mức bóc lột cũng tăng hơn trước.

Thực hiện mạnh các chính sách lừa bịp, truy lạc, tôn giáo hóa nhân dân. Lừa bịp đã ảnh hưởng ít nhiều trong một số quần chúng; truy lạc cũng ảnh hưởng đến sinh hoạt của một số, nhất là một số trong thanh niên nam nữ mới lớn lên ở thành thị, vùng tạm bị chiếm cũ, nơi bị đồn dân lâu ngày; tôn giáo phát triển nhiều nhất là Phật giáo.

Nhưng địch ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn trên các mặt, bị thất bại về căn bản trong âm mưu tiêu diệt phong trào cách mạng Liên khu, gần đây bị động hơn về chính trị và bắt đầu bị động một phần về quân sự:

Tình thần binh lính đại đa số cầu an, tiêu cực, sợ chết, gần đây hoang mang dao động phổ biến, nhất là số lên hoạt động miền núi, cần quét miền Tây Liên khu và ở Nam Bộ; số đông lính chủ lực tỏ ra đồng tình với đấu tranh của nhân dân, đa số thanh niên quân địch ít nhiều có tinh thần cách mạng; tỷ lệ số phản động và xấu trong các đơn vị bảo an cũng sụt hơn trước; trong lực lượng bán vũ trang ở nông thôn đồng bằng, số đông lừng chừng hơn; dân vệ ở miền núi gần đây không phát triển, nơi ta có cơ sở thì phần lớn do ta nắm. Nguyên nhân do thành phần binh lính đại bộ phận xuất thân từ quần chúng lao động, số mới bị bắt từ sau hòa bình ít nhiều đã được giác ngộ, thành phần thanh niên quân địch trong một số đơn vị chủ lực chiếm 60-70%, số lính cũ già yếu bị loại dần; bộ mặt cướp nước và bán nước của Mỹ - Diệm ngày càng lộ rõ; đặc biệt phong trào cách mạng ở miền Nam được giữ vững và phát triển, phong trào Liên khu V gần đây được mở rộng.

Chính quyền xã thôn đồng bằng ở nhiều nơi cũng bắt đầu hoang mang dao động, bọn gian ác cố đóng lại trong một số ít và ít nhiều cũng hoang mang, dao động, nơi phong trào quần chúng vươn lên khá, có ảnh hưởng trực tiếp của hoạt động miền Tây mạnh và có một số tên đầu sỏ gian ác nhất bị trừng trị (như Quảng Ngãi) thì uy thế của phản động địa phương sụt xuống rõ rệt, tác dụng thúc ép của bọn trên bị hạn chế nhiều. Ở vùng dân tộc, đại bộ phận chính quyền xã thôn ở những nơi ta có cơ sở, hình thức là của địch, nội dung là tự quản của nhân dân.

"Tổ cộng" căn bản bị thất bại về chính trị. Trong những năm trước đây phong trào ở một số nơi vẫn duy trì được, gần đây tổ chức cơ sở của ta được bảo tồn, có củng cố, phát triển,

uy thế quần chúng giữ được, do: Tổ chức cơ sở được chỉnh đốn, cán bộ bám được trong quần chúng, tác phong bớt lộ liễu; phong trào quần chúng ít nhiều có vươn lên; phản động địa phương bắt đầu hoang mang dao động; chỉ đạo của ta sát và linh hoạt hơn. Nhưng cũng có một số nơi ta gặp khó khăn, tổn thất, do các nhược điểm trước chưa khắc phục được, các hoạt động của ta chưa đủ để hạn chế địch và tạo uy thế mạnh cho quần chúng.

Cần quét miền núi, nhìn chung địch thất bại nặng nhất về chính trị, tổn thất một phần về lực lượng, không những không đạt được mục đích mà lại bị động. Ta tuy ở một ít nơi có thiệt hại một số về tính mạng và tài sản nhân dân, nhưng giữ được cơ sở và phong trào quần chúng, nâng uy thế cách mạng ở vùng dân tộc, gây ảnh hưởng chính trị rộng rãi trong Liên khu, làm cho địch thất bại và càng bộc lộ rõ hơn mặt hung hãn và cả mặt nhược điểm lớn của chúng, ta càng thấy rõ đường lối, phương châm của Đảng là đúng đắn. Kinh nghiệm chống càn vừa qua càng làm sáng tỏ thêm những khả năng lãnh đạo phong trào chống địch ở miền núi.

Nguyên nhân chính là: địch bị nhược điểm lớn về thiếu phản động địa phương, về tinh thần quân đội, địa thế: nhân dân các dân tộc quyết tâm đoàn kết đấu tranh bằng mọi hình thức của dân tộc; Đảng ta bám sát quần chúng, vận dụng được địa thế, phong tục trong lãnh đạo đấu tranh chính trị và kết hợp vũ trang tự vệ.

Các chính sách khác của địch, cướp bóc, di dân, dồn dân, lừa bịp, v.v. làm cho quần chúng hết sức phẫn nộ, mâu thuẫn với Mỹ - Diệm càng sâu sắc. Dồn dân nhiều nơi bị thất bại, lừa bịp bị quần chúng vạch mặt và phỉ nhổ, v.v..

Sắp đến, địch sẽ ra sức xúc tiến mạnh hơn các âm mưu thủ đoạn nói trên, còn gây cho ta nhiều khó khăn. Nhưng nếu ta chỉ đạo đúng thì phong trào sẽ giữ vững và mở rộng hơn nữa.

3. Đời sống quần chúng lao động ở nông thôn đồng bằng và thành thị sa sút nhiều, chủ yếu do chính sách kinh tế lệ thuộc Mỹ và sự cướp bóc, áp bức của chính quyền miền Nam, mặt khác do phong trào quần chúng đấu tranh dân sinh dân chủ chưa mạnh mẽ. Ở vùng dân tộc, những nơi bị địch kiểm soát và cướp phá nhiều, quần chúng sản xuất kém thì đời sống cũng sa sút; ở trung tâm căn cứ và nơi cơ sở khá; việc lãnh đạo sản xuất được chú ý, địch chưa cướp bóc được mấy thì đời sống được cải thiện hơn trước, nhưng vẫn còn khó khăn, nhất là về muối và nông cụ, ta vẫn chưa vận dụng hết những khả năng kinh tế tiềm tàng sẵn có.

Tinh thần và phong trào quần chúng bắt đầu có vươn lên ít nhiều. Quần chúng ngày càng căm thù địch, gần đây nhiều nơi đã thấy phương hướng cách mạng, tiếp thu được một phần ảnh hưởng của phong trào giữa các địa phương, các vùng trong Liên khu và của Nam Bộ, thấy thế chung của miền Bắc và phe ta mạnh hơn, thấy địch nhất định sẽ bị đánh đổ, binh lính và chính quyền xã thôn của địch bắt đầu hoang mang dao động, nên nói chung tinh thần quần chúng ở đồng bằng ổn định hơn, có phấn khởi và tin tưởng cách mạng hơn; ở vùng dân tộc, nhiều nơi phấn khởi và tin tưởng biểu hiện rõ trên các mặt công tác.

Phong trào đoàn kết đấu tranh cũng mở rộng hơn, có phối hợp các mặt và các vùng, với nội dung và hình thức phong phú hơn. Phong trào đồng bằng ít nhiều đều có vươn lên, cũng có nơi còn yếu; nội dung đấu tranh dân sinh dân chủ là chủ yếu, hình thức hợp pháp, kết hợp nửa hợp pháp, cũng có nơi có lúc quyết liệt; nổi nhất là phong trào chống di dân, đồn dân, chống ngân sách xã, chống cướp công điền, chống thuế, xâu và các thứ cướp bóc khác, đòi cải thiện đời sống, chống khủng bố, "tố cộng", chống bầu cử quốc hội, và những cuộc rải truyền đơn phát động dư luận rộng rãi về phương hướng cách mạng gây ảnh hưởng rất lớn. Những phong trào ấy đã nâng thêm giác ngộ của quần

chúng, củng cố thêm đoàn kết, ít nhiều có mở rộng Mặt trận liên hiệp hành động, giành lại được một phần quyền lợi bị mất, làm cho âm mưu dồn dân của địch nhiều nơi bị thất bại và "tố cộng" ít kết quả hơn trước. Phong trào vùng dân tộc vươn lên đầu, căn bản nhất là quần chúng thấy rõ bộ mặt của Mỹ - Diệm nên hầu hết các nơi quần chúng đều chống lại các âm mưu của chúng; nổi nhất là phong trào đoàn kết tương trợ sản xuất, bảo vệ làng, rẫy, phong tục, chống bao vây kinh tế, chống khủng bố, càn quét, dồn dân, chống chiếm đất lập "đình điền", chống xâu, thuế; hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp phát triển đều và nhiều lúc rất quyết liệt, tự vệ nhân dân bố phòng tích cực đã hạn chế hoạt động và đánh phá của địch ở nhiều nơi, chạy làng bất hợp tác và chống địch quyết liệt đã diễn ra trong một số vùng và có tác dụng chống địch rõ rệt. Nhìn chung ở miền núi các mặt đấu tranh kết hợp lợi đã thành một phong trào chính trị rộng rãi, uy thế và đoàn kết của các dân tộc giữ vững, quyền lợi dân sinh dân chủ được bảo vệ, chống phá âm mưu của địch có kết quả nhiều hơn ở đồng bằng, ảnh hưởng chính trị được rộng rãi. Phong trào đấu tranh của nhân dân được như vậy căn bản là do quần chúng giác ngộ chính trị, có kinh nghiệm bản thân đấu tranh với địch, qua bức xúc về quyền lợi dân sinh dân chủ và nguyện vọng thiết tha muốn hòa bình thống nhất, thấy được phương hướng cách mạng, và sự chỉ đạo phong trào của Đảng bộ có tiến bộ; riêng ở vùng dân tộc, ngoài những nguyên nhân trên, còn có yếu tố đoàn kết dân tộc và sự lãnh đạo sát của Đảng là rất quan trọng.

Nhưng nhìn chung quần chúng hiện nay chưa được giáo dục kỹ về phương hướng, phương châm cách mạng nên có tư tưởng nôn nóng, tưởng chừng vũ trang khởi nghĩa mau đến, sinh ra trông chờ, ỷ lại; tư tưởng gom địch ít nhiều vẫn còn ở nơi phong trào yếu hoặc một số nơi bị khủng bố ác liệt (kể cả một số nơi ở miền núi), nhất là trong số người bị địch tình nghi, khống chế ở

đồng bằng. Phong trào đấu tranh ở đồng bằng do tổ chức cơ sở Đảng còn hẹp, tuyên truyền của ta trong quần chúng còn ít, ta chưa nắm được đông đảo quần chúng, nên phần nhiều còn tính chất tự động của quần chúng trong từng phạm vi hẹp, quyền lợi của quần chúng, nhất là của nông dân bị mất nhiều: tầng lớp trung gian (trí thức, tư sản, phú nông) còn lừng chững nhiều, do họ gom dịch, phong trào quần chúng cơ bản chưa đủ sức lôi kéo, công tác vận động của ta còn ít. Ở vùng dân tộc, nhiều nơi quần chúng chưa trải qua thử thách gay go, những nơi tình hình dễ thì thường chủ quan khinh địch; quan niệm về phương châm đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang tự vệ chưa được rõ, do đó việc bố phòng nhiều nơi chưa tích cực, khi tình thế quá bức xúc dễ lúng túng hoặc đi đến những hành động tự phát nếu ta chỉ đạo không kịp thời; sự chỉ đạo của cán bộ và chi bộ địa phương nhiều nơi còn non; sức hỗ trợ của phong trào đô thị, đồn điền, "đình điền" còn yếu.

Triển vọng phong trào quần chúng trong Liên khu và ở mỗi vùng có khả năng củng cố, mở rộng và từng bước vững vàng tiến lên, nếu ta ra sức phát huy những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm của phong trào hiện nay.

4. Đảng bộ Liên khu V, qua quá trình học tập, thực hiện Nghị quyết 15 và các chỉ thị của Trung ương, đã được soi sáng về đường lối, phương châm cách mạng ở miền Nam; do đó, đã có những phấn khởi, nỗ lực và quyết tâm mới, ảnh hưởng lớn đến công tác xây dựng Đảng và phong trào Liên khu. Tư tưởng trong Đảng không còn lúng túng về phương hướng cách mạng như trước, nội bộ đoàn kết nhất trí hơn nhiều. Cơ sở Đảng ở đồng bằng nhiều nơi được củng cố và khôi phục một phần, có nơi phát triển; ở vùng dân tộc được củng cố, phát triển khá hơn. Cán bộ trưởng thành thêm một bước, nhiều đồng chí đã tỏ ra rất anh dũng, số bị tổn thất ít hơn, ngoài một số đồng mới được bổ sung đã có thêm một số được đào tạo từ cơ sở lên và

một số được để bặt vào các huyện ủy, tỉnh ủy, cán bộ dân tộc được chú ý nhiều hơn. Sự chỉ đạo của Đảng bộ nói chung chưa có lệch lạc gì nghiêm trọng trong vận dụng đường lối, phương châm của Đảng và đã bắt đầu có những kinh nghiệm thực tế trong phong trào.

Nhưng về ý thức tư tưởng, bên cạnh phấn khởi, quyết tâm, đã nảy ra tư tưởng non nóng, mặt khác vẫn chưa khắc phục hết tư tưởng rụt rè trước đây. Tư tưởng non nóng của chỉ đạo đã được uốn nắn nhiều, nhưng trong đảng viên, cơ sở, quần chúng ở dưới tư tưởng ấy vẫn còn. Nguyên nhân vì chưa nhận thức đầy đủ về thời kỳ giằng co hiện nay và thời kỳ trực tiếp cách mạng là hai thời kỳ khác nhau, đánh giá tương quan lực lượng giữa địch và ta tùy mỗi cấp và trong mỗi loại cán bộ chưa thật sâu sắc. Tư tưởng rụt rè tuy không nghiêm trọng như những năm trước nhưng còn ảnh hưởng nhiều trên các mặt công tác (ở miền núi chưa mạnh dạn xây dựng lực lượng, phát triển kinh tế, mở rộng đấu tranh, v.v.). Ở đồng bằng chưa mạnh dạn trong lãnh đạo quần chúng đấu tranh về dân sinh dân chủ, vận động binh lính và nhân viên chính quyền, việc xây dựng cơ sở còn chậm tuy phải từng bước chắc chắn, v.v.). Nguyên nhân của tư tưởng rụt rè cũng do chưa thật thấm nhuần đường lối, phương châm, chưa đánh giá hết khả năng của phong trào quần chúng, chưa thấy hết nhược điểm của địch, mặt khác quyết tâm chưa thật đầy đủ về mọi mặt, tinh thần tự lực cánh sinh chưa được đề cao.

Về tổ chức cơ sở, ở đồng bằng chi bộ còn ít, địa bàn hoạt động còn hẹp, do điều kiện cán bộ xã thôn sống hợp pháp chưa đào tạo được mấy, cán bộ bất hợp pháp hoạt động còn bị hạn chế nhiều, nhiều nơi còn hẹp hòi trong việc chọn lọc kết nạp đảng viên, có nơi lại thiếu chặt chẽ và tác phong lộ liễu nên vỡ lở; ở vùng dân tộc, nhiều nơi cơ sở còn non, những nơi cơ sở khá vẫn còn nhiều nhược điểm, nhất là về trình độ lãnh đạo, do việc

củng cố tổ chức và giáo dục nội bộ chưa thật sát dưới và không theo kịp yêu cầu của phong trào; ở thành thị, điển hình, "đình điển", trong binh lính, cơ sở còn quá yếu.

Cán bộ vẫn còn đang thiếu nhiều, nhất là cán bộ xây dựng cơ sở, cán bộ sống hợp pháp ở xã thôn đồng bằng, cán bộ cho các lực lượng vũ trang và các ngành hoạt động khác theo yêu cầu phát triển mới; việc bảo vệ cán bộ, nhất là đối với cán bộ bất hợp pháp ở đồng bằng, nhiều lúc vẫn chưa được bảo đảm; trình độ lý luận của đa số cán bộ chưa được nâng lên.

Về chỉ đạo, chưa chú ý đúng mức vùng giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi, một số nơi còn ý thức nhẹ thành thị; hoặc có những chỗ còn lúng túng, như mức độ kết hợp vũ trang tự vệ ở các vùng, tính chất xây dựng căn cứ, v.v.. Tổ chức chỉ đạo được củng cố và kiện toàn hơn trước về các mặt, nhưng tập thể dân chủ chưa bảo đảm đầy đủ và thường xuyên ở các cấp, nguyên tắc bí mật chưa thật nghiêm ngặt, chỉ đạo chưa thật sát dưới và kịp thời.

5. Qua các đặc điểm trên, ta có nhiều khó khăn, nhưng thuận lợi là căn bản và đang phát triển.

Khó khăn là:

- Dịch càng xúc tiến các âm mưu một cách quy mô, thâm độc: càn quét, khủng bố, "tố cộng", dồn dân lập khu "trù mật", di dân chiếm đất lập "đình điển", cướp bóc, lừa bịp, truy lạc và tôn giáo hóa nhân dân; đồng thời ra sức củng cố lực lượng đàn áp nhất là ở xã thôn, phát triển gián điệp.

- Ở đồng bằng, tuy phong trào quần chúng có mở rộng hơn trước nhưng còn yếu, chưa đều giữa các địa phương; tổ chức chi bộ Đảng còn quá ít, địa bàn hoạt động còn hẹp, bàn đạp giáp ranh ven núi nhiều nơi còn yếu; cán bộ sống hợp pháp chưa có mấy, cán bộ bất hợp pháp hoạt động bị hạn chế, đảng viên và cốt cán cũ bị lộ đang bị địch theo dõi, uy hiếp; địch còn sử dụng được bộ máy chính quyền xã thôn (kể cả dân vệ) đàn áp, khống

chế phong trào. Ở thành thị, phong trào còn yếu hơn. Sự hỗ trợ giữa ba vùng trong Liên khu còn yếu.

- Ở miền núi, địch đang chú ý đánh phá, uy hiếp đời sống nhân dân, gây nhiều khó khăn cho ta, nhất là về kinh tế. Tổ chức cơ sở của ta chưa theo kịp phong trào; các trung tâm căn cứ chưa nối liền nhau, thế hỗ trợ nhau còn yếu; trình độ lãnh đạo của cán bộ xã thôn và cơ sở nhiều nơi còn non; ở những nơi trung tâm quan trọng (nhất là trong người Kinh) chưa có cơ sở mấy. Kinh tế là cơ sở để xây dựng lực lượng, mở rộng phong trào, tuy có nhiều khả năng tiềm tàng, nhưng còn nhiều khó khăn trong việc phát triển.

- Đường lối, phương châm cách mạng chưa thật thấm nhuần trong Đảng, phương hướng đi đến đánh đổ Mỹ - Diệm chưa được giáo dục rộng rãi trong nhân dân; tư tưởng một mặt chủ quan nôn nóng, mặt khác còn rụt rè trong xây dựng ta và làm yếu địch, thiếu sáng tạo linh hoạt trong vận dụng phương châm, phương thức.

Những thuận lợi là căn bản:

- Đường lối, phương châm của Đảng đúng đắn, sự chỉ đạo của Trung ương và Đảng bộ ngày càng sát và cụ thể hơn; phong trào trong Liên khu đã đem lại những kinh nghiệm thực tế làm sáng tỏ thêm việc vận dụng đường lối, phương châm.

Quần chúng căm thù địch sâu sắc ngày càng giác ngộ, được thử thách và có kinh nghiệm đấu tranh; gần đây bắt đầu thấy được phương hướng cách mạng là yếu tố có tính chất quyết định của phong trào; phong trào đồng bằng có mở rộng hơn, triển vọng có thể giữ được và vươn lên dần; quan hệ hỗ trợ giữa các vùng đang hình thành và có điều kiện phát triển.

- Phong trào miền núi giữ vững và phát triển, căn cứ địa đang được xây dựng về các mặt tạo nên một thế mạnh chung cho toàn Miền khu.

- Cơ sở Đảng được củng cố, bắt đầu khôi phục, phát triển, tạo thêm lực lượng cách mạng và những khả năng mới để xây

dựng phong trào, lực lượng đảng viên và cốt cán cũ, gia đình tập kết ở đồng bằng, tuy bị uy hiếp thường xuyên, nhưng khi phong trào lên mạnh, nhất là lúc có thời cơ thuận lợi sẽ là một lực lượng rất quan trọng. Cán bộ, đảng viên và cơ sở có tinh thần anh dũng phấn đấu, chịu đựng gian khổ, bám sát quần chúng, được rèn luyện, trưởng thành hơn, gắn bó càng phân khởi quyết tâm hơn.

- Khả năng của địch có hạn: địch bị động hơn trước về chính trị, đã bắt đầu bị động một phần về quân sự; binh lính và chính quyền xã thôn hoang mang dao động. Khả năng khoét sâu mâu thuẫn và nhược điểm địch, tranh thủ binh lính, vận động chính quyền xã thôn có nhiều.

- Phong trào Nam Bộ được giữ vững, phát triển, việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và phe ta thắng lợi, phong trào cách mạng ở Đông Nam Á và trên thế giới lên cao ảnh hưởng lớn đến phong trào trong Liên khu.

*
* * *

Rút lại mấy điểm về tình hình trong Liên khu:

- Tương quan lực lượng giữa địch và ta hiện nay căn bản chưa thay đổi. Nhìn chung ta có ưu thế chính trị nhưng thực lực của địch còn mạnh hơn ta. Ở đồng bằng địch còn sử dụng được bộ máy thống trị, nhất là chính quyền xã thôn để khống chế phong trào; ta còn phải đấu tranh gay go với địch. Ở miền núi, địch còn đánh phá quy mô ác liệt, cuộc giằng co giữa địch và ta còn khó khăn phức tạp; nhưng ta có thế thuận lợi để chống địch và bảo vệ phong trào.

Nhưng tình hình đã bắt đầu chuyển biến dần dần lợi cho ta hơn và không lợi cho địch: chung trong toàn Liên khu, uy thế địch có giảm sút một phần và uy thế ta có vươn lên, tuy chưa đều giữa các địa phương, các vùng. Ưu thế chính trị của ta đang

dần dần phát triển thành lực lượng, nhất là ở vùng dân tộc miền núi.

- Địch căn bản yếu về chính trị nên dùng vũ lực khủng bố, ta dùng lực lượng chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng là chủ yếu để chống lại. Trên cơ sở tương quan lực lượng giữa địch và ta hiện nay trong Liên khu, ta phải hết sức khẩn trương, tích cực xây dựng và sức tích lực lượng, đồng thời làm suy yếu địch, chuẩn bị điều kiện để có thể tiến lên đánh đổ địch khi có thời cơ. Cuộc đấu tranh đang trong giai đoạn giằng co ác liệt, ta phải thấy hết các âm mưu và khả năng của địch để kiên quyết chống lại, nhưng cũng thấy rõ nhược điểm của địch để khoét sâu; đồng thời thấy hết khó khăn của ta để khắc phục, thấy hết thuận lợi để ra sức vận dụng và phát huy.

- Với đường lối, phương châm đúng đắn của Đảng, với tinh thần quyết tâm của cán bộ, đảng viên và quần chúng không ngừng được nâng cao, với khả năng thực tế của phong trào mỗi vùng, tin rằng ta sẽ xây dựng được miền núi thành căn cứ địa vững chắc; khôi phục, phát triển được phong trào đồng bằng và thành thị; tạo được thế hỗ trợ mạnh mẽ giữa các vùng với nhau; đi đến cùng Nam Bộ tạo được điều kiện làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam, đưa cách mạng tiến lên; đồng thời thiết thực góp phần tích cực bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

II- NHIỆM VỤ CỦA LIÊN KHU V

A- Nhiệm vụ và phương châm chung

1. Căn cứ vào Chỉ thị của Trung ương: "phong trào cách mạng miền Nam hiện nay đang ở trong thời kỳ xây dựng và sức tích lực lượng, chứ chưa phải là thời kỳ trực tiếp cách mạng". Và "cuộc đấu tranh của ta ở miền Nam là để duy trì và phát triển lực lượng, cô lập và làm suy yếu lực lượng của Mỹ - Diệm.

Ta vừa tận dụng mọi khả năng đấu tranh chính trị để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm từng bước, vừa tích cực chuẩn bị để vũ trang khởi nghĩa cướp chính quyền sau này. Cho nên cuộc chuẩn bị phải vừa *tích cực vừa ra sức lợi dụng từng thời cơ để chiến thắng từng bước một*, vừa *kiên trì và vững vàng xây dựng lực lượng*"; và căn cứ vào đặc điểm tình hình Liên khu V, Hội nghị Liên khu uỷ (mở rộng) đề ra nhiệm vụ của Liên khu là:

Ra sức phát huy hết thuận lợi và khả năng, *khẩn trương xây dựng Tây Nguyên và miền Tây thành căn cứ địa cách mạng vững chắc*, làm trở lực mạnh mẽ cho đồng bằng, tạo thế chung cho cách mạng ở miền Nam, đồng thời để đón thời cơ khi thuận lợi; *quyết tâm giữ vững, khôi phục và phát triển vùng chắc cơ sở và phong trào quần chúng đồng bằng* góp phần xây dựng và bảo vệ căn cứ; *hết sức chú ý công tác thành phố, kiên trì xây dựng cơ sở và mở rộng đấu tranh chính trị*. Kiên quyết lãnh đạo phong trào quần chúng giữa ba vùng đấu tranh chính trị rộng rãi, mạnh mẽ chống các chính sách cướp bóc, khủng bố và âm mưu xây dựng căn cứ quân sự, chuẩn bị gây chiến của Mỹ - Diệm, giành lại những quyền lợi bức thiết nhất cho quần chúng, bảo tồn và phát triển lực lượng, làm cho địch ngày càng bị cô lập, suy yếu hơn nữa. Hết sức chăm lo đời sống và tăng cường khối đoàn kết của quần chúng chủ yếu là công nông, đồng thời tích cực mở rộng Mặt trận chống Mỹ - Diệm; ra sức xây dựng lực lượng kinh tế, vũ trang; xúc tiến công tác binh vận, tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp, và công tác vận động nhân viên chính quyền, nhất là ở xã thôn; xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức, máu chốt là xây dựng Đảng ở cơ sở. Thực hiện các nhiệm vụ trên là thiết thực bảo vệ xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

2. Căn thấu triệt các phương châm do Trung ương đã đề ra: "Dưới chính quyền phát xít của Mỹ - Diệm hiện nay, phải sử dụng cả đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự mới duy trì

và phát triển được lực lượng. Đấu tranh chính trị so với đấu tranh vũ trang là hình thức đấu tranh thấp hơn, nhưng trước mắt lại là hình thức đấu tranh chủ yếu và là thế mạnh của phong trào để tấn công địch. Đấu tranh vũ trang tuy là hình thức đấu tranh chính trị cao nhất, nhưng hiện nay chỉ là để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, là đấu tranh để tự vệ. Nếu nặng về đấu tranh vũ trang, nhẹ về đấu tranh chính trị lúc này là biểu lộ thế tự vệ nhiều hơn thế tấn công của phong trào và như vậy là không đúng. Hai hình thức đấu tranh chính trị và quân sự phải tùy theo từng vùng, từng giai đoạn mà sử dụng cho thích hợp". Và "phải tích cực và bền bỉ đấu tranh; khéo léo công tác, khéo léo che giấu lực lượng; kết hợp đúng đắn và linh hoạt các hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp; bảo đảm cho Đảng tồn tại vững chắc, tuyệt đối bí mật và gắn chặt vào quần chúng. Khắc phục kịp thời tư tưởng bị quan, dao động, đồng thời chống tư tưởng nôn nóng, mạo hiểm làm tiêu non lực lượng".

Vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể Liên khu V hiện nay là:

Hết sức bảo tồn và tích lũy lực lượng, *nỗ lực xây dựng lực lượng ta về mọi mặt, đồng thời làm suy yếu địch*; lấy xây dựng lực lượng chính trị làm căn bản, trên cơ sở đó mà tích cực, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ. *Nắm vững hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu, đồng thời kết hợp hình thức đấu tranh vũ trang để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị*; tùy nơi tùy lúc mà chủ động linh hoạt sử dụng lực lượng vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ phục vụ cho đấu tranh của quần chúng, bảo vệ phong trào với mức độ cần thiết và tùy theo khả năng. *Nắm vững quan hệ và phối hợp chặt chẽ phong trào giữa ba vùng trong Liên khu, giữa Liên khu với Nam Bộ*. Phải ra sức *tự lực cánh sinh*, chống tư tưởng ỷ lại, phát huy *thần thân vượt gian khổ*, tự mình giải quyết mọi khó khăn và tự cấp tự túc mà đẩy mạnh xây dựng lực lượng, mở rộng phong trào.

B- Nhiệm vụ phương châm cụ thể đối với từng vùng

Mỗi vùng đều phải nắm vững nhiệm vụ, phương châm chung; đồng thời tùy đặc điểm khác nhau mà có những yêu cầu công tác và vận dụng phương châm có chỗ khác nhau.

1. Ở thành phố:

Nhiệm vụ cụ thể: vận dụng mọi khả năng công khai, mở rộng phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ thông thường của quần chúng; lợi dụng từng cơ hội đẩy mạnh đấu tranh đòi sửa đổi các chính sách, đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh thành một phong trào rộng lớn, mạnh mẽ hơn, có lúc có tính chất chính trị cao, nhằm đẩy lùi từng bước một những chính sách độc tài của Mỹ - Diệm. Muốn vậy, phải tập hợp một mặt trận thật rộng rãi, bao gồm công nhân, nhân dân lao động nghèo, tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, trí thức, tư sản và tranh thủ các phe phái và những phần tử ít nhiều có khuynh hướng chống Mỹ - Diệm, nhưng phải dựa vững chắc vào công nhân và nhân dân lao động nghèo. Trên cơ sở mở rộng đấu tranh, tập hợp mặt trận mà xúc tiến mạnh mẽ công tác binh vận. Để đảm bảo lãnh đạo phong trào và sức tích lực lượng phải *củng cố cơ sở cách mạng sẵn có* và ra sức khôi phục, phát triển cơ sở, trước hết trong công nhân, nhân dân lao động nghèo, chú trọng học sinh, sinh viên trí thức, nơi có điều kiện và những xí nghiệp, cơ quan quan trọng; xây dựng chi bộ, đào tạo cán bộ, kiện toàn cơ quan chỉ đạo thị, thành, tạo bàn đạp để bảo đảm chỉ đạo lâu dài.

Phương châm: Xây dựng cơ sở cách mạng thật vững, hết sức bí mật để tồn tại lâu dài. Mở rộng phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi dưới hình thức công khai hợp pháp linh hoạt, khéo kết hợp nửa hợp pháp, không hợp pháp rất thận trọng; hoạt động vũ trang chỉ cá biệt, do trên quyết định.

2. Ở nông thôn đồng bằng:

Nhiệm vụ cụ thể: trên cơ sở *chăm lo đến đời sống quần chúng* mà ra sức khôi phục, củng cố khối đoàn kết của quần

chúng nông dân bằng tương thân tương trợ làm ăn, tình cảm bà con, xóm làng, đồng thời tranh thủ từng lớp trên thành một mặt trận rộng rãi. Phát triển phong trào đấu tranh chính trị với khẩu hiệu dân sinh dân chủ là chủ yếu, trước hết là chống đồn điền di dân, chống cướp công điền, đòi cải thiện đời sống, chống bọn gian ác ở xã thôn và đòi tự do dân chủ, kết hợp chống khủng bố, "tố cộng"; lợi dụng thời cơ đưa ra những khẩu hiệu chính trị thích hợp để đưa phong trào lên mạnh mẽ hơn, nhưng không bộc lộ lực lượng. Bảo tồn, củng cố cơ sở sẵn có, tích cực phát triển cơ sở mới mạnh mẽ, nhất là xây dựng chi bộ, thanh niên lao động làm *hạt nhân lãnh đạo vững chắc và rộng rãi ở xã thôn*. Ra sức phân hóa, lôi kéo và uy hiếp chính quyền xã thôn, làm cho rung động, mất dần tác dụng đàn áp cách mạng; nắm chắc người tốt, lôi kéo số lưng chừng, cô lập cao độ bọn gian ác ngoan cố. Xúc tiến công tác binh vận rộng rãi trong quần chúng. Chú ý tạo điều kiện tiến đến nắm chắc những vùng giáp ranh ven núi và dần dần mở rộng ra.

Phương châm: Tổ chức cơ sở cách mạng phải gọn nhẹ, bí mật, hoạt động phải khéo che giấu. Mở rộng đấu tranh chính trị, hình thức hợp pháp và nửa hợp pháp là chính, linh hoạt vận dụng không hợp pháp có lợi cho phong trào; khéo léo kết hợp đấu tranh vũ trang theo lối vũ trang tuyên truyền tự vệ, lưu động linh hoạt để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, bảo vệ cán bộ, bảo vệ phong trào.

3. Ở miền núi:

Nhiệm vụ cụ thể: giữ vững, tăng cường khối đoàn kết và phát huy khí thế các dân tộc, hết sức *chăm lo đời sống nhân dân*; kiên quyết lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch cướp bóc, đồn điền, chiếm đất, càn quét, khủng bố và bảo vệ tính mạng tài sản, bằng đầy mạnh phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi, bố phòng tích cực, kết hợp đấu tranh vũ trang cần thiết. Tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, tận dụng mọi khả năng tích cực phát triển kinh tế, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố và phát

triển cơ sở cách mạng mạnh mẽ, đều khắp, chú ý xây dựng cơ sở Đảng. Xúc tiến mạnh mẽ công tác binh vận; tranh thủ nắm chắc chính quyền nhất là ở xã thôn. Thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ trên nhằm *củng cố, mở rộng và nối liền các trung tâm căn cứ*, tiến lên thực sự làm chủ ở rừng núi.

Phương châm: tổ chức, sinh hoạt Đảng và Đoàn phải bí mật; các lực lượng thoát ly không được bộc lộ, giữ vững kỷ luật bí mật. Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng khéo kết hợp hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp mà nửa hợp pháp là phổ biến, tranh thủ khả năng hợp pháp, linh hoạt sử dụng không hợp pháp cần thiết, dưới mọi hình thức tập tục của quần chúng và cần bản giữ thế hợp pháp cho quần chúng, sử dụng lực lượng vũ trang và bán vũ trang *hỗ trợ cho đấu tranh chính trị*, nhưng hiện nay chiến đấu tự vệ là chính, dần dần sẽ tiến lên có tính chất chiến đấu tấn công.

C- Năm công tác chính trong Liên khu

1. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục để nâng cao giác ngộ quần chúng, ra sức đoàn kết các tầng lớp nhân dân thành một mặt trận rộng rãi, trên cơ sở ấy mà phát triển phong trào đấu tranh mạnh mẽ.*

a) Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục là một công tác quan trọng nhằm nâng cao giác ngộ chính trị và động viên quần chúng thực hiện nhiệm vụ cách mạng, đồng thời tấn công chính trị vào hàng ngũ địch. Giáo dục cho quần chúng hiểu rõ và tin tưởng đường lối cách mạng, hiểu rõ Cương lĩnh Mặt trận, phấn khởi và quyết tâm đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng khắc phục tư tưởng nôn nóng, trông chờ ỷ lại, hoặc bị quan, gom địch, thiếu mạnh dạn đấu tranh; thể hiện bằng tinh thần cảnh giác cao, căm thù địch sâu sắc, đoàn kết rộng rãi và đấu tranh kiên quyết chống các chính sách độc tài tàn bạo của Mỹ - Diệm để bảo vệ quyền lợi, bảo vệ Đảng và cách mạng, sẵn sàng đứng lên

dánh đổ địch khi thời cơ thuận lợi. Phát huy ảnh hưởng miền Bắc, phe ta, phong trào cách mạng chung trên thế giới. Cương quyết chống tuyên truyền láo xược, văn hóa đối trụy, tư tưởng hủ lậu và các chính sách bịp bợm của địch; đồng thời ra sức mở rộng tuyên truyền của ta vào hàng ngũ địch, nhất là trong binh lính và nhân viên chính quyền.

Tuyên truyền giáo dục trong cơ sở bằng hình thức bí mật; loang ra quần chúng bằng mọi hình thức hợp pháp hoặc nửa hợp pháp rộng rãi, như dựa vào đoàn kết làm ăn, tình cảm hàng ngày mà bàn tán, gây dư luận công khai sôi nổi; chỉnh đốn nội dung và hình thức các tờ báo, có thể phát hành rộng hơn nhưng đảm bảo bí mật. Rải truyền đơn tùy nơi tùy lúc cần thiết, nhưng không nên làm liên miên. Vũ trang tuyên truyền nơi có điều kiện và cần thiết, nhằm phát động ảnh hưởng chính trị, uy hiếp bọn gian ác ở xã, tạo thêm điều kiện xây dựng phong trào.

b) Hiện nay ta có nhiều khả năng tăng cường khối đoàn kết của quần chúng công nông và tranh thủ từng lớp trên thành một mặt trận rộng rãi chống chế độ độc tài tàn bạo của Mỹ - Diệm, cho nên phải ra sức đoàn kết quần chúng và mở rộng mặt trận. Phải dựa trên cơ sở tình cảm, làm ăn và quyền lợi thiết thân hàng ngày của quần chúng mà đoàn kết và lãnh đạo quần chúng đấu tranh, đồng thời qua đấu tranh mà tăng cường đoàn kết quần chúng. Đó là vấn đề có tính chất cách mạng sâu sắc, là nền tảng rộng rãi, vững chắc của mặt trận mà địch không thể phá vỡ được. Tận dụng các tổ chức thông thường sẵn có của quần chúng, cũng dựa trên cơ sở đó mà xây dựng và hoạt động. Lợi dụng các tổ chức văn hóa, xã hội, nghiệp đoàn của địch để tập hợp quần chúng; những tổ chức chính trị của địch có tính chất quần chúng như các đoàn thể cách mạng quốc gia, nếu nơi nào còn thì cũng lợi dụng để tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh; đối với tổ chức chính trị phản động như Cần lao nhân vị, cho người chui vào tìm hiểu và phá hoại.

Thực hiện đúng sách lược mặt trận: ở nông thôn đồng bằng, đoàn kết cố, bản, trung nông (nhận thức trong Đảng là dựa hẳn vào bản cố nông, đoàn kết chặt chẽ trung nông); liên hiệp phú nông; tranh thủ rộng rãi cả những phần tử địa chủ có ít nhiều mâu thuẫn với chính sách độc tài của Mỹ - Diệm, trung lập những phần tử có thể trung lập được, cô lập bọn phản động gian ác trong giai cấp địa chủ. Ở miền núi vùng dân tộc, dựa vào quần chúng lao động; đoàn kết chặt chẽ với tiểu tư sản, trí thức (ở những nơi có); đoàn kết những nhân vật lớp trên, tranh thủ bất cứ người nào có thể tranh thủ được (chú ý tranh thủ phong trào tự trị ở Tây Nguyên); cô lập những phần tử phản động gian ác đầu sỏ, tay sai đắc lực của Mỹ - Diệm; tập trung mọi lực lượng chống Mỹ - Diệm. Ở thành thị dựa vào công nhân và nhân dân lao động nghèo; đoàn kết tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, trí thức, liên hiệp tư sản dân tộc; tranh thủ các nhóm hoặc cá nhân và những khuynh hướng chính trị có ít nhiều chống Mỹ - Diệm, nhất là khuynh hướng hòa bình trung lập, để hình thành một mặt trận hành động thật rộng rãi. Đối với các tôn giáo, tranh thủ, đoàn kết quần chúng bên dưới, liên hiệp hành động với những người bên trên có ít nhiều chống Mỹ - Diệm nhất là trong Phật giáo và Cao Đài, cô lập những phần tử phản động tay sai của Mỹ - Diệm.

c) Phát triển phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ, nhằm các vấn đề dân sinh dân chủ, chống chuẩn bị gây chiến, đánh lui chính quyền Mỹ - Diệm từng bước một, đồng thời chuẩn bị tiến lên vũ trang khởi nghĩa cướp chính quyền thực hiện hòa bình thống nhất. Nhưng chủ yếu trước mắt là xoay quanh khẩu hiệu dân sinh dân chủ, nhằm những yêu cầu bức thiết nhất của quần chúng là đòi công điền, chống dồn dân lập "khu trù mật", di dân chiếm đất lập "đình điền", cướp bóc, khủng bố, "tố cộng", càn quét, và đòi dân chủ ở xã thôn. Khi có thời cơ, có thể đưa phong trào đấu tranh lên cao với những khẩu hiệu chính trị thiết thực.

Trong quá trình phong trào, phải đi từ thấp đến cao, từ thắng lợi nhỏ đến thắng lợi lớn, kết hợp nhiều mặt đấu tranh trong từng lúc và phối hợp chặt chẽ phong trào giữa ba vùng. Tùy từng vùng từng lúc mà vận dụng hình thức đấu tranh thật linh hoạt, khi nhẹ nhàng mềm dẻo, khi rất mạnh mẽ quyết liệt, hoặc kết hợp cả hai mặt với nhau; nơi và lúc cần thiết vừa đấu tranh chính trị vừa sử dụng đấu tranh vũ trang hỗ trợ.

2. *Xúc tiến công tác binh vận và vận động nhân viên chính quyền:*

a) Đặc biệt xem trọng công tác binh vận vì là một nhiệm vụ chiến lược hết sức quan trọng. Ra sức tranh thủ binh lính, tiến tới xây dựng khối công, nông, binh liên hiệp để chuẩn bị thực lực góp vào vũ trang khởi nghĩa khi có thời cơ; trước mắt là góp phần chống địch dùng lực lượng vũ trang đàn áp cách mạng, bảo vệ phong trào và làm suy yếu địch.

Yêu cầu hiện nay là: Ra sức tuyên truyền tranh thủ chính trị trong binh lính, đồng thời tích cực xây dựng cơ sở mai phục lâu dài trong quân đội địch. Làm cho binh lính hoang mang tiêu cực, đồng tình ủng hộ hoặc ít nhiều tham gia đấu tranh của quần chúng, chống khủng bố, càn quét của Mỹ - Diệm; ta chưa đưa ra khẩu hiệu vận động binh lính đảo ngũ, phản chiến, trừ trường hợp cần thiết và binh lính người dân tộc. Đối với dân vệ, lôi kéo số đông lưng chừng, nắm chặt số tốt, cô lập, đi đến đánh đổ số cầm đầu gian ác; làm cho mất dần tác dụng đàn áp phong trào địa phương, đồng tình ủng hộ hoặc tham gia đấu tranh của quần chúng. Ở miền núi, ra sức vận động binh lính người dân tộc đồng tình và ủng hộ nhân dân, bảo vệ dân tộc, chống Mỹ - Diệm; tận dụng mọi khả năng vận động binh lính người Kinh; chú trọng vận động binh lính trong lúc đóng đồn, càn quét, dồn dân, v.v.; khi phong trào đấu tranh lên mạnh, thừa cơ tấn công chính trị và đẩy mạnh tinh thần hoang mang dao động, đồng thời làm cho binh lính hiểu rõ chính sách của ta.

Ra sức xây dựng cơ sở nội tuyến, chủ yếu là trong binh lính đồng thời chú trọng sĩ quan; chú ý phát triển vào những đơn vị quan trọng. Nắm vững phương châm: Hết sức bí mật, che giấu lực lượng (nhất là cơ sở quan trọng) mai phục lâu dài chờ thời cơ; trọng chất hơn lượng; tổ chức đảng viên nhằm nắm lại số cũ, phát triển số mới phải thận trọng chắc chắn, hiện nay đơn tuyến là phổ biến.

Vận động binh lính căn bản là dựa vào lực lượng quần chúng đông đảo, nhất là ra sức vận động gia đình binh lính làm cầu cho việc thâm nhập đường lối, chính sách của ta và phát triển cơ sở vào binh lính. Tranh thủ giáo dục thanh niên quân địch, xây dựng nắm chắc một số; giáo dục thanh niên chống bắt lính, chống quân địch, đồng thời bố trí đưa một số thanh niên vào quân đội địch làm cơ sở hoạt động; kiên quyết không để địch bắt thanh niên người dân tộc đi lính.

Tăng cường chỉ đạo công tác binh vận ở các cấp. Giáo dục kỹ cho cán bộ, đảng viên, cơ sở, các lực lượng vũ trang và quần chúng nhận rõ ý nghĩa, nhiệm vụ, chính sách và phương pháp vận động binh lính. Cán bộ, chi bộ, đảng viên, thanh niên lao động, cơ sở đều có trách nhiệm làm công tác binh vận. Tách riêng một số cơ sở hiện có để tổ chức cơ sở mật giao; xây dựng cơ sở binh vận bám các đồn, nơi tập trung, v.v.. Mỗi cấp có một đồng chí cấp ủy chuyên trách, ban binh vận khu, tỉnh phải được kiện toàn, các cấp (nhất là khu và tỉnh) phải nắm trọng điểm, rút và phổ biến kinh nghiệm kịp thời. Chuẩn bị điều kiện và có kế hoạch đẩy mạnh công tác binh vận lên một bước khi phong trào đấu tranh được phát động mạnh mẽ.

b) Ra sức vận động nhân viên chính quyền nhất là ở xã thôn. Phân hóa, lôi kéo và uy hiếp chính quyền xã thôn đồng bằng, làm cho mất dân tác dụng đàn áp cách mạng; nắm chắc người tốt, tranh thủ số lừng chừng, cô lập cao độ bọn gian ác, đòi dân chủ hóa chính quyền xã thôn, đồng thời ra sức xây dựng cơ sở bên trong. Vận động nắm chặt chính quyền xã thôn vùng

dân tộc; ở những trung tâm căn cứ, nơi không có chính quyền địch thì nhân dân tổ chức tự quản, nơi có chính quyền địch thì biến hình thức là của địch, nội dung là tự quản của nhân dân; ở vùng tranh chấp, ra sức tranh thủ phân hóa bọn gian điệp, cô lập và khống chế những tên phản động địa phương gian ác, tranh thủ nắm nhân viên chính quyền thôn xã và tiến tới nắm cả nhân viên tổng.

Thực hiện các yêu cầu trên tùy theo sự phát triển của phong trào từng vùng và chung trong Liên khu mà nâng dần lên. Vận động chủ yếu là dựa vào khối đại đoàn kết đấu tranh và uy thế của quần chúng trong thôn xã; ngoài ra, dùng quan hệ gia đình, bạn bè, quan hệ kinh tế, xã hội. Cần giáo dục cho quần chúng biết vận dụng sách lược đúng đắn, đồng thời đối với những tên gian ác phải dùng nhiều cách để uy hiếp và đối với tên gian ác ngoan cố phải kiên quyết trừng trị (tránh bữa bãi, ở vùng dân tộc càng phải hết sức thận trọng).

3. Ra sức phát triển kinh tế, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân

Cần phải khai thác hết mọi khả năng để phát triển kinh tế toàn diện, lâu dài và vượt bậc, nhằm cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm phát triển lực lượng cách mạng nhanh chóng, tiến tới tự túc tự cấp trên địa bàn căn cứ.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, phải làm cho trong Đảng và nhân dân có đầy đủ tinh thần tự lực cánh sinh, tự mình khắc phục khó khăn để ra sức sản xuất, tăng cường dự trữ; đồng thời phải hết sức tiết kiệm và sẵn sàng chịu đựng mọi thiếu thốn do địch và hoàn cảnh khó khăn gây nên. Đẩy mạnh sản xuất về mọi mặt, nhưng lấy lương thực làm chủ yếu; có kế hoạch định mức nỗ lực sản xuất và thu hoạch lúa, các thứ hoa màu khác; tích cực phát triển chăn nuôi; gây và phát triển nghề phụ gia đình, thủ công nghiệp, dự trữ lúa gạo, hoa màu, muối, rua, vải, thuốc; giữ vững và mở rộng các luồng trao đổi giao lưu với đồng bằng và các nơi khác; khai thác các nguồn lợi lâm sản để sử

dụng, trao đổi. Kiên quyết bảo vệ hoa màu và chống địch bao vây, cướp phá kinh tế.

Các lực lượng vũ trang, hành lang, cơ quan phải đặc biệt chú ý sản xuất tự túc, tiến tới có thể tự túc hoàn toàn về lương thực ở vùng căn cứ, mở rộng chăn nuôi, chài lưới, sản bản; xây dựng thủ công nghiệp dệt, rèn, may, thuốc nam, làm giấy, v.v. thực hành tiết kiệm, chú ý bảo quản kho tàng, giữ gìn dụng cụ vật liệu, hợp lý hóa công việc và sử dụng nhân công thừa để sản xuất. Thực hiện khẩu hiệu "đi đâu sản xuất đó, có đất có ăn, thiếu người tăng người".

Chú ý xây dựng các bàn đạp giáp ranh đồng bằng và những nơi phụ cận Tây Nguyên để mua bán, trao đổi những thứ cần thiết, có thể tiến đến kiên quyết phá bao vây kinh tế của địch; dựa vào quần chúng ở giáp ranh đồng bằng cung cấp cho căn cứ những nhu cầu thực phẩm; khi có điều kiện thuận lợi cần tranh thủ đưa nhiều muối, nông cụ, v.v. lên căn cứ để giải quyết thiếu thốn và dự trữ lâu dài.

Mặt khác phải chăm lo đến đời sống văn hóa, xã hội cho quần chúng, đào tạo giáo viên, gây phong trào học và dạy văn hóa (chữ dân tộc và chữ phổ thông), phát triển ca, múa, hát, giáo dục quần chúng tự nguyện cải tiến ăn ở, phong tục có hại cho sức khỏe và sản xuất; giữ vệ sinh phòng bệnh, chữa bệnh, phổ biến thuốc nam.

Việc động viên nhân dân đóng góp cho cách mạng phải trên cơ sở nhân dân ít nhiều được bồi dưỡng về vật chất và tinh thần, và do nhân dân hoàn toàn tự nguyện, tự giác, có thể dùng một hình thức đóng góp thích hợp với quần chúng như làm rẫy cách mạng, rẫy giữa làng, v.v..

4. Tích cực xây dựng các lực lượng vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ

Ra sức tự lực cánh sinh, tự cấp tự túc về mọi mặt mà khẩn trương xây dựng các lực lượng vũ trang mau lớn mạnh để kịp

thời làm trợ lực cho đấu tranh chính trị của quần chúng và chủ động đối phó với mọi tình thế.

Ở miền núi các cấp đều phải khẩn trương xây dựng tự vệ nhân dân (gồm cả tự vệ bí mật) thành một mạng lưới tự vệ rộng khắp, đủ khả năng chống địch bảo vệ làng rẫy, bảo vệ căn cứ, nhất là ở trung tâm căn cứ và vùng tranh chấp; thu hút tất cả mọi người, tận dụng mọi phương tiện mọi thứ vũ khí thô sơ của quần chúng, gây một phong trào bố phòng tích cực dưới mọi hình thức bảo vệ hoa màu, chống thú rừng; xây dựng khu vực và làng tự vệ từ những nơi trung tâm căn cứ mà mở rộng ra. Tổ chức tự vệ nhân dân phải kết hợp chặt với xây dựng cơ sở chính trị, sản xuất và bảo vệ sản xuất, đấu tranh chống địch. Trong tự vệ nhân dân, chọn lực lượng có tinh thần vững lập ra tự vệ bí mật huấn luyện kỹ hơn về chính trị và quân sự, tổ chức thành tổ hoặc tiểu đội theo từng làng, từng nóc.

Muốn đạt yêu cầu khẩn trương xây dựng tự vệ nhân dân ở miền núi như trên mấu chốt là đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tổ, tiểu đội, cán bộ thôn xã cho các lực lượng đó, đồng thời không ngừng học tập kinh nghiệm và cải tiến bố phòng chống địch của nhân dân.

Tích cực xây dựng tự vệ bí mật ở đồng bằng với chất lượng bảo đảm, tinh thần dũng cảm, có khả năng chiến đấu, tổ chức gọn và bí mật để tồn tại lâu dài, sống với gia đình làm công tác vận động quần chúng, bảo vệ cán bộ khi cần thiết. Bất kỳ ở đâu có cơ sở chính trị, có phong trào quần chúng đều có thể tổ chức. Nơi nào tổ thanh niên lao động có đủ điều kiện thì lồng vào nội dung xây dựng tự vệ bí mật, nếu không thì rút những đoàn viên đủ điều kiện cùng một số đảng viên hoặc cơ sở có khả năng chiến đấu mà lập thành tổ tự vệ bí mật (mỗi tổ từ 3 đến 5 người) và có thể tổ chức sinh hoạt riêng; đồng thời cần đi sâu nghiên cứu thêm và kịp thời rút kinh nghiệm. Chú trọng xây dựng trước ở những nơi giáp ranh, nơi quan trọng.

Đối với thành phố, tổ chức lực lượng nhằm theo đơn tuyến, nhằm nơi quan trọng và xung yếu, nhất là trong công nhân xí nghiệp.

Gấp rút xây dựng các lực lượng vũ trang tuyên truyền mau lớn mạnh là vấn đề cấp bách và quan trọng hiện nay, cho nên phải hết sức tranh thủ xây dựng với số lượng càng nhiều càng tốt và chất lượng phải được bảo đảm. Hiện nay, đơn vị tổ chức phổ biến là trung đội, nơi có điều kiện và cần thiết có thể tổ chức đến đại đội, tổ chức chi bộ Đảng theo đơn vị trung đội. Tiến đến thành phần người Kinh là chủ yếu, các đơn vị người Kinh dần dần thực hiện nhiệm vụ lưu động rộng ra nhiều nơi; các đơn vị dân tộc cùng với tự vệ nhân dân tiến đến có thể tự bảo vệ lấy căn cứ.

Chú trọng xây dựng các đội đặc công, trình sát đủ khả năng đảm nhiệm bảo vệ căn cứ, làm những công tác đặc biệt. Ở vùng dân tộc có thể tổ chức các đội vũ trang công tác để hoạt động ở những vùng cơ sở còn yếu. Dọc giáp ranh và nơi có địa thế ở đồng bằng, cần tích cực củng cố và phát triển các đội vũ trang công tác với chất lượng bảo đảm, tổ chức nhỏ, gọn (nhiều nhất đến tiểu đội), làm nhiệm vụ hoạt động hỗ trợ cho đấu tranh của quần chúng, bảo vệ cán bộ cơ quan, góp phần xây dựng cơ sở, khống chế bọn gian ác, tiến đến có thể tạo thành một tuyến vũ trang tuyên truyền ở giáp ranh.

Nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang tuyên truyền nói chung là học tập chính trị và quân sự, sản xuất tự túc, dân vận, đấu dốt tự vệ nhân dân và tự vệ bí mật, sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết. Có thể vừa xây dựng vừa hoạt động và nhằm nhu cầu hoạt động mà xây dựng cho phù hợp, tránh giáo điều, công thức.

Các cấp cần đặc biệt lãnh đạo lực lượng vũ trang tuyên truyền về mọi mặt nhất là: tích cực rút người, sản xuất tự túc để có điều kiện phát triển lực lượng, cố gắng đào tạo cán bộ kịp với nhu cầu; chú ý công tác chính trị; xây dựng Đảng để bảo đảm cho đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang.

5. *Xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức, gắn chặt vào quần chúng, đủ sức lãnh đạo phong trào*

Nắm vững nhiệm vụ xây dựng Đảng là công tác trung tâm có tính chất quyết định; xây dựng tư tưởng là chủ yếu, đồng thời đặc biệt xúc tiến xây dựng chi bộ, chú trọng đào tạo và bảo vệ cán bộ, kiện toàn chỉ đạo.

Về tư tưởng, nhằm những yêu cầu chính là: thấm nhuần đường lối phương châm; nêu cao dũng khí, quyết tâm thắng địch; vượt mọi gian khổ, khắc phục tư tưởng rụt rè, nôn nóng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ; nâng cao phương pháp công tác, nhất là công tác bí mật triệt để, đi đúng đường lối quần chúng; học tập kinh nghiệm thực tế; trên cơ sở đó và kết hợp học tập lý luận mà nâng phương pháp tư tưởng lên.

Hình thức giáo dục chủ yếu là hội nghị học tập, cá nhân tự nghiên cứu, ra tài liệu và nội san học tập, có nội dung đúng, thống nhất cho từng đối tượng; Khu cố gắng ra nội san cho cán bộ và mở trường đào tạo cán bộ từ huyện ủy trở lên; tỉnh có tài liệu và báo phát hành đến cơ sở, có thể mở lớp cho một số cán bộ huyện và đào tạo xã ủy, bí thư chi bộ. Phương pháp học tập quan trọng là lý luận liên hệ thực tế, tự phê bình và phê bình.

Các cấp phải có đồng chí cấp ủy phụ trách tuyên huấn và một số cán bộ tuyên huấn giúp việc.

Về cơ sở, phải dựa trên cơ sở bảo tồn, củng cố lực lượng hiện có mà tích cực phát triển lực lượng mới và xây dựng tổ chức; trước hết nhằm những vùng giáp ranh, nơi phong trào khá nhưng bị dớt ở đồng bằng nơi đông dân, dọc giao thông quan trọng, những thành phố quan trọng và có điều kiện, nơi có cơ sở ở miền núi.

Xây dựng, phát triển chi bộ thành hạt nhân sâu rộng trong phong trào và thành những dinh lũy chiến đấu, đi đến tự động công tác. Tích cực, mạnh dạn tạo mọi điều kiện xây dựng cho được chi bộ ở những nơi có cơ sở, có phong trào quần chúng, và

phải thường xuyên bồi dưỡng, củng cố chi bộ về các mặt: bền bỉ chiến đấu, gan góc chịu đựng; nắm vững đường lối phương châm, sách lược, giữ vững bí mật, để phòng nội gián, gọn, nhẹ, trọng chất hơn lượng; được quần chúng bao bọc, che chở; liên hệ mật thiết với quần chúng và lãnh đạo quần chúng thông qua trung kiên; đoàn kết nhất trí; có lực lượng dự bị để phòng khi bị vỡ.

Đi đôi với xây dựng chi bộ phải đồng thời xây dựng và sử dụng đảng viên đơn tuyến, nhất là đối với thành phố và nông thôn đồng bằng; tích cực xây dựng thanh niên lao động vì vai trò quan trọng của nó gần như chi bộ. Ở những nơi chưa đủ điều kiện xây dựng chi bộ hoặc thanh niên lao động, tạm thời lập ban cán sự quần chúng chất lượng bảo đảm. Những nơi chưa có các tổ chức trên thì tạm thời cho hai, ba trung kiên vững nhất liên hệ nhau làm công tác.

Xã uỷ là trung tâm lãnh đạo ở xã, nếu có chi bộ mà không có xã uỷ thì việc chỉ đạo vẫn chậm chạp và gặp nhiều khó khăn. Cho nên nơi nào có hai chi bộ trở lên cần mạnh dạn thành lập xã uỷ. Nhưng muốn thành lập và xã uỷ có thể thực tế lãnh đạo được phong trào, phải đặc biệt bồi dưỡng và mạnh dạn giao việc cho những đồng chí khá nhất trong chi bộ để tạo thành xã uỷ viên; phải tổ chức giao thông liên lạc giữa xã uỷ với chi bộ; có kế hoạch thoát ly cho xã uỷ viên khi bị lộ.

Về cán bộ, phải tích cực bồi dưỡng bảo vệ lực lượng cán bộ sẵn có; mạnh dạn đào tạo và đề bạt cán bộ, nhất là cán bộ công tác ở cơ sở, cần sống hợp pháp trong quần chúng, cán bộ dân tộc và cán bộ cho các lực lượng vũ trang, chú ý cán bộ mới, trẻ tuổi trong thanh niên phụ nữ. Nắm vững chính sách cán bộ, trước hết chú trọng những cán bộ thành phần cơ bản vững vàng, kiên quyết; theo đúng tiêu chuẩn đức, tài, đức là căn bản, tài có triển vọng. Tổ chức lại việc quản lý cán bộ để có chính sách đúng đắn và tận dụng được khả năng của cán bộ.

Tăng cường chỉ đạo ở các cấp, bảo đảm nắm tình hình thật sát từ dưới lên trên, chỉ đạo thông suốt và nhanh chóng từ trên xuống dưới. Phải xây dựng hành lang, kiện toàn và phát triển giao thông liên lạc bằng mọi phương tiện, nhất là giữa tỉnh, huyện, xã với nhau, tận dụng mọi khả năng giao thông hợp pháp ở đồng bằng, thành thị. Đề cao ý thức tổ chức và kỷ luật, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, thỉnh thị; tổng kết kinh nghiệm, trao đổi và phổ biến kịp thời. Thực hiện đúng nền nếp sinh hoạt thường kỳ ở mỗi cấp, bảo đảm dân chủ, tăng cường tập thể trong các cấp, nhất là thường vụ các cấp ủy.

*
* *

Để thực hiện những nhiệm vụ đã đề ra, về chỉ đạo cần chú ý:

Coi trọng công tác lãnh đạo tư tưởng để bảo đảm thực hiện đúng đắn đường lối, phương châm, sách lược và các nhiệm vụ; nâng cao lập trường quyết tâm thắng địch, khắc phục tư tưởng nôn nóng, rụt rè, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, chịu đựng mọi gian khổ. Luôn luôn nắm vững và thực hiện đúng đắn *quan hệ giữa ba vùng* trong Liên khu để bảo đảm xây dựng căn cứ địa vững chắc, phát triển mạnh mẽ phong trào đồng bằng và thành thị. Nắm vững *quan hệ giữa xây dựng lực lượng và đấu tranh chống địch*, giữa sử dụng hình thức đấu tranh chính trị và sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang hỗ trợ để bảo tồn và phát triển lực lượng đẩy lùi và thắng địch từng bước một. Chú trọng công tác giao thông liên lạc, bảo đảm chỉ đạo nhanh chóng trong mọi tình hình. Quyết tâm đi sát thực tế, nắm chặt tình hình để chỉ đạo kịp thời, linh hoạt; hết sức bí mật, cảnh giác; đề cao ý thức tổ chức và kỷ luật; tổng kết và phổ biến kinh nghiệm; đi đúng đường lối quần chúng; thực hiện dân chủ, cố gắng tập thể.

-	Đông khởi - Nét đặc sắc về nghệ thuật lãnh đạo khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng TS. NGUYỄN XUÂN MINH	89	-	Đông khởi, bước ngoặt căn bản của cách mạng miền Nam PGS, TS. LÊ VĂN YÊN	208
-	Từ thế giữ gìn lực lượng lên khởi nghĩa từng phần - Bước chuyển sáng tạo của cách mạng miền Nam ThS. TRẦN PHƯƠNG THÚY	103	-	Phong trào Đông khởi ở Bình Định GS, TS. NGUYỄN NGỌC CƠ ThS. NGUYỄN ĐÌNH SIM	224
-	Phong trào Đông khởi - Nghệ thuật mở đầu chiến tranh cách mạng Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) Thiếu tá, ThS. NGUYỄN VĂN QUYẾN	121	-	Bác Ái thổi bùng ngọn lửa Đông khởi ở cực Nam Trung Bộ HỒ VĂN HÙNG	247
-	Xứ ủy Nam Bộ trong những năm đầu của cách mạng miền Nam (1954 - 1960) ThS. LÊ XUÂN AN	130	-	Bức xúc chính trị - xã hội dồn nén dẫn đến cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (8-1959) PGS, TS. ĐINH THU CÚC	259
-	Lãnh đạo, tổ chức quần chúng tiến lên đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang - Sự linh hoạt và sáng tạo của các tổ chức đảng ở miền Nam Thượng úy, ThS. LÊ VĂN CỬ	141	-	Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi - Ngọn cờ đầu, một điển hình sáng tạo về sử dụng phương thức bạo lực trong cao trào khởi nghĩa từng phần ở miền Nam (1959-1960) PGS, NGND. LÊ MẬU HẪN	265
-	Đông khởi năm 1960 - Một minh chứng sống động khẳng định vai trò "dòn xeo" của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước Đại tá, TS. NGUYỄN HUY THỰC	157	-	Tầm vóc cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi và tác động của nó trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam Đại tá NGUYỄN VĂN MINH	272
-	Lực lượng vũ trang trong phong trào Đông khởi ở miền Nam (1959-1960) Đại úy LÊ QUANG LẠNG	173	-	Từ chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung đến phong trào Đông khởi ở Trung Nam Bộ TS. TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH	281
-	Nông dân miền Nam trong phong trào Đông khởi (1959-1960) TS. LÊ VĂN THỊNH	182	-	Nghệ thuật chỉ đạo và tổ chức thực hành Đông khởi ở Nam Bộ Đại tá, TS. NGUYỄN XUÂN NĂNG	291
-	Phong trào Đông khởi và sự ra đời của "đội quân tóc dài" Trung tá PHÙNG THỊ HOAN	200	-	Ý nghĩa thắng lợi của phong trào Đông khởi 1959-1960 ở đồng bằng sông Cửu Long trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước Thiếu tướng, TS. PHẠM VĂN THẠCH	302

-	Đông khởi Bến Tre - 50 năm nhìn lại PGS. TS. TRINH MUU	310
-	Trận Tua Hai giá trị vượt hơn một trận đánh TRẦN BẠCH ĐĂNG	319
-	Chiến thắng Tua Hai và phong trào Đông khởi năm 1960 LÊ MINH TRỌNG	325
-	Bạc Liêu trong phong trào Đông khởi ThS. ĐÀO THỊ BÍCH HỒNG	331
-	Một trận đánh giành dân với nghệ thuật quân sự Việt Nam Trung tướng BÙI CÔNG ÁI	342
-	Phong trào Đông khởi ở bắc Tây Nguyên trong những năm 1959-1960 PGS. TS. NGUYỄN THANH TÂM	349
-	Hoà Thịnh (Tuy Hoà, Phú Yên) - Điểm mở đầu phong trào Đông khởi ở đồng bằng Khu V LÊ SON TÙNG	363
-	Nguyễn Thị Định - Linh hồn của cuộc Đông khởi Bến Tre năm 1960 TS. VŨ THỊ HOÀ	372
-	Phong trào Đông khởi qua những trang viết trên tạp chí Lịch sử quân sự Đại tá, TS. TRẦN NGỌC LONG	387
	<i>Phần thứ hai</i> MỘT SỐ VĂN KIẾN LỊCH SỬ	397
-	Đường lối cách mạng miền Nam	399
-	Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) về tình hình miền Nam	437

-	Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà	487
-	Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ IV	520
-	Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ V, tháng 7 năm 1960	547
-	Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) ngày 4 tháng 5 năm 1960	579

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
PGS, TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập: VÕ VĂN BÉ
NGUYỄN HƯƠNG
Vẽ bìa: HÀ LAN
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: NGUYỄN HƯƠNG